TOÀN TẬP CÁC BÀI GIẢNG KINH TẠNG Những Bài Giảng Kinh Tương Ưng- Tỳ Kheo Giác Nguyên giảng

Tập 3

Contents

Bài giảng ngày 25-10-2014 CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN 4
Bài giảng ngày 28-10-2014 THUYẾT PHÁP, PHÂN BIỆT (1) 17
Bài giảng ngày 30-10-2014 THUYẾT PHÁP, PHÂN BIỆT (2) 21
Bài giảng ngày 1-11-2014 THUYẾT PHÁP, PHÂN BIỆT (3) 30
Bài giảng ngày 4-11-2014 CÁC LOẠI ĐỒ ĂN (tt) 44
Bài giảng ngày 6-11-2014 MOLIYA PHAGGUNA (tt) 53
Bài giảng ngày 08-11-2014 BẬC HIỀN SO SÁNH VỚI KẺ NGU (Bālapaṇḍitasutta) 64
Bài giảng ngày 11-11-2014 Ôn lại nội dung của hệ thống 12 Duyên khởi 72
Bài giảng ngày 13-11-2014 PHẨM MƯỜI LỰC (DASABALAVAGGO) 81
Bài giảng ngày 15-11-2014 THẬP LỰC (Dasabalasutta) (tt) 94
Bài giảng ngày 18-11-2014 Ôn lại bài kinh hôm trước. 107
Bài giảng ngày 22-11-2014 NGOẠI ĐẠO 117
Bài giảng ngày 27-11-2014 SANH (Bhūtasutta) 126
Bài giảng ngày 29-11-2014 CĂN BẢN CỦA TRÍ (tt) 141
Bài giảng ngày 02-12-2014 DO DUYÊN VÔ MINH 151
Bài giảng ngày 04-12-2014 NĂM HẬN THÙ SỢ HÃI 161
Bài giảng ngày 09-12-2014 MỘT VỊ BÀN MÔN 170
Bài giảng ngày 11-12-2014 THÁNH ĐỆ TỬ 177
Bài giảng ngày 13-12-2014 THỦ 186
Bài giảng ngày 16-12-2014 PHÀM PHU (Assutavāsutta) (1) (2) 194
Bài giảng ngày 01-01-2015 THỊT ĐỨA CON 199
Bài giảng ngày 03-01-2015 Ôn lại Tứ Thực 209
Bài giảng ngày 08-01-2015 NỘI XÚC (tt) 220
Bài giảng ngày 10-01-2015 SUSĪMA 231
Bài giảng ngày 13-01-2015 ĐẦU NGÓN TAY (tt) 240
Bài giảng ngày 16-01-2015 GIỚI SAI BIỆT (Nanadhatusutta) 244
Bài giảng ngày 17-01-2015 Ôn lại các kinh ngày hôm qua một chút. 253
Bài giảng ngày 22-01-2015 KHÔNG PHẢI NHƯ VẬY 261
Bài giảng ngày 24-1-2015 CĂN NHÀ GẠCH (tt) 277
Bài giảng ngày 31-1-2015 NĂM HỌC GIỚI (tt) 288
Bài giảng ngày 3-2-2015 Ôn sơ về phẩm trước 299
Bài giảng ngày 5-2-2015 CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG VÔ THỈ 310

Bài giảng ngày 7-2-2015 TƯƠNG ƯNG KASSAPA (Ca-diếp) 321
Bài giảng ngày 10-2-2015 phẩm Ca-Diếp 332
Bài giảng ngày 12-2-2015 TƯƠNG ƯNG LỢI ĐẮC 349
Bài giảng ngày 14-2-2015 TƯƠNG ƯNG THÍ DỤ 361
Bài giảng ngày 17-2-2015 TƯƠNG ƯNG THÍ DỤ 373
Bài giảng ngày 19-2-2015 KINH THIỆN SANH 385
Bài giảng ngày 21-2-2015 VISĀKHA 393

Bài giảng ngày 25-10-2014 CHƯƠNG I. TƯƠNG ƯNG NHÂN DUYÊN

PHẨM PHẬT ĐÀ

THUYẾT PHÁP (Paṭiccasamuppādasutta),

PHÂN BIỆT (Vibhaṅgasutta)

Sáng nay mình học chương Nhân Duyên. Quí vị cho tôi nói câu này hơi khó nghe là có lẽ mình nên có cuốn Triết Học A-tỳ-đàm chúng tôi mới vừa in cách đây không lâu. Trong đó có một chương nói về giáo lý Duyên khởi tôi cho là có thể được xem là tài liệu tương đối dễ đọc. Dĩ nhiên cho đến hôm nay chúng ta có rất nhiều tài liệu tham khảo nhưng ở đây chúng tôi chỉ nhắc cuốn đó vì lý do đơn giản là nội dung của nó tương đối mềm, không đến nỗi khô khan, không quá sâu hay quá rộng, sách trình bày một cách khá dễ hiểu cho đại chúng không chuyên. Cũng nói thiệt luôn là quyển đó chúng tôi in và chỉ riêng phát hành ở Mỹ hiện giờ đã đủ lấy lại vốn để tiếp tục in những cuốn khác rồi. Còn trong nước phát hành nếu chính tay chúng tôi trao cho các vị Phật tử thì không lấy tiền nữa. Nhưng khổ một chỗ chính vì không phải tự tay mình đưa nên có nhiều người không cần họ vẫn lấy, trong khi có những người cần mà không có. Đây là lý do chúng tôi rất băn khoăn. Nếu thông báo cho không thì sẽ có nhiều người không cần cũng ngứa tay lấy, lấy về lót nồi. Lót nồi thì đỡ, lót ngồi mới thảm. Cuối cùng thì chúng tôi hội ý một số vị thân cận thì họ nói cứ phải sòng phẳng thôi. Nếu người không cần mà vẫn lấy thì mình không đủ sách để cho, còn những người nào xứng đáng có mà có nghèo thì chẳng thà họ cắn răng bỏ tiền ra ít có đau hơn là mình cho không mà người ta đem về lót nồi hoặc lót ngồi, trường hợp đó tôi biết rất là nhiều. Ở bên Tampa có rất nhiều chùa, nhiều cư sĩ, tu sĩ in sách xong rồi phát tâm bồ đề gởi cho các chùa, mỗi chùa vài thùng. Tôi về chùa thấy chất cả núi, hết chùa này đến chùa khác, nhìn mà chạnh lòng. Ấn tống thì tốt, nhưng người ta không cần mà mình cứ cho thì tiền đâu mà chịu nổi, thảm nhất đó là kinh, in rồi thả trôi nổi trong nhân gian thì đau lòng quá đi. Các vị hỏi sao tôi không đưa lên mạng free. Cũng có lý do, chúng tôi cũng cần tiền để sinh hoạt chứ, chúng tôi không có chùa, tôi chủ trương đi theo con đường của các vị sư Tây Phương, họ sống trong apartment nhỏ ở London hay Paris gì đó, rồi viết sách, in sách. Chúng ta cũng biết HT Thích Nhất Hạnh ở Làng Mai có một lượng sách rất là lớn. Khi chúng tôi về Berlin, vô trong mấy nhà sách thấy sách bằng tiếng Đức riêng của HT Nhất Hạnh cả sải tay lận. Kinh Phật trong mấy nhà sách lớn của Đức, của Thụy Sĩ rất

nhiều, đó cũng là điều đáng khích lệ. Chưa kể của Pāḷi Text Society London, sách của họ in ra rất đắt tiền, cuốn rất là mỏng khoảng chừng gần hai trăm trang nhưng họ sẵn sàng cho cái giá tới ba bốn chục đô la. Tôi thấy hơi ác nhưng ngẫm lại cũng đúng, bởi vì họ cần kinh phí để sử dụng chuyện khác, chẳng hạn để giải quyết vấn đề nhân sự. Khi cần đến tiền thì họ bắt buộc phải có ngân quỹ, không thể ngửa tay xin người ta hoài. Nói gì thì nói, bán sách vẫn không kỳ bằng ngửa tay đi xin, quyên hoài kỳ lắm. Tôi là tu sĩ mà mỗi lần thấy người ta quyên tiền tôi khó chịu lắm. Dĩ nhiên quí vị có quyền nghĩ tôi như thế nào đó mà khó chịu thì tùy, riêng bản thân tôi, tôi thấy chuyện đó phản cảm lắm. Tôi nghĩ thôi thà bán sách vẫn tốt hơn. Nãy giờ xin lạc đề một chút. Có lẽ quí vị nên có cuốn đó, đỡ cực cho quí vị mà cũng đỡ cực cho tôi. Chẳng hạn như sáng nay chúng ta học về phẩm Nhân Duyên, cái này mà nói tới nơi tới chốn thì tôi chỉ có thể nói một điều: chỉ có vị Chánh Đẳng Chánh Giác mới hiểu tới nơi tới chốn lý Duyên khởi thôi. Nghĩa là Ngài tự mình hiểu lý Duyên khởi đủ để thành Phật, đồng thời hiểu đủ để thuyết giảng trình bày phân tích vô số cách cho vô số căn cơ khác nhau. Điểm này là Thanh văn làm không nổi. Thí dụ, chúng ta biết giáo lý Duyên khởi nói về dòng sanh tử của mình được bắt đầu như thế nào, công thức nổi tiếng nhất thường gặp nhất đó là: Do vô minh trong Tứ đế nên mới dẫn đến ba hướng sống gọi là ba hành, vô minh duyên hành từ hành dẫn đến thức (là thức tái tục), thức duyên danh sắc (là danh sắc thời tái tục), từ danh sắc tái tục đó mới tạo ra lục nhập (là 6 căn), từ sáu căn đó mới duyên cho xúc, xúc duyên thọ v.v... Đây là công thức rất nổi tiếng mà nhiều người hiểu lầm cứ hình dung đó là một đường thẳng. Vậy là kẹt lắm. Để rõ vấn đề này chúng ta chỉ còn có một cách là tham khảo thêm, chớ nói về giáo lý Duyên khởi trong khuôn khổ một buổi giảng như thế này thì phải nói là tôi nói từ đây trở đi đúng 12 tháng lòng tôi cũng chưa thấy thỏa mãn nữa. Nhưng như vậy thì chết rồi, không lẽ nguyên một lớp học chỉ lấy tên là giáo lý Duyên khởi sao. Vì vậy tôi chỉ trình bày một phần thôi, một phần quí vị về đọc thêm. Trước mắt giới thiệu quyển nào thì chúng tôi chịu trách nhiệm quyển đó, đó là quyển Triết Học A-tỳ-đàm của PG Truyền Thống - TK Giác Nguyên, tập một nói về A-tỳ-đàm sơ học, tập hai nói về nghiệp lý và vấn đề tái sanh của PGNT và trong đó có một chương nói về sự phát triển của PG hậu thời thông qua sự phát triển của giáo lý A-tỳ-đàm qua các Bộ phái. Tôi nghĩ bà con nên có quyển đó.

Theo chú giải, trên đời này có bốn hạng chúng sanh:

1- 1- *Ugghaṭitaññū*: *nghe qua một câu đã chứng đạo*. '*Ñu'* là người hiểu biết, chỉ nghe một câu là chứng, như ngài Xá Lợi Phất.

2- 2- *Vipañcitaññū*: *nghe giải thích rộng rãi mới chứng đạo*.

3- 3- *Neyyo*: *phải được hướng dẫn cặn kẽ rồi nỗ lực qua năm dài tháng rộng mới chứng đạo.*

4- 4- *Padaparamo*: *tối đa chỉ có thể trở thành người uyên bác về lý thuyết, không thể chứng đạo.*

Trong phẩm Nhân Duyên này bắt đầu bằng hai bài kinh, bài đầu tiên rất ngắn gọn: *"Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ nói cho các Ông về lý Duyên khởi. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng... Này các Tỷ-kheo, thế nào là lý Duyên khởi?*

Này các Tỷ-kheo, vô minh duyên hành; hành duyên thức; ...như vậy gọi là tập khởi". Chỉ nói như vậy mà các tỷ kheo nghe xong bài kinh này đều đắc quả A-la-hán hết. Theo chú giải, bài kinh đầu tiên này (có tựa đề Thuyết Pháp) được giảng có các vị tỷ kheo thuộc hạng thứ nhất - các vị tỷ kheo hạng tốc trí (*Ugghatitaññu*). Bài kinh thứ hai (tựa đề Phân Biệt) dành cho các vị tỷ kheo chậm hơn một chút (*Vipañcitaññu*).

Hạng *Neyyo* phải được hướng dẫn cặn kẽ, thí dụ cho họ xuất gia, dạy họ đắp y, mang bát, đi đứng sinh hoạt thế nào cho phải phép hợp luật, hướng dẫn họ cách sống hạnh đầu đà, vô rừng sâu núi thẳm nghĩa địa tha ma, sống ly dục tri túc, từ bỏ quan hệ mật thiết với cư sĩ, không đi sớm về khuya v.v... Thậm chí trong kinh kể có những vị tỷ kheo tinh tấn đến mức những đêm tối mùa đông họ xuống dòng suối ngâm nửa người dưới nước, còn nửa trên thì lấy cỏ khô nhúng nước đội trên đầu cho khỏi buồn ngủ để hành thiền. Có vị tinh tấn như vậy suốt 12 năm mới chứng quả A-la-hán. Có nhiều chuyện chỉ nghe nói mình không thấy khổ chứ hạnh khất thực của chư tăng khổ đoạn trường. Đồ khất thực, mình đâu có biết người ta cho mình ăn đồ dơ hay sạch. Mỗi nhà có cách bảo quản thức ăn riêng, có nhà thì gián chuột nhiều nhưng họ đậy sơ sài, tới giờ mình đi ngang họ múc ra để vô bát. Chưa kể trong nhà có trẻ con, có người già, người lẫn, họ vọc hay làm dơ mình đâu biết. Chủ nhà cứ múc mang ra để bát cho mình ăn, đồ nguội lạnh tanh hôi ê, nước cốt dừa dầu mỡ tùm lum hết, những thứ đó hàng xuất gia phải chịu, phải ráng mà ăn, phải nuốt. Trong chú giải nói bữa ăn đầu tiên trong đời xuất gia của Bồ tát Tất Đạt, khi Ngài nhận bát thức ăn Ngài ngồi nhìn mà nghe lạnh xương sống. Không dùng muỗng nĩa mà dùng tay. Trộn tất cả các thứ lại, vo tròn một miếng, vừa để vào miệng là Ngài muốn mửa rồi. Ngài không quen nhưng phải ráng nuốt. Nếu tu đúng theo hạnh xuất gia nguyên thủy thì không phải là chuyện giỡn. Nói ra cái này sốc dữ lắm nè, nếu mà tu đúng theo PGNT, chỉ cần

bây giờ cấm không cho giữ tiền, cấm không cho tiếp xúc thoải mái với cư sĩ thì số lượng tăng chúng sẽ giảm còn một phần mười thôi. Nghĩa là bây giờ anh cạo đầu rồi anh phải ôm bát, anh không được quyền nhận tiền, không được quyền sở hữu tài sản cá nhân, không được quyền tiếp xúc cư sĩ thoải mái, không có vụ học trò đệ tử bạn bè thân quen hỗ trợ cá nhân v.v... thì tăng chúng trên toàn cầu chỉ còn một phần mười thôi. Tôi nhấn mạnh chỗ này vì tôi đang giảng về hạng Neyyo, hạng này phải được hướng dẫn cặn kẽ là vậy.

Hạng thứ tư (*Padaparamo)* gồm hai trường hợp: Không đủ phước duyên hoặc có đại nguyện chi đó (‘*pada’*: ‘từ chương’, ‘chữ nghĩa’; ‘*paramo’*: ‘tối đa’. ‘*Padaparamo’:* hạng này tối đa là ở mức lý thuyết, mọt sách thôi). Thí dụ như đạo sĩ Sarada tiền thân ngài Xá Lợi Phất, hoặc đạo sĩ Sumedha tiền thân Bồ tát. Cả hai vị đạo sĩ này lúc gặp Phật quá khứ đều có khả năng chứng quả La-Hán hết nhưng vì có đại nguyện riêng, một vị nguyện trở thành Chánh Đẳng Giác, một vị nguyện trở thành Đệ nhất trí tuệ nên tối đa cũng chỉ là về mặt lý thuyết thôi không thể chứng đạo được. Trong khi hạng thứ hai không chứng không phải vì đại nguyện mà vì không đủ phước duyên. Hạng thứ tư thì không đủ phước duyên hoặc có đại nguyện.

Do không biết Tứ đế là gì nên kẻ phàm phu tùy sức chọn một trong ba hướng sống, gọi theo từ chuyên môn là ba hành. Ba hành ở đây có nhiều cách nói. Trong chánh kinh có hai cách giải thích:

1- Thân hành, khẩu hành, ý hành.

2- Phi phúc hành (ác nghiệp), phúc hành (thiện Dục giới và Sắc giới), bất động hành (thiện Vô sắc giới).

Ôn lại Ôn lại *Vô minh trong Tứ đế:*

- - *Vô minh trong khổ đế* là không biết hiện hữu là khổ

- - *Vô minh trong tập đế* là không biết mọi ham thích là nguồn khổ

- - *Vô minh trong diệt đế* là không biết có một cứu cánh chấm dứt khổ đế (Vô dư Niết bàn) và chấm dứt tập đế (Hữu dư Niết bàn)

- - *Vô minh trong đạo đế* là không biết lý tưởng Bát Chánh Đạo là con đường dứt khổ.

Các vị có để ý là tôi ghi là "Các vị có để ý là tôi ghi là "*lý tưởng Bát Chánh Đạo"*chớ không phải Bát Chánh Đạo. Tại sao tôi không gọi là Bát Chánh Đạo mà gọi là lý tưởng Bát Chánh Đạo?

Là vì cái tinh thần! Có lúc Bát Chánh Đạo là số 8, có lúc chỉ là số 3, số 1, số 2, số 7, số 5, có lúc là số 6 v.v... Vì vậy ở đây chỉ nói là lý tưởng thôi, còn cách trình bày và trong thực tế hành trì không giống nhau. Số 8 là Bát Chánh Đạo, chỉ riêng giải thích chánh kiến là mất bao nhiêu thời gian rồi. Vì vậy tôi đề nghị bà con phải có bằng được quyển A-tỳ-đàm, chứ còn sáng nay giảng *vô minh* thôi là đã hết giờ.

Vô minh trong khổ đế là không biết rằng mọi hiện hữu là khổ, nghĩa là cái gì trên đời này cái gì cũng do duyên mà có, có rồi thì phải bị vô thường thay đổi, hễ có sanh thì có tử, hễ có khổ thì có lạc, hễ có lạc thì dứt khoát ngàn phần trăm là sẽ có khổ. Chính vì chỗ này nên mới nói hiện hữu là khổ. Mối quan hệ giữa khổ và lạc như nắm tay và bàn tay. Nắm hay mở cũng chỉ là bàn tay đó.

Chính vì không biết mọi hiện hữu là khổ nên khi bị khổ liền tìm cách giải quyết, bằng những cái mình thích. Đói thì đi tìm cái ăn, khát thì đi tìm cái uống, nóng thì làm cho mát, lạnh thì làm cho ấm, nhung nhớ thì tìm cách gặp mặt, chán ghét thì tìm cách chia tay, cứ như vậy suốt dòng sanh tử, giải quyết cái ghét bằng cái thích mà không biết cái thích là cái gốc của các khổ, chính điểm này mới gọi là *vô minh trong tập đế*. Cứ tưởng làm trâu làm chó mới khổ, làm người làm chư thiên mới sướng, thật ra làm trâu làm chó khổ một kiểu làm chư thiên cũng khổ kiểu khác, có sanh ra chết đi là nản rồi. Vì không thấy vậy nên cứ mong hưởng cái này cái kia, mong được sanh về cõi này cõi nọ, còn mong là còn tạo tác thiện ác, còn thiện ác thì còn tái sanh. Phạm thiên cao nhất cũng vẫn sa đọa trở về cảnh như cũ. Theo trong Tỳ Bà Sa, ông Uddaka Ramaputta, thầy dạy thiền Chỉ cho Bồ tát Tất Đạt tầng Phi Tưởng Phi Phi Tưởng hiện đang trên cõi Vô Sắc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, sau này mãn thọ trở xuống sanh làm người một kiếp rồi đọa làm chồn. Một người tu hành ghê gớm như vậy, lên tới trển rồi, hết tuổi thọ rồi cũng phải trở xuống, cũng phải làm con này con kia. Người trí thấy được sẽ sợ điều đó. Quí vị sẽ hỏi: . Cứ tưởng làm trâu làm chó mới khổ, làm người làm chư thiên mới sướng, thật ra làm trâu làm chó khổ một kiểu làm chư thiên cũng khổ kiểu khác, có sanh ra chết đi là nản rồi. Vì không thấy vậy nên cứ mong hưởng cái này cái kia, mong được sanh về cõi này cõi nọ, còn mong là còn tạo tác thiện ác, còn thiện ác thì còn tái sanh. Phạm thiên cao nhất cũng vẫn sa đọa trở về cảnh như cũ. Theo trong Tỳ Bà Sa, ông Uddaka Ramaputta, thầy dạy thiền Chỉ cho Bồ tát Tất

Đạt tầng Phi Tưởng Phi Phi Tưởng hiện đang trên cõi Vô Sắc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, sau này mãn thọ trở xuống sanh làm người một kiếp rồi đọa làm chồn. Một người tu hành ghê gớm như vậy, lên tới trển rồi, hết tuổi thọ rồi cũng phải trở xuống, cũng phải làm con này con kia. Người trí thấy được sẽ sợ điều đó. Quí vị sẽ hỏi: **"Tại sao tôi tin phải Phật, dựa vào đâu mà tôi tin chuyện đầu thai tái sanh để sợ, để có nhận thức Tứ đế như Sư đề nghị?**

" Tôi trả lời vắn tắt thôi. Tôi đọc sách hơi nhiều, tôi có đọc kinh Qur'an, đọc Thánh kinh, đọc Nam Hoa kinh, Đạo đức kinh, đọc giáo lý thần học của Tin Lành, của Cơ Đốc, đọc giáo lý của Cao Đài v.v... và xét thấy nếu tôi không phải là tu sĩ PG, không phải là tín đồ PG, cũng phải thừa nhận rằng lý thuyết của PGNT vẫn đáng để mình bận tâm nhất, ít ra cũng là tài liệu tham khảo. Còn đọc những thứ kia thì thấy phải nói là trớt quớt. Trong room có thể có những người không phải là Phật tử hoặc Phật tử kiểu bà ngoại đi chùa thì má đi chùa, má đi chùa thì mình đi chùa, đi chùa mà không có lý tưởng giải thoát, không phải là hạng mà Đức Phật gọi là '*Paralokabhayadassavi' - kẻ biết ưu tư khi nghĩ về đời sau kiếp khác*. ('*bhayadassavi'*: 'biết sợ'; '*paraloka'*: 'đời sau kiếp khác')- người cầu đạo giải thoát. Còn có những người đi chùa theo nếp nhà, hoặc do bạn rủ ngày tết đi cúng thập tự, thấy đi chùa vui nên thành Phật tử, hoặc những người đến chùa do có sự hôn quan tang tế trong gia đình, hoặc đến chùa do cuộc gặp ngẫu nhiên với tăng ni, hoặc tình cờ đọc cuốn sách nào đó, hoặc vì bế tắc hay thất cơ lỡ vận "đời máu lệ tràn đầy khóe mắt, ngàn đau thương trút hết về chùa", cuối cùng về chùa thành Phật tử. Những người vậy tôi gọi là Phật tử tào lao, Phật tử không có lý tưởng giải thoát gì hết. Dù có dễ duôi cỡ nào cũng phải nhớ một điều, không lý nào mình trên trời rớt xuống, dưới đất chun lên sống mấy chục năm rồi mất tiêu như một làn khói?

Chỉ suy nghĩ đó đủ cho mình trở thành một người Phật tử rồi. Vì vậy, hạng thứ ba vô minh là vì không biết có một cứu cánh chấm dứt khổ và tập, đó là *vô minh trong diệt đế.*

Vô minh trong đạo đế là không biết rằng lý tưởng Bát Chánh Đạo là con đường hết khổ. Người không có niềm tin thì thôi, còn người biết ưu tư khi nghĩ về đời sau kiếp khác thì phải biết lý tưởng Bát Chánh Đạo là lý tưởng sống rất khoa học. Lý tưởng này là không biết rằng lý tưởng Bát Chánh Đạo là con đường hết khổ. Người không có niềm tin thì thôi, còn người biết ưu tư khi nghĩ về đời sau kiếp khác thì phải biết lý tưởng Bát Chánh Đạo là lý tưởng sống rất khoa học. Lý tưởng này **dạy ta biết bản chất nhân duyên và phù du của đời sống** qua cái

gọi là Chánh kiến. (Chánh kiến là thấy Nghiệp lý và Tam tướng). Tinh thần Bát Chánh Đạo qua cái gọi là Chánh kiến. (Chánh kiến là thấy Nghiệp lý và Tam tướng). Tinh thần Bát Chánh Đạo **dạy ta sống chừng mực hơn**, kiểu sống không để lại hối hận. Tinh thần Bát Chánh Đạo , kiểu sống không để lại hối hận. Tinh thần Bát Chánh Đạo **dạy ta sống tỉnh thức** vì mọi đau khổ trên đời đều đi ra từ sự manh động, mù quáng, thiếu tỉnh thức.

[86] Lý tưởng Bát Chánh Đạo (qua các con số)

Khi nói Bát Chánh Đạo là các con số:

- Số 1: Không dễ duôi (*appamada*)

- Số 2: Chỉ và quán, hoặc tu thân và tu tâm

- Số 3: Tam học (giới, định, tuệ)

- Số 4: Hiểu và sống theo trí tuệ trong bốn đế

- Số 5: Phát triển tối đa năm quyền (tín, tấn, niệm, định, tuệ).

- Số 6: Làm chủ 6 căn, không để mình thích hay ghét trong 6 trần cảnh, chúng ra sao thì thản nhiên ghi nhận như vậy.

- Số 7: Thất giác chi, 7 yếu tố tâm linh phải có ở người cầu giác ngộ hay ở bậc đã giác ngộ.

- Số 8: Bát Chánh Đạo

Tất cả những con số này gọi chung là tinh thần hay lý tưởng Bát Chánh Đạo. Tôi không nói Bát Chánh Đạo mà nói tinh thần Bát Chánh Đạo là như vậy. Con số 8 này là con số ước lệ trong trường hợp đó thôi. Trong 37 Phẩm Trợ Đạo hay còn gọi là *Bồ đề phần* (*Bodhipakkhiya*), A chính là B. Người cầu đạo giải thoát phải nhớ những cái này, muốn tu giải thoát thì phải tu tập 37 Bồ đề phần, trong đó Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo, những tên gọi khác nhau nhưng tinh thần y hệt nhau. Có nhiều người không nói rõ điều này nên khi tiếp xúc với người ngoài PG, cứ ôm khư khư con số 8, tạo ra sự phản cảm cho người ta về đạo Phật, làm cho người ta thấy đạo Phật nông cạn, thiển cận, cố chấp, đóng khung, chứ thật ra không phải. Trong trường hợp nào đó Đức Phật không có nói con số 8 mà Ngài nói con số 1: *không dễ ngươi*. Ngày chưa biết đạo thì thích gì làm nấy, biết đạo

một tí thì chỉ chọn cái gì cần không phải chọn cái thích, đó là *không dễ ngươi.* Khi làm điều gì đó, nói điều gì đó thì suy nghĩ không biết có lợi mình lợi người hay hại mình hại người trong đời này kiếp khác hay không. Biết là khó, nhưng nếu quí vị thương thân mình thì phải tập. Bất cứ có suy nghĩ nào đi qua đầu mình thì phải nhận diện, nhớ liền: *"cái này không tốt nghen"*, buổi đầu có thể không quen nhưng lâu ngày khả năng phát hiện rất giỏi. Lúc đầu có 10 cái suy nghĩ tầm bậy qua đầu mình, mình chỉ phát hiện có 3, từ từ phát hiện 5, 5 rưỡi, rồi 6, 6.1, 6.3 cuối cùng mình phát hiện ra cái bậy không phải 10 mà là 20, rồi từ từ 80, rồi 1000. Lúc đầu mình chỉ thấy những cái xấu thô, càng lên cao mình thấy có những cái xấu vi tế mà lúc đầu mình tưởng hay. Ví dụ, mới đầu mình nghĩ, một tháng mình thọ 8 ngày bát quan, nghe pháp bốn chủ nhật là quá giỏi, hành thiền 2 tiếng mỗi ngày là quá giỏi rồi, nhưng về sau sẽ có lúc ta thấy niềm vui trong việc thiện cũng phải xét lại, có lúc niềm vui đó là ngã mạn. Đến lúc nào đó chứng Tam quả rồi vẫn thấy mình còn lầm lỗi, đó là niềm vui thích trong thiền. Chỉ có La-Hán mới hết lầm lỗi. Quí vị học A-tỳ-đàm biết Tam quả là ngon lành lắm rồi, Tam quả là không còn hoài nghi, giới cấm thủ, dục ái và sân. Nếu lấy mắt nhìn thì vị A-la-hán (Tứ quả) và vị Tam quả giống hệt nhau. Vị Tam quả không còn đam mê trong cảnh dục nữa, vị này cũng không còn tâm sân. Không học A-tỳ-đàm thì không biết '*sân'* nghĩa rất rộng. Ghen tuông, ganh tị, bủn xỉn, sợ hãi, hờn giận đều là tâm sân, theo A-tỳ-đàm, người hết tâm sân thì chấm dứt toàn bộ những thứ này. Có đem bao nhiêu ngọc ngà châu báu, tiên nữ giai nhân đến trước mặt của vị Tam quả thì cũng trớt quớt, không còn chút đam mê thích thú hay bất mãn sợ hãi cái gì nữa. Nhưng nếu vị ấy đắc thiền thì vị ấy còn thích trong thiền, vị ấy còn chút ngã mạn. Không phải ngã mạn giống như mình đâu. Ngã mạn có hai:

--*Như thật mạn* (*yathāvamāna*) chấp ngã theo đúng sự thật (hơn nghĩ là hơn, bằng nghĩ là bằng, thua nghĩ là thua).

--*Ngộ nhận mạn:* (*ayathāvamāna*) chấp ta không đúng sự thật (thua mà cứ nghĩ bằng, thua mà cứ nghĩ là hơn).

'*Mạn'* ở thánh Tam quả chỉ là một chút phân biệt, còn chút để ý về bỉ thử. Ta với người, đây với kia. Còn vị A-la-hán thì nhìn mình như nhìn một giọt nước trong đại dương. Ba tầng thánh thấp cũng thấy mình là giọt nước trong đại dương nhưng là giọt nước có màu riêng, còn phàm phu thì ai cũng thấy mình là một ngọn núi, một hành tinh, một thế giới, một vũ trụ, là cái gì đó rất độc đáo, độc lập riêng tư...

Chính vì không biết những điều vừa nói nên mới tha thiết tìm đến những hình thức hiện hữu trong đời qua *ba hành* (thân hành, khẩu hành, ý hành). Tính thiện ác trong *ba hành* này sẽ dẫn đưa chúng sinh vào các cõi tái sinh. Ngay đến vị Tam quả cũng còn chút vô minh nên còn dư sót một chút thiện để sinh về cõi Phạm thiên dù chỉ trong ít lâu rồi cũng chứng La-Hán và viên tịch.

Ba hành còn được giải thích là: *phi phúc hành* (tất cả những điều bất thiện), *phúc hành* (những điều thiện trong cõi Ngũ uẩn), *bất động hành* (thiện trong cõi Vô sắc). Giải thích cách nào đi nữa thì (thiện trong cõi Vô sắc). Giải thích cách nào đi nữa thì **hành**cũng có nghĩa là các nghiệp thiện ác dẫn sanh các cõi siêu đọa. Khi một tâm thiện hay ác xuất hiện thì chúng sẽ tạo ra hai loại nghiệp: cũng có nghĩa là các nghiệp thiện ác dẫn sanh các cõi siêu đọa. Khi một tâm thiện hay ác xuất hiện thì chúng sẽ tạo ra hai loại nghiệp: **nghiệp tái sinh** và và **nghiệp bình sinh**. Nghiệp tái sinh là cửa mở vào cảnh giới nào đó và nghiệp bình sinh thì quyết định ta buồn vui sướng khổ ra sao trong suốt kiếp sống. Trong đời sống đó gặp chuyện bất mãn thì sân, gặp thứ vừa ý thì tham. Chính hai phiền não này lại tiếp tục tạo ra hai loại nghiệp vừa nói cho kiếp khác.

Ví dụ khi tôi làm điều ác bằng tâm sân, chính vì nghiệp ác đó tạo ra tâm tái tục đời sau tôi sinh làm con rắn hổ, đó là nghiệp tái sinh. Còn nghiệp bình sinh là bây giờ tôi hành hạ chúng sinh khác, sau này tôi làm con rắn tôi bị mấy con lớn rượt đuổi hà hiếp đủ điều, cuối cùng bị người ta đập chết hoặc mấy con rắn lớn nuốt.

Ở mỗi kiếp sống, ta chỉ bắt đầu bằng một nghiệp tái sinh nhưng sau đó thì gặt hái vô số nghiệp bình sinh từ đời trước. Ví dụ do một quả lành nào từ đời trước, trước đây tôi cúng dường Tam bảo chẳng hạn, giờ tôi sanh làm người, nhưng khi tôi đã tái sanh vào bụng mẹ rồi thì kể từ lúc đó đến lúc tắt thở 92 tuổi, tôi phải gặt hái vô số những nghiệp bình sinh mà có từ vô số những nghiệp thiện ác từ đời trước. Ngay lúc còn trong bụng mẹ tôi được sự cưng dưỡng từ phía bên nội bên ngoại, mẹ tôi đi đứng có kẻ nâng người đỡ, hoặc ăn uống tẩm bổ. Hoặc lúc mang tôi trong bụng, mẹ tôi tự tử, uống thuốc rầy thuốc sâu uống trụ sinh, thuốc quá đát quá liều, té lên té xuống, đến lúc sanh tôi ra, gia cảnh bần hàn đói rách, lạnh lẽo, khát sữa, bú thép bà hàng xóm dơ hầy, lớn lên ghẻ chóc đầy mình, bị người khinh rẻ, đánh đập, lấy phải vợ xấu như Thị Nở, nợ nần dây dưa v.v... trong trường hợp như vậy đó là nghiệp bình sinh.

Không có một suy nghĩ, dòng tư tưởng nào mà nhỏ bé, ngắn ngủi, yếu ớt đến mức không đủ sức để lại một nghiệp thiện ác cho kiếp sau. Cứ một tâm thiện ác

xuất hiện là lập tức đã gieo mầm sinh tử cho đời sau kiếp khác. Khi có suy nghĩ bất thiện ngang qua đầu như nói một câu bất thiện hay việc làm thiện thì đã có một passport để đi vào quốc gia nào đó, có thể là Bắc Hàn, Somali, Hòa Lan, Thụy Điển… Còn chuyện tôi xuống phi trường rồi mà đời sống ở đó ra sao thì đó là chuyện khác. Xin hãy lắng nghe hai câu Pháp Cú (220): *Kẻ làm thiện sinh ở đâu cũng được phước xưa đợi chờ như người thân tiếp rước kẻ đi xa trở về. Người làm ác sanh ở đâu cũng bị ác báo chực chờ như kẻ thù đón đợi.* Cho nên, *"kẻ thù hại kẻ thù, oan gia hại oan gia, không bằng tâm hướng tà gây ác cho tự thân"*, là như vậy đó. Không kẻ thù nào trên đời này đáng sợ cho bằng chính tâm ác của mình. Bởi thằng Tèo ghét thằng Tý nhiều lắm thì nó không ưa thằng Tý thôi; còn chuyện có đâm thằng Tý, làm cho thằng Tý thân bại danh liệt, thân tàn ma dại được hay không thì còn tùy phước nghiệp của thằng Tèo. Còn nghiệp bất thiện thì hễ xuất hiện lúc nào thì người đó đang gieo mầm khổ lúc đó. Còn tái sanh là còn khổ. Ngay khi ta đang hưởng quả cũng chính là lúc ta đang tạo nhân. Luôn luôn như vậy. Khi đang hưởng quả thiện thì phàm phu chỉ biết sống bằng tâm tham, khi đang chịu quả ác thì bằng tâm sân. Cả hai phiền não đó đều là nhân bất thiện cho đời sau.

Khi nói *vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc…*, danh sắc ở đây là danh sắc lúc đầu thai, sau đó tùy ở cõi nào mà chúng sanh có đủ 6 căn hay không. Khi nói về công thức Duyên khởi ở cách phổ quát thì Đức Phật nói là 'lục nhập' nhưng trong thực tế có những cõi không đủ lục nhập (6 căn). Không đủ 6 căn gồm hai trường hợp: do thiếu phước nên không có hoặc do không cần nên không có. Dù đủ hay không đủ Ngài cũng nói là 6. (Đức Phật luôn nói ngắn gọn vì những người ngồi trước mặt Ngài toàn 'thứ dữ', người như mình mà gặp Ngài thì Ngài không sống được tám chục tuổi, thành đạo năm trước là năm sau Ngài tịch rồi vì quá mệt. Vì phước duyên của Ngài sống 80 tuổi nên Ngài không thể nào gặp mấy người như mình hết. Tôi đã tìm hiểu kinh điển suốt nhiều năm tôi mới hiểu ra lý do vì sao Phật sống được 80 tuổi và lý do vì sao mình không được gặp Phật. Phật sống được 80 tuổi vì Phật không gặp những người như mình, mà gặp những người như mình thì mình chỉ làm phiền Ngài, thành đạo năm 35 thì 36 tuổi Ngài Niết bàn. Giảng như tôi nãy giờ là tôi mất cả năm tuổi thọ chớ không ít đâu). Ở cõi Dục giới mà không đủ sáu căn thì do thiếu phước, riêng các cõi Phạm thiên Sắc giới chỉ có ba căn: nhãn, nhĩ và ý căn, do họ tạm thời không có dục ái, không có nhu cầu hưởng thụ thưởng thức năm trần. Nên nhớ dù không có khứu giác, vị giác, xúc giác, nhưng trên hình thức Phạm thiên vẫn đủ mắt tai mũi. Phạm thiên được xem là đẹp nhất Tam giới, nên Kinh mới nói thân Phật đẹp

như thân Phạm Thiên, giọng nói của Ngài được gọi là Phạm âm (*Brahmasara*). Từ chuyên môn gọi là *"phù trần căn"* nghĩa là chỉ có hình dáng bên ngoài mà không có thần kinh bên trong. Phạm Thiên Vô Sắc giới thì chỉ có ý căn. Đọc trên mặt giấy thì lý Duyên khởi chỉ là một đường thẳng nhưng thực tế thì y hệt như một khu rừng. Chính vì vô minh đời trước nên tôi mới tạo thiện ác, chính vì tạo thiện ác nên đời này tôi mới có thân người (vô minh duyên hành, hành duyên thức). Vì tôi sanh ở cõi Dục giới nên tôi mới có đủ sáu căn (lục nhập). Sự gặp nhau của sáu căn, sáu cảnh, sáu thức gọi là xúc. Trước mặt tôi bây giờ là một đóa hoa hồng. Tâm nhãn thức là tâm quả có từ nghiệp quá khứ, con mắt của người nhìn cũng là sắc nghiệp có từ tiền nghiệp. Cái bông hồng có thể là do nghiệp lực chúng sinh trên trái đất mà có hay chỉ là chuyện tự nhiên của pháp hữu vi.

Quí vị phải đồng ý với tôi là môi trường sinh thái ảnh hưởng đến sức khỏe đời sống xã hội, đời sống cá nhân. Những điểm dị biệt độc đáo về sinh học (động vật hay thực vật) ở một địa phương có ảnh hưởng sức khỏe con người. Ví dụ như dân Địa Trung Hải rất khỏe mạnh, họ không bị tim mạch và ung thư, vì môi trường khí hậu, đất đai thổ nhưỡng ở đó không trồng được gì nhiều ngoài xương rồng, ô-liu và chà là. Họ ăn thứ gì cũng có ô-liu, trái ô-liu, dầu ô-liu, trộn xà lách hay bánh mì chấm dầu ô liu. Nếu hôm nay tôi về VN thì ngoài thuốc calcium và thuốc mỗi ngày uống tạo nhờn cho khớp bắt buộc tôi phải đem theo dầu ô-liu. Chính vì môi trường ở Địa Trung Hải như vậy nên người dân ở đó không bịnh tim mạch và ung thư. Còn người Nhật sống thọ vì chung quanh là biển, họ ăn cá rất nhiều, nhiều hơn ăn thịt (ăn thịt đỏ không tốt), nên họ mới khỏe hơn người xứ khác. Dĩ nhiên điều đó không phải là tuyệt đối. Tôi đang ở bên Đức, mới chiều hôm qua tôi nghe tin bên Thụy Sĩ (hai nước cách nhau con sông nhỏ xíu), có một bà nào đó không hút thuốc không bia rượu mà chết vì ung thư phổi. Giàu có, sang trọng học thức, ăn uống đầy đủ thuốc men ngon lành mà cuối cùng lăn ra chết. Tất nhiên là đừng có tin tuyệt đối, tôi chỉ ví dụ thôi. Hoa hồng có thể do nghiệp chúng sanh tạo là vì do nghiệp chúng sanh mới khiến cho vùng đất ở đó, địa phương đó phải như vậy. Khi khí hậu như vậy đất đai như vậy thì tự nhiên có những cây cối, động vật, thực vật, rong tảo tương ứng để cho người ở đó có một sức khỏe, thân thể, tình trạng sinh học tương ứng. Có hai trường hợp, do nghiệp chúng sanh khiến một nơi chốn trở thành như vậy hoặc do nghiệp khiến ta đến sống một chỗ như vậy. Kể cả những loài cỏ dại bé xíu cũng không phải ngẫu nhiên mà có, vì rất có thể chúng là thức ăn cho một loài động vật nào đó, và loài này lại có ảnh hưởng đến con người. Ví dụ có những loài cá, cua, sâu bọ, chồn cáo nai thỏ thích loại cỏ nào đó mà những con này lại ảnh hưởng đến con người.

Tôi đang nói như lạc đề nhưng thật ra tôi cho quí vị biết bối cảnh sống thực sự như thế nào, do nghiệp đời trước tôi có đủ 6 căn, khi tôi nhìn thấy một cái hoa mà nếu tôi thích thì đó là tâm tham, chính tâm tham này lại tạo ra một cái nghiệp tái sinh dục giới cho tôi đời sau. Chính cái thích trong hình ảnh nào đó là sắc ái, nó sẽ tạo ra tâm nhãn thức đời sau. Thích cảnh thinh nào đó là thinh ái sẽ tạo ra tâm nhĩ thức đời sau…. Cứ như vậy.

Một người tạo phước bằng tâm đại thiện thứ nhất sẽ hưởng được 16 quả gồm: 8 đại quả hữu nhân và 8 quả vô nhân (trong đó có ngũ song thức). Chính vì còn sắc ái, thinh ái … nên mới tác động cho ngũ song thức đó có mặt. Một người đắc Sơ thiền (tạm thời) không còn *sắc ái*, *thinh ái*, về Phạm thiên không có *tỷ*, *thiệt*, *thân* nữa, vì ba giác quan này thật sự không cần thiết trên đó, riêng *nhãn*, *nhĩ* có mặt không phải do *sắc ái, thinh ái* như người ở cõi Dục mà chỉ vì đây là hai giác quan tối thiểu để làm hai việc sau đây:

1. Phân biệt Phạm thiên Hữu tưởng với Vô tưởng, Sắc giới với Vô sắc.

Phạm thiên cõi Ngũ uẩn mà không có *nhãn*, *nhĩ*, thì không thấy không nghe làm sao họ sinh hoạt đây, họ chỉ có nước ngồi yên, vì vậy họ phải có để sinh hoạt, và để phân biệt họ với Phạm thiên cõi Vô sắc. Phạm thiên cõi Vô sắc chỉ có tâm mà không có thân. Phạm thiên cõi Hữu sắc nếu không có *nhãn*, *nhĩ* thì Hữu sắc để làm gì, lúc này coi như tương đương với Vô tưởng. Phạm thiên Vô tưởng là vị đã đắc Ngũ thiền rồi mà nhàm chán cái tâm nên nguyện đời sau sanh ra không có tâm trong suốt năm trăm đại kiếp, sau đó trở lại bình thường. Phạm thiên cõi Ngũ uẩn mà không có *nhãn, nhĩ* thì đời sống vị này gần giống như Phạm thiên cõi Vô tưởng, không làm ăn gì hết. Chỉ có *sắc*, *thân* cho vui thì giống như Phạm thiên cõi Vô tưởng. Chỉ sinh hoạt bằng tâm thì giống Vô Sắc. Vì vậy bắt buộc vị này phải có nhãn nhĩ để không giống Vô tưởng mà cũng không giống Vô sắc.

2. Nhãn nhĩ là những giác quan phải nhờ đến để tiếp xúc gặp gỡ khi Phạm thiên làm thiện.

Ngay bây giờ tôi đang nhìn một cái hoa, nếu cái hoa đó xấu quá, héo, có sâu nằm trong đó, thì tôi bực, chính cái bực đó là tâm sân, tôi đã gieo mầm tái sinh cho đời sau, còn nếu tôi nhìn mà tôi thích thì coi như tôi gieo chủng tử dục giới cho đời sau. Một người chứng thiền luôn nhờ đến các tâm đại thiện (Dục giới) nhưng sau đó các tâm này không cho quả ngũ song thức mà đương sự lại sinh về cõi Phạm thiên không có khứu, vị, xúc, giác.

Đã giảng hai tiếng đồng hồ rồi, xin hẹn lại quí vị ngày thứ Ba.

Bài giảng ngày 28-10-2014 THUYẾT PHÁP, PHÂN BIỆT (1)

Phẩm Nhân Duyên có một nội dung giống nhau nên bài đầu tiên tôi giảng nhiều nhất, kỹ nhất, những kinh sau trong phẩm chúng tôi chỉ nói đại khái, quí vị coi thì biết. Chỉ tập trung bài kinh đầu tiên. Sẵn đây cũng nhắc lại nếu điều kiện thuận tiện, quí vị có thể tìm đọc thêm cuốn Triết Học PG, quyển đó tương đối sáng sủa, giúp đỡ quí vị được ít nhiều trong việc tìm hiểu giáo lý Duyên khởi, chớ không thể nào trong một hai buổi giảng mà thay thế được cả cuốn sách. Tôi chỉ nhắc lại công thức để nhớ giáo lý Duyên khởi là gồm một số tiêu điểm sau đây:

- Do Vô minh trong Tứ đế nên có ba hành.

-Trong mỗi giây phút sống của chúng sinh có đủ cả nhân sinh tử và quả sinh tử. Khi buồn thì phàm phu sống bằng tâm sân vốn là nhân sanh tử, khi vui thì sống bằng tâm tham cũng nhân sanh tử, khi làm thiện bằng tâm lành thì cũng là nhân sanh tử. Nhân sanh tử có tính thiện thì dẫn sanh cõi vui. Nhân sanh tử có tính ác thì dẫn sanh cõi khổ. Trong cái gọi là nhân sanh tử có tính thiện gồm ba trường hợp: thiện Dục giới, thiện Sắc giới, thiện Vô sắc giới. Với tính Thiện Sắc giới thì sinh về các cõi Phạm thiên Sắc giới cao thấp tùy theo tầng thiền mình chứng. Với tính thiện Vô sắc giới, cũng vậy. Sau khi sinh về các cõi và sống mãn thọ ở đó thì phàm phu tiếp tục luẩn quẩn theo duyên nghiệp. Trong từng phút, phàm phu sống trong quả sanh tử và nhân sanh tử. Đừng hiểu lý Duyên Khởi là một đường thẳng kiểu sợi chỉ. Chẳng hạn ngay trong một phút ta vừa sống với lục nhập, rồi 6 xúc, 6 thọ, 6 ái, 4 thủ, nghiệp hữu, sanh, già, bệnh, chết, sầu bi khổ ưu não. Tất cả có thể diễn ra trong - trước - sau một phút đồng hồ. Quả bây giờ có từ nhân trước, nhân bây giờ sẽ cho quả tương lai. Ví dụ, tôi đang nói chuyện với các vị, trước mặt tôi là bình hoa, con mắt tôi nhìn thấy bình hoa, tâm nhãn thức nhìn thấy bình hoa đó là tâm quả có được từ nghiệp quá khứ. Nhưng khi tôi nhìn bình hoa mà tôi thích thì cái thích đó chính là tham ái.

Trong một phút của mình có cả quả sinh tử và nhân sinh tử. Nếu được mình lấy cây viết vẽ vô tờ giấy trước mặt cái vòng tròn. Những cái biết của mình trong 6 trần: cái biết của con mắt thấy cảnh sắc, cái biết của lỗ tai để nghe tiếng, cái biết của lỗ mũi-khứu giác để nghe mùi v.v..., tất cả những cái biết này đều là tâm quả, tâm quả là những tâm có được từ nghiệp quá khứ. Có người, đời này cặp mắt của họ thường xuyên thấy những gì họ vừa ý, kể cả cái họ không vừa ý thì cũng là những cái gì sạch đẹp. Đó gọi là tâm nhãn thức quả thiện. Có người, suốt đời này cặp mắt của họ thấy toàn cái dơ, cái xấu, cái tào lao. Đó gọi là tâm nhãn thức quả

bất thiện. Tâm nhãn thức này có từ nhân xấu đời trước. Một cách tình cờ, tôi biết một số vị Phật tử từ bé năm bảy tuổi đã đi vượt biên ra nước ngoài, được cha mẹ cho ăn học, từ lúc 9, 10 tuổi đã được đi vòng quanh thế giới. Thổ Nhĩ Kỳ, Tây Ban Nha, Pháp, Đức… họ đều đi hết. Tôi thấy họ hay chê. Đi ngang một ngọn đồi đẹp, tôi khen, nhưng họ nói cũng thường, riết rồi tôi bực, nhưng họ nói cái họ thấy đẹp hơn nhiều. Sau này tôi biết thật sự như vậy. Họ từng thấy những cái siêu thực, không tưởng, hoang đường trong suy nghĩ của người khác. Đó là nhãn thức quả thiện. Có những người mà miệng họ đã được nếm đủ sơn hào hải vị của cả hành tinh. Có những người trên đời này sống toàn bằng tâm quả thiện, trong khi đó có những người từ nhỏ đã phải chấp nhận bụi bặm, nóng nực, mùi hôi, những thứ cũ, dơ, rách, rẻ tiền, suốt mấy chục năm trời, đó gọi là tâm quả bất thiện. Không phải một người đời này bất hạnh là họ không có phước, không phải là suốt nhiều đời họ không làm công đức. Suốt nhiều đời họ đã làm nhiều công đức nhưng nhằm ngay kiếp này họ đang nhận quả xấu. Ngược lại, không phải những người đời này đang vô cùng sung sướng là họ không làm ác nghiệp trong quá khứ, mà chỉ là nhằm ngay lúc này họ đang hưởng quả, họ đang nhằm mùa sầu riêng. Người sung sướng đời này có thể là đang vào mùa thu hoạch sầu riêng, măng cụt. Người chịu khổ đời này có thể là nhằm lúc vườn trái của họ đang sái mùa. Vì vậy, dù họ siêng dữ lắm, tu hành dữ lắm, làm cỏ bón phân, cắt tỉa, mà cứ ra lá, còn anh kia xì ke ma túy chích choác nhưng nhằm ngay mùa sầu riêng măng cụt nên ra vườn là đem vô ăn, đem vô bán. Phải biết cái này để đừng coi thường ai hết. Bồ tát có lúc còn đọa địa ngục, đọa địa ngục còn khổ gấp triệu lần sống kiếp nghèo trên cõi Người. Mỗi người chỉ là một chiếc lá trong dòng chảy của cuộc sinh tử, lúc thì chúng ta ghé vào bờ này, khi thì chúng ta ghé sang bến kia. Nhằm ngay cái lúc được hưởng phước thì sướng như tiên, nhằm lúc chịu khổ thì khổ như điên. Ngay trong từng phút chúng ta đang gieo nhân mới và đang hái quả cũ. Quả cũ là đang nhìn cái mình thích đang nhìn cái mình ghét, đang nghe cái mình thích, đang nghe cái mình ghét, đang ngửi cái mình thích đang ngửi cái mình ghét v.v... Suốt hăm bốn giờ đồng hồ, có lúc nào ngũ song thức - năm căn vật chất của quí vị không làm việc không?

Chỉ trừ lúc ngủ! Đức Phật dạy rằng, con chim có dịp là bay về trời, con cá có dịp thì nhảy xuống nước, chồn cáo thích về hang như thế nào thì con mắt cũng luôn chờ dịp để nhìn, lỗ tai luôn luôn trong tình trạng sẵn sàng lắng nghe, lỗ mũi của mình luôn luôn trong tình trạng available, lưỡi của mình cũng luôn luôn trong tình trạng sẵn sàng làm việc. Như vậy là rõ ràng trong từng phút chúng ta đang sống trong quả. Còn nhân thì sao?

Mỗi lần con mắt của mình, lỗ tai của mình nó biết cái gì mình thích thì mình sống bằng tâm tham; nó biết cái gì mình ghét thì mình sống bằng tâm sân. Mà tham và sân là nhân sinh tử dẫn về cõi đọa. Còn những khi nghe hoặc thấy chiếc lá vàng rơi, mình tu thiền quán; nghe tiếng suối chảy, mình tu thiền quán; nghe thân này đau đớn, mình tu thiền quán, thì lúc đó mình sống bằng tâm thiện. Khổ nỗi tâm thiện này cũng là nhân sinh tử, có điều là nó đưa mình về cõi sướng. Chỉ vậy thôi. Mình sanh tử bằng sáu căn thì mình cũng có thể giải thoát bằng sáu căn là vậy đó. Có những người, cái thấy cái nghe của họ chỉ đủ cho họ có tâm sân tâm tham, nhưng chúng ta phải nhìn nhận có lúc những hình ảnh, những âm thanh, những mùi vị, những xúc chạm… lại làm cho mình có tâm thiện. Ví dụ, đối với hành giả tu Tứ Niệm Xứ thì cảnh nào cũng là cảnh chánh niệm hết. Cái mùi hoa lài người ta thường cúng trong những buổi lễ ở VN đã trở thành ấn tượng rất tốt đối với tôi, bây giờ tôi già rồi mà đi bất cứ xứ nào nghe mùi hoa lài tôi lại nhớ cái lễ chùa ở VN, lạ như vậy đó. Cũng giống như bây giờ mà tôi nghe cái mùi phân bò ở mấy vùng nông trại ở Thụy Sĩ là tôi nhớ thời gian tôi sống ở Long Thành VN, hoặc nghe mùi rơm mùi cỏ cháy là nhớ về miền Tây cũng mình. Mỗi cái mùi, mỗi âm thanh mình nghe được hoàn toàn có thể là một lối về, một sự dẫn dắt, một sự khơi gợi về một cảnh giới nào đó. Nói như vậy có nghĩa là trong từng phút những gì mình nghe mình thấy mình ngửi mình nếm, đụng và suy tư rất có thể đó là cơ hội để mình sống thiện và sống bất thiện. Dầu cho mình sống bằng tâm thiện hay tâm bất thiện đều là sự sanh tử hết. Nói như vậy không có nghĩa là tôi bài bác cái thiện. Hễ mình còn trong dòng sanh tử, cái thiện này là cái phải có:

- Để mình bớt khổ, thay vì sanh làm con nhà nghèo thì mình sanh làm con nhà giàu đỡ khổ hơn.

- Nhờ có thiện pháp mình mới có trí tuệ, có điều kiện để học đạo, tu hành, đắc chứng, giải thoát, chứ nói rốt ráo thiện ác gì cũng sanh tử rồi không trau dồi cái thiện là sai.

Trong khu rừng có những con đường đưa mình tới chỗ chết nhưng cũng có những con đường đưa mình ra ngoài bìa rừng. Nói cho sang vậy chứ con đường đưa mình vô rừng sâu hay ra bên ngoài rừng chỉ là một, vấn đề là hướng đi của mình. Hai con đường này chỉ là một thôi, tùy mặt mình xoay hướng nào. Hễ chưa ra khỏi rừng thì mình còn có mặt trong rừng và đôi chân của mình vẫn tiếp tục đặt trên con đường rừng. Thiện pháp cũng vậy đó, thiện pháp của người cầu đạo giải thoát cũng y hệt như thiện pháp của người đam mê sanh tử, chỉ khác một điểm là cái nhìn. Tôi nhớ Tây có câu hay lắm: Du lịch không phải là chỉ đến chỗ

lạ, chỗ đẹp mà cái cần thiết nhất ở đây là cái nhìn mới lạ và cái nhìn thưởng thức cái đẹp. Nếu mình đến chỗ lạ mà cứ móc cái phone ra, kêu về nhà: 'anh đang ở đây', 'em đang ở đây', 'chỗ này đẹp lắm má'… cứ chun vô bụi nói phone mãi thì không phải du lịch. Tôi đã thấy có người như vậy rồi, đi đến đâu là cứ móc cái phone ra chun vô bụi. Còn vụ này nữa, nói lạc đề nhưng không thể không nói, có người đi tới chỗ đẹp là cứ chụp hình. Nghe cái này các vị cứ chống đối tôi nhưng nghe kỹ thì các vị sẽ đồng ý với tôi. Những hình ảnh mình chụp được đem về nhà chắc gì đẹp bằng những hình ảnh trên internet. Người ta chụp bằng cái máy chuyên nghiệp professional, bằng khả năng chuyên nghiệp. Còn mình thấy đẹp quá mình cứ móc cái máy cái phone ra chụp, cái đó thì đúng, nhưng chụp một cái hai cái cho vui thôi, điều chủ yếu là phải nhìn, phải quan sát. Vì sao?

Mình đi du lịch thì phải nhìn bằng con mắt, đằng này mình cứ móc cái máy ra chụp, làm lơ không thèm coi. Lên xe, xe chạy rồi mới móc cái máy hình ra ngồi coi lại, tưởng sao, coi toàn là hình chết không hà. Theo tôi, tôi mà tới chỗ đó là tôi sẽ đi tan nát hết, tôi đi bằng đôi chân của tôi, tôi nhìn bằng con mắt của tôi, tôi lắng nghe tiếng nước chảy, tiếng sóng vỗ bằng lỗ tai của tôi, tôi nghe mùi hương của gió, của rong biển, của hoa, của cỏ, của đất, của đá bằng lỗ mũi của tôi, tôi sờ chạm bằng bàn tay của tôi cho đã đời đi, xong rồi tôi mới từ từ lựa chỗ nào ngon lành nhất, độc đáo nhất, bấm hai ba tấm rồi ngưng. Trừ trường hợp mình đi với một người nào đó, mình chụp hình cho người ta để người ta làm kỷ niệm thì khi đó tôi ráng cắn răng chụp chớ nếu mà tôi đi một mình thì tôi chỉ làm chừng vài tấm để gọi là.

Bài giảng ngày 30-10-2014 THUYẾT PHÁP, PHÂN BIỆT (2)

Ở đây có ba nguồn tài liệu trước mắt mà tôi nghĩ quí vị nên tìm vào để đọc thêm:

- Kinh Đại Duyên, Trường Bộ Kinh (Kinh số 15), nếu được đọc thêm cả chú giải.

- Bộ Phân Tích Vibhaṅga, phần nói về Duyên khởi. Trong Vibhaṅga có 18 phần, Duyên Khởi là một trong 18 phần.

- Kinh Vị Tằng Hữu, Trung Bộ Kinh. (Kinh số 123).

Bộ Phân Tích Vibhaṅga đã được dịch sang tiếng Việt rồi, sư trưởng TT Thích Hoàng Pháp đã in rồi. Bộ đó tôi cho rằng đó là sách gối đầu, Phật tử Nam Tông không thể không biết bộ đó. Có nhiều Phật tử nói với chúng tôi là bộ đó đọc nhức đầu. Nói thẳng ra, hễ nhìn mặt người nào thấy không có hy vọng thì tôi nói, ừ, đọc nhức đầu lắm, quí vị nào mà tôi thấy có chút niềm tin là ráng được thì tôi cho biết một chi tiết, nếu là nói nhức đầu thì trong 7 bộ đó người hiếu học dù có sơ cơ cũng có thể đọc hiểu chút ít hai bộ là Bộ Phân Tích và Bộ Ngữ Tông. Đọc mà bí thì đi kiếm thầy, kiếm sách. Đó là kinh nghiệm học đạo chớ quí vị đừng bao giờ ngồi chờ đợi kiến thức trên trời rớt xuống. Người ta nói nằm chờ sung rụng nhưng phải lựa cây sung nào mà nằm chớ đừng thấy cây sung chưa ra trái mà nằm chờ, chưa kể ra trái mà chưa tới mùa chín thì có hả rách miệng chờ cũng không thấy rụng.

Tôi đề nghị kinh Vị Tằng Hữu vì tôi muốn giảng chung tất cả các kinh trong phẩm Nhân Duyên này dồn vô thành một. Kinh Vị Tằng Hữu này nói về những điều đặc biệt của vị Bồ tát Chánh Đẳng Giác kiếp chót.

Phẩm này nói về 7 Phật, xác định chư Phật đều phải trải qua một canh đầu của đêm trước khi thành Phật để dùng Túc mạng minh quán xét quả luân hồi, sanh ở đâu, như thế nào. Sau đó dùng trọn canh giữa để quán nhân luân hồi, và vì sao mình lại có mặt trong những kiếp sống siêu đọa buồn vui đó, thấy rõ do thiện nghiệp mà được hưởng vui, do ác nghiệp mà phải chịu khổ.

Túc mạng minh là để thấy quả luân hồi. Sanh tử minh là để thấy nhân luân hồi. Đầu canh cuối, các ngài ra khỏi Tứ thiền (tức Ngũ thiền bên A-tỳ-đàm) quán xét 12 Duyên khởi theo hai chiều thuận nghịch, xong chiều nghịch thì lập tức chứng một loạt Sơ đạo, Sơ quả … Tứ đạo, Tứ quả và tức khắc chứng thành Phật quả cùng lúc với Nhất thiết trí ngay sau khi tâm Tứ quả xuất hiện.

Tại sao Ngài phải dài dòng một đêm như vậy?

Vì Ngài giống như Tổng thống Mỹ, đi đâu ngoài chuyên cơ còn phải xe riêng, nguyên nhóm vệ sĩ, phóng viên nhà báo, còn phải thêm đám nhà bếp, hậu cần. Ông muốn tới VN, ghé Hà Nội, thì đám mật vụ phải tới Hà Nội trước đó mấy ngày. Mấy cái vali samsonite họ cầm theo là dùng để tránh đạn, khi có sự cố là dùng để chụp che người ông. Xe của Tổng thống Mỹ chỉ có mật vụ Mỹ mới mở được. Tại sao lại rắc rối như vậy, vì cái chết của ổng sẽ dẫn đến một tỷ vấn đề của thế giới. Ổng mãn nhiệm rồi thì thôi nhưng còn đang đương chức thì rắc rối sẽ xảy ra khi ổng bị ám sát dù ám sát hụt hay ám sát thành công. Còn vị Chánh Đẳng Giác, vì Ngài chứng ngộ Nhất thiết trí nên thời gian chứng ngộ phải lâu như vậy. Canh đầu Ngài phải dùng Túc mạng minh để quán chiếu quả luân hồi: thọ, hành, tánh, tướng, tức là bàng sanh, địa ngục, A-tu-la ngạ quỷ, mập ốm, cao thấp, trắng đen, buồn vui… ra sao. Canh giữa Ngài dùng Thiên nhãn minh để soi rọi vì sao mình còn chuyện kiếp này như vầy, kiếp kia như vậy. Muốn quán chiếu Túc mạng minh hay Sanh tử minh thì vị đó phải là người chứng Ngũ thiền. Sau khi xong canh hai rồi, Ngài mới ra khỏi, không còn tiếp tục dùng Tâm đáo đại nữa mà lúc đó Ngài dùng Tâm đại thiện. Vị hóa thông thì phải nhập Thiền cơ trước, ví dụ vị đó muốn đi trên nước, muốn đi trên hư không thì vị đó phải nhập đề mục đất. Nhập đề mục đất xong xuôi, vị đó ra khỏi Thiền cơ đó mới tác ý chú nguyện 'hãy có một con đường đất', nghĩ như vậy thì lập tức có. Lúc đang đi như vậy vị đó xài Tâm đại thiện dục giới, không phải Tâm đáo đại vì đã ra khỏi Thiền cơ. Thiền cơ tức là tầng Ngũ thiền mình chứng đó chỉ biết cảnh đề mục thôi. Đến canh thứ ba, Bồ tát không còn dùng Tâm đáo đại nữa mà dùng Tâm đại thiện Dục giới để quán chiếu 12 Duyên khởi theo hai chiều thuận nghịch.

Quán chiếu 12 Duyên khởi theo hai chiều thuận nghịch.

Quán chiếu như thế nào?

Quán chiếu bằng cách tự hỏi: Thân này từ đâu có?

Sau đó tự trả lời rằng: Từ sự chào đời mà có. Rồi cứ vậy tự hỏi thêm:

Sanh từ đâu mà có?

Sanh có từ sự tái tục, đầu thai.

Sự đầu thai có từ Tâm quả tái tục. Tâm quả đó có từ Tâm thiện ác, tức nghiệp hữu, còn tâm tái tục là sinh hữu.

Hữu có từ Tứ thủ (Tứ thủ nói gọn là tham ái và tà kiến trong chuyện hưởng lạc và chấp ngã).

Tứ thủ chính là tham ái và tà kiến ở mức độ sâu đậm.

Ái có từ 3 thọ: gặp thọ lạc thì thích, gặp thọ khổthì tưởng nhớ đến thọ lạc và mong đừng khổ nữa, cả hai thái độ này đều là nhân sinh ái.

Thọ có từ xúc, xúc là sự gặp nhau giữa lục căn, lục thức, lục trần.

Xúc lại có từ sự hiện hữu của lục căn.

Lục căn lại có mặt từ danh sắc tái tục, tức những tố chất đầu đời quyết định ta có đủ 6 căn trong kiếp sống đó hay không. Theo tôi đọc và theo tôi nghe thì thường người VN hay làm lơ chỗ này. Chúng sanh cõi Dục nếu thiếu phước thì chỉ có một vài căn trong 6 căn, đủ phước thì không thiếu căn nào. Cõi này mà thiếu một cái là coi như khuyết tật. Ví dụ người khùng bẩm sinh, họ có đủ 6 căn nhưng ý căn của họ có vấn đề. Hai thằng khùng đi ngoài đường gây lộn nhau, một thằng nói: Trời tối rồi sao mặt trời chưa lặn?

Thằng kia nói: Mặt trăng chớ mặt trời gì! Một người tỉnh đi ngang qua nói: Đèn đường đó mấy cha! Đây không phải là chuyện cười mà là chuyện minh họa cho cái phàm phu của chúng ta. Thằng thứ nhất vô minh và tà kiến quá nặng, đã biết trời "tối" rồi mà lại thấy mặt trời chưa lặn. Thằng thứ hai thì thông minh hơn, biết tối thì không có mặt trời mà chỉ có mặt trăng. Hai người này tượng trưng cho phàm phu mình, phàm phu mình có người hoàn toàn không biết gì hết, đó là những con thú trâu chó heo gà, y như thằng khùng thứ nhất. Thằng thứ hai là nhân loại mình, chư thiên, Phạm thiên, thông minh hơn, biết đêm thì là mặt trăng, khôn hơn thằng thứ nhất nhưng vẫn là thằng khùng thôi. Anh chàng thứ ba mới là tượng trưng cho người hiểu đạo, anh chàng thứ nhất là mù tịt, anh chàng thứ hai là biết ba mớ.

Vô minh là không biết cái đáng biết, chỉ biết cái không cần biết, tức chỉ biết theo cách kích thích phiền não. Quí vị mà biết rõ người quen của mình họ nghĩ gì về mình, thì mình chỉ có vô núi mà ở thôi. Kể cả những người ôm ngang lưng vỗ vai mình, bà xã mình, ông xã mình, mình không biết trong đầu họ nghĩ gì về mình. Mình không biết chừng nào mình chết, chết kiểu nào, chết ở đâu, mình nghĩ là còn lâu lắm mình mới chết. Mình không cần đắc gì hết, chỉ cần nhìn xuyên thấu người ta như X-ray, biết rõ đây là ruột non đây là ruột già, thấy người ta ăn vào

thì thức ăn chạy từ miệng xuống thực quản qua bao tử, rồi tiêu hóa qua ruột già rồi tống ra ngoài; nếu nhìn thấy tận mắt hành trình đó thì mình không thể nào ôm hôn một người với sự lãng mạn yêu đương. Nhờ mình không biết mà mình dệt mộng, mình gọi đây là mày lá liễu, mũi dọc dừa, môi trái tim, mái tóc huyền, đáy thắt lưng ong, bụng sáu múi... những cái biết đó là cái biết kích thích phiền não. Hoặc mình thấy mặt thằng này đúng là cái thằng tháng trước chửi mình, viết email, gọi điện thoại chửi mình v.v... toàn là những cái biết kích thích phiền não. Trong khi vị A-la-hán chỉ nhìn mình hai cách: cách tục đế và cách chơn đế. Cách tục đế là biết mình chỉ đáng thương (người bất thiện) và dễ thương (người thiện); cách chân đế là nhìn cái gì cũng đáng chán, cái gì cũng đang chờ sụp đổ, tan biến. Một đứa bé nhìn rổ kẹo nhiều màu thì thích, cảm nhận nhiều màu theo cách nào đó của nó để mê, còn mình nhìn thì nghĩ hai chuyện mà lạnh xương sống: màu đó là màu hóa chất không an toàn, ăn đường ngọt vô thì chỉ chờ chết thôi. Chính vì mình hiểu quá sâu sắc nên mình nhìn rổ kẹo là lạnh người, trong khi đó một đứa bé thì thích mê, đang khóc mà thấy rổ kẹo là nín liền. Phàm phu cũng vậy, cái biết của mình về bản thân, về cuộc đời, về trăng sao hoa lá toàn là những cái biết kích thích phiền não, biết theo cách đó thì trong kinh gọi là biết những điều không đáng biết. Còn điều đáng biết mình không biết, chẳng hạn như mình không biết mọi hiện hữu là khổ, không biết mọi ưa thích là nguồn khổ, không biết sự vắng mặt của khổ và tập là cứu cánh giải thoát, không biết lý tưởng Bát Chánh Đạo là con đường diệt khổ. Có một chuyện rất căn bản, (một tu sĩ hay Phật tử khi thờ Phật trên đầu thì không thể không biết), đó là dù sanh cảnh giới nào đi nữa thì hết tuổi thọ phải đi qua cảnh giới khác. Tất cả những gì mình thấy là vị ngọt là do hoàn cảnh sống cho mình cảm giác đó thôi chứ không có gì là giá trị tuyệt đối. Phân người, có những loài động vật rất thích nhưng mình chỉ nghe nói thôi là ớn. Một gói tả con nít liệng bên đường, tôi liếc thấy là lạnh xương sống rồi, trong khi đó có những loài đi kiếm cái đó để ăn. Cũng con người như nhau mà có người nhìn soirée thì thích, nhìn thỏi son hộp phấn thì mê, thì mơ ước, trong khi với tôi thì có cho cái soirée hay cả rổ son phấn tôi cũng dửng dưng. Chỉ cần mang thân nữ thôi, nhìn mấy cái đó là họ quýnh lên rồi, chịu không nổi. . Quí vị mà biết rõ người quen của mình họ nghĩ gì về mình, thì mình chỉ có vô núi mà ở thôi. Kể cả những người ôm ngang lưng vỗ vai mình, bà xã mình, ông xã mình, mình không biết trong đầu họ nghĩ gì về mình. Mình không biết chừng nào mình chết, chết kiểu nào, chết ở đâu, mình nghĩ là còn lâu lắm mình mới chết. Mình không cần đắc gì hết, chỉ cần nhìn xuyên thấu người ta như X-ray, biết rõ đây là ruột non đây là ruột già, thấy người ta ăn vào thì thức ăn chạy từ miệng xuống thực quản qua bao tử, rồi tiêu hóa qua ruột già rồi tống ra ngoài; nếu nhìn

thấy tận mắt hành trình đó thì mình không thể nào ôm hôn một người với sự lãng mạn yêu đương. Nhờ mình không biết mà mình dệt mộng, mình gọi đây là mày lá liễu, mũi dọc dừa, môi trái tim, mái tóc huyền, đáy thắt lưng ong, bụng sáu múi... những cái biết đó là cái biết kích thích phiền não. Hoặc mình thấy mặt thằng này đúng là cái thằng tháng trước chửi mình, viết email, gọi điện thoại chửi mình v.v... toàn là những cái biết kích thích phiền não. Trong khi vị A-la-hán chỉ nhìn mình hai cách: cách tục đế và cách chơn đế. Cách tục đế là biết mình chỉ đáng thương (người bất thiện) và dễ thương (người thiện); cách chân đế là nhìn cái gì cũng đáng chán, cái gì cũng đang chờ sụp đổ, tan biến. Một đứa bé nhìn rổ kẹo nhiều màu thì thích, cảm nhận nhiều màu theo cách nào đó của nó để mê, còn mình nhìn thì nghĩ hai chuyện mà lạnh xương sống: màu đó là màu hóa chất không an toàn, ăn đường ngọt vô thì chỉ chờ chết thôi. Chính vì mình hiểu quá sâu sắc nên mình nhìn rổ kẹo là lạnh người, trong khi đó một đứa bé thì thích mê, đang khóc mà thấy rổ kẹo là nín liền. Phàm phu cũng vậy, cái biết của mình về bản thân, về cuộc đời, về trăng sao hoa lá toàn là những cái biết kích thích phiền não, biết theo cách đó thì trong kinh gọi là biết những điều không đáng biết. Còn điều đáng biết mình không biết, chẳng hạn như mình không biết mọi hiện hữu là khổ, không biết mọi ưa thích là nguồn khổ, không biết sự vắng mặt của khổ và tập là cứu cánh giải thoát, không biết lý tưởng Bát Chánh Đạo là con đường diệt khổ. Có một chuyện rất căn bản, (một tu sĩ hay Phật tử khi thờ Phật trên đầu thì không thể không biết), đó là dù sanh cảnh giới nào đi nữa thì hết tuổi thọ phải đi qua cảnh giới khác. Tất cả những gì mình thấy là vị ngọt là do hoàn cảnh sống cho mình cảm giác đó thôi chứ không có gì là giá trị tuyệt đối. Phân người, có những loài động vật rất thích nhưng mình chỉ nghe nói thôi là ớn. Một gói tả con nít liệng bên đường, tôi liếc thấy là lạnh xương sống rồi, trong khi đó có những loài đi kiếm cái đó để ăn. Cũng con người như nhau mà có người nhìn soirée thì thích, nhìn thỏi son hộp phấn thì mê, thì mơ ước, trong khi với tôi thì có cho cái soirée hay cả rổ son phấn tôi cũng dửng dưng. Chỉ cần mang thân nữ thôi, nhìn mấy cái đó là họ quýnh lên rồi, chịu không nổi. Chúng ta thích cái này ghét cái kia không phải do giá trị bản thân vật đó, mà do tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý và hoàn cảnh sống hiện tại. Ba nhân duyên này khiến cho một người thích hay ghét cái gì đó trong đời. Ví dụ do nghiệp xưa khiến tôi làm con chó, do khuynh hướng tâm lý tôi là người tham ái nhiều, thích ăn uống hay không thích ăn uống, con chó không có tham ăn bằng con heo, con heo là phải ủi, phải đi kiếm ăn, con chó thì khi nào đói mới ăn. Có những loài mình nghĩ đến nó là nghĩ đến chuyện ăn, con heo kiếm ăn suốt đời, con gà bơi suốt đời. Tiền nghiệp cho chúng vô cảnh giới đó và khuynh hướng tâm lý làm chúng thích cái đó. Và còn do hoàn cảnh

hiện tại nữa, ví dụ tôi là người rất thích ăn uống, nhà tôi trước đây ở mặt tiền Bàn Cờ, Vườn Chuối, mỗi chiều quanh đây người ta bán đồ ăn ê hề tha hồ ăn, nhưng nếu tôi vô thiền viện ở Miến Điện, một ngày chỉ được ăn điểm tâm sơ sài, buổi trưa ăn được thì ăn, không ăn được thì ráng chịu, buổi chiều chỉ có nước trái cây. Thế là từ từ rồi quen, quen rồi không thích nữa, thấy ăn chiều nặng nề. Trong ba nhân duyên trên, sửa được hai, chỉ có tiền nghiệp là không sửa được. Khuynh hướng tâm lýsửa được bằng 'sửa được bằng 'yoniso manasīkāra': 'như lý tác ý', 'khéo tác ý'. Hoàn cảnh sống thì có thể thay đổi bằng 2 cách là khéo tác ý và chọn cảnh mà sống (trú xứ thích hợp). Xem bài kinh Nhất Thiết Lậu Hoặc, số 2 Trung Bộ Kinh, trong đó Phật dạy 7 cách đối phó hay làm việc với phiền não, có thứ ta phải giáp mặt chịu đựng, có thứ ta phải tránh né từ xa, có thứ ta phải dùng trí suy xét v.v...

Khéo tác ý tức khéo suy nghĩ, còn gọi là trí tuệ. Do không hiểu sâu về dòng luân hồi nên mình mới thích cái này cái kia, nên mới hình thành vòng Duyên khởi, tức là, do không thấy hết các khía cạnh của cái gọi là khổ, gồm có ba: khổ khổ là sự có mặt của những gì khiến ta khó chịu; hoại khổ là sự vắng mặt những gì khiến ta dễ chịu; hành khổ là sự lệ thuộc nhân duyên mà có của pháp hữu vi, danh sắc, của hiện hữu bản thân.

Chi pháp của khổ khổ (dukkhadukkha) là thọ ưu, thọ khổ.

Chi pháp của hoại khổ (viparinamadukkha): sự thọ lạc, thọ hỷ mất đi là khổ, ví dụ đang ăn ngon mà cắn phải miếng ớt thấy điếng người, tức vừa là sự có mặt của khổ khổ mà cũng biến mất sự ngon miệng, tâm tham thọ hỷ biến mất; hoặc như trường hợp đang ngồi quạt mát mà bị cúp điện.

Chi pháp của hành khổ (saṅkhāradukkha) là tất cả những gì còn lại trong bảng nêu chi pháp, trừ Niết bàn và chế định.

Khổ một chỗ là trong room này tôi không biết có bao nhiêu người học A-tỳ-đàm, giảng Duyên khởi mà không có A-tỳ-đàm chỉ cắn lưỡi thôi. Mong rằng bà con nào chưa học A-tỳ-đàm thì làm ơn. Quí vị tưởng tượng đi, nếu thấy khoa học là cần thiết thì không thể nào dốt toán lý hóa được hết, đó là những thứ căn bản để sống ở đời. Trong Phật pháp cũng vậy, học gì cũng phải có căn bản A-tỳ-đàm. Có căn bản A-tỳ-đàm thì coi kinh cũng dễ, tu thiền cũng dễ. Những người đam mê A-tỳ-đàm nghe điều này sẽ rất là sốc: Khổ một chỗ là trong room này tôi không biết có bao nhiêu người học A-tỳ-đàm, giảng Duyên khởi mà không có A-tỳ-đàm chỉ cắn lưỡi thôi. Mong rằng bà con nào chưa học A-tỳ-đàm thì làm ơn. Quí vị

tưởng tượng đi, nếu thấy khoa học là cần thiết thì không thể nào dốt toán lý hóa được hết, đó là những thứ căn bản để sống ở đời. Trong Phật pháp cũng vậy, học gì cũng phải có căn bản A-tỳ-đàm. Có căn bản A-tỳ-đàm thì coi kinh cũng dễ, tu thiền cũng dễ. Những người đam mê A-tỳ-đàm nghe điều này sẽ rất là sốc: Học A-tỳ-đàm để hiểu mọi sự là cần xét lại. . Học để ôm giữ làm báu vật là sai tinh thần A-tỳ-đàm, sai với Phật pháp. Ví dụ, người dốt không biết gì hết, nghe ông thầy giảng về Tứ Niệm Xứ: "Nhớ nhen con, đây là thân, đây là thọ, đây là tâm, là pháp… Thầy thấy khuynh hướng tâm lý của con là hợp với thân quán, thọ quán… Đây là thất giác chi nghen con đây là hỷ giác chi, trạch giác chi, niệm giác chi, định giác chi…" nghe thấy ghê gớm! Tới hồi học Vi diệu pháp mình biết thực ra 37 Pháp trợ Bồ đề cái này chính là cái kia hoặc trong cái này có cái kia, nên những con số 5, 6, 3, 7 tùy chỗ mà nói. Phải học A-tỳ-đàm để thấy rằng ngay cả Phật trí của Thế Tôn vẫn là sự lắp ráp, hết sát-na này tới sát-na khác, và báo thân của Thế Tôn cũng là mấy chục sắc pháp đó trộn lại thôi. Trong Tương Ưng Bộ Kinh, Đức Phật dạy: nghe thấy ghê gớm! Tới hồi học Vi diệu pháp mình biết thực ra 37 Pháp trợ Bồ đề cái này chính là cái kia hoặc trong cái này có cái kia, nên những con số 5, 6, 3, 7 tùy chỗ mà nói. Phải học A-tỳ-đàm để thấy rằng ngay cả Phật trí của Thế Tôn vẫn là sự lắp ráp, hết sát-na này tới sát-na khác, và báo thân của Thế Tôn cũng là mấy chục sắc pháp đó trộn lại thôi. Trong Tương Ưng Bộ Kinh, Đức Phật dạy: Này các tỳ kheo, tất cả các hành là vô thường, vì nhân tạo ra chúng là vô thường và từ đó bản thân chúng cũng vô thường. Ví dụ như trái cam, nhân nào tạo ra trái cam?

Cũng là đất nước, nắng, gió, mù sương... thành ra trái cam non. Trái cam non mà lấy chân chà là nó nát; nếu thành trái cam lớn, không hái thì chín rớt xuống đất mềm rục, đạp lên thì bể, hoặc tự khô, gặp mưa nắng cũng mục. Nhân tạo ra nó là lắp ráp, bản thân nó cũng không trường cửu với trời đất, trăng sao được. Phật trí cũng vậy, Ngài vì có bi, có trí, có dũng, thương đời, thương người mới tu các hạnh lành để thành Phật. Những hạnh lành đó cũng là tâm, tâm sở thôi. Khi thành Phật rồi, cái gọi là Phật, 32 hảo tướng đó cũng là sắc pháp thôi. Nhất thiết trí của Ngài cũng là danh pháp hữu vi thôi. Khi sống mãn thọ rồi thì tấm thân già yếu cũng phải bịnh đau, nằm xuống, dứt hơi và ra đi, danh pháp - tâm tử xuất hiện rồi thì cũng kết thúc mọi sự. Nhân tạo ra pháp hữu vi là vô thường mà chính chúng cũng vô thường là vậy đó.

Tất cả chư Phật đều dùng đề mục hơi thở trong lúc đắc đạo, ra khỏi tứ thiền rồi quán xuôi ngược 12 Duyên khởi, sau đó thành Phật. Xem chú giải kinh Đại

Duyên Trường Bộ Kinh và chú giải kinh Sikhī trong phẩm Nhân Duyên (Nidanavagga) này để thấy điều tôi vừa nói.

Sau khi qua hai canh đầu tiên (Túc mạng và Sanh tử) đến canh thứ ba, Ngài thấy hoàn toàn bằng tâm dục giới để quán chiếu. Cái thấy của các Bồ tát lúc này là cái thấy của người có thiền, có thông, không phải tưởng tượng hay lý luận suông. Ngài quán chiếu ở đâu có thân này… sanh, hữu, thủ, ái từ đâu mà có (Xem phần [87]). Có đủ 6 căn thì có đủ 6 ái, có kiếp ta không đủ 6 ái nhưng về tiềm năng thì phàm phu nào cũng có đủ 6 ái. Có những loài động vật không đủ sáu giác quan, như con trùn chẳng hạn, nhưng cái không đủ này không phải là nó giống Phạm thiên, mà nghiệp của nó khiến cho nó không đủ thôi, nhưng tiềm năng kiếp sau của nó là có đủ nếu nó lên làm con chó. Phạm Thiên không đủ 6 căn là do phước của người ta, trên đó không cần nên không có, còn chúng sanh cõi Dục mà thiếu nghĩa là có vấn đề. Về mặt lý thuyết thì mình nhớ con số 6 thôi. Tứ thủ có từ 6 ái, 6 ái có từ 6 thọ (thọ trong lúc mình nhìn, nghe, ngửi, nếm, đụng). Mỗi lần ta nghe thấy cái gì, lộ tâm đầu tiên chỉ là chụp hình một cách máy móc chưa có một đánh giá nào, sau đó là 4 tâm lộ (cittavithi/ process of mind) để định hình xem đó là cái gì, định danh là để biết tên gọi của nó là gì, và trước đó là hai tâm lộ thu gom và tổng hợp các chi tiết để sau đó mới định hình và định danh. Thí dụ bên tay phải tôi cách một thước, tôi thấy một đống đá và một vũng nước mưa. Bên tay trái cách tôi một thước, cũng là một đống đá và một vũng nước, nhưng tôi nhìn và biết đây là cái hòn non bộ. Bởi vì sau khi tôi "chụp hình" đưa vô trong đánh giá thì cũng là đá là nước nhưng trật tự của nước và trật tự của đá ở đây phải gọi là hòn non bộ (giả sơn) mới đúng. Theo A-tỳ-đàm, khi nhìn thấy cái gì đó thì con mắt chỉ chụp hình thôi, còn giám định đánh giá đó là cái gì thì do 4 lộ tâm tiếp theo.

'Samūhaggahana': 'tổng hợp hình ảnh'.

'Atitaggahana': 'níu kéo quá khứ'. Mọi thứ sanh diệt liên tục theo một dòng chảy rất nhanh. Để gọi là một cái hoa thì phải gom lại những thứ trước đó, đúng ra nó đã trôi qua mất rồi, mình kéo nó lại, giống như quay chậm lại để nhận xét.

'Atthaggahana': 'định hình', 'sắp xếp'

'Namaggahana': 'định danh'

Sau khi xác định hình dáng xong rồi thì ta cho nó cái tên. Mọi sự diễn ra trong tích tắc, nhanh đến mức ta cứ nghĩ rằng nhìn là biết, nghe là biết. Khi nghe ban

nhạc trình diễn, nghe ca sĩ hát, nghe người chơi trống, nghe người đàn organ, nghe người chơi saxophone hay clarinet, tất cả những âm thanh của các nhạc cụ đó trộn lại, chỉ cần có một hạt sạn trong đó là dân nhà nghề biết liền. Phải có kiến thức nhạc lý mới phân biệt được điều đó. Như vậy trong lộ tâm nhĩ môn, cũng phức tạp như khi ta nhìn - nhãn môn. Tâm lý lúc ngửi mùi cũng vậy. Chỉ nghe mùi thôi là biết đây là Chanel N5, Gucci, Versace, Prada… nghe là biết liền; hoặc biết đây là mùi mắm tôm, mắm tép, mùi dầu hắc; biết đây là mùi hoa lài hoa lý hoa ngâu. Quá trình cũng diễn ra y như vậy, mũi chỉ chụp hình, vô trong mới phân tích, mùi này là của một người tình xưa cách đây 17 năm về trước mà mình nghe trên tóc nàng; cái mùi dầu gió kim hiệu con lạc đà này là mùi cuối cùng từ người bà ngoại trong đêm xuống tàu đi vượt biên. Chỉ nghe cái mùi thôi mà nó kéo tất cả những cái gì quá khứ. Bao nhiêu tâm lộ diễn ra, atitaggahana, kéo cảnh quá khứ về, samūhaggahana, tổng hợp quá khứ, atthaggahana, định hình đây là mùi gì và namaggahana định danh tên của mùi này là mùi gì. Ok cho tôi nghỉ, hẹn gặp ngày thứ Bảy.

Bài giảng ngày 1-11-2014 THUYẾT PHÁP, PHÂN BIỆT (3)

"Sabbabodhisattā hi ānāpānacatutthajjhānato vuṭṭhāya paccayākāre ñāṇaṃ otāretvā taṃ anulomapaṭilomaṃ sammasitvā buddhā hontīti"(Tất cả Bồ tát sau khi ra khỏi Tứ thiền hơi thở, quán chiếu lý Duyên Khởi theo hai chiều xuôi ngược rồi mới thành Phật). Câu này trong chú giải kinh Sikhīsutta cũng trong phẩm Nhân Duyên (Nidānavagga) này. Trong phẩm này có kinh Sikhī, Sikhī là tên một vị Phật quá khứ, một trong bảy vị gần nhất. Trước bảy vị này cũng có vô số Phật khác, và sau này cũng có vô số Phật khác. Ở đây Đức Phật chỉ nói bảy vị gần nhất thôi, đều giống nhau như vậy hết. Quí vị siêng học thấy mình còn khỏe còn trẻ còn nhớ được thì mấy câu này phải học thuộc lòng. Đặc biệt là kinh Kaccānagottasutta cũng trong phẩm này rất đáng thuộc lòng và tụng đọc mỗi đêm thay vì chỉ tụng các kinh tán thán Tam Bảo, cầu nguyện chư thiên hộ trì như xưa nay vẫn làm. Nội dung kinh này, Đức Phật gom tất cả ta bà thế giới vũ trụ, gom tất cả pháp môn tu hành, tất cả nhận thức cần tránh và cần có vào trong bài kinh chưa tới một gang tay của mình nữa. Ngài xác định toàn bộ vũ trụ thế giới này, tất cả chúng sinh trong đời này không phân biệt biên giới, không phân biệt cảnh giới đều lọt vào một trong hai quan điểm: chấp có và chấp không. Nếu thấy được Duyên khởi của các pháp hữu vi, mình không thể nào cho rằng mọi thứ không có, nếu mình thấy được mọi thứ có rồi phải mất mình cũng không thể nào nói rằng mọi thứ là trường cửu. Nghĩa là quan điểm Có, phải hiểu Có là có trong sự vô thường, mà Không là không theo khía cạnh mọi thứ tùy duyên mà có. Ví dụ chiếc xe, muốn nói có cũng được mà nói không cũng được nhưng nếu nói tuyệt đối có cũng không được mà nói tuyệt đối không cũng không được. Nếu nói tuyệt đối có thì cũng không đúng bởi không có cái gì trên đời này gọi là chiếc xe hết. Được gọi là xe bởi do nhiều món ráp lại chớ không có một cái gì đó mà bản thân nó là chiếc xe. Nếu nói rằng không thì cũng không được, vì tuy nó là ráp, nhưng ráp xong nó vẫn là cái gì đó, rõ ràng mình không dám băng qua đường mà nhắm mắt, nhưng cứ khư khư cho rằng trong vũ trụ này có món gì đó một mình nó thôi mà gọi là xe thì cũng là sai.

Ngài xác nhận trí tuệ giải thoát ở đây là tự mình thể nghiệm, thân chứng, không vay mượn người khác. Bài kinh KaccānagottaNgài xác nhận trí tuệ giải thoát ở đây là tự mình thể nghiệm, thân chứng, không vay mượn người khác. Bài kinh Kaccānagotta phải nói là tinh hoa của toàn bộ Phật pháp và xứng đáng để học thuộc lòng và tụng đọc mỗi đêm thay vì chỉ tán thán Tam Bảo và cầu nguyện chư thiên hộ trì. Bây giờ mình lật cuốn kinh tụng của VN hoặc cuốn Nhật Hành cư sĩ

thì toàn là nội dung đó. Ở đây không phải là tôi chê, nhưng tôi nghĩ ngày xưa các vị tôn đức khai sơn nhắm vào quần chúng đám đông, chớ nếu các vị Phật tử VN trong room này có cầm trong tay một bộ hai cuốn Kinh Tụng của Thái Lan, một cuốn dành cho tỳ kheo, một cuốn dành cho Sadi thì hết hồn. Kinh tụng của người ta là Tam tạng tóm tắt, chớ không phải như kinh tụng của mình toàn là cầu an cầu siêu, cầu cho các vị Phật tử nào là sống lâu, sắc đẹp, tấn tài tấn lộc, thạnh lợi phong lưu, sang cả v.v... Một người sơ cơ mới vào cửa đạo gặp quyển kinh là họ bỏ chạy mất dép khi thấy kinh vậy có gì đâu mà tụng đọc mỗi ngày. Tại sao mình không hoằng pháp hiệu quả?

Cái lỗi của mình phải nói là quá sơ ý trong chuyện đó. Tôi biết tôi nói đụng chạm nhiều người nhưng không thể không nói. Sẵn đây tôi cũng nói một chuyện lạc đề trước khi đi vào nội dung lý Duyên khởi. Mãi đến chiều hôm qua tôi mới nhận được bộ sách vừa in xong là quyển Chuyện Phiếm Thầy Tu và quyển Triết học A-tỳ-đàm, có điều đáng buồn và điều đáng vui. Vui là quyển Triết học A-tỳ-đàm được Nguyễn Quốc Bình chăm sóc bản thảo rất kỹ, những ghi chú trong đó bằng tiếng Hán, tôi chỉ để Hán Việt phiên âm thôi, thì Nguyễn Quốc Bình đã tìm cách scan toàn bộ phần chữ Hán nguyên văn vào trong đó, cả chữ Tây Tạng, Sanskrit, tiếng Đức và tiếng Pháp nữa, rất là tốt. Trong nguyên tác thì có mà chúng tôi không biết cách nào bỏ vào bản thảo dịch. Cái đáng buồn là quyển Chuyện Phiếm Thầy Tu bị trong nước cắt. Các vị tưởng tượng mình sinh ra con có hai tay hai chân, bàn tay nó có năm ngón, bàn chân có mắt cá có đầu gối, có ống quyển, có bánh chè, tự nhiên người ta xẻo một miếng, đọc thấy kỳ kỳ, sẵn đây nói để bà con biết ghi nhận giùm. Bản gốc thì in nguyên vẹn còn bản in chính thức thì bị xén. Hết phần lạc đề giờ trở lại kinh.

Chúng tôi có nói rằng sau khi giảng kỹ bài kinh đầu tiên thì toàn bộ các bài sau không giảng nữa, mấy bài sau cứ theo bài một mà hiểu. Đêm trước chúng tôi nói dở dang một vấn đề, đó là trong toàn bộ đời sống chúng sinh chỉ có 2 phần: Nhân và Quả. Quả ở đây chỉ cho 6 căn của mình, do đời trước mình có 6 ái cho nên đời này mình có 6 căn. Sáu ái là gì?

Sáu ái là thích trong cái mình thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng và suy tư. Giác quan thứ 6 biết cảnh pháp, cảnh pháp là những đề tài suy tư thuộc tâm lý, tinh thần. Cảnh pháp trong 6 trần đối với người chỉ biết hưởng dục thì chính là 5 cảnh dục trong lúc hồi tưởng hay mong đợi. Ví dụ, cảnh sắc là cái gì mình thấy, cảnh thinh là cái gì mình nghe, cảnh khí là cái gì mình ngửi bằng mũi, cảnh vị là cái gì mình biết bằng lưỡi, cảnh xúc là cái gì mình biết bằng xúc giác. Còn về cảnh pháp, đối

với người có tu thiền, có hành thiền Chỉ thiền Quán thì cảnh pháp vượt khỏi năm dục. Đối với người chỉ biết hưởng dục thì cảnh thứ 6 đó vẫn tiếp tục là năm dục nhưng trong hình thức là hồi tưởng hay mong đợi. Với người có tu thiền Chỉ thiền Quán thì cảnh thứ 6 của họ chính là cảnh tốt, ví dụ như tôi rải tâm từ, tôi niệm Phật, tôi tu hơi thở hay quán Tam tướng, Vô thường, Khổ trong danh sắc, trong năm uẩn, trong thân tâm. Còn đối với người không biết Phật pháp thì cảnh thứ 6 của họ vẫn là năm cảnh dục trong lúc hồi tưởng, mong đợi. Nói là tôi sống bằng 6 căn nhưng thật ra có lúc mắt tôi thấy cảnh sắc, có lúc tai tôi nghe, có lúc mũi tôi ngửi mùi, lưỡi tôi nếm vị, có lúc thân tôi xúc chạm v.v...; nhưng có lúc năm giác quan vật chất không làm việc thì tâm thức của tôi chỉ biết cảnh thứ sáu, cũng năm cảnh dục đó nhưng mà từ xa. Thí dụ tôi nhớ hôm qua tôi ăn gì, tôi nhớ chuyện buồn trong quá khứ hoặc sắp xếp trù hoạch toan tính trong tương lai, nhưng vẫn liên hệ quẩn quanh trong năm cảnh dục. Chỉ riêng người có tu học thì cảnh thứ 6 này mới thoát khỏi năm dục. Tức là có lúc năm dục được biết qua 5 sắc thần kinh sinh học, có lúc năm cảnh dục được biết qua giác quan thứ 6. Như vậy 5 căn chính là tâm quả, có được từ đời quá khứ.

Ngay trong đời sống này, khi con mắt tôi nhìn thấy gì, cái thấy đó là tâm quả, sau cái thấy đó tôi thích hay ghét, bực mình hay bất mãn, đó là nhân. Bản thân cái biết của các giác quan là quả, còn tâm trạng thích thương, ghét sợ là nhân. Khi biết cảnh bằng tâm thiện thì ta đang gieo nhân lành cho quả vui tương lai. Biết bằng tâm xấu thì gieo nhân khổ. Nhân nào cũng là nhân sinh tử, nhưng nhân thiện nên gieo vì nhờ vậy đường sinh tử dễ chịu hơn và cuối cùng cũng nhờ nhân thiện mà thành thánh và giải thoát. Nếu chỉ biết làm thiện mà không cầu giải thoát thì tiếp tục sinh tử như vô số kiếp xưa giờ.

Hôm nay, chỗ tôi đang ngồi, bên ngoài lạnh không thể chịu nổi, nhưng nhờ ngồi trong nhà có sưởi, chỗ ngồi cũng dễ chịu, giảng xong thì có bữa điểm tâm nhẹ nhàng thôi nhưng dễ nuốt. Nếu như trong bối cảnh lạnh lẽo này mà không có sưởi, không có chỗ ngồi đàng hoàng, không có wifi làm việc với bà con, không có điều kiện gieo nhân lành thuyết pháp, rồi không biết lát nữa đói ăn cái gì thì quí vị tưởng tượng, cuộc sanh tử khổ lắm. Ở đây vào những ngày mùa đông tuyết rơi, nhìn mấy con mèo hoang ngồi trước nhà chờ có gì cho nó mà tôi thấy sợ. Lỡ như mình chết rồi mình chun vô làm con của nó thì sao trời. Vì vậy cứ phải gieo nhân lành để đời sau cũng sanh tử, nhưng đời sống dễ chịu hơn. Làm thiện mà có lòng cầu giải thoát thì cuối cùng nó đưa mình có thánh trí giải thoát. Không biết làm thiện thì khổ thiên thu, còn làm thiện mà không cầu giải thoát khi hưởng hết quả báo đó thì chun xuống làm trùn, làm dế, làm sâu. Khổ mà không biết mình

khổ mới mệt. Thấy người ta khổ mà tôi ngán giùm. Thấy người ta làm dâu, tôi sợ lắm, rồi những kiếp làm gái phong trần bị người ta giày xéo, hoặc làm đàn ông mà không biết Phật pháp, rồi cứ một đời cúi đầu cung phụng cho vợ con, thê thiếp, mất đi cái chí nam nhi trượng phu cũng là một bi kịch nhân sinh. Hễ luân hồi là phải khổ thôi. Cứ nhớ giùm một chuyện là bạn lành khó kiếm lắm. Bởi vì theo lực đẩy, sức hút tự nhiên của dòng sinh tử, làm ác dễ hơn, sống bất thiện dễ hơn, nên người lành khó kiếm hơn người ác. Bản thân mình khó có cơ hội nghĩ đến chuyện làm thiện mà mình cũng khó tìm được người lành bên cạnh mình nên cơ hội làm ác rất lớn. Cơ hội làm ác lớn nên cơ hội sa đọa cũng nhiều. Đời sống này là biển khổ, bởi vì việc ác dễ hơn việc thiện. "Tùng thiện như đăng, tùng ác như băng" (làm thiện khó như leo cao, làm ác dễ như xuống thấp). Nếu nói theo ngôn ngữ bây giờ là làm thiện khó như leo núi, làm ác dễ như trượt tuyết. Dù trong thời tiết lạnh hay nóng, chỉ nghe leo núi là mình đã thấy mệt rồi, mỏi chưn đau lưng rồi, còn trượt tuyết thì khỏe re vì trượt xuống.

Trong đời sống sinh hoạt thường nhật của mình chỉ có nhân và quả, quả là năm căn; nhân là cái thiện hoặc cái ác; đàng sau năm căn đó, thấy là quả, nghe là quả, ngửi nếm đụng là quả. Nhân là sau cái thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng đó mình có tâm thiện hay tâm ác. Nhân nào đi nữa, thiện thì đưa mình lên cõi vui rồi cuối cùng cũng trở lại bản tánh ác của mình; còn nhân ác thì khỏi phải nói, hễ làm ác thì bị khổ. Suốt đời sống sanh tử của mình vô số kiếp cứ: nhân quả, nhân quả, thiện ác, buồn vui, thiện ác, buồn vui… trộn lại làm nên cái gọi là Duyên khởi. Trong một phút mình sống là một sự kết nối liên tục chằng chịt của nhân và quả.

Từ đâu có chuyện thích làm thiện, thích làm ác?

Là bởi vì không biết Bốn Đế. Do Vô minh trong Bốn Đế nên mới dẫn đến chuyện làm thiện làm ác, từ chuyện làm thiện làm ác này mới dẫn đến đi cõi này cõi kia. Hôm qua tôi có nói 6 căn, 6 xúc, 6 thọ; con số 6 này rất quan trọng. Từ đâu có chuyện thích làm thiện, thích làm ác?

Là bởi vì không biết Bốn Đế. Do Vô minh trong Bốn Đế nên mới dẫn đến chuyện làm thiện làm ác, từ chuyện làm thiện làm ác này mới dẫn đến đi cõi này cõi kia. Hôm qua tôi có nói 6 căn, 6 xúc, 6 thọ; con số 6 này rất quan trọng. Trình độ càng thấp thì việc tiếp nhận thế giới chung quanh phải cần đến nhiều giác quan. Đây là câu thần chú cần phải nhớ. Đời sống càng thô, càng thấp mới nhờ cậy, chìm sâu trong sinh hoạt của 6 căn. Ví dụ, ở cõi Dục, chúng sinh thích nhìn, thích nghe. Đời sống ở cõi Dục là quá trình làm việc của 6 căn. Ở cõi Phạm thiên

thấp nhất chỉ có 3 căn. Ở các cõi cao như Vô Tưởng không có căn nào. Ở cõi Vô Sắc chỉ có ý căn. (Ý căn là tâm, là thức, biết được cảnh pháp là ý căn, trong trường hợp này). Người tu thiền Chỉ (Samatha) tạm đóng các căn để tập trung trong đề mục, trau dồi định tâm. Người tu thiền Quán (Vipassana) thì hạn chế tối đa việc sử dụng các căn, luôn biết rõ chúng đang ra sao, không có ý dùng chúng để truy tìm ngoại trần.

Trên đời chỉ có 6 cảnh tức 6 đối tượng để biết. Tất cả những hình dáng, hình ảnh, màu sắc, phải biết bằng mắt. Tất cả những âm thanh tiếng động phải biết bằng tai (thính giác). Tất cả những mùi dễ ngửi hay khó ngửi, gọi là cảnh khí. Tất cả những gì có thể nếm bằng lưỡi, gọi là cảnh vị. Tất cả những gì có thể biết bằng sờ chạm, gọi là cảnh xúc. Ngoài năm thứ này ra, ta chỉ có thể nhận biết bằng mind, consciousness, cái đó gọi là tâm. Toàn bộ thế giới này chỉ có 6 cái này. Ngôi sao mình xài không được nhưng có thể biết nó bằng hai cách: biết bằng mắt, biết bằng tâm. Sông hồ biển cả đại dương mình có thể biết được bằng bao nhiêu cách?

Đang đứng bên bờ biển thì mình có thể thấy nó, có thể nghe nó, có thể ngửi mùi của nó, có thể nếm vị của nó, có thể sờ chạm vào nó, có thể suy tưởng về nó, như vậy có thể biết được biển qua 6 cách. Nhưng nếu tôi đang ở Mông Cổ, Tây Tạng, Thụy Sĩ, xứ này không có biển, bốn phía biên giới đều là đất liền, lúc này tôi chỉ biết đến biển bằng hai cách: 1/Suy tưởng về nó, nhớ lại một chuyến đi nào đó của tôi 2/ Thấy gián tiếp qua clip, video, hình ảnh chụp trên sách báo. Toàn bộ thế giới này từ những ngôi sao biền biệt ngút ngàn trên không trung, cho đến một chiếc lá, một sợi tóc, một mảnh rong rêu, con trùn, con dế, con ong cái kiến, con người, tổng thống, giáo hoàng, ăn mày, gái điếm… tất cả mình chỉ biết nó bằng 6 cách này, không có cách thứ bảy. Về sau các nhà A-tỳ-đàm bên Bắc Truyền thêm hai cái nữa. Theo PGNT thì hai cái đó được sinh ra từ cái thứ sáu. Tất cả những gì không thể biết bằng 5 giác quan vật chất thì gọi là cảnh pháp, chỉ có thể biết được bằng ý căn, tâm, thức thứ 6.

Trình độ càng thấp người ta bắt buộc phải sống bằng nhiều giác quan, càng lên cao thì người ta không cần nữa. Vì sao?

Bởi vì sự hiện hữu nào cũng là vô ích, biết cái vô ích cũng chỉ là sự vô ích. Ví dụ như bây giờ tôi bỏ quí vị vào trong nhà kho toàn là những nùi giẻ rách. Quí vị biết miếng giẻ này lấy từ cái áo vest, miếng giẻ này từ cái quần, miếng này từ áo trong, miếng giẻ này bằng lụa, miếng này bằng cotton, miếng giẻ kia bằng lụa,

miếng giẻ này từ vải của TQ v.v..., biết cho đã thì cũng chỉ là nùi giẻ, tất cả cái biết này cũng chỉ là vô ích. Đó là lý do tại sao trình độ càng cao người ta thấy không cần thiết nữa, thấy cũng là sự vô ích, nghe cũng là sự vô ích, đó là lý do Đức Phật kêu gọi mình viên tịch không sanh tử nữa, bởi mọi hiện hữu chỉ là sự vô ích. Trình độ càng thấp thì sống lại càng cần đến năm giác quan. Vậy tại sao các vị Phật không ra đời trên cõi Phạm thiên?

Chư Phật phải ra đời trong cõi Dục, vì đây là điều bắt buộc, chỉ có trong cõi Dục thì các ngài mới đủ 6 giác quan để hoằng pháp độ sinh, chớ còn nếu các ngài ở cõi cao đâu có độ được mấy người ở cõi thấp. Các ngài phải đi bát để cho người ta cúng dường, phải ở cõi Dục mới độ được mấy người mê ăn, mê gái, mê trai, mê hưởng thụ, bài bạc… Ngài cũng phải có bịnh, có đói, có già. Trong thân nhân loại Ngài có thể làm việc với Phạm thiên và độ được các loài trong cõi Dục giới, chớ còn ở cõi Phạm thiên thì quá xa lạ với chúng sinh.

Trình độ càng thấp thì càng vật lộn với năm trần nhiều hơn. Trong pháp môn Tứ Niệm Xứ, Đức Phật kêu gọi chúng ta hạn chế không đi kiếm cái gì đó để nhìn, chỉ quan sát cái gì đang xảy ra. Khi không thể tránh được cái nhìn thì biết mình đang nhìn cái gì. Khi không thể tránh được cái nghe thì biết rõ mình đang nghe cái gì. Khi không thể tránh được cái mùi ngửi, cái vị, cái xúc chạm thì biết rõ mình đang ngửi cái gì, đang nếm, đang đụng cái gì. Người tu Tứ Niệm Xứ thứ thiệt là không đi tìm cái để biết mà chỉ theo dõi cái mình đang biết. Chuyện mình vật lộn chìm sâu trong năm trần rõ ràng là một dấu chỉ cho biết mình đang sống trong trình độ thấp. Sống trong trình độ cao thì mình thấy chuyện vật lộn với năm trần không cần thiết, vì vật lộn với năm trần chỉ có một là gieo nhân sinh tử, hai là mệt nhoài. Khi biết bản chất thế giới này thì không có cái gì để mình thích, không có cái gì để mình ghét, và khi đó thì chuyện biết chỉ là mệt mỏi thôi. Chính vì mình còn thấy thế giới này theo cách thấy kích thích phiền não (áo quần, xe cộ, hàng hiệu), còn nhìn nó với khía cạnh đây là hôi thúi khó ngửi khó nếm…, mới thấy trên đời có cái mình ghét, có cái mình thích. Người thật sự hiểu đạo biết rằng mọi hiện hữu là khổ thì sự hiện hữu dưới hình thức nào đi nữa cũng là sự hiện hữu trong nhà tù, trong bệnh viện. Chẳng hạn sáng nay tôi nghĩ một chuyện mà giựt mình, năm nay tôi 46 tuổi, không còn trẻ nữa, nhưng tạm thời tôi không bịnh gì hết, tôi nhớ sáng nay tôi có buổi giảng, tôi nghĩ bụng phải ráng giảng cho xong để đừng quay lại vụ này nữa mệt quá. Chỉ nghĩ bao nhiêu đó thôi, tôi không có gì để tôi mệt. Trong khi đó tôi nghĩ, có người biết sáng nay họ phải đi lọc thận, có người biết sáng nay là ca mổ sống chết của mình sẽ bắt đầu lúc 10 giờ mà bác sĩ báo trước là kết quả 50/50, có người biết sáng nay mình phải chịu tử hình, có

người biết sáng nay mình phải ký giấy bán nhà, có người biết sáng nay mình phải ra tòa li dị, hay có mặt ở một nơi nào đó để đôi chối. May mắn thay là một sáng thức dậy mình thấy hôm nay không có việc gì để lo, không có cuộc hẹn nào làm cho mình khó chịu, bữa nay không có chuyện gì nặng nề để mình phải giải quyết. Phúc thay cho ngày nào mình thấy đó là ngày tẻ nhạt. Ngày xưa tôi sợ những ngày tẻ nhạt nhưng bây giờ tôi lại yêu những ngày đó, bởi những ngày vô vị tẻ nhạt đó chính là những ngày tôi được vô sự. Vô vị chính là vô sự. Vì sao vậy?

Vì càng có nhiều việc thì càng có phiền phức. Mọi hiện hữu là khổ, ác dễ làm hơn thiện, nên buồn khổ luôn nhiều hơn hạnh phúc an lạc. Đó chính là cái đáng chán của đời sống, chưa kể đến khía cạnh phù du của nó. Ác dễ làm nên lúc nào cái khổ cũng nhiều hơn, cái thiện đã khó làm nên cái vui thì ít, đã ít rồi mà lại vô thường mới đau chứ. Cái vui ngắn chẳng tày gang. Yêu nhau cưới nhau vui ba tháng, buồn ba năm, khổ suốt đời. Đồ đạc cũng vậy, những tín đồ shopping nói với tôi: vui nhất khi mua món đồ là 15, 20 phút thôi, về đến nhà thì người nghèo đem ra xài, còn người giàu thì liệng vô tủ, để hoài trong tủ dăm tháng vài năm lôi ra còn mới nguyên, rồi thì tiếp tục mua cái khác. Nếu là hành giả, mình thấy cái hạnh phúc ngán lắm. Thương ai đó, cứ ngồi gần họ một cách tỉnh thức, coi vì sao mình thương họ, rồi bắt đầu coi họ giở trò, những cái xấu của họ bắt đầu lòi ra. Ngày xưa làm duyên làm dáng, bây giờ, anh lấy giùm em cái kia, anh hút bụi giùm, anh lau nhà giùm, anh rửa giùm em đống chén hồi tối chưa rửa, giặt giùm em đống đồ chưa giặt, chưa kể có con, con làm xấu, nhà cửa bề bộn. Mình chăm sóc một căn phòng là đủ chết rồi, chưa kể một căn hộ chung cư, một villa, đủ chuyện trong đó: điện, nước, cỏ, rác. Muốn có được một tiếng đồng hồ ngồi trên sofa, có lò sưởi, có màn hình phẳng, có người ngồi kế bên để mình thương, phải trả giá kinh khủng lắm. Chỉ có ở khách sạn là khỏe, nhưng tiền đâu mà trả, chỉ ở được một hai đêm thôi. Nếu tôi không biết đạo mà tôi là một triệu phú, tôi nói thật, tôi vẫn thích ở khách sạn thôi. Ở chán tôi kéo vali tôi đi. Bữa nào ngủ trễ tôi treo tấm bảng 'do not disturb'. Bữa nào tôi muốn dọn phòng thì tháo tấm bảng ra cho người ta vô dọn. Bữa nào tôi chán tôi đi nơi khác. Tôi thích làm người viễn khách sống ở khách sạn hơn là làm chủ một căn nhà trong cuộc đời này. Đó là lý do vì sao Đức Phật dạy mình phải sống trong tâm trạng vô ngã quán, thấy mình là khách trọ. Trong 40 khía cạnh tùy quán Tam tướng, trong đó có khía cạnh 'parato': danh sắc chỉ là khách lạ.

Tôi kể hoài câu chuyện, có ông khách lỡ đường vô chùa xin ngủ nhờ qua đêm, trụ trì dắt khách vào nhà kho có đống cỏ khô bảo ngủ ở đó. Khách cứ trăn trở, ngứa, xót, ngủ không được, mới kêu cửa trụ trì hỏi xin chỗ ngủ khác. Trụ trì nói chỉ có

nhiêu đó thôi, khách nói: "Sao thầy không nghĩ đến chuyện kiếm cái giường hay salon ngủ cho đàng hoàng sao ngủ chi khổ vậy?

"Trụ trì nói, "Giường của ông đâu mà ông không nằm mà đi hỏi tôi." Khách đáp: "Tôi là khách làm gì có giường ở đây." Trụ trì cười nói, "Ông là khách ông không có giường, còn tôi mấy chục năm nay lúc nào cũng nhớ tôi là khách nên tôi không sắm thứ gì hết, không chỉ riêng ông là khách ở đây mà tôi cũng là khách." Câu chuyện có thể không có thật nhưng tôi rất thích câu chuyện này. Tôi sợ chuyện làm chủ một cái gì đó lắm. Năm nay tôi làm thầy chùa 36 năm rồi, tôi có cái may mắn là tôi có lòng hiếu học, hôm nay tôi muốn đi đâu tôi đi thoải mái, không có lo. Thật lòng mà nói, tôi sợ tôi có cái vật chất nào đó mà tôi sợ mất. Một ngày nào đó tôi đang ở Miến Điện, một nhà ga châu Âu, một đêm tối nào đó ở xứ người mà tôi nghe người mệt mỏi, tôi sẽ sợ cái nhà mình ai lo, miếng đất mình ai lo, chùa mình ai lo, mình đi lâu quá rồi quan hệ Phật tử ở đó có xa mặt cách lòng hay không, lâu quá người ta không email, facebook, viber… cho mình, khổ chứ! Hạnh phúc trên đời này là phải sống hữu ích như mình muốn chớ không phải lang thang không mục đích, dính mắc quá nhiều cũng là một cái khổ.

'anvatthacārika': 'lang thang không mục đích'

'gehasita': 'dính mắc quá nhiều'

Nếu phải đi thì nên đi như gió, nếu phải ở thì nên ở như đốm nắng bên thềm. "Phong lai sơ trúc bất lưu thanh, nhạn quá hàn đàm vô lưu ảnh".Đi như gió không phải đi nhanh, mà đi không vướng kẹt. Ở thì ở như đốm nắng bên thềm, khi mặt trời đã đi qua mái hiên thì nắng không còn. Đây chính là giáo lý Duyên khởi.

Chính do vô minh trong Bốn Đế nên có 3 Hành, từ đó là 6 căn, 6 xúc, danh sắc tái tục; còn đam mê trong 5 trần thì làm thiện ác gì cũng chỉ gieo mầm cho 6 căn. Sáu căn chính là sự hiện hữu của chúng sinh trong đời. Với người không tu tập thì khi 6 căn làm việc cũng là lúc họ đang gieo mầm sinh tử bằng 6 ái, tứ thủ, nghiệp hữu (thiện ác nói chung)(thiện ác nói chung). Nghiệp hữu chính là Hành, bản thân Ái cũng là Hành, gián hay trực tiếp. Nói chung, trong 12 Duyên khởi, chỉ có 2 phần Nhân và Quả. Vô minh, hành, ái, thủ, nghiệp hữu là nhân; những thứ còn lại là quả. Vẽ vòng tròn 12 Duyên khởi để thấy rõ điều này (vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc…). Làm thiện bằng tâm thiện Dục giới (tu thiền) thì gieo nhân sinh cõi lành có đủ 6 căn. Làm thiện bằng tâm thiện Sắc giới thì gieo nhân sinh cõi Phạm thiên sắc giới có 3 căn. Làm thiện

bằng tâm thiện Vô sắc (tức là tu chứng thiền Vô sắc) thì gieo nhân sinh cõi Vô sắc chỉ có Ý căn. Làm ác thì gieo nhân sinh cõi Khổ có đủ 6 căn (trừ trường hợp đặc biệt).

Ở cõi Dục giới nếu không đủ 6 căn thì là do thiếu phước. Ở các cõi Phạm thiên, không đủ 6 căn là do không cần. Xem thế giới động vật, mình sẽ thấy có những loài không có mắt tai mũi họng gì hết, nó chỉ có một khả năng là tiếp nhận dưỡng tố để sống ngoài ra không có khả năng gì hết. Con trùn chỉ có bảy tế bào thần kinh nên nó y hệt như một rễ cây, nó chỉ biết tránh nhiệt độ quá cao hoặc thấp quá. Những loài cá ở biển sâu quá thì không có mắt, con chuột chù thì không thấy đường lúc ban ngày. Ở bên Úc có loại ngọc Opal, chỉ có trong lòng đất ở xứ nóng. Điều độc đáo là chỗ nào có đá Opal thì có loại rắn độc dài khoảng hai ba tấc, không thấy đường, chúng đi săn mồi bằng khứu giác và xúc giác. Nó cảm nhận nhiệt độ của con mồi. Con rắn cắn mình là do cảm nhận nhiệt độ, nó không mổ vào đất đá mà chỉ vào động vật vì nó cảm nhận được nhiệt độ của đối phương. Con dơi cũng vậy, nó cắm đầu vào vách đá nhưng không va vào, khả năng đó gọi là hồi thanh phản vị. Có những loài nhận biết thế giới không phải bằng tai bằng mắt mà bằng mũi, bằng râu. Ở cõi Dục, không đủ 6 giác quan là do thiếu phước chớ nơi bản thân con vật đó khả năng tham dục vẫn rất nặng, nó sẵn sàng để hưởng thụ cả 6 nhưng vì thiếu phước nên nó chỉ được tới đó thôi. Chung qui lại, toàn bộ đời sống của chúng ta chỉ là sự có mặt của 6 căn, có lúc thiếu có lúc đủ do phước hoặc do phiền não của mình. Do vô minh trong Bốn Đế nên mới dẫn đến ba Hành, do có Hành mới duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc - những yếu tố tâm lý và sinh lý trong thời điểm đầu đời lúc đầu thai, tái tục. Nếu mình gieo nhân Dục giới thì ngay thời điểm đó mình chuẩn bị có 6 căn, còn nếu mình gieo nhân Sắc giới thì mình chuẩn bị có 3 căn hoặc 1 căn, nếu là cõi Vô sắc. Trong công thức: "…thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập", 'lục nhập' ở đây phải ghi rõ là tùy cõi, có cõi đủ 6, có cõi không đủ 6. (Xem thêm trong cuốn Triết học A-tỳ-đàm) Toàn bộ những bài sau cứ vậy mà hiểu. Bài kinh thứ hai đã giảng xong, qua tới bài số 3, Con Đường.

CON ĐƯỜNG (Paṭipadāsutta)

"2)Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết giảng cho các Ông về tà đạo và chánh đạo. Hãy lắng nghe và khéo suy nghiệm, Ta sẽ giảng."

'sammāpaṭipadā': 'chánh đạo' 'micchāpaṭipadā': tà đạo

'vaṭṭasīsattā': nguồn sinh tử. 'vaṭṭa': 'luân hồi', 'sīsa': cái đầu.

12 Duyên khởi theo chiều thuận là tà đạo, chiều nghịch là chánh đạo. Dù sống bằng tâm thiện hay bất thiện, chỉ cần hướng đến sinh tử thì gọi là tà đạo, lìa bỏ 12 Duyên khởi là chánh đạo, vì thiện hay ác đều là 'vaṭṭasīsatta'(nguồn sinh tử). Thiện hay ác, chỉ cần hướng đến sinh tử, đều là vaṭṭasīsa nên được gọi là tà đạo.

Khi mắt tai mũi lưỡi thân ý biết 6 trần, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, với người không tu hành thì Thọ duyên Ái, Thủ, Hữu… với người tu hành thì Thọ duyên cho Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ. Với người không tu hành, khi thấy dễ chịu là bắt đầu tham nổi lên, thấy khó chịu thì sân nổi lên; với người tu hành thì dễ chịu hay khó chịu đều là cảnh để tu hành. Cảnh xấu hay cảnh tốt, dễ chịu hay khó chịu đều là cảnh để mình chánh niệm.

Chánh niệm là gì?

Bà con đừng có nghiên cứu những lý thuyết ghê gớm. Thiền sư nào đi nữa cũng phải dựa vào Tứ Niệm Xứ trong chánh tạng, còn kinh nghiệm của thiền sư nào thì cũng chỉ là góc độ cá nhân, đã là cá nhân thì luôn kéo theo đó những vấn đề cá nhân. Người đi đứng khó khăn khi hướng dẫn thiền thì không nói nhiều đến kinh hành, mà chỉ thích nói về ngồi; người thích đi đứng thì lại khuyến khích đi kinh hành, toàn bộ là vấn đề cá nhân. Chánh niệm là biết rõ mọi sự đang xảy ra như thế nào. Học giáo lý để biết mình là những gì cộng lại. Tu quán Vipassana để biết mình đang ra sao: what & how. Học để biết cái what, hành để biết cái how.

WHAT: thiện ác, buồn vui. Thiện lúc này là nhân vui cho tương lai. Ác lúc này là nhân khổ cho tương lai. Khổ lúc này là quả của ác quá khứ. Vui lúc này là quả của thiện quá khứ. Đó là WHAT, là bản chất của mình.

HOW là đang đi, đang đứng, đang thiện, đang ác, đang vui, đang buồn... Thay vì thấy là vui hay sợ thì nên ghi nhận rằng niềm vui đang biến mất, nỗi sợ đang biến mất, cơn giận đang biến mất…. Rất là hay! Thay vì biết đang giận, mình thêm ba chữ "đang biến mất", thế là nó đang biến mất thiệt. Ban đêm ở một mình trong phòng, nghe tiếng động nào đó, cơn sợ nổi lên, mình niệm: "Nỗi sợ hãi đang biến mất." Niệm này rất có lợi. Thứ nhất, mình nhận ra lý vô thường, thứ hai là có tác dụng với phiền não, hiệu quả tức thì, đang giận là mình thấy cơn giận đang biến mất, nỗi sợ hãi đang biến mất. Đang đi biết là đang đi, bước biết đang bước, biết đang xối nước, đang kỳ cọ, biết rõ. Những cái này không thể nào biết bằng lý thuyết được mà phải thực tập mới hiểu. Tại sao có pháp môn tu hành kỳ cục như vậy. Hãy thử một ngày như vậy đi, hạnh phúc lạ lùng lắm. Sống chậm lại, nó ra làm sao thì thấy như vậy, bảo đảm quí vị sẽ thấy an lạc, cái an lạc này giống như

niềm an lạc của người tập thể dục. Mình thấy mấy người này ngày nào cũng chạy, được cái gì mà ngày nào cũng mặt đỏ kè, mồ hôi mẹ mồi hôi con mà sao ngày nào cũng đi. Hỏi họ, họ không giải thích được. Không có người nào trên thế giới này giải thích được cảm giác của người khỏe mạnh. Họ chỉ nói bụng tôi không dư mỡ, leo núi tôi không thở mà ông thì thở dữ. Tại sao mình thấy mệt, tại sao mình stress, tại sao mình u sầu…?

Vì mình chất nặng quá nhiều thứ trong lòng.

Lúc chưa tu tập chỉ thấy sợ, giận, ghen, tức, tiếc là gánh nặng. Lúc thuần thục rồi sẽ thấy cả sự hưởng thụ cũng là gánh nặng. Trước đây thấy bữa ăn ngon là hạnh phúc, bây giờ thấy việc ăn uống là mất thời giờ. Khi thấy cả đau khổ và hạnh phúc là gánh nặng, lúc này cả đau khổ và hạnh phúc đều là những người khách, không phải là mình nữa. Khi ta quan sát chúng thì chúng không còn là ta nữa. Gánh nặng lúc này đã được đặt xuống. Đây là cách làm việc với 12 Duyên khởi.

Bước vào nhà tắm lúc đang nóng nực, mở một dòng nước vừa ý, sung sướng lắm, giờ mình thấy không còn sung sướng mà chỉ mất thì giờ. Thì giờ để làm gì?

Để quan sát nó. Hành giả luôn sống bằng tâm trạng của người mẹ có nhiều con, phải lưu tâm chúng, không còn thời gian phấn son.

Những bài kinh khác y hệt vậy. Bảy kinh còn lại chỉ xác định một điều tôi vừa ghi đầu buổi giảng: Tất cả Bồ tát đêm cuối cùng trước khi thành Phật bỏ trọn canh đầu để dùng Túc mạng minh quán xét quả luân hồi, canh giữa dùng Sanh tử minh để quán nhân luân hồi. Canh cuối ra khỏi Tứ thiền hơi thở, quán chiếu 12 Duyên khởi theo hai chiều thuận nghịch để thành Phật. (Chú giải kinh Sikhīsutta).

Cuối cùng Đức Phật xác nhận, chính Ngài cũng chứng quả Toàn Giác theo cách vừa nói.

PHẨM ĐỒ ĂN (Āhāravagga)

CÁC LOẠI ĐỒ ĂN (Āhārasutta)

‘Āhāra’: ‘food’, ‘thức ăn’. ‘Āhāra’: ‘mang lại cái gì đó’; ‘cái mang lại sự sống’. Bên tiếng Đức, ‘thực phẩm’ là ‘lebensmittel’ cũng có nghĩa là “cái đem lại sự sống”.

Khi Đức Phật nhìn về thế giới này, Ngài có nhiều cách nhìn ngộ lắm. Trong kinh nói thế giới này là nghĩa trang vì mọi người đang chết từng phút. Cũng có thể nói thế giới này là một bàn ăn vì từng giây chúng sinh đang đón nhận những nguồn tiếp liệu, tiêu thụ năng lượng để tồn tại, như nến phải cháy để hiện hữu, máy móc phải mòn hao dần để mà hoạt động. Nguồn tiếp liệu ở đây được Phật gọi là 'āhāra' (thực phẩm).

Dòng sinh tử của mình cũng cần đến nguồn tiếp liệu, một sợi tóc, một đoạn ngắn móng tay của mình cũng phải từng giây đón nhận những nguồn tiếp liệu để mỗi ngày dài ra. Một xác ướp thì sẽ không tiếp tục mọc tóc, móng cũng không dài ra, còn người sống thì vẫn tiếp tục mọc dài ra vì người sống còn có nguồn tiếp liệu. Những nỗi khổ niềm đau ở đời cũng cần có nguồn tiếp liệu. Ví dụ, sáng nay mình thức dậy mở email thấy vui, email cũng là nguồn tiếp liệu cho nguồn vui trước mắt. Sáng nay một cú phone gọi vào làm cho mình khó chịu, cú phone đó chính là thực phẩm, nguồn tiếp liệu dưỡng tố cho sự khó chịu đó. Như vậy thì một câu nói, một ánh mắt, một nụ cười, một trang sách, một website, một email, một tin nhắn trên facebook, viber đều là nguồn tiếp liệu cho nỗi khổ niềm đau. Sợi tóc, móng tay hay tí nước bọt cũng phải có nguồn tiếp liệu nào đó. Tại sao mình có da khô, có gàu, có những tế bào chết, có những tế bào mới thay thế?

Có chuyện tống cựu nghinh tân này là vì chúng ta có đón nhận nguồn tiếp liệu mới. Đời sống này là dựa vào cái nguồn tiếp liệu, tinh thần lẫn vật chất.

"Kabaḷīkāro āhāroti kabaḷaṃ katvā ajjhoharitabbako āhāro, odanakummāsādivatthukāya ojāyetaṃ adhivacanaṃ….. panāhāro sukhumotveva niṭṭhaṃ patto".

Theo đoạn chú giải trên, vật thực của chúng sanh trong đời gồm hai thứ thô và tế, thức ăn của loài này vi tế hơn hoặc thô thiển nặng nề hơn loại kia. Đồ ăn của con cá sấu thô thiển hơn đồ ăn của con chim công. Đồ ăn của con chim công thô thiển hơn con linh cẩu…

'kumbhila': 'cá sấu' (crocodile, alligator)

'mora': 'công' (peacock)

'taracchāna': 'linh cẩu' (hyena)

'hatthi': 'voi' (elephant)

‘gava’: ‘bò’ (cow)

‘sakuna’: ‘chim’ (bird)

Tóm gọn đoạn Pāḷi trên: Thức ăn của chúng sinh gồm cả tinh thần lẫn vật chất, thô và tế, do thiện hay ác nghiệp tạo ra nhưng chung quy đều là nguồn tiếp liệu cho đời sống tinh thần hay sinh học. Tôi nhớ có ông vua hiếu học lắm mà già quá sức rồi, trước khi chết ông muốn đọc hết tất cả các sách vở trong trời đất một lần nên yêu cầu quần thần gom lại thành một cuốn Almanach. Người ta gom lại 8 cuốn vua đọc cũng không nổi, gom thành 4 cuốn đọc cũng không xong, còn lại 100 trang đọc cũng không nổi, còn một trang vua cũng không đọc nổi, vua hấp hối rồi. Có ông Khổng giả ghi xuống một câu: “Đông Tây Kim Cổ, người sanh ra để mà chết”. Nguyên đoạn Pāḷi dài xọc tôi dịch còn nhiêu đó đó. Tôi giảng nãy giờ quí vị tưởng tôi lạc đề, nhưng đó là cái nền. Đức Phật dạy, thức ăn có bốn thứ: đoàn thực, xúc thực, tư niệm thực, thức thực.

Đoàn thực: là thực phẩm chúng ta ăn uống.

Xúc thực: là tâm sở xúc là sự gặp nhau giữa 3 thứ: căn, cảnh, thức.Căn là những giác quan, cảnh là đối tượng, thức là cái tâm.

Tâm nói có 121 cũng đúng, nói có 89 cũng đúng, nói có 6 cũng đúng, nói có 1 cũng đúng. Tâm thánh nhân có nhiều cách kể, kể gọn chỉ có tám (4 đạo, 4 quả). Kể đầy đủ thì nhân với 5 hay bốn tầng thiền, thường là 5. Như vậy 4 tầng thánh x 2 (đạo quả) =8. 8 x 5 tầng thiền = 40 tâm thánh nhân, siêu thế. Trong trường hợp đó, 54 tâm Dục giới, 27 Tâm đáo đại, 40 Tâm thánh =121 tâm. Nếu kể gọn thì Tâm thánh nhân chỉ có 8; nếu vậy thì 121 rút gọn còn 89. Trong chánh tạng, Đức Phật không nhắc đến 121 hay 89, chỉ nhắc đến 3 tâm (Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới); hoặc 6 tâm (nhãn thức… ý thức), hoặc chỉ 1 tâm là sự biết cảnh. Còn chuyện 121, 89, thì các vị thánh nhân đắc Tứ tuệ phân tích, phân tích ra cho mình hiểu. Giống như ông nội chết để lại cho mình 8 công vườn 12 công ruộng, mình là đứa bé chỉ biết ruộng là ruộng, vườn là vườn, chú bác của mình cho mình biết mấy công vườn này là cam sành, cam mật, quít, thanh long, nhãn, chôm chôm, cây này sống được bao lâu, bao lâu thì có trái v.v... mà trong di chúc ông nội đâu có ghi, chỉ có chú bác thấy mình nhỏ nên nói cho mình biết thêm.

Thời Đức Phật, Ngài nói về tâm gọn lắm; đời xưa đâu có sách vở gì đâu, chỉ nói miệng thôi. Toàn bộ vũ trụ chỉ là 12 xứ, gồm 6 căn và những gì là đối tượng của 6 căn. Xa lắc xa lơ nghìn trùng viễn xứ như là những ngôi sao xa tít trên trời thẳm

nó cũng là cảnh sắc hoặc là cảnh pháp, còn lại là ao hồ, sông rạch, con người, muông thú, cái gì đi nữa cũng nằm trong 6 cảnh này. Trong 6 cảnh đó có cái phải biết bằng mắt, có cái phải biết bằng tai, có cái biết bằng mũi, lưỡi, thân, ý – tâm của mình. Đức Phật nói tâm chỉ có 6 (nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức), có trường hợp Ngài chỉ nói tâm có 1, đó là sự biết. Lúc nào tâm biết cảnh sắc mình gọi là tâm nhãn thức, tâm biết cảnh thinh thì mình gọi là tâm nhĩ thức. Tùy vào cảnh và tâm sở đi cùng, ta gọi đó là tâm gì. Ví dụ mình nhìn vào cảnh nào đó mình bực mình, hoặc mình thích, thì lúc mình gọi là Tâm tham, lúc thì mình gọi là Tâm sân. Gọi là tâm tham bởi trong tâm đó có Tâm sở tham đi cùng, tham hoặc tà kiến, ngã mạn; gọi là Tâm sân bởi trong đó có sân, tật, lận, hối…; trong trường hợp cũng cảnh đó mà tâm sở khác nhau, tùy tâm sở đi cùng mà mình gọi đó là tâm gì. Trường hợp tùy vào cảnh, ví dụ tâm biết cảnh Niết bàn thì gọi là Tâm Siêu thế, tâm biết cảnh Sắc giới thì gọi là Tâm Sắc giới, tâm biết cảnh Vô Sắc giới thì gọi là tâm Vô Sắc giới.

Toàn bộ đời sống của mình là một bàn ăn, chúng ta luôn luôn nhờ đến những nguồn tiếp liệu để tồn tại giống như chúng ta đang ngồi trong một bàn ăn. Tấm thân sinh lý của mình phải nhờ cơm bánh, rau trái, thịt thà, chay mặn thì gọi là đoàn thực. Xúc thực là sự gặp nhau giữa căn cảnh và thức. Thôi ngưng ở đây, hai tiếng đồng hồ đủ rồi. Cảm ơn nhân vật cho mình cái đồng hồ, đúng là bạn lành. Bữa nay cuối tuần, tới ngày tôi là bực chưn tu nè, vừa chân tu vừa tango nữa. Tăng go là ông sư đi á. Xin chào đại chúng.

Bài giảng ngày 4-11-2014 CÁC LOẠI ĐỒ ĂN (tt)

Sáng nay ôn lại 4 thứ vật thực, vẫn là đề tài Duyên khởi, ở đây Đức Phật lồng ghép 4 loại thức ăn vào trong đề tài Duyên khởi. Dù là đời sống tinh thần hay tấm thân sinh lý đều phải cần tiếp liệu, dưỡng tố mới tồn tại được. Bất cứ một thứ vật chất nào dù là hạt cát, cọng cỏ, đốm nắng hay cơn gió đều cần đến những yếu tố, những nhân duyên. Đừng nghĩ làn gió nhẹ hay đốm nắng nhỏ mà không có những yếu tố, không có những nhân duyên. Đâu phải lúc nào mình muốn có gió là có, muốn có nắng là có ngay. Những yếu tố, những điều kiện, những nhân duyên nào giúp cho cơn gió đó, tia nắng đó có mặt được gọi là vật thực.

Dòng sinh tử của chúng sinh gồm 4 thứ vật thực:

1. Đoàn thực: là những thực phẩm mà ta ăn uống.

2. Xúc thực: là tâm sở xúc, là sự gặp gỡ của căn, cảnh, thức. Nếu như mình đang ngủ, mình không thể nào thấy cái hoa đang nở bên ngoài cửa sổ được. Có những niềm vui nỗi buồn phải hội đủ nhân duyên mới hình thành, sự hình thành đó gọi là xúc. Mình mong được gặp người nào đó quá, nhưng người đó không có mặt ở đây, con mắt mình đang sẵn sàng thấy, nhưng thiếu cảnh. Có căn có cảnh gặp nhau mới có thức. Có căn - cảnh - thức gặp nhau mới làm nên một cái gọi là đời sống. Có thức ăn mà không chạm môi vào thì làm sao gọi là ăn được. Nhiều khi căn có vấn đề, cảnh có vấn đề, thì thứccó vấn đề. Ví dụ, hôm đó mình đi du lịch nhưng trời sương mù quá mình không thấy đường thì cảnh có vấn đề; hoặc bữa đó mình bị ù tai, hoặc âm thanh ồn quá không nghe tiếng nhạc, hoặc lưỡi bị đắng không nếm được, thì cảnh không có vấn đề nhưng căn có vấn đề.

Đời sống luôn là sự hội tụ của những nhân duyên, Phật gọi đó là Xúc thực, chỉ cần trục trặc một duyên thì đời sống lập tức có vấn đề.

3. Tư niệm thực: Tâm sở tư, tức "mental investment, intending." Chủ ý của mình trong mỗi suy nghĩ, hành động lớn nhỏ rất quan trọng, một người không học giáo lý sẽ làm lơ chỗ này. Chẳng hạn như, tôi cũng sống trong hoàn cảnh y hệt quí vị, tôi tần tảo một nắng hai sương, buôn gánh bán bưng đủ thứ, nhưng lòng tôi chỉ mong lo xong cho các con, thì mùa mưa năm sau tôi nói với vợ/chồng tôi là tôi đi về Miến Điện tu thiền, khi có lòng nghĩ như vậy thì dù cực cỡ lòng tôi vẫn cứ vui, vì tôi biết tôi sẽ có 3 tháng ở Maymyo, mát lạnh an tĩnh. Trong khi đó tôi cũng cực khổ nhưng tôi cứ nghĩ một chuyện lo cho chồng (vợ), lo cho con… cứ như thế loay hoay mãi, và thấy rất là mệt. Chuyện tôi vừa nói đó là có thật ở châu Âu.

Có một cô Phật tử, gia cảnh thanh bần, nếu cổ đi làm thì hai vợ chồng chỉ đủ xoay sở cho một đời sống tương đối no đủ thôi, còn nếu một trong hai người ngưng làm việc thì đời sống sẽ chật vật hơn, vậy mà cuối cùng cô chọn đường đi tu thiền, cô nói nếu cô ở nhà thì nhà cô chỉ thêm một dĩa thịt cho bữa ăn thôi. Thế là cô đi tu thiền tinh tấn và hôm nay cô đã xuất gia rồi. Cô nói rằng cô tin Phật, thân người khó được, chánh pháp khó gặp, bây giờ nếu cứ ám ảnh trách nhiệm thì cứ như bao nhiêu chúng sinh khác, như bao nhiêu người đàn bà khác thì đời tàn rồi, làm vợ làm đàn bà một đời này đủ rồi. Tôi trân quý cách suy nghĩ đó. Cô đã đầu tư ý thức rất là tốt. Tâm sở tư ở đây là sự đầu tư của ý thức. Trong khi đó biết bao nhiêu người giàu có nhưng thiếu "right intending" nên khổ như điên. Hành động lớn hay nhỏ, làm gì cũng nhắm lợi ích của mình của người đời này đời sau, sống không có lòng hại mình, hại người, đó gọi là 'sammapanihita'(chánh tư, chánh hướng), hay 'kusalacetanā'(thiện tư), biết cái gì thiện cái gì ác, biết phân biệt cái mình cần và điều mình thích. Nếu sống ở đời này mà thiếu sammapanihita, chỉ biết đói ăn, khát uống, nam nữ, đực cái trống mái tìm nhau và khả năng phản vệ thì không khác nào con thú.

4. Thức thực: theo sớ giải của kinh này thì thức thực ám chỉ cho thức tái sinh (patisandhiviññāṇa). Khi một thiện tâm xuất hiện thì nó âm thầm tạo ra một tâm tái sinh vào cõi lành. Một ác niệm, cũng vậy, nó âm thầm tạo ra một tâm đầu thai vào cõi khổ, đọa xứ (apāyabhūmi).

Khi một tâm Đại thiện xuất hiện, coi như nó đang âm thầm chuẩn bị một Tâm đại quả để ta tái sinh vào cõi lành Khi một tâm Đại thiện xuất hiện, coi như nó đang âm thầm chuẩn bị một Tâm đại quả để ta tái sinh vào cõi lành nào đó (*). Khi một Tâm thiện Sắc giới xuất hiện thì nó âm thầm tạo ra một Tâm quả Sắc giới để ta sinh về cõi Phạm thiên Sắc giới. Khi một Tâm thiện Vô sắc giới xuất hiện thì nó âm thầm tạo ra một Tâm quả Vô sắc giới để ta sinh vào cõi Vô Sắc giới. Như vậy, nói đến Tâm tái tục là phải nói đến cái tâm nào đã tạo ra nó. Khi một Tâm bất thiện xuất hiện thì nó âm thầm tạo ra một Tâm tái sanh vào cõi khổ. Một ngày mình sống quá nhiều bất thiện tức là gieo chủng tử tái sinh vào cõi khổ.

(*) Nghiệp mạnh thì tạo ra hai thứ quả: quả tái sinh và quả bình sinh. Nghiệp nhẹ thì chỉ quả bình sinh. Ví dụ, Đức Phật là đối tượng đáng kính và đức độ của Ngài rất lớn. Cúng cho Ngài một muỗng cơm đủ hai nghiệp: tái sanh về cõi lành, và vật chất dư tràn. Còn ví dụ như ăn dư và ném ra ngoài sân cho con gì ăn được thì ăn, thì việc thiện này nhỏ xíu, vì cái tâm lành lúc ném bánh mì ra cũng không phải là tâm hoan hỉ đặc biệt như khi cúng dường Đức Phật. Thứ liệng ra cũng là

thứ đồ dư thừa, và đối tượng nhận được thì cũng chỉ là mấy con thú hoang nào đó, tất cả cộng lại quá ít ỏi sơ sài, không đủ tạo ra nghiệp tái sinh, chỉ tạo ra nghiệp bình sinh (daily). Ngài Angulīmāla trước khi đắc thánh bị người ta đánh chửi nhưng lúc nào cũng có người thương quý, cúng dường thức ăn ngon miệng, đắt tiền, vì xưa ngài từng là tỳ kheo khi đi bát về ăn dư chút đỉnh thì kiếm chỗ khô ráo đổ ra cho con gì ăn được thì ăn; suốt đời tu của ngài ngày nào ngài cũng làm vậy với cái thiện tư. Cứ như vậy thì trên con đường sinh tử luân hồi, dù hoàn cảnh nào đi nữa, làm con chó con mèo cũng làm chó mèo nhà giàu, ăn không hết. Ở Thụy Sĩ, Đức, vô siêu thị thấy bán đồ cho chó mèo mình nhìn mà tủi, thương cho người dân xứ nghèo. Đồ ăn cho chó mèo đóng gói bao bì rất đẹp, chỗ nằm, đồ uống nước cũng sang trọng. Khi đã có phước rồi thì có tái sanh thành con trùn con dế cũng ở cái chỗ nhiều thức ăn.

Chỉ người nào tái sinh bằng Tâm hợp trí thì mới có thể đắc thiền hay chứng thánh. Có những chuyện đã quyết định ngay trong bụng mẹ. Người Tàu có câu: "Đại phú do thiên, tiểu phú do cần". Do thiên là do nghiệp đời trước, còn tiểu phú là do siêng, không giàu nhưng siêng thì cũng đủ ăn đủ mặc. Trí tuệ cũng vậy, đắc thiền chứng thánh không phải do nỗ lực mà đủ, phải do nhiều yếu tố: Ba-la-mật đời trước, và tâm tái sinh đầu đời là tâm gì. Chỉ có Tâm thiện hợp trí mới tạo ra Tâm tái sinh hợp trí. Muốn có Tâm thiện hợp trí thì khi làm phước cũng có trí tuệ và trí tuệ này có được từ ba nguồn: trí văn, trí tư, trí tu.

Trí văn có được do việc ta nghe, học, đọc, từ đâu đó.

Trí tư có được từ sự suy gẫm, thấm thía, trầm tư, tiêu hóa với riêng mình, dựa trên cái đã biết.

Trí tu có được từ sự tu tập Vipassanā quan sát sinh hoạt và tâm trạng thường nhật của mình để thấy cái gì cũng do duyên mà có, và cái gì đã có cũng vô thường. Khi sống chậm và mindful thì sẽ thấy ra nhiều điều cực kỳ thú vị và quan trọng. Giáo pháp của Đức Phật là Sanditthiko, tự mình thấm thía, không thể tin suông vào người khác. 'Parasaddhāya': tin vào người khác (chữ này được dùng trong chú giải kinh Ngọn Cờ, Dhajaggasuttavừa học xong tuần trước).

Bốn thực phẩm vừa kể là nhân sanh tử, nhưng chúng được hỗ trợ từ Ái. Vị A-la-hán không còn . Vị A-la-hán không còn Ái nữa thì không còn bốn thực phẩm này nữa. Một chiếc tàu phải có nhiều yếu tố, điều kiện, nhân duyên mới có thể vận hành trên sông trên biển; nếu chiếc tàu bị trục trặc, bị lủng, máy hư, hoặc người lái tàu chết thì chiếc tàu không vận hành được nữa. Kinh ví dụ vị La-Hán giống

như con tàu bị mục nát, không còn đi trên nước được nữa, không thể tiếp tục có mặt trên biển khổ trầm luân.

Mình sống được nhờ mình ăn, nhờ còn khả năng tiêu thụ thực phẩm và thuốc men. Khi không còn hai khả năng này nữa thì kết thúc. Làm sao mình có thể tiêu thụ thức ăn và thuốc men?

Là vì mình muốn, hoặc có người khác muốn. Phải có 'muốn' mới được. Dù mình hôn mê cũng có người muốn mình sống, và dùng những thứ hỗ trợ sự sống (life supports). Dòng sanh tử phải nhờ cậy vào bốn thứ thực phẩm này, nhưng mới được. Dù mình hôn mê cũng có người muốn mình sống, và dùng những thứ hỗ trợ sự sống (life supports). Dòng sanh tử phải nhờ cậy vào bốn thứ thực phẩm này, nhưng 4 thực phẩm này chỉ có tác dụng với người còn tham ái.

Ái này có từ này có từ Thọ (3 thọ hoặc 5 thọ)

3 thọ:

1- Khổ là cái gì khó chịu bất mãn về tinh thần hay thể xác.

2- Lạc là cái gì làm dễ chịu về tinh thần hay thể xác.

3- Xả là không khổ cũng không lạc

5 thọ:

1- Khổ là khó chịu về thân.

2- Lạc là dễ chịu về thân.

3- Ưu là khó chịu về tâm.

4- Hỷ là dễ chịu về tâm.

5- Xả là sự lạnh lùng vô cảm của tâm.

Thân của mình không có thọ xả vì thân của mình có cảm giác là vì tâm, bản thân nó chỉ là cục thịt, không có cảm xúc. Cũng cái thân đó mà khi bị gì đó thì tâm khó chịu mà được gì đó thì tâm dễ chịu. Thân sinh lý chỉ có 2 cảm giác: dễ chịu hoặc khó chịu. Khi ta để ý một chút sẽ thấy thân không có cảm giác thứ ba. Với hành giả niệm mạnh, thân này hầu như chỉ có khổ thọ hiếm khi được lạc thọ.

Sáng sớm thức dậy là lăng xăng tắm rửa, chuẩn bị ăn sáng rồi vội vàng vào sở làm, chiều tan sở lại về lo ăn uống tắm rửa rồi vô ngủ, sáng hôm sau đi làm tiếp, không có mấy khi mình ngồi lại nhìn cái thân của mình. Nếu có giây phút nào xếp chân kiết già hay bán già, ngồi thẳng lưng, hít sâu, thở chậm, biết rõ mông và chân mình đang chạm trên tọa cụ, hai bàn tay đặt trên đầu gối, biết rõ, thì thấy rõ cái thân này khổ từ đầu đến chân, đau, rêm, mỏi, ngứa… Lâu nay mình phóng dật nên không thấy rằng cái thân này là cái nhà máy, là cái thành phố, bao nhiêu thứ đang hoạt động náo nhiệt trong đó để đào thải tế bào chết ra ngoài, bộ phận nào (tiêu hóa, hô hấp…) làm việc bộ phận nấy. Các bộ phận vừa làm việc vừa nói cho nhau, chỉ hành giả mới nghe thấy "phải làm việc làm sao cho cái người này già đi, phải xuống cấp mới được", cái tim cái phổi cái bao tử lúc 50, 70 tuổi đâu có giống lúc 20 tuổi, chúng dặn nhau làm việc sao cho nhanh kết thúc.

Ái do Thọ mà có, trong đời sống làm sao mình tránh được cảm xúc cảm giác. Khi mình nhìn, nghe, ngửi, nếm, đụng trong từng phút là không có gì không để lại cảm xúc, cảm giác.

Thọ có từ xúc, sự gặp nhau của căn, cảnh, thức (đã nói ở trên).

Xúc do 6 căn mà có. Chúng sanh cõi Dục thô thiển có đủ 6 căn. Cõi Sắc giới hữu tâm chỉ còn 3 căn: nhãn, nhĩ, ý. Phạm thiên có nhãn, nhĩ chỉ để làm việc, nghe cái đáng nghe, cần nghe và thấy cái cần thấy, cần nhìn. Người cõi Dục giới thì dùng 6 căn để sống, để hưởng thụ và chịu đựng bao gồm những trường hợp không cần thiết.

Sáu xứ (lục căn) do danh sắc tái tục, tức danh sắc đầu đời mà có. Do nghiệp thiện ác một đời quá khứ nào đó tạo ra thức tái tục kiếp này và từ tâm này mới có danh sắc đầu đời.

Danh sắc này là thành tố tâm sinh lý đầu tiên trong cuộc đời của mình: bào thai (foetus), bắt đầu từ tinh trùng (sperm) đi vào trứng để thụ tinh và hình thành nên phôi. Từ cái phôi nhỏ không thấy được bằng mắt thường lớn dần thành đứa đé, đó là danh sắc đầu đời, có được từ thức tái sinh.

Thức tái sinh có được từ một quá khứ nào đó, nghiệp mạnh thì cho quả đầu thai gần, kiếp trước qua kiếp sau có liền. Có nghiệp thì phải 500 kiếp hay 1000 kiếp sống sau đó mới cho quả tái sinh. Mỗi ngày mình sống thiện ác như thế nào chính là đang gởi trong nhà băng cái tâm tái tục mà không biết mình rút ra lúc nào. Chỉ có Đức Phật mới biết điều này. Ngài biết hôm nay, với nghiệp mình làm bữa nay

thì sẽ tạo tâm tái tục cho bao lâu nữa mình sẽ nhận được. Vì vậy ở đây Ngài không nhắc đến nghiệp mà chỉ nhắc đến thức tái tục có từ quá khứ. Thức tái tục có từ có được từ một quá khứ nào đó, nghiệp mạnh thì cho quả đầu thai gần, kiếp trước qua kiếp sau có liền. Có nghiệp thì phải 500 kiếp hay 1000 kiếp sống sau đó mới cho quả tái sinh. Mỗi ngày mình sống thiện ác như thế nào chính là đang gởi trong nhà băng cái tâm tái tục mà không biết mình rút ra lúc nào. Chỉ có Đức Phật mới biết điều này. Ngài biết hôm nay, với nghiệp mình làm bữa nay thì sẽ tạo tâm tái tục cho bao lâu nữa mình sẽ nhận được. Vì vậy ở đây Ngài không nhắc đến nghiệp mà chỉ nhắc đến thức tái tục có từ quá khứ. Thức tái tục có từ hành.

Hành ở đây là 3 loại nghiệp thiện ác. Ba nghiệp thiện ác là: 1.Nghiệp bất thiện. 2.Thiện hữu sắc. 3.Thiện vô sắc. Ba hành này, tức là ba nghiệp này, có từ ở đây là 3 loại nghiệp thiện ác. Ba nghiệp thiện ác là: 1.Nghiệp bất thiện. 2.Thiện hữu sắc. 3.Thiện vô sắc. Ba hành này, tức là ba nghiệp này, có từ Vô minh trong Tứ đế.

Bài kinh này, Đức Phật bắt đầu từ Bài kinh này, Đức Phật bắt đầu từ bốn thứ thực phẩm, nguồn dưỡng tố để tạo nên đời sống này, và Ngài lấy đó làm đầu đề để giảng về 12 Duyên khởi. Một lúc khác giáo lý Duyên khởi sẽ được bắt đầu bằng cách khác như "Tấm thân này từ đâu mà có?

Từ Ái mà có". Có vị Độc Giác, trước khi thành Phật, gặp chuyện buồn thì Ngài sẽ hỏi "Nỗi khổ này từ đâu mà có?

Từ sự chào đời của ta mà có! Sự chào đời đó do từ đâu mà có…", hoặc gặp chứng bệnh thì Ngài sẽ suy nghĩ: "Bệnh này do đâu mà có…". Quán Duyên khởi không phải lúc nào cũng khư khư công thức "vô minh duyên hành, hành duyên thức…". Trong thực tế tu chứng, mỗi vị bắt đầu theo cách của mình, ví dụ, khi nhìn hay nghe cái gì đó với tâm thích thú thì hành giả biết ngay đây là ái. Ái sẽ sinh ra thủ - là sự gắn chặt vào khái niệm self (chấp tôi) và pleasure (khái niệm ngọt ngào), mà nhìn kỹ thì không có cái gì ngọt ngào hết. Khi thấy không có gì ngọt ngào thì làm sao có suy nghĩ 'đây là tôi', 'đây là của tôi'. Vì vậy khổ không đáng sợ bằng lạc, dù lạc được tạo ra từ thiện, khổ được tạo ra từ ác. Hành giả hiểu đạo sợ luân hồi là vì vậy, chính cái lạcmới dễ làm cho mình sụp hố, mà cái lạclại do thiện tạo ra. Khi mình làm thiện thì kiếp sau có đời sống sung sướng, hễ sung sướng thì không còn lo nghĩ, không lo tu hành gì nữa hết. Tôi từng nói nhiều lần không biết bà con còn nhớ không, đặc biệt là phụ nữ, ngủ dậy tự nhiên thấy mình đẹp như người mẫu, không cần biết mấy tuổi, cao một mét tám, phần nào ra phần

đó, hoàn chỉnh, chỉn chu, trong nhà băng có tám triệu đô la, thằng chồng xấu hoắc tự nhiên lăn đùng ra chết, con cái học hành giỏi giang đi tiểu bang khác, mình thì đi spa, resort, đi du lịch rong chơi, một tháng thu nhập vài triệu đô la gia đạo bình yên tình duyên như ý thì còn tu hành được nữa không?

Cái sung sướng đó là do quả thiện mà ra. Nếu cái đời sống đó kéo dài đến năm 92 tuổi, ăn rồi chỉ biết ngồi dũa móng tay, muốn ăn gì nhấc phone lên là kẻ hầu người hạ lo cho… nếu vậy thì tu nỗi gì. Dòng luân hồi đáng sợ là: 1. Làm ác dễ hơn làm thiện nên cái khổ lúc nào cũng nhiều hơn cái vui. 2. Việc thiện cho quả rất dễ khiến mình hiểu lầm là ngọt ngào, và chính vì ngọt ngào mới làm cho mình lọt vào tứ thủ. Chấp vào ngọt bùi thơm ngon đó mới dẫn đến đây là tôi, là của tôi. Cái ác đáng sợ vì nó tạo ra nỗi khổ niềm đau, cái thiện đáng sợ vì nó tạo ra những cạm bẫy ngọt ngào.

Một tháng kiếm được một trăm ngàn đô la thì quí vị có vào đây nghe giảng không?

Nếu cái giờ kiếm tiền giao dịch địa ốc, bất động sản, thị trường chứng khoán…ngay đúng cái giờ giảng này?

Nếu như trung bình mỗi tháng kiếm được một triệu, một năm ít nhất phải là mười triệu, quí vị chỉ có chết. Đến ngày nào bảy tám chục tuổi ngồi xe lăn mới tiếc, giá như ngày xưa húp nước mắm đi tu thiền thì tốt hơn bây giờ quá nhiều. Một tháng kiếm được một trăm ngàn đô la thì quí vị có vào đây nghe giảng không?

Nếu cái giờ kiếm tiền giao dịch địa ốc, bất động sản, thị trường chứng khoán…ngay đúng cái giờ giảng này?

Nếu như trung bình mỗi tháng kiếm được một triệu, một năm ít nhất phải là mười triệu, quí vị chỉ có chết. Đến ngày nào bảy tám chục tuổi ngồi xe lăn mới tiếc, giá như ngày xưa húp nước mắm đi tu thiền thì tốt hơn bây giờ quá nhiều. Khi mọi sự đã là quá khứ thì ta mới thấy quá khứ thiện tốt hơn vui. Mọi người chỉ thích hiện tại vui mà không thích hiện tại thiện.

Hành giả cứ nhớ, mỗi lần thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, suy tư thấy có bất thiện thì nhớ cái này là ái, ái duyên cho thủ, thủ tạo ra hữu, tức nghiệp tái sinh và tâm tái sinh. Do có hữu mới có sự chào đời. Do có chào đời mới có sầu, bi, khổ, ưu não, khóc than.

Mấy bài này quí vị nghe có thể hiểu nhưng chắc chưa thấm, phải bị sốc thì mới thấm. Trong kinh nói có bốn loại ngựa: loại thứ nhất chỉ vỗ về là chạy; loại hai, thấy dáng roi mới chạy; loại ba, bị một roi mới chạy; loại bốn, đánh chết cũng không chạy, chỉ đáng bị làm thịt. Bên Pháp mấy con ngựa này để làm thịt thôi. Có những người vì niềm hoan hỉ mà tu tập, có người phải đợi thấy ai đó khổ mới tu tập, có người phải đợi cái khổ đó xảy ra trên bản thân mình mới tu tập, có người thà chết chớ không tu tập. Hình như 99% mình thuộc loại thứ ba, đó là nói những người tu chớ còn mấy người không biết đạo hầu hết là loại thứ tư.

MOLIYA PHAGGUNA (Moḷiyaphaggunasutta)

Vị Moḷiyaphagguna này trước khi đi tu có búi tóc rất to nên được gọi là Moḷiya bên cạnh tên do cha mẹ đặt là Phagguna. Nội dung kinh này y hệt như kinh vừa rồi nhưng sâu sắc ở chỗ Đức Phật xác định rằng không có 'Ai' trong dòng sinh tử mà chỉ có các duyên mà thôi.

Vị Moḷiyaphagguna đi xuất gia, bữa đó nghe Đức Phật giảng bài kinh Vật Thực, nghe xong vị này hiểu rằng có 'mình' hoặc có một người nào đó 'ăn' bốn vật thực; Đức Phật nói ở đây không có 'tôi', không có người nào hết, chỉ có các duyên mà thôi. Chỉ có hành giả mới thấy được rằng toàn bộ đời sống của mình và của người đều là sự lắp ráp, ghép nối của từng phần danh sắc rời rạc nhau, không có gì trên đời này là massive, là pure, là solid. Tất cả chỉ là composition, transition, sự lắp ráp, ghép nối mà thôi.

Trong kinh có câu: "dukkhameva hi na koci dukkhito"(chỉ có sự khổ, không có người bị khổ). "kiriyāva atthi kārako na vijjati" (chỉ có hành động không có ai hành động). "atthi nibbuti na nibbuto pumā" (chỉ có sự viên tịch, không có người nào viên tịch) "maggamatthi gamako na vijjati" (chỉ có con đường, không có người nào đi). Không hề có một chiếc xe nào ngoài những đồ phụ tùng. Những chiếc mô tô cả triệu đô la cũng chỉ là đồ ráp. Mình khổ vì còn thấy mình là cái gì đó. Chưa tu thì thấy mình và người khác là somebody, tu rồi thì thấy chỉ còn là something, liễu đạo rồi thì thấy là nothing. Nothing không phải là không có gì mà là conditional và transitional, có theo cách tùy duyên và vô thường. Đủ duyên có mặt thì mới có mặt, đủ duyên theo cách nào thì có mặt theo cách đó. Ví dụ, vô duyên thì không cưới được nhau, có duyên lấy nhau nhưng không đủ duyên để hạnh phúc. Có khi ta lấy nhau vì duyên, có khi vì nợ. Có khi vì thuận duyên, có khi vì nghịch duyên, chướng duyên, lấy nhau để làm khổ nhau. Có câu chuyện mà cứ về Tampa tôi hay kể hoài, một buổi chiều có anh thanh niên câu cá ngoài

hồ, móc điếu thuốc ra mà không có quẹt. Anh ta đến hỏi ông già bên cạnh xin lửa. Ông già nói: "Tôi không có thuốc, cũng không có cái bật lửa, nhưng nói thiệt nếu có tôi cũng không đưa." Anh thanh niên ngạc nhiên: "Nếu bác không có thì thôi chớ làm gì nói vòng vo." Ông già nói: "Mặt mũi cậu khôi ngô quá, cho cậu mượn thì thế nào tôi cũng mến, mến thế nào tôi cũng mời cậu về nhà, con gái tôi thế nào cũng mến cậu, mến cậu thì thế nào cũng muốn tiến đến hôn nhân, hôn nhân thì hỏi ý tôi, tôi thì đời nào gả con gái tôi cho một người vừa nghiện thuốc lá vừa không có hộp quẹt." Chuyện tuy tào lao, nhưng có nhiều sự ở đời khởi đi từ duyên cớ rất là nhỏ, nếu mà ta biết trước thì "giá như hôm ấy đừng mưa, giá như hôm ấy đừng đưa em về". Cái duyên cớ nhỏ xíu, cái sảy nảy cái ung là vậy đó. Vì vậy Đức Phật dạy ta luôn sống tỉnh giác, mindful. Đạo Phật có hai chữ rất hay: carefree và careless.

Nội dung bài kinh này là chỉ có các duyên làm việc với nhau, không có ai có mặt và tham dự vào đó. Tạm biệt, hẹn gặp lại bà con ngày thứ Năm, chúc các vị một ngày vui, bữa nay tôi giảng có hai kinh nhưng nếu mà bà con nhớ được thì rất là căn bản.

Bài giảng ngày 6-11-2014 MOLIYA PHAGGUNA (tt)

‘Viraga’: ‘ly tham’; ‘raj’: ‘nhuộm’; ‘raga’: ‘ái nhiễm’, ‘tanha’: khát ái.

Viragadhamma, ‘viraga’ ở đây được giải thích bằng hai chữ đồng nghĩa là ‘virajjnaka’ (nhạt nhòa, mong manh, mau phai) và ‘palujjanaka’(biến dị, phân hủy, băng hoại). Vì vậy không phải lúc nào hễ thấy ‘viraga’ là dịch ‘ly tham’. ‘Raga’ là nhuộm màu, ‘virajjnaka’ là nhạt nhòa mau phai. Giả sử chúng ta phải làm thơ phải viết nhạc bằng tiếng Pāḷi thì chữ ‘virajjnaka’ chỉ cho cái gì nhạt nhòa mau phai, kiểu như “đá nát vàng phai”. Chữ này dùng trong Aṭṭhakathā, các ngài sợ chúng ta không thấm, không hiểu rõ nên cho thêm một chữ nữa là ‘palujjanaka’. Chữ này từ ngữ căn ‘Luj’ tạo ra hai chữ khác là ‘paloka’ (tàn phá, tiêu hủy) và ‘loka’ (thế gian, cuộc đời, cõi đời).

Hồi tối nhìn bản dịch của HT Minh Châu, tôi giựt mình, ngài nói ở đây từng chi, từng điều trong 12 Duyên khởi đều là những pháp ly tham. Ngài dịch “vayadhammaṃ virāgadhammaṃ”, là “các pháp ly tham” mà hồi xưa giờ mình không để ý. Chỗ đó không phải là ‘ly tham’. ‘Viraga’ là ly tham nhưng ở đây phải dịch là: nhạt nhòa, mau phai, vô thường, phân hủy, băng hoại, biến dị. Ví dụ, xác người, trái cây chín, để lâu quá sẽ xảy ra tình trạng viraga.

SA-MÔN, BÀ LA MÔN (Samaṇabrāhmaṇasutta)

Hôm nay học bài kinh Samaṇabrāhmaṇasutta (Sa-môn, Bà-la-môn). Hiểu được giáo lý Duyên khởi trong bài kinh hôm qua thì hôm nay mới học tiếp bài kinh này được. Nội dung kinh này Đức Phật xác định không ai có thể trở thành thánh nhân giải thoát sinh tử mà lại không hiểu được nguyên lý Duyên khởi. Cho dù đó là vị cư sĩ ít học, không biết nhiều về giáo lý, nhưng một khi vị đó chứng quả A-la-hán thì bắt buộc vị đó phải hiểu một cách đại khái nhưng chính xác. Cái hiểu đó phải đi ra từ sự thân chứng, thể nghiệm, thấm thía tiêu hóa, của bản thân, cái hiểu biết đó tuyệt đối không thể nào 100% dựa vào những gì nghe, đọc được từ người khác, bởi vì đặc điểm của thánh trí là sandithiko (tự mình). Trí văn là những gì mình biết được từ nghe, thấy, đọc ở đâu đó; trí tưlà sự thấm thía, tiêu hóa, suy nghĩ, trầm tư của chính mình; nhưng riêng trí tu thì không, không thể hiểu như trí văn và trí tư được. Trí văn chỉ là photo, chụp hình, hay là bỏ vào miệng. Trí tư giống như thức ăn vừa nuốt vào bụng chờ tiêu hóa. Trí tu là giai đoạn mà các dưỡng tố đã đi vào máu xương. Cái biết từ hai trí văn, tư có thể được tái hiện mọi lúc, riêng trí tu chỉ ở thánh nhân mới được vậy, còn ở phàm phu thì

đủ duyên mới có, và thoáng qua rồi mất. Trong một ngày, một tháng, một năm chưa chắc xuất hiện một lần, phải đủ duyên Ba-la-mật đời trước cộng với sự nỗ lực của hiện tại; có đó rồi mất tiêu. Có những lúc thấm thía một cách lạ lùng, lúc đó người ta nói là mát lạnh, nổi da gà, lạnh xương sống gì đó, qua rồi là thôi. Hành giả sẽ chợt nhận ra rằng, thì ra ngay trong cái cảm giác này đây là nhân sinh tử, quả sinh tử, 12 Duyên khởi, Bốn Đế nằm ngay đó. Sau đó có nhớ lại thì nhớ bằng trí tư, hồi ức, chớ không thấm thía như ngay chính lúc đó nữa. Trạng thái đó có nhiều cấp, cấp thấp thì thoáng qua rồi mất, cao hơn nữa thì trở thành thứ thiền tuệ gì đó (sanh diệt tuệ, tuệ sợ hãi, tuệ chán nản, tuệ lãnh đạm..), cái thoáng qua này có thể kéo dài vài giây hay một hai phút.

Đức Phật xác định không từng có và cũng sẽ không bao giờ có một vị Sa-môn, Bà-la-môn, một cá nhân nào đó có thể trở thành thánh nhân, giải thoát sinh tử, đoạn trừ phiền não mà hoàn toàn mù tịt không biết gì về 12 Duyên khởi; bởi vì dòng sinh tử như một khu rừng muốn ra khỏi khu rừng thì ít ra phải biết những khái niệm, mặt mũi khu rừng đó như thế nào. Phải biết rõ, rõ ở mức độ nào thì tùy Ba-la-mật của cá nhân đó. Bên Bắc Tông thì nói Thanh văn do hiểu được Bốn Đế thì thành thánh; Duyên Giác, Độc Giác, Bich Chi Phật thành thánh nhờ hiểu được 12 Duyên khởi. Phật tử Bắc Tông không được học kỹ Tứ Đế, 12 Duyên khởi là gì. Tôi cũng hoang mang không biết định nghĩa của tôi về vô minh trong Tứ Đế bữa nay trong room mình còn nhớ không. Ngày lễ lạt dâng y thấy bà con rộn rịp tôi nhớ một câu danh ngôn: "Mỗi ngày trên thế giới này, tiền bạc, mồ hôi, thời gian người ta đổ ra cho chuyện cấp thiết ít hơn chuyện người ta thích." Đi chùa, làm phước, phục vụ, nghe pháp thì tốt nhưng chuyện học đạo là chuyện quan trọng nhất. Phật tử tập trung đi chùa lễ lạy cầu nguyện thì hơi nhiều, thích thì làm, không nghĩ chuyện xa xôi. Bao nhiêu năm đi chùa mà giáo lý không chịu học, cứ làm phước thôi, rồi lúc nào đó sốc cái gì đó rồi bỏ đạo. Khi hình ảnh Đức Phật chưa đi vào óc của mình thì mình rất dễ lìa bỏ Ngài. Chuyện nam nữ ngoài đời, dễ yêu nhau, dễ cưới nhau thì dễ bỏ nhau, còn hiểu nhau mức độ nào đó mới cưới nhau, hiểu quá rõ thì mới không dễ dàng thất vọng về nhau; kiểu tình một đêm, sống vội, bỏ nhau rất dễ vì chẳng hiểu gì về đối phương hết. Một con người dầu đẹp, duyên dáng cách mấy, chỉ cần nằm liệt giường ba tháng thì hôi hám, gầy ốm, xanh xao, thử hỏi còn thương nhau được nữa không?

Phải thương mà đến lúc người đó ra sao mình cũng thương thì mới gọi là tình yêu. Tôn giáo cũng vậy, đối với Tam Bảo, mình phải học hỏi giáo lý, lỡ mai này mình có bị sốc vì cá nhân tăng ni, Phật tử nào đó mình cũng không bỏ đạo vì mình hiểu đạo quá rồi. Có người sau khi ngài Hộ Tông, ngài Giới Nghiêm tịch,

họ không đi chùa thường nữa vì đối với họ chỉ có sư phụ thôi, sư phụ đi rồi họ không tha thiết với đạo nữa, họ ở nhà tu tại gia, nhưng đó là hình thức dễ duôi. Dầu có là Sa-môn, Bà-la-môn gì đi nữa nhưng không thể nào dốt đặc 12 Duyên khởi mà trở thành thánh.

Bài kinh tiếp theo cũng y hệt, Đức Phật dạy, không thể nào có người tự nhận, hoặc được gọi là thánh nhân mà mù tịt giáo lý Duyên khởi. Giáo lý Duyên khởi phải được hiểu theo cách đồng bộ, không phải hiểu theo hình thức chiều dọc từng cái rời rạc. Khi mình nhìn cái gì đó, cái nhìn đó đã là lục nhập, 6 xứ, nhãn nhĩ tỷ thiệt… Khi mình nhìn cái gì đó mình thích thì ngay trong cái nhìn đó có nhãn xứ và nhãn xúc; ngay lúc này có nhãn thọ. Nhìn mà thích nữa thì biết ngay là ái, ái nặng là thủ, dù ái hay thủ thì ngay lúc đó nó đã âm thầm là nghiệp hữu. Ái đó là hữu mà ái đó cũng là hành. Khi nhìn cái gì đó mà mình thích thì biết con mắt mình thấy đó là quả quá khứ, quả luân hồi. Nhưng ngay cái thích đó là nhân luân hồi. Ngay trong cái nhìn đó đã có quả luân hồi, có nhân luân hồi và có phiền não luân hồi trong đó. Ngay trong lúc này mình biết tâm nhãn thức chỉ xuất hiện nháy mắt rồi biến mất nhường chỗ cho những tâm khác, đó chính là sanh, lão và tử.

“Khandesu jayamanesu jiyamanesu miyamanesu” (ngay trong lúc các uẩn sanh, lão, tử) “ca khane khane tvam bhikkhu jayase ca jiyase ca miyase ca” (thì này tỳ kheo, chính ngươi cũng đang sinh, lão, tử trong từng phút). (Trích Paramatthajotika).

Này tỳ kheo, ngay trong từng phút các uẩn sanh, lão, tử, bản thân ngươi cũng đang sanh, lão, tửchớ không phải đợi tóc bạc lưng còng, má hóp da nhăn mới gọi là lão. Không đợi đến lúc xuôi tay lạnh ngắt cứng đơ, mất thở, vô quan tài mới gọi là chết. Lúc đó mới là già chết thì quá muộn rồi. Trong từng phút, tâm lý và sinh lý của mình biến diệt là lúc đó mình đang già đang chết. Những tế bào chết của mình liên tục và liên tục được thay thế bởi cái mới. 70% bụi trong căn phòng mình ở là da khô của mình. Tâm lý cũng vậy, trong Tương Ưng có câu Đức Phật dạy, tôi rất thích: Này các tỳ kheo, giả sử như có người chấp rằng cái thân này là trường cửu thì đó là sự vô minh, nhưng sự vô minh này còn có thể dễ hiểu, có thể cảm thông. Thật vô lý khi ai đó cho rằng tâm này là trường cửu, vì ta không thấy một cái gì mà biến diệt vô thường nhanh hơn tâm. Vì sao, dù có vô thường thì mình cũng thấy một chút gì dáng nét cũ, một đứa bé từ 5 tuổi đến 8 tuổi thì mình không thể hiểu lầm, nó là nó. Nhưng cái tâm thì không, cái tâm lúc buồn, lúc vui, hoàn toàn khác nhau, lúc thiện, lúc ác, hoàn toàn khác nhau; lúc thấy hình ảnh, lúc nghe âm thanh tiếng động, hai tâm này hoàn toàn khác nhau, tâm sinh diệt

nhanh lẹ vô cùng. Cả danh và sắc đều như những tia chớp trên bầu trời lúc sắp mưa, vì liên tục tiếp nối nhau nên người ta không thấy. Trong kinh nói, muốn trở thành thánh nhân phải thấy được Tam tướng (khổ, vô thường, vô ngã).

'Santati': Sự tiếp nối liên tục của danh sắc che khuất khía cạnh vô thường. 'Iriyapatha': sự thay đổi oai nghi, tức tư thế sinh hoạt, che khuất khía cạnh khổ. Mấy cái này bà con học bỏ túi mai mốt đi tu thiền. Mấy hôm nay có một Phật tử ở đây, học đạo cũng khá giỏi, cổ lăng xăng không biết cái gì chánh, phụ, nặng, nhẹ. Cũng uổng! Cổ nói học đạo bên Nam Tông phải nhớ chi pháp, học A-tỳ-đàm phải nhớ 37, 18, 42, 71, đạo bên Hòa Hảo chỉ ngồi yên nghe lục bát, sấm giảng. Rồi cổ mê cô bé Như Ý một thời gian, cứ tâm đắc ai là gọi phone khoe với tôi; rồi ít bữa chuyển qua mê thầy Phước Tiến trong nước, ăn rồi kêu phone giảng lại tôi nghe mấy điều ông thầy đó nói; rồi ít bữa cổ chuyển qua thầy Tịnh Không; giờ chuyển qua sư Nam Tông nào đó bên Mỹ. Tại sao tôi lạc đề?

Vì chuyện của cô này coi chừng cũng chính là chuyện của quí vị đó. Cứ lăng xăng, trong khi cái chuyện căn bản nhất là biết rõ mình là cái gì tạo nên, đang ra làm sao. Với căn bản này, dầu có thầy hay không có thầy mình vẫn có thể tu học được và với căn bản này mình mới có thể chịu được cám dỗ hay thử thách của đời sống trước mắt. Tất cả những cảm giác đau đớn mà quí vị chịu đựng trong lúc ngồi thiền chẳng là cái gì so với nỗi khổ niềm đau lúc nằm liệt giường một hai tháng, không có ai thăm viếng, tắm rửa, giúp trở mình giùm. Chưa kể cái chết là một cuộc đảo chánh ghê gớm, sụp đổ triệt để thì mình mới chết được. Toàn bộ các bộ phận đình công thì mới chết. Có người thì là cách mạng nhung, êm êm, từ từ đóng cửa. Có người sắp chết thì leo lét nghe mệt, tắm rửa sạch sẽ thay đồ nằm thiêm thiếp rồi lạnh tay, lạnh chân, hơi thở yếu dần rồi đi luôn, đó là cái chết đẹp nhất. Chết thường trải qua giai đoạn hôn mê sâu khi cơn đau lên đỉnh điểm, hoặc bộ phận nào trong cơ thể đến lúc không còn sử dụng được nữa, còn không thì thông thường đau kinh hoàng lắm. Có một vị sư ở Mỹ, bị ung thư gan, lần gặp cuối cùng trước khi sư mất hai tuần, cứ ăn cơm thì sư buông đũa nhíu mày một chút. Tôi hỏi, có đau lắm không sư. Sư trả lời râm râm, nhưng tôi thấy sư cứ lấy khăn thấm mồ hôi trán mãi. Có người là sự bàn giao êm thấm, trong biển người chỉ có một hai người được vậy, thường thì là đảo chánh.

KACCANAGOTTA (Kaccānagottasutta)

Đây là bài kinh rất hay, nếu có đạo tràng tự viện nào đó tôi mong mỗi người mỗi ngày tụng kinh này thay vì ê a lễ bái Tam Bảo, cầu nguyện chư thiên phù hộ tấn tài tấn lộc, nhan sắc, tuổi thọ…

Ngài Kaccānagotta hỏi Đức Phật chánh kiến là gì. Đức Phật trả lời người đời, chúng sinh phàm phu nói chung, bị kẹt trong hai biên kiến. 'Biên' là tà, cạnh, bìa. Là tà vì cực đoan, nghĩ một chiều, có người coi nặng cái có, người coi nặng cái không. 'Cái có' là tôi có cái này, tôi có cái kia, tôi có nhà cửa, tôi có nhan sắc, tôi có phước, tôi sẽ về trời, tôi thích cái gì cái đó có, nói chung là lấy bản thân mình làm gốc để quyết định chuyện có mặt cái này cái kia. Có người cho rằng chết rồi là hết, tất cả chỉ là mù sương. 'Cái không' là không có chuyện vị nào đắc chứng thánh trí, không có chuyện thiên đường địa ngục, nghiệp báo Niết bàn gì hết, đối với họ chết là hết, có mặt một lần trên đời rồi thôi, biến mất là hết.

Tôi đã nói nhiều lần, hạnh phúc hay đau khổ ở đời chỉ đến từ việc ta có hay không có thứ gì đó mà thôi. Ví dụ, tôi lạnh, tôi không có gì để mặc, vậy rõ ràng cái lạnh đó là cái khổ, cái khổ đến từ chuyện tôi không có cái áo ấm, tôi đói không có gì ăn, tôi khổ. Tôi nhớ nhung người nào đó, không được gặp tôi khổ, tôi khổ vì người kia không có mặt ở đây. Hạnh phúc cũng vậy, tôi ngồi lên xe Lexus tôi hạnh phúc vì có chiếc xe êm quá. Có những trường hợp không có, ta được hạnh phúc hơn; có những trường hợp nếu có thì ta hạnh phúc hơn. Nói như vậy thì toàn bộ thế giới này, chữ 'có' và 'không có' có hai nghĩa: một là chấp, hai là chấp có hoặc chấp không, thực tế có hoặc thực tế không.

"Này Kaccàyana, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới tập khởi, vị ấy không chấp nhận thế giới là không có. Này Kaccàyana, ai với chánh trí tuệ thấy như chơn thế giới đoạn diệt, vị ấy không chấp nhận thế giới là có.".

Nghĩa là thấy được vạn pháp do duyên mà có thì ta sẽ không mắc vào đoạn kiến; thấy được cái gì đã có thì phải vô thường, khổ, ta sẽ không mắc vào thường kiến.

Đoạn kiến là cho rằng chết rồi là hết, nhưng mình phải hiểu được vạn pháp do duyên mà có, nếu đủ duyên thì lại tiếp tục có mặt trong hình thức khác, điều kiện khác, hoàn cảnh khác, môi trường khác, nội dung khác… Nên nhớ không hề có một cái gì dù danh hay sắc lại có thể tồn tại quá một sát-na. Danh và sắc sinh diệt trong từng sát-na, cái sau tiếp nối cái trước tạo thành một dòng chảy nhìn qua tưởng là cái gì đó thuần nhất.

Trí tuệ vô thường của mình bị che đậy vì sự tiếp nối liên tục của danh sắc. ‘Santatisaññā’ nghĩa là khái niệm về sự liên tục che đậy khía cạnh vô thường. Sự thay đổi oai nghi (Iriyapatha)che đậy khía cạnh khổ não. Thấy khó chịu là mình kiếm cái gì đó thế vô, ngồi mỏi lưng quá thì đứng dậy đi, mới vừa chớm khổ là đã thay đổi oai nghi rồi. Bao tử nghe báo hiệu kiến bò bụng là kiếm gì ăn rồi, nên không thấy đói nữa, cứ như vậy thì sự thay đổi tư thế che mất đi khía cạnh khổ lẽ ra mình đã thấy.

‘Ghanasaññā’: ý niệm về sự thuần nhất che đậy khía vô ngã (Ghana: massive, pure, solid, nguyên khối, thuần nhất). Trên đời này không hề có cái gì là nguyên khối. Chiếc nhẫn vàng cũng là một sự cộng ghép của vô số thành tố vật chất nguyên tử trong đó, và có sự chuyển động liên tục trong chiếc nhẫn vàng đó chớ không phải là mọi thứ đứng yên. Bàn tủ, giường ghế, nhà cửa đất đá… tất cả đều là sự lắp ráp, không có gì nguyên khối thuần nhất, là sự ghép nối của vô số thành tố. Chính vì mình nghĩ nguyên khối nên mới có ý nghĩ ‘tôi’, ‘ta’, ‘ông này’, ‘bà nọ’, còn thấy như vậy là chưa thấy được lý vô ngã.

Mọi thứ chỉ là sự ráp nối, lắp ghép, và đều do duyên mà có, đã có rồi lại vô thường, theo định luật Tam tướng của muôn đời, không nằm dưới sự điều khiển của bất cứ thế lực nào, đó gọi là vô ngã.

Nội dung bài kinh này là: Không chìm sâu trong ý niệm có hay không, mà phải hiểu rằng cuộc luân hồi của chúng sinh chỉ là dòng chảy của 12 Duyên khởi.

Rất nhiều lần, đặc biệt là ban đêm, tôi nghiệm ra nhiều chuyện thấm thía. Giáo lý hay như vậy mà sao người ta không dành thời giờ ra để học. Tình cờ tôi mở chú giải ra đọc một chữ mà tôi hết hồn: ‘ratana’: châu báu, ‘tiratana’: Tam Bảo. Ngày xưa đến giờ nhiều người cứ mở miệng ra là nói Tam bảo, nói như két vậy, là Phật, Pháp, Tăng mà không hiểu tại sao Tam bảo được xem là châu báu. Thứ nhất, để thành Phật rất khó, bởi vì để thành Phật chúng ta phải có đủ yếu tố tâm lý vốn đi ngược lại với bản chất phàm phu. Thắng trận ngoài chiến trường dễ hơn là tự thắng. Để thành Phật là phải sống ngược lại bản chất phàm phu của mình và có đủ thành tố tâm lý ngược bản chất phàm phu của mình. Trong thời gian rất dài, vị đó phải có khả năng kham nhẫn hơn người, dầu chết lòng vẫn không giận; có từ tâm hơn người, dầu chết vẫn tiếp tục thương đời; có tâm ly dục hơn người, dầu đối diện với cám dỗ ghê gớm đi nữa vẫn nhàm chán sinh tử; lòng hào sảng hơn người, dầu có bỏ mạng bố thí cho người vẫn không tiếc; liêm sỉ hơn người, dầu chết cũng không phá giới, suốt một thời gian nhiều a-tăng-kỳ hội đủ yếu tố tâm lý

như vậy đó. Một lần chư Phật ra đời, có vô số người nhìn thấy các ngài là cũng sơ phát bồ đề tâm nguyện thành Phật, nhưng trong vô số người phát nguyện chỉ một hai người thành Phật mà thôi. Vì vậy trong kinh nói có nhiều tỉ đại kiếp không có Phật ra đời. Khi không có Phật ra đời thì những vấn đề giáo lý này ai nói cho mình biết đây. Đêm cuối cùng Ngài viên tịch, chư thiên vô lượng vũ trụ kéo về chỉ để lắng nghe con người ấy một lần cuối cùng vì không biết bao giờ mới có duyên gặp, một con người ai Ngài cũng thương, cái gì Ngài cũng biết, đức lành nào cũng có. Bao nhiêu vấn đề của riêng mình không thể giải quyết được nhưng đã gặp được Đức Phật rồi thì chuyện gì cũng phải được giải quyết, vậy mà bây giờ con người đó đang sắp sửa ra đi. Thành Phật đã khó, vì khó nên hiếm, đã vậy sự ra đời của Phật giúp ích cho vô lượng chúng sinh.

Cái quý thứ hai là chánh pháp. Chánh pháp là những nguyên tắc có sẵn muôn đời trong vũ trụ, được gọi là quí vì Pháp ám chỉ cho những gì được Đức Phật khơi mở, trình bày, thuyết giảng. Không có chư Phật thì không có sự khơi mở trình bày đó. Vì vậy từng câu kinh từng lời pháp là sự hiếm hoi ở đời, chỉ có chư Phật ra đời mới có từng câu kinh từng lời pháp đó.

Thứ ba là Tăng. Tăng ám chỉ cho thánh nhân, không phải cho phàm tăng. Dầu cho đó là cư sĩ nam hay nữ, xuất gia thì dầu tăng hay ni, miễn là Sơ quả trở lên thì được gọi là Tăng bảo. Vị đệ tử chư Phật chỉ có mặt khi chư Phật ra đời, và chính các ngài có khả năng hoằng truyền chánh pháp khi chư Phật không còn nữa, hoặc khi Đức Phật còn tại thế, Ngài ở điểm A, điểm B gì đó thì điểm D, điểm E là vị trí của chư tăng.

Thứ tư là Tam bảo hiếm khi xuất hiện ở đời trong khi đó người có duyên đến với Tam bảo không nhiều, và cách đến của mỗi người cũng khác nhau (về tín, tấn, niệm, định, tuệ, ái, mạn, kiến). Có người được tiếng là cư sĩ, thậm chí được tiếng là tăng ni, nhưng tín của họ có phải là chánh tín hay không, mình học được bao nhiêu thì cái biết cái tin của mình tùy thuộc vào cái học đó. Trí vănảnh hưởng trí tư trí tu ghê gớm lắm. Nhiều người trí văn rất giỏi, nhưng trí tư rất nghèo. Có người học tủ như con vẹt, sự thấm thía không có. Sự thấm thía không có thì đức tin có vấn đề. Đức tin có vấn đề thì sự tinh tấn nỗ lực của mình cũng có vấn đề theo. Có người đến với đạo là tín, tấn, niệm, định, tuệ làm chủ đạo, nhưng có người đến với đạo là ái, mạn, kiến. Coi kỹ đi, có cái gan nhìn cái này hay không! Ái là sao, là vô chùa học đạo vì mến thầy. 'Tôi chỉ học đạo với ông thầy này thôi, thầy khác tôi không nghe đâu', đó là ái. Còn mạn, chỉ có ông thầy đó là số một, chỉ có tôi là số một, không có thiện nam tín nữ nào đi chùa được như tôi...; còn

Kiến thì giáo lý không chịu học, có trí văn mà quên có trí tư, có trí tư mà quên có trí tu, tha hồ mà tà kiến, nghĩ tùm lum tà la. Chưa đắc Niết bàn, không biết Niết bàn là gì thì cứ nghĩ đơn giản khổ là do tham sân si, hết tham sân si, thì hết luân hồi, hết khổ. Đằng này thì vẽ rắn thêm chân, vẽ Niết bàn là vuông tròn dài ngắn…, đó cũng là tà kiến. Tà kiến rình rập mình trong từng bước đi. Miệng nói vô thường mà cứ mong xài đồ bền chắc, đồ tốt, rất có thể tà kiến núp trong đó mà không biết. Còn biện bạch "dù là Tu-đà-hoàn cũng thích xài đồ bền vậy, nói gì là tôi" là có cái thường kiến trong đó, không bao giờ chịu nhớ rằng mọi thứ xảy ra trong từng sát-na.

Ngoài sự hiếm hoi của Tam Bảo, việc người đến với Tam Bảo đúng cách cũng hiếm hoi không kém. Học hay tu là để buông, không để nắm. Còn thấy mình hay, giỏi, thì có nghĩa là mình đang rất tệ, đó là một sự thật. Tiếp theo là bài kinh Vị thuyết pháp.

VỊ THUYẾT PHÁP (Dhammakathikasutta)

Dhammakathica: Pháp sư.

"3) Ngồi xuống một bên, Tỷ-kheo ấy bạch Thế Tôn: "Thuyết pháp, thuyết pháp", bạch Thế Tôn, như vậy được nói đến." Trong bản in tiếng Việt ở đây còn thiếu một câu. Trong kinh Pāḷi còn một đoạn sau nữa: "Bạch Thế Tôn con được nghe hai chữ "Thuyết Pháp, Thuyết Pháp" nhưng thế nào là thuyết pháp trong định nghĩa của Thế Tôn."

Trong bản Pāḷi: "dhammakathiko dhammakathiko'ti, bhante, vuccati". Người ta cứ nói là pháp sư, pháp sư. "Kittāvatā nu kho, bhante, dhammakathiko hotī". Nhưng Bạch Thế Tôn, pháp sư là như thế nào ạ?

Đức Phật dạy, người thuyết pháp phải là người trình bày được giáo lý Duyên khởi dù nói về đề tài nào đi nữa. Ví dụ nói về thiện, mình cũng khuyên người ta bố thí, nghe pháp, phục vụ, nhưng cũng không quên nhắc cho họ biết rằng việc thiện cũng là nhân sanh tử, có điều là sanh tử ở cõi sướng. Phải nhớ rằng làm lành làm thiện cầu quả giải thoát, khi đủ duyên Ba-la-mật thì chứng trong khi chờ đợi thì mình sung sướng dễ chịu hơn người không làm thiện, nhưng phải nhớ làm thiện chỉ là tấm vé đi vào cõi vui cõi lành, hết tuổi thọ thì cũng bất định, cuộc trầm luân đầy bất trắc. Khi nói về cái ác thì cũng nói đừng làm cái này đừng làm cái kia, bởi đây là con đường sinh tử, và lại tiếp tục nói về con đường sinh tử. Phải có khả năng trình bày giáo lý Duyên khởi thì mới được gọi là pháp sư. Chữ

Pháp sư theo định nghĩa rốt ráo của Đức Phật phải là người có khả năng trình bày giáo lý Duyên khởi ở mọi không gian, ở mọi thời gian. Nói cái gì cũng phải nhắc chừng cho người ta nhớ: đây là ác, đây là bất thiện, đây là con đường đi xuống; đây là thiện nên làm, nhưng đừng quên thiện chỉ đưa mình lên cõi vui, nếu nó không phải là duyên vô lậu mai này thì nó chỉ là tấm vé đi lên nóc nhà đang cháy thôi.

Trong bộ Atthasālinī, chú giải bộ A-tỳ-đàm đầu tiên ghi rằng một Pháp sư đúng nghĩa không thể không biết A-tỳ-đàm tối thiểu ở mức căn bản. Căn bản nghĩa là biết rõ 12 hạng người, 31 cõi, tiến trình sinh diệt của danh sắc, mỗi tâm có bao nhiêu tâm sở, mỗi tâm sở đi được với bao nhiêu tâm, nghiệp nào dẫn sanh cõi nào, mỗi cõi có thể có bao nhiêu hạng chúng sinh.

Trong Luật tạng thì quy định rằng muốn làm thầy tế độ cho ai xuất gia thì tối thiểu phải biết khái niệm về 4 pháp Chân đế (Paramattha) Tâm, Tâm sở, Sắc pháp và Niết bàn.

Tôi tuyệt đối đồng ý bài kinh này, giảng gì thì giảng phải nhắc cho Phật tử nhớ ba chuyện: 1.Anh chị hoàn toàn chịu trách nhiệm với những gì anh chị đang nói đang làm đang suy nghĩ. 2.Anh chị làm ơn nhớ giùm cái gì cũng do duyên mà có và đã có rồi thì nó phải vô thường. 3.Anh chị phải nhớ rằng hễ anh chị còn là phàm thì mỗi nỗ lực của anh chị dù là thiện hay ác đều là con đường sinh tử hết. Hồi nãy tôi có nhắc chuyện một cô Phật tử ở đây, mình có mong mỏi một vị Pháp sư như vậy thì "có cầu mới có cung" chứ. Nếu có vị nào trình bày cho mình nghe giáo lý Duyên khởi thì bản thân mình cũng phải có nhu cầu nghe chứ; như cô Phật tử này, đi chùa mấy chục năm, tóc bạc trắng mà bây giờ cũng không biết học đạo là học cái gì. Hôm qua tôi có nói cô nên dành thời giờ coi thêm kinh sách, đọc thêm sách về thiền quán, hay A-tỳ-đàm. Cô nói giờ cô theo một sư phụ bên Mỹ hay Canada gì đó với một pháp môn 'tu tắt', tu tắt là không cần nhớ giáo lý gì hết, chỉ cần treo ảnh thầy, mở youtube ra nghe là xong, nhìn là có tín tâm rồi.

Người nghe pháp cỡ nào thì thích hợp với Pháp sư cỡ đó và Pháp sư cỡ nào thì thích hợp với thính giả cỡ đó. Tôi chưa bao giờ dám nhận mình là Pháp sư hay giảng sư, tôi chỉ vào đây chia sẻ mấy bài kinh, nhưng dù sao cũng có người nói và người nghe. Tôi chẳng biết quí vị là cỡ nào, nên tôi chỉ sống trong mộng ảo mà thôi. Người ta thuyết pháp thấy mặt, còn tôi không thấy, tôi tưởng tượng mà thôi, là may ra quí vị hiểu. Cứ nhớ một điều quan trọng trong bài kinh này: Vị

Pháp sư phải có khả năng trình bày giáo lý Duyên khởi cho người khác dầu là mình đang nói đề tài gì, và hôm nay nếu bà con vào xem Kinh Bổn Sanh (Jataka) sẽ thấy một điều, sau mỗi câu chuyện thì Đức Thế Tôn kết thúc bằng một pháp thoại về 4 sự thật (Tứ Đế). Tức là khi kể xong Đức Thế Tôn sẽ nói: Các hành nay đã đi vào quá khứ, mọi chuyện mà ta vừa kể đã là dĩ vãng, đã là chuyện vô thường (đó là Ngài nói về Khổ đế). Tất cả mọi hiện hữu đều đi ra từ cái thích, ông vua trong câu chuyện thích cái này, cô thiếu nữ ghét cái kia, thích cái nọ, đó là Tập đế, dòng sinh tử này chỉ kết thúc khi nào Khổ và Tập không còn nữa, đó chính là Diệt đế, và để đạt đến Diệt đế thì chỉ có một con đường duy nhất, đó là sống theo tinh thần của Bát Chánh Đạo, đó là Đạo đế. Cứ như vậy, sau mỗi câu chuyện Thế Tôn lại kết thúc bằng một pháp thoại về Bốn Đế. Ở đây cũng vậy, vị Pháp sư đúng nghĩa phải là người có khả năng trình bày về 12 Duyên khởi mọi nơi mọi lúc khi người ta cần.

TU SĨ LÕA THỂ ACELAKA (Acelakassapasutta)

Bên Ấn Độ giờ vẫn còn tu sĩ lõa thể (Acelaka). Họ chủ trương giảm thiểu tất cả nhu cầu vật chất. Nhìn họ ăn mà mình lạnh xương sống, họ lấy bàn tay bụm lại, những người tu tà tà thì sữa tươi còn lấy chén đựng, còn những người tu ghê gớm thì không mặc gì mà còn không tô chén gì, sữa tươi người ta cho rót vào vốc tay khép ngón lại, còn bao nhiêu uống bao nhiêu, cơm cà ri cũng bụm trong tay, bụm cũng không được nhiều, mỏi tay cũng ăn không được lâu. Đạo này không phải chánh pháp nhưng phải nhìn nhận chơn tu là đó. Những đạo sướng quá đôi khi người ta mượn đạo tạo đời giá áo túi cơm. Trong kinh, khi Đức Phật nói về giáo phái Lõa Thể này, Đức Phật cũng dùng những từ ngữ rất đẹp, những lời có cánh. (Xem lại kinh Moliya Phagguna ở trên cũng trong phẩm này).

Vị tu sĩ lõa thể Kassapa đến hỏi Đức Phật, nỗi khổ, hạnh phúc, niềm đau của mình do ai tạo ra. Đức Phật nói không ai tạo ra, không phải do mình tạo mà cũng không phải do người khác tạo bởi vì không có mình cũng không có người khác, tất cả đều do duyên mà thành. Ngài giảng 12 Duyên khởi cho vị tu sĩ lõa thể Kassapa. Không có người nào đau khổ, chỉ có sự đau khổ, chỉ có hành động chớ không có người hành động, chỉ có sự viên tịch chớ không có ai viên tịch, chỉ có con đường đi, sự đi chớ không có ai đi (dukkhameva hi na koci dukkhito, kiriyava atthi karako na vijjati, atthi nibbuti na nibbuto, maggamatthi gamako na vijjati).

Hành giả Vipassanā tu rốt ráo sẽ thấy chỉ có khổ tồn tại, không còn thứ gì khác ngoài ra. Người học A-tỳ-đàm thì sẽ thấy mọi thứ đều có Khổ đế hết. Lúc đầu còn thấy tôi đi, giở bước, đạp, nhai, nuốt. Từ từ sáu tháng, tám tháng, một hai năm, hành giả chỉ thấy khổ đang sanh, khổ đang diệt. Muốn đi thì biết đây là Tập đế, đang ngồi thấy thoải mái quá thì biết đây là lạc, lạc cũng là Khổ. Khổ khổ là sự có mặt của những gì khiến thân tâm ta khó chịu. Hoại khổ là sự vắng mặt của những gì khiến thân tâm ta dễ chịu. Hành khổ là mọi sự hiện hữu do duyên mà có, đã có rồi phải nằm trong Tam tướng. Tính lệ thuộc và phù du chính là hành khổ. Muốn có khúc bánh mì cầm trên tay ăn không đơn giản như mình nghĩ, không phải có tiền là có ổ bánh mì. Răng mình bữa đó không có vấn đề, gia đạo trong nhà cũng bình yên, không gây gổ đâm chém, bản thân mình cũng phải ok, tâm trạng của mình cũng phải ok, không nổi cơn ghen hay giận hờn mới thưởng thức được ổ bánh mì, sức khỏe cũng phải tốt. Chỉ riêng chuyện nhỏ xíu là nhai bánh mì mà lệ thuộc một tỷ yếu tố. Chưa tính đến là trời đất không có thiên tai, núi lửa, lụt lội. Phải có bối cảnh thích ứng thích hợp mình mới có thể giải quyết ổ bánh mì. Chuyện đưa tay vén tóc, hay gãi cũng cần một tỷ nhân duyên. Cái tay mà kẹt thì làm sao vén tóc. Có chuyện này lạ, bình thường mình không ngứa mà khi hai tay mình đang bận, hoặc dơ thì lại ngứa. Sáng hôm qua tôi trộn đất trồng cây ớt lúc hai tay dơ thì lại ngứa, lúc rảnh tay thì không. Chỗ nào bị vết thương thì cứ va vấp đụng ngay chỗ đó miết. Những gì tôi nói nãy giờ là minh họa cho cái bản chất lệ thuộc của đời sống, một nụ cười hay giọt nước mắt cũng lệ thuộc vô số nhân duyên, đó là sự tiếp nối của các duyên làm nên đời sống này. Hẹn bà con ngày thứ Bảy.

Bài giảng ngày 08-11-2014 BẬC HIỀN SO SÁNH VỚI KẺ NGU (Bālapaṇḍitasutta)

Nhớ kỹ được phần giải thích của 12 Duyên khởi thì bà con hoàn toàn có thể đọc hiểu những bài kinh trong chương này. Mỗi kinh có một số chi tiết khác nhau nhưng nội dung vẫn tập trung trong 12 Duyên khởi. Bài kinh Kassapasutta và Timbarukastta có nội dung giống hệt như kinh Moliyaphaggunasutta.

Tiếp theo là bài kinh Bậc Hiền So Sánh Với Kẻ Ngu. Nội dung bài kinh này là thân tâm của người ngu và người trí đều là quả của quá khứ, đều có khổ lạc như nhau, nhưng điểm khác biệt là người trí mang thân sinh tử nhưng biết lấy đó làm cơ sở để tu tập phẩm hạnh, hướng đến giải thoát. Người ngu thì ngược lại, trong thân sinh tử này lại đầu tư thân sinh tử khác.

Tại sao thân tâm người trí và người ngu đều là quả của quá khứ?

Do nghiệp quá khứ, ta có Thức tái tục, vốn là tâm quả, từ đó mới có tâm chủ quan, là hữu phần, cũng là tâm quả. Mắt, tai, mũi, lưỡi của mình cũng là tâm quả.

Muốn đi vào cảnh Phạm thiên hay địa ngục làm trùn làm dế, làm chuột làm rắn thì phải có cái tâm đầu thai tức tâm tái tục, đó chính là tâm quả có từ thiện ác quá khứ. Sau khi có cái thân ở cảnh giới đó rồi thì mình thấy, nghe, ngửi đó là quả; còn chuyện lúc thấy, nghe, ngửi phát khởi tâm thiện hay ác thì đó là phần nhân tiếp theo, nhân thiện hay nhân ác. Sáu xứ, lục nhập chính là quả của quá khứ mà có. Vô minh, hành, ái, thủ, nghiệp hữu là pháp nhân, còn lại đều là pháp quả.

Có sự khác biệt giữa người ngu và người trí là một người trong thân sinh tử tìm đường giải thoát lìa bỏ nó vì họ nhàm chán sợ hãi nó, còn người thì mang thân sinh tử này lại đầu tư cho thân sinh tử khác, bằng cách dùng quả - 6 căn đời này để tìm kiếm thêm 6 căn của đời khác. Trong suốt thời gian học phẩm này phải ôn lại nội dung 12 Duyên khởi.

Đời sống của mình chỉ có hai phần nhân và quả. Người trí dùng 6 căn để tu tập, khi thấy họ chỉ biết là thấy, cái biết đó là pháp thiện, nghe ngửi cũng vậy, chỉ biết là nghe ngửi. Khi có đam mê thích thú xuất hiện người ta biết ngay, khi nhận diện được thì lập tức nó biến mất. Buổi đầu thì chuyện này hơi khó, nhưng về lâu về dài, ngày dài tháng rộng, nhận diện được là nó biến mất. Người non yếu do kiến thức Phật pháp ít quá, không biết cái nào là phiền não, cái nào là pháp thiện, chỉ biết cái gì thô mà thôi. Ví dụ như nổi giận, thì biết đây là nổi giận, ăn ngon thì

biết đây là tâm tham, đó là thô. Còn như khi hai người đang bàn luận về Phật pháp, trong lúc đó rất có thể tâm sân xen kẽ liên tục mà mình không ngờ, mình cứ nghĩ là đang nói chuyện Phật pháp thì không có tâm sân. Mình nghĩ rằng, tâm sân thì không có trí tuệ đi chung, mình đang cãi thì mình dùng trí; chỉ có hành giả mới phát hiện ra trong lúc mình tranh cãi có ngã mạn, tâm sân, xuất hiện liên tục, thậm chí có tà kiến nữa; ngã mạn là mình thấy người ta dở hơn mình. Khi người ta không chấp nhận quan điểm của mình, khi mình nổi nóng lên mình mới biết đó là tâm sân chứ khi chưa thật sự nổi nóng những phiền não nào xuất hiện xen kẽ mình không thấy. Ví dụ khác, trong mùa dâng y, mình ăn mặc diêm dúa hoa hòe, vòng vàng nữ trang áo dài áo ngắn, đầu đội cái mâm, đi vào giữa đám đông mình thấy hoan hỉ quá, thấy người ta rải hoa, thấy mùi hương hoa lài (hương hoa lài là đặc điểm của lễ VN), mình thấy vui biết bao nhiêu mà không biết là ngã mạn nhiều dữ lắm, vì hôm nay mình là thí chủ mà, hôm nay mình mặc áo đẹp mà, cái mâm mình đội đầu là mâm bự nhất; đó là tâm tham mà mình không ngờ. Chỉ có hành giả chuyên tu mới nhận ra điều đó. Thật ra sự khác biệt giữa tâm thiện và tâm tham xa lắm nhưng tại vì mình không phải là người có học A-tỳ-đàm cũng không phải là hành giả Tứ Niệm Xứ, nếu có học cũng học lơ mơ và nếu có tu cũng tu lơ mơ còn nếu mà chuyên tâm thì sẽ nhận ra. Các vị còn nhớ ba hạng hành giả Vipassanā không?

Ba hạng hành giả tu Vipassana: 1. Bậc hạ là tu chánh niệm theo thời khóa, ngoài lúc đó ra sống sao cũng được. 2. Bậc trung là ngoài thời khóa, chỉ làm điều lành và không cần theo dõi chánh niệm. 3. Bậc thượng là từ lúc thức dậy cho đến khi ngủ lại luôn chánh niệm 100%. Đừng hiểu rằng khi nào đi hành thiền mới là hành giả mà vấn đề là mình dễ duôi hay là tinh tấn, chớ không phải là trong hay ngoài thiền viện. Nếu mình tinh tấn thì phải thường trực để ý. Cái gì cũng phải tập, buổi đầu lơ là nhưng lâu dài quen dần. Sẽ có một ngày quí vị thấy rằng giây phút nào sống chánh niệm thì đó là giây phút an toàn (không bị tấn công từ bên ngoài) và an lạc. Chỉ cần mình lơ đễnh một chút, một câu nói, một ánh mắt, một nụ cười một thái độ của ai đó chắc chắn sẽ làm cho mình phiền. Sự an lạc của mình rất mong manh, rất dễ bị tấn công, rất dễ bị mất mát. Đừng nghĩ mình giàu, trẻ, đẹp là mình sung sướng hạnh phúc, chỉ cần mình không chánh niệm là hạnh phúc của mình bị tấn công. Chỉ cần ánh mắt ai đó 'nhìn đểu' là đủ để đâm người ta chết rồi. Có nhiều người có tật xấu của bàng sanh, đó là nói cạnh nói khóe, giống như con rắn con chó con cọp người ta không chọc ghẹo gì cũng tấn công. Nhiều người có tật lạ lùng như vậy, ngoài đời đầy, trong chùa cũng vậy. Còn tâm tham thì khỏi nói, có rất nhiều cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị làm mình đam

mê ưa thích; bất cứ giây phút nào bà con thất niệm là bà con khổ 200%. Muốn mà không được là khổ, không muốn mà phải gặp, phải nghe, phải nhìn, phải thấy là khổ. Tà kiến cũng làm cho mình khổ, theo đuổi một pháp môn tào lao rồi ngày nào đó thấy phiền não mình vẫn còn nguyên. Ví dụ như thích thầy, thích chùa, thích pháp môn nào đó, tu hùa theo chùa đông, chạy pháp môn nổi tiếng, đêm về một mình trong đêm tối mới thấy pháp môn nào đó chẳng đả động gì đến phiền não của mình hết. Đức Phật dạy cho bà Gotami: Pháp môn nào mình càng theo đuổi mà mình càng an lạc khi hành trì, càng dễ nuôi, trở thành người thiểu dục, tinh tấn, thích sống một mình, thì đó là chánh pháp. Ngược lại là không phải lời Phật, là tà đạo. (Xem lại Tăng Chi Bộ kinh phần Phần Tám Chi). Khi thấy chỉ mất thời gian mà không được gì thì ta phải xét lại pháp môn mình đang theo đuổi, cách thức ta đang hành trì hay bối cảnh chung quanh.

Trong ăn uống sử dụng thuốc men mình luôn luôn cẩn thận, sợ dư đường, dư mỡ, sợ cao máu nhưng trong đời sống tinh thần thì coi như bỏ ngỏ, rất là thờ ơ. Chỉ cần thích ông thầy nào đó, thích tổ chức nào đó, mê vẻ ngoài của pháp môn nào đó, đắm đuối trong lời hứa hẹn nào đó rồi theo đuổi một cách hồn nhiên vô tư, vậy là rõ ràng mình coi nặng vật chất hơn tinh thần. Vì sao?

Đối với sức khỏe thì mình rất là cẩn thận. Đối với tấm thân mấy chục ký này thì mình sợ đủ điều, sợ dư cái này thiếu cái kia, sợ bệnh này, bệnh nọ, nhưng về tinh thần thì mình rất dễ dãi. Như vậy mình coi nặng vật chất hơn tinh thần. Mình nói mình là Phật tử, nhưng thật ra 99% coi nặng vật chất. Nghe nói bốn chữ "coi nặng vật chất" nhiều người sốc dữ lắm, họ tưởng nói họ coi nặng tiền bạc. Không phải. Coi nặng vật chất không phải là coi nặng tiền bạc mà coi nặng tấm thân, sợ bịnh sợ xấu, trong khi đời sống tâm linh, suy tư thì coi nhẹ, giao phó cho tăng ni, giao phó cho thiên hạ chung quanh, đó không phải là ngu thì còn gì nữa, đó chính là sự khác biệt giữa người ngu và người trí.

DUYÊN (Paccayasutta)

"Dầu các Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện, an trú là giới tánh ấy, pháp trú tánh ấy, pháp quyết định tánh ấy, y duyên tánh ấy." Nghĩa là, dầu chư Phật có ra đời hay không, chuyện sanh, lão, bệnh, tử vẫn diễn ra ở đời này.

Sanh, sự có mặt ở đời này là nguồn gốc để tạo ra sầu bi khổ ưu não, dù chư Phật có ra đời hay không, 'sanh' vẫn được tạo ra từ nghiệp hữu (nghiệp thiện ác đời quá khứ). Dầu chư Phật có ra đời hay không, nghiệp hữu vẫn được sanh ra từ Tứ thủ.

Tứ thủ:

- Dục thủ là chấp chặt trong sự hưởng dục (cái này ngon, cái này mềm, cái này ấm, cái này mát…)

- Kiến thủ là chấp chặt trong quan điểm suy tư sai lầm của mình, "tôi suy nghĩ vậy là đúng", suy nghĩ theo quan điểm cá nhân hoặc quan điểm khoa học học được từ trường lớp.

- Giới cấm thủ là chấp chặt đường lối hành trì sai lầm nằm ngoài Bát Chánh Đạo

- Ngã chấp thủ là chấp chặt vào ý niệm tôi là, của tôi

Ta tin điều gì đó vì ta có thể chứng minh là nó có. Nếu muốn phủ nhận điều gì đó thì ta cũng phải chứng minh được là nó không có.

Tôi có kể hoài chuyện lần đó, tôi giảng trong thiền viện Phước Sơn hai mươi năm trước. Giảng xong có hai ông cư sĩ già theo tôi xuống suối. Một ông là sĩ quan VNCH cũ, một ông là thiếu tá chế độ mới. Nhân duyên xô đẩy thế nào mà hai ông này gặp nhau ở Phước Sơn và trở thành bạn. Ông thiếu tá miền Bắc hỏi tôi rằng: Có cách nào chứng minh có ma quỉ, kiếp trước kiếp sau, luân hồi, quả báo, tôi theo thầy liền. Ổng không phải ghét bỏ gì mình, ổng muốn đi hành thiền cho lòng nhẹ, nhưng trong lòng ông có điểm bất an. Tôi nghĩ câu đó ổng đã hỏi nhiều người rồi. Tôi trả lời: Tôi không dám nghĩ đến chuyện bác theo tôi, để trả lời câu hỏi của bác tôi xin đề nghị bác, nếu bác chứng minh được những cái đó không có, thì tôi xin theo bác. Tôi thấy ổng có vẻ rất vui với câu trả lời của tôi. Muốn tin điều gì đó thì phải có cơ sở, nền tảng để tin, nhưng muốn bác nó thì mình phải chứng minh rằng nó không có chứ.

Khi mình cho rằng có một cái tôi, có một cái ta, có một cái linh hồn bất biến trôi nổi từ đời này qua đời khác thì phải suy nghĩ xem nó hợp lý hay không. Rõ ràng mình có lúc vui lúc buồn, lúc thiện lúc ác. Hãy tự hỏi mình, tại sao mình mê chuyện có cái gì đó đi từ kiếp này kiếp khác mà không chịu chấp nhận rằng mọi thứ là lắp ráp như lời Đức Phật dạy?

Tại sao mình muốn có cái gì đó để gọi là tôi và của tôi?

Chuyện đó hoàn toàn không có lợi gì hết sao mình lại muốn như vậy?

Vì nhiều đời mình đã có tính cách tư hữu, muốn xác định tôi và của tôi là quá quen rồi. Đức Phật dạy, mình là đồ lắp ráp. Tôi rất là an lạc khi chấp nhận quan điểm tôi là đồ lắp ráp, không có gì là của tôi hết, nếu không có cái gì là tôi thì làm gì có cái của tôi. Biết như vậy an lạc hơn chứ. Cả thường kiến và đoạn kiến đều làm cho mình khổ thôi. Chấp chặt cứ thấy mình đúng, như vậy là kiến thủ.

Giới cấm thủ là có những người cũng có lòng sợ khổ, cũng muốn giải thoát, nhưng chọn sai pháp môn. Chọn sai là vì có nhiều lý do: 1. Do căn tánh của đời trước thích đi theo đường lối tu hành tào lao như vậy. 2. Do bối cảnh tâm lý.

Thứ nhất, do khuynh hướng tâm lý nên thích cầu nguyện, giao phó cho đấng chí tôn trên mây nào đó. Cho nên sanh ra đời gặp tôn giáo nào đó là xin, đến lúc gặp Phật pháp, vô chùa rồi cầu nguyện xin phù hộ. Thứ hai là do môi trường sống hiện tại, xung quanh mình toàn những người theo pháp môn năn nỉ, cầu xin cái này cái kia, đi theo một đạo nào đó, lệ thuộc vào cái đấng nào đó xin ban cho cái này cái kia. Tôi cũng nhắc Phật tử Nam Tông, cầu Tam Bảo là cầu cái gì, Phật dạy cái gì thì mình hành trì theo Ngài, mình được an lạc. Nếu quả trổ mình bịnh thì ráng chịu, nghiệp tới lúc mình phải chết mình lăn đùng ra chết thì thôi. Chớ còn chuyện trông chờ Tam Bảo phù hộ thì tôi xin hỏi mấy câu thôi, quí vị có biết Đức Phật cũng còn phải bịnh không, bịnh cho đến lúc cuối đời?

Đến lúc còn ba nốt nhạc nữa là viên tịch, Ngài vẫn còn bịnh kiết lỵ. Chỉ một phần mười tai nạn trong đời Đức Phật mà đổ lên đầu mình thì mình chết mất rồi. Người ta thả voi điên, voi say ra, giết người vùi xác sau nhà, độn bụng vu oan, thuê thích khách giết, chửi bới suốt ngày. Ngài bị nạn như vậy mà mình niệm Ngài để hết nạn thì niệm làm sao?

Ngài Mục Kiền Liên đệ nhất thần thông bên tăng bị chết thảm do ăn cướp giết. Bà Uppalavannā đệ nhất thần thông bên ni thì bị hãm hiếp. Toàn là đệ nhất thần thông đắc A-la-hán mà nghiệp tới trở tay hổng kịp, còn mình ngồi cầu nguyện Tam Bảo phù hộ là cầu cái gì. Quan trọng là Phật dạy làm sao mình sống y như vậy. Tôi tin mình tu hành mà phước báu nhiều thì cũng có thể ngăn chặn gia giảm chút ít khi quả trổ. Và tôi tin chắc chắn khi mình tu tập như vậy mình đã gieo duyên lành giải thoát, gieo hạt giống cho đời sau, chớ còn chuyện ăn rồi đi cầu nguyện người này người kia phù hộ, đeo hình đeo tượng trên người thì tôi xin thành thật chia buồn cùng quí vị, vậy là quá hưỡn đi. Tay chân không vận động thì bị teo, đầu óc lười biếng suy tư thì lúc cần xài đến nó, nó cũng không phát huy

hiệu quả. Giới cấm thủ là cắm đầu đi theo pháp môn nằm ngoài lý tưởng Bát Chánh Đạo.

Nói gọn lại, tứ thủ chỉ còn trong hai điều là chấp chặt trong hưởng thụ và trong ý niệm chấp ngã.

Dầu chư Phật có ra đời hay không, vòng luân hồi cũng diễn ra với hình thức 12 Duyên khởi. Dầu chư Phật có ra đời hay không thì từng chi trong 12 chi Duyên khởi cũng đều là vô ngã, vô thường, mong manh.

"Và này các Tỷ-kheo, thế nào là duyên sanh pháp?

Già, chết, này các Tỷ-kheo, là vô thường, hữu vi, duyên sanh, biến hoại tánh, biến diệt tánh, ly tham tánh, đoạn diệt tánh."

Chữ Chữ 'ly tham tánh' trong bài kinh này được HT Minh Châu dịch từ chữ Virāga, mà thực ra "ly tham tánh" chỉ là một trong ba nghĩa của chữ Virāga mà thôi. Ở đây chữ Virāga phải được hiểu là vô thường, biến dị, nhạt nhòa, mau phai.

Chữ Chữ virāgacó nhiều nghĩa: 'ly tham', 'nhạt màu', 'phai phôi', 'sự vô thường', 'mong manh', 'phù du'. Chú giải giải thích:

Viraga = virajjanaka (Atthakatha), palujjanaka (Tika).

Trong đời sống hay trong cuộc tu, hãy để ý xem cái mình cần là cái gì, cái mình thích là cái gì. Phật tử VN mình thường chú ý chạy theo cái mình thích nhiều hơn cái mình cần. Đừng nói tinh thần mà nói cái vật chất, nếu khi ăn mình chỉ lựa toàn mấy thứ mình thích thôi thì hình dung ra sao?

Mình phải lựa thứ mình cần chớ đâu thể lựa cái mình thích. Ngày nào tôi cũng coi Chú giải, mệt óc thì tôi coi báo, đêm hôm qua tôi gặp nguyên đám mấy bà sồn sồn trên báo, trang điểm phấn son, tôi giựt mình. Đúng là họ chạy theo cái họ thích chớ không phải họ cần, họ quên mất phấn son nữ trang áo quần để trang điểm cho mình đẹp mà mặc vô không đẹp thì mặc làm gì, mặc bình thường được rồi. Những thứ đắt tiền chừng nào, màu mè chừng nào chỉ làm cho người ta chú ý mình nhiều hơn thôi. Vì vậy, nhắm những thứ nào gọi là đẹp, chỉ sử dụng khi tin chắc mình thuyết phục được thiên hạ mới nên xài, còn không thì cứ bình dân cho rồi. Mình chỉ nên chấp nhận những gì cần thiết thôi. Ở một lứa tuổi nào đó, chưa kể ở một nhân dáng ngoại hình nào đó, có lẽ mình phải xét lại bỏ bớt ba cái vụ vòng vàng phấn son đi, chớ không nó kỳ dữ lắm. Nhắm mình đeo vô không đẹp

mà cứ ráng thì vô tình tạo sự chú ý của người khác thôi, nhưng người khác nhìn mình thảm lắm. Tôi không can thiệp đời tư các vị, nhưng nó liên hệ Phật pháp. Có những pháp môn, những vấn đề tinh thần, nếu có hại và không giúp được mình thì nên bỏ. Vô chùa, Phật pháp thì không chịu học, cứ canh me lễ lạt thì quần là áo lụa, cúng dường. Đi chùa chỉ biết làm phước thôi mà không chịu coi chuyện học đạo là quan trọng. Cứ chờ theo đám đông rồi làm phước, còn một mình mình thì không tu tập, không an lạc được, như vậy là rõ ràng có vấn đề.

Bài kinh này Đức Phật xác định, dầu chư Phật có ra đời hay không ra đời, dòng sinh tử vẫn có mặt với sự chi phối của 12 Duyên khởi, được hình thành qua 12 Duyên khởi, và điều đặc biệt là từng cái gọi là nhân hay quả trong vòng Duyên khởi đó đều là vô thường, vô ngã.

Mình khổ vì lý do mình không biết mình là cái gì, mình quên mất rằng tất cả niềm vui hay nỗi khổ đều xuất hiện trong nháy mắt. Dầu thiện ác, buồn vui, tất cả đều xuất hiện trong nháy mắt, cái sau thay thế cho cái trước. Tuy ngắn ngủi, nhưng nhân thiện cho ra cái vui, nhân ác cho ra cái khổ. Nhân và quả, thiện và ác đều là chớp nhoáng. Trong lúc đau bịnh hấp hối, nếu hôn mê thì thôi, còn nếu tỉnh táo thì hãy quan sát cái này: nỗi sợ nào cũng chỉ là chớp nhoáng, nỗi đau nào cũng là chớp nhoáng, sự nhớ thương, sự tiếc nuối nào cũng là chớp nhoáng. Mình có hoan hỉ trong Phật pháp, sẵn sàng ra đi, sự hoan hỉ đó cũng là chớp nhoáng. Chuyện mình thấy mình hay mình giỏi đó chỉ là trò chơi Khắc chu cầu kiếm, đánh dấu mạn thuyền (rớt gươm dưới nước mà vạch dấu trên thuyền). Hôm nay mình ngồi nhớ lại chuyện xưa, ngày xưa vui quá, những tháng ngày thơ mộng tình tứ lãng mạn đẹp quá, toàn bộ niềm vui của mình toàn là chuyện khắc dấu mạn thuyền mà thôi, nó đã qua mất rồi mà mình ôm nó lại để vui. Nếu mình quan sát tinh tường thì mình chưa kịp cầm nó, chưa kịp nhìn thấy nó, thì nó đã mất rồi. Theo như A-tỳ-đàm thì khi mình biết nó đẹp, nó là cái gì, thì tâm nhãn thức đã vô thường rồi, còn cái mình đang thấy trước mắt đó là tâm nhãn thức thứ một triệu, thứ hai triệu rồi. Chính vì thấy được sự chớp nhoáng này mình mới không có những bận tâm hồi ức, tưởng tiếc về quá khứ, ngồi nhớ lại chuyện xưa. Có người coi kinh hỏi tôi: Đâu có ai khùng ngồi suy nghĩ ta có mặt trong đời quá khứ hay không, ta có mặt như thế nào, đâu có ai nghĩ như vậy?

Tôi mới giải thích thế này: Nguyên văn kinh xưa là nói như vậy, nhưng mình ngồi nhớ chuyện quá khứ đó gọi là hồi tưởng quá khứ; mình dự định trù hoạch tương lai, thì gọi là sống cho tương lai. Với một người không hiểu lý vô ngã thì họ cứ nghĩ rằng đó là quá khứ của tôi, đó là tương lai của tôi. Còn với người hiểu

đạo, đặc biệt hiểu giáo lý Duyên khởi thì thấy rằng toàn bộ đời sống của mình chỉ là chuỗi dài ghép nối của nhân và quả; nhân vô thường và quả cũng vô thường, mọi thứ tồn tại chớp nhoáng, có đó rồi mất đó. Khi mình thấy nó là một dòng chảy bao gồm toàn những thứ chớp nhoáng như vậy thì mình không còn tha thiết gì chuyện cố nhớ quá khứ hay cố tưởng về tương lai. Tôi nhớ cách đây đúng 20 năm (1994), tôi có lớp giảng A-tỳ-đàm ở Mỹ Thuận, trên sân gạch cạnh con rạch. Tôi hỏi mọi người ở đó, quí vị sanh ra ở đây mà có bao giờ quí vị thắc mắc dưới con rạch có bao nhiêu tôm cua cá tép, hai bên bờ có bao nhiêu trùn rắn ếch?

Họ trả lời, khi nào cần ăn thì bắt cá bắt tép lên ăn chớ đâu có ai bận tâm bên dưới có bao nhiêu con này con kia. Cũng vậy, những ai hiểu được sự tào lao của dòng sanh tử thì họ cũng không có nhiều thời gian để tưởng nhớ về quá khứ. Đức Phật chỉ nhắc về quá khứ khi cần thiết mà thôi. Ví dụ Ngài nói: Không phải bây giờ mà đời xưa người này cũng như vậy rồi. Ngài kể chuyện xong rồi nói, các ngươi hãy thấy các hành là vô thường, mọi sự ở đời là mong manh, ngày xưa ai công hầu ai khanh tướng, ai nghèo đói, ai trộm cướp, bây giờ đây là vị tỳ kheo, là ông cụ, là đứa bé đang ngồi trước mặt mọi người ở đây… là những nhân vật mà Như Lai đã kể trong câu chuyện, đây chính là sự vô thường. Khi cần Ngài mới kể lại chuyện xưa chứ còn trong cái nhìn của bậc thánh thì chuyện xưa không là gì cả.

Khi hành giả, người học đạo, thấy mọi thứ do vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc… hết đời này qua đời khác lặp đi lặp lại như vậy thì họ chán, họ không còn tưởng tiếc quá khứ hay hiện tại, vị lai nữa. Có ba lý do mình thích hay ghét: tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, bối cảnh sống hiện tại. Người dân châu Phi màu da thì đen thui như cục than nhưng rất thích và rất hãnh diện khi mặc những trang phục lòe loẹt màu sắc. Phụ nữ bộ tộc Kayan ở Miến Điện thì tròng những chiếc vòng đồng vào cổ chồng lên nhau cho đến khi cái cổ dài ra mà họ nghĩ là đẹp…

Khi hiểu mọi thứ đều là chớp nhoáng và hiểu những chuyện ta thích ta ghét đều có lý do rất là vớ vẩn thì sẽ hiểu vì sao bậc thánh nhìn cuộc đời này bằng cặp mắt lãnh đạm. Cặp mắt chúng ta thì nồng nàn và chan chứa khi nhìn về cõi nhân gian, bởi chúng ta hiểu lầm về nó. Cái đẹp, xấu, ngon, dở ở đời này chỉ là ước lệ, là mặc định, tạm thời ở một bối cảnh, không gian, thời gian, địa phương, môi trường nào đó chớ không phải là giá trị hằng tại bất biến. Hiểu như vậy để thấy mọi thứ chỉ là cuộc chơi rất trẻ con. Gặp lại bà con vào thứ Ba.

Bài giảng ngày 11-11-2014 Ôn lại nội dung của hệ thống 12 Duyên khởi

Những điều cần phải làm trong buổi học hôm nay: 1. Ôn lại nội dung của hệ thống 12 Duyên khởi. 2. Phải nhớ tất cả chư Phật đều do quán chiếu Duyên khởi mà thành đạo. 3. Phật Giáo dùng lý Duyên khởi để giải thích cái gọi là dòng luân hồi, nghiệp báo, bản chất tùy duyên và phù du của vạn hữu.

Đời sống của mình là một chuỗi dài ghép nối tương tục của nhân và quả, tùy theo căn cơ trình độ, tùy theo môi trường hoàn cảnh sống mà chúng ta làm thiện hay làm ác. Căn cơ trình độ khuynh hướng tâm lý, cộng với nghiệp cũ, môi trường sống hiện tại, đông người hay ít người, đời sống đóng khung khép kín hay cởi mở thoải mái, tất thảy có vai trò tác động rất lớn trong hành động của mình. Có khi mình hiểu, mình tin nhưng mình sống không đúng với cái mình hiểu mình tin. Có những lúc, tôi không niệm Phật, tôi không có suy tư cao siêu, tôi chỉ nhớ một câu thần chú: "Hình như mình không tin lắm cái điều mình hiểu". Khi dễ duôi cứ nhớ câu đó thôi. Mình biết chuyện sống chết, sa đọa có thể xảy ra đầu hôm sớm mai nhưng mình không ngán. Cứ hỏi thiệt từng Phật tử đi, nếu bây giờ có giấy của bác sĩ nói quí vị bị ung thư, chắc chắn quí vị sẽ tinh tấn hơn. Tự mình biết sống chết rất mong manh, nhất là ở VN, bước ra đường là có thể bị tai nạn xe bất cứ lúc nào. Chờ người ta đem được vô tới bệnh viện là một chuyện may rủi nữa, chớ ở xứ ngoài là 3 giây, nếu cần người ta huy động cả trực thăng đến. Cách đây mấy năm có cuộc đụng xe ở Cà Mau, toàn là đại gia, dân thuê trực thăng chở từ Cà Mau lên SG một chuyến 20 ngàn đô la. Chở vô được bệnh viện thì nằm ở phòng cấp cứu chờ nếu không có bì thơ bôi trơn. Vô được bên trong rồi thì một giường hai ba người. Không có bao thơ thì thuốc men, y tá không được bình thường. Gia đình phải chạy tiền mua thuốc với giá mắc nhất thế giới. Tôi kể cho quí vị nghe chuyện buồn như vậy để thấy rằng mình rất dễ duôi, biết nguy cơ bất trắc có thể xảy đến mà mình không hề có phản ứng thích hợp với cái biết đó. Vì vậy, hãy nhớ câu thần chú: "Hình như mình không tin cái điều mình hiểu." Câu thần chú thứ hai: "Hình như mình không sống đúng với những điều mình tin". Tôi nghĩ trong room này và những người không học lớp này ít nhiều cũng biết những điều tôi trình bày trong loạt bài Duyên khởi. Nỗi khổ niềm đau của mình được khởi đi từ 6 căn. Giáo lý Duyên khởi chỉ là cách trình bày sáng sủa cái hành trình đi đứng của 6 căn mà thôi. Sáu căn là quả, do chính vì mình không tu tập, do tác động của túc duyên đời trước, có người dùng 6 căn để tu tập, có người dùng 6 căn để làm ác. Trong số những người dùng 6 căn để tu tập lại chia ra làm hai nhóm: có nhóm

dùng 6 căn để làm thiện cầu sanh thiên giới, một số ít dùng 6 căn tu tập để cầu quả vô lậu giải thoát.

Ôn lại giáo lý Duyên khởi:Do vô minh trong 4 Đế sanh ra 3 hành. Từ ba hành này mới có thức tái tục. Tái tục có nhiều trường hợp, tái tục về chỗ có đủ 6 căn, về chỗ chỉ có một ít trong 6 căn, và về chỗ chỉ có một căn thôi đó là cõi Vô sắc. Từ 6 căn này, không tu hành thì tạo tiếp cơ hội cho Ái, Tà kiến xuất hiện. Ái, Tà kiếnxuất hiện thì tiếp tục tạo ra tâm tái tục cho đời sau. Hễ có tái tục thì phải có mệnh chung; hễ có tái tục thì phải có sự hiện hữu. Đức Phật dạy, hễ có sự hiện hữu thì giống như con thú lột da, làm sao mà tránh được sự nóng bức của nắng, nếu là xứ lạnh thì làm sao tránh được sự lạnh lẽo của tuyết giá, làm sao tránh được sự tấn công của côn trùng. Mình là bia bắn của một tỷ điều bất trắc sẵn sàng đổ xuống. Cái bất trắc này có hai nguồn đến: Hễ hiện hữu là mình thích cái này, ghét cái nọ, sợ cái khác, những thương thích ghét sợ đó hành mình đủ chết rồi. Chưa kể những tấn công của cuộc đời, cuộc đời đâu để mình yên. Người ta tấn công mình vì tham, nghĩa là người ta thích cái gì đó ở mình, hoặc người ta tấn công mình vì sân, vì người ta ghét cái gì đó ở mình. Không ai trên đời này không có bất trắc. Ngay cả chuyện khen chê, mình có trùm mền chui xuống đất họ cũng lôi mình ra để khen chê:

“natthi loke anindito”:không ai ở đời này tránh được thị phi.

Câu này cũng là câu thần chú của tôi. ‘Natthi’: không có ai, ‘loke’: trong đời này; ‘anindito’: không bị chê, không bị abused, bị sách nhiễu.

Những bài kinh trong phẩm Duyên Khởi này xác nhận tất cả Bồ tát phải trải qua hành trình giống hệt nhau, mất nguyên một canh đầu dùng Túc mạng minh quán xét vô lượng kiếp đời trước, quán quả luân hồi. Sanh ra ở đó, mặt mũi như vậy đó, tuổi thọ hình dáng như vậy đó, buồn vui vinh nhục như vậy đó v.v... Canh thứ hai là quán nhân luân hồi, biết vì đâu kiếp đó mình làm ăn mày, vua chúa, quận công v.v... Canh thứ ba mới bắt đầu quán chiếu 12 Duyên khởi. Đầu hôm thấy quả, giữa hôm thấy nhân luân hồi, rồi quán chiếu 12 Duyên khởi, thấy sự có mặt của mình ở đây đúng như hai canh đầu đã thấy, sự có mặt của mình do Thức tái tục đầu đời mà có; thức tái tục do nghiệp thiện ác mà có; nghiệp thiện ác đó do tứ thủ mà có; tứ thủ do lục ái mà có; lục ái do lục thọ mà có; lục thọ do lục xúc mà có; lục xúc do lục nhập mà có; lục nhập do danh sắc đầu đời mà có; danh sắc đầu đời mà có do ba hành, do vô minh mà có. Vô minh diệt thì hành diệt; hành diệt thì thức diệt; thức diệt thì danh sắc diệt; danh sắc diệt thì lục thọ, lục ái diệt; lục

thọ lục ái diệt thì tứ thủ diệt; tứ thủ diệt thì hai hữu diệt; hai hữu diệt thì không còn sanh lão bệnh tử sầu bi khổ ưu não nữa. Hoát nhiên đại ngộ, đại công cáo thành, viên chứng Phật quả, trở thành Nhất thiết trí ngay lúc rạng sáng. Hành trình chư Phật là như vậy đó. Tất cả chư Phật đều đi qua hành trình giống hệt nhau. Nhờ buổi giảng này chúng ta mới biết tại sao mà chư Bồ tát Chánh Đẳng Giác lúc thành Phật dài dòng hơn người bình thường, mất nguyên một đêm. Bồ tát là một bậc đại nhân, đại trí, đại hiền, đại hạnh, đại duyên, đại phước. Khi Ngài giác ngộ thì hành trình lâu như vậy. Không phải là Ngài chậm mà vì thuyền to nên bến đậu phải rộng.

Giáo lý Duyên khởi dùng để lý giải nghiệp báo là như thế nào?

Trong loạt bài kinh đã học và sắp học đây nhắc tới nhắc lui vấn đề nghiệp báo. Có những người nghĩ rằng nghiệp thiện ác ở đời là do mình tạo, có người thì nghĩ do ai đó tạo. Do mình tạo là 'tôi' buồn vui, vinh nhục, từ đó 'tôi' mới làm việc thiện ác rồi đời sau sanh ra 'tôi' bị cái này cái kia. Đức Phật dạy rằng đó là tà kiến, không có cái tôi mà chỉ có các duyên thôi. Có người học ba mớ thì nghĩ rằng không phải 'tôi tạo' mà do người khác. Ví dụ như đời này tôi làm phước, đời sau tôi sanh ra tôi làm người khác, những gì tôi hưởng đời này là do người khác tạo ra trong đời trước. Đức Phật dạy hiểu như vậy cũng là tà kiến. Không có mình tạo và cũng không có người khác tạo. Vạn pháp do duyên. Ngoài đời người ta nói, mưu sự tại nhân thành sự tại thiên còn trong đạo mình nói mưu sự tại nhân, thành sự tại Duyên. Tôi cũng có một chút công với PG, với văn hóa VN khi tôi sửa được và thành công câu chúc "vạn sự như ý" thành "ý như vạn sự". "Vạn sự như ý" chỉ là ảo mộng, "ý như vạn sự' mới là tu hành, mới là tu tập. Ý như vạn sự là chuyện đời như thế nào thì lòng mình cũng thanh thản. Nước không hình dáng nên bỏ nó vào chậu tròn thì nó tròn, chậu hình gì nó hình đó. Khi nó lìa khỏi chỗ đựng thì nó trở về với thân tướng của nó, tùy duyên nhưng bất biến. Hòa quang nhưng không hỗn tục, người ta sáng thì mình sáng theo nhưng người ta tối mình đừng tối theo. Hòa nhưng chưa hẳn đồng.

Ngay bây giờ chúng ta học giáo lý Duyên khởi này thấy xa vời, mai này khi mình nằm liệt một chỗ, đi xe lăn, đau nhức mệt mỏi bất lực, nhớ lại ngày xưa thời ngon lành mà sống an trú trong Phật pháp thì giờ tự tại biết bao nhiêu. Phật pháp tu đúng sẽ thèm được cô độc. Đức Phật dạy bà Gotami: "Pháp môn nào càng hành trì càng khiến ta thích độc cư thì đó là chánh pháp". Lúc đó bà đã đắc A-la-hán rồi, nhưng vì lòng đại bi cho người đời sau nên bà hỏi, Bạch Thế Tôn mai này

Thế Tôn không còn nữa thì chúng con sẽ dựa vào đâu để biết là lời Phật. Bà hỏi là cho người khác. Bà tịch trước Đức Phật.

Muốn có một tuổi già không quạnh hiu thì phải sống tỉnh thức ngay từ bây giờ. Khi sống tỉnh thức đến mức độ nào đó thì thấy một mình là diễm phúc. Khi yêu được sự cô đơn thì mai này có nằm một chỗ cũng thấy cô đơn đó là thế giới xưa giờ của mình. Nếu buồn vui của mình lệ thuộc vào con cái, chồng vợ, láng giềng chòm xóm thì nỗi khổ niềm đau là cái giá tất nhiên phải trả. Nếu có khả năng an lạc với riêng mình thì ở đâu cũng được.

Ở Mỹ có chữ "independent", nghĩa là độc lập. Trong tiếng Đức là chữ "selbststand" hay lắm. Self là tự mình, stand là đứng. Độc lập là đứng một mình, không dựa vào ai hết. Độc lập nhưng không có nghĩa là cô lập (isolated), nghĩa là có khả năng sống một mình nhưng vẫn có khả năng tương thông với thiên hạ. Một mình nhưng có khả năng thương, hiểu, bao dung mọi người chớ không phải là một mình rồi chán sợ đám đông, sợ thiên hạ. Còn chán, ghét, sợ, tránh né là sai. Thích ở một mình là vì mình có thời gian hơn, sống tỉnh thức tốt hơn, nhưng vẫn phải có trách nhiệm với đời, lòng vẫn sẵn sàng. Trong kinh Đức Phật dạy mình nhìn về cuộc đời bằng tấm lòng của người mẹ. Trong Kinh Từ Bi có ví dụ hình ảnh người mẹ. Tại sao Đức Phật không dùng chữ người thương (beloved one) mà xài chữ người mẹ?

Chỉ có người mẹ mới lột tả hết tình thương cho đứa con. Ở đây đặc biệt không nên để ý khía cạnh giới tính trong hình ảnh bà mẹ ở Kinh Từ Bi. Một đứa con có tàn tật, bất hiếu, hỗn hào vô lễ cỡ nào, người mẹ vẫn yêu thương đứa con vô điều kiện. Dù có độc cư viễn ly, lòng nghĩ về chúng sinh vẫn phải còn đó. Một vị Bồ tát dù sống một mình vẫn luôn luôn nghĩ về chúng sinh như tấm lòng một người mẹ. Có lúc Ngài bỏ hết chuyện của Ngài để lo cho chúng sinh. Đây là chuyện rất là kỳ lạ của PG. Anh buông hết anh sẽ được tất cả. Khi anh nắm bằng cả hai tay thì trời đất này chỉ trong hai bàn tay của anh thôi, bởi bàn tay anh quá nhỏ, khi anh cầm quá nhiều thì cái anh được chỉ là hai nắm tay. Khi mở rộng bàn tay thì vòng ôm mới rộng. Khi anh thương người là anh đang giúp anh. Có người Phật tử nói với tôi là số họ xui xẻo cứ bị người khác lợi dụng, anh em trong nhà lợi dụng, nhờ vả, đi học bạn bè lợi dụng cục gôm, bình mực; đi làm công sở cũng bị bạn bè nhờ mua cà phê, nhờ vả; đi chùa thì bị nạnh việc nặng nhọc. Tôi đã trả lời cho họ: Đừng quên rằng, phúc thay cho kẻ nào bị thiên hạ lợi dụng vì anh còn có giá trị cho kẻ khác lợi dụng; vô phúc thay cho kẻ nào ở đời này mà cuộc đời không tìm ra chỗ lợi dụng. Hễ người ta còn lợi dụng mình là mình còn xài được,

cái sợ nhất trên đời này là mình không còn chỗ nào để đời lợi dụng. Những khi bị lợi dụng cứ nhớ như vậy. Nùi giẻ còn dùng vào việc lau dơ, nếu không xài được thì còn tệ hơn nùi giẻ nữa.

Toàn bộ những gì tôi nói nãy giờ là giáo lý Duyên khởi. Do cái này có nên cái kia có, do cái này không, cái kia không. Do cái này sanh nên cái kia sanh, do cái này diệt nên cái kia diệt. Tất cả những vấn đề buồn vui trong đời sống của mình, tất cả những rối rắm thăng trầm trong xã hội, đất nước, châu lục, hành tinh, vô lượng vũ trụ cũng theo công thức đó. Không có con ong cái kiến, chiếc lá, cọng cỏ nào mà không là sự tác động đối với thế giới chung quanh. Một hành động nhỏ xíu được thực hiện bằng thiện tâm là mình đang gieo giống lành. Một hành động nhỏ nào cũng để lại dấu ấn trong dòng luân hồi, tối thiểu là để lại thói quen tâm lý, thói quen tâm lý này mà có điều kiện phát tác thì biến thành hành động. Tây có câu: đừng coi thường những suy nghĩ chớp nhoáng, nếu lặp lại nhiều lần sẽ biến thành hành động; hành động nhiều lần sẽ biến thành thói quen, thói quen đó là nhân cách, là tương lai, là định phận của chúng ta.

Những gì tôi nói nãy giờ chính là nội dung của một loạt của những bài kinh sau. Đức Phật dùng giáo lý Duyên khởi để giải thích về nghiệp lý. Ngài xác định rằng không ai tạo nghiệp thiện ác, chỉ có các duyên làm việc với nhau mà thôi. Các kinh còn lại xác định thêm một điều nữa, không ai có thể thành thánh nếu không hiểu được lý Duyên khởi.

Biết rõ sự có mặt của mình chỉ là sự có mặt của 6 căn, 6 căn này là quả của thiện ác đời trước; nay ta dùng chúng để làm ác hay tu thiện là đang gieo nhân cho 6 căn mới. Làm ác thì sẽ có 6 căn chịu khổ, làm thiện sẽ có 6 căn hưởng vui. Dù vui hay khổ cũng đều là sinh tử nên người hiểu đạo làm thiện tránh ác chỉ cầu quả vô sanh. Nhân vô lậu là nhằm cắt đứt dòng chảy Duyên khởi, phá gãy vòng tròn Duyên khởi, mong hiểu được những điều vừa ghi bằng thánh trí, không phải bằng kiến thức vay mượn từ người khác, kiểu hiểu biết vay mượn này chưa đủ để cắt đứt phiền não. Tại sao cái biết của mình không đủ để cắt đứt phiền não?

Ví dụ thằng Tèo nghe nói thằng Tý trong một bữa nói chuyện nào đó đã nói xấu Tèo tan nát, Tèo rất giận và hận thằng Tý. Những người thân của Tèo và Tý tìm đủ cách để giải thích cho Tèo. Tèo nghe vậy vẫn chưa hết giận vì nó vẫn còn hoang mang, ngay cả thằng Tý mà đến giải thích thì thằng Tèo vẫn không chịu tin. Vậy có cách nào cho Tèo hết giận?

Chỉ có một cách, ngày kia có người đưa cho Tèo một video quay nguồn cơn cớ sự bữa nói chuyện mà người ta đồn đãi. Phải bằng cái thấy này thì thằng Tèo mới hết giận thằng Tý, chớ còn những cái biết khác là vay mượn. Ở đây cũng vậy, phải bằng cái thấy của bản thân mình thì mới cắt đứt phiền não.

Cách đây mấy hôm chúng ta có học bài kinh Kaccanagottasutta, Đức Phật dạy thánh trí không phải do vay mượn từ ai khác. Thấy rằng vạn hữu do duyên mà có thì sẽ dứt được đoạn kiến. Thấy rằng cái gì đã có đều phải vô thường thì dứt được thường kiến. Khổ thay cái thấy của mình là cái thấy bằng phàm trí, vì vậy học để cho lòng thanh thản, học để ngộ ra những góc cạnh trước đây mình không thấy. Giờ mà ai đó gọi phone chửi mình là mình không có cách chi chịu nổi, dù mình biết mình tin là mọi sự chớp nhoáng. Mình hiểu đạo thì hiểu nhưng bên tai văng vẳng câu nói "nhịn lúc này là nhục" hoặc "nó nghĩ mình là đứa chết nhát", hoặc "hôm nay mình không lên tiếng mai mốt nó sẽ tái diễn chuyện này nữa" v.v... Vì vậy Đức Phật nói vạn pháp là do duyên, là đồ giả. Từ chỗ hiểu là đồ giả, lúc đầu mình mới bớt giận, sau đó không cần giận nữa. Mình không lặp đi lặp lại những cái biết này trong đầu thì mình còn thấy mình là cái gì đó to tát ghê gớm. Phải biến mình thành tờ giấy, cọng lông gà, sợi tóc, làn khói để có thể rơi từ độ cao nào cũng vô hại và không bị tổn thương. Trong thời gian gần đây tôi tự tại, muốn buông tôi buông rất dễ, nhờ những câu thần chú.

Tùy lúc mà dùng căn nào trong 6 căn để sống ở đời, đó chính là thần chú để sống đời và hành đạo. Trong bài viết nào đó, tôi có nói, anh nào cô nào thương nhau thì thương trong ý căn thôi, càng dùng nhiều căn sẽ khổ ở nhiều căn. Nếu mình thấy là hố than thì đưa hai ngón tay thôi, phỏng hai ngón tay thôi, đừng nhảy vào đó mà thành heo quay. Tiếp xúc càng nhiều thì càng khổ. Nhật có câu chuyện hai huynh đệ cõng cô gái qua sông, có nhiều khi chuyện qua rồi người ta không để bụng, còn mình thì để bụng. Có câu chuyện thiền viện bên Nhật, ba người đang ngồi thiền, dặn nhau là không nói chuyện. Đang ngồi thì cánh cửa sổ đập cái rầm, ông thứ nhất nói: Tệ quá, ai mà quên đóng cửa sổ. Ông thứ hai nói: Sao lại nói chuyện. Ông thứ ba nói: Ai cũng nói chuyện, chỉ có mình tôi là không nói chuyện. Câu chuyện này là diện mạo thật sự của chúng ta trong cuộc đời nói chung và trong đạo nói riêng, khi mình chỉ trích một người bất thiện thì bản thân việc chỉ trích cũng là bất thiện. Vì vậy tùy lúc dùng căn nào để sống với đời, càng dùng ít căn thì ít khổ, nhiều lúc không cần phải xài lỗ tai, mà kẹt không tránh được thì đừng chuyển vào trong ý căn. Cần lắm thì mới xài, chuyện đâu thì để yên đó, đừng dây dưa ra 6 căn.

Ở bên Âu Mỹ, nếu nhà mình có tiếng động quá lớn mà không nhằm lúc là người ta kêu cảnh sát. Nhà mình đổ rác hôi quá, làng xóm có quyền kêu cảnh sát. Chỗ tôi ở, ngày cuối tuần không được làm gì om sòm ngoài sân, nhiều khi họ qua nói thẳng hoặc im lặng kêu cảnh sát. Tôi muốn nói một điều là nhiều khi có những âm thanh tiếng động, thay vì dừng tại lỗ tai, lại đưa thẳng vào trong tâm mình là quá xa quá nhiều rồi. Bài kinh Duyên Khởi ý nói rằng chúng ta có mặt ở đời là do sự có mặt của 6 căn. Xử lý 6 căn ra sao, để từ đó chúng ta sống thiện hay sống ác, gieo nhân lành hay dữ, quả khổ hay quả vui; dùng 6 căn càng nhiều thì vấn đề càng nhiều. Đóng cửa 6 căn là luôn luôn biết rõ tôi đang thấy gì, tôi đang nghe gì, ngửi gì, biết mùi gì, ăn uống ra sao… Khi mình quan sát nó thì nó không lăng xăng nữa. Sẽ có một ngày quí vị đạt tới cảnh giới này, chưa chắc đắc đạo nhưng đã là ngon lành. Tùy thể trạng của mỗi người mà lâu hay mau mới đạt được khả năng này. Cái thiện được nhìn thấy sẽ được củng cố. Cái ác được nhìn thấy sẽ biến mất, với điều kiện ở mức độ chánh niệm nào đó, không phải bây giờ. Tại sao tôi phải ghi "không phải bây giờ"?

Vì sẽ có bà con hỏi: "Sao tôi cũng thấy mà nó vẫn còn?

" và nhiều người nghe vậy tưởng mình đã đắc rồi.

Phần kết của bài kinh Duyên: Không ai có thể giải thoát sinh tử lại không hiểu biết lý Duyên khởi. Không ai đủ tư cách nói mình giải thoát trừ phi mình liễu giải được lý Duyên khởi.

Đức Phật xác định không thể nào trên đời này có một Sa-môn, Bà-la-môn nào nói mình giải thoát phiền não, giải thoát sinh tử mà mù tịt về 12 Duyên khởi. Có hai trường hợp: có vị thánh thấy được mà nói không được, có vị thấy được và trình bày được. Có vô số vị thấy được và nói được, có vị thấy được nhưng nói được ở một mức độ hạn chế, chỉ có vị Chánh Đẳng Chánh Giác là có thể trình bày ở mọi góc độ, mọi góc cạnh.

Trong vô lượng vũ trụ, có vô lượng thế giới, có vô lượng chúng sinh có những căn tánh rất kỳ cục, hoàn cảnh sống kỳ cục. Chính bởi những kỳ cục đó nên khi trình bày thì Ngài phải làm sao cho hợp với bối cảnh, tâm tư, tình cảm những chúng sinh ở đó, điều này Thanh văn không làm được. Ngài Xá Lợi Phất nhìn người nào đó trước mặt ngài, ngài có thể biết rõ đời trước, đời sau, bao nhiêu kiếp của người này, khuynh hướng tâm lý ra sao, nhưng lựa cái nào để nói cho người này thì khả năng của ngài không bằng Đức Phật. Đức Phật vừa nhìn người ta là biết họ muốn gì, họ nghe gì là đắc liền. Có người vừa gặp Ngài xin Ngài nói gì để

hết khổ, Ngài nói ngay một câu lý Duyên khởi nhưng không bắt đầu từ vô minh mà bắt đầu từ Xúc: Vạn khổ đi ra từ xúc, xúc ra thọ, thọ ra ái… Người này nghe xong là đắc liền. Ba giây sau với người khác thì Ngài nói: Tất cả khổ đi ra từ tứ thủ. Hôm sau thì Ngài nói: Tất cả khổ đi ra từ sanh, có mặt trên đời là khổ. Tùy người mà Ngài nói, và tùy thời điểm nào mà Ngài nói; trước đó một phút Ngài không nói, mà phải đúng thời điểm Ngài mới nói. Như ngài Bāhiya Daruciriya gặp Thế Tôn ngoài đường xin Ngài thuyết cho nghe một câu pháp, Đức Phật nhìn tâm người này thấy vị này quá hoan hỉ, sẽ bồng bột, chưa lắng yên không thể tiếp nhận được, nên Ngài cố ý kéo dài thời gian. Ngài nói là đang đi khất thực không thuyết pháp. Vị Bāhiya Daruciriya năn nỉ mấy lần, Đức Phật mới nói cho mấy câu vắn tắt: Thấy chỉ là thấy mà thôi, không có ai thấy, nghe chỉ là nghe mà thôi, không có ai nghe, ngửi nếm đụng cũng vậy, suy tư chỉ là suy tư, không có ai suy tư ở đây cả. Vị này bước vào gốc cây bên đường và đắc quả A-la-hán.

Ngày xưa tôi đi khám bệnh nơi một thầy thuốc đông y ở VN, ông thầy này chỉ có mấy người khách, tôi vô mà ổng không thèm kêu. Lát sau ổng mới kêu, tôi thấy khó chịu. Sau này mới biết là họ muốn mình ngồi một lúc để cơ thể mình lắng xuống, trở lại trạng thái bình thường thì mới bắt mạch chính xác được. Giống như mình mời người ta ăn bánh uống trà cũng vậy, phải để họ rửa tay sạch sẽ, an tọa đàng hoàng, chớ người ta đang làm hì hục mình cầm bánh và ly trà dúi vô tay họ thì dù trà gì người ta cũng uống không ngon được vì họ chưa sẵn sàng. Đó là Duyên khởi đó, vạn pháp do duyên, vấn đề không phải là miếng bánh hay ly trà mà phải đòi hỏi một tỷ duyên mới có chén trà ngon. Học Duyên khởi mình học được một điều lý thú, đó là bất cứ cái gì trên đời này cũng là điểm bắt đầu cho vô số chuyện khác. Không có gì trên đời này là nhỏ hết, bởi vì nó có thể bắt đầu cho vạn sự quan trọng, vì vậy mình phải sống trách nhiệm hơn, trách nhiệm với những gì mình nói, mình làm, mình suy tư. Tất cả những cái nhỏ nhặt có thể là khởi điểm quan trọng cho những sự cố sự kiện long trời lở đất quỷ khốc thần sầu mà mình không biết. Chẳng hạn, ngày xưa nếu có một bà mẹ bị trợt vỏ chuối thì làm gì có Hitler, Mao Trạch Đông, Pol Pot, những kẻ độc tài… Hoặc như ngày đó bả không gặp chồng bả thì làm gì thế giới này phải chịu khổ vậy. Một lá me nhỏ nhoi nhưng đủ nhắc cho mình một quãng trời mấy chục năm về trước, thời sinh viên đi học qua những con đường lá me. Một sợi tóc dài vướng trên giường của người vợ tóc ngắn cũng đủ làm nên bão tố phong ba. Trên đời chuyện gì cũng có thể là điểm bắt đầu cho sự kiện lớn, vì vậy người Phật tử phải sống có trách nhiệm hơn. Té ở đâu đứng lên ở đó, sinh tử từ 6 căn thì giải thoát cũng từ 6 căn. OK. Gặp lại nhau ngày thứ Năm.

THERAVĀDA
Pháp Học - Pháp Hành - Pháp Thành
Bài giảng tại Houson, Hoa Kỳ năm 2020
SỐNG CHÁNH NIỆM
Sư Toại Khanh
(Tỳ Kheo Giác Nguyên)

Bài giảng ngày 13-11-2014 PHẨM MƯỜI LỰC (DASABALAVAGGO)

THẬP LỰC (Dasabalasutta)

Nhắc lại bài kinh Duyên hôm trước, chúng ta biết một người khi hiểu được 12 Duyên khởi thì không có những thắc mắc vớ vẩn về quá khứ, hiện tại, vị lai. Không có những suy tư về bản thân theo cách kích thích phiền não, đại loại là nghĩ về những đoạn đời đã qua của mình buồn vui ra sao, để rồi cái nào tham được thì tham, sân được thì sân, tức là cái nào thích được thì thích, bất mãn được thì bất mãn; rồi nghĩ về quá khứ, ao ước có được Túc mạng minh để nhớ được đời sau kiếp trước như thế nào. Những suy tư, hồi tưởng về quá khứ của kiếp này hay kiếp xưa, gắn liền với ý niệm về ngã và ngã sở, (những ước vọng trù tính về tương lai, tôi sẽ như thế này, tôi sẽ như thế kia, cũng gắn liền với ý niệm tôi và của tôi, và trong hiện tại, tôi đang là gì, vinh nhục thành bại ra sao), những suy tư gắn liền với ý niệm ngã chấp đó sẽ chấm dứt khi mình biết rõ sự hiện hữu của mình trong quá khứ, tương lai hay hiện tại chỉ là sự có mặt chớp nhoáng của danh và sắc, chỉ là sự ghép nối liên tục và ngắn hạn của từng sát-na danh sắc. Giống như hôm nay mình nhớ về những món đồ chơi thời còn nhỏ, ngẫu nhiên tình cờ nhớ thì ok chứ còn dành nhiều thời gian để nghĩ về những món đồ chơi ngày bé thì rất khó xảy ra, vì nó chỉ là những món đồ chơi bằng nhựa hay bằng giấy không đáng gì hết. Dù là kỷ niệm, nhưng đó là đồ chơi của thời vụng dại, trẻ người non dạ, không biết suy nghĩ, ăn chưa no lo chưa tới, cái thời mà mọi đánh giá mọi nhận thức về cuộc sống của mình chưa xài được. Một bậc hiền trí, một người có học đạo (chưa nói người chứng đạo) nghĩ về chuyện cũ hay chuyện sau này bằng cái nhìn trách nhiệm, cái gì nên và không nên, cái gì cần và không cần, chỉ vậy thôi, không nghĩ ngợi mất thì giờ về nó bằng những suy nghĩ không cần thiết. Đó là nội dung bài kinh cuối cùng trong phẩm Nhân Duyên. Sáng nay học bài kinh đầu tiên trong phẩm Mười Lực.

Trong bản Hán người ta dùng chữ ‘Thập Lực’. Đây là một trong những hồng danh của Đức Phật.

“Này các Tỷ-kheo, Như Lai đầy đủ mười lực, đầy đủ bốn vô sở úy, tự nhận vị trí Ngưu vương, rống tiếng rống con sư tử giữa hội chúng, chuyển Pháp luân và nói rằng: "Đây là sắc, đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt. Đây là thọ, đây là thọ tập khởi, đây là thọ đoạn diệt. Đây là tưởng, đây là tưởng tập khởi, đây là tưởng

đoạn diệt. Đây là hành, đây là hành tập khởi, đây là hành đoạn diệt. Đây là thức, đây là thức tập khởi, đây là thức đoạn diệt".

Mới đọc qua đoạn kinh này thấy không có gì đặc biệt nếu mình không thường đọc kinh tạng. Ngài xác nhận Ngài là một vị Chánh Đẳng Giác với Thập lực, và cuối cùng Ngài nói, Ta có đủ tư cách để xác định đây là 5 Uẩn, đây là con đường dẫn đến 5 Uẩn, đây là sự kết thúc của 5 Uẩn, đây là con đường dẫn đến sự hiện hữu của 5 Uẩn. Nghe không có gì là ghê gớm, nhưng toàn bộ thế giới này, toàn bộ sự hiện hữu của tất cả vũ trụ, toàn bộ sự có mặt của tất cả chúng sinh, toàn bộ sự có mặt của những gì vô tri như đất đá, cây cỏ, núi non, kinh rạch chim muông thú vật, tất cả mọi hiện hữu đó gom lại chỉ là 5 Uẩnmà thôi. Trong cái nhìn rốt ráo của một bậc đại giác thì thế giới này chỉ là vậy, không hơn không kém. Ngài nói cho mình biết Ngài hiểu rõ sự có mặt của vạn hữu ở đời thật ra là cái gì và từ đâu có sự hiện hữu đó. Và bằng vào hành trình nào ta đạt đến cứu cánh chấm dứt mọi thứ, đó chính là nội dung bài kinh.

Thập lực là gì?

1. Biết rõ cái gì là hợp lý và vô lý (thāna + athāna), tức là Ngài biết chuyện đó có xảy ra hay không và với điều kiện, nguyên do như vậy thì sẽ xảy ra như thế nào. Ví dụ Ngài dạy, không thể nào thiện dẫn đến quả khổ, không thể nào việc ác dẫn đến quả vui, không thể nào nhân sinh tử dẫn đến giải thoát, và không thể nào nhân giải thoát dẫn đến sinh tử. Không có cái gì đã có mặt thì trường cửu và không vô thường. Nói chung tất cả những cái gì ở đời này cũng phải y cứ trên yếu tố nhân duyên. Vạn pháp do duyên mà có, đã có phải vô thường, đó là lý Nhân quả và Tam tướng.

2. Biết rõ vấn đề nghiệp lý; kammasamādāna: nghiệp nào dẫn đến quả nào.

Mười điều này có thể có ở hàng Thanh văn nhưng ở mức hạn chế và bất định. Hạn chế nghĩa là cái biết của hàng Thanh văn không vô tận, vô biên, vô lượng như Đức Phật. Chỉ riêng sức nhớ về quá khứ, ngay cả Phật Độc Giác chỉ nhớ 2 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Hai vị chí thượng Thanh văn ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên nhớ được 1 A-tăng-kỳ, 100 ngàn đại kiếp. Các vị đại Thanh văn có biệt hạnh đệ nhất, như ngài Ānanda, Ca Diếp chỉ nhớ 100 ngàn đại kiếp, các vị khác thì bất định, rất hạn chế. Bất định nghĩa là vị A-la-hán này không giống vị A-la-hán kia. Ngay cả bản thân vị đó, ngay lúc trau dồi thường xuyên khả năng

nào đó thì vẫn có lúc bỏ lơ, ví dụ ngài Anuruddha lúc ngài mới chứng thiên nhãn thì khả năng của ngài không bằng thời gian sau đó; nhưng chư Phật Chánh Đẳng Giác thì không, 10 lực của các ngài không hạn chế, và luôn cố định, từ lúc thành đạo đến lúc Niết bàn trước sau như một, vị Phật này giống hệt vị kia, không hạn chế.

3. Biết rõ con đường dẫn đến tất cả cảnh giới (sabbatthagaminipatipadam yathabhutam pajanati). 'yathabhutam pajanati': biết như thật, nó làm sao thì biết như vậy. 'patipadam': con đường, lối hành trì. 'sabbatthagamini': mọi chỗ lai vãng, lui tới. Ví dụ nhìn con kiến, Ngài biết rõ vì đâu mà nó tới nơi đó. Khuynh hướng tâm lý của mình dẫn đến hành động của mình và hành động dẫn đến cảnh giới tái sanh, vì vậy đừng nghĩ thói quen chỉ là thói quen. Một thói quen nhỏ xíu, chú ý tủn mủn vụn vặt như cái đinh, thức ăn hư gom góp để dành, nếu mình thiếu công đức chút xíu sẽ sanh ra làm loài như ong, kiến. Mấy con sóc, đến mùa chúng dành dụm thức ăn cho mùa đông. Khuynh hướng thói quen tâm lý của mình sẽ dẫn đến mình là con chim, con bướm, con cá, con rắn mà không phải là loài khát máu ăn thịt sống. Khuynh hướng trong từng ngày, cộng với điều kiện sống hiện tại, cộng với tác động của nghiệp quá khứ dẫn đến mình sẽ đi về cảnh giới nào, và mình có thể quan sát được tương lai của mình thông qua đời sống hiện tại của mình. Mình sống giống như hạng nào thì mình sẽ về cộng trú với hạng đó. Trong Tăng Chi Bộ, Đức Phật dạy, chỗ nào mình đi đứng nằm ngồi còn tham sân si thì chỗ đó là chỗ ở của loài đọa xứ; chỗ nào mình sống bằng tâm lành của người đang tu tập thập thiện thì chỗ đó là chỗ ở của chư thiên; chỗ nào mình sống bằng 4 vô lượng tâm từ, bi, hỷ, xả thì chỗ đó là chỗ của Phạm thiên; chỗ nào mình sống bằng trí tuệ, chánh niệm về Tam tướng trong 5 Uẩn thì đó là thánh xứ, là trụ xứ của thánh nhân. Nói vậy có nghĩa là cho dù ngôi nhà của mình là biệt thự hàng triệu đô la mà sống bằng tâm tham thì chỗ đó là chuồng heo, nếu sống bằng tâm sân thì đó là chuồng cọp beo sư tử, chỗ của Dạ xoa, của A-tu-la. Cái này không phải là cách nói ẩn dụ trừu tượng mà thật sự như vậy. A-tu-la là chúng sanh thường trực sống trong thế giới nội tâm nóng bức, gây gổ, bất mãn. Đức Thế Tôn nhìn thấy là biết khuynh hướng sống như thế này, kiểu hành trì này, sẽ dẫn đến cảnh giới đọa lạc, cảnh giới của Dục thiên hay Phạm thiên, hay dẫn đến quả vị thánh nhân.

4. Biết rõ bản chất rốt ráo của thế giới này, gồm các chúng sinh và cảnh giới, thực ra là những gì(anehadhatum yathabhutam pajanati). Ngài biết trên tất cả khía cạnh tục đế, chân đế. Ví dụ Ngài biết rõ bên ngoài vũ trụ này còn có thế giới khác và những thế giới đó cũng gồm có sắc, thọ, tưởng, hành, thức như ở đây, cũng có

cây cỏ, đất, đá như ở đây. Gom gọn lại, cái gì thuộc về sắc thì lấy bốn đại làm căn bản: đất, nước, lửa, gió. Cái gì thuộc về danh thì phải y cứ vào tâm và tâm sở. Ngài biết rõ tất cả vũ trụ và chúng sinh chỉ là con số 18 gồm 6 căn, 6 cảnh và 6 thức. Ngài biết rõ có bao nhiêu cõi, ở mỗi cõi có bao nhiêu loại chúng sinh, ở mỗi loại chúng sinh có bao nhiêu sắc, có bao nhiêu tâm sở; đó gọi là biết trên cả khía cạnh chân đế và tục đế.

5. Biết rõ khuynh hướng sai biệt và đa dạng trong tâm lý của tất cả chúng sinh (nanadhimuttikam pajanati). Ngài biết rõ ai có khuynh hướng ra sao, lợi căn, độn căn v.v... Vô lượng chúng sinh ở đời gom lại chỉ có 6 cơ tánh: nặng về tham, sân, si, tầm, tín, giác. Ngài biết rõ người nào nhanh, chậm, cao, thấp. Cao thấp ở đây là có người chỉ quẩn quanh trong năm dục, trong thiền Sắc giới, trong thiền Vô sắc giới, hướng tâm cầu vô sanh bằng cách nhàm chán 5 Uẩn và tu tập niệm xứ Vipassanā.

Có người đến chùa, coi chùa là chỗ họp mặt vui vẻ, vô chùa để nhiều chuyện. Có người đến chùa cầu công đức, họ phục vụ, thích quét dọn dưới bếp chớ không nghe pháp xem kinh nổi. Có người vô chùa để bố thí. Có người đến chùa để nghiên cứu kinh điển. Có người vô chùa ngồi xếp bằng nhắm mắt ké không khí đạo tràng cho yên tâm. Có người đốt nhang cầu khấn suốt mùa thu. Chỉ riêng chuyện đi chùa mà đủ loại đủ hạng, cả trăm lý do, nói chi chuyện khác trong đời sống.

6. Biết rõ khả năng giác ngộ của từng người có hay không, nhiều hay ít và có như thế nào (indriyopariyananabala). Ngài biết rõ thiện pháp của người này cái nào mạnh, hợp với cái gì để nói cho họ nghe.

Vị Thanh văn giỏi như ngài Xá Lợi Phất, biết rất rõ về người khác nhưng khả năng này cũng không bằng vị Chánh Đẳng Giác. Ngài Xá Lợi Phất nhìn một người có thể biết rõ trong 300 kiếp liên tục của một vị nào đó, vị ấy từng sở trường cái gì, từng thích cái gì, ghét gì, từng học đạo, từng gặp chư Phật quá khứ nào… nhưng lựa điều gì để thích hợp giảng cho người này thì khả năng này của ngài Xá Lợi Phất không bằng Đức Phật được. Đức Phật có thể nhìn thấy trong một núi sở thích thói quen đủ thứ và biết rõ cái nào là bản chất rốt ráo của con người này để mà Ngài thuyết giảng.

7. Biết rõ tất cả vấn đề liên quan đến thiền định (jhanavimokkhasamadhisamapattinaṃ sankilesavodanavutthanaṃ pajanati)

Trên đời có bốn điều mà trí tuệ người bình thường không có khả năng suy nghĩ tới nơi tới chốn, thậm chí có thể khiến cho mình điên loạn. Bốn pháp bất khả tư nghì (Acinteyya), không thể nghĩ bàn:

-Thế gian bất khả tư nghì:

Bên ngoài vũ trụ này còn có vũ trụ khác hay không, sinh hoạt ở đó ra làm sao?

Mình ở đây phải nhờ đến ôxy, dưỡng khí để thở, ăn uống ngũ cốc, lúa mạch, các loại hạt, thịt cá; nhưng biết đâu có những cảnh giới khác sống hoàn toàn khác nơi này, cơ thể họ bằng kim loại và họ chỉ uống xăng, thậm chí uống acid để sống?

Những suy nghĩ như vì sao con cò màu trắng con quạ màu đen, vì sao lá thường màu xanh, vì sao lá này to lá kia nhỏ; tại sao trái này ngọt, trái kia chua, trái nọ đắng; những bí mật về đại dương, về động vật, thực vậy, về khoáng chất v.v…. Có đi du lịch vô viện bảo tàng thì quí vị mới thấy những chuyện trong trời đất này lạ lắm, nội mình thấy những tinh thể của kim loại, những tinh thể của thủy tinh, của tuyết là đã lạ rồi, chúng trật tự và bài bản ghê gớm. Ai là người sắp đặt, an bài, tạo dựng ra những điều đó?

Những suy nghĩ này mà chỉ làm cho mình rối trí, đó là thế gian bất khả tư nghì.

-Nghiệp báo bất khả tư nghì:

Trí tuệ như ngài Xá Lợi Phất cũng chỉ biết giới hạn nào đó, ví dụ ngài biết siêng học hỏi thì có trí tuệ; thích bố thí sẽ giàu có; giữ giới thì sẽ có tuổi thọ, nhan sắc, uy tín; sống từ tâm thì đời sau sinh ra mặt đẹp dễ thương. Ngài chỉ biết đại khái như vậy thôi, còn chi tiết thì giữa hai người bố thí sẽ có sự khác biệt nhau như thế nào thì sự biết của ngài không bằng vị Chánh Đẳng Giác. Cùng làm một việc thiện như nhau (chụp hình quay phim giống nhau y chang) nhưng tâm trạng hai người khác nhau, sẽ dẫn đến quả báo khác nhau; có những việc thiện hoành tráng nhưng quả trổ hạn chế, có người làm việc thiện việc ác nhìn đơn giản nhẹ nhàng nhưng quả trổ đáng nể; tình trạng tâm lý của chúng sinh lúc tạo nghiệp chỉ có vị Chánh Đẳng Giác mới biết tới nơi tới chốn, đó là nghiệp báo bất khả tư nghì. Ví dụ như việc Bồ tát Thích Ca nằm trải mình cho Phật Nhiên Đăng đi lên, trong kinh gọi là cúng dường thân xác và thân mạng cho chư Phật, mình thấy việc đó giống như bình thường, mình nghĩ là chư Phật, chư thánh tăng làm gì dẫm cho mình chết, có Phật tử Thụy Sĩ nói vậy, sẵn sàng nằm như ngài. Nhưng thật ra trong nghiệp báo không phải vậy, đó là cái tâm của người ta lúc người ta trải

mình xuống, khi đó ngài nghĩ rằng cái chết có xảy đến cũng không thành vấn đề. Đó là nghiệp báo bất khả tư nghì.

-Thần thông bất khả tư nghì:

Khả năng tâm lực, khả năng thiền định của một người có thần thông, họ làm được những điều mình không tưởng tượng được, thí dụ, mình muốn tạo ra kim loại thì phải có kim loại trong tay, muốn tạo ra lửa phải có những công cụ hoặc nhiên liệu để tạo ra lửa, chớ không thể nào tay không mà tạo ra những vật bằng sắt bằng đồng hoặc tạo ra lửa, vậy mà thần thông có thể làm được chuyện đó. Trong kinh nói, một người từng cúng dường y áo cho chư tăng thì đời sau khi gặp vị Chánh Đẳng Giác và được xuất gia trước mặt Ngài, chỉ cần Ngài đưa bàn tay và nói "Ehi bhikkhu", tới đây đi này vị tỳ kheo kia, vừa nói xong thì lập tức y áo có đủ trên người của đương sự. Hoặc khi ngài Maha Kasapa tôn trí xá lợi của Thế Tôn vào trong bảo tháp ngài biết rõ 218 năm sau sẽ có một ông vua tên là A Dục, từ một vị bạo chúa sẽ hồi đầu thị ngạn quay về với Phật trở thành vị đại hộ pháp chấn chỉnh PG trên toàn cõi Ấn Độ, ông sẽ đến mở cửa tháp này ra và việc gì sẽ diễn ra. Vì vậy khi tôn trí xá lợi của Thế Tôn vào trong lòng bảo tháp của vua A Xà Thế, ngài chú nguyện: "Xin cho ngọn đèn này hãy cháy liên tục cho đến khi vua A Dục mở cửa tháp, và những vòng hoa cúng dường xá lợi hôm nay hãy cứ thơm và tươi như vậy cho đến 218 năm sau khi vua A Dục mở cửa ra thì vẫn tươi thơm như vừa mới đặt vào." Ngài chú nguyện xong thì niêm (seal) tháp lại, không ai cạy gỡ gì được nữa hết. Hai trăm mười tám năm sau, tháp đã cũ sụp nhưng lòng tháp vẫn còn nguyên vẹn đó. Vua A Dục muốn xây lại tháp mới, phải mở tháp cũ. Trước sự chứng kiến của vua, khi gạch đá được tháo gỡ ra thì ngọn đèn vẫn cháy như thuở ban đầu và vòng hoa vẫn tươi rói và tỏa hương thơm ngát như mới vừa được đặt vào trong đó hai giây đồng hồ. Chuyện này bà con có quyền không tin nhưng tôi tin, tôi tin vì lý do rất quê mùa và dốt nát, đó là tôi thấy người ta biểu diễn võ thuật, biểu diễn xiếc, cũng thân xác con người thôi nhưng trải qua luyện tập nhất định nào đó người ta làm được chuyện mà người bình thường không làm được. Ví dụ, cái bao xi măng 50 ký lô, mình khiêng cả hai tay hai chân, gồng cả xương sống để nhấc bao xi măng lên, vậy mà có kẻ hít đất bằng hai ngón trỏ. Cách đây không lâu tôi còn thấy có vị trồng chuối ngược toàn thân được chịu trên nền nhà bằng một ngón trỏ. Nếu đem chụp X-ray ngón trỏ này cũng chỉ là xương và gân thôi chớ đâu có thép. Ngay cả Liên Xô thời chiến tranh lạnh, họ cũng bằng cách nào đó cho ghi hình về nhân vật huyền thoại võ thuật Lý Tiểu Long, họ có hẳn một bộ phim tài liệu về nhân vật này với những lời bình có cánh. Họ nói con người này chỉ cao khoảng 1m60, gân xương chắc

phải cấu tạo đặc biệt mới có năng lực đặc biệt như vậy. Chỉ riêng cái thân xác vật lý này của mình mà trong sự trau dồi đặc biệt nào đó thì có thể làm nên chuyện đặc biệt không thể tưởng tượng được, chẳng hạn như chuyện lấy đầu húc vào trong tường, đập bể gạch. Quí vị có thể vào youtube gõ chữ Shoulin (Thiếu Lâm) có thể thấy. Chỉ thân xác con người thôi mà như vậy thì nói gì là cái tâm. Tôi nhớ có lúc tôi ngồi ngoài nắng cả giờ đồng hồ mà tôi không hay, có khi tôi chờ xe bus có năm phút mà tôi thấy quá lâu. Vì sao, vì ngồi trong nắng mà có chuyện gì cuốn hút nội tâm của mình thì 60 phút trôi qua không biết, còn khi không có chuyện gì để làm thì trễ 5, 7 phút xe lửa mình chịu không nổi. Cái tâm của mình lạ lùng lắm, có lúc năm ba phút chịu không được mà có lúc cả tiếng đồng hồ trôi qua không hay. Người tu tập thiền định cũng giống như vậy, họ khai thác sức mạnh của nội tâm họ làm được những chuyện mà người bình thường không làm được. Vì vậy trong kinh nói thần thông bất khả tư nghì là chỗ đó

-Phật trí bất khả tư nghì:

Phật hiểu rõ ba điều bất khả tư nghì trên đây nên trí Ngài cũng được gọi là bất khả tư nghì. Ngoài vị Chánh Đẳng Giác ra không ai hiểu được 3 điều trên, Ngài hiểu được nên trí của Ngài gọi là bất khả tư nghì.

Ở đây, chúng ta đang nói về 10 lực của Đức Phật, trong đó có một điều đó là biết rõ tất cả các vấn đề liên quan đến thiền định-
jhanavimokkhasamadhisamapattinaṃ sankilesavodanavutthanaṃ;

‘vimokkha’: giải thoát; giải thoát này không phải là thánh trí mà là sự lìa xa năm triền cái, lìa xa dục giới.

‘jhanavimokkhasamadhisamapattinaṃ’: bốn chữ này gọi chung cho thiền định và thần thông.

‘Sankilesa’: phiền não

‘Vodana’: sự thanh tịnh

‘Vutthana’: sự xuất định

Ngài biết rõ bốn điều về thiền và thông: cách chứng thiền, nhập định, xuất định và biết rõ cái gì là trở ngại cho thiền định, thần thông; biết rõ rốt ráo, không chỗ nào không biết. Ngài biết rõ thiền nào có thể nhập, bằng điều kiện gì. Chẳng hạn như muốn đắc Sơ thiền phải nhàm chán năm dục để lìa bỏ năm triền; lìa bỏ năm

triền mới chứng Sơ thiền, thành tựu đầy đủ 5 chi thiền (tầm, tứ, hỷ, lạc, định). Ngài biết rõ một người khi chứng thiền này có thể an trú trong đó một hay hai ngày, nếu đến lúc chết không mất thiền này thì sinh về cõi Phạm thiên sống được bao lâu. Ngài biết rõ với một người chứng thiền như vậy cái gì là trở ngại. Ngài nói điều đại kỵ của sơ thiền là tiếng động, là sự ồn ào, vì vậy người chứng sơ thiền phải tránh ở chỗ ồn ào. Người đắc Ngũ thiền, nếu người đó nhàm chán tâm thức, nếu muốn, với trình độ Ngũ thiền người đó có thể nguyện sanh vào cõi không tâm (cõi Vô tưởng), đến lúc lâm chung chỉ cần 5 thiền không mất, nguyện đó không đổi, thì vị này sẽ lập tức sinh về cõi Vô tưởng. Chết ở cõi người trong tư thế nào thì sanh về cõi đó cũng trong tư thế đó. Trong kinh nói cõi Vô tưởng giống như viện bảo tàng, có những tượng đi đứng nằm ngồi, ngồi kiểu nào, nằm kiểu nào, đa dạng đủ hình thức, tất cả tượng đó đều bằng vàng hết. Để hiểu rõ những điều này thì xem lại trong quyển A-tỳ-đàm của chúng tôi. Nói chung Ngài biết rõ những vấn đề liên quan về thần thông và thiền định, tất cả những vấn đề liên quan đến chuyện chứng thiền, nhập thiền, xuất thiền, cái gì trở ngại cho thiền và cách giải quyết ra sao.

Ba lực còn lại là Ba lực còn lại là Tam Minh:

Túc mạng minh là nhớ lại quả luân hồi, nhớ lại Ngài và người khác đã từng sinh ra ở đâu, sống thế nào, hình dáng, tuổi thọ, buồn vui ra sao.

Sanh tử minh là nhớ lại do nghiệp nào Ngài và chúng sinh khác đã có đời sống như vậy như vậy.

Lậu tận minh là biết rõ cái gì cũng do duyên mà có và có rồi đều phải vô thường, biết một cách rốt ráo bằng thánh trí của bản thân, không phải là thứ kiến thức học hỏi hay nghe lại từ ai khác; từ hai cái biết này dẫn đến sự chấm dứt phiền não, không còn gì để thích thú hay bất mãn, ghét sợ.

Dù mình có học thuộc lòng Tam Tạng bao nhiêu đại kiếp đi nữa, phiền não cũng không bao giờ hết. Phiền não chỉ hết khi chính mình thấy rõ vạn pháp do duyên mà có, và có rồi thì phải mất, cái thấy này phải do chính mình chớ không phải do ai đem lại cho mình. Dù có vị Chánh Đẳng Chánh Giác đi nữa Ngài cũng không thể nào giác ngộ giùm cho mình. Ả Rập có câu: Thầy chỉ là người mở cửa, trò phải bước vào bằng hai chân của mình. Đức Phật chỉ là người chỉ đường, người mở cửa; bước vào căn nhà giác ngộ phải chính là mình. Chưa từng uống ly cà phê thì dù có đọc hàng tấn sách nói về hương vị cà phê cũng không thể nào bằng nhấp môi vài giọt cà phê. Lậu tận minh là vậy, khi hiểu ra thì không còn thương

thích ghét sợ, đam mê bất mãn gì nữa. Toàn bộ đời sống này chỉ là sự hiểu lầm. Chúng ta gọi ai đó là tri âm tri kỷ, chỉ là nói theo nghĩa thế gian, thực ra, nói cho rốt ráo ra chả có mèo nào hiểu mỉu nào. Chúng ta vốn dĩ cô đơn từ vô lượng kiếp, chúng ta đi một mình trên hành trình vạn lý từ bụng mẹ, từ thuở nằm nôi đến ngày nằm trong áo quan. Giác ngộ là tự mình nhìn thấy mình. Toàn bộ đời sống này chỉ nằm trong hai thứ: thích và ghét. Trong kinh Tứ Niệm Xứ Đức Phật dạy: Ở đây vị tỳ kheo tinh cần tỉnh giác, tu tập, quán thân trên thân, quán thọ trên thọ, quán tâm trên tâm, quán pháp trên pháp để diệt trừ tham ưu ở đời. (bhikkhu kāye kāyānupassī viharati ātāpī sampajāno satimā, vineyya loke abhijjhādomanassaṃ); 'Abhijjhādomanassaṃ': Tham ưu (tham: thương thích này nọ, ưu: ghét sợ bất mãn này nọ). Cả hành trình sống của mình dù vô lượng kiếp hay trăm năm phù du kiếp người chỉ có hai thứ này: tham ưu.

Túc mạng minh và Sinh tử minh của Thanh văn và Phật Độc Giác bị giới hạn về thời gian. Về nội dung của Lậu tận minh thì La-Hán nào cũng giống nhau ở điểm đoạn trừ phiền não và thấy rõ Niết bàn nhưng khả năng trình bày cho các căn tính chúng sinh thì chỉ có Phật Toàn Giác mới viên mãn. Các vị Thanh văn cũng tự đắc nhưng cần sự gợi ý của Phật Toàn Giác. Chú giải kinh Patisambhidamagganói Độc Giác chứng đạo rồi không dạy được ai như người câm nằm chiêm bao.

Mười khả năng này ở vị Chánh Đẳng Giác được xem là 10 sức mạnh của ngài. Ngài có mặt ở bao nhiêu hội chúng Sa-môn, Bà-la-môn, Ma Vương, Phạm thiên gì Ngài cũng không hề sợ hãi. Với khả năng này thì Ngài nhìn mọi người đơn giản không gì khuất lấp.

Bốn vô sở úy:

Bà con vào bài Kinh Trung Bộ số 12, Đại Kinh Sư Tử Hống, xem bốn pháp Vesarajjadhamma, Vô Sở Úy của Đức Như Lai.

1. Tự tin về sự hiểu biết bằng thánh trí.

2. Tự tin về sự đoạn trừ phiền não của thánh trí.

3. Biết chắc những gì là trở ngại của thánh trí.

4. Biết chắc lời dạy của mình có thể dẫn đến thánh trí.

Có những vị tỳ kheo tu lâu năm có đệ tử rất đông, bản thân vị ấy là pháp sư Tam tạng, nhưng Đức Phật vẫn không xác nhận vị này là thánh, trong khi đó có những vị sa-di 7 tuổi Ngài xác nhận: Đây là con trai của Như Lai. Một khi Ngài xác nhận là "con trai /hay con gái của Như Lai" nghĩa là vị ấy là A-la-hán. Nếu thánh trí là cái gì đó mơ hồ thì Đức Thế Tôn không thể nào xác nhận vị sa-di 7 tuổi là A-la-hán, bởi 7 tuổi thì đoạn đời còn lại dài lắm. Khi cần thiết Ngài vẫn xác nhận đây là vị A-la-hán, nghĩa là sông có thể cạn núi có thể mòn nhưng quả vị này không thay đổi. Bản thân Ngài cũng tin chắc chắn quả vị Chánh Đẳng Giác của Ngài, không e ngại ai đó thử thách. Đó là vô sở úy thứ nhất.

Các vị thiền sư, pháp sư, mỗi đêm đều thắp hương lạy trời, cầu nguyện một điều "mong sao đừng có ai cám dỗ và thử thách con cho đệ tử nó thấy." Nếu đệ tử thấy sư phụ bị cám dỗ sa ngã thì kỳ lắm. Vừa rồi ở bên Thái tôi đọc bản tin rất là buồn. Lần đầu tiên tôi tới Thượng Hải, ngủ đêm đầu tiên, sáng hôm sau tôi thấy ông tổ mì gói vừa từ trần đêm trước đó, lúc đó tôi có nguyên một va-li mì gói. Kỳ rồi ở Thái tôi chưa kịp đi thăm các thiền viện của ngài Ajahn Chah thì tôi nghe tin ngài Mitsuo Gavesako, một đệ tử lớn của ngài Ajahn Chah hoàn tục chỉ vì một cô Phật tử người Thái. Phải nói là nội quy nguyên tắc sinh hoạt của truyền thống thiền định của ngài Ajahn Chah rất là tinh nghiêm chặt chẽ, không để tiếp xúc Phật tử thoải mái như các dòng thiền khác. Ấy vậy mà bằng cách nào đó cô Phật tử Ma-Đăng-Già kia vẫn tiếp cận và làm phiền vị này. Ngài xuất gia trước năm 75, nghĩa là năm nay cũng 40 hạ rồi. Lửa gần rơm, mà nhìn bà này tướng bả như bình xăng, bình ga luôn chớ không phải rơm nữa. Vô trong google gõ chữ "Ajahn Gavesako". Nhìn hình buồn lắm. Gavesako nghĩa là người đi tìm đạo. Sẽ thấy hình một người đàn ông ăn mặc rất nhà quê, tu lâu quá đạt tới cảnh giới ăn mặc sao cũng được, đeo một cái túi rất lớn, ngồi trên một băng gỗ, kế bên một cô nàng mặc áo trắng nón hồng, tựa vào vai. Nhìn mới thấy ôi thôi rồi nồi xôi.

Vô sở úy thứ nhất là Ngài biết rõ Ngài có cái biết của một vị vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vô sở úy thứ hai là Ngài biết rõ sự thanh tịnh của mình, Ngài biết rõ Ngài không còn tất cả những gì lậu hoặc nữa, vì vậy tất cả những gì gọi là thử thách cám dỗ của thế gian với Ngài không nghĩa lý gì. Trong đời, Ngài đã trải qua ba lần cám dỗ nguy hiểm nhất: 1.Ngai vàng là cám dỗ lớn nhất ở cõi người. 2.Nữ sắc dưới gốc bồ đề. Chính Ngài xác nhận đẹp nhất trong vũ trụ này là các tiên nữ cõi Dục thiên cao nhất (Tha Hóa Tự Tại). Ba cô gái của Ma vương đã đến gốc bồ đề cám dỗ Ngài nhưng vô hiệu. 3. Ngài đã chứng qua tất cả tầng thiền vô sắc giới, nhưng lại xem chúng là rác. Đây là điểm bắt buộc phải nói lạc đề một chút vì nó quá sức cần thiết. Thế giới này lạ lắm, qui luật của trời đất tự nhiên này

lạ lắm, mình càng đam mê, càng chìm sâu chừng nào thì cái mình đạt được sẽ rất thấp và rất là ít. Đây là điều bà con phải nhớ. Ví dụ, như trong kinh nói, người bố thí trì giới và thiền định (nhưng chưa chứng) ở mức độ cao mới có thể sinh về các cõi Dục thiên cao cấp. Phải giữ bát quan trai mới về các cõi Dục thiên cao cấp. Bát quan trai là gì?

Là ăn uống hạn chế, phấn son mỹ phẩm nữ trang hạn chế, ca vũ nhạc kịch hạn chế, tình cảm nam nữ hạn chế. Cuộc đời mình mà hạn chế mấy cái đó thì đâu còn là thế tục nữa. Có một người đi khám bệnh bác sĩ hỏi: Có hút thuốc không?

Không. Có bia rượu không?

Không. Có thức đêm bài bạc không?

Không. Có quan hệ phụ nữ tình cảm bừa bãi không?

Không. Bác sĩ nói, vậy ông đi bác sĩ làm gì, người đi bác sĩ là người sợ chết muốn sống; còn ông thì không có cái gì hết tại sao ông lết tới phòng mạch làm gì, sống vậy thì chết là vừa. Chuyện tuy tào lao nhưng trong góc độ nào đó thì thấy bác sĩ này nói đúng. Thạch Lam nói, cái gì hoàn thiện quá thì lạnh lẽo lắm. Sống gì đâu mà cứ vùi đầu trong công sở rồi về nhà vùi đầu nghiên cứu sách vở, đời sống buồn hiu, phải có du lịch, có săn bắn, dã ngoại, facebook, email… Đặc biệt thế giới này mà đam mê là sẽ dẫn đến khổ, càng bỏ bớt thì càng có nhiều thứ. Bỏ bớt mới có, vậy có để làm gì?

Theo kinh nói ở cõi Đao Lợi trở xuống, chư thiên nam nữ còn tiếp xúc với nhau như cõi người, còn cõi Dạ Ma chỉ ôm nhau là xong, cõi Đâu Suất thì nắm tay nhau, Hóa Lạc thiên thì chỉ cười với nhau. Cõi Tha Hóa Tự Tại thì nam nữ chỉ nhìn nhau bằng ánh mắt dục nhiễm là xong. Cái đẹp trên đó chỉ để nhìn thôi.

Đức Phật đã chứng qua tất cả tầng thiền Vô sắc giới, nhưng lại xem chúng là rác trong khi tất cả những nhân vật nổi danh thời đó như A-Tư-Đà (Asita Devila), Uddaka Ramaputta đều chứng thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng và sau khi chết đã sanh về cõi Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Thầy của Bồ tát có hai vị, Alara Kalama chỉ chứng Vô sở hữu xứ, Ramaputta Uddaka chứng Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Asita Devila (A Tư Đà) không phải là thầy của Bồ tát mà là sư phụ của vua Tịnh Phạn.

Vô sở úy thứ ba là những gì Ngài gọi là trở ngại thánh trí thì chắc chắn là như vậy. Sớ giải nói rõ chẳng hạn như tình cảm nam nữ (methunadhamma) là điều

phải lìa bỏ đầu tiên mới chứng thiền, chứng thánh được. Trong các dục, tình dục là nguy hiểm nhất. Trên các cõi Phạm thiên không có vấn đề giới tính. Chứng thiền Chỉ Samathā thì không còn vấn đề nam nữ. Chứng thánh thì dứt cả ý niệm về chúng sinh. Đắc thiền Quán Vipassanā thì vấn đề chúng sanh không còn nữa, chỉ còn danh sắc thôi.

Kể cả những người kiếp này thấy mình nguội lạnh trong vấn đề tình cảm, không ham thích gì, hoặc chỉ ham thích trong thứ không liên hệ nam nữ thì trong tâm khảm vẫn có một chỗ đặc biệt nhất dành cho khả năng tình cảm nam nữ sau này, nếu còn quẩn quanh trong cõi Dục giới. Tình cảm nam nữ là gốc của 5 dục, của cõi Dục giới nói chung. Không thể nào sống trong cõi Dục giới này mà không có tình cảm nam nữ. Những chuyện mình thấy không liên quan như mình thích trồng hoa, ăn ngon, thích mùi thơm, trong cái thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng đó mình tưởng không liên hệ, nhưng vẫn liên hệ. Trong sâu thẳm đáy lòng của mình khả năng tình cảm vẫn còn đó dù ngoài miệng mình nói rằng đã nguội lạnh.

Vô sở úy thứ tư là Ngài tin chắc rằng lời dạy của Ngài luôn nhắm đến cứu cánh giải thoát. Ngài xác định trong kinh Tăng Chi Bộ kinh: biển có một vị mặn, giáo pháp của ta chỉ có một vị giải thoát.

Trên đây là bốn vô sở úy của vị Chánh Đẳng Giác, với bốn điều này, Ngài tự nhận mình là vị vô thượng Chánh Đẳng Giác, Ngài không phải e sợ ngại ngùng khi bước vào bất cứ hội chúng nào. Trong đời Ngài, Ngài từng đến rất nhiều nơi. (Xem 8 hội chúng trong bài Kinh Trung Bộ số 12: "Này Sariputta, có tám Hội chúng này: Hội chúng Sát-đế-lị, Hội chúng Bà-la-môn, Hội chúng Gia chủ, Hội chúng Sa-môn, Hội chúng Tứ thiên vương, Hội chúng Tam thập tam thiên, Hội chúng Màra, Hội chúng Phạm thiên". Trong kinh có nói Thế Tôn rất nhiều lần đã đến những vũ trụ khác để thuyết pháp trong hình thức tốt nhất theo nhịp sống ở đó, và nhiều khi người ta chỉ nghe tiếng Ngài nói mà không thấy hình dáng. Có rất nhiều nơi còn lưu lại lời dạy và cách hành trì của Ngài mà người ta vẫn tưởng là một vị thần thánh nào đó hiện đến để mặc khải. Đây là điều tôi suy nghĩ rất là lâu. Có lúc Ngài dùng hình tướng một vị Phật, có lúc Ngài trong hình dáng nào đó phù hợp với dân ở đó. Ví dụ Ngài có mặt ở xứ Ả Rập, Ngài sẽ dùng hình thức của một giáo sĩ Hồi Giáo để nói, và cách nói như thế nào để người ta không thấy bị tổn thương, chú giải nói vậy. Trong youtube có một clip rất hay, nói về những người đàn anh của thế giới, có một bộ tộc áo trắng bên châu Mỹ, họ sống đơn giản như tỳ kheo nguyên thủy và có những lời khuyên bảo cho thế giới còn lại, có nội dung rất minh triết, rất gần với kinh Phật. Đạo đức kinh của Lão Tử, Nam

Hoa Kinh của Trang Tử, Liệt Tử Dương Tử cũng vậy, nội dung rất gần với PG. Chẳng hạn ý niệm về sự tương đối của vạn vật, không có gì là cao hay thấp tuyệt đối, đẹp hay xấu tuyệt đối. Nặng nhẹ, sướng khổ, rộng hẹp đều là tương đối.

Hồi Giáo ở sa mạc Trung Đông, tiếng là Hồi Giáo nhưng tư tưởng của họ rất gần với PG. Họ nói rằng, mình khổ là do mình có thích có ghét, ghét thì khổ, được cái mình thích thì sướng; máu chảy ra thì sẽ chết, niềm đam mê nhiều quá thì tinh thần bị hao tổn. Họ kêu gọi tiết kiệm năng lượng bằng cách đừng để các giác quan tiêu hao quá nhiều năng lượng. Cách nói của họ làm cho tôi liên tưởng tới điều Thế Tôn đã nhiều lần đến những nơi chốn để thuyết pháp trong hình dáng thích hợp với những người bản địa và dạy cho họ cách sống, cách suy tư. Vì vậy hôm nay mình phải cẩn trọng khi tiếp cận với những tư tưởng minh triết. Nếu hôm nay muốn lập đạo mới với thánh kinh ngon lành, dễ thuyết phục mọi tầng lớp nhân loại thì có lẽ là mấy cuốn sách danh ngôn thế giới tổng hợp lại. Một trang báo VN, ngoài tin nóng thì tôi liếc chuyện cười, nhưng phải nói mục danh ngôn rất là thú vị. Vào internet cứ tìm mấy chữ quotes, proverbs, thì đọc đã luôn. Tôi xin bảo đảm một ngàn phần trăm là bất cứ ai khó tánh nhất mà cầm quyển danh ngôn lên rồi không thể nào bỏ xuống được, chẳng qua là các vị không có thời gian, chớ trên đời này không có cuốn sách nào hay cho bằng cuốn danh ngôn, đọc không chán, câu nào không khoái thì đọc qua câu khác. Tôi e rằng trong kho tàng minh triết của nhân loại có vô số mảnh vụn có được từ lời Phật mà mình không biết. Đã đúng hai tiếng đồng hồ, xin chúc bà con một ngày vui và hẹn gặp nhau ngày thứ Bảy.

Bài giảng ngày 15-11-2014 THẬP LỰC (Dasabalasutta) (tt)

Vừa rồi là bài kinh Thập Lực, chỉ riêng giải thích Thập lực là gì, 4 Vô sở úy là gì mà mất hết ngày thứ Năm, sáng hôm nay mình quay lại với bài kinh đó. Đây là bài kinh Đức Phật tổng hợp lại tinh hoa giáo lý, Ngài xác định lại tinh thần của một bài kinh mà trước đây Ngài thường nói: suốt cuộc đời độ sinh hoằng pháp của Ngài, Ngài chỉ nói hai vấn đề, xác định mọi hiện hữu là khổ, và đưa ra con đường hành trì để đi đến thoát khổ. "Đưa ra" ở đây không phải là Ngài sáng tạo sáng chế, là người đầu tiên phát minh, mà đưa ra là Ngài nhắc cho chúng ta biết. Giống như tôi thấy bà con đói bụng tôi đưa ra mấy gói mì, mấy gói mì đó của ai đó sẵn tôi thấy đói bụng thì đưa ra thôi. Bà con cần đi từ A đến B mà không biết đi ra sao thì tôi đưa ra đề nghị nên đi như thế nào, chớ tôi không phải là người làm ra những con tàu, xe bus. Suốt cuộc đời, Đức Phật chỉ nói hai việc: hiện hữu là khổ, tinh thần Bát Chánh Đạo là con đường giải thoát. Tinh thần đó có thể được trình bày bằng Chỉ và Quán, Tam vô lậu học, Thất Giác Chi, Tứ Niệm Xứ v.v... nhưng chung qui lại, tinh thần của con đường hành trì PG vẫn là hành trình nhận thức; nhận thức đây là sắc tập khởi, đây là sắc đoạn diệt, đây là thọ, tưởng, hành, thức, tập khởi, đoạn diệt, đây là con đường dẫn đến sự đoạn diệt đó. 'Đoạn diệt' nghe nặng nề, thật ra nó là sự vắng mặt. Mình khổ vì năm uẩn có mặt, mình hành trì Bát Chánh Đạo là đạt đến cảnh giới không còn sự hiện hữu của năm uẩn nữa. Cảnh giới là một giai đoạn, một trạng thái, không phải là một cõi, một không gian. Giống như ngọn đèn còn tim còn dầu thì còn cháy, tim lụn dầu cạn thì đèn không còn cháy nữa. Ngọn lửa ngọn đèn luân hồi thì cũng vậy, ngày nào còn phiền não thì còn tồn tại, hết phiền não thì thôi. Đức Phật ví dụ vị A-la-hán giống như chiếc tàu đã mục nát, bao giờ vị ấy chưa viên tịch Niết bàn chưa xuôi tay nhắm mắt thì hình hài vị đó chỉ là tạm dùng. Tạm dùng giống như cái gì để mình nhìn thấy tạm thời, xác tàu chưa tan thành đất thì mình còn nhìn thấy vậy thôi, mai này xác tàu trở về đất thì không còn gì hết. Vị A-la-hán hết phiền não rồi thì những năm tháng cuối đời còn lại chỉ là những xác tàu. Ví dụ đó trong Tăng Chi Bộ kinh. Ngài xác định rằng toàn bộ hành trình tu tập là hành trình nhận thức năm uẩn, năm uẩn cũng chính là 12 xứ, tức là 6 căn 6 cảnh, cũng chính là 18 giới, cũng chính là danh sắc nói chung. Mình phải thấy rõ rằng mọi hiện hữu là khổ, và hành trì Bát Chánh Đạo là con đường thoát khổ. Tuy nhiên, để nhận thức được nó cần phải có hai việc phải lưu ý: 1. Muốn danh sắc năm uẩn không tiếp tục hiện hữu nữa thì phải biết rõ nó. Giống như muốn chữa bịnh thì phải biết là mình bị bịnh và bịnh đó từ đâu ra. Một người không biết mình bị bịnh làm sao chữa bịnh. 2. Mù tịt về bịnh thì làm sao hết bịnh được. Tu hành là một hành trình nhận thức,

nhận thức thông qua sự hiểu biết về giáo lý Duyên khởi. Giáo lý Duyên khởi dạy cho chúng ta nhiều điều: 1. Vạn pháp do duyên mà có. Trong dòng luân hồi của mình, do vô minh trong Bốn Đế mới dẫn đến ba hành, từ ba hành mới dẫn đến thức tái tục, từ thức tái tục mới dẫn đến danh sắc đầu đời, từ danh sắc đầu đời mới dẫn đến lục nhập, từ lục nhập mới có 6 xúc, từ 6 xúc mới có 6 thọ, từ 6 thọ mới có 6 ái, 6 ái ở mức độ mãnh liệt mới trở thành tứ thủ, từ tứ thủ mới dẫn đến hai hữu là sanh hữu và nghiệp hữu. Nghiệp hữu là các nghiệp thiện ác, sanh hữu là các tâm tái tục. Quay trở lại vòng tròn lúc đầu.

Sáng hôm nay chúng tôi rất là vui khi đọc thấy bài dịch mới nhất của HT Nhất Hạnh cho bài Tâm Kinh. HT vừa dịch lại bài đó theo bản Hán y cứ bản Phạn, dịch xong vào tháng 8 năm nay (2014), vừa dịch xong tháng 8 thì đến ngày 11 tháng 11 HT bị đột quỵ. Đây là một bản dịch có thể nói là sau cùng mà thật lòng chúng tôi không có mong như vậy. Trong bản dịch đó HT đả động đến một số vấn đề mà tôi rất tâm đắc chẳng hạn như HT nhắc lại bài kinh Kaccanagottasutta, bữa hổm mình học rồi, tôi còn nói là tôi muốn bà con mình đọc tụng bài kinh đó mỗi ngày. Bà con còn nhớ không?

Khổ nỗi là vào room nghe rồi quên mất, rồi bữa vô bữa không, người ta nói cái gì là mình không cần nhớ. Muốn ăn phở mà người ta mới dọn dĩa rau là mình đi mất tiêu, bữa sau người ta dọn tương mình đi mất tiêu, bữa sau tới ăn phở người ta đem ra tô phở không rau không tương mình bực, nói sao phở thiếu tùm lum. Bài kinh Kaccanagottasutta rất là đặc biệt. Điều thứ hai HT có nhắc lại bài kinh Parāyanā trong Kinh Tập Suttanipata. 'Parāyanā" cũng có nghĩa là 'đáo bỉ ngạn' giống như 'paramita'.

'Param': bờ sông, bờ biển.

Tôi có đề nghị bà con trong facebook đọc, tôi ngạc nhiên và xúc động khi thấy những đóng góp vô danh của mình. Nếu tôi không lầm, tôi là ông sư Nam Tông đầu tiên xác định chữ gốc của chữ Vu Lan Bồn. Chữ Vu Lan này bị hiểu lầm là từ chữ 'ullumbana' nghĩa là 'treo ngược', tiếng Hán là 'đảo huyền', một trong những hình phạt ở địa ngục. Thật ra không phải như vậy, thứ nhất, chữ Vu Lan này không có trong PGNT, tinh thần hiếu đạo phải được thể hiện quanh năm và suốt cuộc đời của mình chớ không phải ngày nào đặc biệt, chuyện bày ra Vu Lan này là của người đời sau bày ra chuyện để vớt vát những người không có tu hành gì hết, dựa vào ngày này để gia đình còn có niềm tin, có hy vọng còn cứu chữa được. Tuy nhiên, dầu chuyện đó trong kinh điển nguyên thủy không có nhưng

vẫn phải hiểu chữ Vu Lan Bồn phải được hiểu là từ chữ 'ullumpana'. (Hai chữ khác nhau chữ b và p). Động từ 'ullumapati' trong tiếng Pāḷi và Sanskrit nghĩa là 'cứu độ', 'giúp đỡ'. Chữ này không thể nào dịch thành 'đảo huyền', 'treo ngược' được. Tôi rất là mừng khi thấy sau bài viết của tôi năm 2005 trên internet, người ta nhắc tới điều này. Điều thứ hai là tôi không nghĩ rằng có người so sánh chữ 'Parāyanā'và 'Paramita', vậy mà hôm nay tháng 8/2014 có người nhắc, là HT Nhất Hạnh. Xin bà con xem lại truyện ngắn Một Cõi Tà Dương của chúng tôi, nhiều người tưởng là truyện ngắn tôi bịa, thật ra tất cả truyện ngắn của chúng tôi đều có lý do vì sao được viết như vậy, ví dụ truyện Lãng Minh, Phiêu Phong tất cả những chuyện đó đều có chỗ dựa hết. Khi tôi thấy bài dịch Tâm Kinh mới được dịch vào tháng 8 năm nay, trong khi Một Cõi Tà Dương tôi viết lâu rồi, cái vui là được HT nhắc lại nguyên vẹn cái tôi đã nói. HT dành cho bài kinh Kaccanagottasutta một sự quan tâm rất là đặc biệt, phải nói rằng đó là một điều rất thú vị. Một người tiếng tăm như vậy nói bà con mới tin, còn vô danh như chúng tôi thấp cổ bé miệng mà nói không ai tin, nhưng mà sao cũng được, miễn là bà con chịu thay đổi cách nhìn cách nghĩ của mình về Phật pháp là được rồi.

Nội dung của kinh Mười Lực này, Đức Phật xác nhận Ngài có đủ 10 Lực của vị Phật Chánh Đẳng Giác, Ngài thành tựu đầy đủ 4 Vô sở úy, trên tư cách nền tảng này Ngài thuyết giảng về con đường thoát khổ thông qua cái gọi là hành trình nhận thức về bản chất của vạn hữu, trong đó vạn hữu ở đời phải do duyên mà có, và cái gì đã có đều phải vô thường, hiểu được hai chuyện này bằng thánh trí, không phải bằng kiến thức từ chương. Khi hiểu được hai chuyện này bằng thánh trí thì lập tức không còn cái gì đam mê hay bất mãn. Ngày hôm qua chúng tôi đã nói rồi, 4 Vô sở úy là gì:

1- Ngài xác định sự giác ngộ, sự hiểu biết của Ngài là thật. Bất cứ một Sa-môn, Bà-la-môn, Ma Vương, Phạm thiên nào cũng có thể đến hỏi Ngài về con đường giác ngộ.

2 - Việc chấm dứt phiền não của Ngài là có thật

3 - Cái gì Ngài kêu bỏ thì dứt khoát cần thiết phải bỏ

Trong chú giải nói, gốc của tam giới là Dục giới, sanh về cõi Phạm thiên nào rồi cũng quay về cõi Dục. Trong cõi Dục, tình cảm nam nữ là gốc, bỏ được ý niệm nam nữ mới sinh về Phạm thiên được, tức lìa bỏ 5 triền cái. (Xem Tăng Chi Bộ, phẩm đầu tiên). Trong tam giới thì Dục giới là gốc, Dục giới là đam mê trong sắc, thanh, khí, vị, xúc. Trong Tăng Chi Bộ phẩm đầu tiên, Đức Phật xác định không

có sắc, thanh, khí, vị, xúc nào trong đời này đối với người nam mà hấp dẫn hơn sắc của người nữ, âm thanh của người nữ, mùi, vị xúc chạm của người nữ. Và ngược lại, đối với người nữ thì không thấy những gì hấp dẫn họ hơn là những gì thuộc về người nam. ("Ta không thấy một sắc nào khác, này các Tỷ-kheo, xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà như sắc người đàn ông. Này các Tỷ-kheo, sắc người đàn ông xâm chiếm và ngự trị tâm người đàn bà.")

Bỏ được dục ái thì coi như không còn khả năng tái sinh bao nhiêu nữa, tối đa chỉ là 5 lần tái sinh ở cõi Tịnh Cư mà thôi.

Lìa dục ái cách tương đối thì về Phạm thiên, lìa dục ái cách tuyệt đối, bằng trí Tam đạo, thì dứt sinh tử.

Toàn bộ lời dạy của chư Phật chỉ gói gọn trong 2 điều: nên làm và không nên làm

Từ ba vô sở úy trước, dẫn đến vô sở úy thứ tư.

4- Vô sở úy thứ 4: giáo pháp của Ngài là chắc chắn

THẬP LỰC (2)

Bài kinh Thập Lực số 2 nội dung giống bài số 1 nhưng có phần đuôi. Một người tự nhận mình là đệ tử Phật, dù là xuất gia hay cư sĩ dứt khoát phải học để biết 12 Duyên khởi, đặc biệt là hàng xuất gia. Bởi vì Đức Phật đã nói: "Khổ thay, này các Tỷ-kheo, là người sống biếng nhác, dính đầy các pháp ác, bất thiện và mục đích lớn bị suy giảm! An lạc thay, này các Tỷ-kheo, là người sống tinh cần, tinh tấn, viễn ly các ác, bất thiện pháp, và mục đích lớn được viên mãn!".

Người biếng nhác thì sống thiếu trách nhiệm với họ và với người khác. Cho đến bao giờ mà gánh nặng sinh tử vẫn còn đó, cho đến bao giờ trên vai của họ còn đầy ắp phiền não, cho đến khi đó, nếu họ dễ ngươi biếng nhác thì được xem là thiếu trách nhiệm với bản thân.

Khi anh sống thanh tịnh, khi anh sống đúng pháp, người ta nhìn anh với lòng ái kính, người ta cũng được vô lượng công đức, một trái chuối một củ khoai người ta dành cho mình cũng gọi là vô lượng công đức. Đó gọi là trách nhiệm với đời, lợi tha (parattha)

'Para': người khác; 'attha': lợi lạc.

‘Parattha’: lợi lạc cho người khác.

Lợi tha, lợi lạc cho người khác nghĩa là ‘Paratthanti paccayadayakanam mahapphalanisamsam’: quả báo to lớn cho người thí chủ.

‘Paccaya’: Tứ vật dụng, ám chỉ những nhu yếu phẩm tối thiểu của người tu gồm 4 thứ: thức ăn, y áo, trú xứ, thuốc men. VN mình gọi là ‘tứ vật dụng’ chữ này nghe cũng hơi kỳ kỳ. Đi chùa riết mình nghe thấy quen, người đời không biết đạo nghe chữ ‘vật dụng’ sẽ hiểu khác. Tôi có suy nghĩ, có lẽ có lúc dần dần mình tìm chữ thay thế những chữ này. Chẳng hạn trong Vi diệu pháp hay trong kinh nói chung có chữ ‘appamaññā’ dịch là Vô lượng tâm; trong A-tỳ-đàm, hai tâm sở bi và tùy hỷ gọi là tâm sở vô lượng. Nhưng trong tiếng Việt chữ ‘vô lượng’ phải giải thích, tôi muốn dịch thành chữ ‘đại lượng’. Chữ ‘đại lượng’ trong tiếng Việt có nghĩa là bao dung. Tôi chỉ dẫn chứng một chữ thôi, những chữ khác tôi để dành cho cuốn Chuyện Phiếm Thầy Tu tập hai. Bốn món trên gọi là ‘tứ vật dụng’ thấy khó nghe, theo tôi sửa lại là ‘bốn món nhu yếu’ người không biết đạo nghe cũng hiểu liền. Phật tử Nam Tông VN mình có chữ “dâng quê”, khi trai tăng, người dẫn kinh đọc bài tác bạch chư tăng ai cũng nói “dâng quê”. Cả một đám vừa sống vừa chết từ xưa lúc lập đạo đến giờ chắc cũng mấy ngàn người VN tới lúc chết cũng không biết “dâng quê” là gì, chữ này từ chữ ‘veng’ (tiếng Miên) có nghĩa là ‘dài’. Có hai bài tác bạch dâng cơm, bài thứ nhất là “Kính bạch chư đại đức tăng, xin chư đại đức tăng từ bi nhận lãnh những thực phẩm này cho chúng con và quyến thuộc nhận được sự lợi ích an lạc lâu dài”. Đó là bài ngắn. Còn bài dài là bài ‘veng’, “…Kính bạch chư đại đức Tăng được rõ, những thực phẩm này của chúng con làm hợp theo lẽ đạo, được cũng hợp theo lẽ đạo …”[1]nghe rất luộm thuộm, bà con nhiều người hỏi tôi sao tiếng VN cho người VN mà sao nghe kỳ quá. Tôi gỡ gạc nói: “Kinh mà, lạ lạ cho linh!” “Những thực phẩm này chúng con làm hợp theo lễ đạo” là tam tịnh nhục; “được cũng hợp theo lẽ đạo” là những thứ này có được do lao động chân chính không phải do lừa đảo. Vậy mà cứ bao nhiêu thế hệ cứ ‘dâng quê’ mà không biết ‘dâng quê’ là gì.

Một vị xuất gia phải có lý tưởng giải thoát, lý tưởng này phải được thiết lập trên nền tảng nhận thức được mình là khổ, nhận thức được lý do mình bị khổ và hiểu được con đường hành trì để hết khổ, để nhắm đến hai việc: lợi ích cho mình và lợi ích cho đời. Lợi ích cho đời là paccayadayakanam mahapphalanisamsam, đem lại lợi ích cho người thí chủ cúng dường các thứ nhu yếu. Vô cùng bất hạnh thay cho kẻ nào cứ nghĩ Tiểu Thừa là tu cho mình. Không phải như vậy, khi bản thân anh trong sạch, bản thân anh có đức độ, dù cho anh có khoét lỗ chun xuống

đất đi nữa thì sự có mặt của anh cũng là hình thức lợi tha, vì dù người ta có cho anh trái chuối, củ khoai, một cây kim, một cọng chỉ, công đức ấy vẫn vô lượng. Dù anh có khua chiêng đánh trống bát nhã um sùm nhưng tu hành không thanh tịnh, thì sự bố thí cho anh công đức sẽ ít đi. Vì sao kinh đang giảng về Duyên Khởi mà lại có nội dung này?

Muốn đem lại lợi ích cho mình, cho người khác, cho người cúng dường hộ trì cho mình, thì mình phải là người xuất gia có lý tưởng cầu giải thoát, lý tưởng đó phải được thiết lập trên hai điều: nhàm chán sanh tử và hành trì - hành trì đồng nghĩa sự hiểu biết, hiểu biết vì sao mình đau khổ. Bà con nghe giảng, đọc kinh thường thấy chữ 'đoạn trừ phiền não', 'sát trừ phiền não', thật ra không hề có chuyện sát trừ, đoạn trừ nào hết chỉ là cách nói thôi. Đúng ra chỉ là thay đổi cách nhìn, không phải đoạn trừ chi hết. Tức là cách nhìn cũ được thay thế bằng cách nhìn mới. Ví dụ, ngày xưa tôi nghĩ đây là tôi, đây là của tôi; ngày xưa tôi thấy cái đó đẹp, quí, hiếm, độc đáo hay ho, nhưng bây giờ tôi không thấy cái gì là tôi, của tôi nữa, bởi vì mọi thứ chỉ là sự sanh diệt chớp nhoáng, sự sanh diệt đó lại y cứ vào duyên. Với nhận thức này thì được gọi là đang từng bước hành trì. Hành trì, tu tập, thực ra chỉ là hành trình nhận thức. Giác ngộ cũng chỉ là sự thay đổi nhận thức. Hành trì không phải là làm cái này làm cái kia. Hành trì chỉ là cách nhìn. Giữ giới là hành trình nhận thức, hành thiền là một hành trình nhận thức và giác ngộ là sự thay đổi nhận thức, tất cả diễn ra trong tâm của mình. Tôi biết cách nói này nhiều người nghe chịu không nổi. Tại sao những người tu bát quan sau 12 giờ không ăn?

Đó là nhận thức, không ăn không phải là giữ giới, trùm mền ngủ không ăn đâu phải giữ giới. Không ăn là vì nghĩ cái gì đó, nhận thức cái gì đó. Tu Tứ Niệm Xứ là biết rõ là ở ngoài kia có rất nhiều trò vui, mà mình thì ở trong này theo dõi, đi, đứng, nằm ngồi, thở ra, thở vô… anh nghĩ gì mà anh lại làm những điều này?

Đó là hành trình nhận thức. Ngoài đời thiếu gì trò vui, tại sao anh lại bỏ tiền qua Miến Điện chui vào cái thiền viện với điều kiện sinh hoạt qua sức tệ, thay vì đi Bali, Phuket, Pattaya hưởng thụ?

Đó là nhận thức. Sẵn đây nói luôn, trong một ngày mùa hè nóng cháy lẽ ra tôi quẹo qua Shwe Oo Min, không biết long thần hộ pháp khiến làm sao, ngay cổng Shwe Oo Min có một cổng nhỏ tên là Chanmyay vậy mà người VN mình thích chui vào Shwe Oo Min, vì ngài thiền sư trong đó thương người mình, và trong đó thì toàn đồng hương của mình.Theo tôi biết rất hiếm người quẹo qua Chanmyay

mà tôi mê Chanmyay vô cùng, pháp môn bên đó là phồng xẹp. Người đại thí chủ hỗ trợ để thực hiện cái thiền viện đó là một bà người Thụy Sĩ ở Zurich. Điều kiện sinh hoạt bên đó phải nói như khách sạn, không phải mình tu mình kiếm cái sướng, nhưng tiện nghi một chút cũng dễ thở, bên đó rất là sang trọng, theo tôi được biết là rất rẻ tiền. Chỗ đó rất là hay, rất là nổi tiếng nghen, nay mai bà con tới đó tìm hiểu, thay vì tới Sumin thì mình quẹo tay trái.

Lý tưởng của cuộc tu là phải thấy được luân hồi là khổ. Muốn thấy luân hồi là khổ thì phải học giáo lý Duyên Khởi. Nhận thức đúng đắn là hành trình đúng đắn, là cùng lúc đem lại lợi lạc cho mình và cho đời thông qua sự hiểu biết đúng đắn về Duyên Khởi. Mọi hành trì PG cũng đều phải y cứ trên nhận thức về giáo lý Duyên Khởi.

Khi nhìn cái gì mà thích thì biết đây là bắt đầu một vòng quay mới của cuộc luân hồi. Nhìn cái gì mà thích thì biết đây là Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu… Sầu bi khổ ưu não. Thích cái gì quá thì hãy suy nghĩ đây là Vô minh, Vô minh sẽ tạo ra Hành. Thấy nghe ngửi nếm đụng thì nghĩ đây là Lục nhập, Lục nhập sẽ dẫn đến luân hồi nếu mình không khéo. Thích cái gì quá thì nghĩ đây là Ái, đây là Thọ, đây là Thọ hỷ, Thọ xả… lại là một điểm bắt đầu mới của dòng luân hồi. Giáo lý Duyên khởi là một vòng tròn, bắt đầu từ chỗ nào cũng được. Có thể bắt đầu từ chữ Khổ cũng được, từ Sầu bi khổ ưu não, khổ quá người ta tìm lối thoát, nếu có trí người ta tìm con đường chánh đạo, khổ quá mà không biết chánh đạo thì người ta tìm con đường tà đạo để đi, cứ như thế là đọa lạc trầm luân. Ví dụ, đói quá, nghèo quá, tự ái bị chà đạp, từ đó ráng đi kiếm tiền bằng mọi giá để ngoi lên với đời, từ đó giá nào cũng trả. Tiếng Việt có câu "tay lỡ nhúng chàm", bất thiện làm lâu ngày dễ bị quen, tay lỡ dơ, rồi thấy dơ thêm chút không sao, cuối cùng cả người đen thui luôn. Vì vậy ác pháp tránh được bao nhiêu thì tránh, dù có dễ duôi cách mấy thì cũng luôn tâm niệm rằng tay mình vừa dính chàm, cứ nhớ chừng như vậy vẫn tốt hơn là mình thấy mình hay. Đang bậy mà biết mình bậy hoặc không biết hoặc tưởng là hay.

DUYÊN (Paccayasutta)

Bài kinh DUYÊN cũng y hệt vậy. Đức Phật xác nhận giáo lý này Ngài chỉ giảng cho người hiểu biết chớ không phải cho người không hiểu biết. Có người Phật tử đi chùa mấy chục năm mà không có dịp để ngồi nghe giảng 12 Duyên khởi này. Cứ thấy đời khổ, vô chùa lạy Phật, cúng dường cho sư, cầu giải thoát là xong, về mua nhà mua đất, lo cho con cái, lâu lâu tạt vô chùa, nghe pháp thì ngáp. Cứ vậy

đi chùa mấy chục năm không biết gì ngoài chuyện bố thí cúng dường, về già không còn đi chùa được thì nằm ngáp ngáp, con cháu rước các sư về tụng tiếng Pāḷi nghe không hiểu gì hết. Sợ hãi cứ sợ hãi, đau đớn cứ đau đớn, tiếc nuối cứ tiếc nuối, khủng hoảng tâm lý, biết sắp đi rồi thì sợ. Không hề được học giáo lý một ngày nào hết, cứ lo bố thí, thật là chuyện đáng buồn. Nếu là người chí thân chí ái của tôi, tôi phải hướng dẫn cho họ biết đạo, biết đạo rồi thì phải cho học giáo lý, không thể để cho cắm đầu cắm cổ làm phước mà không chịu học giáo lý. Tôi không có học trò, đệ tử nhưng tất cả những người tôi tạm gọi là thân cận hộ trì tôi, tôi luôn luôn nhắc họ phải học giáo lý. Không thể nào mình thờ Phật mà không biết Phật nói cái gì. Thân người khó được, chánh pháp khó gặp, không có cái gì bậy cho bằng không học giáo lý không học Phật pháp khi mình đang có thân người lại trong thời kỳ chánh pháp còn. Có nhiều thầy cũng ác, không muốn đệ tử biết nhiều hay là chính thầy cũng không biết, đệ tử mấy chục năm mà không dạy giáo lý cho người ta, tới hồi người ta già, nằm một chỗ chỉ có hoang mang nghi hoặc, sợ hãi tiếc nuối, lẽ ra phải tu tập làm thế nào để có một ngày nằm liệt một chỗ vẫn có thể tu tập được, an lạc được. Quan trọng nhất trong đời sống là cuối cùng ai cũng có lúc trở về với riêng mình, dù bị liệt hay không bị liệt, lúc đó, kẻ nào có khả năng tu tập được mới là khá, lăng xăng cả đời đến lúc già nằm một chỗ mà không an lạc được thì quá sức tệ.

Tiếp theo là bài kinh giảng về Duyên, Đức Phật dạy rằng, sự đoạn trừ lậu hoặc là sự hành trì để giải thoát, vẫn y cứ trên kiến thức về Duyên khởi. Duyên khởi ở đây được nói rộng, không chỉ 12 Duyên khởi như ta vừa học. Nói đến dòng sinh tử, nói gọn thì chỉ con số 12, "do vô minh trong bốn đế dẫn đến ba hành…"; cách nói khác là do ở trú xứ không thích hợp nên mới không gặp được minh sư thiện hữu, do không gặp minh sư thiện hữu nên không được nghe pháp, do không được nghe pháp nên không có hành trì, chính vì không có hành trì nên khi sáu căn gặp sáu trần thì hoặc là tham hoặc là sân, hoặc là thương thích hoặc là ghét sợ, hoặc là đam mê hoặc là bất mãn, từ chỗ này hành trình Duyên khởi lại bị bắt đầu. Còn tu tập thì do ở trú xứ thích hợp, thường tiếp xúc minh sư thiện hữu nên được nghe pháp, nhờ nghe pháp mới dẫn đến hành trì. Do có nghe pháp mới có niềm tin, từ niềm tin mới có niềm vui, từ niềm vui mới dẫn đến sự tịnh tâm, từ sự tịnh tâm mới dẫn đến sự sáng suốt của trí, từ sự sáng suốt của trí mới dẫn đến sự nhận thức đúng đắn, từ nhận thức đúng đắn mới dẫn đến sự nhàm chán danh sắc, từ sự nhàm chán danh sắc mới dẫn đến ly tham, từ ly tham mới dẫn đến giải thoát. Đó là hành trình Duyên khởi nói dài, kết hợp vừa Tạng kinh vừa A-tỳ-đàm.

Đức Phật dạy rằng muốn hiểu biết năm uẩn, muốn thấy năm uẩn là khổ, muốn thấy con đường nào dẫn đến sự hết khổ thì cần phải có trí. Trí có từ sự giải thoát phiền não, giải thoát phiền não có từ ly tham, ly tham có từ sự yểm ly, nhàm chán, nhàm chán có từ tri kiến như thật, tri kiến như thật có từ định, định có từ lạc, lạc có từ khinh an, khinh an có từ hỷ, hỷ có từ hân hoan, hân hoan có từ niềm tin, niềm tin có từ khổ, vì do khổ người ta mới đi tìm đạo, khổ có từ hữu, cứ như vậy mà phăng riết lên tới vô minh.

Ngài ví dụ, giống như mưa từ đỉnh núi tràn xuống triền núi, triền núi tràn xuống chân núi, từ chân núi tràn ra ao hồ sông rạch, trong dòng Duyên khởi thì cái nào cũng là đỉnh. Muốn thoát khổ thì phải có trí đoạn diệt, trí đoạn diệt đi ra từ giải thoát. Trí đoạn diệt là gì, giải thoát là gì, ly tham là gì, phải đọc chú giải để hiểu! Xin bà con nhớ giùm một chuyện, nghe giảng kinh tạng là phải chú ý đến Chú giải và phải nói không có A-tỳ-đàm thì không thể nào hiểu được kinh tạng và không có Chú giải thì đọc chánh tạng chỉ có chết thôi. Xin nói thiệt là bà con phải chịu cực một chút, mở chánh kinh ra giùm tôi, quí vị không thể nhắm mắt nghe tôi giảng mà không nhìn chánh kinh. Nếu bây giờ không thể mở ra thì lúc nghe lại phải nhìn vào chánh kinh thì mới hiểu tôi nói cái gì.

Muốn hết sinh tử thì phải hiểu được sinh tử là gì, hiểu được nguyên nhân sinh tử và Bát Chánh Đạo là con đường chấm dứt sinh tử. Trí hiểu đó được gọi là trí đoạn diệt.

‘Khayenana’: trí đoạn diệt, ám chỉ trí Tứ quả ‘arahattaphala’

‘Viraga’: ly tham, ám chỉ tứ đạo

‘Nibbida’: yếm ly, trí nhàm chán, ám chỉ cho bốn giai đoạn thiền tuệ

‘Balavavipasana’ tuệ quán già dặn:

1. Bhayatūpaṭṭhanañāṇa: trí kinh cảm, thấy sợ trong sự sinh diệt chớp nhoáng của danh sắc.

2. Adinavañana: trí thấy được bề trái của danh sắc.

3. Muncitukamyatañāna: trí hướng đến sự giải thoát sinh tử

4. Sankharupekkhañāna: sự hờ hững lãnh đạm đối với danh sắc, hành xả trí.

Hành giả buổi đầu lúc chưa có thuần thục thì cứ thấy đi đứng là sự vô thường, thở ra thở vô là sự vô thường; còn trước đó nữa thì thấy từ trẻ qua trung niên là vô thường, trung niên qua già là sự vô thường, sống rồi chết là vô thường, đẹp rồi xấu là sự vô thường. Từ từ thấy vô thường khít khao hơn: đi đứng là sự vô thường, hồi nãy ngồi giờ nằm là sự vô thường, hồi nãy dễ chịu giờ khó chịu là vô thường, hồi nãy vui giờ buồn là vô thường. Đi vô sâu hơn nữa hành giả thấy rằng tâm mình sanh diệt liên tục, hành giả thấy rằng không cần phải tắt thở mới là chết, mà thật ra mình đang chết trong từng phút bởi vì toàn bộ danh sắc của mình chấm dứt trong từng phút và được thay thế bằng cái mới. Điều này biết bằng cách nghe người ta nói thì không thấy sợ, nhưng trải nghiệm trên chính bản thân mình mới thấy sợ. Mình thấy cái chết diễn ra trong từng giây, mình biết rõ ràng trong từng giây đó toàn bộ danh sắc của mình biến mất, biến mất thật sự chớ không phải ảo giác. Thật sự toàn bộ danh sắc biến mất và được thay thế bằng một cái khác, mình chết hẳn, con người hoàn toàn mất tiêu, thay thế bằng con người mới. Thấy như vậy hành giả mới sợ, đó gọi là trí sợ hãi.Sự kinh sợ ở đây là chuyện tốt, nhưng vẫn còn là thứ tâm trạng bồng bột. Khá hơn một chút, không còn sợ nữa, mà càng lúc thấy rõ bản chất bề trái của danh sắc rõ hơn (Adinavañana). Mới đầu thì sợ, nhưng càng sợ thì càng nhìn kỹ, càng thấy rõ hơn.

Lúc thấy rõ thì chỉ muốn lìa bỏ, muncitukamyatañāna. ‘Muncitu’: thoát, ‘kamyata’: muốn. Muốn lìa bỏ càng sớm càng tốt, cảm giác muốn lìa bỏ này vẫn bồng bột. Đến giai đoạn thứ tư thì hành giả đạt đến hành xả trí, không còn sợ chán nữa mà là sự hờ hững, vẫn tiếp tục quan sát đi đứng, sanh diệt, nhưng lòng lúc này đã lắng, hành giả đã trưởng thành. Hành xả tuệ là trí sau cùng của phàm phu, nếu mình hữu duyên chứng đạo thì sau hành xả trí này sẽ xuất hiện một loạt 4 sát-na: chuẩn bị, cận hành, thuận thứ, chuyển tộc, rồi thì đạo, rồi thì quả; thời gian một búng tay tâm sanh diệt triệu triệu lần. Sự hờ hững này có thể kéo dài trong nhiều năm hoặc nhiều tháng, nếu đủ duyên thì chứng đạo trong tích tắc, còn không thì có thể kéo dài cả đời. Tu hành phải trung thực, can đảm và không tham, nghĩa là mình nghe giảng, coi kinh, nghe nói tuệ này tuệ kia trạng thái như vậy cứ tưởng là mình đắc, kể cả khi mình biếng không muốn tu nữa rồi tưởng đây là tuệ chán nản, là sai. Chán nản của người nhàm chán danh sắc là vẫn tiếp tục chánh niệm và vẫn không muốn hưởng thụ cái gì trên đời này hết, tất cả mọi hiện hữu khổ, lạc, ưu, hỷ, xả đều đáng chán hết. Đàng này mình không muốn ở thiền viện nữa, muốn đi shopping, muốn trở về nhà để đi ăn uống, đi chơi, ngán không muốn hành thiền nữa, là không phải tuệ chán nản.

Trí đoạn diệt ám chỉ cho thánh quả, ly tham chỉ cho thánh đạo. Yếm ly ở đây ám chỉ cho bốn trí vừa nói. Bốn trí nói trên được gọi là chung là 'balavavipasana':tuệ quán già dặn

'Yathabhutananadassana': Tri kiến như chân ám chỉ cho bốn trí tuệ quán tiếp theo. Bốn trí sắp nói tiếp theo đây được gọi là 'tarunavipassana' tuệ quán sơ cơ, non yếu.

Tri kiến như thật ở đây ám chỉ cho ở đây ám chỉ cho 4 trí tuệ quán non kém Tarunavipassana:

1. Nāmarūpapariccheda ñāṇa trí phân biệt danh sắc hay còn gọi Saṅkhārapariccheda ñāṇa, còn gọi là phân tích hữu vi,

2. Paccayapariggahañāṇa: Trí thấy được lý Duyên khởi ở mức trí văn và trí tu. Trí này còn được gọi là kankhavitaraneñāṇa đoạn nghi trí, tức trí trong Đoạn Nghi Tịnh, trong Thất Tịnh. Xem kinh Trạm Xe, Trung Bộ Kinh.

3. Sammasanañāṇa quan sát trí, tức trí tuệ quán nhìn ngắm danh sắc qua khía cạnh Tam tướng.

4, Maggāmaggañāṇa đạo phi đạo trí, trí biết rõ cái gì thực và giả, trong giai đoạn hành giả trải nghiệm 10 phiền não quán.

Nāmarūpapariccheda ñāṇa trí phân biệt danh sắc nghĩa là hồi đó đến giờ mình chỉ biết là danh pháp, tức là tâm, cái muốn đi là danh, chân giở lên là sắc; mình biết rõ cái muỗng mình cầm là sắc pháp, thực phẩm để vào miệng là sắc pháp, còn tâm tham muốn ăn là danh pháp. Biết rõ cái này là danh, cái này là sắc. Hồi đó đến giờ mình cứ quen 'tôi ăn', 'tôi đứng', 'tôi đi', 'bà A cười' 'bà B nói' bây giờ mình biết rõ bàn tay này là sắc, chuyện muốn giơ bàn tay lên là danh. Nếu quí vị trải nghiệm bằng chánh niệm trong thiền viện, muốn thấy được cái này phải buông hết vợ chồng con cái nhà cửa, sống chết gì cũng không rời khỏi thiền viện suốt tuần, trong đầu chỉ nhớ một chuyện là cái này danh, cái này sắc thì may ra thấm thía được bài giảng sáng nay.

Paccayapariggahañāṇa trí thấy rõ Duyên khởi là biết rõ cái này là do cái kia tạo ra, không có gì tồn tại độc lập, biết rõ dòng sinh tử này là sự tiếp nối của 12 duyên khởi. Khi nhìn cái gì mình thích thì biết rõ đây là sự có mặt của Ái, đây là sự có mặt của 6 Thọ, 6 Thọ 6 Ái này sẽ dẫn đến Tứ Thủ. Ái ở đâu, Thủ ở đâu thì

nhân tái sanh nằm ngay đó. Trí quan sát được 12 Duyên khởi ở trong danh sắc được gọi là Paccayapariggahañāṇa

Sammasanañāṇa nghĩa là xưa giờ mình cứ nói 'tôi đi', 'tôi ngồi', thật ra những cái đi, cái ngồi đó chỉ là sự tiếp nối của danh sắc. Mình không thấy được Tam tướng là do 3 cản trở sau đây:

-Santati: ý niệm về sự liên tục của danh sắc che đậy khía cạnh vô thường.

Lẽ ra mình thấy rằng cái trước cái sau rời nhau, thừa tiếp nhau, tiếp nối nhau, không có gì là một nhưng mình cứ bị ám ảnh bởi cái liên tục; thấy mình tối qua đi ngủ, sáng thức dậy cũng là mình, cũng tấm thân này, đó là ý niệm về sự liên tục che đậy khía cạnh vô thường.

- Iriyapatha: sự thay đổi tư thế che khuất khía cạnh đau khổ của danh sắc.

Ngồi lâu mình thấy mỏi, mình thay đổi tư thế hết thấy mỏi, đói quá thì ăn, khát quá thì uống, mỏi thì đi nằm, nhờ người xoa bóp, cạo gió… sự thay đổi này làm cho mình bớt khổ, và như vậy mình cứ tưởng mình hạnh phúc, đến lúc nằm yên một chỗ, gãi không được, trở mình không được lúc đó mới thấy xưa giờ mình rất khổ mà mình không ngờ. Không hành thiền không biết được thân này đau nhức cỡ nào. Chỉ cần ngồi lặng tâm một chút thì thấy thân này đủ thứ vấn đề, nó là cái nhà máy làm việc ầm ầm suốt ngày, đứa thì bơm máu, đứa thì tiêu hóa, đứa thì thanh lọc chất độc, nó phải làm việc để cơ thể mình tiếp tục sống và đẩy mình tới tuổi già chứ nếu đứng yên làm sao mình già. Nhờ thay đổi oai nghi nên mình không biết mình khổ kinh hoàng lắm. Có người họ khoe với tôi là thấy an lạc, sung sướng, mát lạnh. Thật ra mà nói, cái mát lạnh đó là do tâm mình lắng xuống, phiền não mất, nên mình thấy như vậy, nếu mình tập chú vào danh sắc thì thấy thân mình liên tục có vấn đề. Cho dù đó là thân của vị A-la-hán thì cũng luôn luôn có vấn đề. Bởi nếu thân của ngài không vấn đề thì ngài lấy gì để tắt thở, để Niết bàn?

Phải có cuộc đảo chánh được thực hiện qua nhiều năm bằng âm mưu mờ ám của các thế lực phản động trong đó, bao gồm: tension, tiểu đường, cholesterol v.v.... Những lần mình đi bệnh viện là những lần nhờ sự can thiệp của Liên hiệp quốc, còn khi chết thì xem như bị đảo chánh hẳn. Có người lạnh từ trên đầu lạnh xuống, có người lạnh từ dưới chân lên, có người lạnh hai bàn tay, có người trước khi tắt thở thì mất tri giác không còn nhận thức chung quanh, có người thì đau đớn cho đến phút cuối. Họ biết rõ mọi sự diễn ra cho đến phút cuối. Trong nỗ lực sau

cùng thì trợn trắng mắt lên lấy hơi vào không được thì đi luôn. Tôi từng tụng kinh cho người hấp hối tôi biết, họ lấy hơi không được, chỉ có hơi ra thôi. Bình oxy chỉ phụ họa thôi chớ phổi không làm việc nữa. Thấy mát lạnh là do tâm chứ thân luôn luôn khổ, vì tâm an lạc nên tưởng thân an lạc theo.

- Ghanasaññā: ý niệm về sự nguyên khối, toàn vẹn che khuất khía cạnh vô ngã.

Khi ta nói đây là bàn tay, nụ cười, thì ta đang bị ghanasaññāám ảnh. Lẽ ra phải thấy rằng chỉ có các nhóm sắc pháp đang làm việc ở đó và sinh diệt liên tục. Các tế bào đang thay đổi lẫn nhau trong đó, cái cũ bị loại bỏ và thay thế bởi cái mới. Ghanasaññā đây là ý niệm nguyên khối (massive, solid, pure) vốn không có, mà toàn là đồ ráp mà thôi. Hẹn gặp lại bà con ngày thứ ba.

[1] "Kính bạch chư đại đức Tăng được rõ, những thực phẩm này của chúng con làm hợp theo lẽ đạo, được cũng hợp theo lẽ đạo, chúng con xin hồi hướng cho các vị ân nhân của chúng con, nhất là cha mẹ của chúng con, chúng con xin dâng những thực phẩm này gọi là lễ trai tăng…..có cả các món ăn và phụ tùng kèm theo dâng cúng đến chư Tăng, xin Phật chứng minh. Xin cho các vị ân nhân của chúng con nhất là…..hay biết rằng: Phúc báu của lễ trai tăng….này về phần các vị đó, và xin cho các vị đó được phép thọ hưởng tùy ý. Khi thọ hưởng rồi thì được thoát khỏi những điều lao khổ và được kết quả làm người, quả trời cùng quả niết bàn và cho được như ý muốn của các vị ân nhân của chúng con nhất là….do theo phúc báu chảy vào không dứt"

Bài giảng ngày 18-11-2014 Ôn lại bài kinh hôm trước.

Cứu cánh của Phạm hạnh là thấy rõ Tứ Đế trong 5 uẩn: Sắc, Sắc tập khởi, Sắc đoạn diệt, con đường dẫn đến sự đoạn diệt đó.

Hành gồm có 3, tập khởi của hành là vô minh. Sự chấm dứt 3 hành là Niết bàn. Con đường dẫn đến Niết bàn là Bát Chánh Đạo.

Thức gồm 32 tâm quả có từ thiện ác quá khứ. Tập khởi của thức là Hành. Sự đoạn diệt của thức là Niết bàn. Con đường dẫn đến Niết bàn là Bát Chánh Đạo.

Tổng kết lại, 12 Duyên khởi chỉ là 5 uẩn mà thôi. Cái này làm tập khởi cho cái kia. Niết bàn là sự chấm dứt tất cả và Bát Chánh Đạo là con đường dẫn đến Niết bàn.

Muốn thấy rõ Tứ Đế trong 5 uẩn, tức 12 Duyên khởi thì phải có khayeñāna (trí đoạn diệt – HT Minh Châu dịch). Trong sớ giải nói trí này ám chỉ cho trí La-Hán quả.

Giải thoát (vimutti) là duyên dẫn đến Trí đoạn diệt. Giải thoát ở đây Sớ nói cũng chính là sự giải thoát trong Tứ quả. Sự giải thoát này có từ Ly tham viraga (vô nhiễm), ở đây ám chỉ cho trí tứ đạo, tức La-Hán đạo. Nhân dẫn đến ly tham này chính là sự yếm ly (nibbida) sự nhàm chán.

Nibbida ở đây, sớ nói là 4 trí tuệ quán già dặn (Balavavipasananana) (xem lại bài trước)

1. Bhayatūpaṭṭhanañāṇa: trí kinh cảm trước sự sinh diệt chớp nhoáng của danh sắc.

2. Adinavañana: trí nguy hại, tức trí thấy rõ bề trái của danh sắc.

3. Muncitukamyatañāna: dục thoát trí, lòng tha thiết hướng đến sự giải thoát sinh tử

4. Sankharupekkhañāna: hành xả trí, trí hờ hững trước danh sắc, đây là giai đoạn sau cùng của trí phàm phu trước khi chứng đạo.

Bốn trí này được gọi là trí tuệ quán già dặn (balavavipassananana) và chính là nội dung của chữ yếm ly (nibbida) trong kinh này.

Nhân dẫn đến yểm ly là Tri kiến như thật (yathabhutanana) gồm bốn trí:

1. Nāmarūpapariccheḍañāṇa trí phân biệt danh sắc hay còn gọi trí phân biệt danh sắc hay còn gọi Saṅkhārapariccheḍañāṇa, còn gọi là phân tích hữu vi,

2. Paccayapariggahañāṇa: Trí thấy được lý Duyên khởi ở mức trí văn và trí tu. Trí này còn được gọi là Trí thấy được lý Duyên khởi ở mức trí văn và trí tu. Trí này còn được gọi là kankhavitaraneñāṇađoạn nghi trí, tức trí trong Đoạn Nghi Tịnh, trong Thất Tịnh. Xem kinh Trạm Xe, Trung Bộ Kinh.

3. Sammasanañāṇa quan sát trí, tức trí tuệ quán nhìn ngắm danh sắc qua khía cạnh Tam tướng.

4, Maggāmaggañāṇa đạo phi đạo trí, trí biết rõ cái gì thực và giả, trong giai đoạn hành giả trải nghiệm 10 phiền não quán.

Trí đạo phi đạo là trí biết rõ cái gì đúng sai. Khi hành giả có đủ duyên lành lại tu đúng phương pháp Vipassanā thì có lúc thấy mình được một vài (hay tất cả) những thành tựu hấp dẫn sau đây, và nhiều người cứ tưởng mình đã chứng đạo. Kẻ biết rõ đây chỉ là ảo, rồi tiếp tục chánh niệm như chưa có gì xảy ra thì may ra có thể đi xa hơn.

1. Obhasa: hào quang, thấy mình rực sáng. Ngồi trong bóng đêm mà thấy mình sáng lòa, có thể nhìn thấy mọi thứ trong căn phòng, không phải ảo giác.

2. Piti: phỉ lạc, một thứ cảm giác dễ chịu chưa từng có trong đời. Bất cứ khoái lạc nào trong đời này hoàn toàn tuyệt đối không so sánh được với người tu thiền Chỉ và thiền Quán. Người không tu không tin, họ không tưởng tượng được tất cả khoái lạc trong cuộc đời này không có thứ nào bì được cảm giác này, thế là cứ tưởng đắc rồi. Thật ra đó cũng chỉ là trạm dừng phải vượt qua, chuyện tự nhiên thôi.

3. Passaddhi (calmness), sự an tịnh trong tâm hồn vốn chưa từng có trong đời trước đây. Giống như một hồ nước có thể nhìn thấy đáy. Vẫn chỉ là một nhà ga hay phi trường, một trạm dừng sẽ vượt qua

4. Adhimokkha, niềm tin bất động trong Tam bảo, nghĩ về Phật như đang nghĩ về một ngọn núi có thật trước mắt, một niềm tin chưa từng có trong đời. Nhưng hành giả biết đây là đồ giả, sẽ mất.

5. Paggaha: tinh tấn mãnh liệt. Nếu ai kêu đào núi cất chùa, khiêng cây vác đá thì mình xem như chuyện nhỏ luôn.

6. Sukha: niềm tịnh lạc happy chưa từng có.

Những điều này có thể đọc thêm trong sớ giải Tương Ưng Bộ Kinh bằng tiếng Anh. Thay vì mình mua mấy giỏ xách hàng hiệu, bà con có thể thỉnh được bộ chú giải của Pāḷi Text Society, hoặc không mua mấy cái đồng hồ loại này Tag Heuer, Omega, chạy xe cũ đừng đổi xe mới là có tiền thỉnh bộ chú giải về đọc chơi cho vui.

7. Ñāna: trí bỗng sáng chưa từng có, hiểu được nhiều điều xưa nay chưa từng biết qua.

8. Upaṭṭhānasati: chánh niệm vững như núi, một trạng thái chưa từng có trước đây.

Nghĩa là niệm của mình trước đây lúc có lúc không mà muốn giữ được khó vô cùng. Ai từng ngồi thiền, từng tu quán mới biết khó. Ví dụ giựt mình thức dậy, bỏ chân xuống giường, bước đi biết mình đang bước đi, vô nhà tắm, nhìn thấy ống kem đánh răng hết, rồi nghĩ hôm nay mình sẽ đi mua, rồi nghĩ sẽ mua thêm món này món kia, sẽ rủ ai đi cùng… Nghĩ một hồi là mất sạch, chỉ cần vô tới nhà tắm thấy ống kem là mất sạch. Chỉ có một cách là viết chữ 'Niệm' đầy nhà, liếc mắt là thấy. Chỉ có vị A-la-hán là chánh niệm 100% tự nhiên chứ không phải gồng như mình. Một người có thực hành chánh niệm mới tin rằng khi chánh niệm biết rõ mọi thứ đang diễn ra trong sự chớp nhoáng, mỗi niềm vui nỗi buồn đến rồi đi chớp nhoáng. Khi hành giả quan sát được một thời gian như vậy thì khả năng chịu đựng của hành giả cực giỏi. Khi hành giả thấy ai đó, hoặc âm thanh làm cho mình phiền là phát hiện liền, biết đây là phiền, biết đây là giả, không biết mình sẽ chết lúc nào còn người đó, âm thanh đó, vật đó không biết cũng vô thường lúc nào, chỉ nhớ bao nhiêu đó mà lòng yên, việc này chỉ có thể thực hiện được bằng sự chánh niệm liên tục. Hành giả lúc này thấy chánh niệm của mình đến một cách quá sức dễ dàng quá sức hùng hậu, chưa từng có trước đây, khít khao, sít sao, không sót một thứ lớn nhỏ nào và cứ tưởng là mình đắc,

9. Upekkhā: khả năng bình thản đến không ngờ.

Trước đây chưa bao giờ mình đạt đến khả năng này, chuyện gì xảy ra cũng thấy không là gì hết, không vui không buồn. Một người trước đây mình rất thương rất

muốn gặp, giờ đây thấy vô nghĩa. Y như câu thơ "Với tôi tất cả đều vô nghĩa. Tất cả không ngoài nghĩa khổ đau". Đúng như vậy đó. Hành giả chỉ còn nhìn thấy khổ trước sanh ra khổ sau và mọi thứ do duyên mà có, có rồi lại mất, hành giả nhìn một cách hờ hững, bình thản, hành giả thấy mình là giọt nước trong đại dương, mình không là gì hết, lòng thanh thản đến bất ngờ, không tưởng tượng được. Vẫn chưa phải là đắc, chỉ là một giai đoạn cần vượt qua.

10. Nikanti: niệm hứng khởi trong những thứ vừa có, vừa kể.

Khi hành giả có được những điều trên, một người có Ba-la-mật thì sẽ biết rõ sự thích thú đam mê trong đó là tầm bậy, nếu là người không đủ duyên để đi xa hơn nữa, hoặc có đủ duyên nhưng tạm thời chưa đến lúc vượt qua thì sẽ kẹt cứng trong đó, sự kẹt cứng đó gọi là Nikanti.

Mười điều trên được gọi là 'Mười điều trên được gọi là 'vipassanupakkilesa': Tiểu phiền não của tuệ quán. Chỉ có cái thứ 10 là bất thiện, 9 cái kia đều tốt, nhưng đều là cạm bẫy. Giống như có những thứ thức ăn rất thơm, rất ngon, rất bổ, rất đắt tiền, nhưng cứ ăn hoài thì chết. Chính cái hào quang, niềm tin, sự tinh tấn, trí tuệ bỗng bừng sáng, tất cả đều rất tốt, nhưng phải biết tất cả đều phải cần vượt qua, ngừng lại dính trong đó thì chết. Nhiều bà con đi hành thiền bị chuyện này nặng lắm. Trước khi đi thành thiền đã đọc sách, đã biết rồi, đã nghe giảng rồi. Khi coi sách thì biết trí hành xả là cái lòng hờ hững lãnh đạm đối với danh sắc, trí kinh cảm thấy danh sắc sanh diệt chớp nhoáng, thấy mình chết trong mỗi phút, trí dục thoát muốn buông hết để ra đi không muốn nấn ná trong đời nữa, vì từng đọc từng nghe như vậy nên khi hành thiền có cảm giác hình như mình đang có; rồi cộng thêm học ba mớ A-tỳ-đàm biết Tu-đà-hoàn không còn hoài nghi, giới cấm thủ... rồi thấy hình như mình đang y như vậy. Ngồi lâu, chánh niệm lâu ngày thì tâm yên, hành thiền ba ngày đầu tiên thì chân mình tan nát, giống như ai lấy búa gõ vào xương bánh chè, như ai lấy kim chọc vào trong khớp, nhưng qua được ngày thứ tư, thứ năm hoặc một tuần, thì cảm giác đau không tưởng tượng nổi, có cảm giác ai đó đang vặn giò của mình. Giống như câu hát khi "mới quen nhau anh hay nắm tay, anh dặn dò". Khi mới tu tâm như ai nắm tay ai "vặn giò". (phát âm theo kiểu dân Nam Bộ). Vượt qua được cái này thì hành giả không muốn đứng lên nữa, hành giả không muốn đi ăn cơm không thấy đói nữa, không còn nhúc nhích cục cựa, ngứa, tê, nhức. Lúc đó mát lạnh toàn thân và coi như tất cả chuyện đời đều nằm bên ngoài thềm cửa, an lạc không tưởng tượng được, có người thấy mình rực sáng, có người thấy phỉ lạc như có sóng biển vỗ vào người từng cơn từng chập, có người thấy trí mình sáng ra. Cách đây không lâu tôi có

nghe có bà học chưa hết tiểu học, tiếng Việt chưa đầy lá me nói gì lá mít, hành thiền xong dọn bàn Phật làm rớt cuốn Thắng Pháp của ngài Minh Châu, bà cầm cuốn sách lên phủi bụi, tình cờ lật cuốn sách đọc tới đâu thấy sáng bừng tới đó, thế là bà bóc phone gọi cho bạn bè, nói là "nó tới rồi". Tôi không biết bả bừng cỡ nào, nhưng chỉ biết chánh niệm mà tu tập lâu ngày sẽ biến con người thành đặc biệt lắm, trưởng thành hơn người không có chánh niệm. Một người có sống chánh niệm mạnh, họ nhìn người không chánh niệm như nhìn một đứa con nít, một người khùng, một người say rượu hay người già lú lẫn vậy. Cảm giác này chỉ có người tu Tứ Niệm Xứ mới thấy, họ không có thể tưởng tượng thiên hạ có thể thất niệm, phóng dật, xô bồ đến như vậy, và chính họ cũng tá hỏa khi biết mấy chục năm qua họ cũng sống như vậy. Nhưng phải nghĩ là mình may mắn mình tu được chánh niệm còn người ta thì chưa có duyên thôi chớ đừng thấy mình được ba mớ rồi coi người ta như rác. Nhìn trong muông thú không biết có ai hơn mình, có khi con heo, con bò, con chó là Bồ tát tu hằng hà sa số kiếp trong đó rồi, còn mình may mắn ngay kiếp này được hưởng quả cũ, con heo, con bò trước mắt mình có thể nó đã tu tám A-tăng-kỳ. Biết ra sao ngày sau, biết đâu về sau nó có thể trở thành bậc Tứ sanh từ phụ Thiên nhân chi đạo sư, cha lành ba cõi.

Bốn trí vừa giảng được gọi là Bốn trí vừa giảng được gọi là tri kiến như thật, còn được gọi là 4 thứ còn được gọi là 4 thứ tuệ quán non yếu(tarunavipassanañāna). 'Taruna': non, (weak).

Đạo Phật lạ ở chỗ này, khi anh thấy anh giỏi, anh hay là anh đang dở ẹt. Lý do là bản chất thật sự chỉ là mù sương, mình thấy được mù sương đó là may mắn chứ không có cái gì đáng để cho mình thấy mình hay. Phiền não giống như bệnh ung thư, thiện pháp để tu tập là thuốc chữa ung thư, không ai tự hào là mình đang uống thuốc chữa ung thư. Tất cả cái biết về đạo hay đời của mình cũng chỉ là cái biết của người tù về căn hầm mình đang bị nhốt (cái hầm này dài bao nhiêu, rộng bao nhiêu, đếm bao nhiêu viên gạch, hầm này cất khi nào, ai xây, lâu nay nhốt bao nhiêu người, thời tiết khí hậu nóng lạnh nơi đây ra sao v.v...) tất cả những cái biết của mình về danh sắc, Duyên khởi cũng chỉ như cái biết của người tù biết về căn hầm đang nhốt mình, và tu tập Bát Chánh Đạo là tìm cách vượt ngục. Muốn giải thoát sinh tử phải biết danh sắc là gì, năm uẩn là gì, cái gì dẫn đến dòng luân hồi. Do 6 căn mà luân hồi thì cũng từ 6 căn mà giải thoát.

Tri kiến như thật có được từ định Samādhi. Định có từ sukha. Sukha có từ passaddhi. Passaddhi có từ pīti. Pīti có từ pamojja. Pamojja có từ saddha. Saddha có từ dukkha. Dukkha có từ jati. Jati có từ bhava, ta đang trở lại với hệ thống

Duyên khởi. Samādhi ở đây ám chỉ cho padakajjhanasamadhitức các tầng thiền Chỉ Samatha mà hành giả đã chứng được trước khi tu Vipassana.

Bài kinh này đang nói cho người xưa thời Đức Phật, họ đắc thiền dễ như trở bàn tay. Có hai chuyện làm cho mình thấy đắc thiền khó: người học A-tỳ-đàm phân tích năm tầng thiền thấy rất là khó và ngày nay không còn gặp những vị minh sư thiện hữu dám chết cho đạo.

Người Phật tử cần đến ba hình ảnh: 1. Người để mình mến mà theo đạo. 2. Người đủ sức dạy cho mình học đạo, hiểu đạo. 3. Người đủ sức làm gương sống cho mình bắt chước để hành đạo.Bây giờ nghe nói giảng sư luận sư thiền sư ngán quá rồi, sư nào cũng chùa to Phật lớn, sư nào cũng đệ tử, sư nào cũng có tiền trong nhà băng, sư nào cũng đi nước ngoài như đi chợ, xài đồ sang, tài sản ngất trời, sư nào cũng giàu hơn đệ tử, đi đâu cũng có lọng che, quạt hầu, rước nhang đèn, bông hồng xé rải dưới chân. Nhiều Phật tử tưởng hay chớ tôi nhìn mà lạnh xương sống. Những người không biết đạo họ sẽ nghĩ mình ra sao, đi ra phi trường đón mấy vị thiền sư mà quỳ lạy tưởng hay, đó là mình đang phá đạo mà mình không biết. Chúng họ nhìn thấy mà ghét, mình nghĩ thử nếu thấy giáo dân lạy ông linh mục ngoài phi trường mình có sốc không, sốc chứ. Hoặc ông Hồi giáo quấn khăn rồi đệ tử quỳ hôn chân ngoài đường mình nhìn có khó chịu không, vì mình đâu có nể Hồi giáo, người ta cũng vậy thôi. Chính mình đẩy mấy ông thầy của mình vô thế khó coi, rồi lâu ngày mấy ông thầy thấy quen. Cuối cùng thì bây giờ thầy giàu hơn đệ tử mà đệ tử thì xả ly dữ dội hơn thầy. Đây là những cái làm cho mình thấy thiền khó, vì vậy Phật tử cần phải có vị thầy với ba hình ảnh trên. Thời Đức Phật thì có người có chứng đạo, có người dạy đạo, có người để người ta nhìn mà mến đạo, người đắc thiền như nấm sau mưa, bởi người gặp Đức Phật toàn là những người tu vô số A-tăng-kỳ, phước báu đầy đủ, người hướng dẫn toàn là vị đắc chứng, lỗi lạc, những vị này điểm đạo là chính xác 100%. Thời nay không có, không có thầy nào điểm đạo cho chính xác với căn cơ của mình.

Trí tuệ như thật có từ Định, Định có được từ thiền Chỉ mà hành giả chứng được trước khi tu thiền Quán. Một người có chứng thiền Chỉ rồi thì tu Tứ Niệm Xứ rất dễ dàng. Nếu đã có đắc thần thông, có niềm tin vào lý nhân quả, luân hồi, hoặc chí ít chỉ có Sơ thiền trở lên thì khả năng định tâm, chánh niệm của người này không chê vào đâu được.

Sukha - thiền lạc, ám chỉ cho sự an lạc có được từ nội tâm đã chứng thiền (appanāpubbabhagasukha). Thiền lạc có từ sự an tĩnh (passaddhi) vốn có từ thiền

định. Sự an tĩnh có từ phỉ lạc (pīti) ở đây là 'balavapīti' phỉ lạc mãnh liệt. Pīti lại có từ 'pamojja' phỉ lạc sơ sài (dubbalapīti). Pamojja- phỉ lạc sơ sài này có từ niềm tin (saddha) - niềm tin thì có từ nỗi khổ niềm đau (dukkha) khổ thân, khổ tâm nói chung.

Appanāpubbabhagasukha: sự an lạc của người đã chứng thiền kiên cố định trước đó.

Passaddhi: sự an ổn không bị chi phối bởi thân khổ tâm khổ, không bị chi phối bởi các cảm thọ xung động mãnh liệt ví dụ như đâu quá, lạnh quá, mát quá. Đừng hiểu lầm là xả, vì xả là cảm giác nằm giữa khổ và lạc, còn passaddhi nằm giữa tất cả các cực, không có sự xung động. Xả là sự vắng mặt của thọ khổ thọ lạc, còn passaddhi là sự vắng mặt của những xung động trong các thọ, nghĩa là passaddhi vẫn có thể có trong người đang vui, đang phỉ lạc.

Balavapīti: phỉ lạc mãnh liệt. Phỉ lạc có năm loại: Hải triều hỷ: Phỉ lạc như sóng đánh vỗ vào bờ. Khinh thân hỷ: Hành giả có cảm giác người nhẹ nhàng như bốc hơi. Tiểu đản hỷ: Niềm vui như tia chớp, xẹt rồi mất, xẹt rồi mất. Hành giả thấy mình như đang tan loãng trong vùng sương mát lạnh…

Dubbalapīti. Dubbala: yếu

Pamojja: Phỉ lạc sơ sài. HT Minh Châu dịch là 'hân hoan'. Nếu không có bản Pāḷi hay chú giải, chỉ bám theo bản tiếng Việt thì khổ lắm.

Vì sao niềm tin có từ khổ?

Vì có bị sốc người ta mới nghĩ tới con đường thoát, chớ bây giờ đang sung sướng hạnh phúc, đang đẹp lộng lẫy, tiền bạc tràn trề, con cái thành đạt... tới chùa làm gì. Chỉ khi nào bị sốc vì bịnh tật, gia đạo bất hạnh, làm ăn thất bại, con cái hư hỏng v.v... thì mới tu. Khi khổ mới chịu hồi đầu, hồi đầu mới thị ngạn. Phải cảm ơn nỗi khổ niềm đau đôi khi làm cho người ta tỉnh nếu không cứ mê hoài, và phải cảm ơn cả cái chết nữa, cái chết hay vô cùng. Cái chết là sự ổn định của thế giới, thành phần tào lao phải chết đi chớ sống hoài ai chịu nổi, và những người đàng hoàng hữu ích cũng phải chết đi để thế giới chuyển sang giai đoạn mới, nếu không thì thế giới này tẻ nhạt. Thế giới phải muôn màu muôn vẻ sống mới vui. Chính cái chết mới là sự công bằng, mới san phẳng được hành tinh này và cái vũ trụ này. Mọi người từ phàm thánh, vinh nhục, trí ngu, giàu nghèo đều phải có lúc nằm xuống để có cái mới và chính cái chết làm cho người ta tỉnh chớ không

người ta trầm luân hoài. Nhiều lúc tôi cũng mê cái này thích cái kia nhưng nghĩ tới tuổi đời tôi chết điếng. Tôi nhớ một chuyện cách đây mới có mấy ngày, tôi vui nhất là chiều thứ sáu, được nghỉ học hai ngày. Mới chiều thứ sáu tôi đang thấy sung sướng, vừa xong chiều thứ sáu thì hôm nay là sáng thứ ba rồi. Niềm vui chưa trọn, tôi mới vừa nhớ, vừa sung sướng thứ sáu, thì bữa nay đã sáng thứ ba. Tôi thức khuya, không biết mắc chứng gì mà không chịu ngủ, tôi gởi bài cho bà con lúc ba giờ mấy sáng, đêm nay ngủ có hơn bốn tiếng, ráng gồng, vậy mà vô lớp hỏi không ai chịu nhớ gì hết, làm sao mà chịu nổi. Bởi vậy, khổ là nhân sanh niềm tin. Nhưng khổ từ đâu ra?

Các khổ đều từ sự chào đời (jati) mà ra.

Sẵn đây cũng thưa với bà con chuyện tôi suy tư mấy ngày nay. Có hai cha con người VN chế tạo xe tăng cho Campuchia, mới đầu họ chỉ sửa những chiếc phế liệu, sau đó họ làm cái mới dựa trên nền tảng cũ, thích hợp với địa hình chiến trường của Campuchia. Câu chuyện đó với mọi người chỉ là mẩu tin thời sự, nhưng với tôi thì khác, tôi liếc vào hình những chiếc xe bọc thép, tôi nghiệm ra một chuyện vô cùng sung sướng hạnh phúc, một chuyện tôi đã biết từ lâu mà tôi không thấm. Đó là tại sao xe tăng đời mới bây giờ có khả năng chống đạn tốt?

Đó là vì ít nhất hai lý do: 1. Do chất liệu kim loại. 2. Do cấu trúc vỏ ngoài của nó luôn khiến đạn bắn vào bị trượt. Quí vị mở hình các xe thiết giáp mà coi, người ta tạo ra rất nhiều độ nghiêng trên vỏ xe, bắn đâu cũng trượt. Người tu cũng vậy, khi mình thấy mình không là gì thì những lời khen tiếng chê, nỗi khổ niềm đau đến với mình đều như vô hiệu, cái tôi càng to thì khả năng hứng đạn càng lớn. Mấy cái người đi ăn mày phải nói rằng họ phải tháo cái tôi của họ đến mức độ nào đó mới muối mặt ngồi chìa nón ra, chưa kể khách đang ngồi ăn mà họ cứ tới xin rồi bị đuổi. Tôi có đọc câu chuyện, có anh chàng mạnh khỏe trẻ măng đi ăn mày, có người thấy kỳ quá mới hỏi: Sao anh khỏe mạnh mà đi ăn mày, không biết nhục sao, mà xin tiền để làm gì, nếu đói thì xin đủ bữa ăn thôi chớ sao xin chi cho nhiều. Anh ta trả lời: tôi cũng thấy nhục lắm, nên dành phần lớn số tiền có được đi mua rượu uống. Ông kia nghe mới hỏi, không tiền đi ăn mày đã ghét rồi sao còn đi uống rượu?

Anh ta trả lời: phải uống rượu tôi mới đủ can đảm đi ăn mày. Mình cũng phải có chút say sưa của phiền não, có chút vô minh mình mới sống như phàm được, chớ còn như bậc thánh thì mình không sống như phàm được. Anh ăn mày nhờ rượu để biến mình thành xe bọc thép đạn bắn là trượt, mình người tu thì không dùng

hạ sách đó, mình biến mình thành xe bọc thép bằng cách thấy mình chẳng là gì hết. Một tờ giấy, cọng rơm, sợi tóc rớt từ trên cao xuống vẫn không sao hết vì chất liệu và trọng lượng của nó. Hãy tu tập như thế nào đó để biến mình thành sợi tóc, một tờ giấy, một cọng rơm hoặc là chiếc xe tăng đời mới, đạn bắn bao nhiêu cũng trượt. Phàm phu mỗi lần bị dính đạn mới nghĩ đến vấn đề tâm linh, khổ một chỗ, trong một ngàn người bị khổ mới có một người nghĩ đúng đường, còn lại là cứ lăng xăng, giải quyết bằng hạ sách, đó là vô minh. Người tu thấy khổ thay vì đi con đường ba hành cầu sinh tử thì dùng khổ đó để tu tập, từ khổ mới có niềm tin, tin Phật, tin pháp, tin bậc hiền trí ở đời, tin lời dạy của hiền thánh; tin rồi mới có hành trì, từ hành trì mới có phỉ lạc, có khinh an, có trí tuệ, có nhàm chán, có ly tham rồi từ đó mới có giải thoát. Nhưng trong muôn triệu ức tỷ người mới có một người như vậy, Phật thì lâu lắm mới có một vị ra đời, số người độ được thì nhiều lắm như một nắm cát trong sa mạc. Có vô số người đã sơ phát bồ đề tâm với niềm đại nguyện trở thành Chánh Đẳng Giác, nhưng dọc đường rơi rớt, cuối cùng thì chỉ còn lại một hai vị. Đây là lý do tại sao kinh nói Phật là hiếm.

Tất cả khổ từ sanh mà ra, sanh từ hai hữu, hai hữu có tứ thủ. Bốn thủ có từ sáu ái. Sáu ái có từ sáu thọ. Sáu thọ có từ sáu xúc. Sáu xúc có từ sáu nhập. Sáu nhập có từ danh sắc đầu đời. Danh sắc đầu đời có từ 32 tâm quả thiện ác. 32 quả này có từ ba hành. Ba hành có từ vô minh trong tứ đế. Vô minh có từ tứ lậu. Tứ lậu có từ sự bối rối lúc đau khổ. Đau khổ có từ sanh, sanh có từ hai hữu, hai hữu có từ bốn thủ…

Người không tu khi khổ quá chỉ biết chạy vào vô minh. Người có tu thì bắt đầu có niềm tin và hành Vipassanā. Hẹn ngày gặp lại bà con.

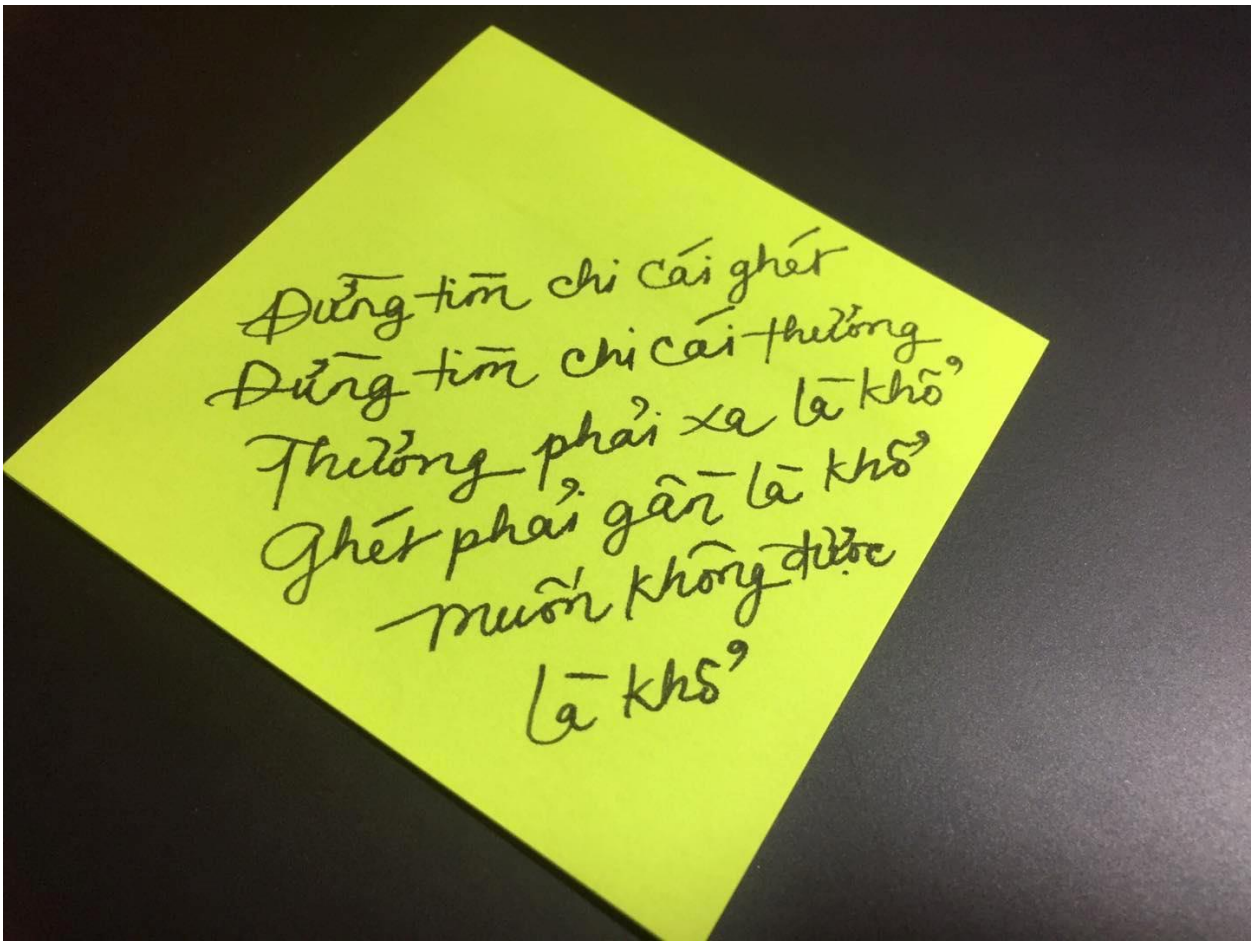
Đừng tìm chi cái ghét
Đừng tìm chi cái thương
Thương phải xa là khổ
Ghét phải gần là khổ
Muốn không được
là khổ

Bài giảng ngày 22-11-2014 NGOẠI ĐẠO

Hôm nay học bài kinh Ngoại Đạo. Nội dung kinh này và các kinh cuối cùng của phẩm có thể thu gọn như sau: Không thể nói khổ lạc ở đời do ai tạo, phải thấy rằng mọi sự là do các duyên, nói ngắn gọn có thể chỉ nói Xúc, từ đó là toàn bộ Duyên khởi. Xúc là sự cộng hưởng giữa 6 căn, 6 cảnh, 6 thức. Đây cũng chính là 18 giới, cũng là 12 xứ. Và dĩ nhiên cũng là danh sắc, ngũ uẩn, toàn bộ pháp hữu vi.

Một vị La Hán cũng có đủ 18 giới (dhatu), nhưng không còn phiền não, nên chỉ có khổ thân (do nghiệp quá khứ) mà không còn khổ tâm, chỉ có đời này không có kiếp sau.

Trong kinh Đức Phật dạy: Nếu có thân bệnh, thì cũng đừng bao giờ để có tâm bệnh.Thân bệnh là những vấn đề trên thân xác. Tâm bệnh là những vấn đề phiền não trên tâm lý như đam mê, bất mãn, thất vọng, ghen tức, sợ hãi, thù ghét.

Nhiều lần Ngài thăm bệnh ai đó, Ngài có lời khuyên: Nếu phải có thân bệnh thì cũng đừng để bao giờ có tâm bệnh. Ví dụ ung thư, mổ xẻ ruột thừa thì hãy để cho nỗi đau đó dừng lại trên tấm thân của mình, đừng để nó đi sâu, đi xa hơn nữa vào nội tâm. Tâm phải giữ thanh thản. Điểm này có thể nhiều người không tin, thật sự là có. Tôi có thể chứng minh. Một người có hàm dưỡng, có giáo dục, có khả năng kiềm chế, khi họ đau đớn hoặc nổi giận, họ có phản ứng khác với người thiếu hàm dưỡng, thiếu kiềm chế, thiếu văn hóa. Người trí thức lúc nổi giận, họ không thể nào có những phản ứng như anh chợ búa được, đó là nói theo ngoài đời, nói gì trong đạo. Một người có tu tập, có hàm dưỡng, có tiết chế, điều phục bản thân, khi gặp chuyện thì nhiều lắm vấn đề dừng lại ở thân của họ thôi. Có nhiều người đau quá họ chửi thề, nói tục, có người kêu Chúa kêu Trời, có người xuýt xoa thôi.

Toàn bộ những bài kinh còn lại đều nói về những khổ lạc ở đời đều không phải do ai tạo, không phải thượng đế chí tôn quyền năng nào đó, mỗi người là thượng đế của chính mình. Đức Thế Tôn xác nhận: Này các tỳ kheo, nếu có vị thượng đế nào tạo ra muôn loài thì ta nói vị đó rất là tàn nhẫn, đã tạo ra thế giới vui ít buồn nhiều. Dù là Chúa có dụng ý này, dụng ý kia, nhưng nếu có đấng thượng đế thì phải khác con người chứ. Cha mẹ có thể cho con roi vọt vì sợ con hư. Cha mẹ không phải là toàn năng nên phải nhờ cậy đến những biện pháp mà bản thân mình không muốn. Đánh con đau, mắng con làm cho nó buồn, tủi thân. Nhưng giả định có một đấng toàn năng thì cần chi phải dùng đến hạ sách này. Toàn năng

thì phải có khả năng làm cho thế giới tốt ngay từ đầu, cần gì phải tạo ra những sản phẩm lỗi. Và tạo ra để làm gì, không có vẫn tốt hơn. Stalin có câu: "Người chết hết chuyện", dùng trong những trường hợp cần thanh trừng đối thủ chính trị. Bao nhiêu rắc rối ở đời là do sự có mặt của con người. Vì có mặt nên mới có đói, có dốt, có bịnh hoạn, có chiến tranh; để giải quyết những vấn đề này người ta phải làm đủ thứ chuyện. Người chết hết chuyện! Ông Stalin này đáng được Lục tổ truyền y bát. Trong đám xã hội đen có câu tương tự: "Người chết không biết tiết lộ". Mọi sự rắc rối ở đời chỉ vì có con người. Không có vợ, không có chồng thì hạn chế biết bao nhiêu rắc rối. Lỡ dại lấy rồi mà không có con thì hạn chế biết bao nhiêu rắc rối. Lỡ có con rồi, có ít chứ không có nhiều thì cũng hạn chế bao nhiêu rắc rối. Gắn lên con mình bao nhiêu tâm tư kỳ vọng thì càng thêm nhiều rắc rối. Bớt con, bớt tham vọng sẽ bớt rắc rối. Bớt hôn nhân thì bớt rắc rối. Muốn bớt hôn nhân thì bớt yêu đương hò hẹn. Muốn bớt yêu đương hò hẹn thì phải bớt va chạm tiếp xúc. Và đây chính là nội dung bài kinh. Từ va chạm tiếp xúc nảy sinh ra vô số vấn đề. Hễ còn có sự va chạm tiếp xúc giữa 6 căn, 6 cảnh, 6 thức, thì sẽ sinh chuyện. Giáo lý Duyên khởi là một vòng tròn khép kín nên có thể bắt đầu ở mắt xích nào cũng được. Công thức nổi tiếng, phổ biến nhất là Vô Minh duyên Hành. Cách nói này đánh động cho người ta thấy cái ngu là gốc của mọi thứ ở đời. Nhưng có những trường hợp Đức Phật không bắt đầu từ vô minh, Ngài bắt đầu bằng những cái khác, chẳng hạn như những bài kinh quí vị đang thấy trước mắt và chúng tôi đang giảng ở đây, Ngài không bắt đầu bằng vô minh mà bắt đầu từ Xúc. Bao nhiêu rắc rối đi ra từ Xúc. Đừng bao giờ hiểu lý Duyên Khởi theo hệ thống chiều dọc cái trước sinh cái sau, mà phải cùng một lúc. Tuy nói vô minh duyên hành, hành duyên thức, nhưng trong thực tế, ngay khi mắt mình nhìn thấy cái gì đó, thì ngay lúc đó đã có lục nhập, mắt là nhãn xứ, lúc đó đã có nhãn nhập ở đó rồi. Nếu nhìn mà thích thì đã có ái, có ái ở đâu thì có thủ ở đó. Chớm thích, yếu, thì gọi là ái, mạnh hơn nặng nề sâu đậm thì gọi là thủ. Thủ là tên gọi khác của ái. Đối với phàm phu, tuyệt đại đa số, ái ở đâu thì tà kiến, ngã mạn ở đó. Học A-tỳ-đàm sẽ biết thủ vẫn tiếp tục là ái ở mức sâu đậm hơn. Trong thủ, chi pháp chia ra: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã chấp thủ; gom chung lại gồm tham và tà kiến.

Dục thủ là đam mê hưởng thụ năm dục.

Kiến thủ là đam mê chấp chặt trong cái nhìn, cái thấy, cái biết, cái nhận thức của mình về thế giới, cho rằng mình đúng và thích thú trong nhận thức của mình. Học đạo thì bà con phải có cái gan nhận thức ra chỗ này, phải thấy rằng mình thường xuyên tâm đắc thỏa mãn với cái thấy cái biết của mình. Học đạo rồi, biết mọi thứ

là vô ngã, biết mọi thứ là lắp ráp mà lại thấy hãnh diện tâm đắc vì mình biết cái này. Ngày xưa không biết gì thì chấp là đã đành rồi, bây giờ biết rồi, ôm kiến thức đó để thấy mình hay, thấy mình là sáu bảnh: "bao nhiêu người đi chùa có học được gì đâu, mình học được A-tỳ-đàm, mình thiền Vipassanā, mình là người hiểu được lý Duyên Khởi" v.v... Mình đam mê trên chính cái mà mình đã chối bỏ về mặt lý thuyết.

Giới cấm thủ: Hiểu sai cứu cánh và con đường hành trì, không biết gì về Niết bàn và Bát Chánh Đạo, nên chấp trì những giáo điều, tín điều nằm ngoài Bát Chánh Đạo, đó được gọi là giới cấm thủ. Không biết gì về Niết bàn nghĩa là thế nào?

Mình là phàm không thể hiểu Niết bàn như là bậc thánh nhưng ít ra phải hiểu như thế này: Sự vắng mặt tuyệt đối của Khổ đế và Tập đế mới là cứu cánh tối thượng, hiểu được vậy là có khái niệm đúng đắn về Niết bàn. Bát Chánh Đạo là con đường duy nhất dẫn đến sự chứng ngộ Niết bàn. Niết bàn không phải là một cảnh giới, một không gian trú ngụ, mà chỉ là một trạng thái.

Tôi không biết trong room này có những ai nên tôi giải thích rất là sơ cơ. Số người chấp nhận tinh thần Bát Chánh Đạo vốn không nhiều. Trong Pháp Cú có câu: Đông đúc thay là những người rong ruổi bên bờ sinh tử và ít oi thay những người qua được bên kia bờ giải thoát. "Đông đúc thay" nghĩa là tuyệt đại đa số chúng sinh thích hiện hữu do sức hút và sức đẩy của phiền não. Một ngày nào đó khổ quá, được nghe đạo giải thoát họ vẫn nghĩ đến kiểu giải thoát nào đó mà họ tiếp tục hiện hữu, tiếp tục tồn tại. Vấn đề nằm chỗ đó, khổ quá rồi thì tìm chỗ tu hành nhưng chạm được chỗ tu hành thì cũng muốn thoát khổ, cũng mong giải thoát nhưng phải giải thoát kiểu nào mình còn có mặt. Không phải người tu hướng đến chữ 'không', hướng đến khái niệm hư vô một cách tiêu cực, nhưng có một sự thật mà mình phải nhìn nhận đó là dầu hiện hữu ở hình thức nào cũng phải chịu sự vô thường, vì vạn hữu ở đời không thể nào đứng yên mà tồn tại, nó phải xê dịch, phải thay đổi, phải đi về phía trước, dầu là đi về cõi chết để tồn tại. Chính vì không hiểu chỗ này nên người ta mắc vào giới cấm thủ, chấp trì hành trì những đường hướng tu tập sai lầm.

Ngã chấp thủ: làm gì, ở đâu, lúc nào, với ai, luôn nghĩ cái TÔI là trên hết, là trước hết, đó là ngã chấp thủ.

Đức Phật dạy: Giống như một con chó cột trong góc nhà dù có cắn, sủa, cào cấu, vui mừng ngoắt đuôi thì vẫn quẩn quanh chỗ bị cột. Cũng vậy, với kẻ phàm phu còn ngã chấp, còn coi nặng tôi và của tôi thì dù có lăng xăng, vùng vẫy, vẫn quẩn

quanh ngã chấp thủ. Mức độ an lạc của mỗi người hoàn toàn tùy thuộc vào khả năng buông bỏ ngã chấp của bản thân. Cái tôi càng lớn thì nguy cơ hứng đạn càng lớn.

Tôi nhìn mấy người homeless ngồi ở ngã tư đường ở Jacksonville, Florida, họ để miếng bìa có ghi: no job, no home, hungry… Họ không xin cách khều móc kiểu VN. Khách qua đường cho tiền họ. Cách xin ở Mỹ không thích bằng ở châu Âu, ở Đức họ cầm cây guitar hay violin, họ để cái nón, kế bên có con chó, một ba lô hành lý, họ lựa chỗ ngồi rất hợp lý, không phiền ai, không cản trở người đi đường. Họ chơi đàn, có người chơi hay lắm, mình không hiểu gì mà cũng mê, họ mở thùng đàn đó mình liệng tiền vô. Tôi muốn nói là họ phải gồng làm sao để hết quê, phải coi giá trị của họ tương đương với đồng xu của người ta liệng xuống, VN gọi là muối mặt.

Giá trị của một người tương đương với cái gì anh ta thích và cái gì khiến anh ta thiếu bình tĩnh. Câu này rất là hay. Anh chàng ăn mày phải hạ mình, coi nhẹ mình đến mức sẵn sàng vì những đồng tiền lẻ của người ta mà cúi mặt xuống sống giữa đời. Không phải dễ đâu! Thà mình đi chùi cầu, lau kiếng, bưng bê trong nhà hàng, chớ tay chân lành lặn đi đứng ngon lành mà chìa cái nón ra thì kỳ lắm. Phải đạt tới cảnh giới vô quái ngại, vô sở chấp, vô sở trụ mới có thể chìa cái nón ra lấy toàn bạc cắc như vậy. Họ phải thu hẹp đến mức mà bao nhiêu cái nhìn, bao nhiêu câu nói châm chọc phải trượt khỏi con người của họ thì mới được. Một cô Phật tử nói khi sử dụng màu son màu áo không vừa ý thì ra đường không yên tâm, đi hai tiếng thì khó chịu hai tiếng, người bồn chồn ray rứt, lấy nhầm mắt kiếng không vừa ý, kiểu giày không vừa ý thì ra đường không thanh thản, khó chịu như xài đồ ăn cắp vậy, bởi họ coi họ quá quan trọng.

Nội dung của bài kinh này là khổ không do ai tạo, "không phải tại anh, không phải tại em, cũng không phải do trời xui khiến" mà do phiền não của mình gây ra. Phiền não của mình ở đây có chỗ nào để làm việc?

Chỉ một chỗ duy nhất là Xúc! Vị A-la-hán cũng nghe cũng nhìn nhưng Ngài không phiền não. Không còn thích, không còn ghét nên bao nhiêu ngọt đắng đều trượt, không đọng lại vướng lại nơi Ngài. Còn chúng ta thì mỗi lần ra quân thì bên địch chết ba bên ta chết ráo, mỗi lần xài tới nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý mỗi lần thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng và suy tư là dính phiền não vì cấu trúc tâm lý của mình rất dễ bị dính đạn, không tạo ra đủ độ trượt trước sự tấn công của phiền não. Tôi nói ra xấu hổ, trong lớp học của tôi có một cô bé dễ thương lắm, tôi chưa bao

giờ nói chuyện riêng với cổ, nhưng cổ xài một loại nước hoa bao nhiêu lâu mà mình thuộc lòng, đi ra phố đang đứng nghe mùi nước hoa đó lại sực nhớ đến cổ. Đối với một vị A-la-hán thì mùi chỉ là mùi, chánh niệm tỉnh giác thì làm gì nghe mùi, nếu có nghe thì mùi chỉ là mùi, còn mình thì đi quá sức xa rồi. Đứng mà không biết đang đứng, nghe mùi cũng không biết mình đang ngửi mùi mà lại gởi hồn về một phương trời xa xôi nào đó nhớ tới một người mặt mũi tiếng nói ra làm sao.

Chữ Xúc ở đây rất hay, bản thân Xúc là một sự cộng hưởng, cộng ghép, lắp ráp. Xúc là gặp nhau giữa căn cảnh thức, có 6 căn, 6 trần cộng lại mới ra 6 thức. Thiếu một trong ba là không được. "Suốt mùa thu" cuộc đời mình sống bằng 6 căn, nói gọn là 6 căn nhưng thật ra là căn, cảnh, thức. Nói tu hành là hành trì Bát Chánh Đạo. Hành trình giải thoát là Bát Chánh Đạo, là Tứ Niệm Xứ, là Tam học (giới, định, tuệ), là thiền Chỉ thiền Quán, nhưng nếu nói hành trình giải thoát là giải quyết vấn đề Xúc, giải quyết vấn đề Thọ cũng không sai. Trước đây mình luôn đi tìm cái này cái kia theo ý mình thích và trốn chạy những cái mình ghét mình sợ, nhưng bây giờ mình tu Thọ nghĩa là mình không đi tìm cũng không trốn chạy. Tu Thọ là không để chạy theo sở thích. Không trốn chạy không phải là gặp nạn rồi đứng yên đó không chịu lánh, mà là không khó chịu, bất mãn. Vị La-Hán không theo đuổi hay trốn chạy cái gì, ngài chỉ làm việc cần làm, làm điều ngài thấy cần, không phải do muốn. Phàm phu thì khác, chỉ làm điều mình thích, còn có nhiều chuyện cần phải làm nhưng nhiều khi làm lơ nữa. Ví dụ, lẽ ra tới giờ đó mình phải thức dậy một chút, ngồi một chút, theo dõi hít thở một chút, nhưng không, vẫn tiếp tục trùm mền nướng. Có nhiều khi lẽ ra lúc đó nên im lặng, hoặc nói nhẹ nhàng, mình lại nói cho thật phũ phàng. Toàn là sống theo ý mình muốn chớ không phải theo những gì cần. Tu Thọ là không để mình chạy theo sở thích mà chỉ chạy theo nhu cầu công việc. Vì vậy Đức Phật dạy có 3 hạng người:

1. Lấy mình làm trọng: nghĩa là để ý xem cái gì mình thích, cái gì mình thích rồi căn cứ vào thích ghét buồn vui đó mà hành động.

2. Lấy đời làm trọng: cứ sống theo dư luận, mình thích hay không thích không quan trọng, phải ráng làm, vì sợ không làm thì đời chê bai. Có nhiều chuyện cắn răng ứa nước mắt phải làm. Chẳng hạn như các kiểu chỉ phúc giao hôn, các cuộc hôn nhân sai nồi lộn nắp, bị bạo hành cũng không dám ly hôn, sợ dư luận, sợ mang tiếng.

3. Lấy pháp làm trọng: cái gì đúng với chánh pháp thì làm. Đúng chánh pháp nghĩa là không hại mình, không hại người, không làm khổ mình, không làm khổ người; chỉ có lợi lạc cho mình, cho người.

Cùng một lúc tôi gom chung các bài kinh lại giảng. Ở đây có một câu mà không giảng bà con đọc sẽ không hiểu, trong bản Pāḷi thì sáng trưng: "Này Ānanda, trong sáu pháp này, đều bị vô minh chi phối. Này Ānanda, với ly tham, đoạn diệt hoàn toàn vô minh, thân ấy không có; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ. Khẩu ấy không có; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ. Ý ấy không có; do duyên ấy, nội thân khởi lên lạc khổ…": Với một người còn có phiền não thì nội thân (thân tâm) của mình có khổ.

Tiếng Việt như vậy quí vị chỉ có kêu trời mà thôi, hôm qua tôi tình cờ đọc thấy một đoạn, bà con vào Tăng Chi Bộ phần bốn chi: "Bốn chỗ đi đến cần tránh: sinh thú do tham, sinh thú do sân, do si, do sợ", đoạn này mà Phật tử không nghe hướng dẫn thì chỉ kêu trời mà thôi.

'Gati': chỗ đến (destination). 'Agati': thiên vị, (có chỗ tiếng Anh dịch là corruption induced by..... bị tác động bởi…) 'Chandāgati': thiên vị do thương thích, do ghét giận, do u mê, do sợ hãi.

Đức Phật dạy, có 4 Pháp thiên vị phải tránh. Đó là không thể hành động do mình sợ, thích, ghét. Lẽ ra mình không làm nhưng vì sợ quá nên phải làm, vậy là không tốt, phải lấy pháp làm trọng. Khổ nỗi trong bản tiếng Việt dịch là "Bốn chỗ đi đến cần tránh: sinh thú do tham, sinh thú do sân, do si, do sợ", đây là do hiểu lầm của dịch giả.

Dịch giả hiểu nhầm 'chandāgati' là chandā + gati (chỗ đến).

Thật ra 'chandāgati' là 'chandā' + 'agati' (thiên vị)

Không hiểu lý do vì sao lại dịch ẩu vậy, tôi nghĩ là những chỗ này do đệ tử của ngài Minh Châu đánh máy và dịch luôn ở những đoạn trùng. Bà con muốn kiểm chứng có thể vào internet gõ chữ "Chandagati, corruption induced by" để xem thêm.

Dầu cho một vị A-la-hán cũng thấy, nghe, ngửi, nếm, đụngnhư mình nhưng không bị những vấn đề như mình vì ngay trong cái Xúc của vị A-la-hán có hai điều khác mình: (1) Nhãn xúc, nhĩ xúc của vị A-la-hán không phải do ngài đi tìm. (2) Đằng sau Xúc này vị A-la-hán không phiền não.

Đi tìm là như thế nào?

Bối cảnh ánh sáng âm thanh ở nhà mình không giống như bar, vũ trường, thế là mình đi vào vũ trường để nghe, để uống, đó là mình đi tìm Xúc, đi tìm Thọ, đi tìm Ái, đi tìm Thủ, tìm tái sinh, tìm sanh già bệnh chết. Ngày chủ nhật buồn quá mình đi câu cá, nếu nói là mình đang đi tìm cái vô minh cũng không sai. Bên Mỹ có những khu rừng cho phép mình đi săn bắn, nếu một người không biết Phật pháp gì hết, nếu không có chuyện báo ứng luân hồi, thì sống ở Mỹ rất sướng. Có những vùng cho phép câu cá, có vùng không cho phép câu cá, và chỉ được bắt cá có trọng lượng theo quy định. Săn bắn cũng vậy, có những vùng được phép săn bắn một năm mấy tháng. Đi tìm chỗ để câu cá, săn bắn, khiêu vũ, nghe nhạc, uống rượu, đánh bài v.v... gọi là đi tìm Xúc (nhãn xúc, nhĩ xúc), đi tìm Thọ (feeling), hoặc đi tìm Thủ (grasping), tìm chỗ để đầu tư tái sinh, tìm chỗ để đầu tư vô minh, tìm chỗ đầu tư ba Hành, đầu tư danh sắc. Đây chính là điểm cốt lõi của 6 bài kinh. Vị A-la-hán là con tàu đã mục, được kéo lên bờ chờ ngày trở về đất, còn mình là những hàng không mẫu hạm, những chiếc cruise khổng lồ mới vừa được maintenance, xuất xưởng. Mình luôn luôn duy tu bảo trì, đóng mới con tàu của mình bằng 6 xúc, 6 thọ, 6 ái, 4 thủ, và 2 hữu. Đây là tinh yếu của các bài kinh này: Ngoại Đạo, Bhumija, Upavana, Duyên, Tỳ Kheo, Sa-môn, Bà-la-môn, tất cả đều có nội dung cần hiểu như những gì vừa được trình bày.

Vạn hữu không do nhân tạo, thiên tạo mà là duyên tạo. Mưu sự tại nhân, thành sự tại duyên, không phải tại thiên. Tùy thuộc vào Ba-la-mật mà mọi người tin Phật ở mức độ nào, kiểu nào và từ đó có hành trì hay không, hành trì kiểu nào, mức độ nào, luôn tự nhìn mình ra sao để tự đoán Ba-la-mật bản thân. Ba-la-mật là duyên giải thoát của mình. Mỗi lần kiềm chế không được thì tự hỏi mình "Ba-la-mật của mình yếu vậy hay sao?

". Tất cả những gì mình thích đều do ba nhân (tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống hiện tại), không có gì độc đáo hay ho như ta vẫn nghĩ. Sự có mặt ở đời này nói cho rốt ráo đó là sự vô nghĩa. Đêm hôm qua tôi ngồi ở ban công nhìn lên trời đêm lạnh lắm, tôi nghiệm ra một điều, tôi vừa đọc xong một bài báo người ta nói VN là một trong những xứ hạnh phúc nhất thế giới. Tôi nghĩ, nếu ai hỏi mô hình xã hội hạnh phúc nhất của nhân loại thì trong cái biết của tôi tạm thời cõi Trời hay Bắc Cưu Lưu Châu thì tôi không biết nhưng tôi cho rằng ba miền: Bắc Mỹ, Tây Âu, Bắc Âu là vùng đất có điều kiện phát triển sở trường và nhận được những phần thưởng xứng đáng. Nhưng rồi thì sao, giả định như từng người trên hành tinh này đều xuất thân từ đại học danh giá, có máy bay đi, có du thuyền,

có resort riêng, hoặc có khả năng đi đến bất cứ nơi nào họ muốn hưởng thụ, y tế giáo dục đều tuyệt hảo, rồi thì sao?

Sống hết tuổi thọ rồi đến ngày nào đó phải vô nhà già thôi. Quí vị vô nhà già thử một lần đi, giàu nghèo, giỏi dốt, sang hèn vào đó giống như nhau. Có những bà cụ già rồi vẫn đeo vàng đeo kim cương trên tay, tiền không thiếu nhưng giờ thì chỉ ngồi gà gật, mắt kèm nhèm, nước miếng chảy. Quí vị cứ thử nghĩ mình tốt nghiệp đại học Sorbonne, Offord, Yale rồi sống 95 tuổi trong đó. Khoa học giờ đây vẫn còn hoàn toàn mù mờ về tinh thần, cho dù họ can thiệp cho mình sống 300 tuổi nhưng chỉ là phần xác, còn phần hồn, phần tâm linh là không thể, lẫn rồi là cứ lẫn. Ronald Reagan một thời là movie star, rồi lên đến thượng nghị sĩ, rồi là tổng thống, một cuộc đời xem như là đỉnh cao của sự thành công, cuối cùng thì bị Alzheimer, tất cả bỏ hết, chưa nói đến cái chết. Mọi hiện hữu là khổ vì nó cứ lặp đi lặp lại. Mô hình xã hội tuyệt hảo như Tây Âu, Bắc Âu, Bắc Mỹ cho mình một thời tuổi trẻ rất tuyệt vời nhưng không có gì thể thảm bằng chuyện về già. Sáng nay tôi được tin bà công tước người Tây ban Nha qua đời để lại năm tỷ đô la. Bà có nhiều tước hiệu quý tộc nhất trên hành tinh này, từng chơi chung với nữ hoàng Anh Elizabeth II. Quan trọng nhất của phụ nữ là nhan sắc, tình yêu gia đình vậy mà cuối đời tám mấy tuổi còn tái hôn, lấy một ông sáu mấy tuổi. Tôi thấy có nhiều người tám mươi vẫn còn xuân sắc, còn bà này cằn cỗi xấu không còn chỗ sửa nữa. Tôi muốn nói, tuổi già tàn nhẫn lắm, bôi xóa tất cả những thứ gì trong đời mà người ta trân quý nhất, ao ước nhất. Lão, bệnh, tử chỉ là mặt nổi của cái khổ. Cái cốt lõi chính là sự vô nghĩa, vô vị của đời sống. PG nói đến ba khổ: 1.Khổ khổ là sự có mặt của những gì khiến ta khó chịu. 2.Hoại khổ là sự vắng mặt của những gì khiến ta hạnh phúc. 3.Hành khổ là sự có mặt bằng cách lệ thuộc các duyên. Người bình thường chỉ sợ Khổ khổ. Bồ tát Tất Đạt không bị gì hết, 29 tuổi, được thừa hưởng nền giáo dục cực tốt, sức khỏe cực tốt, bối cảnh gia đình cực tốt, điều kiện sống cực tốt, nhưng chỉ nhìn thấy một xác người, một cụ già, Ngài nghĩ rằng sau này mình sẽ như vậy, và Ngài còn nghĩ đến một chuyện khác, đó là, sống cho đã rồi cuối cùng cũng như vậy hay sao, hoàng đế hay ăn mày cuối cùng cũng là cái xác lạnh hay sao. Ngài nghĩ đến sự vô vị của đời sống, chính vì ý thức này, khi ngài đắc tầng thiền Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, Ngài nhớ lại cảm giác đó, Ngài nghĩ, về trên kia ở rồi cuối cùng cũng xuống. Khổ khổ là cái những chúng sinh thấp nhất thấy được; hoại khổ thì những chúng sinh cao hơn một chút thấy được, hồi nào có, mà giờ mất. Dầu khổ hay vui thì mọi sự có mặt ở đời phải do các yếu tố, điều kiện mà có, muốn ngồi một uống ly nước cam, cũng không phải là đơn giản, cần có vô số điều kiện mới có thể uống được một ly nước cam.

Nội dung loạt kinh sáng nay: Các khổ không ai tạo mà là do duyên tạo. Vị La-Hán có thể vẫn còn 6 xúc, nhưng chúng không có khả năng tạo khổ tạo vui, nói gọi là tạo duyên tái sinh. Chỉ khổ thân, không khổ tâm. Xin hẹn bà con ngày thứ Ba.

Bài giảng ngày 27-11-2014 SANH (Bhūtasutta)

Sáng nay chúng ta học bài kinh có tựa là Bhūtasutta. HT Minh Châu chỉ dịch một chữ "Sanh", ngài dịch theo Hán tạng. Chữ Bhūta này nghĩa rất là sâu, như ở đây ai học tiếng Pháp thì biết động từ 'etre' 'avoir', tiếng Anh thì có 'to be', tiếng Đức thì có 'sein', tiếng Hy Lạp thì có 'ton'. Toàn bộ những gì có mặt trên hành tinh này, trên vũ trụ này, trong và ngoài trái đất này, nếu nói một cách rốt ráo thì nó chỉ là cái gì đó kết tinh lại từ vô số nhân duyên. Dầu cho mình gọi đó là cái ly, cái hoa, con chim, con bướm, con người, một vị thủ tướng, một ăn mày… tất cả chỉ là thành tựu, kết tinh từ vô số nhân duyên. Mọi thứ chỉ là vậy, không hơn. Do tập khí sinh tử, cộng với bối cảnh môi trường sống mà chúng ta có nhận thức khác nhau về sự có mặt của vạn vật. Ví dụ mình lớn lên trong môi trường Cơ Đốc Giáo hay Hồi Giáo thì mình thấy mình là sản phẩm được tạo ra từ đấng chí tôn nào đó, còn nếu lớn lên trong môi trường Mác Lê thì thấy mọi thứ chỉ là kết quả của những vận động vật chất. Nếu là Phật tử thì Phật tử có học và Phật tử không học cái nhìn cũng khác nhau. Phật tử không có học giáo lý tử tế thì nhận thức về vạn hữu sẽ giống như Ấn Giáo, tức hậu thân của Bà-la-môn giáo ngày xưa, cũng thấy mọi thứ vô thường, cũng tin lý nghiệp báo, cũng tin trong đời có thánh nhân, nhưng tôi là người tạo nghiệp, tôi là người tu hành, tôi là người giải thoát, tôi hơn ông kia, tôi kém bà nọ.Và chư Phật có quyền năng vô hạn, muốn làm gì cũng được, hoặc chư Phật là những đấng cao siêu toàn trí toàn năng. Lẽ ra phải thấy chư Phật cũng là những kết tinh từ các yếu tố Tam tướng. Buddhas are made of non-buddha conditions. Đây là câu rất quan trọng, chư Phật có mặt ở đời bằng những yếu tố non-buddha. Mình gọi đó là chiếc xe, thật ra nó được ráp bởi những thứ không mắc mớ gì chiếc xe hết. Một kiếng chiếu hậu, đèn, từng khúc dây điện, từng phần trong đó không có cái nào là chiếc xe hết. Đến cả chư Phật cũng được tạo nên bằng những thành tố phi Phật. Vấn đề nằm ở chỗ đó. Và chỉ có cái khổ, không có ai chịu khổ; chỉ có sự hành trì, không có ai hành trì, chỉ có sự viên tịch vắng mặt các hành, không có ai viên tịch; chỉ có con đường không có người đi trên đó. "dukkhameva hi na koci dukkhito; atthi nibbuti na nibbuto; maggamatti gamako na vijjati". Bởi vì ngay cả chuyện mình là hành giả tu tập Tứ Niệm Xứ, bản thân sự tu tập đó cũng chỉ là con đường chớ không có người nào tu tập. Ví dụ nói hành giả Lê Văn Tèo tu tập thì hành giả đó lúc tu tập là tu tâm. Tâm của họ là tâm đại thiện hợp trí, trong đó gồm tín, tấn, niệm, định, tuệ. Cảnh sở tri là cảnh danh sắc được ghi nhận bởi tín, tấn, niệm, định, tuệ và tín, tấn, niệm, định, tuệ biết được cảnh danh sắc. Sự kết hợp này lâu ngày cộng với túc duyên Ba-la-mật quá khứ, tâm thiện đó, biết cảnh đó, cộng với Ba-la-mật quá khứ dẫn đến thánh

trí. Đây là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa căn, cảnh, cộng với túc duyên quá khứ dẫn đến thánh trí.

Duyên sự bài kinh, một lần đó trước mặt đại chúng, Đức Thế Tôn nhắc lại bài pháp cũ, bài pháp đó chính là bài kinh: Parayanasutta trong Kinh Tập (Suttanipata). Ở đây có một chuyện mình bắt buộc phải lưu ý, đó là ngay từ thời Đức Phật, giữa Thế Tôn và các đệ tử không xài giấy mực với nhau như mình bây giờ. Nhưng điều đặc biệt giữa thầy và trò đó là Đức Thế Tôn hoàn toàn có thể thoải mái tự tại nhắc lại một thời pháp nào đó như trong tay các đệ tử có sẵn cuốn sách.

Vua Pasenadi đến hỏi đạo một bà hoàng hậu và bà hoàng hậu này trả lời cho vua câu hỏi về Niết bàn. Vua đem câu trả lời đó thưa lại với Thế Tôn, lúc đó vua nói: Bạch Thế Tôn, thật là vi diệu thay, thật là hi hữu thay giữa bậc đạo sư có thể hoàn toàn tương ưng với nhau về văn về nghĩa. Nghĩa là về ý tưởng và cách nói chuyện y chang không sai một ly nào hết, đây là điều chúng ta không thể thấy ở tôn giáo khác, hội chúng khác. Khổ thay Phật tử mình có truyền thống rất ưu việt xuất sắc đó là trong Pháp bảo đàn kinh Lục tổ nói "bất lập văn tự", tu mà không chạm tới chữ nghĩa, không đụng tới kinh sách, mấy sư nói gì thì nghe cái đó chớ không thèm đụng tới chữ nghĩa. Nếu mình thường xuyên tụng đọc kinh điển sẽ thấy chỗ đó rất độc đáo. Đức Thế Tôn có thể thanh thản, tự tại, thoải mái nhắc lại bất cứ một bài giảng nào như là các đệ tử phải nhớ và đều đã nhớ. Ở đây Đức Thế Tôn nhắc lại: Này Xá Lợi Phất, trong bài kinh Parāyana có câu kệ như thế này:

"Ye ca saṅkhātadhammāse, ye ca sekkhā puthū idha;

Tesaṃ me nipako iriyaṃ, puṭṭho pabrūhi mārisā''ti.

Trong câu kệ này có chữ Trong câu kệ này có chữ sankhatadhamma nghĩa là 'pháp hành', 'hữu vi'.

Thế Tôn hỏi ngài Xá Lợi Phất ý nghĩa của chữ này. Theo chú giải, lúc đó ngài Xá Lợi Phất không phải là không biết mà vì ngài biết quá nhiều nên phân vân không biết Thế Tôn muốn mình giải thích chữ 'sankhatadhamma'theo cách nào. Ngài có thể giải thích theo Duyên Khởi, theo Uẩn, theo Xứ, theo Giới, theo Đế, giải thích theo kiểu Tục đế, theo Chân đế… kiểu nào cũng nói được.

Evaṃ kirassa ahosi – ‘‘satthā maṃ sekkhāsekkhānaṃ āgamanīyapaṭipadaṃ kathāpetukāmo; tương truyền lúc đó ngài Xá Lợi Phất suy nghĩ như sau – Thế Tôn muốn mình nói về con đường thánh nhân của các bậc vô học và Hữu học.

sā ca khandhavasena dhātuvasena āyatanavasena paccayākāravasenāti bahūhi kāraṇehi sakkā kathetuṃ. Ta hoàn toàn có thể trả lời Thế Tôn câu hỏi đó trên các khía cạnh 5 uẩn, 18 giới, 12 xứ, hệ thống Duyên khởi

Kathaṃ kathento nu kho satthu ajjhāsayaṃ gahetvā kathetuṃ sakkhissāmī’’ti?

Nhưng mà bây giờ ta chọn cái gì đây?

Bà con không đọc chú giải thì sẽ hiểu lầm chỗ này ngài bị kẹt. Giống như Đức Phật gọi đem ra đây bộ bình trà, ngài không biết đem bộ gốm sứ Giang Tây, Cảnh Đức hay bộ của Pháp của Anh, của gốm sứ Nhật v.v... Khi ngài đang phân vân như vậy, Đức Thế Tôn mới gợi ý.

Atha satthā cintesi – ‘‘ṭhapetvā maṃ aññho pattaṃ ādāya caranto sāvako nāma paññāya sāriputtasamo natthi. Lúc bấy giờ bậc đạo sư suy nghĩ – ngoại trừ ta ra thì không có ai trong ta bà vũ trụ này có trí tuệ giống như Xá Lợi Phất.

Ayampi mayā pañhaṃ puṭṭho yāva tatiyaṃ tuṇhī eva. Vậy mà ta hỏi đến ba lần mà Xá Lợi Phất vẫn im lặng

Pañhe nu kho kaṅkhati, udāhu ajjhāsaye’’ti. Ngài suy nghĩ thêm, Xá Lợi Phất im lặng vì bản thân không hiểu hay quá nhiều cách hiểu.

Atha ‘‘ajjhāsaye’’ti ñatvā pañhakathanatthāya nayaṃ dadamāno bhūtamidanti, sāriputta, passasīti āha. Biết đây rõ ràng là do Xá Lợi Phất quá giỏi, quá nhiều cách hiểu nên Ngài mới gợi ý cho ngài Xá Lợi Phất, Ngài gợi ý bằng cách dùng chữ ‘bhūta’.

Khi Ngài hỏi ‘sankhatadhamma’ ở đây là gì, ngài Xá Lợi Phất khi nghe được chữ bhūta thì lập tức trả lời bằng lý Duyên Khởi trong năm uẩn.

Chỗ này đọc bản tiếng Việt kỳ lắm: “6) -- Cái này được sinh thành. Bạch Thế Tôn, vị ấy với chánh trí tuệ thấy như chơn cái này được sinh thành. Sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ, lại thực hành sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt đối với cái được sinh thành, vị ấy thấy với chánh trí tuệ, sự tục sanh do một loại đồ ăn. Sau khi thấy như chơn với chánh trí tuệ sự tục sanh do một loại đồ ăn, vị ấy lại thực

hành sự yếm ly, ly tham, đoạn diệt sự tục sanh do một loại đồ ăn.", nhưng nếu mình diễn dịch lại theo chú giải thì sáng trưng như thế này:

Vị thánh đệ tử nhìn thấy mọi sự có mặt đều do nhân duyên, chánh kinh gọi là 'đồ ăn', do thấy mọi sự đều lệ thuộc nhân duyên mà có nên vị ấy nhàm chán, coi nhẹ. 'Đồ ăn' ở đây phải được hiểu là nhân tố dẫn đến sự có mặt. Không gì ở đời này lại ngẫu nhiên mà có hoặc nhờ vào một điều kiện nào đó mà có, tất cả đều do vô số nhân duyên mà có mặt. Năm uẩn đời này là Duyên khởi cho năm uẩn đời sau. Bữa ăn bây giờ, nếu bằng phiền não sẽ là điều kiện cho những bữa ăn sau này trên dòng sinh tử. Sự sống chết hôm nay sẽ là nhân duyên cho sự sinh tử sau này trên dòng luân hồi. Buồn vui hôm nay sẽ là nhân tố cho buồn vui sau này. Sự có mặt hôm nay sẽ là nhân tố cho sự có mặt sau này.

Bây giờ mình đi cày như con trâu để có tiền mua đồ ăn, nhưng bị bệnh không thuốc, đói không đồ ăn, lạnh lẽo không chăn mền thì chỉ có chết, chính vì sự sợ chết hôm nay mà mình mới đi làm các nghiệp, mua sắm, đầu tư, chắc chắn có dối trá, tham đắm, phiền não, sân hận, để có đồng tiền để sống, sống để đi làm việc, làm việc để có điều kiện mà sống, cứ như vậy.

Sự có mặt của mình, tiếng Pāḷi là "bhūta" (to be). Trong văn học Anh có câu nổi tiếng "to be, or not to be, that is question" (Có hay không, đó chính là vấn đề; sống hay chết, đó là vấn đề, phải hay không phải, đó là vấn đề).

Câu nói của ông Stalin: người chết hết chuyện. Câu này hiểu sao cũng được, hiểu theo nghĩa tầm bậy: người chết thì mọi sự mới yên; hiểu theo Phật pháp thì "còn có mặt thì còn có chuyện, còn sinh sự thì sự sẽ sinh".

Những lần nào tôi xem phim mà kết cục có hậu, sau khi trắc trở chia cách thì vợ chồng, người thân, người yêu về lại với nhau, khi phim xuất hiện chữ The End (Kịch chung) lập tức theo thói quen nghề nghiệp trong đầu tôi hiện lên câu "chưa đâu". Chàng với nàng, đôi bạn thân, người thân với người thân sau bao ly tán gặp nhau tay trong tay hết phim, nhưng chưa đâu, cứ ở chung đi rồi biết, sẽ nảy ra vấn đề. Một cặp tình nhân, chỉ cần xuất hiện vấn đề thì sẽ có kẻ thứ ba, hoặc những vấn đề bất đồng, sẽ càng lúc càng lớn. Người thân lâu lắm gặp nhau thì mừng chớ thưa thật với bà con tôi không tài nào hình dung được ở tuổi bốn mấy này tôi trở về sống bên cạnh người thân máu mủ của tôi. Thà ở xa để nhớ ở còn hơn ở gần có vấn đề. Mỹ có câu: xa tốn xăng, gần tốn hơi.Tôi nhìn những gia đình, buổi họp mặt tay bắt mặt mừng tôi ngại lắm, không biết kéo dài bao lâu, vì tôi biết chắc chắn sẽ nảy sinh vấn đề. Ở đây tôi có người quen, họ hộ trì cho mình, nhưng mỗi

lần họ báo họ sắp qua, tôi sợ lắm. Họ xách cho mình một bao gạo, họ dọn chỗ nhà bếp của mình cứ than phiền tại sao cái này thế này, sao cái kia như thế kia, chỉ một bao gạo mà họ làm má của mình suốt mấy tiếng đồng hồ. Trong kinh có nói một hình ảnh rất là hay, một lần Bồ tát nhìn thấy người đeo hai chiếc vòng trên tay kêu leng keng, ngài thấy ở một mình không ồn, ở chung là phải khua. Nghĩ vậy mà ngài bỏ đi tu. Các nhân duyên hội đủ thì lập tức sẽ tạo ra cái gì đó, tốt xấu chưa biết, dĩ nhiên xấu nhiều hơn tốt và không cái tốt nào là vĩnh cửu. Hiểu được điều này, vị thánh đệ tử nhàm chán mọi sự có mặt, tiếng Pāḷi gọi là Bhūta. Nội dung kinh chỉ có vậy. HT Nhất Hạnh có nghĩ ra từ 'being' và đề nghị chữ 'inter-being' từ chữ Bhūta. Nghĩa là mọi sự là 'being' và phải 'inter-being', kết nối và lệ thuộc lẫn nhau. Mọi sự do duyên mà có và luôn trong tình trạng trở thành cái khác. Một cái hoa đẹp mua về cắm trong bình ngắm thì rất đẹp nhưng bằng cái nhìn rốt ráo và sâu sắc của hành giả thì chúng ta sẽ phải thấy rằng cái hoa này đang trong tình trạng trở thành cái khác, nghĩa là đang héo dần. Hiện giờ trước mặt tôi đang có bình hoa khô, tôi muốn dẹp mấy ngày nay rồi nhưng làm biếng, rồi cuối cùng tôi thấy sự lười biếng có ý nghĩa vô cùng sâu sắc. Cái hoa hồng khi tươi đẹp theo kiểu khác, khi khô đẹp theo kiểu khác, nhìn giống như di ảnh của người xưa, như tà áo của người quá cố, như cái kính lão của bà ngoại để lại cho mình, cũng có cái duyên cái đẹp của nó. Dĩ nhiên hoa nào cũng đẹp nhưng đừng bao giờ là hoa huệ, trên mà khô rồi thì nước bên dưới chỉ có nước kêu trời. Bài kinh Bhūta vừa rồi nếu mình không học với tập thể và cũng không được nghe giải thích thì bài kinh đọc sẽ không hiểu. Cái lợi của lớp học như thế này là bằng vào sự gia trì của đại chúng, cộng với lời giải thích thì kinh nào cũng có thể hiểu được, mình không còn sợ kinh nữa, sợ nhất là sợ kinh cắn, rồi ai in cứ rước về để đó rồi lãng quên, mai này mình già chết, con cháu đem gởi lên chùa. Trường hợp này rất nhiều, cách đây một hai năm, có ông nào đó bên Houston chết, không biết người nhà sợ hay sao mà gọi phone cho một người quen của tôi bảo thích thì cứ lấy tất cả sách vở. Người quen của tôi đọc các tên sách và tôi chọn lấy vài cuốn mà tôi không có. Cổ gởi cho tôi số sách tôi chọn, trong đó có cuốn còn có cả phong bao lì xì có ba bốn trăm đô la bị mốc vì lâu quá. Tôi gọi phone cho cổ nói về cái bao thơ xưa thật là xưa đó, và cổ gọi cho người nhà người quá cố thì họ nói ngay là tôi có thể giữ cái bao thơ đó, ngậm ngùi như vậy. Ngài Nhất Tâm ở Hawaii cũng vậy, ngài tịch xong người ta đem hết sách về cúng ở Tampa, vì ở đó không ai xài hết. Vì vậy không có gì buồn cho bằng hồi còn sống mình không đọc sách xem kinh, cứ thỉnh mà không đọc. Chỉ có người bán sách là mừng. Kinh điển cũng vậy, bà con làm ơn bỏ giùm suy nghĩ này: cư sĩ có quyền không học Phật pháp. Đây là suy nghĩ rất kỳ cục, vì trong kinh không ép

cư sĩ hành trì như người xuất gia nhưng kinh xác nhận mọi phàm phu đều có luân hồi, sinh tử giống nhau, cho nên, nếu người xuất gia còn phàm thì họ có trách nhiệm với bản thân họ trong dòng sinh tử như thế nào thì cư sĩ cũng là khách trầm luân trên dòng sinh tử đó cũng phải có trách nhiệm học giáo lý cho mình và cho đời. Khi quí vị am tường giáo lý, ai có thắc mắc mình cũng giúp được cho người ta. Mình đi chùa mà người ta hỏi Phật pháp mình ấm a ấm ớ thì kỳ lắm, mình buộc người ta nghĩ mình cuồng tín, đi theo một tôn giáo mà chẳng hề biết tôn giáo đó nói cái gì. Hỏi một giáo dân VN về kinh thánh, họ trả lời lưu loát ngay. Tiếp theo là bài kinh Kaḷāra.

KALĀRA

Bài kinh này có nội dung tóm tắt như sau: ngài Kaḷāra đến gặp ngài Xá Lợi Phất báo tin một sư bạn của mình vừa hoàn tục. Ở đây HT Minh Châu dịch sát là "từ bỏ học tập" trong khi đó chữ "sikkham paccakkhati" nghĩa là 'xả giới'. Có lẽ vì ngài là Bắc Tông nên chữ này đối với ngài là xa lạ. Một ông sư không muốn tu nữa thì đến vị sư khác đọc câu "aham sikkham paccakkhani", tôi xin hoàn tục, tôi xin xả giới mà tôi đã thọ. Tôi nhớ bữa trước trong facebook có người hỏi tôi, ông cảnh sát bắn người ta chết thì có phạm giới sát sanh không. Tôi trả lời ông ấy gây nghiệp sát sanh chớ không phạm giới sát sanh. Anh ta vẫn không hiểu mới hỏi ngược lại tôi, nếu không phạm giới sát sanh thì ai không thọ giới thì có quyền sát sanh hay sao. Có đám cưới mới có ly dị chứ, có thọ giới mới có phạm chứ. Một nhà sư mà đi buôn lậu thì phạm cùng lúc hai tội trong luật đời và luật đạo. Với luật đạo thì buôn lậu phạm giới trộm cắp vì trốn thuế, theo luật đời thì phạm tội trốn thuế. Người không tin Phật thì khi buôn lậu chỉ phạm luật đời. Có trường hợp phạm giới mà không mắc nghiệp; có trường hợp mắc nghiệp mà không phạm giới; có trường hợp vừa phạm giới vừa mắc nghiệp. Ví dụ, một vị tỳ kheo có đối với chỗ thường trú của mình phải có những bổn phận sự, trách nhiệm vụ của mình; ví dụ phải dọn dẹp chỗ ở, đối với khách tăng thì vị tăng thường trú phải chăm sóc v.v... nếu không làm thì là phạm luật, khách tăng đến mà không tuân thủ theo qui định dành cho khách thì cũng là phạm luật, những vi phạm này chỉ là không có phước chớ không mắc nghiệp. Trường hợp háy nguýt, nói cạnh khóe cho người ta đau lòng trong luật không cấm thì đây là mắc nghiệp mà không phạm giới. Vừa phạm giới vừa mắc nghiệp là trường hợp như sát sanh.

Khi ngài Kaḷāra báo tin như vậy, ngài Xá Lợi Phất nói vì vị sư bạn kia không tìm thấy niềm vui trong Phật pháp. Câu trả lời này rất hay, cũng ngầm nhắc nhở Kaḷāra. Lúc đó ngài Kaḷāra hỏi ngược lại, vậy bản thân ngài Xá Lợi Phất có vui

trong Phật pháp không. Ngài Xá Lợi Phất nói ngài có niềm vui, chắc chắn và không nghi ngờ gì hết. Ngài Kaḷāra nghe câu trả lời thì khó chịu, đến méc Đức Phật là đã hỏi ngài Xá Lợi Phất và ngài ấy trả lời như là mình là A-la-hán vậy. Đức Phật biết đã đến lúc phải thuyết pháp cho chư tăng nên gọi một tỳ kheo và nói: hãy nhân danh ta cho mời Xá Lợi Phất đến đây. Khi ngài Xá Lợi Phất đến, Đức Phật hỏi: Có đúng là ngươi đã xác nhận mình là A-la-hán hay không?

Ngài Xá Lợi Phất trả lời: Nguyên văn "ta là vị A-la-hán, ta là người không còn luân hồi nữa" thì con chưa hề nói một chữ nào như vậy hết. Con chỉ trả lời con chắc chắn tìm được niềm vui trong đạo. Đức Phật trả lời, nếu mai này có người hỏi thẳng ngươi: Xá Lợi Phất có phải là A-la-hán không thì Xá Lợi Phất trả lời như thế nào. Thưa với bà con chỗ này mà đọc bản tiếng Việt chỉ có khóc ròng: "Vì rằng này Hiền giả, trong (danh từ) tận diệt, ta hiểu được là sự tận diệt của nhân, chính do nhân ấy sanh sanh khởi. Sau khi hiểu được nghĩa tận diệt trong (danh từ) tận diệt, ta mới biết: 'Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, những gì nên làm đã làm, không còn trở lui trạng thái này nữa." Trong khi bản tiếng Pāḷi của người ta sáng trưng. Bởi vậy nếu tôi có người nào tôi thương nhất đời và còn có khả năng học, chịu nghe lời tôi, thì tôi đề nghị họ học tiếng Pāḷi. Không có gì thê thảm cho bằng mình coi kinh điển mà đi đọc bản dịch của người ta, rầu dữ lắm.

'yaṃnidānā, āvuso, jāti, tassa nidānassa khayā khīṇasmiṃ khīṇāmhīti viditaṃ. Khīṇāmhīti viditvā – khīṇājāti vusitaṃ brahmacariyaṃ kataṃ karaṇīyaṃ nāparaṃ itthattāyāti pajānāmī'

Dịch sát: Sự sanh có mặt từ nhân duyên nào, nay nhân duyên ấy đã bị chấm dứt. Khi biết vậy thì ta cũng đồng thời biết rằng mình không còn tái sanh nữa. Lý tưởng tu hành đã hoàn mãn, chuyện nên làm đã làm xong, sau kiếp này không còn đời sống nào khác nữa.

Ở đây là ngài Xá Lợi Phất trình bày lý Duyên khởi, cho thấy ngài thấy rõ mọi sự đều do duyên, đặc biệt những cảm giác buồn vui đều do những nhân tố tạo nên. Nhân tố phù du thì những buồn vui đó cũng phù du. Với người như vậy thì làm sao có chuyện thấy mình là quan trọng rồi khoe khoang tôi thế này, tôi thế kia.

Câu trả lời của ngài Xá Lợi Phất rất khéo, ngụ ý hai điều, thứ nhất, trước mặt Thế Tôn ngài nói thật, ngài là một người đã đắc chứng, và cũng nói rằng chuyện đắc chứng đó không có gì để khoe, chỉ là sự hết bịnh của một người bịnh. Giải thoát hay thánh trí chỉ là sự kết thúc một cuộc chơi không ra gì thì lấy chi mà tự hào, tự đắc.

Dĩ nhiên mình phải tôn kính thánh nhân. Nhưng bản thân vị thánh thì tự thấy việc giác ngộ của họ chẳng là gì hết, chỉ là sự ra tù, sự xuất viện. Có ai ra tù đứng vỗ ngực tự hào khoe khoang bữa nay tôi ra tù hay không?

Tôi coi phim Hongkong hễ ra khỏi tù thì đi thẳng, không được quay lại chào, theo dân tù thâm niên nói, quay lại chào là có ngày trở vô. Ai từng nhập viện thì biết, lúc bác sĩ ký giấy xuất viện xong là vội chạy mất dép không dám nhìn lại cổng bệnh viện nữa, làm gì mà dám khoe.

Tóm lại bài kinh trên, một vị tỳ kheo đến thưa với ngài Xá Lợi Phất một sư bạn của mình vừa xả giới hoàn tục, ngài Xá Lợi Phất trả lời lý do vị đó hoàn tục là vì không tìm thấy niềm vui trong đạo. Vị kia nghe vậy liền hỏi ngài Xá Lợi Phất có tìm thấy tìm vui không, ngài Xá Lợi Phất trả lời chắc chắn có, không nghi ngờ gì hết. Từ câu trả lời này, vị tỳ kheo kia đến thưa với Đức Phật là tôn giả Xá Lợi Phất khoe mình là vị A-la-hán. Thời đó thánh nhiều lắm nên một câu nói chỉ sơ ý thì người ta sẽ nghĩ là mình khoe mình đắc thánh. Đọc chỗ này tôi thấy hoan hỉ lắm, thời Đức Phật thánh nhân rất là nhiều, nhiều đến mức người ta có thể nghĩ về nhau như vậy. Chứ không phải như thời nay, thời nay có nói gì người ta nói mình nổ.

Đức Phật gọi ngài Xá Lợi Phất đến và hỏi ngài Xá Lợi Phất có khoe vậy không, ngài Xá Lợi Phất trả lời, nguyên văn khoe như vậy thì không, nhưng nhân đây con xin thưa rõ hành trình giác ngộ theo con được biết là như thế này, là sự thấy rõ 12 Duyên khởi, thấy rõ tất cả niềm vui nỗi buồn đều là phù phiếm và với một người như vậy đó thì sự đắc chứng có gì để khoe nếu có thật. Đắc chứng bằng sự thấy mọi sự là phù phiếm thì làm sao có gì để khoe nữa.

Sau khi ngài Xá Lợi Phất trả lời xong rồi, Thế Tôn đã đứng dậy đi vào tịnh xá, ngài Xá Lợi Phất xác nhận với chư tăng: Hồi nãy nếu Thế Tôn có hỏi ta một câu hỏi tương tự như vậy mà trong một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, bảy ngày thì ta hoàn toàn có thể trả lời cho Thế Tôn. Đây là điểm đặc biệt nữa. Chính ngài xác nhận rằng ngài không khoe, nhưng tại sao ngay chỗ này ngài nói như vậy?

Chỗ này rất đáng lưu ý. Đó là khi ngài đã nói thiệt ra mọi sự thì mọi người đều biết rằng ngài không có lý do gì để khoe hết, và ngài biết lúc này là lúc tốt nhất để ngài nói ra một sự thật: nếu các hiền giả có tu tập, suy tư hiểu giáo lý một cách tử tế, thì từ một vấn đề nhỏ các hiền giả có thể thấy ra vô số vấn đề khác. Đây là lợi

ích của một người có tu học tử tế. Đây là lời của ngài Xá Lợi Phất sách tấn anh em. Đây cũng chính là lời mà trong kinh tán thán ngài Xá Lợi Phất.

Trong kinh nói ngài Ānanda có trí nhớ siêu phàm. Trong một dấu chân con bò thì không thể nào có một khối nước khổng lồ như đại dương, trong trí óc một con người bình thường không thể nào có khả năng nhớ giỏi như ngài Ānanda. Còn về ngài Mục Kiền Liên thì trong kinh nói trong nháy mắt ngài có thể biến hiện ra ngàn cách. Riêng ngài Xá Lợi Phất thì được gọi là đệ nhất trí tuệ vì một vấn đề ngài có thể hiểu ra vô số cách. Tôi từng thưa với bà con, câu "Phật pháp bất ly thế gian pháp" nếu hiểu đúng thì hay không tưởng tượng được. Câu này có nhiều khía cạnh, nhưng có một khía cạnh là không có cái gì mình nhìn thấy chung quanh mình mà không liên hệ với Phật pháp. Chỉ tiếc mình không có thời gian. Ví dụ mình nhìn trên bàn thấy có trái cam, thấy trái chanh, cái ly, trái ổi, con dao, đồng hồ, cái phone, từng món tôi vừa kể hoàn toàn đều có thể là đề tài để mình liên tưởng về Phật pháp rất là hay. Tôi nhớ tôi đã từng có một loại bài giảng mang chủ đề Buddhist Anatomy. Một tuần lễ nào đó mà ngán nghe Tương Ưng thì dành ra ít thời gian để tôi chia sẻ một loạt bài giảng về chủ đề này. Có nghĩa là từ bàn chân tôi giảng từ từ lên tóc luôn. Thí dụ nhìn lòng bàn chân của mình thì mình nghĩ cái gì trong Phật pháp. Nhìn mắt cá, đầu gối, thắt lưng, eo, rún, cổ, cằm… của mình, mình sẽ có liên tưởng nào trong Phật pháp. Đây là tôi vô tôi giảng cho vui thôi, chớ như một lớp học có giấy có có mực đàng hoàng tôi sẽ thử đề nghị các vị, mỗi người nhìn lòng bàn chân, mắt cá, hay cái rún… nghĩ đến chuyện gì trong Phật pháp. Tôi muốn có một dịp làm cái test với bà con, nhưng khổ nỗi, ngàn dặm thiên nhai. Tôi mong mỗi năm mình có một buổi họp mặt đâu đó rất dễ đi như Thái Lan, người trong nước cũng dễ ra mà bà con ở ngoại quốc cũng dễ đến, ẩm thực cũng dễ. Miến Điện thì ăn uống lạnh xương sống, tôi thương Miến Điện lắm, đồ Miến Điện không nguội, không lạnh, không dơ, không ruồi muỗi, không phải là Miến Điện. Nếu có dịp mình gặp nhau bên đó khoảng chừng tuần lễ hay nửa tháng thì rất vui. Chẳng hạn như có một chỗ tôi giới thiệu được nè, đó là nhà nghỉ của Đại học Mahachulalangkorn, Bangkok. Giá rất rẻ, mình hoàn toàn có thể ở bốn người trong một phòng. Khoảng ba mươi người trở lại trong mười ngày thì tôi xin cúng dường chỗ ăn chỗ ở. Còn chuyện mua sắm hay đi lại thì tự giác. Mua sắm thì tôi không biết quí vị mua gì, còn đi lại thì tôi không biết quí vị đi bao nhiêu lần, đi bao xa. Ở đó một đêm là 20usd, một phòng ở được bốn người. Mười phòng mười đêm thì cũng không bao nhiêu, có hai ngàn đồng. Cái này tôi cúng được, tôi không giàu, chỉ xài tiền bán sách, năm nay sẽ in thêm tập thơ. Hồi nãy tôi cố ý dịch sai một chữ, người VN cũng

trời ơi lắm, thương mình thì không nói gì, nếu ghét thì nói xấu. Đúng cái này là hotel mà tôi gọi là nhà nghỉ, cái tầm nó phải là ba sao, nằm trong khuôn viên của trường Đại Học PG, nên các vị nhìn quanh sẽ thấy chư tăng đỏ trời. Các chùa trong nội thành, sáng là xe bus chở chư tăng đến, rồi chiều xe tập trung đến chở đi về lại các chùa, nên buổi trưa bà con thấy chư tăng đỏ trời. Bà con mà là hành giả thì ăn cơm miễn phí trong học viện, nếu bà con thấy đồ ăn không vừa ý thì xuống cantin đặt riêng. Sát bên thì có những siêu thị cực lớn, bà con hoàn toàn có thể ăn cho mập thây của mình rồi về học tiếp. Và một điều dễ thương nữa là mỗi sáng sớm lúc bốn rưỡi có khóa thiền cho đại chúng bà con muôn phương về đó qua đêm hoặc nơi khác tới cũng có, hành thiền sáng sớm ngồi với nhau và ăn uống miễn phí. Cái gì miễn phí thì cái đó đạm bạc, nhưng thực phẩm Thái Lan rất phong phú, còn mùa trái cây thì ăn cho chết. Nhiều thì tôi không dám, nhưng ba mươi người trở lại trong mười đêm thì tôi đủ sức cúng, và tiền này là do mồ hôi nước mắt của tôi. Đó là sự họp mặt rất là tuyệt vời. Cũng phải bỏ đi cái suy nghĩ, gặp ông sư là mình phải cúng bao thơ, đây là suy nghĩ rất là bậy, trong đời này cái gì cũng có thể xảy ra, có trường hợp ông sư gặp mình ông sư phải tốn tiền nữa chứ. Nếu mình nghĩ gặp ông sư mình nên làm phước là chủng tử tốt, nhưng nếu nghĩ gặp ông sư là mình phải tốn tiền thì đó cũng là một chủng tử bất thiện.

NHỮNG CĂN BẢN CỦA TRÍ (Ñāṇavatthusutta)

Những căn bản của trí, gồm 44 trí. Vấn đề ở đây là phải thuộc lòng chi pháp của 12 Duyên khởi. Nếu mà bà con nắm Phật pháp cứng thì chuyện hồi nãy tôi nói hy vọng làm được. Nếu mình gặp nhau chỉ để chơi không thì chỉ để gặp nhau một lần trong đời thôi, còn Phật pháp cứng thì gặp nhau vui đặc biệt lắm.

Vô minh là vô minh trong bốn đế.

Ba Hành là phi phúc hành, phúc hành và bất động hành

Phi phúc hành là 12 bất thiện. Phúc hành là thiện Dục giới và thiện Sắc giới. Bất động hành là thiện Vô sắc. Nói gọn, thiện ác đưa mình đi tái sinh Tam giới thì gọi là ba Hành.

Thức là 32 tâm quả có từ thiện ác đã nói ở trên.

Danh sắc là danh sắc đầu đời ở mỗi kiếp sống. Danh sắc đầu đời quyết định ta có đủ 6 căn hay không. Ở cõi Dục, phước đầy đủ thì có đủ 6 căn và hưởng được 6 trần như ý, thiếu phước một chút thì có đủ 6 căn nhưng 6 trần tốt xấu bất chừng.

Vô phước chút nữa thì khiếm khuyết các căn. Ở cõi Sắc giới thì do ly dục nên chỉ có 3 căn là nhãn, nhĩ, ý căn. Ở cõi Vô sắc thì do ly tham trong sắc pháp nên chỉ còn ý căn, (chỉ có mind không có body).

Tái sinh bằng tâm quả Dục giới thì sanh vào cõi Dục giới. Tái sanh bằng tâm quả Sắc giới thì sinh về cõi Sắc giới. Tái sinh bằng tâm quả Vô Sắc giới thì về cõi Vô sắc giới. Danh sắc đầu đời quan trọng lắm, nó quyết định mình có đủ 6 căn hay không. Kể tổng quát là Lục nhập, thực tế có chỗ danh sắc duyên cho một nhập (ý nhập) hoặc ba nhập (nhãn, nhĩ, ý), có chỗ ngũ nhập, tứ nhập, tam nhập, nhị nhập, vì cõi Dục có những loài động vật không có mắt, không có mũi, ở cõi Dục giới mà không đủ thì do nó thiếu phước. Trường hợp có đủ 6 căn nhưng 6 trần tốt xấu bất định, nghĩa là có lúc khổ như điên, nhiều lúc lưỡi phải ăn những thứ mình không muốn, mũi phải nghe mùi mình không muốn, thân của mình bị nóng lạnh, trầy xước mà mình không muốn. Ý của mình phải lo toan những chuyện đau buồn. Người có phước thì suốt mùa thu họ chỉ thấy những cái họ muốn, nghe những cái họ muốn. Tôi không phải thượng lưu quý tộc, tôi chỉ đứng bên ngoài nhà người ta liếc trộm, có những nhà Âu Mỹ, tiền của họ chết đi sống lại ba đời xài không hết; về bất động sản thì họ chỉ liếc miếng đất là biết mua có lời, mua một triệu bán lại năm bảy triệu là chuyện thường, họ nhìn trái đất này quá nhỏ, họ tiếc sao không lớn lên để họ đi cho thỏa, trong khi mình không biết cả đời đi hết một châu lục không. Tôi ghét chính phủ Tàu, cơ chế chính trị của Tàu, ghét văn hóa xã hội hiện nay của Tàu nhưng tôi thương phong cảnh Tàu, thương văn hóa truyền thống của Tàu, tôi mơ một ngày nào đó đứng trên Phong Vũ Kiều của Trùng Khánh, tôi mơ một ngày trở lại Tô Châu, Hàng Châu, một ngày nào đó được thăm Đôn Hoàng, Bắc Kinh, Thượng Hải. Nhưng tôi biết có những người hoàn toàn có thể lui tới những nơi đó có bác sĩ riêng theo cùng, có người book sẵn máy bay, du thuyền, gia nhân phục dịch. Sáu căn của họ biết toàn cảnh tốt, còn mình đủ 6 căn nhưng cái biết khi vầy khi khác, bất định vô chừng. Ở cõi Sắc giới có ba căn không phải do vô phước vô phần mà do ly dục nên chỉ giữ những căn nào thật sự cần thiết (nhãn căn, nhĩ căn), đây là phương tiện, lợi khí để làm việc. Đó là dấu vết sau cùng của một người hữu sắc. Nếu không có nhãn nhĩ thì họ thành người vô sắc. Phạm Thiên còn lại hai căn vì đề mục của họ có liên hệ nhãn nhĩ, họ không còn thích cảnh dục nhưng vẫn còn thích sắc pháp. Và họ còn dùng mắt dùng tai để làm việc thiện như là nhìn ngắm lắng nghe chư Phật, nhìn ngắm lắng nghe chúng sinh, giúp đỡ chúng sinh. Phải nói chữ 'quán thế âm' rất đáng để xài cho Phạm thiên. Ở trong văn hóa PG Nam Tông có biểu tượng một vị bốn mặt, cái này xuất phát từ Bà-la-môn giáo. Bốn mặt tương trưng cho khía

cạnh thần học như thanh tiếng dị diệt, ba mặt tượng trưng cho ba vị thần Brahma, Vishnu, Shiva. Riêng trong PG, hình ảnh Phạm Thiên bốn mặt tượng trưng cho từ, bi, hỷ, xả. Ngay cả Đế Thích tốt bụng như vậy nhưng không phải lúc nào đối với chúng sinh cũng có từ tâm. Riêng các vị Phạm thiên thì lúc nào cũng an trú từ tâm khi nhìn về chúng sinh, vì vậy từ, bi, hỷ, xả được gọi là bốn Tâm Phạm Trú Brahmavihara. Phạm Thiên không còn tâm sân, không còn dục ái. Ở đây có điểm tương đồng mình phải thấy: trong các tầng thánh, vị A-na-hàm không còn dục ái nên không còn trở lui cõi Dục, vị A-na-hàm không còn tâm sân nên không còn trở lui cõi Dục. Phạm thiên phàm phu dầu là tạm thời họ vẫn là phàm nhưng trong thời gian ở trên đó họ không có Dục ái và tâm sân vì cõi Sắc giới không có chỗ chứa cho hai phiền não này. Hễ còn Dục ái là còn sân, ở đâu có sân thì ở đó có Dục ái, chỉ có cảnh dục mới là điều kiện để mình khởi tâm sân. Cảnh thiền muôn trước và muôn sau trước sau chỉ có một mà thôi, giả định như mình đắc thiền sống một tỷ năm thì năm đầu tiên mình nhập thiền, cảm giác an lạc do thiền định mang lại như thế nào thì một tỷ năm sau cảnh đó y vậy không khác. Nhưng cảnh Dục thì không, mình thích ăn bánh xèo mà họ bắt mình ăn tám cái thì mình không thèm ăn bánh xèo nữa. Thích ăn sầu riêng mà ăn ba ngày ba đêm thì hết thèm. Cũng con người đó ngày xưa thương không kịp, mất ăn mất ngủ vì họ mà bây giờ mất ăn mất ngủ vì họ không chịu ký tên li dị. Ngày xưa chỉ cái chỗ ngồi khi người ta đi về rồi mà lưng ghế còn phảng phất mùi hương là đủ chết rồi, giữa đám đông mà nghe mùi nước hoa là giật mình, tưởng người ta sau lưng mình. Còn bây giờ đi về đến đầu ngõ, thấy đôi dép nhựa, biết bả có mặt ở nhà là mình muốn đi luôn. Cảnh dục tệ một chỗ là có lúc nó dễ thương lắm nhưng có lúc làm cho mình chán. Riêng cảnh thiền thì không. Đó là lý do ở đâu có Dục ái, ở đó có tâm sân. Ở đâu có tâm sân, ở đó có Dục ái, và vị A-na-hàm tuyệt đối không còn Dục ái và sân. Phạm thiên tương đối không còn sân và Dục ái.

Lục nhập duyên cho Xúc. Ở đâu có lục nhập, ở đó có 6 xúc. Xúc là sự gặp nhau giữa 6 căn, 6 cảnh, 6 thức. Xúc (trayasamnipata) là sự giao thoa giữa căn, cảnh, thức.

Hễ có 6 Xúc là có 6 Thọ. Không bao giờ có chuyện mắt nhìn mà không có cảm giác. Mắt nhìn là phải có cảm giác, tai nghe là phải có cảm giác, vui, buồn hay hững hờ. Đối với bậc thánh thì nóng hay mát chỉ biết nóng hay mát, còn đối với mình thì tham hoặc sân xuất hiện. Nhiều vị khi giảng 6 thọ sanh 6 ái bị hiểu sai, khi được hỏi vì sao 6 thọ sanh 6 ái không xuất hiện tâm sân mà sao xuất hiện tâm tham ở chỗ này. Các vị giải thích rằng khi gặp cảnh ngọt ngào thì thích đã đành, còn khi nào gặp cảnh cay đắng thì người đó vẫn liên tưởng đến cảnh ngọt; giải

thích như vậy là không chính xác. Phải giải thích thế này, Đức Phật đang nói đến lý do tại sao mình sinh tử, khi đã nói đến lý do sinh tử thì Ngài không nhắc đến tâm sân trong chỗ này, Ngài đang nói đến trường hợp vì sao 6 căn đời này tạo ra 6 căn của đời sau, ngay chỗ này Ngài phải nói đến tâm tham. Sáu thọ sinh ra 6 ái, từ 6 ái mới sinh ra 4 thủ. Ngài nói đến sự hình thành của dòng sinh tử thì bắt buộc phải nói đến tâm tham ở chỗ này thôi. Không nhất thiết phải gồng để tìm cách giải thích tâm sân ở chỗ này. Chỗ này Ngài nói đến trường hợp vì đâu mà ra dòng sinh tử. Trong đời sống của mình, có lúc nào mình nghe mình nhìn mà không có thích. Thích là thường trực, thường xuyên. Không phải lúc nào 6 thọ cũng sanh 6 ái nhưng vì Đức Phật muốn nói đến hành trình nào dẫn đến dòng sinh tử thì bắt buộc Ngài phải nói đến 6 ái. Ví dụ khi người ta muốn diễn tả vì sao bị tiểu đường, người ta nói, vì có những cơ thể không có khả năng đào thải đường một cách bình thường, đường vô bị kẹt ở trong đó. Ông bà mình ngày xưa ăn uống có kiêng khem gì đâu mà vẫn sống đến chín chục tuổi. Con cháu bây giờ thuốc men đầy đủ, y học hiện đại mà nhiều khi bốn mấy, năm mươi đã dính tiểu đường rồi vì nhiều lý do: đồ ăn bây giờ phong phú hơn ngày xưa, và một phần là có những cơ thể mà khả năng đào thải đường yếu. Người ta chỉ nói vắn tắt vì sao tiểu đường, vì ăn đường nhiều quá, mà cơ thể không đào thải được. Ăn đồ ngọt vào, chất ngọt đọng lại trong đó lâu ngày dẫn đến tiểu đường. Tiểu đường thì dẫn đến những hệ lụy nghiêm trọng như phá nát lục phủ ngũ tạng, nghĩa là nó làm cho mọi thứ trở nên dysfunction (rối loạn chức năng) hết, không làm việc được nữa, và sau cùng đến mức tệ hại nhất là không còn khả năng tự lành vết thương. Nếu mà trầy hay lở thì chỉ ngồi nhìn mà khóc thôi, không lành được. Khi nói đến tiến trình tiểu đường, người ta chỉ nói toàn là do ăn đồ ngọt. Mình cãi: Tôi đâu phải ăn đồ ngọt không, tôi cũng có ăn cơm, ăn bánh, ăn chè ăn cháo. Người ta biết mà, người ta chỉ đang nói lý do bị tiểu đường là do ăn đường nhiều quá mà cơ thể không thải trừ được, vì nói đến tiểu đường, nên người ta chỉ nói đến toàn đồ ngọt chứ người ta đâu có nói mình ăn toàn là đường đâu. Ở đây cũng vậy khi nói đến dòng sinh tử thì Đức Phật chỉ nói đến Ái thôi. Tại sao có ái, bởi vì có những lúc các con thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng rồi các con thấy thọ hỷ, thọ xả hoặc thọ ưu, khổ một nỗi đằng sau cái thọ đó có lúc lại xuất hiện ái, thay vì phải thấy phần trí, hoặc ít nhất cũng thấy phần tâm sân. Từ sáu ái dẫn đến tứ thủ.

Tứ thủ gồm:

- Dục thủ: sự gắn chặt trong năm, cảnh dục

- Kiến thủ: sự gắn chặt ôm chặt trong cái thấy cái biết của mình)

- Giới cấm thủ: tin vào những tín điều tào lao thiên tướng, lối hành trì ngoài Bát Chánh Đạo cứu cánh không phải Niết bàn.

- Ngã chấp thủ: luôn luôn sống trong ý niệm đây là tôi, đây là của tôi. Hễ có tôi và của tôi thì có hắn và của hắn, bả và của bả, họ và của họ, anh và của anh, chị và của chị v.v... Từ chỗ có tôi và của tôi mới nảy ra vô số phân biệt rồi từ đó mình làm khổ nhau: đây là biên giới của tôi, đây là đất nước của tôi, đây là ranh đất của tôi, đây là gia đình tôi, vợ chồng tôi, tài sản tôi... Cái gì thuộc về tôi thì tôi luôn luôn muốn nó tốt đẹp, vĩnh cửu, không rời tôi. Đây là một ước muốn impossible (không thể có). Làm sao đời đời kiếp kiếp nó bên cạnh mình hoài?

Làm sao đời đời kiếp kiếp mọi sự đứng yên không thay đổi?

Làm sao đời đời kiếp kiếp bản thân mình có thể sống hoài không chết?

Cái khổ đi ra từ cái ngã chấp. Đối với bậc thánh, các ngài nhìn bản thân mình như nhìn một người khác. Người tu hành chỉ học cách nhìn thôi. Người tu hành phải biết học cách nhìn mọi sự từ trên nhìn xuống, để thêm lòng bao dung, yêu thương tha thứ, biết ở dưới nhìn lên để có lòng ngưỡng mộ học hỏi, biết ở trong nhìn ra để quan sát, tiếp nhận, biết ở ngoài nhìn vô để cảm thông chia sẻ. Còn người nặng về ngã chấp thì không có khả năng nhìn đời từ bốn góc độ này. Quí vị để ý, lúc nào mình cũng đánh giá cuộc đời này từ góc nhìn của mình ở trong nhìn ra hết! Ví dụ mình thấy thằng Tèo con mình nó phá sao mà dễ thương, nó gặp người lớn nó không chào mình thấy nó hay, có khí phách; thằng này từ ngày biết đi biết chạy chưa thấy nó cúi đầu trước mặt ai hết, "nam nhi tất hạ hữu hoàng kim", đầu gối có vàng, không có cúi đầu trước ai hết. Còn con người ta không biết chào thì mình nói nó thiếu giáo dục, không lễ phép. Bà xã của mình thì mình khen vui vẻ lanh tay lẹ miệng, còn người khác thì mình chê là lẳng lơ, lăn tăn, lóc chóc… Hễ cái nào của mình là nhất. "Đêm nằm ngủ ngáy o o, chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà. Đi chợ thì hay ăn quà. Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm. Trên đầu những rác cùng rơm. Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu". Khi đánh giá vấn đề từ góc độ cảm tính, từ góc độ yêu thương, góc độ ghét bỏ của bản thân, mang tính chủ quan thiếu khách quan thì sẽ trật lất. Phải biết đánh giá vấn đề theo đủ bốn góc độ trên. Ngã chấp thủ thì không có khả năng đó, chỉ có một góc nhìn thôi. Nhìn từ một góc độ, nhìn một chiều thì dứt khoát phải là cực đoan, là phiến diện, thiển cận, ngu xuẩn.

Sáu ái dẫn đến tứ thủ. Tứ thủ dẫn đến hai hữu gồm Nghiệp hữu y hệt như Hành và Sinh hữu y hệt như Thức. Nghĩa là mọi sự đang quay ngược trở lại với tên gọi khác.

Căn bản của trí gồm 44 trí, thấy rõ Lão tử, thấy rõ tập khởi (cause) của Lão tử, sự chấm dứt Lão tử và thấy rõ con đường dẫn đến sự chấm dứt Lão tử. Cứ vậy, đối với sanh, hữu, thủ, ái, thọ, xúc, nhập (xứ āyatana), danh sắc, thức, hành, đều phải được hiểu qua 4 khía cạnh của Tứ Đế. (11 x 4 = 44 trí).

Sanh ít nhất có hai trường hợp: sanh tục đế và sanh chân đế. Sanh tục đế: sự chào đời của một chúng sinh. Sanh chân đế: sự xuất hiện của những cảm giác buồn vui thiện ác trong từng phút. Đó gọi là sanh theo khía cạnh chân đế. Sao có người buồn ngủ rồi, buồn ngủ rồi thì thôi chớ mắc gì nghe nữa. Thôi ngưng ở đây đi. Sẵn đây nói cho bà con, tới tháng 3/2015 bà con cùng nghiên cứu thế nào đó lựa giùm tôi cái giờ sao cho các châu đều nghe được một cách thoải mái; thích hợp các châu lục. Bản thân tôi nghĩ có lẽ là hai giờ chiều Paris. Bây giờ trễ lắm rồi, 8 giờ sáng. Mai mốt ai có thắc mắc cái gì, bà con nào làm op hoan hỉ giữ lại mấy câu đó, khi nào thấy gần gần hết giờ thì post lên nói là xin ở lại để trả lời câu hỏi, chỉ cần quí vị không nói là tôi đi cái vèo, tôi nhanh vô cùng. Tôi không phải trụ trì, không có vợ con, nhưng tôi có một trăm công việc tôi làm. Không ai bắt tôi hết nhưng tôi quen như vậy, hai giờ sáng không ngủ được tôi bày đống sách ra tôi lục, lật ra một số trang để qua một bên, pha bình trà để mứt gừng ở đó, buồn ngủ tôi lăn vô phòng ngủ, sáng ra nhìn cái chỗ đọc sách hết hồn luôn. Bây giờ tôi nhìn cái nhà bếp tôi muốn đóng cửa tôi đi luôn, nó quá kinh hoàng đi. Gặp lại bà con ngày thứ Bảy.

Bài giảng ngày 29-11-2014 CĂN BẢN CỦA TRÍ (tt)

Kỳ rồi có bài kinh Căn Bản Của Trí. Ñāṇavatthu nghĩa gốc là "nền tảng của trí tuệ". Gồm hai bài, bài trước thì gồm 44 trí, tức trí tuệ thấy rõ khía cạnh Tứ Đế trong 12 Duyên khởi. Thấy được từng chi, từng điều trong 12 Duyên khởi như là thấy sanh, già, chết; thấy rõ sanh, già, chết là như thế nào và thấy rõ nó từ đâu có. Có hai câu trả lời: (1) do chi trước. (2) do Ái. Nói gián tiếp thì mỗi điều trong 12 Duyên Khởi là do Ái mà có. Nói trực tiếp thì do chi Duyên khởi trước đó, như nói lão tử do sanh mà có, sanh do hữu mà có, hữu do thủ mà có…

Tại sao ở đây Đức Thế Tôn chỉ nói 11 mà không nói 12. Có nhiều cách nói về Duyên khởi, 11 cũng được mà 12 cũng được. Trong trường hợp Đức Phật dạy 11 Duyên khởi thì ta phải hiểu ngầm rằng vô minh ở đây nằm sẵn trong Ái, Thủ một cách trực tiếp và nằm trong hành, nghiệp hữu một cách gián tiếp. Khi mình thích cái gì đó, có tà kiến trong cái gì đó, dứt khoát phải có vô minh trong đó, nhưng trong trường hợp mình làm thiện thì nó cũng có sự tác động của vô minh, vì theo A-tỳ-đàm thì chỉ có La-Hán mới không còn vô minh, và vì vậy chỉ có La-Hán mới không còn tâm thiện hay ác. Chỉ có người còn vô minh thì mới có tâm thiện và bất thiện. Giống như chỉ có con nít mới thấy món đồ chơi này quan trọng hơn món đồ chơi kia, còn với một người trưởng thành thì đưa họ hai con trâu bằng đất sét bảo phân tích con có nào giá trị hơn, con này sừng dài, con kia sừng ngắn, con này bụng bự hơn con kia, con này có đuôi, con kia gãy đuôi, con này được nắn bằng đất đỏ, con kia nắn bằng đất sét vàng... tất cả những chi tiết này chỉ quan trọng đối với một thằng bé nhà quê nhà nghèo không có gì chơi. Tôi chẳng biết trong room này có bao nhiêu người biết chuyện nặn tượng bằng đất sét, có người đi ra nước ngoài từ bé nên không biết trong nước mình trẻ con lấy đất sét nặn đồ chơi. Tại Houston tôi biết có một cô sanh 1959, cổ đi năm 1975, ông bố của cô là Võ Đức Thượng tiền bối của thống tướng Lê Văn Tỵ, từ bé cổ đã sướng như tiên, tháng tư năm 75 gia đình của cổ được sắp xếp một chuyến bay trực tiếp từ VN qua châu Âu và cổ sống ở Bỉ một thời gian rồi qua Mỹ, cổ hoàn toàn không biết cái gì về tầng lớp bình dân của xã hội VN. Nghe kể chuyện về cái khổ của người bình dân, cổ ngạc nhiên, chưa tận mắt thấy con trâu bao giờ. Vì vậy mình đừng ngạc nhiên khi thái tử Tất Đạt 29 tuổi mà ngạc nhiên khi thấy xác người vì cuộc sống của ngài quá đặc thù. Ở đây, khi còn vô minh thì giống như một đứa bé nhà nghèo nên mới coi trọng chuyện mấy con trâu màu đen, màu trắng, đất sét vàng, đất sét đỏ, nhưng đối với một người lớn có ăn học sống ở nước ngoài thì chuyện đem mấy con trâu vào lòng để suy nghĩ thì không còn nữa. Các vị A-la-hán cũng

vậy, các ngài không còn tâm ác, tâm bất thiện đã đành rồi mà tâm thiện cũng không còn. Đối với người phàm phu như mình thì cần tâm thiện vì mình còn luân hồi, chính cái thiện là điều kiện để mình sống sung sướng trong cõi trầm luân; chính cái thiện là điều kiện tốt để mình vun bồi công đức, là phương tiện rất tốt để mình tu hành giác ngộ, diệt trừ phiền não, còn đối với một vị A-la-hán thì bất thiện thì giống như thứ thuốc độc, tâm thiện là một thứ đồ ăn ngon miệng độc hại. Ngài biết công đức này của ông A, bà B sẽ dẫn đến quả báo như vầy, họ sẽ được sung sướng như vầy, nhờ trí tuệ này họ sẽ làm được điều này v.v..., ngài cũng biết tâm thiện là cái nhân để tái sanh cõi lành, và ngài cũng biết là không cõi lành nào nằm ngoài Tam tướng (vô thường, khổ, vô ngã), và cũng không cõi lành nào ở thiên thu không già không chết, chỉ là kiểu già kiểu chết khác nhau một chút thôi. Vị A-la-hán thấy rõ thiện và bất thiện đều là cái họa, chỉ khác nhau màu sắc, bất thiện là màu đen, thiện là màu hồng vậy thôi. Đối với ngài thì bất thiện như con rắn màu đen còn thiện như con rắn màu xanh. Có những con rắn trên mình có sọc xanh, sọc tím, sọc vàng cực đẹp và cực độc. Chính vì còn vô minh nên người ta còn tha thiết trong thiện pháp và ác pháp, còn vị A-la-hán thì thấy rõ đây là họa. Thấy thì thấy vậy nhưng ngài không còn khả năng làm thiện nữa. Với cái nhìn rốt ráo về Tứ Đế, mọi hiện hữu là khổ, thiện là một trong hai nhân sanh trầm luân, cái kia là bất thiện.

Đó là lý do vì sao ở đây Ngài kể chỉ 11, thậm chí có chỗ Ngài kể chỉ có 3, 4: từ Xúc mới sanh ra Thọ, từ Thọ có Ái, từ Ái có sinh tử thiện ác. Có trường hợp Ngài kể 12, 9, 10, 8, 7, 6, 5 bao nhiêu cũng được, không sai. Ví dụ như tôi nói lý do quí vị bị bịnh, có 12, là do ham ăn, lười biếng không vận động, ham chơi nên trúng nắng trúng sương, chơi với bạn xấu rủ rê, xa người lành, không gần người cẩn trọng, do ở nhà quê không có trò giải trí nên phải đi ngoài đồng v.v... Hoàn toàn có thể kể 12 nhân trong trường hợp quí vị là đứa bé nhà quê. Nhưng có trường hợp chỉ kể hai nhân: người này bịnh vì thích ăn nước cốt dừa, ăn ẩu quá nên bịnh mà không chịu uống thuốc nữa. Duyên khởi cũng vậy, Đức Phật đưa ra công thức, nguồn của công thức đó là: do Vô minh trong Bốn Đế nên mới có các Hành, từ đó có trầm luân và những gì liên quan. Có trầm luân mới có ân tình thù oán, mới có vui khổ, nước mắt, có sa đọa có thiên giới, giàu nghèo sanh ly tử biệt…

44 trí ở đây là trí Tứ Đế: 4 x11 chi Duyên khởi = 44.

Ví dụ, Thọ có 3 (khổ, lạc, xả) hoặc 5 (khổ, lạc, ưu, hỷ, xả), thọ do duyên Xúc mà có, có rồi phải vô thường, thấy như vậy gọi là thấy khía cạnh khổ đế của Thọ.

Tập khởi (cause) của Thọ có 2: Ái (gián tiếp), Xúc (trực tiếp). Ví dụ như nói tập khởi (trực tiếp) của đứa con là người mẹ, (gián tiếp) là bà ngoại. Ái ở đây giống như bà ngoại, còn Xúc như người mẹ. Chính vì có Ái nên mới có tái sanh, chính vì có tái sanh nên mới có 6 căn, chính vì có 6 căn nên mới có 6 xúc, chính vì có 6 xúc nên mới có 6 thọ, vì vậy tập khởi có thể ở đây có thể nói là Ái cũng được mà là Xúc cũng được.

Ngày nào Ái không còn thì Thọ cũng không còn. Niết bàn chính là cứu cánh để chấm dứt Thọ. Con đường dẫn đến sự chấm dứt đó là tinh thần Bát Chánh Đạo.

Trí thấy tứ đế trong Duyên khởi gồm có 4 cấp độ (stage, level):

(1) Savanamayāñāna: trí do nghe mà có.

(2) Sammasanañāna trí do tu tập thiền Quán mà có.

(3) Pativedhañāna: trí do chứng ngộ mà có, ám chỉ thánh trí.

(4) Paccavekkhanañāna: trí phản khán (nhìn lại, re-observe) của bậc thánh.

Trí thứ nhất do nghe, do học, do đọc sách xem kinh mà hiểu, trình độ thứ hai là do quán xét, nhìn ngắm, tu tập Tứ Niệm Xứ, trí thứ ba do chứng ngộ mà có, khi đắc được Sơ quả, Nhị quả, Tam quả thì thấy ra Bốn Đế. Hai cái thấy (1) và (2) thuộc phàm trí. Trí thứ tư là khi thành thánh rồi thì nhìn lại năm điều:

- phản khán phiền não đã diệt

- phản khán phiền não còn lại

- phản khán niết bàn: nhìn lại Niết bàn mình đã từng thấy qua lúc chứng đạo

- phản khán thánh đạo: là nhìn lại tâm thánh đạo đã chứng

- phản khán thánh quả là nhìn lại tâm thánh quả mình đã chứng

Năm trường hợp phản khán x 4 tầng thánh trí = 20.

Đối với La-Hán thì không có việc nhìn lại phiền não còn dư sót như ở 3 tầng thánh kia. Nên La-Hán chỉ có 4 trường hợp phản kháng. Như vậy tổng cộng chỉ có 19 trí phản khán.

Trong room này có bà con nào lớn tuổi nhớ lời tôi nghen. Khi sắp nói chuyện đừng uống gì ngọt. Bà con nào trên 60 nhớ cái này, sắp đi ngủ thì sống chết gì cũng không được đụng đến đồ ngọt, phải né. Nhiều người chết oan vụ này, đồ ngọt làm cho mình bị lên đàm. Cứ nể nang ai mời cái gì ngọt ngọt rồi nghĩ có chút xíu không sao, cái ngày mình còn trẻ thì sao cũng được, người nào yếu thì dưới 60 cũng phải kiêng. Cái vụ ngắm trà uống trăng ăn bánh trung thu là chết không kịp ngáp. Sống hay chết phải né đồ ngọt ban đêm, nể gì thì nể chỉ ngồi chơi thôi không được ăn.

CĂN BẢN TRÍ (2)

Căn bản trí thứ hai gồm 77 trí. Ở đây 77 trí này là quan sát từng điều trong 11 Duyên khởi qua 7 khía cạnh. Nắm vững những cái này thì có tất cả, nếu đủ duyên lành Ba-la-mật thì đủ để đắc quả A-la-hán.

(1) Trí biết già chết do sanh mà có.

(2) Trí biết kiếp này nếu không có sanh thì không có già chết.

(3) Trí biết rằng trong quá khứ cũng vậy, già chết do duyên sanh mà có.

(4) Trí biết rằng trong quá khứ nếu không có sanh thì cũng không có già chết.

(5) Trí biết kiếp sau già chết cũng do sanh mà có.

(6) Trí biết kiếp sau nếu không có sanh thì sẽ không có già chết.

(7) Trí biết sanh, già, chết đều là những hiện tượng vô thường có rồi mất.

Ở đây Đức Phật dùng bốn từ đồng nghĩa để diễn tả Tam tướng của từng điều trong 11 Duyên khởi: Khayadhamma, Vayadhamma, Viragadhamma, Nirodhadhamma.

Chữ ‘virāga’ ở đây được định nghĩa là ‘virajjana’: ‘sự nhạt phai’, ‘phù du’, không có nghĩa là ‘ly tham’ như chỗ khác. ‘Khaya’là sự chấm dứt. ‘Vaya’ là sự tiêu tùng. ‘Viraga’ là băng hoại. ‘Nirodha’ là kết thúc.

Nói nhạt phai tôi mới nhớ, có một ông chủ tiệm gọi họa sĩ tới và nói: Tôi cần vẽ một bảng hiệu hình con sư tử, ông tính bao nhiêu?

Họa sĩ nói: Sư tử cột khác giá sư tử thả, sư tử cột đắt gấp đôi sư tử thả. Chủ tiệm nói: Tôi khùng hay sao lại chọn giá đắt, hơn nữa chúa sơn lâm phải thả chứ sao cột! Ông họa sĩ vẽ cái bảng hiệu có hình sư tử ngầu lắm, ngon lành lắm. Hai ba ngày sau, chủ tiệm gọi cho họa sĩ nói là đêm mưa trôi mất con sư tử. Họa sĩ nói: Vì ông chọn sư tử thả nên tôi không xài sơn outdoor, waterproof (sơn ngoài trời). Các pháp hữu vi đều được gọi là 'virajjana', nghĩa là sự nhạt phai, đều là những con sư tử thả hết, thấy nó vậy đó chớ nó sẽ bỏ mình nó đi, hoặc mình chán nó. Một món đồ bị hư cũng là cách nó bỏ mình, hoặc mình không thích nó nữa cũng là cách mình lìa xa nó. Vợ chồng có người chết hay chán cũng là một cách xa nhau. Vì vậy Đức Phật dạy một điều rất là lý thú: "Vạn hữu ở đời do duyên mà có, đã có rồi thì phải mất và thích hay ghét là những hiện tượng nhất thời trước sau gì nó cũng bỏ ta mà đi." Sự thật này không phải để cho mình chán đời mà là để cho mình thanh thản khi đối diện với đời sống, không còn tiếp tục thích và ghét nữa. Nhiều người trong room chắc cũng che miệng cười thầm nói rằng tôi nói vậy mà không biết tôi có làm được hay không. Xin nói cho quí vị nghe một chuyện, người ta có cùi đui sứt mẻ gì là chuyện của người ta, nếu mình đang đói mà người ta đưa mình món ăn ngon, ăn được, thì ăn chớ đừng đi tìm hiểu thân thế người ta làm gì. Bà con cứ đưa tôi chiếc nhẫn 8 carat, tay bà con có sạch hay dơ gì tôi cũng lấy. Điều người ta trao cho mình, thấy nhận được thì nhận chớ đừng đi tìm hiểu đời tư người ta làm gì. Năm nay tôi 46 tuổi, đêm qua tôi cạo tóc, tóc bạc nhiều lắm rồi mà trong mấy chục năm tôi nhớ có một điều tôi chưa bao giờ làm, đó là tôi chưa bao giờ tìm hiểu đời tư ông taxi chở tôi, chưa bao giờ tìm hiểu đời tư ông bác sĩ chữa bệnh cho tôi, của ông nha sĩ nhổ răng cho tôi. Tôi nhớ bên Tàu có một dịch giả không phải người Tàu, đó là ngài Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) một trong bốn vị đại dịch giả Hán tạng (An Thế Cao, Nghĩa Tịnh, Huyền Trang, Cưu Ma La Thập). Vua quí ngài lắm, thỉnh vào cung thuyết pháp. Mỗi lần mời ông thuyết pháp thì lâu lâu tặng ông một cô hầu thiếp để về quét chùa, nấu cháo, nấu thuốc, tổng cộng ông có 13 cô luôn. Nghe mà bắt ham, dịch kinh thuyết pháp không mà có tới 13 cô. Rồi người ta xầm xì, sao chùa toàn gái đẹp không hà. Ông vẫn giảng kinh bình thường, trước mặt ông có bình hoa sen, ông rút ra một nhánh sen rồi hỏi sen này từ đâu ra. Mọi người nói từ sinh ra, ông Cưu Ma La Thập hỏi từ sình ra sao bỏ vô đây. Mọi người cười ồ nói sình là sình sen là sen. Ông nói, bà con có quyền coi tôi là sình cũng được nhưng thấy điều tôi nói là sen thì hãy trân trọng bỏ vào bình. Không thể lẫn lộn sen với sình được. Nếu đi nghe đạo mà cứ chăm chắm vào đời tư của ông giảng sư thì chết. Người dốt mà khéo che đậy thì cũng không có gì nói cho mình nghe, hoặc người giả dối cũng không có gì nói cho mình nghe, cái quan trọng là cái người ta có gì cho

mình nghe hay không, chuyện gì của người ta là kệ người ta. Tại sao tôi phải đi xa như vậy, bởi tôi cũng nhột chứ, tôi đang giảng Duyên khởi, tôi trong vai trò vừa giống như giảng sư và vừa như người dạy thiền cho quí vị. Trí tuệ thấy bốn khía cạnh của Tứ Đế trong Duyên khởi gồm 4 trình độ, một là do mình nghe, hai là do công phu tu tập quán chiếu mỗi ngày, ba là do chứng ngộ, bốn là trí phản khán nhìn lại những gì mình chứng ngộ, đoạn trừ, dư sót. Nghĩ cũng tội nghiệp một số người nghe đạo mà lòng vẫn còn nặng nề, không gì khổ cho bằng mình cứ ôm hình thức, chê ông thầy này không có hạnh, ông thầy kia không có giới rồi cuối cùng theo thờ ông thầy dốt đặc, ổng dốt mình cũng dốt luôn, trên đường hấp hối rồi tiếc ngày xưa không học đạo, ông thầy kia tu bê bối nhưng có cái dạy cho mình. Tôi có viết ở đâu đó cái câu: đối với tăng ni có hạnh mà không có kiến thức thì mình nên nhìn mà không cần nghe họ; đối với tăng ni có kiến thức mà không có hạnh thì mình nghe họ mà không nhìn họ; còn đối với tăng ni mà không có cái gì để mình nghe mình nhìn thì mình đi luôn. Cho họ một bao gạo là xong.

Như vậy, 7 khía cạnh x 11 Duyên khởi = 77. Ôn lại cho nhớ: "Trí biết già chết do sanh mà có, Trí biết kiếp này nếu không có sanh thì không có già chết, Trí biết rằng trong quá khứ cũng vậy, già chết do duyên sanh mà có…" Đây là trí quán Duyên khởi trên hai chiều thuận nghịch. Thấy theo chiều thuận là thấy rằng già chết do sanh mà có, thấy chiều nghịch là thấy nếu không có sanh thì không có già chết. Chính cái thấy thứ hai mới kích động mình dữ dội. Cái thấy thứ nhất để mình biết, cái thấy thứ hai để mình tu.

Già chết do sanh mà có, nếu không có sanh thì không có già chết. Sanh do hữu mà có, nếu không có nghiệp hữu thì không có sanh hữu. Nếu không có sanh hữu thì làm gì có sanh, nếu không có sanh thì làm gì có lão tử. Sanh này do nghiệp thiện ác mà có. Hành giả thấy hai hữu này do tứ thủ mà có, nếu không có tứ thủ thì không có hai hữu. Quan sát theo cách này, hành giả nhìn nhân thấy quả, nhìn quả thấy nhân. Ví dụ, nhìn cái hoa thấy thích quá, phải thấy rằng chính cái thích này, là ái, còn ái thì sanh ra thủ, nếu không ái thì không có thủ, đó gọi là đang quán sát 12 Duyên khởi. Biết rõ ái từ thọ mà có, nếu không có thọ thì không có ái. Trước đây cái gì mình thích thì mình nhào vô, bây giờ thì đã có tu rồi, không phải cái nào thích mình cũng thò đầu vô, đó gọi là tu thọ. Trước đây tôi phải nhìn bộ bài, nhìn chai rượu, nhìn phụ nữ đẹp tôi mới vui, từ cái vui đó mới nảy ra vô số chuyện khác, bây giờ tôi thấy những cái vui trước chai rượu, phụ nữ, bộ bài… này không nên có. Bây giờ mình chỉ quan sát không nuôi dưỡng kiếm tìm như ngày xưa. Tu xúc cũng y như vậy, quan sát cái đang xảy ra chớ không đi tìm như ngày xưa nữa. Hành giả nói riêng và người tu nói chung là không đi kiếm; cứ

sinh hoạt lành mạnh và quan sát cái gì đang xảy đến chớ không tìm kiếm, đầu tư và nuôi dưỡng các thọ như ý mình thích nữa. Hành thấy rõ hai điều: cái này do cái kia mà có; không có cái kia thì không có cái này. Tại sao phải chia hai?

Vì phải chia hai như vậy mình mới có được hai cái trí:

-Thấy để biết bản chất thật sự của nó là gì, ở đâu nó đến.

-Cái thấy thứ hai là để biết mình phải làm gì.

Trí thứ nhất, A do B mà có, phải biết cái này để thấy rõ bản chất thật sự của A là gì, ở đâu đến. Với người đủ duyên thì chỉ riêng cái trí này đã đắc quả rồi. Nếu muốn đi dài thì thêm trí thứ hai: nếu không có B thì không có A, cái biết thứ hai này cho mình biết mình phải làm gì đối với B. Đó là hiện tại. Quá khứ, tương lai cũng y hệt như vậy. Có sáu trí để biết rằng nay sao thì xưa vậy, xưa sao thì sau này cũng vậy.

Trí trong Duyên khởi quá khứ có hai, trong hiện tại cũng có hai, vị lai cũng hai. Cộng lại là 6. Trí thứ bảy là biết rõ rằng cái gì cũng vô thường. Cứ vậy lấy 7 khía cạnh này x 12 Duyên khởi bằng 77. Gọi là nền tảng của trí tuệ giác ngộ. Học Duyên khởi phải học như vậy thì nó mới sâu, cứ làm cái gì cũng nhớ, nhìn thích cái gì thì nhớ liền, do ái sẽ ra thủ, thủ sẽ ra hữu, hữu sẽ ra sanh lão bệnh tử sầu bi khổ ưu não, buổi đầu như con két, lâu ngày rồi quen. Giống như hồi nhỏ mình học trung học, biết chất này chất kia, oxy, hydro, nitơ, học cho biết thôi. Lớn lên mình biết rõ hơn, trời lạnh, sợ ma, sợ ồn mình hay trùm đầu, giờ mình biết ngủ mà trùm đầu không tốt vì khi mình thở ra cái gì mình lại hít ngược vô cái đó, lúc bấy giờ cái biết của mình về oxy và carbonic mới xài được. Quí vị vào internet gõ "những loại cây nên trồng và không trồng trong nhà", sẽ thấy hầu hết các loại cây ban đêm thải ra carbonic, nhưng có những loại cây như đồng tiền hay lưỡi cọp, phát tài, mấy cây này lại nhả ra oxy vào ban đêm, lọc không khí rất tốt, và có những cây hấp thụ độc tố rất tốt như cây hướng dương (sunflower). Cây này hấp thụ chất phóng xạ rất mạnh nên những vùng đất người ta nghi ngờ hoặc biết rõ nhiễm phóng xạ, người ta trồng nhiều cây hướng dương. Những cái biết này, hồi nhỏ mình học không xài, lớn lên đụng chuyện mình sử dụng. Kiến thức thật sự là những gì ta học rồi quên mất, khi có chuyện dùng thì tự nhiên nhớ ra. Học rồi mà đụng chuyện không biết lấy ra xài thì đó là đồ ve chai. Kiến thức Phật pháp cũng vậy, mình cứ học rồi cứ nhớ như con nít, lâu này sẽ quen.

Trí lúc đầu được gọi là Savanamayāñāna trí do học mà có. Khi hành thiền, tu tập tuệ quán thì có trí thứ hai Sammasanañāna, do tu tập tuệ quán, do tu Tứ Niệm Xứ, do quan sát chiêm nghiệm, chánh niệm tỉnh giác mà có. Hai trí sau do chứng ngộ, phản khán thì tôi không dám hứa, hai trí này phải kiếp sau rồi. Tôi có đặt tên mấy cái tâm trong bảng nêu. Tâm thiện tôi đặt là "đầu hôm sớm mai", 12 Tâm bất thiện tôi đặt tên là "người tình trăm năm", riêng Tâm đáo đại thì tôi đặt là "tình thiên thu", Tâm siêu thế là "ngàn thu vĩnh biệt" bởi cái tâm này đừng hòng mà có. Đặt biệt 12 tâm bất thiện là "người tình trăm năm" vì nó theo mình suốt mùa thu. Còn mấy tâm đáo đại, tâm siêu thế thì học cho vui thôi đừng hòng đụng tới, mình tu như con dòi làm sao đắc nổi Sơ thiền. Vậy mà có mấy bà con tào lao có bằng cấp luôn, đi Miến Điện rồi về tin rằng mình đắc thiền. Cho phép tôi giấu tên một vị tôn túc. Vị đó khoe ở thiền viện bên Cát Lái đó, nói là "Tứ thiền là chuyện trở bàn tay thôi", tôi nghe tôi muốn khóc luôn. Sơ thiền là phải lìa bỏ năm dục. Lìa 5 dục chỉ mới là một trong năm triền thôi. Trong khi muốn đắc Sơ thiền phải bỏ năm (triền) có năm (chi thiền), bỏ nổi chưa. Đang đi mà nghe Gangnam Style, nhạc trẻ là đã nhảy dựng lên rồi, nghe chuối chiên chuối nướng, mực nướng bánh xèo là đã chết rồi. Thử hỏi Sơ thiền đã đắc chưa mà nói Tứ thiền là chuyện nhỏ. Theo tôi biết, thực sự đã đắc Tứ thiền thì họ không muốn nói muốn khoe gì nữa, bởi thế giới của họ quá đã đời rồi, họ không muốn tiêu phí một giây nào, họ chỉ muốn chìm sâu vào trong đó, trừ phi những chuyện gì đó cần kíp sanh tử phải làm thì họ làm. Cái an lạc của người đắc Tứ thiền dễ sợ lắm, an lạc đến mức người ta có thể nhấc bổng thân người lên được. Nói đắc Sơ thiền vậy chớ năm dục của anh đã thật sự chán hẳn chưa. Nhiều khi mình tự gạt mình là tôi có trách nhiệm với chồng với vợ với con, chứ thật ra đó là ái. Người đắc Sơ thiền không phải là thánh nhân nhưng phải nói trong tình cảm gia đình máu mủ họ khác mình nhiều lắm, bởi vì nếu họ còn quấn quít như mình thì làm sao ly dục được, ly dục mới đắc Sơ thiền chứ. Ở ngoài đời một cậu bé tiểu học có kiêu ngạo, học giỏi đủ điểm vẫn lên trung học, trung học có kiêu ngạo mà đủ điểm vẫn lấy được tú tài, và lấy những bằng BA, MA, PhD là bình thường, nhưng trong đạo Phật thì không, khi anh thành tựu cái gì đó mà kiêu ngạo, coi đó là vô thượng là không đi xa được nữa. Trong đạo Phật khi mình kiêu ngạo thì cái nhiều nhất có thể làm được chỉ là thuộc lòng kinh điển, khó lòng thành tựu được cái gì thuộc tâm linh. Mình là những con bịnh, những tử tù, cái biết của mình chỉ là cái biết của người tử tù về căn hầm mà mình đang bị nhốt, không có gì để hãnh diện. Có học tám muôn bốn ngàn pháp môn, giỏi Pāḷi, giỏi A-tỳ-đàm, nhưng rồi thì sao, chỉ là một tủ thuốc. Tủ thuốc này chỉ có giá trị cho người nào có bịnh, biết mình bị bịnh và muốn chữa bịnh, chớ còn nghĩ rằng anh sở hữu tủ thuốc đắt tiền quí

hiếm nhưng bản thân anh không chịu uống thì chuyện tự hào đó là thêm một bịnh nữa là bịnh tâm thần. Xưa không biết đạo chỉ mê gái mê tiền, giờ biết đạo thêm bịnh mê kiến thức nữa, thấy mình giỏi, nhiều trí tuệ, nhiều duyên lành, nhiều Ba-la-mật. Càng tu càng chất thêm chớ không bỏ bớt. Tu là để bỏ cái gì chớ không phải để được cái gì. Tôi nói sẽ bị học giả A-tỳ-đàm chống ráo riết nhưng tôi phải khẳng định đắc quả A-la-hán là bỏ được cái gì đó chớ không phải là có cái gì đó. Không phải đắc La-Hán để có được tâm La-Hán mà là để bỏ hết phiền não. Khi bỏ hết phiền não thì tự nhiên có tâm La-Hán. Tu mà với lòng dứt trừ phiền não thì an toàn hơn với mục đích đắc chứng cái gì đó. Lý do là khi mong đắc chứng ta rất dễ kiêu ngạo với từng thành tựu trên đường và rất dễ ngộ nhận tưởng miếng chai là kim cương. Khi tu với lòng bỏ thì rất an toàn, thấy phỉ lạc biết là đồ giả, thấy lâng lâng biết là đồ giả, đau quá, sốc quá biết là đồ giả. Tôi nhớ trong một bài viết tôi có nói, chỉ có hai động từ làm thay đổi lịch sử truyền thừa và hoằng dương PG, đó là "được" và "bỏ". Tu là để bỏ cái gì chớ không phải là được cái gì và không hề có chuyện diệt trừ phiền não theo nghĩa là cầm cục đá đập bể cái ly, mà cái gọi là diệt trừ phiền não chính là sự thay thế. Chiều nay tôi còn là người phàm, tôi nhìn cái này tôi thích, tôi nhìn cái kia tôi ghét, nhưng đêm nay tôi đắc quả A-la-hán, tôi nhìn lại tôi thấy không thích nữa, biết nó là lắp ráp, vô thường, và nhìn cái tôi ghét cũng nghĩ vậy, do duyên mà có, và cũng sẽ vô thường, và mình, cũng do duyên mà có và mình cũng vô thường. Căn vô thường, cảnh vô thường, lúc đó phiền não bị thay thế, replace chớ không phải là eliminate.

Nói gọn lại, 12 Duyên khởi chỉ là Khổ đế mà thôi, con đường nào dẫn đến 12 Duyên khởi được gọi là Tập đế. Niết bàn là chấm dứt 12 Duyên khởi, đó là Diệt đế. Tinh thần Bát Chánh Đạo dẫn đến Niết bàn chính là đạo đế. Như vậy là hai giáo lý Tứ Đế và Duyên khởi tuyệt đối không thể lìa nhau. Điều quan trọng nhất là hành giả luôn thấy rằng toàn bộ mọi hiện hữu chỉ là sự kết nối giữa nhân và quả, giữa khổ này với khổ kia, dù nhân hay quả đều là khổ hết. Mọi hiện hữu là khổ, giáo lý Duyên khởi dạy cho mình ý niệm khổ đó được hiểu như thế nào. Khổ là vì mọi thứ do duyên mà có. Nói do duyên mà có là nói cho sang, cho gọn, cho bảnh; nói khó nghe mà chính xác là lệ thuộc mà có. Tôi đã nói không biết bao nhiêu lần, muốn có một ly nước lavabo mà uống cũng không phải dễ, cứ tưởng tượng đêm giao thừa của năm 1968 có bao nhiêu vòi nước xịt tứ tung trên mặt đường Sài Gòn có ai dám dừng lại mà uống không. Không biết trong đây có ai đủ tuổi đời để biết đêm giao thừa của năm 1968 không. Nước máy cũng không ai dám uống, có ai dám thò đầu ra đường hay không. Xã hội có vấn đề, nhà anh có vấn đề thì đừng hòng có ly nước máy mà uống. Vừa cầm ly mà nghe ông xã

hay bà xã la làng thì uống nổi không, nghe nhức răng hay chóng mặt thì có thể rót nước được không, hoặc nghe đau nhói như cắt ruột thì có đủ thời gian uống nước không. Không thể nào mà ngồi đó thong thả rót nước nhâm nhi. Vạn hữu ở đời do duyên mà có, và đã có rồi thì phải mất. Xong một bài kinh 77 trí. Bây giờ tiếp theo là bài kinh Do Duyên Vô Minh, í, ngưng ngưng chớ, đủ rồi, 7h40, quá đủ rồi, xin bà con cho ngưng ở đây. Bài kinh này sẽ học ngày thứ ba. Long thần hộ pháp kêu tui. Xin chào bà con.

Bài giảng ngày 02-12-2014 DO DUYÊN VÔ MINH

Sáng nay mình học liên tiếp hai bài kinh Do Duyên Vô Minh. Hai bài này có cùng nội dung: Toàn bộ dòng sinh tử do duyên mà có, sự có mặt của cái gọi là chúng sinh thật ra chỉ là của các duyên mà thôi, không phải của ai.

Có vị tỳ kheo hỏi Đức Phật, Bạch Thế Tôn, Thế Tôn giải thích Vô minh duyên hành, hành duyên thức…, vậy dòng luân hồi đó của ai. Đức Phật trả lời đó một câu hỏi rất là không nên. Hai bài kinh có nội dung giống nhau, bài trước là do có người hỏi, bài sau Đức Phật biết trước trong nhóm có người thắc mắc nên Ngài nói trước. Cái này cũng phải nói thêm là do gốc mình vô minh tà kiến nặng quá, chớ khi Đức Phật đã giảng tới đó rồi mà vẫn còn thắc mắc như vậy thì mệt quá. Rất nhiều lần Ngài giải thích, do tâm bất thiện, thiện, tạo ra quả khổ vui, vậy mà trong đám đông tỳ kheo có người thắc mắc nếu nói vô ngã thì ai tạo ra nghiệp thiện nghiệp ác và nếu nói vô ngã thì ai là người hưởng nghiệp đó. Tức là họ cứ bị ám ảnh liên tục là phải có người làm, trong khi Đức Phật giải thích mọi thứ do duyên, giống như ví dụ chiếc xe. Chính vì mình nghĩ có chiếc xe mình mới có tham chấp, còn luôn nghĩ rằng mọi thứ là đồ ráp thì tình hình sẽ khác. Có nhiều người khi nghe chỗ này họ vẫn không chịu, họ nói là biết là đồ ráp nhưng thích vẫn thích. Đó là vì cái biết của họ chưa tới nơi. Nếu biết bản chất thật sự của mọi thứ đều là phù phiếm phù du hết thì cái tham giận của mình chắc chắn phải thay đổi. Mình phải có cái gan nhìn nhận điều này. Cũng cái đồng hồ Rolex đó, nhưng mình biết đây là đồ Tàu sẽ khác với trường hợp mình tưởng đây là đồ Thụy Sĩ, kể từ giây phút có người nào đó mà giàu có, có kinh nghiệm xài hàng hiệu mà mình tin cậy, nói cho mình biết đây là đồ Tàu, có thể mua cả rổ bên Hongkong, Thượng Hải, thì từ lúc đó suy nghĩ của mình đối với cái đồng hồ Rolex trong tay chắc chắn có thay đổi. Ở đây cũng vậy, khi mình biết mọi thứ do duyên mà có, biết một cách rốt ráo, thì cảm xúc thương thích ghét sợ chắc chắn có thay đổi. Ở đây Đức Phật xác nhận rằng mọi thứ do duyên, không có do ai tạo ra, và những cái khổ lạc có được từ dòng Duyên khởi này, từ sự tương tác của các duyên, tất cả những cái đó cũng được ghi nhận bằng Thọ, bằng Thức, chớ còn nó không phải do một con người nào hết. Khi biết rồi thì cảm xúc thương thích có thể thay đổi. Ví dụ thương một người nào đó, sau đó mình xác nhận đó là kẻ thù, hoặc thương nhớ một người nào đó mà sau đó biết là do giải phẫu chớ không phải giới tính bẩm sinh, khi biết rồi thì chắc chắn cảm giác có thay đổi.

Đức Phật dạy do nhiều đời sinh tử, sống trong phiền não nên chúng ta không đủ duyên để gặp chư Phật và được các ngài khai thị cho biết mọi thứ là đồ giả. Tôi

thưa với bà con một chuyện, tôi, không phải là thánh nhân, nhưng sở dĩ tôi tin Đức Phật ở những điểm này là vì lý do rất đơn giản, cũng là chủ quan cá nhân của tôi. Bởi vì Ngài xác định những cái mà mình có thể ít nhiều hiểu ra được đời sống, khi Ngài nói không có ai làm, tất cả là do duyên tạo, trong cái biết cạn cợt của tôi, vẫn có thể có chỗ hiểu ra ít nhiều. Rõ ràng muốn hay không, miễn là các duyên có đủ thì chuyện đó nó xảy ra. Năm nay tôi đã đi hơn nửa đời, tôi thấy mọi thứ ở đời đúng là do duyên, tất cả những buồn vui vinh nhục của mình đúng là do duyên, lệ thuộc vào vô số nhân tố, và tôi, già thì hổng già, trẻ thì hổng trẻ, tôi đã tận mắt thấy những ông cụ chín mươi ngoài, có cuộc đời vàng son rực rỡ. Xe đạp người ta không có đi mà các cụ có xe hơi, nhà người ta không có ở mà các cụ có nhà dư trên Vũng Tàu, Đà Lạt, mướn người ta ở giữ nhà, khi cần thì ra đó ở như ông hoàng, còn không thì giao cho quản gia chăm sóc. Rồi thì sao, vật đổi sao dời, biển dâu tan tác, tuổi già nằm thèm cục đường tán mà không có, tới lúc tôi gặp họ thì họ nằm liệt rồi, con cháu nhớ thì đút cho ăn, còn tụi nó ngủ quên thì thôi chịu. Nhờ nhìn những cái đó tôi mới thấy. Còn như những bệnh nhỏ nhỏ như nhức răng, chóng mặt tiêu chảy, chỉ là nhân duyên nhỏ xíu nhưng đủ sức chận đứng mọi niềm vui của chúng ta. Tôi dựa vào những điều nàymà tin vào Phật dạy vạn pháp do duyên. Nếu theo lời của Ngài, do cái này có cái kia có thì rõ ràng không có cái Tôi trong đó. Khi nào duyên đủ thì có, khi không đủ thì không có, không có phần 'của tôi' trong đó. Trong hai bài kinh này Đức Phật xác nhận, ở đây không có ai hết, tất cả là do duyên. Mình không tu tập, yêu đời quá, dễ duôi quá, lúc khổ chạy về với Phật, lắng nghe Phật, học lời dạy của Phật, chuyện qua rồi thì quên sạch, giống như đứa bé, lúc bị đứt tay chạy về với mẹ với ngoại, tới lúc lành lặn thì đi chơi tiếp, không nhớ mẹ, không nhớ ngoại. Đói, bị thương tích mới về, đứa bé đó chỉ thật sự hiểu những gì gọi là tấm lòng của mẹ của ngoại khi nó trên mười tám tuổi. Mình ở đây cũng vậy, sở dĩ mình không hết khổ bởi một lẽ đơn giản là mình không thật sự nhận ra một điều là mình đang sống trong khổ. Mình là con cá không ngờ rằng mình đang lội trong nước, không biết bản thân mình là khổ và bối cảnh chung quanh là khổ.Tại sao mình sống trong khổ mà mình lại thích nó, chỉ vì có ba duyên thôi: một là do nghiệp đời trước đẩy mình vào trong nếp sống nào đó, mình phải thích cái này cái kia mới sống được chớ, giống như con dòi thích ăn phân. Một ví dụ nặng nề trong kinh "Này các tỳ kheo, có những vị tỳ kheo được danh xưng lợi đắc cúng dường lễ bái của cư sĩ, nhìn quanh thấy bạn tu của mình không được như vậy thì sanh lòng kiêu ngạo cho rằng ta được mà họ không được. Niềm tự hào đó chỉ là của một con dòi coi thường những con dòi khác đang sống trong điều kiện không có phân người". Vào trong Google, gõ chữ: 'danh xưng lợi đắc, con dòi', là thấy. Mình cứ tưởng

những thứ mình sở hữu rất là hay, trong khi đó lẽ ra mình phải hiểu những gì mình biết những gì mình sở hữu thật ra nó chỉ là những hiểu biết, những thứ tài sản của một tử tù, của người bịnh giai đoạn trầm kha nguy kịch. Nằm bệnh viện lâu ngày thì cũng có phòng riêng, có bình hoa, có cửa sổ ngó xuống vườn, sáng cũng có nắng rọi vào phòng, đêm trăng cũng có trăng rọi vào phòng, có người tới lui thăm viếng, có lúc được quà cáp của người thân bạn bè, cho dù có ngọt ngào cách mấy cũng là những gì thuộc về một bệnh nhân. Mình ở đây cũng vậy, toàn bộ nhà cửa, tài sản, vợ chồng con cái, chỉ là những thứ thuộc về một bịnh nhân, chớ không có ngon lành như mình tưởng. Chỉ cần buổi sáng thức dậy giở tay không lên thì điều tôi đang nói mới thành sự thật, lúc đó mới kêu trời, lúc đó mới nhớ tôi đã giảng, và khi hiểu đời sống thực sự khổ như vậy thì không mong có phần của mình trong đó, không có cái tôi trong đó. Đi tìm cái tôi trong cuộc đời đau khổ này giống như đi tìm quốc tịch trong xứ Sirya vậy đó. Tự nhiên bây giờ có vị báo cho tôi biết, có cô Phật tử làm ăn ở châu Phi, già rồi, về xứ, nghe nói cổ tìm tôi và giao lại cho tôi miếng đất ở châu Phi, chỗ đang có chiến tranh. Nghe như vậy thì lòng tôi sẽ hờ hững lắm, tôi không thể nào đến phi trường bay qua cái xứ đang có chiến tranh như vậy, đi lơ ngơ một mình bên đó quá sức nguy hiểm, tôi không ham xí phần mấy vụ tào lao đó. Nếu mặt tôi có chai lắm thì tôi alo cho cổ, nói cổ trước khi về xứ bán mắc bán rẻ rồi chuyển về cho tôi. Trong đời này, nếu thật sự mình thấy mọi thứ là khổ thì mình không có dại gì nghĩ đến chuyện đi tìm một cái Tôi ở đó. Mình khổ vì mình có ý niệm đây là tôi, đây là của tôi, như vậy thì mình mới tổn thương. Khi mình thấy mình chỉ là cọng rơm, sợi tóc thì khả năng tổn thương của mình rất nhỏ, còn thấy mình là bình cổ, là con người, là nhân vật nào đó trong xã hội thì chỉ cần rơi từ độ cao ba mét là mệt rồi.

Trong liên tục hai bài kinh, Đức Phật xác định mọi thứ do duyên mà có, không hề có bàn tay của ai tạo ra và không ai nhận lãnh cái khổ lạc, mà rõ ràng là do vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên cho xúc, xúc duyên cho thọ. Vấn đề là thọ, từ thọ duyên cho ái. Tại sao ở đây Ngài không nhắc đến tâm sân, là vì Ngài đang nói dòng luân hồi được tạo ra như thế nào, cũng giống như Ngài nói tại sao con bị tiểu đường, là vì con thích ăn đường, hoặc không thích nhưng vì lý do nào đó cơ thể của con không có khả năng đào thải được chất đường, nên sự có mặt của đường trở thành ra bịnh. Khi Ngài nói như vậy mình sẽ cãi, con đâu có ăn đường, con còn có ăn mắm muối, đồ chua, đồ mặn, đồ cay chứ không phải chỉ ăn đồ ngọt không đâu. Ở đây là Ngài đang nói riêng cái bịnh tiểu đường, vắn tắt là do ăn đường nhiều. Trong chú giải có đoạn Pāḷi: “kassa ca panāyaṃ jātī”, cái sanh này là của ai,

“kassa ca panāyaṃ bhavo” cái hữu này của ai; lục nhập của ai, xúc của ai, thọ của ai v.v... và Đức Phật xác định “No kallo pañho”: câu hỏi không thích hợp. Như Lai đã giải thích quá rõ, mọi thứ do duyên, là dòng chảy, không do ai hết.

Cuối bài Do Duyên Vô Minh (2) có đoạn: “24) "Thế nào là hành và những hành này là của ai?

" Hay "Các hành là khác và có ai có những hành này là khác", hay "Sinh mạng và thân thể là một", hay "Sinh mạng và thân thể là khác”

“Sinh mạng và thân thể là một”, ở đây có rất là nhiều người, trong đó có chúng tôi nữa, từng nghĩ cục thịt này là sinh mạng của mình, và sinh mạng đó chính là của mình. Nói chung là mình đánh đồng, coi toàn bộ nguyên khối này, tâm tình buồn vui, thiện ác này, xương thịt tâm thức này gom chung thành một khối, rồi khi mình thấy vui thì tự nhiên tất cả con người này đang vui. Vui chỉ là Tâm sở thôi, còn toàn bộ những cái khác không vui, nó biết gì mà vui, chỉ có Thọ uẩn – Tâm sở thọ, vui hay buồn nằm bên đó thôi. Ví dụ mình nói hành thiền, nghe pháp, giữ giới hoan hỉ quá, mình tiền của nhiều quá, sung sướng quá, nói chung chung như vậy thì thấy đời đáng sống thật, còn thật sự hiểu ra thì không phải như vậy, sinh mạng và thân thể không phải là một mà là từng phần, danh ra danh, sắc ra sắc. Trong cái danh, những cái gọi là lạc, ưu, hỉ, xả nó nằm ở Tâm sở thọ. Giống như cái máy chụp hình gọi là máy ảnh nhưng thật ra nó là từng phần, ống kính mà đậy lại thì làm sao chụp, màn trập không mở ra khép lại thì làm sao chụp được. Nếu chụp bằng phim thì bên trong phải có phim. Nói gọn là máy chụp hình nhưng do nhiều thứ ghép lại và không có cái gì là máy chụp hình hết. Mọi thứ là lắp ráp, do duyên tạo và không có cái gì là một.

KHÔNG PHẢI CỦA ÔNG (Natumhasutta)

Bài này cũng y hệt như vậy, ở đây Ngài dạy:

“3) Thân này, này các Tỷ-kheo, phải được xem là do hành động, do sắp đặt, do sự cố ý, do sự cảm thọ trong quá khứ.”

Tôi xin chia buồn với bà con, nếu cái này mà bà con đọc trong bản Pāḷi thì sướng vô cùng: “Purāṇamidaṃ, bhikkhave, kammaṃ abhisaṅkhataṃ abhisañcetayitaṃ vedaniyaṃ daṭṭhabbaṃ”.

“Purāṇamidaṃ, kammaṃ abhisaṅkhataṃ” thân này được tạo ra từ nghiệp quá khứ, “abhisañcetayitaṃ” do mình đầu tư mà có,

Đọc bản tiếng Việt và tiếng Pāḷi khác nhau xa lắc. ‘vedaniyaṃ’ở đây theo chú giải là ‘vedaniyavatthu’nghĩa là ‘cái gì đó bị nhận biết’ và cũng có nghĩa là nền tảng của mọi cảm xúc. Dịch gọn: Ngũ uẩn này được tạo nên bởi tiền nghiệp, bởi sự đầu tư của nghiệp là cái gì đó mà ta phải cảm nhận gánh chịu.

Sẵn đây tôi cũng nói luôn, trong nước mình từ đó đến giờ học Vi diệu pháp cứ hơi lơ mơ lan man chữ ‘tác ý’ và chữ ‘tư’. Khi họ làm gì đó thì nghe các sư nói do mình ‘tác ý’, thật ra đó là do mình dịch lộn, cái mà các sư thật sự muốn nói là ‘cetana’, còn tác ý là ‘manasikara’.

‘Manasikara’: sự cố ý. ‘Cetana’: sự dụng ý. Tôi ngồi buồn không biết làm gì, tôi thấy con dao nằm ở đó, tôi lấy con dao gọt gọt que tre, gọt chẳng biết làm gì. Tại sao tôi không gọt tay tôi mà tôi gọt cái que đó, vì có sự cố ý hướng con dao gọt vào cái que, đó là manasikara. Manasikara là tập trung mũi dao vào que thôi, còn dụng ý là mục đích gọt để làm gì. Từ lâu tôi có tâm nguyện, chữ dịch nào mà tìm được tiếng Việt tương đương thì dùng nó để cho bà con chưa học A-tỳ-đàm họ hiểu. ‘Cetana’ mà dịch là ‘tư’ thì Tàu xưa đọc hiểu, còn VN nghe thì chết giấc rồi, còn chữ ‘tác ý’ là chữ trong kinh. Đồng ý là có những chữ để bắt người ta học để có khái niệm còn những cái gì không cần thiết phải làm khó người ta thì mình làm khó nhau làm chi. Ví dụ nói dì tôi hoặc má tôi, chớ mắc gì nói con dâu của ông nội tôi, con gái của bà ngoại tôi.

TÂM TƯ SỞ (Cetanāsutta)

Mấy hôm trước tôi có nói, 12 Duyên khởi nói bao nhiêu cũng được (12, 11, 8, 6, 5, 3), mục đích chính là Đức Phật cho mình thấy từ đâu mà có dòng luân hồi này. Có người Ngài nói rất đủ vô minh duyên hành… sầu bi khổ ưu não, nhưng có những người Ngài chỉ nói một chút thôi. Bằng chứng là trong Tứ Đế, Đức Phật không có nói vô minh, nhưng mình phải hiểu ngầm là có. Ngài chỉ nói, sự thật thứ nhất là mọi hiện hữu là khổ, sự thật thứ hai là tất cả khổ đều đi ra từ ái. Rõ ràng trong Tứ Đế, nói trong chữ nghĩa là không có gì vô minh trong đó. Tất cả hiện hữu là khổ đó là sanh già, đau chết, sầu bi khổ, thương phải xa, ghét phải gần, … cuối cùng Đức Phật nói: “Sankhittena pancupadanakhandha dukkha”. ‘Sankhittena’: nói gọn lại, briefly, “sự có mặt của năm uẩn là khổ”. Mọi sự đam mê thích thú tham ái trong đời này đều là gốc của khổ. Sự vắng mặt của Tập đế gọi là hữu dư Niết bàn, sự vắng mặt của toàn bộ Khổ đế một cách triệt để gọi là Vô dư Niết bàn. Thứ tư, tinh thần Bát Chánh Đạo là con đường dẫn đến Niết bàn. Rõ ràng ở đây không nhắc gì đến vô minh hết.

Bài kinh này Đức Phật nói rất đơn giản: Cái gì được ta sống và hành động có dụng ý, cái đó làm duyên cho Thức, từ Thức mới có Nghiệp Hữu, từ Nghiệp Hữu mới có Sinh Hữu, và như vậy là toàn bộ dòng luân hồi.

Tâm sở tư ở đây chính là cetanā (volition), tiếng Việt dịch "sự dụng ý" là tốt nhất. Chính vì có dụng ý nên mới có ba hành. Ba hành gồm: Sự dụng ý bằng tâm bất thiện, gọi là phi phúc hành; hành thứ hai là phúc hành, gồm sự dụng ý bằng tâm thiện hướng sắc (dục giới, sắc giới); bất động hành là dụng ý hành động được thúc đẩy bởi tâm thiện Vô sắc giới.

Ở đây toàn bộ dòng luân hồi được mô tả ngắn gọn qua công thức như sau: Do có sự dụng ý (cetanā) thiện ác nên mới có nghiệp thức tốt xấu (tâm thiện là nghiệp thức thiện, tức nghiệp hữu thiện, tâm ác là nghiệp thức ác, tức nghiệp hữu ác).

Khi quí vị có tâm bất thiện xuất hiện trong đầu quí vị, tâm bất thiện đó được gọi là nghiệp hữu, chính nó khi xuất hiện như vậy là đã âm thầm và kín đáo tạo ra tâm tái tục - tâm đầu thai cho mình ở kiếp sau nào đó, nếu mạnh thì tạo ra tâm đầu thai ngay kiếp sau. Nhưng trong vô số kiếp mình đã có quá nhiều nghiệp thiện ác rồi, nên nếu mình tắt thở mình có thể đi về cảnh giới mình đã tạo từ bốn chục kiếp về trước. Mình học để biết chuyện cầu an cầu siêu rất mong manh mơ hồ. Kho nghiệp của mình nhiều dữ lắm, chuyện kiếp này mình tu hành thiền định giữ giới thì quý dữ lắm nhưng nghiệp của đời này chỉ là phần nhỏ so với núi tiền nghiệp của mình trong nhiều đời, có hiểu được chỗ này mới hiểu được ví dụ con rùa mù. Sanh làm người khó vô cùng, trong một ngày mang thân làm người mình sống toàn bằng tâm con thú, đói ăn khát uống, đực cái trống mái, phản ứng tự vệ. Sống dưới tâm loài nào chết về loài đó. Ác dễ làm hơn thiện, người ác cũng dễ kiếm hơn người thiện, bạn ác bạn xấu dễ kiếm hơn bạn lành, nên trong vô số kiếp quá khứ vốn liếng bất thiện của mình nhiều vô số kể. Đời sống hiện tại, trong một ngày tâm thiện chỉ là một mảnh vụn nhỏ xíu so với một núi bất thiện. Chuyện quay trở lại làm người thì thấp vô cùng. Hãy tin rằng, chánh pháp khó gặp, khó gặp là khó có dịp để nghe; chuyện gặp được Phật, nghe pháp rất hiếm. Vì vậy trong chú giải giải thích Tam Bảo là 3 ngôi báu quí hiếm vì không dễ gặp và không có thứ châu ngọc nào đem lại lợi ích cho người ta bằng Tam Bảo hết vì vậy người ta gọi Tam Bảo là của quí. Kẻ nào có duyên, có đức tin, có chánh kiến gặp được Tam Bảo thì kẻ đó công đức phải như thế nào đó. Trong kinh nói giữa một biển chúng sinh bao la mênh mông vô tận, thế mà có người biết tìm đến Phật pháp dầu một cách vô tình hay cố ý mà bằng cách nào đó, họ được đến Phật pháp, có chánh kiến, thì khả năng quay trở lại làm người, làm trời của hạng người

này cao hơn những loài khác. Họ phải là người có phước báu nhiều lắm. Đây là niềm vui cho chúng ta. Không phải mang thân người là giống nhau, có người là tỷ phú nhưng không biết chánh pháp. Đức Phật xác nhận: Cho dù là ngôi vị Chuyển Luân Thánh Vương, Đế Thích cũng không bằng một phần nhỏ xíu của vị Tu-đà-hoàn. Vì dòng luân hồi của những vị đó bấp bênh, bất định, riêng vị Tu-đà-hoàn thì cố định. Tam Bảo khó gặp nhưng người nào gặp được ba bảo thì người đó phước rất lớn. Cứ tưởng tượng mù mịt không biết Phật pháp, không biết mình là ai, từ đâu tới, sẽ đi về đâu, chỉ biết đi làm để sống, sống để đi làm, đàn bà nuôi chồng nuôi con, đàn ông nuôi con nuôi vợ rồi đến một lúc nào đó nằm liệt, nước miếng chảy, miệng méo, mắt lờ đờ, ăn nói ngọng nghịu chờ người ta đem chôn, vậy mà cứ hết đời này qua đời khác, tìm kiếm tiền bạc, danh phận đủ thứ hết. Trong đời tôi có những nhân vật mà quí vị nghe là lạnh xương sống, ngài HT Hộ Giác, tiếng tăm một thời, thuyết pháp chùa Kỳ Viên là xe kẹt tới ngã bảy. Thuyết pháp chùa Tam Bảo Đà Nẵng thì xe kẹt nguyên quãng đường Phan Chu Trinh, cuối cùng thì ngồi đâu đau đó. HT Thích Minh Châu một thời lừng lẫy, cuối cùng già cũng stroke ngồi xe lăn. HT Thích Huyền Vi cuối đời cũng hôn mê nằm một chỗ. Đó là những nhân vật mình biết, còn bây giờ HT Nhất Hạnh, tiếng tăm lừng lẫy, được đề cử Nobel Hòa Bình, bạn của Martin Luther King, một nhân vật của làng Hồng làng Mai, bây giờ thì sức khỏe leo lét. Tôi mới kể sơ sơ, chớ còn HT Thích Thanh Từ, HT Trí Quang trong nước, ở ngoài thì HT Thích Tâm Châu, HT Giác Nhiên, tôi không tin là đến 10 năm. Trẻ nhất là HT Giác Nhiên đã tám mươi ngoài, các vị kia vị nào cũng bước lên hàng chín. Xuôi tay một cái thì đi theo nghiệp của mình. Trong kinh có chữ này rất ngậm ngùi, "yathakammupaga": đi theo nghiệp của mình, khi Đức Phật kể câu chuyện xưa, ngài kết thúc: Sau khi Ta (Bồ Tát) nói như vậy với vua rồi trở về nhà của mình sống đời riêng tư và cuối cùng thì đi theo nghiệp của mình. Kết thúc như vậy, ngậm ngùi lắm, đi theo nghiệp của mình thì đi xuống là chủ yếu rồi đó. Vì vậy dòng luân hồi ở đây nói gọn là do dụng ý (intension), có ba dụng ý: bất thiện, thiện cấp thấp, và thiện cấp cao. Dụng ý nào cũng chỉ là sự quẩn quanh, như trong ngôi nhà đang cháy dù ở vị trí nào trong nhà.

Dụng ý (cetanā) dẫn đến nghiệp thức (kammavinnana). Nghiệp thức (kammavinnana) chính là nghiệp hữu (kammabhava) tức các tâm thiện ác. Nghiệp hữu (kammabhava) dẫn đến sinh hữu (jatibhava) tức các tâm đầu thai. Từ đó là sự có mặt ở các cõi. Sống hết tuổi thọ thì tiếp tục đi theo nghiệp cũ (yathakammupaga). Ở mỗi kiếp sống ta vừa nhận quả cũ vừa tạo nhân mới ăn

hoài không hết. Câu này mới đau: "ăn hoài không hết." Ăn cái gì không biết. Luôn luôn có nghiệp gối đầu.

Tu thiền Tứ Niệm Xứ là hạn chế tối đa số nghiệp gối đầu, nghĩa là hạn chế tối đa các nghiệp tham, sân. Thấy sao biết vậy. Khi chưa biết đạo ta có hai cách đầu tư luân hồi: bằng tâm bất thiện và tâm thiện. Khi tu Tứ Niệm Xứ thì hạn chế kiểu đầu tư bằng tâm bất thiện. Đầu tư bằng tâm thiện cũng có nhiều cách: có trí đi cùng và không có trí đi cùng. Không có trí đi cùng là làm thiện mà không hiểu gì hết chỉ thấy thích rồi làm, mong Tôi kiếp sau Được cái này cái kia. Làm thiện có trí là cách làm thiện của người chánh kiến, biết cái gì cũng do duyên mà có, đã có rồi phải có lúc vô thường, khi hiểu vậy thì thiện tâm chỉ là một phản ứng tự nhiên, làm phước mà không có sự trông đợi. Tự nhiên có lòng thương người, tự nhiên muốn buông bỏ, tự nhiên có khả năng kham nhẫn, tự nhiên có khả năng thương người, tha thứ, đó là cách làm thiện có trí đi cùng.

Người không tu, khi nói hoặc làm có nhiều cách đầu tư nghiệp bất thiện. Khi học đạo, có tu Tứ Niệm Xứ thì không đầu tư như vậy, họ đầu tư bằng tâm thiện, thiện hợp trí. Phật tử đi chùa mà không học đạo, không có chánh kiến thì làm phước bằng tâm thiện ly trí; thiện ly trí thì cho đời sau sinh ra đẹp trai học giỏi, con nhà giàu nhưng không có khả năng đắc đạo. Làm phước bằng tâm hợp trí thì đời sau đắc thiền, đắc đạo dễ dàng. Làm phước mà không có nền tảng của trí tuệ thì sanh ra chỉ là người may mắn hữu hạnh nhưng không có huệ căn. Huệ căn hay ngộ tánh ở một người là do đời trước làm phước bằng tâm hợp trí.

Ở ba bài này Đức Phật nhấn mạnh vai trò của Hành thay vì là vô minh, ái, thủ. Nhưng chỗ khác tùy theo căn cơ người đối diện, Ngài sẽ nhấn mạnh vai trò của vô minh, hoặc của ái, hoặc của Tứ thủ. Ví dụ có người Ngài nói, do Vô minh duyên Hành, hành duyên thức… sầu bi khổ ưu não. Từ sầu bi khổ ưu não này nảy ra Tứ lậu, Tứ lậu đó chính là vô minh.

Tứ lậu có từ những cơn đau gồm Dục lậu và sự đam mê hưởng thụ khoái lạc. Kiến lậu là hiểu sai mọi sự bằng hướng dẫn của người khác (paraghosa) hay do chính mình thiếu trí tuệ (ayonisomanasikara); (yonisomanasīkāra: khéo suy tư). Hữu lậu là mong mỏi có mặt ở cõi này cõi kia, trong tình trạng này, tình trạng nọ. Vô minh lậu là sự u mê thường trực trong lòng những người không biết Tứ đế là gì; chạy trốn khổ này bằng cách đầu tư cái khổ khác; trốn Khổ đế bằng cách đầu tư Tập đế; do không biết cứu cánh thoát khổ duy nhất chỉ có Niết bàn và từ đó

cũng không hề biết đến tác dụng lìa khổ của Bát Chánh Đạo, gọi chung là Vô minh lậu. Từ Tứ lậu vòng tròn Duyên khởi được bắt đầu như cũ.

Bây giờ đã trễ lắm rồi 7h20, tôi đã giảng tất cả sáu bài kinh sáng nay, trong đó là ba bài xác định mọi sự không của ai, chỉ do duyên tạo, ba bài thu ngắn lý Duyên khởi, nhấn mạnh vai trò của Tâm sở tư (cetanā). Nói 12 Duyên khởi nhưng trong trường hợp này Ngài chỉ nói Cetanā, mình sống bằng dụng ý gì, mình có mặt trong room này với dụng ý gì, mình có mặt trong chùa có dụng ý gì, tại sao mình xài kiểu đồ này mà không xài kiểu đồ khác. Toàn bộ đời sống mình là hành trình của những dụng ý, thiện hay bất thiện, cao hay thấp. Có những dụng ý có ý nghĩa giúp cho mình tu hành tốt hơn và có những dụng ý làm cho mình tệ hơn, kém hơn. Thiện cũng có nhiều cấp, thiện hợp trí và thiện ly trí. Nếu nói tới nơi tới chốn chữ cetanā này tới Tết cũng chưa hết. Có những dụng ý do tham tác động, do sân tác động, si thì luôn có mặt. Có những hành động do thích cái gì đó, hoặc ghét cái gì đó, muốn chạy trốn, muốn phủ nhận, muốn xóa nhòa cái gì đó. Trong thiện cũng vậy, có những dụng ý có trí tuệ và có những dụng ý không có trí tuệ. Từ đó, dẫn đến dòng luân hồi cùng sinh ra nhưng sự thông minh không giống nhau.

Hôm nay Phật tử làm thiện để cầu mai sau mình không còn thiện ác nữa vì ác đưa mình đi xuống, thiện đưa mình đi lên, mà lên hay xuống trong một căn nhà đang cháy lớn thì cũng như nhau. Tây có câu: Tiền không hẳn đem lại hạnh phúc nhưng nó cho ta cái quyền lựa chọn kiểu đau khổ. Thiện nghiệp cũng vậy, thay vì khổ trong địa ngục, khổ trong cảnh nghèo khó, bệnh hoạn, cô đơn, thì thiện nghiệp cho ta chịu khổ trong một hình hài người có tiền, có quyền, rồi cuối cùng thì ai cũng chết như nhau. Tôi từng thấy có người quãng đời quá khứ của họ rất huy hoàng, có gia đình đó ba mẹ con có quá khứ rất huy hoàng, từ Miên với quá khứ đáng buồn, họ chạy về VN có quãng đời huy hoàng và kết thúc rất buồn, tôi nhìn thấy giống như một vở tuồng, rất thê thảm. Chỉ cần sáng ngày ngủ dậy mà mình không điều khiển được cái tay cái chân mình là xong, đừng nói có vợ có chồng có con có cái hỗ trợ. Tiểu tiện một chỗ trong vòng một tháng thì người ta đã đuổi nói gì sáu tháng, một năm, hai năm… đừng dại dột đầu tư vào con cái và mong con báo đáp. Phải chuẩn bị đời sống tâm lý sẵn sàng sống cô đơn cô độc. Nếu dự trữ được ít tài sản để ngừa khi có tiền trong túi người ta chịu khó nuôi. Đừng khờ khờ giao hết cho con rồi nghĩ con nó nuôi. Con trai nghe lời vợ, con gái nghe lời chồng, và đàng sau vợ chồng của nó luôn luôn túc trực ba trăm quân sư quạt mo, đó là suy nghĩ không thể nào dở hơn. Hẹn lại quí vị vào ngày thứ Năm.

Bài giảng ngày 04-12-2014 NĂM HẬN THÙ SỢ HÃI

Sáng nay mình học bài kinh Hận Thù Sợ Hãi.

Các Phật tử dù Nam Tông hay Bắc Tông đều biết ngũ giới, tam quy. Đó là hai chuyện gần như bắt buộc phải biết nếu là Phật tử. Có điều theo nhận xét của tôi, không mấy người hiểu tới nơi tới chốn ngũ giới. Có người nghĩ là giữ giới cho có phước, có người nghĩ giữ năm giới cho bớt tội lỗi, có người kết hợp cả hai, vừa bớt tội vừa thêm phước. Thật ra còn khía cạnh thứ ba rất là quan trọng theo nhận xét của tôi, có lẽ không nhiều những người Phật tử quan tâm đến khía cạnh thứ ba đó là nếu mình có được những thiện pháp như là tín, tấn, niệm, định, tuệ, nói rộng thêm là kham nhẫn, hành xả, từ bi, nói dài dòng là 25 Tịnh hảo, nếu có được những thiện pháp đó trong lòng của mình thì chuyện giữ năm giới là chuyện rất tự nhiên. Giống như có trồng hoa thì thấy đẹp thấy thơm. Năm giới chỉ là một phần nhỏ xíu được toát ra từ một con người có hàm dưỡng. Không thể tách rời năm giới và tâm tư người Phật tử được. Ví dụ như người có văn hóa, có giáo dục là người cư xử, ăn nói phải phép. Ăn nói phải phép cư xử phải phép chỉ là một phần toát ra từ một con người có giáo dục, ngoài hai chuyện đó thì còn bao nhiêu tính cách tốt đẹp khác nữa ở người có giáo dục. Năm giới cũng vậy, chỉ là một phần nhỏ xíu ở con người có hàm dưỡng, ví dụ, không sát sanh không phải chỉ là vì sợ tội mà vì thương chúng sinh khác. Ai cũng sợ chết, không lý nào mình đi lấy mạng chúng sinh khác. Hơn nữa một người có từ bi, hiểu đạo thì họ không thể tìm ra được lý do nào giết người khác dù giết để ăn hay để tiêu khiển, hay là trò thể thao. Chỉ riêng giới sát sanh thì đã thấy rõ ràng đó là một phần nhỏ được toát ra từ một tâm hồn hiểu chuyện có hàm dưỡng. Và một điều nữa, vạn vật trong vũ trụ này hiện hữu và vận hành trên mặt phẳng của những nguyên tắc, trật tự. Nhìn vào nếu không suy tư, không biết Phật pháp, mình nghĩ rằng có thể mọi thứ là sự ngẫu nhiên và thích làm gì thì làm. Mọi sự tuy thấy xô bồ nhưng thật ra chúng đang tồn tại trên trật tự, một khi mình làm điều gì mang tính tiêu cực (sát sanh, trộm cắp, tà dâm, nói dối, đâm thọc, uống rượu…) thì mình đã can thiệp vào trật tự vốn có của vạn vật. Thí dụ, như con vật đó đang sống, nó đang đi theo trật tự do nghiệp của nó và nghiệp của những chúng sanh khác, sự có mặt của nó trong bối cảnh thiên nhiên đó là một phần đóng góp. Nếu như mình cho chim ở hoặc chim ăn, thì mình cũng can thiệp nhưng theo hướng tích cực. Khi mình sát sanh là mình can thiệp một cách tiêu cực vào dòng chảy của vạn hữu. Chúng ta sống ở đời có hai cách can thiệp: tiêu cực và tích cực. Một người Phật tử thấy điều này thì không thể nào hành động tầm bậy được. Một người giữ được năm

giới thì họ đã có đóng góp rất lớn cho thế giới. Nếu như một buổi chiều vắng, một đêm khuya, mình có mặt trên con đường làng, nơi ven đồi, một bìa rừng mà yên tâm thanh thản bước đi an toàn không sợ hãi thì quá tốt, đàng này chính sự có mặt của những con người xấu khiến cho những nơi này không còn an toàn nữa. Rõ ràng chúng ta đã mất đi một phần của thế giới. Nói như vậy có nghĩa là khi anh là một người tốt, chẳng những bản thân anh tốt mà còn ảnh hưởng đến cả thế giới nữa. Khi mỗi cá nhân không có tật cướp giựt, cưỡng bức người có tiền, cưỡng bức phụ nữ, người già, thì xã hội thanh bình, an toàn hơn; những con đường làng ven đồi ven rừng sẽ đẹp biết chừng nào. Khi mình sống bất thiện thì bản thân mình là thùng rác mà thùng rác này còn có sự lan tỏa ra xung quanh. Ai đi du lịch thì biết, có những quốc gia người ta khuyến cáo có những đoạn đường không an toàn, vì ở đó có sự có mặt của những con người không có năm giới. Vì vậy, khi anh có năm giới thì anh không có thù hận, không có gieo rắc sự sợ hãi cho người khác.

Đức Phật dạy có ba sự bố thí: tài thí (chia sẻ tài sản), pháp thí (chia sẻ Phật pháp), vô úy thí. Vô úy thí là sống như thế nào đem lại yên tâm không sợ hãi cho người khác. Khi sát sanh là mình đang can thiệp một cách thô bạo vào dòng chảy trật tự của thế giới đang vốn có. Người ta đang có đực cái, trống mái, có cha có mẹ, có anh có em, đùng một cái bị giết chết. Nếu con chim mẹ bị giết thì những chim con sống với ai, trong đêm tối mùa đông ai sưởi ấm cho những con chim nhỏ này. Can thiệp một cách thô bạo vào chúng sanh khác là đang can thiệp vào dòng chảy của thế giới. Vì vậy người có năm giới là người sống hòa bình và sống có đóng góp.

“Thế Tôn nói với Gia chủ Anàthapindika đang ngồi xuống một bên: Khi nào, này Gia chủ, vị Thánh đệ tử nhiếp phục được năm sợ hãi, hận thù, khi nào được đầy đủ bốn Dự lưu chi, khi nào Thánh lý (nàya) nhờ trí tuệ được khéo thấy, được khéo thâm nhập…”

Đức Phật nhấn mạnh “thánh đệ tử” vì đệ tử phàm thì có thể khi vầy khi khác, có khi vì tham, giận, thương, ghét mà giữ giới hoặc không giữ giới, nhưng vị thánh cư sĩ thì dứt khoát có đời sống tự lợi và lợi tha. Khi anh tốt là anh đóng góp cho người khác. Khái niệm tiểu thừa và đại thừa tuyệt đối không phải nằm ở vấn đề giáo lý hay hệ phái mà là vấn đề cá nhân. Khi anh sống bằng tâm hồn có chia sẻ thì anh đã là đại thừa rồi. Tự nhận đại thừa nhưng tâm hồn toan tính nhỏ nhặt thì trở thành tiểu. Nói thì theo trào lưu thôi, hai chữ này là sản phẩm đời sau nên anh em mới phân biệt, vốn trong kinh điển nguyên thủy không có. Hai chữ Đại thừa

tiểu thừa đối với tôi tương đương chữ thiện và bất thiện. Thiện và bất thiện không phải là khái niệm gắn chặt vào quốc gia dân tộc, đảng phái mà là vấn đề cá nhân.

Vị thánh cư sĩ phải thành tựu tuyệt đối 5 giới, không sứt mẻ, không vì lý do sợ gì, thích gì, thương gì, ghét gì mà vi phạm năm giới, kể cả bỏ mạng sống. Vị Tu-đà-hoàn có điểm khác biệt, nếu vị đó là cư sĩ có thể giữ năm hay tám giới nhưng có thể chết chớ không phạm giới này. Vị Tu-đà-hoàn đi xuất gia thì giữ giới xuất gia, có thể chết chớ không phạm giới xuất gia, đã thọ giới gì thì thà chết chớ không phạm giới. Ở đây không phải vị ấy sợ phạm giới mà là bản chất của con người không thể phạm giới. Trong kinh ví dụ giống như một người trưởng thành đầu óc bình thường thì người đó không thể nào nhảy xuống hố phân hoặc lấy phân người bỏ vô miệng được. Nếu một đứa bé hoặc người lớn bị tâm thần hoặc lú lẫn thì cái gì cũng có thể bỏ vào miệng. Đây không phải là vấn đề vệ sinh hay ai răn đe, mà là bản chất tâm lý không thể làm vậy được. Chuyện phạm giới cũng vậy, bản chất tâm lý của họ không cho họ làm việc đó. Sống có năm giới thì vị đó có thể bỏ được năm chuyện xấu có thể gây hận thù hay sợ hãi cho người khác. Gọi là thánh nhân vì tối thiểu thành tựu 5 giới và 4 dự lưu phần, tức nét đặc trưng của một vị thánh thấp nhất, Tu-đà-hoàn. Bốn Dự lưu phần gồm niềm tin không thối chuyển nơi Tam Bảo và giới hạnh tuyệt đối thanh tịnh, dù phải mất mạng hay tái sinh kiếp khác. Người phàm thì không được như vậy, cho dù là vị thiền sư pháp sư Tam Tạng thuộc lòng toàn bộ kinh điển nhưng không lấy gì làm chắc mình không vi phạm giới luật cho đến suốt đời, vì mình có thể thương thích sợ ghét cái gì đó mà phạm giới. Và cho dù vị này có thể hy sinh mạng sống để giữ gìn giới luật nhưng khi tắt thở sang kiếp khác thì chuyện giữ giới này không còn được tiếp tục nữa. Riêng vị thánh Tu-đà-hoàn thì không, ngay trong kiếp này, dù có phải chết chứ đừng nói mất mát danh lợi cũng không phạm giới, và dù tái sanh kiếp khác cũng không phạm giới. Cho nên vị Tu-đà-hoàn vĩnh viễn không thể sa đọa bốn cảnh giới khổ thú: A-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ, bàng sinh. Bàng sinh ở đây là chỉ chung cho tất cả những loài bò, bay, máy, cựa. Vị Tu-đà-hoàn chính vì thành tựu tuyệt đối vĩnh viễn niềm tin bất thối chuyển nơi Tam Bảo dầu đời này hay kiếp khác, cộng với sự thanh tịnh vĩnh viễn của các giới đã thọ trì nên vị này được gọi là thành tựu Dự Lưu phần, tầng thánh thấp nhất.

Phàm phu có thể tin điều mình chưa hiểu hết, có thể không hành trì điều mình đã hiểu, có thể hành trì chưa đúng mức cái đang hành trì. Phàm phu có bịnh rất nặng đó là làm thiện bao nhiêu cũng thấy nhiều, ác bao nhiêu cũng thấy ít, trong khi bậc thánh không vậy, mọi sự như thế nào thì thấy y hệt vậy, không thêm không bớt, không vẽ vời, không tô màu, không áp đặt nhãn hiệu lên đó. Áp đặt nhãn

hiệu là cho rằng cái này là của tôi, cái này đẹp, cái này sang, cái này nhà quê… Dĩ nhiên Tu-đà-hoàn vẫn còn phiền não, nhưng so với mình thì chỉ là một phần tỷ. Mình bình thường chưa gặp thử thách chưa gặp cám dỗ thì mình không ngờ mình hèn, mình tham sống sợ chết sợ khổ đến mức nào; khi đụng chuyện rồi mới thấy được bản chất của chính mình, mình rất tham sống sợ chết, thích tư túi, thích bon chen… Chẳng qua giờ mình đang có tiền, sống thoải mái nên mình không ngờ, chớ giờ liệng mình vô ký túc xá sinh viên, vô trong trại tỵ nạn, mỗi ngày giành nhau xô nước, hoặc đi cùng nhau Thái Lan, Miến Điện một chuyến thì thấy, ở chung phòng khách sạn mà tay nào vô phòng tắm lâu quá, mình sẽ giành vô trước ngay, lúc đó mới thấy mình sống bon chen dữ lắm, cái gì cũng sợ mất phần hết.

Vị Tu-đà-hoàn là bỏ năm cái, có được bốn cái, cuối cùng là thành tựu chánh tri kiến, tức nhận thức đúng đắn về Duyên khởi, bản chất và cách thức hình thành nên cái gọi là chúng sinh, và cũng là thế giới vũ trụ nói chung. Vị Tu-đà-hoàn tùy lúc mà theo cách nào đó quán chiếu bản thân và thế giới. Chẳng hạn khi đang nhìn hay nghe, biết rõ đây là lục nhập, 6 xúc, 6 thọ, 6 ái, 4 thủ, nghiệp hữu. Vừa nhìn là vị ấy biết rõ đây là nhãn xứ, nhãn xứ ở đâu thì nhãn xúc nhãn thọ có mặt ngay tại đó, chỉ cần thất niệm lúc này thì sắc ái có mặt, sắc ái có mặt thì dục thủ lập tức có mặt. Phàm phu mà thích cái gì lập tức có đủ bốn thủ: dục thủ, kiến thủ, giới cấm thủ, ngã chấp thủ. Giới cấm thủ có thể không có nhưng ngã chấp thủ bắt buộc phải có. Có tứ thủ thì có nghiệp hữu (nghiệp thiện, nghiệp ác), hễ có nghiệp thiện nghiệp ác thì nó âm thầm tạo ra một nghiệp tái sinh cho đời sau kiếp khác. Tùy lúc theo cách nào đó mà quán chiếu của bản thân, có thể quán chiếu thế này: Sự có mặt của mình tại đây và bây giờ là do tâm tái sinh đầu đời mà có. Tâm tái sinh đó do nghiệp thiện ác mà có. Nghiệp thiện ác đó do tứ thủ mà có. Dục thủ là đam mê trong hưởng thụ năm dục. Kiến thủ là luôn thấy quan điểm này là đúng, quan điểm kia là đúng, đúng là vì của mình, mình đánh giá, mình suy tư; suy cho cùng đó là thường kiến và đoạn kiến. Tất cả những suy nghĩ của phàm phu ít nhiều đều dính vào hai tà kiến này, mà mình lại thấy mình hay. Ai mà nói mình ngu là mình giận liền dù bình thường mình tỏ ra là khiêm tốn. Mình tưởng mình khiêm tốn nhưng thật ra ngã mạn ngầm trốn trong đáy lòng của mình mà mình không ngờ.

Nội dung bài kinh Năm Hận Thù: Bỏ 5, có 4, thành tựu 1 (nhận thức về Duyên khởi). Phải hiểu Tứ thủ là gì mới thấy dòng luân hồi dễ sợ, cứ cái gì hưởng được là ôm cái gì hiểu được là ôm, hai cái ôm này đi ra từ cái tôi, thấy mình là cái gì đó. Khi sáu xứ tiếp xúc 6 trần mà không có Niệm không có Tuệ thì nó là điều

kiện môi trường nhân duyên tốt cho Ái. Thích trong cảnh Dục thì về cảnh Dục, thích trong thiền thì về cõi Phạm thiên, sống hết tuổi thọ rồi quay xuống nữa. Cõi Dục là điểm sau cùng của dòng luân hồi. Có nỗ lực thì mình leo lên tới cõi Sắc giới và Vô sắc giới, còn nếu một ngày nào đó làm biếng leo thì mình trở về gốc cây. Cõi Dục là gốc cây, cõi đọa là gốc của gốc. Nghĩa là nếu mình không cần tu hành gì hết, cứ sống như ý mình thích thì cái chỗ đón mình là cõi Dục. Trong cõi Dục mà mình không có nỗ lực gì hết, vẫn tiếp tục sống bệ rạc buông xuôi, thì mình sẽ xuống nữa. Nếu không làm thiện thì rớt nữa, lọt xuống cảnh giới thấp, đó là địa ngục, A-tu-la, ngạ quỷ, bàng sinh. Cõi đọa thì không có giới hạn thời gian, nếu không tu là triền miên ở đó. Nếu làm những loài vi sinh là không biết kiếp nào mới lên.

Vị Tu-đà-hoàn do thành tựu những điều vừa nói nên tự biết mình vĩnh viễn không còn sa đọa và quả vị luân hồi chỉ còn là vấn đề thời gian.

Ở đây, bản Việt ghi "Chánh Đẳng Giác là mục tiêu tối hậu". Trong bản Pāḷi là "sambodhi" nghĩa là 'giác ngộ', 'Sambodhi' ở đây ám chỉ cho quả vị La-Hán. Không biết vì sao HT Minh Châu dịch 'Sambodhi' là 'Chánh Đẳng Giác"; cái này tôi nghi ngờ là ngài tiếc vì bên Bắc Tông nói thế này: Tu hành cho đã rồi cuối cùng mình đắc A-la-hán; với nền tảng tâm lý và đạo hạnh của vị A-la-hán thì mình tha hồ rong ruổi tự tại an nhiên giữa cuộc đời sanh tử này để thực hành hạnh Bồ Tát. Sau này mình mới thành Phật theo lý tưởng Đại thừa. Còn người đam mê đắm đuối, chết dí chết đẹp trong quả vị La-Hán thì là hạng tiểu thừa. Tôi e rằng gốc ngài Minh Châu là Bắc tông, ngài dịch thế này để cho rằng quả vị Thanh văn chỉ là bước thấp để từ đó bước lên quả vị Chánh Đẳng Giác thành Phật, chớ còn 'sambodhi' ở đây dịch là Chánh Đẳng Giác thì không chính xác. Chánh Đẳng Giác trong Pāḷi là 'sammasambuddha' hay là 'sammasambodhi' chỉ cho Phật Toàn Giác, tự ngộ không cần thầy và cũng có thể làm thầy cho người khác. Độc Giác (Paccekabuddha) không cần thầy nhưng không thể làm thầy cho ai. Cả hai vị tự ngộ này được gọi là 'sambuddha'. Riêng Phật Toàn Giác có thêm chữ 'samma' phía trước; chữ này ở đây có nghĩa là perfect, whole, entire (hoàn chỉnh, trọn vẹn). 'Sambudhha': tự ngộ.

Như vậy là tôi giảng xong hai bài kinh Sợ hãi Hận Thù. Tiếp theo là gom chung ba bài giảng luôn một lúc: Dukkhasutta, Lokasutta, Natikasutta.

DUKKHASUTTA, LOKASUTTA. (Khổ, Thế Giới)

Dukkhasutta, Lokasutta, Natikasutta, ba bài này nội dung giống nhau. Nhiều lần Đức Phật xác định, toàn bộ những gì Ngài thuyết giảng chỉ gói gọn trong một nội dung duy nhất, đó là trình bày về bản chất đau khổ của thế giới và đưa ra con đường hành trì để chấm dứt đau khổ đó.

Nghe qua có vẻ như thiếu thiếu, nhưng thật ra toàn bộ thế giới này đều gói gọn trong một chữ khổ. Toàn bộ đời sống của chúng sinh là khổ, toàn bộ kiểu sống của phàm phu là đầu tư khổ. Khi ta nhìn, nghe, ngửi, ăn, nếm, sờ chạm, suy tư hầu hết (99, 9%) đều bằng phiền não.

Phiền não là nguồn tái sinh. Thiện tâm đưa ta về các cõi lành một thời gian nào đó, ác tâm đưa ta về cõi khổ nào đó, trong thời gian nào đó, cái gì và ở đâu cũng vô thường. Vì cái ác dễ có hơn cái thiện nên dù mọi sự vô thường, cái ác và cái khổ được lặp lại nhiều lần hơn là cái thiện và cái vui.

Thiện pháp giống như loài hoa quý, không chăm sóc thì chết sạch. Ác pháp như cỏ dại, dù có mong manh nhưng có thể tự phát triển ngon lành. Thiện pháp phải cần đến 4 nhân tố mới có được: bối cảnh, thầy bạn, lắng nghe, hành trì.

1. Bối cảnh(patirupadesavasa): trú xứ thích hợp.

Có những bối cảnh khó có cơ hội thiện tâm như Trung Quốc, con nít mới vừa thôi bú là thuộc lòng câu "thành thật thiệt thà thường thua thiệt, lọc lừa lươn lẹo lại lên lương"

2. Thầy bạn (sappurisasamvasa): sống gần người lành.

Thầy bạn là kẻ nào gần mình, hơn mình là thầy, ngang mình là bạn. Thầy bạn rất là quan trọng

3. Thính pháp (dhammassavana) lắng nghe.

4. Hành trì (dhammanudhammapatipatti)

Đó là bốn điều kiện để có được thiện pháp. Cái ác dễ hơn nhiều vì nhìn đâu cũng thấy người ác, điều kiện làm ác, sống ác, nói ác, nghĩ ác.

Đời sống của mình là khổ, kiểu sống của phàm phu là tạo khổ, đầu tư nỗi khổ niềm đau. Đầu tư bằng cách thả rông sáu căn cho tiếp xúc thoải mái với sáu trần. Từ đó có 6 ái, tứ thủ, nghiệp hữu và tái sinh. Đó là vòng tròn Duyên khởi.

Phàm phu mà thả cho thoải mái, dứt khoát là phiền não.

‘Khanikasamudaya’ ở đây là phiền não tham ái trong từng khoảnh khắc căn trần gặp nhau. Toàn bộ thế giới này chỉ là sự khổ và con đường dứt khổ, nhưng trong kinh này Đức Phật không nói về Khổ và Tập lại nói về Tập và Đạo đế.

Thông thường khi Ngài giảng về con đường hành trì, Ngài nói về khổ cho mình nhận diện toàn bộ đời sống của mình là khổ và đưa ra giải pháp để chấm dứt khổ, còn trong bài kinh này Ngài nhấn mạnh khía cạnh khác đặc biệt hơn, đó là Ngài nói con đường nào đã tạo ra đau khổ và con đường nào dẫn đến sự chấm dứt đau khổ. Con đường dẫn đến đau khổ đó là sự buông trôi thả nổi sáu căn, không chánh niệm và trí tuệ trong lúc 6 căn làm việc gọi là khổ tập khởi, hay còn gọi là đầu tư đau khổ.

Khi 6 căn tiếp xúc 6 trần bằng phiền não thì đó là con đường trầm luân. Khi 6 căn tiếp xúc 6 trần lại được kiểm soát bằng chánh niệm và trí tuệ thì đó là con đường giải thoát. Té ở đâu thì phải đứng lên từ chỗ đó. Từ 6 căn mới có 6 xúc, 6 thọ, 6 ái, tứ thủ, 2 hữu, và rồi là tái sinh, cứ như vậy.

Bài kinh này Ngài giảng về con đường dẫn đến trầm luân và con đường thoát khổ, và điều thú vị là hai con đường này nằm chung một điểm, nhìn ngắm thế giới bằng tâm bất thiện. Vậy là xong hai bài kinh Khổ và Thế Giới.

NATIKA

Lần đó, Đức Phật sống một mình độc cư, lúc đó chỉ có một mình, Ngài suy tư về lý Duyên Khởi và Ngài nói ra lời. Giống như một nhạc sĩ ở một mình cũng ngân nga một giai điệu vừa nảy ra trong đầu. Ngài nói 6 căn 6 cảnh gặp nhau nên 6 thức mới có mặt, do 3 căn, cảnh, thức gặp nhau nên mới có xúc, và do xúc mới có thọ. Khi Ngài nói vậy, có một tỳ kheo đi đến để quét cốc cho Ngài

‘gandhakuṭipariveṇasammajjanatthaṃ’: mục đích là quét dọn hương thất của Đức Phật.

‘attano kammaṃ pahāya’:ông mãi nghe mà quên công chuyện.

Khi đó Đức Thế Tôn suy nghĩ, nãy giờ ta nói vậy mà có ai nghe hay không. Rồi Ngài hỏi vị tỳ kheo đó: Nãy giờ ngươi có nghe phải không, hãy ghi nhớ như vậy mà thọ trì, vì đó chính là căn bản đời tu của ngươi.

Thật ra toàn bộ Phật pháp chỉ nằm trong bài kinh này, nói vậy cũng không sai, bởi cốt lõi của đời sống chỉ là sự hoạt động của 6 căn. Người không biết đạo, không hành đạo thì để mặc sáu căn làm việc với tâm bất thiện. Người biết đạo, hiểu đạo, hành đạo và chứng đạo thì không để phiền não xuất hiện qua 6 căn.

Dù là giáo hoàng, kỹ nữ, là tổng thống, là ăn mày, thầy chùa hay linh mục, hễ sống ở đời này thì đời sống của họ chỉ là sự hoạt động của 6 căn; người không biết đạo thì để 6 căn chạy theo cái mình thích và chối bỏ cái mình ghét, sợ, cứ như vậy mà trầm luân sinh tử, còn người biết đạo thì khi 6 căn làm việc thì làm việc với chánh niệm với trí tuệ. Chánh niệm là biết rõ cái gì đang xảy ra, trí tuệ là hiểu rõ bản chất của những thứ đang xảy ra. Ví dụ tôi đang đi, tôi biết rõ tôi đang đi (đó là niệm), tôi biết rõ danh sắc đang tương tác lẫn nhau (đó là trí).

Các vị có thể không tin tôi, nhưng phải lấy bỏ túi những thứ mình nghe để có cái tham khảo khi cần thiết. Kiến thức là bổ sung và so sánh. Đừng có nhầm khi đọc Ngữ lục của Thiền nói rằng cái đầu phải trống để hành thiền. Để đầu óc rảnh rang để học đạo là ý nói buông bỏ những cố chấp, không phải là phủ nhận những kiến thức. Ví dụ người ta nói, muốn học đạo thì đầu phải trống, không phải trống là dốt như con bò mà là tạm thời mình quên nó đi để đón nhận cái mới hoàn toàn, chớ không phải trống là không học hành gì hết. Bữa trước tôi có đọc một câu chuyện mà thấy ghét, Ông thầy nói học trò: con nói lý tưởng con đến học đạo là gì. Học trò đáp: Dạ, con thấy đời con khổ, nghe người ta nói phải buông bỏ hết mới nhẹ nhàng giải thoát, con theo thầy là con học hạnh buông bỏ. Ông thầy nói: Có cái gì của con đâu mà buông. Câu chuyện này đối với người có học đạo là hay lắm, giống như tổ Huệ Khả nói chuyện với ngài Đạt Ma vậy: Tâm con không an, nhờ thầy giúp con an. Thầy nói đưa tâm đây ta an cho. Những chuyện này rất hay nhưng hay đối với người có học đạo kìa. Mình hoàn toàn mù tịt không biết gì hết, nghe mấy câu cao siêu này tưởng cái dốt của mình là hay. Tôi sợ nhất là đi vô học mấy câu thoại đầu công án nói chuyện trên mây nhưng lúc đèn khuya đối bóng một mình thì không biết tu cái gì. Phải tu tập hành trì một thời gian mới hiểu vì sao người ta nói như vậy.

Sáng hôm qua tôi giống như giác ngộ vậy. Tôi đặt tên là "instant noodle satori". Satori tiếng Nhật là giác ngộ. Cái từ này chỉ cho hoát nhiên đại ngộ. Tôi đi nấu nước pha gói mì, tôi ăn mà nhận ra một chân lý rất là cao siêu, có nhiều người theo đạo mà làm biếng học cho nên họ chỉ ăn mì gói của tăng ni ban cho họ. Mì gói nghĩa là người ta nêm nếm sẵn, dù thích hay không thích, vẫn phải dùng mì đó, mùi đó, gia vị đó vì bột nêm người ta làm sẵn. Muốn ăn cái mùi vị theo ý

mình thì phải tự nấu, phải mua thức ăn từ chợ, pha chế nêm nếm là của mình, còn nếu làm biếng quá sức thì chỉ có một cách là nấu mì gói, có liền và không nhọc công, nhưng cái bậy của nó là độc, và chấp nhận cái mùi vị của người ta làm sẵn cho anh. Bây giờ đủ rồi, không giảng nữa, gặp lại bà con ngày thứ Bảy. Thời gian qua quá sức nhanh, mới đây thôi là cuối tuần mà sáng hôm nay đã là thứ Năm rồi. Tôi biết nói cái này thừa nhưng không thể không nói, đó là muốn thấy thời gian nhanh thì chỉ có cách chú ý cuối tuần thôi, và cái này là kinh nghiệm bằng vàng, quí vị trả vàng ký cho tôi để các vị mua lấy câu nói này: Sáng hôm qua tôi giống như giác ngộ vậy. Tôi đặt tên là "instant noodle satori". Satori tiếng Nhật là giác ngộ. Cái từ này chỉ cho hoát nhiên đại ngộ. Tôi đi nấu nước pha gói mì, tôi ăn mà nhận ra một chân lý rất là cao siêu, có nhiều người theo đạo mà làm biếng học cho nên họ chỉ ăn mì gói của tăng ni ban cho họ. Mì gói nghĩa là người ta nêm nếm sẵn, dù thích hay không thích, vẫn phải dùng mì đó, mùi đó, gia vị đó vì bột nêm người ta làm sẵn. Muốn ăn cái mùi vị theo ý mình thì phải tự nấu, phải mua thức ăn từ chợ, pha chế nêm nếm là của mình, còn nếu làm biếng quá sức thì chỉ có một cách là nấu mì gói, có liền và không nhọc công, nhưng cái bậy của nó là độc, và chấp nhận cái mùi vị của người ta làm sẵn cho anh. Bây giờ đủ rồi, không giảng nữa, gặp lại bà con ngày thứ Bảy. Thời gian qua quá sức nhanh, mới đây thôi là cuối tuần mà sáng hôm nay đã là thứ Năm rồi. Tôi biết nói cái này thừa nhưng không thể không nói, đó là muốn thấy thời gian nhanh thì chỉ có cách chú ý cuối tuần thôi, và cái này là kinh nghiệm bằng vàng, quí vị trả vàng ký cho tôi để các vị mua lấy câu nói này: Đời sống là ngắn ngủi, ngắn đến mức dễ sợ. Muốn thấy đời sống lâu dài hơn một tí, chỉ có cách sống thiện vì thiện khó sống nên khi sống khổ sẽ thấy nó lâu. Nếu hổng tin thì hành thiền đi, để đồng hồ 15, 20 phút thấy nó lâu vô cùng. Thử hành thiền hay học thuộc một đoạn Pāḷi, hay quét chùa, rửa chén, chùi cầu, hốt rác thì thấy lâu. Gặp lại bà con ngày thứ Năm.

Bài giảng ngày 09-12-2014 MỘT VỊ BÀN MÔN

Sáng hôm nay mình học bài kinh Aññatarabrāhmaṇasuttaṃ, Kinh về Một Vị Bàn Môn. Tại sao là Bàn Môn mà không phải là Bà-la-môn?

Tại vì chữ Bà-la-môn dài quá, chứ hai chữ tương đương. Người Nam Bộ đọc chữ 'bàn môn' và 'bàng môn' giống nhau. 'Bàng môn' nghĩa là ngoại đạo, ngoài cửa, giống như bàng quan, là kẻ đứng ngoài cửa. Vì vậy người ta mới kêu là "bàng môn tả đạo." Nhưng chữ 'bàng quang' là nghĩa khác, nghĩa là bọng đái. 'Bàn môn' ở đây là âm, từ chữ Brāhmaṇa. Còn Bàn Môn Điếm của Bắc Hàn thì cho đến bây giờ tôi cũng không rõ từ đâu ra, nhưng tôi đoán là phiên âm hay là gốc từ tiếng Hán.

Vừa rồi bỏ một buổi giảng tôi tiếc ghê lắm, vì mình đang đi một lèo, ngưng vậy thì mất đi tinh thần.

Một vị Bà-la-môn đến hỏi Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn, người hành động có phải là người cảm thọ không?

" Câu này hay vô cùng. Bà con con nhớ câu này không "dukkhameva na koci dukkhito" chỉ có cái khổ, không có ai chịu khổ. Ở đây cũng vậy, tuyệt đại đa số chúng sinh phàm phu cứ nghĩ rằng tôi làm ác thì tôi sẽ bị khổ, nghĩa là có người làm ác có người chịu khổ. Câu hỏi của vị Bà-la-môn đó là: Có phải người tạo nghiệp cũng chính là người chịu quả sau này hay không?

Đức Phật trả lời: Chỉ có các duyên làm việc với nhau. Dĩ nhiên một số người nghe chỗ này sẽ khó chịu, tại sao phải né chữ "người". Đúng ra phải né, vì sự thật không có, và nếu không né sẽ hình thành ra cái ngã chấp thủ rất là nguy hiểm.

Có chuyện tào lao nhưng cần thiết phải nói, hiện giờ tôi đang là một người nghèo, nghèo nổi tiếng đó. Tất cả những người quen của tôi đều biết, tôi ở nước ngoài lâu năm nhưng tôi không có chùa miễu gì, nhưng các Phật tử phải biết đồ dùng của tôi, tôi dùng rất là kén chọn và phải nói toàn đồ tốt không. Ở đâu ra?

Ở Mỹ tôi chỉ đi một vài tiệm trong suốt mười sáu năm trời, đó là Marshall hoặc TJ Maxx, ở đây chỉ bán nửa giá thôi. Tôi chủ trương xài đồ nửa giá mà đồ tốt chớ tôi không muốn đi vào trong mall xài đồ đắt tiền, đồ mới mà toàn đồ China không. Về bên Thụy Sĩ thì 99.9% đồ tôi dùng là đồ ở Brockiland còn gọi là Brockenhaus, hôm nào bà con về Thụy Sĩ đi lục mấy cái này đủ kiếm được vé

máy bay rồi. Ví dụ một áo lông mười mấy ngàn, ở đây họ bán nhiều lắm còn một ngàn thôi. Một lò nướng hiệu Gillette ngàn rưỡi bán còn chừng hai trăm đồng bạc. Nồi niêu soong chảo muỗng nĩa đồ của Thụy Sĩ giá chỉ còn một phần mười. Tại sao tôi nói những điều này, tôi cầm một món đồ mà thấy nó có khả năng bị sét tôi không muốn mua. Trong cái thắt lưng của tôi, tôi có để miếng nam châm, để thử đồ inox. Tôi nhìn mọi vật bằng cảm nghĩ sợ bị sét, sợ bằng đồng ra teng (stain), tôi "được" ám ảnh như vậy. Tôi nhớ trong kinh có một câu thế này: "Này các tỳ kheo, ta thấy trong các hành vốn không cốt lõi, các hành là vô thường." Cái gì mà mình thấy có khả năng bị sét thì mình chán, một cái áo bằng vải gì đó tôi không biết nhưng tôi thấy nó dễ đổ lông hoặc tích điện khi mặc vào mùa đông thì tôi không muốn xài. Một người có nội quán, họ nhìn thế giới bằng mọi sự như kiểu tôi nhìn kim loại, thì họ sẽ ngại. Một hành giả nhìn cái gì cũng thấy nó có vấn đề, có thể bị ra teng, nhờ vậy mà bỏ bớt được rất nhiều thứ. Nhiều người gặp cái gì cũng thích bởi vì họ không màng đến chất liệu bên trong của nó, còn người kén vì họ có bận tâm. Tôi nhớ tôi có câu lục bát: Phải đâu ta sợ chi tình. Chỉ lo tình phụ nên đành vô tâm. Phàm mà, mình đàn ông, đâu phải bị biến thái, cũng rung động chớ, nhưng chợt nhớ đến những góc cạnh phù phiếm và hai mặt của chuyện đời nên mình ngán không có tin ai. Danh sắc cũng vậy đó, cũng phù phiếm và hai mặt. Ở đây ông Bà-la-môn hỏi Đức Phật 'có phải người hành động là người cảm thọ hay không', cách nhìn này rất quan trọng, giống như mình xài đồ vậy. Lẽ ra mình có thể gọi là 'người làm' và 'người cảm thọ', nhưng vốn dĩ không có một cái gì gọi là 'người', vốn dĩ không có một cái gì đi từ điểm A qua điểm B từ thời điểm X qua thời điểm Y mà không thay đổi. Dầu danh hay sắc, nó chỉ tồn tại đúng một sát-na rồi thì nó bị thay thế bằng một sát-na khác, như vậy làm gì có chuyện có người tạo và có người hưởng. Thấy như vậy, buổi đầu mình thấy bằng sự vay mượn từ cái biết của người khác, lâu ngày thấm thía lúc nào mình không hay, lúc đầu mình dùng tự kỷ ám thị, lâu ngày thành ra của mình. Tôi tin Phật không phải vì tôi mến Ngài hoặc sợ đi địa ngục, mà thật sự là lời Ngài nói không trật. Ngài nói thiện đem lại an lạc, ác đem lại đau khổ, bất an, ít nhất trong đời sống mình thấy điều đó hoàn toàn đúng. Điều thứ hai, Ngài nói, cái gì cũng do duyên mà có, cái này không thể trật được, uống một ly nước không phải dễ, cần phải có vô số điều kiện mới uống được ly nước, và bản thân ly nước cũng cần vô số điều kiện mới có. Và mọi sự khi có rồi sẽ luôn luôn đứng trước nguy cơ thay đổi, biến mất. Nếu mình nắm vững lý Nhân quả, lý Tam tướng thì làm sao mình có thể thấy người hành động và người cảm thọ là một được, nó luôn luôn biến diệt chớp nhoáng. Mọi thứ do duyên mà có, đã có rồi phải bị mất. Năm nay tôi đã đi hơn nửa đời người, chỉ dựa vào cái biết của mình đã thấy ra

điều đó, nói chi là thánh trí. Tôi thấy rằng trong cái biết của tôi, hai điều này không thể nào khác được: Vạn sự do duyên mà có, đã có rồi phải bị mất; mà mất trong thời gian bao lâu?

Xin thưa, trong một sát-na, cái này tiếp nối cái kia, B được tạo ra từ A nhưng nó không phải là A nữa, C được tạo ra từ B, nhưng nó không phải là B nữa.

Có 3 bức màn che trí tuệ Tam tướng.

1. Khái niệm liên tục (santatisaññā). Chính khái niệm này che khuất trí tuệ về sự vô thường

2. Sự thay đổi tư thế sinh hoạt (iriyapāttha) che đậy trí tuệ về khổ tướng.

3. Khái niệm về khối lượng (ghanasaññā) che khuất trí tuệ về tính vô ngã. Lẽ ra phải thấy cái gì cũng là lắp ráp, kết nối.

Cái thằng Tèo hồi còn nằm ngửa trong nôi, từ từ lớn lên dứt sữa, ăn cháo, ăn cơm, rồi dậy thì lớn lên trung niên rồi về già… mình tưởng là một người, nhưng thật ra cái thằng Tèo trong bụng mẹ đó đã chết từ lâu, cái tâm sinh lý của thằng Tèo đã thay đổi trăm phần trăm, không có cái gì nằm khư khư đó đi từ tuổi này qua tuổi kia. Đó là santatisaññā.

Khi mình ngồi lâu quá bị mỏi, mình đổi qua nằm, đứng, hoặc đi, chính vì vậy mình mới thấy cơ thể mình luôn luôn có vấn đề, nếu bà con ngồi một chỗ để ý sẽ thấy trong thời gian ngắn, sẽ thấy ra một điều đó là tấm thân của mình luôn có vấn đề, luôn bất an và bất ổn. Chính vì mình dùng đủ cách để thay đổi tư thế sinh hoạt, đói thì đi ăn, khát thì uống, đi toilet, tự xoa bóp tay chân, chà xát trên mặt trên tóc nên sẽ ngăn trở trí tuệ khổ tướng (iriyapāttha).Nói cho biết chứ không phải kêu bà con ngồi yên để nhìn cái khổ.

Khi nói đến thằng Tèo, cái tủ, cái xe, mình chỉ hình dung ra một cái gì nguyên khối, thật ra không hề có cái gì đơn nhất mà tồn tại. Cái bàn, thật ra gồm miếng ván nhỏ, ván lớn, có đinh, có ốc, chưa kể mặt bàn cũng là nhiều thớ gỗ cộng lại. Cứ thử chẻ nhỏ ra nó sẽ thành tăm xỉa răng, cưa ra thì thành mạt cưa, xay ra thì thành bột. Có những loại gỗ quí như trầm người ta xay thành bột. Tôi có cả ký lô bột trầm, tôi có cái khuôn trầm giống như khuôn bánh in, tôi nén bột trầm vào trong đó và in ra thành cái bánh in bằng bột trầm có hình chữ Phúc. Khi đốt thì khói sẽ tạo lên chữ Phúc, thơm lắm. Bản chất danh sắc cũng vậy, có là thủ tướng, giáo hoàng, ăn mày, hay hoa hậu gì đi nữa cũng đều có thể xay thành bột từ danh

tới sắc, nghĩa là có thể phân tích ra thành từng thành phần cực vi, chính từ đây không thể nghĩ kẻ tạo nghiệp cũng chính là kẻ tạo quả. Ở đây Ngài nói rằng: "Ta không nói có kẻ tạo nghiệp và có kẻ hưởng quả, ở đây ta chỉ nói vô minh duyên cho hành, hành duyên cho thức, thức duyên cho danh sắc…". Ở đây chỉ có các duyên. Do không hiểu Bốn Đế nên mới có ba Hành, và từ có ba Hành mới có 32 tâm quả thiện ác, từ 32 tâm quả thiện ác mới có danh sắc đầu đời, từ danh sắc tái tục mới có 6 căn, từ 6 căn mới có 6 xúc, 6 thọ, 6 ái, tứ thủ, hai hữu, sanh già đau chết, sầu bi khổ ưu não. Trong đau khổ sầu bi đó người ta quýnh quáng tìm lối thoát. Tìm bằng cách nào?

Trở lại vòng tròn vô minh duyên hành, hoặc sống ác, hoặc sống thiện. Nếu sống thiện thì về cõi trên, hết tuổi thọ lại đọa xuống. Khi anh không có một nỗ lực gì thì tự nhiên sẽ trở về đơn vị gốc. Khi trở về cõi Dục thì chỉ tìm chốn đoạn trường mà đi, biền biệt sơn khê không có lối về. Trong Tăng Chi Bộ kinh, Pháp Một Chi. Đức Phật dạy: Nếu có thương ai, cha mẹ, vợ chồng, bè bạn, thân quyến, láng giềng, muốn đem lại lợi lạc cho người đó thì khuyên họ sống an trú trong niềm tin Tam Bảo. Vì sao vậy?

Vì rằng giống như đại dương có lượng nước khổng lồ, ta không thể cân đo đong đếm; công đức có được từ niềm tin đúng đắn với Tam bảo sẽ đem lại lợi lạc vô lượng cho đương sự. Vì vậy thương ai thì giúp cho người ta an trú vào chánh kiến và chánh tín. Không gì bậy cho bằng được mang thân người, được sống trong thời có chánh pháp mà vì tình riêng đi theo một ông sư phụ không dạy cho mình giáo lý, không có khái niệm gì về 12 Duyên khởi, về Bốn Đế, về Tam tướng, về đời sống chánh niệm của pháp môn Tứ Niệm Xứ. Làm Phật tử mấy chục năm trời mà không biết những cái này thì thành thật chia buồn cùng quí vị.

THUẬN THẾ PHÁI

Lokayata, bản Hán dịch là Thuận Thế, tên gọi một trường phái ngoại đạo ở Ấn Độ thời Đức Phật. Tên cũng giống như tên các đạo Hồi đạo Sikh, đạo Mẫu v.v.... Ông này đến hỏi Đức Phật một khái niệm mà tôi cho là rất quan trọng. Có những vị triết gia, những nhà tư tưởng, giáo chủ, nhà tu hành, thấy đời này lúc có lúc không, nắng sớm mưa chiều, có đó mất đó, nên họ mới nói vạn sự là không. Giàu có xinh đẹp, trí thức cũng chết, xấu nghèo ngu dốt, khùng điên cũng chết. Núi non sông rạch ao hồ cũng thay đổi, thương hải hóa vi tang điền, có chỗ lở có chỗ bồi, cứ như vậy đó, trong tỷ năm không có gì trong trái đất này đứng yên. Chính vì vậy nhiều người chủ trương cái gì cũng là không. Chữ 'không' ở đây là một

cực đoan, bởi trong đạo Phật không nói chữ 'không' theo nghĩa đó, mà 'không' ở đây là không có tôi, không có ta, không có linh hồn bất biến, không có gì là thường hằng, không có gì là đơn nhất; tất cả đều là lắp ráp và vô thường. Ngài dạy, không có cái gì được gọi là chiếc xe, xe được gọi là xe vì là đồ lắp ráp. Không phải Ngài phủ nhận cái bốn bánh đang chạy trên đường, Ngài chỉ nói rằng vật thể đang di chuyển đó là đồ lắp ráp.

Vạn vật có thiệt nhưng có theo cách lệ thuộc các duyên và đã có rồi thì phải có lúc biến mất.

'Có' ở đây là có theo kiểu tùy duyên và vô thường. 'Không' ở đây có nghĩa là không có một cái gì đơn thuần, đơn nhất, cá thể tuyệt đối mà có thể tồn tại. Cái gì cũng là đồ lắp ráp, kết nối, lắp ghép (composition only).

Bát bất trong kệ dẫn nhập của Trung Quán Luận: "Bất sanh bất diệt, bất tăng bất giảm, bất thường bất đoạn, bất tịnh bất cấu" nếu hiểu đúng thì rất là hay. Thế gian thường sống cố chấp trong biên kiến, có mập có ốm, có cao có thấp, có đen có trắng… chính vì chìm sâu trong những ý niệm phân biệt này mới nảy sinh bao nhiêu rắc rối, chống đối lẫn nhau. Anh da vàng tôi da đen, da đỏ da trắng, riêng tôi là… da xanh nữa. Sáng hôm nay chỗ tôi ngồi ngó ra bên ngoài cửa sổ tuyết đổ trắng. Cách đây mấy ngày, khoảng hai ngàn cổ động viên VN qua Mã Lai coi đá banh, vỗ tay làm sao không biết mà bị người ta đánh. Đó là phân biệt! Quí vị có nhớ câu chuyện một cư sĩ hành giả đến hỏi xin một vị thiền sư nói một cách ngắn gọn tinh hoa Phật pháp để anh ta hành trì. Vị thiền sư vạch một đường trên đất rồi hỏi đường vạch này dài hay ngắn. Anh cư sĩ nói không thể trả lời được vì chỉ có một đường không thể so sánh dài hay ngắn được. Toàn bộ Phật pháp thật ra chỉ nằm trong câu chuyện này thôi. Tại sao mình thích?

Vì mình có so sánh, mình ghét cũng vì mình có so sánh. Do nghiệp đẩy mình vào hoàn cảnh sống nào đó, có điều kiện tâm sinh lý nào đó, cái gì chống lại tâm sinh lý đó thì mình không thích. Ví dụ tôi là phụ nữ, thích đẹp, cái gì chống lại nhan sắc của tôi là tôi không thích. Trong đời có khổ vì người ta có so sánh. Chính từ so sánh mới nảy sinh ra những phân biệt về chính trị, văn hóa, tôn giáo, chủng tộc; chính từ phân biệt mới nảy sinh ra chuyện thân sơ, thù bạn. Nơi Bắc Cưu Lưu Châu không có khái niệm về hôn nhân, gia đình, nam nữ thương nhau thì đến với nhau trong một lùm cây rồi thì xong, chuyện xong rồi đường ai nấy đi, người nữ có mang thì coi chuyện sanh con như đi toilet, họ vào lùm bụi gì đó rồi sanh con, không đau đớn như Nam Thiệm Bộ Châu. Họ sanh ở đâu rồi thì bỏ

mặc ở đó, ở nơi này không quá lạnh, không quá nóng, không côn trùng, không gai góc, nơi đây như cái tấm thảm nhung nhiệt độ hoàn hảo. Đứa bé khi đói thì khóc, người đi đường (bất cứ là ai, nam hay nữ, già hay trẻ) đi ngang thấy vậy đưa ngón tay cho đứa bé bú, và ngón tay có sữa chảy ra. Bú no rồi nằm ngủ. Vài tháng thì biết đi biết chạy. Lớn lên hồn nhiên như nai như thỏ, không biết gì là cha, mẹ, anh, chị, vợ, chồng. Nó sống thênh thang giữa đời, khi nào đói bụng thì đến gốc cây Như ý, muốn gì thì lấy từ đó ra mà ăn. Các vị có thể không tin nhưng tôi tin tuyệt đối, bằng chứng là ngay trên trái đất này có loài động vật mà nguồn sống của nó rất thoải mái. Bên Thụy Sĩ, lâu lâu đi trên những con đường xuyên qua rừng có cầu nối cho thú đi khỏi bị xe cán. Tôi từng đi đến những nơi mà cá trong suối thò tay chạm được nó. Ngay trên hành tinh này đã vậy thì những cảnh giới như trên cũng không có gì lạ. Có những quan điểm Đức Phật cho là biên kiến: Nói tất cả đều có là cực đoan, nói tất cả đều không cũng là cực đoan; nói tất cả đều là nhiều cũng là cực đoan mà tất cả đều là ít cũng là cực đoan. Ngài nói, không có nhiều, không có ít, không có lớn, không có nhỏ, không có cao, không có thấp, không có đen, không có trắng, tất cả chỉ là sự lắp ráp. Với một người hiểu rõ hai nguyên lý đã nói (Vạn hữu do duyên mà có, đã có rồi phải có lúc mất) thì không còn bận tâm những ý niệm phân biệt.

Có - không, nhiều – ít, tất cả đều là giả niệm. Muốn thoát khỏi giả niệm này thì phải luôn nhớ công thức của lý Duyên khởi, Lý Duyên khởi nằm gọn trong hai nguyên lý vừa nói.

Kinh thứ hai là Janussonisutta, kinh thứ ba là Thuận Thế Phái, đã giảng xong ba kinh. Tiếp theo là Kinh Thánh Đệ Tử.

THÁNH ĐỆ TỬ

Kinh này đọc bản Việt có thể hiểu lầm, phải sửa lại một chút để có thể hiểu được kinh này.

Vị thánh nhân không có nghi ngờ về lý Duyên Khởi. Đã là thánh nhân dù là Sơ quả cũng không có thắc mắc về lý Duyên Khởi. Tùy sức ở mỗi tầng thánh mà hiểu rộng hay hẹp, sâu hay cạn về lý Duyên khởi. Kinh này nhấn mạnh rằng không thể gọi là thánh nhân nếu không hiểu được lý Duyên Khởi, bởi lý Duyên Khởi chính là cơ cấu, cấu trúc làm nên cái gọi là sinh tử. Phải hiểu được nó mới ra khỏi biển khổ.

Hôm nay chỉ đủ duyên nghe ba kinh. Hẹn lại ngày thứ ba.

Bài giảng ngày 11-12-2014 THÁNH ĐỆ TỬ

Nội dung kinh Thánh Đệ Tử: một vị Sơ quả trở lên không thể có thắc mắc về lý do có mặt của mình ở đời này. Cái thấy của vị Hữu học có thể hạn chế so với vị La-Hán, nhưng về căn bản vị Sơ quả không thể không biết gì về nguyên lý Duyên khởi.

Mọi hình thức hiện hữu đều do tham ái, vô minh tạo ra thông qua sự tiếp xúc và xử lý 6 trần của 6 căn. Nếu không biết những điều này thì không thể đoạn trừ phiền não, thấy được Niết bàn.

Bằng chứng là vị Sơ quả đã đoạn trừ ba phiền não căn bản của dòng luân hồi là thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ. Ba phiền não này là ba phiền não gốc. Một chiếc xe đã chạy mấy chục ngàn tỷ cây số rồi, bây giờ chỉ còn khả năng chạy 7 cây số thôi; bảy cây số này thích thì kể, không thích thì thôi. So với dòng luân hồi thăm thẳm thì 7 kiếp sống giả định này chẳng là gì so với đoạn đường vị ấy đã đi qua. Điều đó có nghĩa thân kiến và hoài nghi là những phiền não rất là căn bản. Một vị đã hiểu được lý Duyên khởi không thể tiếp tục có thân kiến(nhìn danh sắc như là ta, của ta), hoài nghi (sự mơ hồ về nguồn gốc của mình). Ngược lại, người không có hai phiền não này cũng không thể mơ hồ về lý Duyên khởi. Khi nào vị đó nhìn thấy cái gì, nghe cái gì mà có lòng tham thì vị đó biết ngay, đây là ái, duyên cho thủ, thủ duyên cho hữu… Vị đó biết rõ ngay trong tham ái này vô minh có mặt, hành có mặt. Hoặc vui trong thiện, vui trong bất thiện, vị đó biết rõ đây là hành, sẽ tạo ra 32 tâm quả, hoặc biết rõ đây là lục nhập. Cách xử lý 6 trần của phàm và thánh khác nhau. Thánh thì thấy chỉ biết là thấy (thấy bằng thánh trí), biết rõ nguồn cơn của đau khổ; còn mình thấy thì dẫn đến thích (tâm tham) và không thích (tâm sân).

“2) Này các Tỷ-kheo, vị Đa văn Thánh đệ tử không có suy nghĩnhư sau: "Do cái gì có mặt, cái gì hiện hữu?

Do cái gì sanh khởi, cái gì sanh khởi?

Do cái gì có mặt, các hành hiện hữu?

Do cái gì có mặt, danh sắc hiện hữu?

....”

Trong bản dịch của HT Minh Châu thì là vị thánh đệ tử "không có suy nghĩ" ở đây phải hiểu là "không có thắc mắc, không có nghi hoặc". Trong bản Pāḷi họ cũng dùng "không có suy nghĩ"

Ví dụ như bây giờ mình biết rõ đây là cái đồng hồ của bạn mình bỏ quên, sẽ có hai cách nói: mình 'không có suy nghĩ' rằng mình nên đem bán cái đồng hồ này, hoặc không có lòng tham hay toan tính đem đi bán, hay là 'không có phân vân' nên đi bán cái đồng hồ hay không.

Tại sao tôi lại làm rõ chỗ này bởi vì một ngày nào đó quí vị sẽ thấy những đoạn kinh hình như gần giống như nói ngược lại: "ở đây vị đó suy nghĩ như sau: cái khổ này từ đâu mà có..." lúc bấy giờ chữ 'suy nghĩ' ở đây đôi khi còn có nghĩa là sự quán xét, ở đây có nghĩa là sự nghi ngờ.

THÁNH ĐỆ TỬ (2)

Kinh Thánh Đệ Tử (2) cũng y hệt như vậy. Ngày trước trong một thời gian khá dài, tôi không thích, lại vừa thắc mắc tại sao những kinh này giống nhau y hệt mà các vị kiết tập lại không bỏ bớt. Bây giờ mới thấy có lý do rất là tuyệt vời. Phải có sự trung thực như vậy đó người đời sau họ mới tin vào tính cách truyền thống, tính xác thực của Tam tạng. Nếu mọi thứ như cách nghĩ phàm phu của mình, cái gì được gọt giũa trơn tru quá thì sẽ khả nghi. Ngày xưa các ngài chỉ nhắc lại bằng miệng, khẩu truyền, nên có sao y vậy, càng đọc kỹ trong kinh Pāḷi sẽ thấy nhiều chuyện rất độc đáo. Nếu quí vị đọc thường thì sẽ nhận ra nhiều chữ rất độc đáo.

Trong quyển Chuyện Phiếm Thầy Tu tập hai, tôi sẽ dành một phần lớn để nói về chuyện nghiên cứu kinh điển, về tu tập Tứ Niệm Xứ ở các truyền thống Miến và Thái. Tôi biết tôi không phải pháp sư Tam tạng, không phải là thiền sư mà lạm bàn thì cũng phiền lòng nhiều người nhưng bà con cứ xem thử coi tôi nói cái gì, tính theo khổ giấy A4 thì trung bình một đề tài tối đa là một trang rưỡi, font size 12-14. Tôi sẽ lạm bàn một số vấn đề chẳng hạn như niềm tin của mình đối với kinh điển ra sao. Hôm nay tôi ngồi giảng về kinh tạng bằng cách tham chiếu chú giải, ấy vậy mà tôi cho rằng mình cũng vẫn phải rất là cẩn trọng đối với cái gọi là chú giải của đời sau. Bởi chú giải của đời sau có những sự bất nhất. Đời trước họ không có internet như mình bây giờ nên điều kiện tham khảo không được nhiều, có những vị học hỏi từ sư phụ của mình với những điểm sai khác, cứ để nó nằm ở đó. Vị khác cũng vậy, rồi khi có được internet, người ta mới tập đại thành, và gom hết mọi thứ lại thì mới phát hiện ra vấn đề.

Ở đây có câu hỏi học kinh Phật cách nào đạt hiệu quả nhất?

Câu hỏi này quá sức rộng, tôi sẽ hỏi ngược lại: uống thuốc hay tập thể dục cách nào hiệu quả nhất. Câu này không thể nào trả lời ngắn gọn được, vì cơ thể của thằng Tèo không giống cơ thể của thằng Tý. Thằng Tèo bị tiểu đường, thằng Tý bị cao huyết áp, má nó thì bị bao tử. Học kinh Phật cũng vậy, có người đến với kinh Phật đi theo sự đơn giản, rốt ráo ngắn gọn, nhưng có những người thì đơn giản quá không đủ cho họ vì họ thắc mắc nghi hoặc hoài, họ phải học tới nơi tới chốn mới yên. Sau bao nhiêu năm học kinh Phật suy tư tôi thấy không cần nhiều, chỉ cần biết rõ một ít thôi, đó là giáo lý Duyên khởi, không cần phải biết chi tiết cõi Trời nào sống bao lâu, hào quang làm sao, Bồ tát Tất Đạt lấy vợ năm bao nhiêu tuổi… Cái quan trọng là: "Tại sao có tạng Luật, tại sao có tạng Kinh, tại sao có tạng A-tỳ-đàm?

" mà trả lời cho mỗi câu này chỉ mất ba phút. Tạng Luật, Tạng Kinh, Tạng A-tỳ-đàm có tác dụng như thế nào đối với chuyện tu hành chấm dứt phiền não, và giáo lý Duyên khởi nằm ở đâu trong ba tạng đó?

Gom gọn nội dung bà con cần tham khảo kinh điển chỉ khoảng một trang giấy học sinh mà thôi. Cách đây tôi nghe một câu nói mà không tưởng tượng được sao người ta 'thông minh' kinh hoàng như vậy: "Không cần học gì nhiều, chỉ cần tu Tứ Niệm Xứ thôi". Không học thì biết Tứ Niệm Xứ nói cái gì?

Giống như nói không cần học Y, không cần học Dược, mà chỉ cần uống thuốc thôi là hết bịnh. Thuốc đó ở đâu mà có?

Nói như vậy nghĩa là họ không biết A-tỳ-đàm nói cái gì. Tôi đã trả lời ngắn gọn thế này, có thể chúng ta không từng học A-tỳ-đàm trước khi đắc đạo nhưng tôi xin đoan chắc rằng toàn bộ những gì mà một vị thánh nhìn thấy trước khi chứng thánh dứt khoát 100% là những gì tạng A-tỳ-đàm nhắc tới. Trong chú giải bài kinh Tư Lường có nói rõ một chuyện: Chư Phật ba đời chỉ có hai cách nói về khổ và con đường thoát khổ, đó là nói theo cách Tục đế (sammutikatha, sammutisacca), cách hai là Chân đế (paramatthasacca).

Có người đến với đức Phật, Ngài chỉ nói lý Duyên Khởi hay bản chất Tam tướng, nhân quả của 5 Uẩn là xong. Vạn hữu do duyên mà có, đó là tính nhân quả, có rồi phải bị mất, đó là tính Tam tướng. Đôi khi chư Phật chỉ nói vắn tắt như vậy là người nghe đã chứng thánh. Có lúc các ngài phải nói cả một thời pháp (bài kinh) thật đầy đủ. Ví dụ Ngài nói do tiền nghiệp quá khứ giờ phải sanh ra trong hoàn

cảnh nào đó, cộng với điều kiện tâm lý mới ghét cái này thích cái kia, và từ chỗ đó vô tình tạo thêm điều kiện để quay trở lại đời sống đó. Chẳng hạn do tiền nghiệp mình phải mang thân bịnh hoạn nghèo khổ, chính vì nghèo khổ bịnh hoạn mình làm chuyện bậy, và từ đó mình tiếp tục sanh trở lại bịnh hoạn và nghèo khổ nữa. Có loài thích ăn phân, có loài thích ăn trái cây, có loài thích ăn củ rễ, hoa quả, có loài thích ăn cơm, có loài hít thở không khí là sống. Ngay trong đời sống đó lại ghim sâu gắn chặt để quay trở lại. Mình tu là không tiếp tục thích ghét, để không ghim sâu gắn chặt vào thế giới này. Có người thì không cần nói như vậy mà họ phải được hướng dẫn sống đời xuất gia, từ bỏ vật chất, sống khép mình, độc cư, tìm cơ hội cọ xát đau khổ, để chán đời, để mài mòn phiền não. Hồi nãy tôi dậy bốn giờ rưỡi, gió lạnh se sắt quật vào cửa sổ, tôi biết rõ bên Thái Miến, các chùa ở nông thôn, chư tăng ôm bát đi từ sớm, có bữa mưa tầm tã cũng phải đi, bởi đi trễ bà con đi làm hết không còn ai để bát. Hơn nữa đi sớm để về giao bát cho nhà bếp để sửa soạn cơm trưa, còn bản thân thì phải lên lớp học. Đi xuất gia phải cực như vậy mới ra ông sư tốt, phải cực khổ như vậy mới thấy ngán, sống trong tập thể thế nào cũng bị cọ xát va chạm, được cái này, mất cái kia. Có vị khi đủ tuổi đời tuổi đạo thì thầy cho ở trên núi trên rừng một mình, trên đó thì bịnh không có thuốc, đói không có cái ăn, sống trong hang đá. Có bình nước nhỏ xíu mà buổi chiều quên lấy, nửa đêm trong hang khát nước, hai giờ sáng gió rít từng cơn, nước đâu mà uống. Phải như vậy thì mới thấy dòng luân hồi dễ sợ. Sáng mai gió mưa như vậy mà phải đi xuống làng, không biết gió mưa như vậy có ai để bát không. Đó là xóm PG, còn ở cái chỗ không có Phật tử thì người ta không cho mà còn chửi, thả chó ra còn mệt nữa thì sao.

Tùy căn cơ chúng sinh, có người Đức Phật giảng cho nghe về A-tỳ-đàm, có người là một bài kinh, có người ngài dùng tạng Luật, nghĩa là khuyên dạy họ đi xuất gia, sống một cuộc đời như vậy như vậy…, miễn là họ có dịp nhận diện được gương mặt thật của đời sống là cái gì. Khi họ sống khép mình vào đời sống xuất gia họ mới có dịp thấy được phiền não làm cho mình khổ cỡ nào. Khi không sống khép mình vào giới luật thì tâm lăng xăng. Khi tâm lăng xăng thì mình không có dịp thấy để sợ. Có người giải thoát do thấy sợ nhân luân hồi, ở đây ám chỉ phiền não. Có người giải thoát do thấy sợ quả luân hồi, ám chỉ những nỗi khổ trong đời sống của mình và người. Người lợi căn thường thấy như vậy, tức thấy nhân trước quả, có người phải thấy quả mới nghĩ đến nhân.

Thương ai hoặc thích món đồ nào đó, khổ ghê lắm, ghen tuông, ganh tị cũng khổ. Tôi nhớ khi về Đức ở, họ giao cho tôi một chỗ ở trên núi hai tầng, đã lâu lắm tôi không sợ ma là gì, nhưng thật sự khi đặt chân vào nhà này tôi mới nhớ là hình

như mình còn sợ ma. Có những tiếng động rất lạ, nhưng chợt nhớ lại hai chuyện tôi hết sợ, thứ nhất đó là tôi biết tôi đã đi hơn nửa đời rồi, cái ngại trước mắt là cái chết, tôi phải chết ra làm sao. Nó có lù lù trước mặt tôi cũng không sợ bằng cái chết của tôi. Thứ hai là tôi nhớ hình như từ nhỏ tới lớn cái làm cho tôi khổ là con người chớ không phải con ma, tôi nhớ người đáng sợ hơn ma. Thứ ba là tôi nghĩ đến chuyện sắp tới mình sống làm sao, đâu có ai hộ trì, cái đó mới đáng sợ. Nhờ nghĩ vậy mà ma tà mất sạch hết. Ngay lúc đó tôi mới thấm thía một chuyện, thì ra, sống trong sự sợ hãi, hờn giận, ghen tuông, toan tính nó khổ như thế này. Có người sợ luân hồi qua cái quả, thấy cảnh đói lạnh nghèo của người khác mà họ sợ. Tôi không phải là thiền sư nhưng điều này quí vị phải tin tôi, luôn luôn niệm câu thần chú này: Tất cả những gì ta thích hay ghét trên đời này toàn là đồ giả.

KINH TƯ LƯỜNG

Tư Lường (Parivimamsana) ở đây có nghĩa là suy nghĩ, trầm tư bằng trí tư, sau đó bằng trí tu, là suy tư. Nội dung kinh là người học đạo suy xét nguồn cơn xem các khổ trên đời từ đâu có, suy tư theo nguyên lý Duyên khởi thì sẽ thấy. Có nhiều cách suy tư, nhưng suy tư theo nguyên lý Duyên khởi là một trong những cách giúp ta chứng thánh. Phải suy nghĩ thế nào để thấy được nhân luân hồi, quả luân hồi, phiền não luân hồi.

Trong 12 Duyên khởi có cái là nhân, có cái là quả. Quả được tạo ra từ nhân, nhưng cũng là nhân để tạo ra quả khác. (Kỳ nhông ông kỳ đà, kỳ đà cha cắc ké, cắc ké mẹ kỳ nhông)

Vô minh là nhân, duyên cho hành cũng là nhân. Hành duyên cho thức (quả). Thức duyên cho danh sắc (quả). Danh sắc duyên cho lục nhập (quả). Lục nhập duyên 6 xúc cũng là quả, xúc duyên thọ cũng là quả. Thọ duyên cho 6 ái, là nhân. Sáu ái duyên cho 4 thủ cũng là nhân. Tứ thủ duyên cho nghiệp hữu cũng là nhân, duyên cho sinh hữu là quả. Hai hữu duyên cho sanh, là quả. Sầu bi khổ ưu não, vừa là nhân, vừa là quả. Nhân ở đây là tâm thiện hay bất thiện. Quả ở đây là quả thiện hay quả bất thiện được tạo ra từ các tâm thiện hay bất thiện.

Vô minh, phi phúc hành, ái, thủ, nghiệp hữu bất thiện là phiền não luân hồi.

Người học đạo ngồi suy tư, lúc đầu thấy bằng trí văn, tức qua chữ nghĩa; dần dần thấy bằng trí tư, tức qua sự trầm tư thấm thía; cuối cùng là thấy bằng trí tu, tức sự thể nghiệm, thân chứng lúc tu tập Tứ Niệm Xứ. Vừa nhìn, nghe cái gì đó mà thấy thích là biết liền, vô minh đang có mặt, biết phi phúc hành đang có mặt, biết ái

đang có mặt, biết lục nhập đang làm việc, biết 6 xúc, 6 thọ đang có mặt, biết rõ 4 thủ đang có mặt, biết rõ nghiệp hữu đang có mặt. Lúc đầu biết theo trí văn, lâu ngày biết theo trí tư, và khi sống trong chánh niệm thì biết liền. Giống như người chưa từng học hóa chất, liếc thấy một giọt nước chanh đang nhểu xuống thì không biết nhưng người có học hóa thì biết trong đó có chất gì liền. Một anh thợ máy giỏi thì chỉ cần nghe tiếng máy lúc đề là biết có vấn đề gì xảy ra liền. Hoặc dân nấu ăn giỏi, những người có lưỡi hoàng đế, múc miếng chè bỏ vào miệng là biết ngay công thức, có chất gì trong đó, còn dân không biết nấu ăn thì không biết thứ gì trong đó. Tu là phải có học, không học mà ngồi đòi biết như người ta thì chỉ có chiêm bao thôi.

Vị đó thấy rõ tất cả những cái khổ trên đời này ở đâu mà có, do phút chào đời mà có. Giây phút chào đời này ở đâu mà có?

Do hai hữu mà có. Hai hữu ở đâu mà có?

Do tứ thủ mà có. Tứ thủ ở đâu mà có?

Do 6 ái mà có. Sáu ái ở đâu mà có?

Do 6 thọ mà có. Sáu thọ ở đâu mà có?

Do 6 xúc mà có. Sáu xúc ở đâu mà có?

Do 6 xứ mà có. Sáu xứ ở đâu mà có?

Do danh sắc đầu đời mà có, danh sắc đầu đời từ 32 quả thức mà có. 32 quả thức này có từ ba hành, ba hành có từ 4 vô minh, 4 vô minh do tứ lậu, tứ lậu do sự vùng vẫy trong tuyệt vọng của một người bị sầu bi khổ ưu não. Sầu bi khổ ưu não do đâu mà có?

Do sanh mà có. Cứ vòng vòng như vậy, là vòng tròn khép kín không có điểm bắt đầu nhưng bắt đầu chỗ nào cũng được.

Vị đó thấy rõ rằng, một khi không có cái này thì không có cái kia. Cuối kinh, Đức Phật hỏi chư tăng: Một vị đã hết phiền não thì có thể còn ý muốn đầu tư ba hành hay không?

Chư tăng trả lời là không. Như một người hiểu chuyện thì không hề muốn có mặt ở Iraq với bất cứ hình thức nào, làm ăn, tạm trú đều nguy hiểm. Mình còn

muốn luân hồi là vì mình còn thấy thích, mình thích vì quên mất câu thần chú, tất cả những gì mình thích đều là đồ giả.

Tôi nhớ một câu chuyện ngắn trước 75. Câu chuyện về một gia đình ở miền Trung, vì chiến tranh nên một gia đình phải dời đi vào Sài Gòn. Thằng nhóc luyến tiếc chõng tre, con chó mực, con chị thì tiếc búp bê. Khi xe chạy rồi tụi nó còn quay lại ứa nước mắt. Má nó giải thích là về ngoại ở để tránh đạn bom. Tôi thấm câu chuyện đó là trong tâm tình trẻ thơ, chúng yêu được những cái mà người lớn coi không ra gì. Một thời tuổi trẻ yêu được những cái mà thời trung niên không yêu được. Thời trung niên yêu được những cái mà tuổi già yêu không được. Đàn ông yêu được những cái đàn bà không yêu được. Đàn bà yêu được những cái mà đàn ông không yêu được. Người ít học yêu được những cái người trí thức không yêu được, người trí thức yêu được những cái người ít học không yêu được. Người châu Á yêu được những điều người Âu Mỹ khó chấp nhận. Người Âu Mỹ yêu được những điều người Đông phương khó chấp nhận. Tùy tâm tư, trình độ, công đức xưa, hoàn cảnh hiện tại mà dẫn đến mình thích cái gì ghét cái gì. Nhu cầu kéo theo thị hiếu, sở thích. Tiền nghiệp dẫn đến môi trường sống, môi trường sống dẫn đến nhu cầu, nhu cầu dẫn đến sở thích, thị hiếu.

Có thể tôi xuất thân là người nghèo nhưng đến tuổi này tôi có bạc tỷ đô la trong tay tôi cũng không nghĩ đến chuyện mua căn hộ đắt tiền để ở, tôi chỉ thích đi. Trong vali của tôi có dán cái tên để đừng lạc "Thích Phương Trì", phương trì là phi trường. Phương là thơm, trì là cái ao, nhưng phương trì ở đây là phi trường. Thà là tôi đi như vậy, tôi sẽ chia gia tài, cái nào cho tổ chức PG nào. Nếu có tiền tôi sẽ làm bệnh viện nông thôn ở Miến Điện, tôi thương Miến Điện. Tôi muốn đến mấy trường đại học của Miến Điện, Tích Lan xin cúng tiền để họ mở ra những chuyên khoa về hoằng pháp, tôi muốn họ được học lớp ngoại ngữ đặc biệt của các giáo sư bản xứ để họ có thể đi về các nước khác hoằng pháp một cách hiệu quả. Ví dụ về Đức phải biết tiếng Đức, biết văn hóa Đức, biết cơ cấu xã hội Đức để hội nhập thậm chí hòa tan để hoằng pháp hiệu quả hơn. Tôi thích mỗi sáng thức dậy tôi nhìn thấy một khung cảnh mới, một bờ biển mới, một bìa rừng mới và tôi chán thì tôi đi. Tôi thích như vậy hơn nếu có tiền chớ không chịu cảnh nửa đêm thức dậy cũng nhìn thấy cái nhà đó, sáng dậy, buồn vui cũng cái nhà đó, tôi cảm giác mình giống như con chuột giữ hang. Nếu tôi ở trong nước tôi sẽ dành dụm cho con em đi định cư hoặc đi du học hết chớ không bỏ tiền ra cất cái nhà hoành tráng bằng gỗ lim, cẩm lai, đi xe đắt tiền, sống kiểu đại gia. Không bao giờ. Tối thiểu không được về Âu Mỹ thì cũng tống con em qua Thái Lan hết, không để ở trong nước.

THỦ (Upadanasutta)

Toàn bộ nội dung kinh này chỉ gói gọn trong hai chữ quan trọng sau đây: Toàn bộ nội dung kinh này chỉ gói gọn trong hai chữ quan trọng sau đây: ‘Assadanupassino’ kiểu nhìn ngắm thời gian qua lăng kính màu hồng, thấy toàn sự ngọt bùi để tiếp tục ở trong vòng tròn Duyên khởi. kiểu nhìn ngắm thời gian qua lăng kính màu hồng, thấy toàn sự ngọt bùi để tiếp tục ở trong vòng tròn Duyên khởi. ‘Adinavanupassino’ kiểu nhìn ngắm thế giới qua những khía cạnh tiêu cực để nhàm chán và từ đó ra khỏi vòng tròn Duyên khởi.

Đức Phật dạy khi mắt, tai, mũi, lưỡi đón nhận trần cảnh ở những khía cạnh ngọt ngào thì mình mới thích, từ chuyện mình thích mới dẫn đến vòng tròn Duyên khởi. Vô minh duyên hành, hành duyên thức…, từ đó toàn bộ khổ uẩn được hình thành. Còn một người nhìn thấy thế giới này qua những sắc, thinh, khí, vị, xúc, nhìn thấy ở khía cạnh tiêu cực thì họ thấy mọi thứ do duyên mà có, đã có rồi thì bị mất, nhìn thấy như vậy họ mới nhàm chán, ly tham và có thể giải thoát được. Vì vậy nội dung bài kinh này cũng như toàn bộ nội dung tu hành giải thoát của mình chỉ nằm trong Adinavanupassino và Assadanupassino.

‘Assadā’: vị ngọt; ‘Anūpassīno’: chiêm ngắm, quan sát.

Một người thường xuyên thấm thía vị đắng của cuộc đời thì thường rất chừng mực trước cái gọi là vị ngọt, luôn cảnh giác. Người chìm đắm trong vị ngọt thường khi đau khổ gấp bội lúc nếm trải vị đắng. Đây là kinh nghiệm bằng vàng.

Tôi nhìn thấy những cuộc họp mặt mà người trong cuộc vui vẻ cười đùa thoải mái đến mức quên mình thì tự nhiên tôi ngại giùm, không biết niềm vui này kéo dài được bao lâu. Trong khi đó, những hành giả thứ thiệt gặp nhau rất khó lòng nhìn thấy họ có những trận cười thoải mái. Bởi vì tất cả những trận cười của mình đi ra từ sự thất niệm, từ sự thiếu cảnh giác. Một nhóm tử tù ngồi lại với nhau khó mà có những trận cười hết mình. Một nhóm bệnh nhân ung thư kỳ cuối ngồi gần nhau cũng vậy. Họ luôn sống trong một ý thức thường trực về những gì mình đang trải qua và sẽ phải đối mặt sắp tới.

Hành giả Tứ Niệm Xứ là những người luôn thấy mình là tử tù, là bệnh nhân ung thư kỳ cuối. Chỉ sống bằng tâm trạng này thì người ta mới dễ dàng buông bỏ mọi sự và tha thứ độ lượng dễ dàng hơn. Tôi không có ý kêu gọi bà con sống trong sự héo úa, lo âu sợ hãi, tôi chỉ muốn nói ý thức thường trực của mình về bản chất thật sự cần thấy của đời sống. Mình dễ duôi là vì mình thấy mình còn nhiều thời

gian, chớ thật ra, chuyện ngủ dậy mà bị liệt một bên người thì không khó, hoặc thấy trong người kỳ kỳ đi ra bác sĩ và họ phán mình bị ung thư cũng không khó, nhất là trong bối cảnh hiện tại, thức ăn độc hại, môi trường ô nhiễm, âu lo toan tính thường trực trong đầu. Ông bà mình ngày xưa không giàu bằng mình, nhưng họ thanh thản hơn mình nhiều lắm. Tôi nhớ Đức Dalai Lama nói: Người ta đang đem bán thời gian và sức khỏe, tuổi trẻ của mình để lấy tiền. Mai sau lấy tiền mua lại sức khỏe và tuổi trẻ, nhưng dĩ nhiên không còn kịp nữa. Bà con là cư sĩ phải đi làm kiếm sống, nhưng phải thường xuyên nhớ câu này. Kiếp người khó kiếm mà chỉ vì miếng cơm manh áo mình phải đi vật lộn với đời sống để đổi lấy ít tiền. Không có gì tan nát cho bằng sức khỏe mình đang ngon lành, mình đang có khả năng thiền định rất là tốt mà phải bỏ hết đi làm, mỗi ngày ngồi mấy tiếng đồng hồ ngoài sở, gom được mớ tiền gởi nhà băng, tới lúc về hưu thì cái đầu không tập trung được, học đạo không được, ngồi thiền không được. Lúc đó chỉ còn tiền trong nhà băng thôi, rồi lấy tiền đó đi làm phước, nghe nói chùa nào xây cất, đúc tượng in kinh thì hùn. Chuyện làm phước đó tôi không bài bác nhưng nó chỉ có tác dụng rất nhỏ đối với đời sống tinh thần của mình. Về hưu 65 tuổi làm phước ròng rã 5 năm trời, rồi thành cụ già 70, mà đời sống tinh thần quá nghèo nàn, lúc đó chỉ cần gặp cái sốc trong gia đình thì chịu không nổi, tấm thân đau nhức cũng chịu không nổi. Rõ ràng có năm năm trời đi làm phước mà không có giây phút nào để sống tĩnh tại và nội hướng. Hôm nay, bà con vẫn đi làm để sống chớ ai nuôi mình đâu nhưng hãy nhớ chừng "tôi đang bán rẻ sức khỏe và thời gian của tôi để lấy tiền, mai này tôi sẽ lấy tiền để mua lại những thứ tôi đã bán rẻ năm xưa." Tâm niệm thường xuyên như vậy rất có lợi. Đó là nội dung bài kinh Thủ.

Nếu quí vị là người tin Phật thì sẽ thấy rằng cơ hội quay lại làm người không dễ, nói gì làm người được gặp chánh pháp, nghe Phật pháp. Hãy tưởng tượng, nếu hôm nay trên hành tinh này, cũng với nền khoa học phát triển rực rỡ như vậy và chúng ta là những người tuổi trẻ thành công học thức giàu có như vậy đó, nếu như không có Phật pháp thì sẽ ra làm sao. Nhớ giùm Phật pháp ở đây không phải là cái chùa, là bóng dáng tăng ni, mà là những gì mình nghe được, thấm thía được, đem lại sự thay đổi tích cực cho đời sống của mình. Chớ đừng hiểu Phật pháp theo nghĩa chùa to Phật lớn, tăng ni đầy đường đỏ chợ, bản thân mình thì có tiền làm phước ào ạt mà trong khi đó đời sống nội tâm quá sức nghèo nàn, chỉ những câu hỏi nhẹ nhàng mà không sao trả lời được, không tìm được lời giải đáp: Tôi là ai, ở đâu đến, sẽ về đâu, hiện giờ nên làm gì?

Hẹn bà con ngày thứ Bảy.

Bài giảng ngày 13-12-2014 THỦ

Sáng nay mình học cùng một lúc nhiều kinh vì có nhiều kinh có nội dung giống nhau, chỉ khác nhau chút đỉnh. Kỳ rồi mình học bài kinh cuối cùng là bài kinh Thủ (Upadanasutta). Nội dung là gồm hai thái độ sống: 1. Assadanupassi: cảm nhận 6 trần (đời sống) qua lăng kính tục lụy, thấy gì cũng ngọt ngào. 2. Adinavanupassi: cảm nhận đời sống qua những mặt trái của nó. Khi ta thấy thích một thứ gì thì ngay trong đó đã có vô minh, ba hành…, ngay khi ta thấy được bản chất tùy duyên và Tam tướng của 6 trần rồi sinh tâm nhàm chán thì lúc đó chính là thời điểm tháo gỡ vòng Duyên khởi. Thay vì 6 xúc duyên 6 thọ, 6 thọ duyên 6 ái thì ở đây 6 thọ duyên cho Tứ Niệm Xứ, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo. Đó là tâm trạng của hành giả lúc đang tu tập Tứ Niệm Xứ. Khi người ta thấy, nghe cái gì đó người ta thích, còn mình ngay chỗ thấy nghe đó mình không để cái thích xuất hiện mà tín, tấn, niệm, định, tuệ xuất hiện ngay lúc đó, trường hợp này được gọi là đang đi theo chiều ngược của 12 Duyên khởi, nghĩa là tháo gỡ vòng Duyên khởi. Ở đây Đức Phật thu gọn lại và giải thích cho mình nghe vòng tròn sinh tử đều đi ra từ hai thái độ sống: Cảm nhận đời sống ngọt ngào và cảm nhận mặt trái của đời sống.

KIẾT SỬ (1) (2)

Kinh Kiết Sử cũng có nội dung giống vậy chỉ thêm ví dụ ngọn đèn. Ngọn đèn có tim có dầu thì cháy hoài. Nếu không thêm dầu mới, không thay tim mới thì ngọn đèn chắc chắn sẽ tắt. Các nhà khảo cổ đã có dịp lạnh xương sống khi phát hiện trong ngôi cổ mộ, lăng miếu có những ngọn đèn cháy hàng ngàn năm bằng một loại dầu sệt. Gọi là những ngọn đèn Trường Minh. Muốn biết thêm thì bà con vào google gõ "những ngọn đèn vĩnh cửu". Ở đó người ta sẽ cho biết tường hợp nào người ta phát hiện ra những ngọn đèn như vậy.

Khi ngọn đèn hội đủ Duyên khởi thì sẽ cháy. Đức Phật dùng hình ảnh ngọn đèn để nói về dòng luân hồi. Xem thêm đoạn cuối bài kinh Tam Bảo Ratanasutta, đoạn ví dụ vị A-la-hán giống như ngọn đèn hết dầu.

Kinh Kiết Sử (2) cũng có nội dung giống vậy. Đức Phật ví dụ dòng luân hồi giống như ngọn đèn được thêm dầu, thay tim liên tục. Khi hết duyên sinh tử thì mọi sự kết thúc.

Kinh Upadanasutta đã học ngày thứ năm (11-12-2014) là kinh bắt đầu cho các kinh sau.

Mỗi lần ta cảm nhận sáu trần cảnh bằng thái độ tục lụy là mỗi lần ta đang thay tim, thêm dầu cho ngọn đèn sinh tử.

KINH ĐẠI THỌ (Maharukkhasutta)

‘Mahārukkhasutta’: Kinh Đại Thọ, Ví Dụ Cội Cây Lớn. ‘Rukkha’: cây.

Loạt kinh đang học có nội dung giống nhau, gồm 2 Kinh Đại Thọ, Kinh Cây Nhỏ (Tarunarukkhasutta) Kinh Danh Sắc (Nāmarūpasutta), Kinh Thức (Viññāṇasutta).

Kinh Cây Lớn và Kinh Cây Nhỏ có nội dung: dù cho cây lớn hay cây nhỏ miễn là có được nguồn tiếp dưỡng liên tục thì cây nào cũng sống thêm. Hiện giờ bên cạnh chỗ ngồi của tôi có mấy bụi sả, ớt, rau thơm. Quá lạnh quá nóng chính là trở lực để cho cây phát triển, thế là tôi phải đem vô nhà, vô nhà thì thiếu nắng, thiếu sương. Giống như chăm sóc người bịnh, thấy nó thoi thóp chắc qua không hết mùa đông. Những chậu cây trong nhà hiện giờ giống như một hành giả đạt tới hành xả tuệ rồi. Nay mai chắc những hành giả này đắc Sơ quả là cái chắc rồi, Sơ quả là không có cố gắng gì hết thì cũng Nhị quả thôi, Nhị quả không cần cố gắng gì cũng lên Tam quả. Đây là ví dụ thôi. Đèn đã bể rồi, tim còn dính chút dầu thì leo lét chút thôi. Đức Phật dạy, 6 căn chính là 6 nguồn tiếp liệu cho nguồn sinh tử. Ngày nào còn thấy thích trong 6 trần thì có nghĩa là ta đang thay tim, thêm dầu cho ngọn đèn sinh tử, là ta đang chăm sóc cẩn thận cội cây sinh tử.

Khi nào mình đón nhận 6 trần bằng thái độ ly tham ly dục bằng sự nhận thức rõ ràng đúng đắn về mặt trái của nó thì cội cây sinh tử mòn dần. Dĩ nhiên nhận thức bằng trí tuệ phàm nhân thì không rốt ráo bằng trí tuệ bậc thánh nhưng chính là điểm bắt đầu cho thánh trí. Ngày tôi từ Mỹ về châu Âu, tôi có liếc mắt mấy cái cây ở sân sau; ngay thời điểm tôi biết tôi phải đi châu Âu ít lâu, tôi giống như hành giả quyết tâm tu Tứ Niệm Xứ, dù còn phàm nhưng lòng đã hướng đến sự lìa bỏ. Khi đã hướng về sự lìa bỏ rồi thì dầu mấy cái cây trước mắt (bồ ngót, rau thơm, nha đam) đang xum xuê, tươi tốt, tôi biết nó sẽ bị héo, vì không ai chăm sóc. Rồi một tuần hai tuần cũng sẽ chết sạch, và đúng như vậy. Cách đây khoảng một tháng, mấy người tôi nhờ coi ngó giùm, họ báo tin như vậy. Ngay khi lòng mình đã có ý lìa bỏ rồi, thì nỗ lực của mình không phải đời này thì cũng sẽ là kiếp khác. Ngọn đèn dù có đầy dầu, cội cây có xum xuê cách mấy nhưng mà mình có lòng lìa bỏ thì khi hết dầu nó phải tắt. Cội cây đó khi đã khô rồi, đợt chăm sóc sau cùng của mình không còn hiệu quả nữa.

NIDANASUTTA (Nhân)

Các kinh vừa học và kinh Nhân có nội dung giống nhau.

Theo Chú giải, một ngày kia sau giờ cơm ngài Ānanda đi xem xét xem Thế Tôn có cần nhờ việc gì hay không. Ngày nào cũng vậy, khi nào ngài thấy Thế Tôn không cần gì nữa thì ngài ra gốc cây nào đó hoặc ở phòng riêng bên cạnh để nghỉ trưa. Nghỉ trưa là nếu mệt thì nằm ngủ một chút, còn khỏe thì ngài nhập thiền Quả. Nhập định đáo đại là mình đắc tầng thiền nào, khi muốn sống an lạc thì quay lại đề mục mình đã đắc đó, an trú vô đó chút xíu. Tâm thiền cao nhất mình chứng được sẽ quay trở lại. Hoặc khi đắc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng mà muốn nhập lại Tam thiền Sắc giới thì cứ an trú vô đề mục ngày xưa mình đã đắc Tam thiền thì trong vòng tích tắc trở lại tâm Tam thiền đó gọi là nhập Thiền đáo đại. Nhập thiền Quả là vị thánh đó là Sơ, là Nhị, là Tam, là Tứ quả, lâu lâu vị đó cảm thấy cần nghỉ ngơi tịnh dưỡng bằng thiền Quả, (không có sự nghỉ ngơi nào bằng sự an trú trong tâm thánh quả, vì lúc đó cảnh người ta biết chỉ là Niết bàn). Mình ngoài đời quá sức mệt, ra ngoài sân sau hè nghe gió thổi nước chảy khác với chuyện vô mở phim Hàn thương hận tình thù. Vô coi phim thì cái đầu mình vẫn tiếp tục làm việc dù biết đây là cảnh giả. Dù biết là phim nhưng khi coi lòng mình vẫn bị cuốn trong đó. Trong khi đó cái mình thấy chỉ là nước chảy mây trôi, lòng sẽ khác đi, mình không phải suy tư nhiều, nói chi là thiền Quả. Vị thánh biết đời là giả nhưng hễ còn sống bằng tâm Dục giới, còn thấy còn nghe thì còn mỏi mệt, vì cái thân chưa được thật sự an. Theo chú giải, tùy vào cảnh mình biết cảnh gì, tùy cái tâm mình đang sống bằng tâm gì thì thân của mình được an dưỡng ở mức độ nào.

Tùy cảnh, tùy tâm mà ta đang sống, thân mình được tác động như thế nào, khi tâm an, cảnh vi tế, thì phỉ lạc có mặt và nhờ vậy thân xác được tĩnh dưỡng. Khi tâm ta an lạc, cảnh của tâm sạch sẽ thì huyết áp ổn định, nhịp tim ổn định. Khi ta biết cảnh sôi động, với tâm tư sôi động thì huyết áp và nhịp tim cũng căng thẳng, sôi động. Khi tâm sôi động thì hơi thở sẽ gấp gáp, ta sẽ thấy mệt mỏi hơn là lúc tâm yên tĩnh, hơi thở lắng đọng nhẹ nhàng. Theo dõi một hơi thở nhẹ nhàng thì tâm ta cũng nhẹ nhàng. Tâm nhẹ nhàng thì hơi thở cũng nhẹ nhàng, tâm vi tế thì hơi thở sẽ vi tế. Để ghi nhận hơi thở vi tế thì tâm cũng phải vi tế theo. Hơi thở vi tế thì huyết áp, nhịp tim cũng vi tế theo. Cái này nương cái kia. Như khi ta đang lắng tai và lắng tâm để nghe dư âm sau cùng của một tiếng chuông.

Thế nào là tâm thô, tâm vi tế ?

Tâm bất thiện so với tâm thiện thì tâm thiện là tâm vi tế, tâm bất thiện là tâm thô thiển. Tâm bất thiện có tà kiến là thô, không có tà kiến là tế. Tâm bất thiện vô trợ là thô, tâm thiện vô trợ là tế. Tâm thiện hợp trí là tế, tâm thiện ly trí là thô. Tâm biết cảnh dục giới là thô, biết cảnh thiền là tế. Tâm phàm là thô so với tâm của thánh là tế. Tâm biết cảnh thiền là tế, tâm biết cảnh dục là thô. Tâm biết cảnh Niết bàn là tế, tâm biết cảnh hiệp thế là thô; nghĩa là cái này so với cái khác. Hơi thở cũng vậy, hơi thở được tác động bởi tâm vi tế được gọi là hơi thở vi tế; được tác động bởi tâm thô thiển thì gọi là hơi thở thô thiển. Khi nào tâm lành, ổn định thì hơi thở rất là nhẹ, khi nào sợ hãi, giận, ghen, tức vì sốc thì hơi thở rất nặng. Người nào từng giữ chánh niệm, từng theo dõi hơi thở mới hiểu được điều này.

Một vị thánh khi muốn an dưỡng tuyệt đối ngay khi còn sống có hai cách: 1.Nhập thiền Diệt (nếu vị đó có khả năng). Để đắc thiền Vô sắc, thánh trí thì ít nhất phải đạt đến Tam quả. Trong suốt thời gian đó thì họ hoàn toàn không có tâm. 2.Nhập thiền Quả, vị đó chứng tầng thánh trí nào (chẳng hạn Tu-đà-hoàn) thì quay lại đề mục ngày xưa đã đắc. Quan sát Tam tướng trong danh sắc mà chứng thánh. Hôm nay muốn nhập thiền Quả thì cứ tác ý khía cạnh Tam tướng của danh sắc, thời gian lâu mau tùy người, thì tâm thánh quả cao nhất của mình sẽ xuất hiện và kéo dài bao lâu tùy ý, lúc đó tâm chỉ biết cảnh Niết bàn. Thí dụ như muốn nhập thiền Quả thì ngài tác ý, ngài chú ý đến hơi thở, ngài chú ý đến tâm, chú ý đến thọ, thấy thọ lạc, thọ khổ, thọ xả… biết xả đang có mặt, biết khổ đang có mặt v.v.... Khi ghi nhận như vậy lập tức thấy nó đang vô thường. Tùy theo người mà nhanh hay chậm. Khi tác ý như vậy đàng sau loạt tâm đó thì tâm thánh quả cao nhất (đã từng đắc như Sơ quả, Tam quả…) xuất hiện, dài ngắn lâu mau tùy người, có vị chỉ cần búng tay, hoặc có vị cần một ít thời gian. Như ngài Ānanda trong bài kinh này chỉ nhập thiền Quả với thời gian của một giấc ngủ trưa khoảng một hai tiếng đồng hồ. Sau đó ngài xả và ngồi suy tư về lý Duyên khởi và nhớ một lần Đức Phật dạy, lý Duyên Khởi rất khó hiểu và khó thấy. Ngài tự nói với mình, cái này cũng đâu đến nỗi khó, rồi vào thưa với Đức Phật, nghĩ sao nói vậy. Trong chú giải, Đức Phật suy nghĩ như sau: vì Ānanda hiểu chưa giống như một vị Phật mà hiểu theo trình độ của Thanh văn, vì vậy Ngài giải thích cho ngài Ānanda và biết lời giải thích này sẽ được lưu lại cho ngàn năm về sau, cho vô lượng chúng sinh khác. Đức Phật nói đừng nghĩ như vậy, vì lý Duyên khởi thực sự sâu sắc, tùy theo trình độ mà chúng sinh hiểu đến đâu. Theo chú giải, giống như ngoài biển có rất nhiều loài thủy tộc: cá, tôm, cua, rùa, rắn… có những loài ở độ sâu mấy cây số nhưng có những loài chỉ ở cách mặt nước vài trăm mét và có những loài chỉ sống trên mặt nước, nhìn thấy được bằng mắt thường không cần phải lặn xuống mới thấy.

Ở đây cũng vậy, tùy thuộc vào trình độ của mỗi cá nhân mà thấy được chiều sâu của dòng Duyên khởi tới đâu. Trên lý thuyết thì ai học xong chi pháp 12 Duyên khởi cũng có thể nghĩ mình biết hết, nhưng thật ra tùy theo trình độ mỗi người mà thấy lý Duyên khởi sâu cạn, rộng hẹp khác nhau.

Chẳng hạn như quí vị không biết gì hết, học A-tỳ-đàm ít lâu, cứ tưởng đâu là mình đã biết rồi, thật ra, hiểu biết lý Duyên Khởi ở mỗi người giống hệt như kiến thức khoa học. Ai cũng biết mưa là do mây, mây là hơi nước bốc lên từ mặt đất, sông rạch, biển hồ, nhưng cái biết đó của một vị tiến sĩ phải khác với một học sinh trung học. Vị tiến sĩ biết tại sao mây trắng, tại sao mây đen, thế nào là mây độc… Người học cơ bản nhẹ nhàng thì biết vô minh trong Bốn Đế tạo ra ba Hành… sầu bi khổ ưu não. Nhưng thật ra không phải đơn giản như vậy, một người dầu bây giờ họ tạo phi phúc hành nhưng trong họ có bản năng sẵn sàng cho bất động hành và phúc hành; một người đang tạo bất động hành nhưng ngầm có mầm của phi phúc hành và phúc hành… Duyên nghiệp mỗi người khác nhau, hành của người trí nhiều khác với hành của người trí ít. Lý Duyên khởi nói trên công thức thì đơn giản như vậy nhưng trên thực tế chỉ có vị Chánh Đẳng Chánh Giác mới nhìn xuyên suốt vào bản tâm của mỗi người để thuyết giảng một cách chính xác. Vị Thanh văn đại trí có thể biết rõ chúng sinh, nhưng ngay bây giờ nói cái gì cho mình nghe để đắc thì không thể. Cách đây 4 a-tăng-kỳ một trăm ngàn đại kiếp, Đức Phật Nhiên Đăng nhìn thấy một vị đạo sĩ, Ngài biết liền người này không cách chi đắc quả, không cách chi giác ngộ ngay đời này, Ngài biết ông đạo sĩ đang nằm trên sình cho Ngài dẫm lên đó, ông này chỉ cần muốn là đắc Lục thông Tam minh, Tứ tuệ phân tích, và trong suốt 4 A-tăng-kỳ, một trăm ngàn đại kiếp nữa cũng không đắc dưới sự hướng dẫn của vị Phật nào hết mà cuối cùng ông phải tự mình thành Phật, đó chính là Bồ tát Cồ Đàm. Cách đây một A-tăng-kỳ, một trăm ngàn đại kiếp Đức Phật Anomadassī nhìn thấy một vị đạo sĩ cực kỳ thông tuệ, vị này có rất nhiều đệ tử. Thầy trò của vị đạo sĩ này khi gặp Đức Phật thì hàng ngàn đệ tử đều đắc quả A-la-hán nhưng vị đạo sĩ này không cách chi đắc được mặc dù khả năng thông tuệ hơn hẳn đệ tử, bởi vì đạo sĩ này khi gặp được Đức Phật Anomadassī vị này nhìn thấy bên cạnh Đức Phật Anomadassī có một vị tỳ kheo tăng tướng rực rỡ, Đức Phật Anomadassī kêu vị ấy thuyết pháp. Đạo sĩ nhìn hình ảnh, nghe âm thanh vị tỳ kheo đó hỏi ra được biết đây là Đệ nhất thanh văn, Đệ nhất trí tuệ. Trong Tam giới lúc đó đây là nhân vật số hai sau Đức Phật Anomadassī, không ai có trí tuệ bằng vị tỳ kheo đó. Đạo sĩ quì xuống trước Đức Phật Anomadassī và mong đời sau trở thành vị tỳ kheo giống y như vị này. Đức Phật Anomadassī biết rõ tâm nguyện này sẽ thành tựu, nên ngài thọ ký: Một A-

tăng-kỳ, một trăm ngàn đại kiếp nữa, ngươi sẽ trở thành vị tỳ kheo tên là Sariputta, là đệ tử số một của vị Toàn Giác Thích Ca Mâu Ni, sẽ là vị Đệ nhất trí tuệ; trong phạm vi mười ngàn thế giới của vị Phật đó, ngoại trừ vị Phật đó, không ai có trí tuệ bằng một phần mười sáu của ngươi. Trong khi các vị Thanh văn, thấy người ta thông minh thì thuyết pháp mong cho người ta đắc quả, nhiều lắm là có thể biết là 'biết đâu người ấy có tâm nguyện khác.' Riêng vị Chánh Đẳng Giác thì nhìn là biết, vì đây là một trong thập lực của vị Chánh Đẳng Giác, "chúng sanh chư căn thượng hạ tri lực" (Asayanusaya, indriya, paropariyañāṇa biết rõ căn tánh cao thấp, khuynh hướng của người này như thế nào). Đừng tưởng học chi pháp là hết. Nhưng không, 3 hành của mỗi người khác nhau. Sáu ái của thằng Tèo không giống 6 ái của thằng Tý, và vì không giống nên tứ Thủ của thằng Tèo không giống tứ Thủ của thằng Tý và vì vậy nên hai Hữu của thằng Tèo khác 2 Hữu của thằng Tý. Vì tâm tham của thằng Tèo không giống tâm tham của thằng Tý nên nghiệp hữu của thằng Tèo không giống nghiệp hữu của thằng Tý. Xét trên lý thuyết thì đại thiện của thằng Tèo cũng được gọi là đại thiện, đại thiện của thằng Tý cũng gọi là đại thiện; tâm tham của thằng Tèo cũng được gọi là tâm tham mà tâm tham của thằng Tý cũng được gọi là tâm tham. Nhưng trong thực tế thì tâm tham của thằng Tèo không giống tâm tham của thằng Tý. Trong chú giải có nói thế này: Nói theo ba phương diện hữu trợ, vô trợ, hợp tà, ly tà thì tham có 8 nhưng thực tế tâm tham thứ nhất của người này không giống của người kia, vô trợ cũng khác nhau, hữu trợ cũng khác nhau tâm thiện thứ năm của người này không giống của người kia, của mình lúc này không giống của mình lúc khác. Như vậy con số 8 tâm tham, 2 tâm sân, 8 đại thiện chỉ là tương đối. Tương đối, nghĩa là căn cứ vào những khía cạnh như tà kiến hay không tà kiến, hữu trợ hay vô trợ, thọ hỷ hay thọ xả, căn cứ ba khía cạnh này thì mới có 8 tâm tham, 8 tâm đại thiện… Tâm đại thiện hợp trí hay ly trí, tâm tham hợp tà hay ly tà. Hữu trợ của người này không giống hữu trợ của người kia, hữu trợ của mình lúc này không giống hữu trợ của mình lúc khác. Có lúc hữu trợ là do mình do dự, có lúc hữu trợ là do người khác tác động. Chuyện người khác tác động cũng có trăm ngàn cách, sự do dự của mình cũng trăm ngàn cách. Có lúc mình do dự do tâm sân, có lúc mình do dự là do tâm tham. Trong tâm sân chia ra bốn, lúc do dự vì sân, lúc vì tật, lúc vì lận, lúc vì hối. Tâm thiện cũng vậy, có lúc do dự vì một tâm thiện át, có lúc do dự vì một tâm bất thiện. Ví dụ muốn làm nhưng sực nhớ ngày mai không mời được người ta đông, thôi để tuần sau, tuần sau mời bạn bè chư tăng dễ. Đó cũng là thiện, chính vì thiện này mà làm cho thiện kia bị chậm lại. Có người hỏi học A-tỳ-đàm làm sao dễ nhớ. Tùy căn cơ mỗi người chứ làm sao tôi nói được. Trước hết phải xác định lý do học để làm gì. Học để tu thiền hay học để

tìm hiểu cho biết hay học để thành một học giả, chuyên gia A-tỳ-đàm thì khác, học để dạy cho người trong gia đình thì khác. Giống như ở đây tôi có quen vài Phật tử là dược sĩ. Tôi là ông sư, tôi học thuốc làm gì, giờ tôi cũng già rồi. Nhưng mỗi lần gặp họ tôi hay hỏi họ cái này cái kia. Tôi hỏi họ về thuốc bổ. Tôi đọc báo lơ mơ không hiểu thì hỏi họ. Ví dụ như tôi đọc thấy không thể tùy tiện uống thuốc bằng nước gì cũng được. Họ nói đúng. Có nhiều người ẩu, trước mặt có ly nước cam, thế là họ uống thuốc bằng nước cam. Có người đến giờ uống thuốc gặp trúng sữa hay ca cao, hay cà phê là họ uống luôn. Các loại nước uống có ảnh hưởng nhiều đến thành phần thuốc mình đang uống. Tôi đâu có ý làm dược sĩ đâu, tôi chỉ hỏi để xoay sở trong đời sống của tôi thôi. Còn như tôi đang là sinh viên học ngành dược thì tôi sẽ hỏi khác. Phải nói cho tôi biết học để làm gì, giống như học về thuốc để làm dược sĩ hay học để hiểu biết khi sử dụng thuốc thì khác.

Sau khi ngài Ānanda thưa thì Đức Phật nói: "Chớ có nói vậy, này Ānanda! Chớ có nói vậy, này Ānanda! Sâu xa thay, này Ānanda là định lý Duyên khởi này, và sâu xa thật là định nghĩa này. Này Ānanda, chính vì không hiểu rõ pháp này, không giác ngộ, không chứng nhập pháp này mà chúng sanh nay bị rối ren như cuộn chỉ, bị phủ đầy bởi bệnh cằn cỗi, như cỏ munjà, như cây lau, không thoát khỏi sự luân hồi trong cõi dữ, ác thú, đọa xứ." Đức Phật đã nói vậy khi ngài Ānanda nghĩ lý Duyên khởi đơn giản. Những gì tôi đã kể nãy giờ là để bà con thấy dòng luân hồi vốn dĩ rối như vậy và cái Duyên khởi mình học chỉ ở mức căn bản, học trên chi pháp thôi. Đừng nói tới thánh nhân, cái hiểu về Duyên khởi giữa chúng tôi và quí vị trong room đã khác nhau rồi. Khác nhau là vì quí vị biết Kinh Tạng, Luật Tạng không nhiều. Kinh tạng biết ít quá thì cái biết về Duyên khởi cũng nghèo theo; cái biết bách khoa về thế gian nhiều thì sẽ thấy dòng luân hồi phức tạp, ví dụ tình cảm nam nữ đã rối cỡ nào mà trong A-tỳ-đàm chỉ gọi là "ái", tính thích hưởng thụ nhà lầu xe hơi, du thuyền, máy bay, trong A-tỳ-đàm cũng gọi là "ái", thích chơi tem, tiền cổ, thích bài bạc nhậu nhẹt, cũng gọi là "ái"; nhưng trong thực tế thì vô số sở thích, vô số cái chúng sinh thích, chúng sinh ghét.

Trong chú giải có nói rõ tại sao ngài Ānanda lại có suy nghĩ dòng Duyên khởi đơn giản như vậy:

1. Pubbùpanissaya:túc duyên Ba-la-mật sâu dày. Ngài tu Ba-la-mật một trăm ngàn đại kiếp.

2. Titthavasena: sống gần bậc Toàn Giác.

3. Sotapannataya: bản thân ngài là vị Sơ quả.

4. Bahussutabhava: bản thân ngài là một người đa văn quảng kiến.

Đây là bốn lý do khiến ngài có suy nghĩ như vậy, không phải do sự nông nỗi hay kiêu mạn như chúng ta. Thật lòng mà nói, người không hiểu đạo mới kiêu ngạo. Tất cả những cái biết của chúng ta về đạo về đời chỉ là cái biết của người tù về căn hầm đang nhốt mình, cái biết của bịnh nhân ung thư biết về thuốc về bịnh của mình. Cái biết này không có gì để kiêu ngạo, vị A-la-hán là bịnh nhân đã bình phục, ngài là phước điền của chúng sinh, đáng để mình đảnh lễ nhưng bản thân ngài thì luôn luôn biết rõ ngài chẳng là gì hết. Tinh thần của ngài không có phiền não như phàm, chỉ vậy thôi. Nếu xét về mặt kỹ thuật thì Ma Vương và Đức Phật không ai hơn ai. Nếu mình muốn trầm luân thì phải thờ Ma Vương, muốn giải thoát thì thờ Phật. Mình thờ Phật vì mình đã quá khổ, ngài là một người đã giải thoát, ngài dạy cho mình con đường giải thoát, mình phải quì lạy dưới chân ngài. Nếu mình muốn trầm luân mà lạy Phật thì xem như lộn địa chỉ. Một vị thành thánh thì không có lý do gì để kiêu ngạo hết, các ngài thấy rõ sự đắc chứng đó không có gì để kiêu ngạo, ngày xưa thì quá khổ, giờ thì duyên Ba-la-mật có đủ nên có thánh trí xuất hiện. Trong nhận thức của một bậc thánh không còn gì để thích để ghét, không còn cảnh giới nào để đi.

Nội dung phần sau của kinh này cũng giống hệt các kinh vừa học: kinh Đại Thọ, Thủ, Kiết sử. Hẹn gặp bà con ngày thứ Ba.

Bài giảng ngày 16-12-2014 PHÀM PHU (Assutavāsutta) (1) (2)

Sáng nay mình học kinh Phàm Phu, (Assutavasutta), HT Minh Châu dịch là "Hạng người ít nghe". Đây là một thuật ngữ trong kinh Phật ám chỉ cho phàm phu. Chữ này rất gần với mình, suốt cuộc đời, suốt dòng sanh tử, thời gian mình lắng nghe chánh pháp rất ít. Hiền thánh ở đời vốn không nhiều, cơ hội gặp gỡ hiền thánh càng hiếm, ví dụ trong thời gian một triệu năm có một chục vị hiền thánh (người có chứng ngộ chánh pháp và giảng dạy chánh pháp), thời gian mười vị này có mặt ở đời thì cơ hội mình có thể gặp được là một hoặc hai. Cơ hội làm người, có ngũ căn đầy đủ hoàn chỉnh, có điều kiện gặp gỡ gần gũi các vị này rất hiếm hoi.

'Assuta': hạng người không được nghe chánh pháp, (hạng người ít nghe). Nếu mình có nghe và thấm thía chút đỉnh thì ít ra hôm nay mình đã là vị Thanh văn và Niết bàn trong kiếp sống quá khứ nào đó rồi. Cách đây 4 a-tăng-kỳ khi Bồ tát Thích Ca Mâu Ni sơ phát tâm trở thành một vị Phật thì lúc đó mình chưa là gì hết. Vị Phật thọ ký cho Bồ tát đã tu bao nhiêu kiếp để thành Phật, thành Phật rồi mới thọ ký cho Bồ tát Thích Ca vậy thì trước đó đã có bao nhiêu vị Phật ra đời cho vị này gặp gỡ, vậy mà giờ mình còn ngồi ở đây, chứng tỏ mình không tu, không nghe gì hết. Hôm nay mình biết được chánh pháp, có chút đỉnh niềm tin, hành trì, là có thể mình mới bắt đầu trong kiếp này hoặc vài kiếp trước đây thôi. Hiện giờ phải nhìn nhận vốn liếng Phật pháp của mình rất nghèo, bằng chứng là mình có mặt trong thế giới vật chất văn minh thì có nhưng điều kiện tâm linh quá nghèo. Theo trong kinh kể thời Đức Phật có những chúng sanh như ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ānanda, Ca Diếp…, những nhân vật đó thời này làm gì có. Xưa có những vị tỳ kheo vì giới hạnh vì chánh pháp mà dám chết chớ không để mất, và có những cư sĩ dám bỏ mạng cho Tam Bảo khi cần thiết. Tăng ni cư sĩ hôm nay so với ngày xưa đã khác nhau nhiều lắm, vì vậy mình vô phước vô phần lắm mới có mặt thời này, dù là so với người không biết đạo mình cũng có phước lắm, được mang thân người, được nghe lai rai chút đỉnh.

Nội dung bài kinh này như sau: Đức Phật dạy rằng, chúng sinh ở đời, hễ còn là phàm phu thì giống như một con chó bị cột vào chỗ nào đó, dù có cắn sủa, cào cấu cỡ nào cũng không thoát khỏi chỗ bị cột. Ở đây cũng vậy, hễ còn là phàm phu thì không chấp cái này cũng chấp cái kia, phàm phu ở đời lúc nào cũng đông hơn thánh nhân, hễ còn là phàm phu thì lúc nào cũng có chỗ để mà chấp. Ít ra trong đám phàm phu cũng có người trí nhiều và người trí ít. Người có trí nhìn thấy được sự vô thường cụ thể điển hình rõ ràng của cái gọi là vật chất, ví dụ tóc

bạc, da nhăn, đi đứng khó khăn, nằm liệt tiêu tiểu tại chỗ v.v..., hoặc nhà sập, cầu sập, thiên tai nhân họa, chiến chinh. Vì vậy có nhiều người đã nhàm chán thế giới vật chất và hướng đến thế giới tâm linh, bởi thế giới tâm linh là cái gì đó đối với họ mơ hồ, nên họ tha hồ tưởng tượng. Họ nghĩ về những điều gì đó không sờ chạm được chẳng hạn như một cái tôi, một linh hồn hay một đấng cao siêu nào đó ở một cảnh giới xa vời nào đó. Trong khi đó, một số người khác sống chìm đắm trong thế giới vật chất, biết gia đình là phù phiếm, nhà đất ruộng vườn, "nhất khoảnh điền thiên niên vạn chủ", một miếng đất ngàn năm qua thì đổi biết bao nhiêu tay chủ. Bây giờ nói chuyện với nhau trên room chứ nếu ở bên ngoài, tôi sẽ lấy tay chỉ ra xung quanh chùa mà nói, miếng đất này cách đây năm mươi năm đâu phải là của mình, bây giờ là của mình, ai biết được năm mươi năm nữa nó có còn là cái chùa nữa hay không. Chuyện miếng đất chùa đổi chủ không có gì khó hiểu, nếu chính phủ cần trưng dụng miếng đất thì mình phải ra đi. Chuyện tốt hơn một chút là sau này Phật tử địa phương tìm thấy một nơi chốn nào đó lý tưởng hơn, thuận tiện hơn, sinh hoạt dễ dàng hơn, rất có thể những trụ trì, Phật tử đời sau sang nhượng miếng đất này để lấy miếng đất khác. Có vô số lý do để miếng đất chùa sang tên đổi chủ, nói chi là ngôi nhà của người đời hoặc những món đồ cá nhân như quần áo, giày dép, đồng hồ, mắt kính… hôm nay mình vì nó mà cày như trâu để sắm. Ai từng mua sắm đồ thời trang thì biết, giá trị tối đa của những thứ này chỉ ba năm trở xuống, đó là với người nghèo, còn người giàu thì thay đổi như chong chóng.

Đức Phật đưa ra hai hình ảnh, những kẻ phàm phu có thể là do trí tuệ nhàm chán cuộc đời sanh ra lòng viễn ly, ly tham, ly dục đối với vật chất; nhưng lìa vật chất thì họ lại ôm ấp nắm giữ cái mơ hồ của tâm linh. Ngài xác nhận một điều mà nghĩ lại mình sẽ giật mình: số người chấp thủ vào vật chất ít hơn số người chấp thủ vào tâm linh, bởi vì số người chấp thủ vào vật chất không nhiều bằng số người tin tưởng vào cái xa vời. Tuy nhiên Ngài dạy, chấp vào vật chất ít ra vẫn thông minh hơn chấp thủ vào tâm thức, vì chấp vào vật chất thì vẫn có chỗ dựa cụ thể. Ví dụ con người đó bây giờ tuy già hơn năm năm trước nhưng vẫn thấy là con người cũ đó, còn tâm thức thì thay đổi mà không để lại chút dấu vết nào hết. Cách đây năm phút mình sống bằng tâm bất thiện, bây giờ mình chuyển qua tâm thiện; tâm bất thiện hồi nãy bây giờ đã biến mất 100%; hồi nãy là tâm sân, bây giờ là tâm tham… Cái thân thì còn để lại dấu vết, cái tâm thì thay đổi nhanh không thể tưởng tượng. Trong Tăng Chi Bộ kinh Đức Phật dạy: Ta không thấy gì ở đời có tốc độ vô thường biến đổi nhanh hơn là cái tâm, bởi vì thân tứ đại này xét trên mặt chế định, tục đế thì có thể thấy nó tồn tại trên năm năm, mười năm,

hai mươi năm, còn cái tâm thì thay đổi liên tục và liên tục. Chính vì thấy như vậy nên vị thánh đệ tử sanh lòng nhàm chán, thấy vật chất vô thường cụ thể đã đành mà danh pháp còn vô thường nhanh hơn vậy nữa. Hai trí cần có ở một người tu hành: 1. Thấy vạn pháp do duyên mà có. 2. Đã có rồi thì phải tiêu mất. Từ vật chất ở đời là đất nước lửa gió cho đến tâm thiện, tâm bất thiện, tâm Dục giới, tâm Sắc giới, tâm Thiền hay không thiền, cái nào cũng chóng vánh phù du, có rồi mất theo nhân duyên. Duyên sanh có đủ thì có mặt, duyên diệt hội đủ thì biến mất. Ở đây Đức Phật nhắc lại dòng Duyên khởi: Do không thấy được Bốn Đế nên người ta mới sống trong ba Hành. Từ ba Hành này dẫn đến 32 quả thức. Từ 32 quả thức dẫn đến 19 tâm tái tục, sắc nghiệp thời tái tục. Từ danh sắc đầu đời dẫn đến lục nhập tức sáu xứ (tùy thuộc tâm tái tục nào, dẫn về cõi nào, có cõi đủ 6 xứ, có cõi 3 xứ, có cõi chỉ có 1 xứ), từ 6 xứ sanh 6 xúc, 6 xúc duyên cho 6 thọ, 6 thọ là nền tảng cho 6 ái, 6 ái ở giai đoạn yếu gọi là ái, ở giai đoạn sâu đậm là Thủ. Tứ thủ tạo ra hai Hữu, hai hữu tạo ra Sanh, từ đó mới có sầu bi khổ ưu não. Dù là một vị Chuyển Luân Vương hay Ác Ma thiên tử, tổng thống hay diễn viên, ruồi hay muỗi đều xoay vần trong hệ thống Duyên khởi này. Hôm nay mình gặp một người giàu có tiếng tăm, thấy họ là cái gì đó rất ghê gớm nhưng trong dòng chảy luân hồi thì diễn viên hay ca sĩ mà nhiều người đến xin chữ ký, xin chụp hình, nói theo đạo Phật thì đó chỉ là sự chớp nhoáng liên tục. Chính vì thấy vậy mà vị thánh đệ tử nhàm chán, vì thấy rõ mọi sự hình thành theo chuỗi nhân duyên phù phiếm. Chấp thủ vào danh hay sắc đều là sai lầm. Phần lớn thiên hạ chấp vào danh nhiều hơn là sắc. Một người chấp vào sắc vẫn có thể chấp cả danh pháp, nhưng một người chấp vào danh pháp có thể đã nhàm chán sắc pháp. Nhưng cái chấp nào cũng là sai lầm. Và Ngài xác nhận danh pháp phù phiếm hơn cả sắc pháp dù cái nào cũng là phù phiếm như nhau. Người tu hành thấy rõ sự phù phiếm đó của danh sắc qua nguyên lý Duyên khởi. Do cái này có, cái kia có; cái này diệt thì cái kia diệt. Bốn đại vật chất cũng vô thường trong từng phút, tâm thức của mình cũng vô thường trong từng phút, nhưng ít ra vật chất còn có điểm tựa để mình chấp còn tâm thì diệt thì không để lại dấu vết gì hết vậy mà người ta vẫn coi nặng nó. Nhưng chấp danhhay sắc cũng đều là chấp, hễ còn chấp là chưa thấy được lý Duyên Khởi, nếu thấy được lý Duyên Khởi thì không chấp nữa vì biết vạn pháp do duyên mà có và có rồi thì bị mất. Cái thấy này hôm nay mình biết được qua kinh sách, qua lời của người khác nhưng một ngày nào đó duyên lành Ba-la-mật hội đủ thì mình sẽ thấy bằng chính thánh trí của mình hoặc tối thiểu cũng bằng trí tu phàm phu của mình. Phải có quan sát mới thấy, ví dụ mình ngồi lâu thấy mỏi, thấy chán, chính cái mỏi cái chán này mới thúc đẩy mình thay đổi oai nghi mà đứng dậy tìm tư thế khác, tìm công việc khác đỡ tẻ nhạt, vô vi.

Chính cái duyên này thúc đẩy cho sự kiện sự tình kia xuất hiện. Toàn bộ đời sống của mình luôn bị thúc đẩy bởi vô số lý do, điều kiện, nhân duyên. Cái chén đang sạch, vì đâu mình phải lôi nó ra mình xài cho dơ, từ chỗ nó dơ mình đem ra rửa. Vì đâu mình phải đi quét nhà. Vì đâu mình phải bước chân vào toilet, tắm rửa, giặt giũ. Vì đâu phải ăn, phải uống, phải gặp người này người kia. Từ lúc giật mình thức giấc buổi sáng là cuộc sống của mình bị cuốn vào dòng chảy của nhân duyên, bị cuốn vào dòng chảy của sự lệ thuộc vào những nhân tố sống. Thậm chí ngay cả trong giấc ngủ, cũng vô số nhân duyên, do đâu mình mới đi ngủ, do đâu mình mới ngủ chập chờn hay ngủ sâu… Không có một thứ nào diễn ra trong hăm bốn giờ đồng hồ mà không bị thay thế bởi thứ khác. Những cảm xúc buồn vui, tâm trạng thiện ác luôn liên tục thay đổi và cơ thể chúng ta cũng có những hoạt động liên tục để đào thải những tế bào chết, tim gan phèo phổi cũng liên tục vận động để cho mình sống và để mỗi ngày già đi một chút cho đến lúc mình lăn đùng ra chết. Sẽ có một ngày hành giả thấy rằng cái gọi là đời sống chỉ là sự thay đổi. Khi chưa biết đạo, mình gọi nó là đời sống, là cuộc đời, nhưng khi biết đạo thì cái gọi là cuộc sống, cuộc đời đó chỉ là sự thay đổi, sự xê dịch từ tình trạng A sang tình trạng B; nó cũng giống như là lý do hiện hữu của một con tàu, được làm ra để vận hành chớ không phải để đứng yên. Chính vì mình sống chìm sâu trong phiền não, trong vô minh, tham ái nên mình không thấy được điều này, mình cứ tùy vào văn hóa xã hội, văn hóa học đường, gia đình, tập khí phiền não nhiều đời mà vẽ ra cái gọi là đời sống, là tổ ấm, là gia đình, là quyền lực, là giao tế... Nói một cách rốt ráo, mọi thứ không có cái gì tồn tại quá một phút.

Bài kinh thứ hai cũng y như bài thứ nhất; có thêm thí dụ, Đức Phật dạy rằng: giống như người ta tạo lửa bằng cách cọ hai que gỗ vào nhau mà sinh ra lửa; trước khi hai que này cọ xát vào nhau thì không có lửa. Lửa không nằm ở que gỗ A hay que gỗ B mà chỉ có khi hai que gỗ chạm vào nhau. Tiếng kèn trước khi được thổi thì không nằm sẵn trong cây kèn, chỉ khi nào hơi người thổi chạm vào lưỡi gà trong chiếc kèn, bằng sự tác động hợp lý này thì mới tạo ra âm thanh. Cũng vậy, tâm thiện, tâm bất thiện, buồn vui, hỷ nộ ái ố vốn không có sẵn ở đâu đó mà chỉ có khi các duyên hội đủ. Ví dụ: Cảnh đó, với phàm tâm, cộng với phiền não nhiều đời và thói quen sống hiện tại thì dẫn đến tâm bất thiện; cũng cảnh đó, nhưng với một hành giả lại là cảnh tốt để họ có chánh niệm. Tiếng ồn đối với người không biết Phật pháp thì chỉ có khó chịu, nhưng đối với hành giả thì lại là cơ hội để chánh niệm. Trước đó tâm tham, tâm sân hay chánh niệm không có sẵn, chỉ có khi duyên hội đủ.

THỊT ĐỨA CON

Hôm nay trong tăng ni chỉ cần có một vị có khả năng ngồi yên một chỗ không ăn uống tiêu tiểu nhúc nhích suốt bảy ngày thì Phật tử bu lại kín mít, hoặc bảy ngày đó mà ngồi cách mặt đất khoảng chừng một tấc thì PG huy hoàng tráng lệ luôn, huống hồ chi thời Đức Phật, trên thì có Thế Tôn, dưới thì có vô số thánh chúng đông đúc biết chừng nào nên lợi lộc phát sinh đối với Đức Phật và chư tăng nhiều vô số kể. Nghĩa là thời đó sự cúng dường nhiều lắm. Từ đó, Đức Thế Tôn mới suy nghĩ, nếu người ta cúng dường phong phú như thế này không biết chư tăng tỳ kheo thọ dụng có quán tưởng hay không, nếu sử dụng y áo, thực phẩm, trú xứ mà có quán tưởng thì tốt. Quán tưởng là luôn ý thức rằng mọi thứ vật chất chỉ là phương tiện tối cần cho đời sống, cái gì cũng chỉ để đáp ứng nhu cầu sống tối thiểu, không phải để hưởng thụ.

Bài giảng ngày 01-01-2015 THỊT ĐỨA CON

Mười năm về trước khi còn trẻ, cái đề tài Bốn thức ăn (tứ thực) tôi không mặn mà lắm, nhưng ở tuổi này thì tôi lại thấm thía đề tài Tứ thực. Càng lớn, cách nhìn của mình về thế giới phong phú hơn. Một người không biết đạo cũng có thể có nhiều cách nhìn về thế giới nhưng cách nhìn thế tục có thể làm cho mọi sự trở nên rối rắm hơn. Cách nghĩ của một người muốn đi chơi trong rừng, muốn làm việc, muốn sống trong rừng, muốn gắn bó với rừng bắt buộc phải nhiều vấn đề hơn cách nghĩ của một người muốn ra khỏi rừng. Khi muốn ra khỏi rừng thì người ta phải tìm cái gì nhanh gọn nhất, đơn giản nhất, vắn tắt nhất bởi họ không muốn ở lại với rừng, không muốn dây dưa với rừng nữa. Trong cuộc sinh tử này cũng vậy. Có người nói với tôi rằng tu khó lắm, họ chọn cách ở ngoài đời lo cho gia đình, thu xếp chút ít thời gian thì mới tu, làm phước được bao nhiêu thì làm phước rồi về già kiếm chùa gởi thân. Đây là ngộ nhận rất lớn, họ cứ nghĩ là yếu sức không đủ duyên nên phải ở lại với đời. Thật ra họ nói không sai, bởi cái buông luôn làm cho người ta nhẹ hơn là nắm. Nếu mình thương mến một người mình sẽ thu xếp để đem người đó về sống với mình hoặc mình về sống với họ; khi mình chớm có ý đó, thì vô số vấn đề nảy sinh. Còn khi mình chớm có ý tìm cách lìa bỏ, chia tay ai đó, thì mình đã buông bỏ được rất là nhiều.

Toàn bộ thế giới này, nói gọn lại, chỉ là một cội cây được lớn lên bằng những nhân duyên hỗ trợ, giống như cọng cỏ, nhánh rêu hay con chim con cá. Chỉ có điều khi chúng ta gắn lên đó những nhãn hiệu quá lớn: tổng thống, thủ tướng, ông này, bà nọ, họ, tôi, người kia… thì vấn đề lớn dần theo. Chúng sinh gồm hai phần, danh và sắc (thân và tâm), mỗi phần đều cần những nhân tố, điều kiện tồn tại những nhân tố đó, Đức Phật gọi là thực phẩm. Có bốn thứ thức ăn (có chỗ Ngài nói có hai, thức ăn cho danh và cho sắc) cho thân và tâm.

*Bốn loại thức ăn

1. Đoàn thực:thức ăn vật chất

Tùy vào điều kiện sống trước mắt, tùy vào nghiệp thiện ác mà chúng ta có mặt ở cảnh giới nào và tùy vào việc có mặt ở cảnh giới nào mà chúng ta sống bằng loại thực phẩm gì. Chỉ là người cõi Dục giới mới có chuyện ăn uống, đưa thứ gì đó vào miệng. Khi nói đến đoàn thực phải hiểu ngầm là đang nói đến đời sống chúng sinh ở cõi Dục giới, phải là người ở cõi Dục mới sử dụng thực phẩm này. Hai lý do có mặt ở cõi Dục Giới:

(1) Do không thể chứng thiền tức không thể lìa bỏ niềm đam mê đối với 5 trần vật chất (sắc, thinh, khí, vị, xúc).

(2) Do một đại nguyện gì đó như để thành Phật, để hành phạm hạnh, trường hợp này cực hiếm.

Số người ở trường hợp (2) chỉ là một phần nhiều tỷ so với trường hợp (1). Kinh Tăng Chi Bộ cũng dạy rằng người ở cõi nhân loại mới có điều kiện hành phạm hạnh. Để mài mòn phiền não, ta cần đến vô số cách tu tập cùng lúc như kham nhẫn, hành xả, tinh tấn, bố thí.

Nếu bị ung thư hay chỉ là bị ghẻ ngứa, bị lác, bị trĩ hơi nặng một chút thì cái đầu đã rối lên rồi, huống hồ là khi ở cảnh giới địa ngục, quá khổ, cơ thể thường xuyên bị đốt ở năm bảy ngàn độ mà không được chết, chưa kể những hình phạt bị bắt uống kim loại nấu chảy, bị những loài côn trùng, thú dữ cấu xé suốt ngày đêm. Còn nếu sanh làm loài bàng sanh thì cũng không có điều kiện tu hành, làm con người mà còn không nghĩ đến đời sống tinh thần huống chi là làm những loài bàng sanh. Còn các cõi trên như cõi Trời, cơ thể người ta chỉ là khói là sương, làm sao có điều kiện để đau nhức, đói khát, nóng lạnh, tê mỏi; nếu không có những điều này thì làm sao người ta có dịp để sợ sanh tử, trừ ra bậc đại căn đại trí như Bồ tát. Nếu bây giờ bà con trong room này, sống được một ngàn năm, cơ thể hoàn hảo không có vấn đề gì đau ốm bịnh tật, mỗi người có trong bank vài tỷ đô la, có du thuyền, máy bay riêng v.v..., muốn ăn gì thì ăn, yêu ai thì gặp ngay không biết đến sanh ly tử biệt thì có thời gian vào đây nghe pháp chăng. Cũng may là bà con còn chút thời gian, chớ nếu tất bật với mỗi ngày thu nhập vài ngàn đô la thì liệu có thì giờ ngồi nghe pháp hay không. Với điều kiện đó thì giờ này ngồi ở phi trường Tokyo, Paris, Hongkong thì vui hơn nhiều. Chỉ có ở cõi Người, tuy điều kiện sống hơi có phần khắc nghiệt nhưng lại là điều kiện để tu học, bởi mình biết được cảm giác đói không có ăn, lạnh không có chăn đắp, bịnh không có thuốc uống. Chỉ có ở cõi Người mình mới chân trần ôm bình bát đi giữa nắng gió mưa sương, chỉ có ở cõi Dục mình mới bị chúng chửi vô mặt, chỉ có ở cõi Dục mới bịnh hoạn, đau nhức, đói khát nóng lạnh, nhờ vậy mới có dịp thấm thía trầm luân. Chỉ có ở cõi Dục mình mới vô rừng sâu núi thẳm sống để biết thế nào là ồn, thế nào là yên. Còn cõi trên thì sướng quá, làm gì có chuyện ồn, không muốn nghe thì không nghe, muốn thấy thì mới thấy chớ không phải chịu đựng những hình ảnh âm thanh, mùi vị mình không muốn.

Chính vì có nghiệp dục giới nên mình mới ở lại cõi Dục giới, và hình hài này phải được chăm sóc nuôi dưỡng bằng những thứ mình cung cấp cho nó. Trong thiên nhiên, điều kiện sống của mỗi loài cũng khác nhau, có loài thực vật chỉ cần nước, có loài cần phân cần đất, có loài cần bùn sình. Ngày nào mình còn chạm tới đoàn thực thì ngày đó còn sống trong cõi Dục, và mình thấy món ăn nào ngon là do mình là người cõi Dục và do nghiệp xưa đẩy mình vào hoàn cảnh sống đó. Trong chú giải chỗ này có nói thêm, Đức Phật dạy, vị tỳ kheo trước khi mặc y áo, trước khi uống thuốc, trước khi bước vào chỗ ở của mình (phòng ốc, giường, chõng), trước khi ăn uống phải quán tưởng để ly dục, nhàm chán sinh tử và không mắc nợ người đã cúng dường mình.

Nhàm chán sinh tử là mỗi ngày mình phải nuốt những thứ này vào miệng mới sống được, phải quấn những thứ này vào tấm thân hôi hám của mình mới sống được, phải nhớ rằng mình đang băng bó vết thương, ăn hay uống thuốc cũng chỉ nghĩ rằng mình đang chăm sóc vết thương. Sử dụng vật phẩm đó với nhận thức như vậy thì đó là nhận, là sử dụng kiểu của người chủ, còn nếu không tâm niệm như vậy thì xem như sử dụng với vị thế của người làm công, mắc nợ, phải làm trâu làm ngựa để trả lại cho người ta. Sử dụng những món nhu yếu với quán tưởng như vậy thì mới có dịp nhàm chán sinh tử, sẽ thấy ngày nào còn dây dưa với những thứ này thì còn khổ, sống ở ngoài đời thì còn phải đi kiếm, sống trong đạo thì phải như thế nào để xứng đáng, ngày nào còn sử dụng thì còn mang thân sinh tử, nên phải quán tưởng để ly dục.

Đức Phật nói, một vị tỳ kheo sử dụng những món này mà không quán tưởng thì tội này đáng được xem là tội bất cộng trụ thứ năm. Khi cạo đầu đắp y, sử dụng những thứ này mà không bằng tâm niệm như trên thì có nghĩa là đang trộm cắp tăng tướng. Một vị tăng ni mà sử dụng những thứ nhu yếu mà không quán tưởng thì cũng gần giống như đang sử dụng những món đồ trộm từ người khác. Gọi là Đức Phật nói, một vị tỳ kheo sử dụng những món này mà không quán tưởng thì tội này đáng được xem là tội bất cộng trụ thứ năm. Khi cạo đầu đắp y, sử dụng những thứ này mà không bằng tâm niệm như trên thì có nghĩa là đang trộm cắp tăng tướng. Một vị tăng ni mà sử dụng những thứ nhu yếu mà không quán tưởng thì cũng gần giống như đang sử dụng những món đồ trộm từ người khác. Gọi là pancamam parajikam: tội bất cộng trụ thứ năm. Bốn tội kia là: giết người, trộm cướp, giao hợp, mạo xưng đắc thiền chứng thánh. Khi phạm vào một trong bốn tội này thì không còn là tỳ kheo nữa. Mọi nhận lãnh cúng dường đều là trộm cướp. Sẵn đây nói luôn, trong câu: Con xin vâng giữ điều học là tránh xa sự ‘trộm cướp’ nghe hay hơn ‘trộm cắp’, vì ‘trộm’ đồng nghĩa với ‘cắp’, là lấy món đồ

chưa được cho một cách lén lút, còn 'cướp' là lấy món đồ chưa được cho một cách công khai. Mạo xưng đắc thiền chứng thánh nghĩa là giả, là không có thật, không đắc mà cố ý làm cho người khác tin lầm mình đắc chứng cái gì đó dù là bằng cách kín đáo. Có những vị không tự nhận mình đắc, nhưng lại phán người này đắc người kia đắc, điều này đồng nghĩa như là ngầm khẳng định mình đã đắc rồi thì mới đủ sức phán người này người kia đắc.

'Bất cộng trụ' nghĩa là 'không được sống chung'. Khi một vị tỳ kheo mắc vào một trong bốn thì không còn là tỳ kheo nữa, và khi không còn là tỳ kheo nữa thì bất cứ sự thọ nhận nào cũng gọi là trộm cắp. Ngay cả một vị tu hành trong sạch, Đức Phật cũng dạy là khi thọ nhận y áo thực phẩm cũng phải nên quán tưởng (quán tưởng là xác định liên tục) đang băng bó vết thương. Đức Phật dạy rằng, vị tỳ kheo khi thọ nhận thức ăn phải tâm niệm rằng mình giống như một người mẹ bất đắc dĩ phải ăn thịt đứa con ở ngoài sa mạc. Theo chú giải, một cặp vợ chồng đi trong sa mạc, đứa con bị chết, đói quá cuối cùng phải ăn thịt đứa con đã chết. Thịt người đã lạnh xương sống rồi, mà phải ăn thịt đứa con đã chết làm sao mà nuốt, mà không nuốt thì sức đâu ra khỏi sa mạc. Ngày xưa còn nhỏ, tôi cảm thấy khó chịu với sự so sánh kiểu này, vì ăn thì thấy rất là ngon. Nhưng bây giờ có tuổi thì mới thấm. Một lúc nào đó quí vị ngồi nghiệm ra, tại sao mình ăn mình thấy ngon?

Vì mình đang đói! Khi quí vị ăn thật là no, không còn thèm nữa, thì mới thấy rằng, mỗi lần ăn là mỗi lần mình đổ rác. Chỉ có người no mới hiểu được trường hợp này. Thịt cá, tôm cua, trái cây, xôi, chè, bò khô, hủ tiếu, sinh tố, cà phê sữa mình cứ bỏ vào miệng nhai rồi nhổ vào bịch nylon, cột bịch đó lại treo trước mặt, nhìn có lạnh xương sống hay không, hoặc đem vào giường ngủ xem có ngủ được không. Vậy mà mình bỏ vào miệng nhai nuốt, đánh răng, súc miệng, cạo lưỡi, uống trà, ăn kẹo bạc hà… thì thấy bình thường, nếu thực quản mình không có van đóng lại thì không người bên cạnh nào chịu nổi. Rửa chén không sạch, bàn ăn lau không sạch đã gớm rồi, vậy mà toàn bộ mình trút hết vào trong người; một người đẹp nhìn vẫn thấy hấp dẫn như thường, người mình thương thì nhìn vẫn cứ thấy thương như thường, mình đâu có nghĩ gì một cõi kinh khủng bên dưới lớp da bụng. Hiểu như vậy vị tỳ kheo mới thấy chuyện ăn là vạn bất đắc dĩ, nếu bằng cách nào đó mình không đói, không khát thì không có lý do gì phải ăn. Họa tùng khẩu xuất, bịnh tùng khẩu nhập, 80% nguồn bịnh mình có là từ thức ăn thức uống, vừa dơ vừa gây mầm bệnh cho mình. Sống lâu hay sống yểu là do thức ăn mà ra. Trung Quốc hay VN còn có chuyện ăn uống đồ độc, mình biết mà không ăn thì không có gì để ăn.

Vì vậy, nói đến đoàn thực thì phải nhớ, vì mình là người cõi Dục mới sử dụng đoàn thực, và mình là người như thế nào mà bây giờ vẫn còn có mặt ở đây: do chưa thể ly dục hoặc do đại nguyện nào đó. Quí vị chạy vào nhà tắm soi gương xem mình thuộc hạng nào, hạng không thể ly dục hay hạng có đại nguyện nào đó?

Chưa ly dục thì còn chủng tử ăn uống. Còn chủng tử (khả năng) ăn uống thì còn khả năng ăn dơ. Ai còn là phàm phu, đặc biệt ở cõi Dục đều kín đáo giữ lại chủng tử ăn thịt sống, ăn phân người, ăn xác chết. Hôm nay quí vị có thể nói với tôi rằng tôi đã nói quá lời, xin thưa, đêm nay chín giờ tối, mình có là bác sĩ bệnh viện, nhưng hai giờ sáng, khi mình chết rồi, thành con gì mình chưa biết được. Không cần phải sinh kiếp khác, chỉ cần kiếp này, đứa bé mới biết bò và người già lú lẫn, người trưởng thành bị mất trí, thậm chí người say, đều có khả năng bỏ vào mồm những thứ bất tịnh.

Cứ nhớ đến đồ ăn là thấy vừa dơ vừa độc, chưa kể động tác ăn không đẹp. Một người mà không cần ăn gì hết, sống cảnh mây ngàn hạc nội sướng biết bao nhiêu. Trong khi đó, mỗi ngày cứ hết nấu nướng tới chiên xào, sắp vào chén đĩa, lùa vào miệng, thức ăn từ thực quản xuống bao tử, qua ruột non, tới ruột già, rồi đi ra, cái nào giữ lại thì giữ, cái nào bỏ đi thì bỏ, hết ngày này qua ngày khác, lạnh xương sống. Mình không học đạo nên không ngờ rằng đời sống mình chỉ riêng chuyện ăn uống - chưa nói đến chuyện đi làm để kiếm có cái ăn thì chuyện gì cũng làm - bỏ được thì ai cũng bỏ, do nghiệp tham ái khiến mình mê mờ không thấy, mình chỉ thấy ăn được món mình thích, món đắt tiền, món người khác thèm thuồng ghen tị, là hạnh phúc, trong khi đó, nói rốt ráo, còn ăn là còn khổ.

2. Xúc thực.

Xúc thực là thực phẩm ở đây có nghĩa rất rộng, ám chỉ tất cả những gì làm nên cuộc sống chúng sinh.

Toàn bộ thế giới này chỉ là 6 căn, 6 cảnh, 6 thức, sự gặp nhau của 18 cái này gọi là Xúc. Hãy tưởng tượng quí vị và tôi đang ngồi giáp mặt nhau, tôi đưa cho quí vị cái ly nó là cảnh gì?

Đủ 6 cảnh! Khi tôi đưa, các vị nhìn cái ly thì đó là cảnh sắc, khi tôi lấy móng tay búng vào ly thì đó là cảnh thinh, khi đưa ly lên mũi ngửi thì đó là cảnh khí, nếm ly thấy có vị chua hay mặn thì đó là cảnh vị, chạm tay vào ly thì đó là cảnh xúc, khi nhắm mắt nghĩ về những hình ảnh liên quan đến cái ly thì đó là cảnh pháp.

Cũng cái ly đó mà có 6 cảnh, nó là cái mình có thể thấy được, nghe được, ngửi, nếm, đụng được.

Viện bảo tàng, có những thứ họ không cho mình sờ, nhưng khi nhìn nó mình cũng có thể suy nghĩ được. Khi thấy những xác ướp Ai Cập, mình có thể liên tưởng đến bốn ngàn năm trước, các Pharaoh ngày xưa, họ đã sống như thế nào, nền văn minh Ai Cập ra sao. Bước vào nhà tắm, nhà ăn, ra ngoài vườn cắt bông hồng, tất cả những giây phút đó, 6 căn của mình làm việc ráo riết. Cho nên, Đức Phật dạy thế giới này tồn tại nhờ xúc thực là vậy đó, nghĩa là chỉ bằng vào sự tiếp xúc, sự gặp nhau giữa 6 căn (6 sắc thần kinh), 6 cảnh (6 đối tượng) và 6 thức (6 cái biết).

Toàn bộ thế giới này chỉ tồn tại bằng Xúc (six senses). Sự gặp nhau của 18 thứ vừa kể gọi là Xúc. Có tất cả 6 xúc.

Trong kinh Đức Phật có dùng hình ảnh rất là đặc biệt để suy gẫm, Ngài dạy rằng, bất cứ lúc nào mình bỏ viên thuốc hay một miếng nước uống, hay miếng ăn vô miệng phải tâm niệm rằng ta bất đắc dĩ đang ăn thịt con. Những người văn minh Âu Mỹ mà nghe thì rất khó chấp nhận. Mình ăn thì không thấy kỳ, nhưng khi mình đang no thì hình ảnh ai đó ăn uống nhìn rất dơ, rất phiền. Mình thấy nguyên một tô thật to thịt cá đó, mà nhét vào trong miệng giấu vào trong đó, rồi thấy nguyên một tô đó, mắc gì chất hết vào trong người, cái tô đó chỉ để yên trong điều kiện không thích hợp, một hai ngày đã nổi bọt, meo mốc, dậy mùi khó ngửi. Vì vậy, mỗi lần ăn uống phải nhớ rằng đó là chuyện bất đắc dĩ.

Sáu xúc được Đức Phật ví dụ bằng hình ảnh con bò bị lột da. Quí vị tưởng tượng người dân quê VN buổi sáng ra đồng bị con bù mắt bu thì khổ như thế nào, rồi ở một xứ muỗi nhiều thì khổ cỡ nào, đang ngồi thế này mà có con ruồi bay đậu trên mặt thì khổ cỡ nào. Một con bò bị lột da thì bị tấn công toàn thân. Một người có chánh niệm mới thấy 6 căn của mình luôn lăng xăng tìm cảnh và liên tục bị tấn công bởi nhiều thứ ngoại cảnh, vì thứ ta thích luôn ít hơn thứ ta ghét. Kẻ thất niệm giống như đứa con nít, được cái gì vui là quên hết. Người trưởng thành thì lại khác, bị chửi một câu là nhớ hoài dù sau đó có được ai đó tặng quà, hay mời ăn. So với thánh nhân thì phàm phu y hệt như con nít. Trong một ngày hăm bốn giờ, số lần phải thấy phải nghe phải ngửi, nếm đụng, nghĩ tưởng đến những chuyện bất toại nhiều lắm. Bởi vì mình phóng dật, thất niệm, vô minh quá dày nên chỉ cần chút vị ngọt là mình quên sạch. Muốn kiểm chứng điều này thì dễ ẹc, nếu bà con không phải là người say rượu, mất trí, không phải là trẻ con chưa

trưởng thành cứ ngồi yên lại một phút, quan sát thân này sẽ thấy nó ngứa, nó rêm chỗ này, đau chỗ kia. Thân này có vấn đề từ trên đầu tới gót chân. Những gì mình thấy, nghe trong suốt một ngày phần lớn toàn là những cái không như ý, nhưng vì mình giống đứa bé nên thấy chút xíu ngọt là quên sạch đắng cay chua chát. Đức Phật dạy toàn bộ thế giới này là thế giới của 6 xúc, mà 6 xúc giống như con bò bị côn trùng tấn công. Cũng vậy, hễ còn 6 căn thì còn 6 thức, tức là còn bị tấn công liên tục bởi thứ mình ghét và thứ mình thích. Bị tấn công bởi thứ mình thích là như thế nào?

Chính vì thích nên mình mới tìm cách đi tìm, đầu tư để có thêm nữa, nghĩa là phải đối mặt với nhiều thứ, hiện tại thì đổ mồ hôi sôi nước mắt, còn kiếp sau thì đi trầm luân hoài hoài. Mình cứ nghĩ là mình khổ vì mình tiếp xúc với thứ mình ghét, nhưng thật ra mình khổ còn là vì những thứ mình thích nữa. Một thứ đắt tiền bị mất thì mới đau. Sáu xúc là cách nói khác của thế giới, cũng là một diện mạo, một hình dáng khác của thế giới. Nói gì thì nói, nó là biển khổ, ngày nào còn mắt tai mũi lưỡi thân ý thì ngày đó còn 6 xúc; còn tiếp cận với trần cảnh, còn có thích, còn có ghét và cả hai đều làm cho mình khổ.

3. Tư niệm thực.

Gọi là thực phẩm ở đây ám chỉ những gì làm nên thế giới này, những gì tạo ra hình hài sinh tử của chúng sinh. Tư niệm thực, ám chỉ Tâm sở tư (nói nôm na là sự đầu tư ý thức - mental investment). Có ba sự đầu tư: đầu tư trong cõi Dục, đầu tư trong cõi Sắc giới và đầu tư trong cõi Vô sắc giới. Tư niệm thực ở đây ám chỉ ba Hành trong Duyên khởi. Người đa dục thì làm gì cũng chỉ là tạo thêm điều kiện sống ở cõi Dục. Ly dục mà còn thích sắc pháp thì đầu tư để sanh về cõi Sắc giới. Nhàm chán sắc pháp thì sinh về cõi Vô sắc giới. Sống hết tuổi thọ thì tất cả đều quay về cõi Dục giới; phước ít quá thì bị sa đọa làm giun dế, trùn, sâu… Trong cuộc sinh tử thì phước luôn ít hơn tội vì ở lòng chúng sinh tâm ác luôn nhiều hơn tâm thiện. Nếu không tin bà con thử ngồi nhắm mắt xem lòng mình từ sáng đến chiều ra sao. Bước ra đường xem có bao nhiêu kẻ có khả năng kham nhẫn, hành xả, từ tâm, trí tuệ. Một người bị nạn có bao nhiêu người thương xót?

Chỉ cần nhìn đểu là có thể bị chém. Ăn mặc quần là áo lụa, nhà cao cửa rộng giàu có, xài toàn đồ xịn nhưng lòng dạ còn đê hèn tồi tệ, khi làm trùn làm dế thì làm sao tốt cho nổi.

Con người có hai tay cũng như có hai bản năng thiện ác, vấn đề là thuận tay nào. Tất cả Bồ tát đều thuận tay phải, bản năng thiện rất mạnh, còn phàm phu thì toàn thuận tay trái.

Tư niệm thực là ba Hành, đi đâu thì cuối cùng cũng trở về đơn vị gốc là cõi Dục. Gốc của cõi Dục là đọa xứ vì ác luôn mạnh hơn thiện. Tư niệm thực tức ba hành, giống hệt như hố than hừng.

4. Thức thực.

Thức thực ám chỉ 121 tâm. Toàn bộ thế giới này không nằm ngoài 121 tâm. Không có tâm thì không có Duyên khởi. Không có Duyên khởi không có sinh tử. Không có sinh tử thì không có tâm. Chỉ cần cắt đứt Duyên khởi thì không còn tâm nữa. Sinh tử bằng tâm, giải thoát cũng bằng tâm. Niết bàn rồi thì thân tâm đều không còn

Tâm bất thiện có 12, tâm Quả bất thiện có 7, tâm thiện Dục Giới có 8, tâm quả thiện Dục Giới có 16, tâm thiện Sắc Giới có 5, tâm quả Sắc Giới có 5, tâm thiện Vô Sắc Giới có 4, tâm quả Vô Sắc Giới có 4, tâm Thánh đạo có 4, tâm Thánh quả có 4. Sở dĩ có chỗ kể tâm thánh đạo có 20 là vì lấy 4 tầng thánh nhân với 5 tầng thiền. Tổng cộng có 121 tâm.

Thức thực ở đây gồm tất cả tâm, nói gọn lại là tâm nhân và tâm quả. Chính có nhân quả mới có sinh tử. Nói khác đi Tư niệm thực cũng là Thức thực và Xúc thực.

Khi giảng Buddhist Anatomy, giảng tới rốn, tôi có nói thế này: Rốn là hình ảnh rất sâu sắc trong đạo Phật, rốn nằm giữa thân người tượng trưng cho trung đạo, không lợi dưỡng, không khổ hạnh. Rốn là hình ảnh mở ra toàn bộ hành trình tu học của một người cầu đạo giải thoát: Còn trong bụng mẹ đứa bé sống bằng nguồn dinh dưỡng từ người mẹ thông qua dây rốn. Mẹ nuôi 100%, hoàn toàn thụ động. Ra khỏi bụng mẹ thì đã cắt rốn, từ đó chỉ còn lệ thuộc mẹ nó 70%, cần phải bú sữa từ người mẹ, và đến tuổi nào đó chỉ còn lệ thuộc mẹ nó 30%, không còn bú nữa mà chỉ ăn babyfood. VN có món cơm ớn xương sống lắm, người mẹ bỏ vào miệng nhai nát rồi nhả và muỗng rồi đút cho trẻ nhỏ ăn (cơm sú, cơm búng). Lúc này sự lệ thuộc của đứa bé đối với người mẹ giảm dần, từ từ nó bưng chén ăn được, rồi từ từ biết nấu cơm, quét nhà, nhưng phải lệ thuộc mẹ đi làm kiếm tiền nuôi nó. Rồi một ngày nào đó nó đi làm có tiền nuôi ngược lại mẹ.

Buổi đầu chúng ta học đạo cũng y hệt đứa bé trong bụng mẹ, hoàn toàn tùy thuộc tăng ni, họ phán cái gì chúng ta nhắm mắt nhắm mũi nghe theo như sống bằng cuống rốn vậy. Từ từ chúng ta phải có khả năng suy tư, nếu không suốt đời này chúng ta sẽ mãi là đứa bé chưa cắt cuống rốn, chưa bao giờ dứt sữa, chưa bao giờ biết đứng chựng, biết đi, biết chạy. Chúng ta phải đi từng bước: phải cắt cuống rốn, phải dứt sữa, phải liệng núm cao su, phải lìa bỏ cái nôi, chiếc xe đẩy, phải lìa khỏi bàn tay mẹ thì mình mới trưởng thành được. Tôi biết tôi nói vậy bà con giận lắm, nhưng không nói không được. Bà con phải nhớ rằng tăng ni chỉ là hình thức thôi, còn nội dung thì cũng giống như một cư sĩ ở chỗ là sợ sanh tử và cầu đạo giải thoát. Họ kinh điển thì mình cũng kinh điển, họ chỉ khác mình là không vợ, không chồng, không con, không cái mà thôi. Tăng bảo trong kinh chỉ có 2 trường hợp:

1/ Là thánh nhân nói chung gồm luôn tăng ni cư sĩ, trời, người.

2/ Là ám chỉ cho tăng hội tỳ kheo hoặc cá nhân tỳ kheo lúc đang nhớ giới. Trường hợp 2 này dùng trong trường hợp phàm tăng.

Toàn bộ Tam tạng nói chung, tạng Luật nói riêng, chỉ nhằm đến hai điều là nên làm và không nên làm, không có điều thứ ba. Tỳ kheo nhớ giới là vị tỳ kheo đó đang sống trong ý thức rõ ràng chớ còn vị tỳ kheo đó đang nằm ngủ hoặc là cái xác chết thì gọi 'tăng' là không được. Nếu gượng thì được, có thể quỳ lạy nói rằng đây là vị tăng thống vừa viên tịch và đảnh lễ v.v..., nhưng thật ra theo tôi được biết trong Kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ Kinh, chính Đức Phật xác nhận, thi hài hay xác chết đáng được người ta tôn trọng nói gọn chỉ có hai hạng: Thánh nhân hoặc phàm phu đức độ như Chuyển Luân Thánh Vương. Nghĩa là đức độ và đem lại lợi ích cho vô số chúng sinh khác. Khi ngài là vua thì cả hành tinh này đều phải sống thiện hết dưới sự cai quản của ngài, vì vậy khi một vị Chuyển Luân Thánh Vương ra đời trên cõi Đao Lợi mừng lắm, trái đất này tu thiện thì trên đó mạnh, số người về trên đó nhiều. Thi thể đáng được tôn thờ lập tháp là vị Chánh Đẳng Giác, hạng thứ hai là Độc Giác, hạng thứ ba là Thanh văn giác, hạng thứ tư là Chuyển Luân Vương chớ không có trường hợp tăng ni phàm phu. Bây giờ mình chế thêm, hễ đệ tử đông, có nhiều tiền, chùa có tiếng tăm thì chết rồi sẽ được tháp lớn, được đệ tử vinh danh bằng những từ ngữ nghe lạnh người "an nhiên thâu thần thị tịch", "an tường xả báo thân", và sau khi hỏa táng đệ tử thu nhặt được vô số xá lợi ngũ sắc. Từ đó mở ra tiền lệ rất đau lòng là một vị trưởng lão nằm xuống cư sĩ không quan tâm đến chuyện vị này để lại bao nhiêu công trình tác phẩm mà quan tâm vị này có để lại bao nhiêu xá lợi, xá lợi

có màu gì, khi vị này nhắm mắt đại chúng có nghe mùi hương thoang thoảng chung quanh… đó là điều mà ngày nay người ta coi trọng còn ngày xưa thì người ta coi trọng vị trưởng lão đó lúc sống bản thân tu học ra sao và đã để lại di sản công trình gì cho thế hệ sau mình, đó mới là điều quan trọng.

Tăng ở đây được kể hai trường hợp, trường hợp một là thánh nhân, trong bài lễ bái Tam Bảo có câu "Suppaṭipanno Bhagavato sāvakasaṃgho", 'sāvakasaṃgho'là Thanh văn đệ tử Đức Phật, ám chỉ cho thánh nhân. Trường hợp hai là vị tỳ kheo lúc đang nhớ giới, còn chỉ đắp y cạo đầu thôi thì chưa kể, phải là vị đang trong chánh niệm, nhớ mình là một tỳ kheo.

Hôm nay là thời buổi điện toán internet, bà con hoàn toàn có thể rà soát xem tăng ni đó nói có cơ sở hay không, không có chuyện bà con còn bú, chưa cắt cuống rốn. Sau khi nghe buổi giảng này rồi thì bà con tự xét. Bài kinh này quá dài nhưng hết giờ rồi, gặp lại bà con ngày thứ Bảy, chúc một ngày vui, một năm mới vạn sự cát tường, ý như vạn sự và vô lượng an lành.

Bài giảng ngày 03-01-2015 Ôn lại Tứ Thực

Ôn lại Tứ Thực: Đoàn thực giống như thịt đứa con. Xúc thực giống như bò bị lột da. Tư niệm thực giống như hố than hừng. Thức thực giống như hình phạt lao đâm. Toàn bộ sự hiện hữu của chúng sinh trên đời chỉ là quá trình tiêu thụ thức ăn. Chuyện ăn uống là chuyện vạn bất đắc dĩ. Để quán chiếu được điều này thì khi no mình mới thấy thấm, chỉ thấy ngon khi nào đói, lúc đói thì không có điều kiện tâm lý để quán chiếu thấy rằng đó là chuyện khổ sở. Nguồn gốc của miếng ăn cũng nhiêu khê và lúc bỏ vào miệng cũng nhiêu khê. Cơ thể giống như nhà máy và thức ăn cung cấp nguồn năng lượng. Chúng ta sống để đi làm, có tiền mua thức ăn, ăn xong thì tiếp tục đi làm. Nếu yêu đời thì thêm vài chi tiết nữa, có tiền để mua nhà cửa, xe cộ, ăn diện v.v..., nhưng căn bản nhất vẫn là đi cày để sống. Một vị tỳ kheo đúng mức mỗi lần ăn, uống thuốc, đắp y, sử dụng nhà ở, giường nằm thì phải luôn tâm niệm rằng tất cả những nhu cầu vật chất này chỉ là miếng vải băng bó vết thương; đặc biệt là chuyện ăn uống, chiếm phần lớn thời gian và tâm tư cảm xúc của chúng ta trong đời sống. Có dịp tiếp xúc với người Tây Tạng, Miến Điện mới thấy bài học rất đẹp rất hay đó là họ coi nhẹ đời sống vật chất. Xét theo khía cạnh văn minh hiện đại thì kiểu sống đó làm chậm bước tiến của thế giới, nhưng xét theo khía cạnh Phật học thì họ chậm vì họ không có lý do để bon chen. Chính ý niệm này dẫn đến sinh phong, nhân sinh quan của họ. Những người Phật tử ngoan đạo Tây Tạng, Miến, họ sống chỉ để chờ ngày chết, giải thoát. Họ có lý chớ không phải là không. Đoàn thực là quá trình tiêu thụ thực phẩm, đó là một cái khổ. Xúc thực là sự làm việc của 6 căn, cũng là một thứ thực phẩm, bằng chứng là toàn bộ thế giới này chỉ gói gọn trong số 18 (6 căn, 6 cảnh, 6 thức). Chính sự làm việc của 6 căn cũng có thể gọi là đời sống của chúng ta, chỉ cần mắt không thấy, tai không nghe…, chúng ta sống bằng cái gì. Toàn bộ đời sống chỉ là quá trình làm việc của 6 căn. Sáu căn, sáu cảnh cộng lại thành ra sáu thức tức là sáu cái biết, quá trình tiếp xúc này cũng là một thứ thực phẩm. Nói theo Phật pháp thì toàn bộ đời sống này chỉ là quá trình tiêu thụ năng lượng, ăn uống là tiêu thụ năng lượng, 6 căn làm việc là tiêu thụ năng lượng. Tư niệm thực chính là ba Hành, muốn cái này, toan tính cái kia, trù hoạch cái nọ, sự toan tính, sự đầu tư đó cũng là một thứ thực phẩm. Người sống nặng về tham dục thì chỉ biết sắc, thinh, khí, vị, xúc, người khá hơn có thiền định, nhưng cuối cùng thì cũng quẩn quanh trong ba cõi sáu đường. Chuyện ăn uống thì bất đắc dĩ như vợ chồng lạc trong sa mạc phải ăn thịt con. Thời gian tiếp xúc 6 trần chỉ là hành trình khổ nạn, nếu sống tỉnh thức thì sẽ một ngày sẽ thấy cái vui cái vừa ý ít hơn cái không vui. Vạn hữu luôn vô thường, những ngọt ngào đã ít oi rồi mà lại phù du,

hành trình tiếp xúc 6 trần là hành trình khổ nạn giống như con bò bị lột da. Chỉ cần thất niệm là khả năng khổ tâm cực lòng sẽ rất lớn. Trong kinh nghiệm thiền quán, hành giả phải luôn luôn tỉnh giác, quan sát, quán chiếu, ghi nhận, thấy biết là thấy, nghe chỉ là nghe, để giải quyết hai vấn đề: nhân và quả. Khi sống tỉnh thức như vậy thì hạn chế được việc đầu tư nhân sanh tử, bớt được nhân bất thiện. Nhân bất thiện là một nửa của nhân sinh tử, nửa còn lại là nhân thiện; nhân thiện đưa mình đi lên, nhân bất thiện đưa mình đọa. Nhân thiện có hai ý nghĩa: chủng tử giác ngộ, tuy cũng là chủng tử luân hồi nhưng nó đưa mình lên trên. Nếu chúng ta là những con trùn, con dế thì giờ đây đâu có gặp gỡ thế này, phải căn lành thiện duyên mới được. Nhưng nói rốt ráo thì nhân bất thiện hay thiện cũng đều là nhân sinh tử. Vì vậy, phải nói sáu căn là hành trình khổ nạn, còn thấy, nghe, ngửi, nếm, đụngthì mình còn phải đối diện hai vấn đề thêm nhân sinh tử và gánh quả sinh tử, vì còn phải tiếp xúc với những thứ mình không thích, đó là quả bất thiện của đời trước. Hễ sáu căn bỏ ngỏ (vivatindriya) thì nguy cơ bị tấn công rất lớn. Tư niệm thực là những trù tính lo toan cũng là thứ thực phẩm, kẻ tham dục thì đầu tư tham dục, kẻ ưa thích thiền định thì đầu tư thiền định để sanh về cõi Phạm thiên, sống hết tuổi thọ lại trở về đơn vị gốc của cõi Dục, đó là bốn khổ cảnh. Thức thực nghĩa là ngày nào còn có tâm Dục giới, tâm Sắc giới, tâm Vô sắc giới, ngày nào còn tâm thức, thì ngày đó mình còn điều kiện để tái sinh. Hễ còn tâm thức thì còn bị tấn công. Y như cách hiểu về xúc thực, còn 6 căn còn làm việc thì ta còn cơ hội chịu khổ, còn cơ hội tạo nhân đau khổ. Tâm thức còn thì cũng giống như tử tù chịu khổ hình, bị đâm bị chọt suốt ngày. Sáng nay trước khi chuông reo báo thức, tôi thức dậy trước vài phút, tôi nghĩ thấm thía điều này, nếu tính ngay trước mắt, đời sống có ngọt đắng chua chát, nhưng nếu nhớ lại chuyện cũ, toàn bộ quãng đời đã qua thì toàn đắng. Lúc lọt lòng mẹ, một hai tuổi, nếu có thể lựa chọn được thì tôi không có cái gan để tiếp tục đi quãng đường mấy chục năm như vậy. Khổ một chỗ, đi từng ngày thì thấy có đắng ngọt chua chát, nhưng tổng kết lại thì thấy quãng đời đó không đáng sống. Ngày xưa khi coi kinh, tôi thấy Đức Phật nói về thế gian, về dòng sinh tử một cách giống như cực đoan, Ngài chỉ nói về cái khổ. Tại sao một người giác ngộ an lạc như Ngài lại nói về cuộc đời quá mạt hạng như vậy. Thật ra khi có tuổi mới thấy, không thể nói khác đi về cuộc đời. Ai cũng thích một hiện tại vui hơn một hiện tại lành, nhưng sau này chín mươi tuổi nhớ lại, ai cũng muốn mình có một quá khứ lành hơn một quá khứ vui. Hiện tại, ai cũng thích mình có hiện tại vui, được hưởng thụ, nghe nhìn, gặp gỡ cái mình thích hơn là hiện tại lành: bát quan một tháng tám ngày, không đua đòi hưởng thụ, sống tỉnh giác… Nhưng sau này nhớ lại, ai cũng muốn mình

có quá khứ thiện, vì quá khứ vui rất phù phiếm, qua rồi thì chỉ thấy vô duyên. Chỉ ngẫm bao nhiêu đó là thấy mình vô minh rồi.

Còn có tâm thức thì còn có vấn đề. Trong khi chờ đợi để chấm dứt hoàn toàn sự có mặt của danh sắc thì sống chánh niệm cũng là cách, khi đó ta chỉ sống bằng một nửa chức năng của tâm thức mà thôi. Tâm thức có hai chức năng là thiện và ác, khổ và vui, khi sống thiện thì khổ sẽ bớt đi.

CÓ THAM (Atthiragasutta)

Kinh Có Tham cũng có nội dung về bốn thứ thức ăn. Đức Phật dạy khi ta còn thích thú trong việc tiêu thụ thức ăn dù loại nào đi nữa thì mọi khổ nạn sẽ có cơ hội để có mặt.

Suy cho cùng, toàn bộ đời sống của ta chỉ là quá trình tồn tại của 6 căn. Khi ta chạy theo 6 trần nghĩa là ta đang đầu tư vào chuyện sinh tử. Sáu trần lúc bấy giờ là thức ăn, là điều kiện (condition) để tồn tại. Còn thích trong cảnh dục thì mới có cơ hội quay trở lại cõi Dục. Còn thích thú trong thiền định thì mới quay lại các cõi thiền. Tuy nhiên, những vị Phạm thiên vẫn sống trong vô thường, khổ, vô ngã; hết tuổi thọ quay trở xuống thì mọi sự trở lại như cũ. Cõi Thiền hay cõi Dục thì cũng là sự có mặt của danh và sắc; có mặt và chấm dứt trong từng sát-na, tiếp nối sanh diệt liên tục. Cõi Phạm thiên chỉ là chiếc lá màu xanh, cõi Dục giới là chiếc lá màu vàng, cả hai đều như nhau; giống như những giọt nước khác màu, dù màu gì rồi cũng sẽ bốc hơi trong một ngày nắng hạ.

“Này các Tỷ-kheo, nếu đối với đoàn thực, có tham, có hỷ, có ái, thời có thức được an trú, tăng trưởng. Chỗ nào thức được an trú, tăng trưởng, chỗ ấy có danh sắc sanh. Chỗ nào có danh sắc sanh, chỗ ấy có các hành tăng trưởng. Chỗ nào có các hành tăng trưởng, chỗ ấy hữu được tái sanh trong tương lai. Chỗ nào hữu được tái sanh trong tương lai, chỗ ấy có sanh, già chết trong tương lai. Chỗ nào có sanh, già chết trong tương lai, Ta nói chỗ ấy có sầu, có khổ, có não.”

Khi có sự thích thú trong năm dục thì sẽ có sự tái sinh trở lại các cõi Dục giới. Và khi đã sinh ra thì chắc chắn phải có lúc chết đi, cứ sinh và tử theo sự tác động của tham ái đối với các phiền não, ở đây là tham ái.

Cứ một lần mình có tâm bất thiện xuất hiện thì nó sẽ tạo tâm đầu thai cho cõi bất thiện, gieo mầm sanh về cõi khổ, nếu có tâm thiện thì sẽ tạo ra tâm đầu thai cho cõi lành, gieo mầm sanh về cõi vui. Cõi nào thì sống hết tuổi thọ cũng đi theo

nghiệp cũ của mình. Bản năng (instinct) của mình, thiện luôn ít hơn ác, vì vậy làm thiện ít hơn làm ác, nói đến tiền nghiệp thì mình phải hiểu ngầm ác nghiệp nhiều hơn, nợ lúc nào cũng lớn hơn thu nhập, nên khi sanh về cõi lành, hết tuổi thọ lại đi theo điều động của tiền nghiệp quá khứ mà phần lớn là bất thiện, thế là khả năng đọa rất lớn. Đây là lý do vì sao Đức Phật dùng hình ảnh con rùa mù để nói vô cùng khó khăn mới có cơ hội làm người. Ngày nào còn thích thú trong ăn uống, hưởng thụ, tiếp xúc năm trần thì ngày đó còn gieo nhân sinh tử.

Ở đây có câu hỏi làm thế nào tu cho thoát khỏi Dục. Chán ác mới tu thiện, chán dục mới tu thiền. Chán dục là biết sợ, là có khả năng nhàm chán trong việc thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, không tìm kiếm những thứ ngọt ngào trong trần cảnh. Chỉ có cách bỏ hết, đi vô tu thiền. 99, 9% Phật tử không sợ sinh tử chỉ sợ khổ, mà khổ theo định nghĩa của mình: không đẹp, thiếu tiền, đau nhức, sa đọa làm trùn dế… chớ mình chưa chán sự có mặt trong các cảnh giới. Thật ra mình chưa đủ sợ sanh tử đâu, phải can đảm nhìn lại lòng mình xem đúng hay sai. Giờ thấy trên đầu mình có tóc bạc, ông chồng bà vợ lơ là mình, nghe trong cơ thể mình có dấu hiệu bịnh hoạn, hết hồn mới đi tu, chớ quay lại tuổi còn xanh tươi đẹp, giàu nứt vách, muốn gì được này, liệu quí vị có ngồi đây nghe pháp hay không.

Khi không còn tha thiết trong tứ thực thì phiền não không có cơ hội có mặt, và nếu không còn cơ hội có mặt thì mình không còn sinh tử nữa. Đức Phật dùng ví dụ: giống như ngôi nhà mà ánh nắng hay ánh trăng muốn có rọi phải có chỗ dựa. Ban đêm rọi đèn lên trời thì không thấy chỗ phản chiếu vì trên không gian không có chỗ đón nhận tia sáng đó. Tiếp theo là bài kinh Thành Ấp.

THÀNH ẤP (Nagarasutta)

Mấy bài kinh này, nội dung khô khan nhức đầu, nếu không có lớp học này thì bà con mở ra trong ba giây là ngáp mười lăm cái, đóng sách lại, hoặc là đi ngủ, hoặc là đi chơi game, hoặc là đi nghe nhạc, shopping, hoặc là đi tám. Vì vậy lợi ích của lớp này là mình có cơ hội ngồi nghe lại, nghe ngủ cũng được.

Muốn nói kinh này, phải nhắc lại Kinh Thánh Cầu (Ariyapariyesanā sutta) trong Trung Bộ Kinh. Đức Phật dạy rằng, trong số những người có mặt trên đời này gom chung có hai hạng:

- Hạng thứ nhất có mặt trong cảnh giới của sanh già đau chết và tiếp tục gây nợ, tiếp tục đầu tư thêm khoản nợ nần để tiếp tục sanh già đau chết nữa. Hễ còn thích thì còn bám còn níu, còn bám còn níu thì còn di chuyển hoài trên cội cây sinh tử,

giống như con khỉ, rút tay phải thì đưa tay trái nắm, rút tay trái thì đưa tay phải nắm nên suốt mùa thu nó ở trên cây.

- Hạng thứ hai: sanh ra trong cõi sanh già đau chết và biết kinh sợ không muốn tiếp tục sanh già đau chết nữa. Đức Phật gọi hạng này là ariyapariyesanā(lý tưởng thánh nhân). Sống trong cõi sinh tử mà lại hướng đến cứu cánh không sinh tử.

'Pariyesana': tìm kiếm, seeking for, looking for.

'Ariyapariyesanā': lý tưởng thánh nhân.

Sống trong đời, dầu là ông hoàng hay ăn mày cũng yêu đời để tiếp tục sống. Trong khi đó, Đức Phật kể lại kinh nghiệm khi Ngài chưa thành Phật, Ngài đã trăn trở, thao thức.

"Thuở xưa, này các Tỷ-kheo, trước khi Ta giác ngộ, chưa chứng Chánh Đẳng Giác, còn là Bồ-tát, Ta suy nghĩ như sau: "Thật sự thế giới này bị hãm trong khổ não, bị sanh, bị già, bị chết, bị đoạn diệt, và bị tái sanh; và từ nơi đau khổ này, không biết xuất ly khỏi già và chết; từ nơi đau khổ này, không biết khi nào được biết đến xuất ly khỏi già và chết."

Ngài suy nghĩ, không có giây phút chào đời thì làm gì có khổ, sự chào đời đó ở đâu ra. Ngài từng thao thức như vậy trong vô số kiếp nhưng Ba-la-mật chưa đủ nên không thể có được cái hiểu như trong kiếp chót. Ngài đã tu trong vô số kiếp sống nên giờ đây Ngài mới tự trả lời được câu hỏi đó.

Tôi là phàm nhân trăm phần trăm có giấy chứng nhận luôn, nhưng cả tôi và quý vị, có những chuyện mình đã biết đã nghe đã đọc rồi, nhưng biết để đó, tự nhiên một ngày nào đó trong đời, nghĩ lại thì nó bừng lên, hiểu thấu suốt. Tuy nhiên, đó chỉ là chuyện vớ vẩn thôi. Còn một người có tâm nguyện trở thành Phật thì cứ gặp chư Phật là họ đi theo học hỏi, làm lành làm thiện, tâm nguyện thành Phật trong thời gian một hai kiếp thì chưa thấy gì nhưng càng về sau này thì càng chín muồi. Trong 91 đại kiếp trước khi thành Phật, Ngài đã có những dấu hiệu tâm linh, tinh thần không giống như phàm phu nữa, Ngài xác nhận: Ta nhớ lại trong 91 đại kiếp đó ta chưa bao giờ là một tu sĩ lừa dối, ruột sao vỏ vậy, vỏ sao ruột vậy. Đây là sự huân tập (accumulation) nhiều đời. Cũng giống như cái bất thiện tham sân si, tà kiến, ngã mạn của mình huân tập nhiều đời, chạm vô là bật ra, ai đụng tới mình là mình phản ứng lại gấp bội phần, đó là vì sức bật của phiền não mà mình đã huân tập. Một vị Bồ tát tu tập thiện pháp cũng y vậy, họ đã nuôi lý

tưởng suốt nhiều đời, theo năm tháng phước báo càng lúc càng nhiều thì ác pháp càng lúc càng mỏng dần.

Có người hỏi tôi tại sao những vị như hai ngài Chí thượng Thanh văn Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên hoặc đại đệ tử như ngài Ānanda, Ca Diếp, theo trong kinh mô tả được phước báo nhiều quá, sống rất thọ, và được lễ bái cúng dường nhiều vô kể, có phải là trong kinh viết thêm. Tôi cũng theo kinh mà trả lời, những bậc đại thánh như vậy, khi phát nguyện (trở thành vị Chánh Đẳng Giác, Độc Giác, Chí thượng Thanh văn, hay đệ nhất…) theo thời gian, công đức càng dày và tánh xấu càng lúc càng mòn. Nghiệp xấu càng lúc càng trả bớt, phước càng lúc càng dày thêm, và đến khi gần thành đạo thì hoàn hảo. Giống như một người lên xe khi chân còn dính bùn. Chuyến đi càng dài thì khả năng bùn khô rơi rớt đi sẽ rất lớn. Khi xuống xe tự dưng sạch sẽ. Chặng đường càng ngắn, thì khả năng bùn còn dính sẽ nhiều hơn. Phước nhiều quá thì người ta không còn ghen tị, ganh ghét, không còn so đo bỏn xẻn vì họ muốn là có. Kẹo là do bỏn xẻn nhiều đời hoặc do xuất thân nghèo khó. Có câu chuyện một anh đi trên sa mạc bị lạc, không còn đồ ăn, ăn cả cóc nhái, côn trùng, và mê man. Khi được cứu về bệnh viện, bao nhiêu bánh trái người ta đem vào, anh ta giấu hết dưới nệm, bởi vì anh ta bị ám ảnh sợ nay mai không còn thức ăn. Câu chuyện này cho thấy bản năng sinh tử của mình mạnh đến như thế. Kẻ sát sanh nhiều đời thì khi sinh ra sẽ bị yếu đuối, yểu thọ, khi cơ thể yếu đuối thì sẽ có những cách suy nghĩ kỳ cục, luôn nhút nhát, sợ hãi bất an. Người nghèo quá, thiếu phước bố thí thì khi sanh ra lúc nào cũng sợ mất mát, hao mòn, tốn kém. Kẻ không có lòng tôn kính thì sẽ sinh ra trong một dòng họ thấp kém, bị người ta chèn ép, hiếp đáp, thế là lúc nào cái lòng cũng hèn, sống bằng tâm nô lệ. Vì vậy phải làm công đức để được có mặt trong điều kiện tốt, môi trường tốt, chỉ trong môi trường tốt thì mình mới có cơ hội bỏ đi những tật xấu. Nếu không tu tập thì sẽ bị đẩy vào cảnh thấp và sẽ lại phát sanh thói xấu, cái khổ nuôi cái xấu, cái xấu nuôi cái khổ, một lúc nào đó may mắn hãn hữu vô cùng mới gặp được bốn điều này: 1.Hiền cận. 2.Trú xứ thích hợp. 3.Biết lắng nghe. 4.Biết thực hành. Có đủ bốn điều này thì mới ngoi lên được. Tuy nhiên, thiện luôn ít hơn ác, cho nên khả năng bị đọa lớn vô cùng, đã đọa thì càng khó gặp được bốn điều này. You are what you think of, anh chính là cái gì mà anh suy nghĩ, khi anh thích gì, ghét cái gì là anh đã tạo ra một con người rồi. Khi mình ghét đọc sách là đã tạo ra một thằng dốt, khi mình thích bài bạc thì đã tạo ra một tay đổ bác, khi mình thích nhậu nhẹt thì mình đã tạo ra một con sâu rượu. Chỉ cần biết rõ cái gì mình thích, cái gì mình ghét là đã hình dung ra con người của mình rồi. Lão Tử nói đừng coi thường những suy nghĩ thoáng qua trong đầu, suy nghĩ

nhiều lần sẽ thành ra hành động, hành động nhiều lần sẽ thành ra thói quen, thói quen làm nên nhân cách, nhân cách chính là số phận của ta.

Bài kinh này, Đức Phật dạy hễ còn thích trong thích trong Tứ thực là còn có nhân sinh tử. Bốn cái này nói gọn lại chỉ là một. Ngày nào sáu căn còn làm việc với sáu trần bằng sự đam mê thì ngày đó còn có điều kiện để sanh tử. Đức Phật dùng hình ảnh giống như ánh nắng qua thềm nếu không có gì hứng thì không có phản chiếu như ánh đèn rọi vào không trung ban đêm; trần cảnh đối với vị La-Hán giống như gió thổi qua lưới, như giọt nước trên lá sen, như hạt cải trên đầu kim.

Kinh Thành Ấp (Nagara), tiếng Anh gọi là 'city' tiếng Ý gọi là 'citta', 'citta' theo tiếng Pāḷi nghĩa là 'tâm'. Chữ viết giống nhau vậy thôi chớ không liên quan.

"Và này các Tỷ-kheo, thế nào là con đường cũ, đạo lộ cũ ấy do các vị Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua?

Đây chính là con đường Thánh đạo tám ngành, tức là chánh tri kiến... chánh định. Con đường ấy, này các Tỷ-kheo, là con đường cũ, đạo lộ cũ do các bậc Chánh Đẳng Giác thuở xưa đã đi qua. Ta đã đi theo con đường ấy…"

Nguyên bài kinh dài về Duyên khởi tôi đã giải thích cả mấy tháng nay, Đức Phật xác định: Này các tỳ kheo, hôm nay nhận thức của Như Lai về giáo lý Duyên khởi cũng chính là nhận thức mà ngày xưa chư Phật quá khứ đã từng thấy qua. Ngài giống như người đi lại con đường xưa và thấy lại một thành quách cũ; Ngài không phải là người sáng tạo ra giáo lý Duyên khởi.

KINH NỘI XÚC

Kinh Nội Xúc (Sammasanasutta). Đây là kinh có nhiều chuyện để mình nói với nhau.

Trong Luật tỳ kheo có câu này: "yo pana bhikkhu otiṇṇo vipariṇatena cittena mātugāmena saddhiṁ kāyasaṁsaggaṁ samāpajjeyya, hatthagāhaṁ vā veṇigāhaṁ vā aññata rassa vā aññatarassa vā aṅgassa parāmasanaṁ, saṅghādiseso". Vị tỳ kheo nào do tham dục tác động mà xúc chạm với phụ nữ như là nắm nay, vuốt tóc, hay là sờ chạm bất cứ chỗ nào trên thân người nữ thì phạm giới tăng tàn.

‘parāmasanaṁ’: sự sờ chạm. Có điểm thú vị là chữ ‘mas’, có nghĩa là ‘xoa vuốt’ ‘sờ chạm’, ‘rờ mó’, ‘mò mẫm’; đặc biệt giống chữ ‘massage’ trong tiếng Anh. Từ đây mới dẫn đến hiểu lầm ‘sammasa’ nghĩa là sờ chạm.

‘sammasana’ là danh từ xuất phát từ động từ ‘sammasati’ nghĩa là quán chiếu. ‘Sammasana’: sự quán chiếu.

Trong bản dịch tiếng Việt Trong bản dịch tiếng Việt “3) Thế Tôn nói như sau: Này các Tỷ-kheo, các Ông có nắm giữ với nội xúc hay không?

”. Vì sai từ tựa đề kinh nên xuống dưới cũng sai theo. Bản dịch tiếng Việt có nhầm lẫn. Trong bản kinh Pāḷi, “antaraṃ sammasa’’ được giải thích trong chú giải là “abbhantaraṃ paccayasammasanaṃ”; nghĩa là quán xét 12 Duyên khởi theo cách nửa chừng. Hễ nói đến Duyên khởi là vô minh duyên hành, hành duyên thức…, gọi là “adinayena paccayasammasanam”, nghĩa là quán Duyên khởi theo cách từ đầu đến cuối, còn “abbhantaraṃ paccayasammasanaṃ” nghĩa là quán chiếu ngang hông, ở giữa. Ví dụ như tỳ kheo trong mùa an cư, có đi đâu thì nguyện câu này, ; nghĩa là quán xét 12 Duyên khởi theo cách nửa chừng. Hễ nói đến Duyên khởi là vô minh duyên hành, hành duyên thức…, gọi là “adinayena paccayasammasanam”, nghĩa là quán Duyên khởi theo cách từ đầu đến cuối, còn “abbhantaraṃ paccayasammasanaṃ” nghĩa là quán chiếu ngang hông, ở giữa. Ví dụ như tỳ kheo trong mùa an cư, có đi đâu thì nguyện câu này, “Sace me antarayo natthi sattahabbhantarenivattissami”: “Nếu không có trục trặc xảy ra cho tôi thì tôi sẽ trở về trú xứ này trong vòng 7 ngày”. ‘Satta’: 7, ‘aha’: ngày. ‘Sattahabbhantare’: trong vòng bảy ngày. Không phải là đi suốt bảy ngày mà là trong vòng bảy ngày. ‘abbhantara’nghĩa là ngang hông, ngang xương.

Vì vậy, ở bài kinh này, với câu Vì vậy, ở bài kinh này, với câu “Này các Tỷ-kheo, các Ông có nắm giữ với nội xúc hay không?

” phải dịch lại: Đức Phật hỏi chư tỳ kheo “Các ngươi có biết cách quán chiếu Duyên khởi theo cách nửa chừng hay không?

”. Cách truyền thống “adinayena paccayasammasanam” là quán chiếu Duyên khởi tuần tự từ đầu đến đuôi: vô minh duyên hành, hành duyên thức… Còn cách ở đây Ngài hỏi là “Đức Phật hỏi chư tỳ kheo “Các ngươi có biết cách quán chiếu Duyên khởi theo cách nửa chừng hay không?

". Cách truyền thống "adinayena paccayasammasanam" là quán chiếu Duyên khởi tuần tự từ đầu đến đuôi: vô minh duyên hành, hành duyên thức… Còn cách ở đây Ngài hỏi là "abbhantaraṃ paccayasammasanaṃ", quán chiếu giữa chừng. Ví dụ nghe một âm thanh nào đó mình thích quá, biết đây là ái, biết ái từ thọ mà có, thọ từ xúc mà có, xúc từ đâu mà có, từ lục nhập, từ danh sắc đầu đời, danh sắc đầu đời từ 32 thức, thức từ ba hành, hành từ vô minh, vô minh từ tứ lậu, tứ lậu từ sanh già đau chết mà ra. Nếu quán chiếu theo chiều khác, nghe âm thanh nào đó mà thích thì vị đó biết liền, ái này sẽ dẫn đến thủ, thủ này sẽ dẫn đến hữu, hữu sẽ dẫn đến sanh, sanh sẽ dẫn đến già đau chết sầu bi khổ ưu não, quán chiếu như vậy nghĩa là quán chiếu giữa chừng, quán chiếu ngang xương, không bắt đầu từ vô minh. Duyên khởi là một vòng tròn khép kín, điểm nào cũng có thể là điểm bắt đầu, nếu anh còn là phàm phu. Nói theo bài bản thì "Tập đế sinh ra Khổ đế" nhưng đối với phàm phu thì không đơn giản như vậy. "Tập đế sinh ra Khổ đế, Khổ đế là điều kiện để tiếp tục tạo ra Tập đế", khổ quá rồi làm bậy, làm bậy lại càng khổ, càng khổ càng làm bậy. Cái này nuôi cái kia, Khổ nuôi Tập rồi Tập nuôi Khổ. Đức Phật nói gọn công thức: Tập sinh ra Khổ. Trong thực tế, Tập đế tạo ra Khổ và Khổ là nền tảng cho Tập.

Ngài hỏi, "Các ngươi có biết cách quán chiếu Duyên khởi theo cách nửa chừng hay không?

". Cách nửa chừng ở đây là không bắt đầu từ vô minh mà bắt đầu từ 'già': "Sự đau khổ đa loại, đa dạng này khởi lên ở đời với già chết. Sự đau khổ này lấy sanh y làm nhân, lấy sanh y làm tập khởi, lấy sanh y làm tác sanh, lấy sanh y làm hiện hữu. Do sanh y có mặt, già chết hiện hữu. Do sanh y không có mặt, già chết không hiện hữu". Ở đời có rất nhiều cái khổ, quan trọng nhất là già chết. Khổ già chết này từ sanh mà ra, sanh từ sanh y mà ra. Sanh y, tiếng Pāḷi là 'upadhi', nghĩa là năm uẩn.

Ở đây có người hỏi, nếu muốn học Pāḷi thì học ở đâu, câu này giống như câu nếu muốn đi bác sĩ thì đi ở đâu. Nếu mình ở Huế thì đi bệnh viện trung ương Huế, Tam Kỳ hay Quãng Ngãi, nếu ở Phan Rang thì đi Cam Ranh, Ba Ngòi, nếu ở Sài Gòn thì bệnh viện chợ Rẫy… Nếu ở trong nước thì có thể đến với ngài Hộ Pháp ở Núi Dinh, sư cô Liễu Pháp, còn nếu có điều kiện đi bên ngoài thì tôi có lời khuyên đi qua Tích Lan. Theo nhận xét của tôi, Tích Lan là chỗ tốt nhất nếu dốc lòng. Từ xưa đến giờ tôi chưa thấy người Phật tử nào học đạo theo kiểu dốc lòng hết, chỉ chỗ xong thì nói hỏi cho biết vậy thôi, rồi nói là bận. Tôi nói thiệt đừng buồn, nếu là nữ, mà có tuổi rồi thì tập trung học Vi diệu pháp rồi đi tu thiền là tốt

nhất. Nếu mẹ tôi còn sống và nếu mẹ tôi có ý muốn tu học một cách căn bản, trong điều kiện tôi có, nếu bà tin tôi, tôi phải hướng dẫn cho bà học A-tỳ-đàm, biết Tứ Đế, Duyên khởi, nghiệp báo, tái sanh là thế nào, rồi đề nghị bà về Miến Điện mà tu. Không phải chỗ đó về là đắc, nhưng bối cảnh môi trường, không khí, điều kiện tâm lý ở đó rất là tốt. Còn nói tu là tu tâm, phiền não tức cảnh bồ đề, thứ nhất tu tại gia, thứ hai tu chợ thứ ba tu chùa, cư trần bất nhiễm v.v..., cái đó toàn là nói dóc. Sống giữa phồn hoa, vật lộn đôi co với danh lợi với tục lụy thì làm sao mà tu. Bối cảnh ở Miến Điện hay lắm, ví dụ như Chanmyay, Sumin, nơi đó gặp mấy ông tây bà đầm mắt xanh tóc vàng, mặc xà rông Miến Điện đi chậm rãi thong thả mắt nhìn xuống, nghe tiếng động họ ngước lên nhìn mình khẽ cười chào rồi cúi xuống đi tiếp, hình ảnh quá đẹp. Chỉ nhìn thôi là tâm lắng xuống, vừa bước chân xuống là mình đã không dám ho, không dám tằng hắng rồi. Không khí như vậy đó, tất cả mọi người đều nhìn nhau bằng sự trân quí và tin cậy; ở đâu mà được cảnh như vậy.

Theo chú giải, "Khandhapañcakañhettha upadhīti adhippetaṃ", sanh y ở đây ám chỉ năm uẩn. ('adhippetaṃ': ám chỉ, chỉ cho, trỏ về). Đức Phật hỏi chư tăng có biết quán chiếu Duyên khởi kiểu nửa chừng hay không.

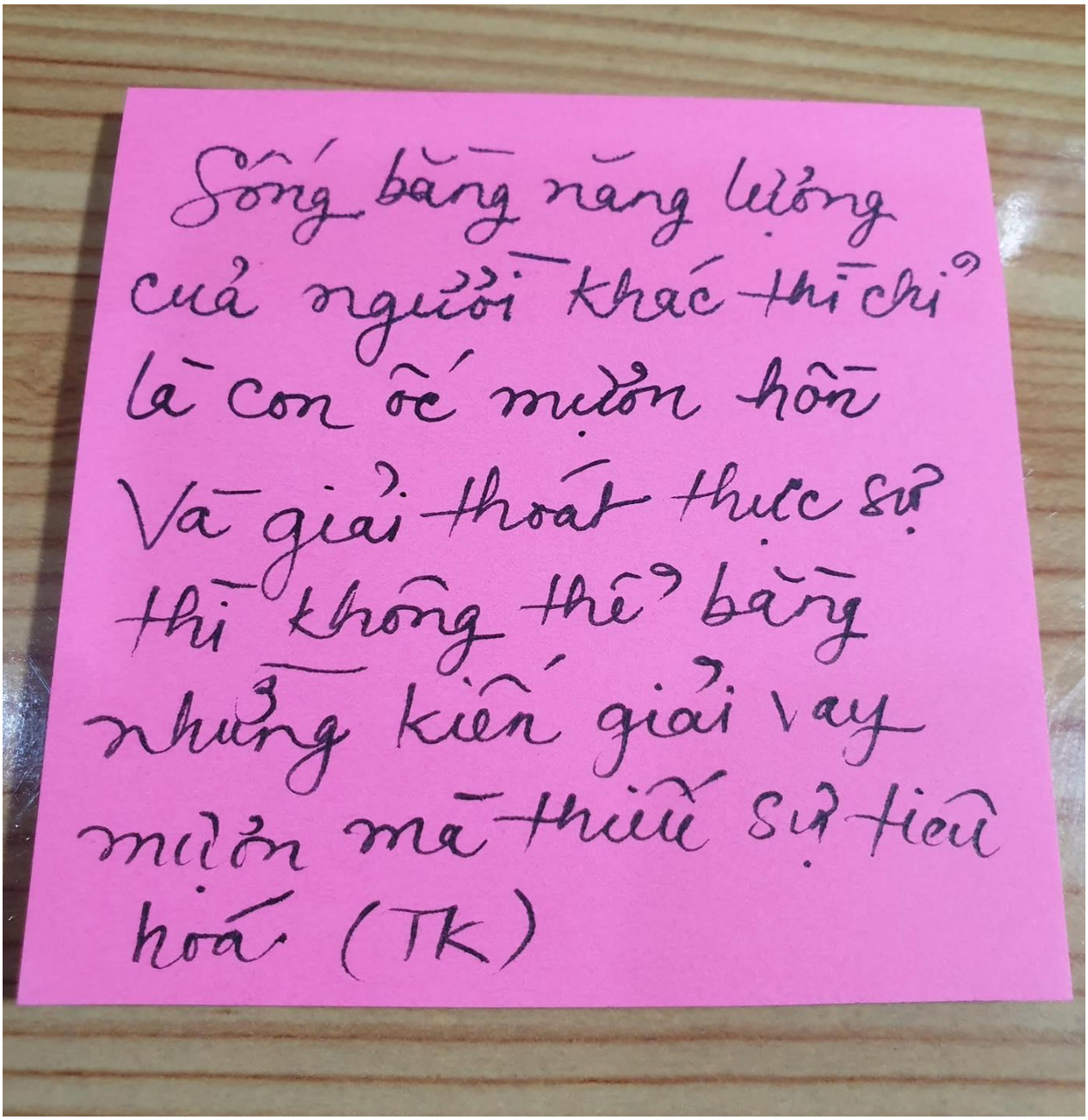
Sống bằng năng lượng
của người khác thì chỉ
là con ốc mượn hồn
Và giải thoát thực sự
thì không thể bằng
những kiến giải vay
mượn mà thiếu sự tiêu
hoá. (TK)

Bài giảng ngày 08-01-2015 NỘI XÚC (tt)

Trở lại bài kinh Nội Xúc (Sammasanasutta).

“Antaraṃ sammasanti abbhantaraṃ paccayasammasanaṃ”

Chữ mà HT Minh Châu dịch là ‘nội xúc’ thật ra là “sự quán sát Duyên khởi theo cách giữa chừng”. Chữ ‘nội xúc’ ở đây là “Antaraṃ sammasanti”, tôi nghĩ ở đây có sự nhầm lẫn, bởi vì chữ ‘Sammasana’ có nhiều nghĩa, trong đó có nghĩa là ‘sự sờ chạm’. Nhưng trong chú giải có nói rõ ràng là sự quán sát năm uẩn theo cách giữa chừng. Thông thường thì bắt đầu là vô minh duyên hành, hành duyên thức, nhưng cách này thì không bắt đầu từ vô minh mà từ một chỗ khác, mà bắt đầu từ Ái, bắt đầu từ Xúc, trường hợp đó gọi là “antaraṃ sammasana”. Chú giải giải thích thêm, ‘antaraṃ’ở đây là ‘abbhantaraṃ’, nghĩa là ‘bên trong’, ‘giữa chừng’. Từ số 1 đến số 12, bắt đầu từ số 3, số 9 hay 11, gọi là ‘abbhantaraṃ’. Xét theo nguyên lý Duyên khởi, bất cứ chỗ nào trong vòng tròn Duyên khởi cũng có thể là điểm bắt đầu, đối với phàm phu. Người có học A-tỳ-đàm sẽ biết trong vòng tròn đó cái nào là quả, cái nào là nhân. Ví dụ, ngũ song thức là quả, ái là nhân; mắt tai mũi lưỡi không có tội lỗi, chỉ là quả của quá khứ, nhưng đối với phàm phu thì giai đoạn nào cũng có thể là điểm bắt đầu cho Duyên khởi. Vị A-la-hán cũng có mắt tai mũi lưỡi nhưng không dùng ngũ căn của đời này để đầu tư thêm cho kiếp sau. Khi mắt mình nhìn cái gì đó mà thích thì chính cái thích này đưa mình trở lại cõi Dục giới, bởi cõi Dục giới có đủ mắt tai mũi lưỡi. Đối với một người sanh trong cõi Dục giới nhưng nhàm chán sắc thanh khí vị xúc, họ lo tu thiền nên sinh được vào cõi Sắc giới và Vô sắc giới. Còn vị A-la-hán, trước khi đắc quả ngài cũng là người ở cõi Dục giới nhưng sau khi đắc quả rồi ngài cũng có mắt tai mũi lưỡi nhưng không thích trong năm dục, và cũng không mê trong thiền, vì vậy ngài không có điều kiện để quay về cõi Dục, và cũng không mê trong mấy tầng thiền nên không có cơ hội quay lại cõi Phạm Thiên. Khi không còn chỗ quay lại thì đi đâu bây giờ?

Chỉ còn chỗ vô sanh Niết bàn. Mình thì có ba cách: thích hưởng dục thì chết rồi quay trở lại cõi Dục; thích thiền Sắc Ggiới, chứng thiền Sắc giới, chết rồi sanh về cõi Sắc giới, hết tuổi thọ trở xuống cõi Dục. Thiền vô sắc cũng y vậy, nhàm chán Sắc giới, tu thiền Vô sắc, chứng thiền Vô sắc, chết sanh về cõi Vô sắc, hết tuổi thọ quay trở về đơn vị gốc. Cõi Dục là gốc của ba cõi. Cảnh giới đọa xứ (địa ngục, ngạ quỷ, A-tu-la, bàng sanh) là gốc của cõi Dục giới. Tam giới lấy cõi Dục giới làm gốc. Cõi Dục giới lấy bốn cõi khổ làm gốc. Chính vì vậy mới có chuyện

quán xét Duyên khởi theo kiểu giữa chừng, nhắc cho mình bất cứ chỗ nào trong đời sống phàm phu cũng là chỗ bắt đầu cho dòng sinh tử. Trong bài kinh này Ngài bắt đầu từ chỗ sanh. Trước khi thành Phật Ngài từng quán xét ở đời này có quá nhiều cái khổ, sanh ly tử biệt, mất mát, bệnh hoạn, tai tiếng, muốn không được, thương phải xa, ghét phải gần v.v..., Ngài thấy tất cả những cái khổ này đi ra từ việc mình có mặt trên đời này: "Sự đau khổ đa loại, đa dạng này khởi lên ở đời với già chết. Sự đau khổ này lấy sanh y làm nhân, lấy sanh y làm tập khởi, lấy sanh y làm tác sanh, lấy sanh y làm hiện hữu. Do sanh y có mặt, già chết hiện hữu. Do sanh y không có mặt, già chết không hiện hữu".

Cái khổ gọn nhất ở đời này là già và chết, còn khổ chi li thì không biết là bao nhiêu. Một người có trí, nhìn người ta đi làm dâu là đã không muốn sanh tử rồi, nhìn cảnh mẹ góa con côi, người già cả neo đơn trời mưa gió lạnh lẽo thế này phải đi buôn bán từng tờ vé số, từng cái bánh gai, bánh cam trên đường là đã không muốn sinh tử. Nhìn một người già trong bệnh viện ho sù sụ không ai thăm nuôi, nhìn những gia tộc giàu sang phú quí nhưng bên trong gia tộc chia năm xẻ bảy tan nát, củi đậu nấu đậu, mình cũng không muốn sinh tử. Một vị trời sung sướng, có đầy đủ mọi thứ, nhưng đứng trước giây phút sợ hãi sắp chết, hào quang mờ đi, hoa tươi trên người héo, nghe người mệt mỏi, cảm thấy chục triệu năm trong đời không có chỗ dựa tinh thần, giờ không biết đi về đâu, chỉ nghĩ vậy mình cũng thấy sợ, cũng không muốn sinh tử. Quí vị hãy nhớ câu này: Ai cũng muốn có một hiện tại vui, không ai thích một hiện tại thiện nhưng khi mọi sự đã là quá khứ, thì ai cũng muốn mình có một quá khứ thiện hơn là quá khứ vui. Bởi vì quá khứ thiện sẽ là hành lý để mình cầm đi, quá khứ vui qua rồi thì tẻ nhạt. Tôi có chút điều kiện để gặp gỡ một số người ngày xưa từng hét ra lửa lúc trước 75, giờ thì lớn tuổi rồi, vật đổi sao dời, bây giờ tuy có tuổi già nhàn hạ, nhưng quá khứ đã là quá khứ, chỉ ngồi gặm nhấm dĩ vãng. Nhìn họ tôi nhớ lại những vị Sayadaw bên Miến Điện, tôi nghĩ nếu quá khứ của họ từ đó đến giờ là một Sayadaw thì đỡ biết bao nhiêu. Dù trước mắt nhìn đời của một người tu cũng mịt mù mơ hồ quá, ăn rồi ôm chồng lá bối học, đi bát trời mưa lạnh lẽo chân không, gai góc; nhưng vài chục năm sau, khi cả hai vào tuổi chín mươi thì tình hình lại khác. Khi cả hai bước vào giai đoạn cuối của cuộc đời thì mới thấy, giá như sáu mươi năm qua mình là một người tu hơn là sáu mươi năm chăn êm nệm ấm.

Trong bài kinh này khi Đức Phật hỏi chư tăng có biết quán chiếu Duyên khởi theo cách giữa chừng hay không. Chư tăng thỉnh Đức Thế Tôn thuyết. Ngài nói rằng ngày xưa Ngài đã từng quán xét như vậy, Ngài kể kinh nghiệm của Ngài, khi quán xét năm uẩn theo cách nửa chừng, bắt đầu từ lục nhập, từ ái, từ xúc hay

từ sanh cũng được. Quán xét mọi khổ trên đời từ sanh, từ sự có mặt. Sự có mặt này ở đâu mà có?

Có từ sanh y. Sanh y (upadhi) ở đây chính là năm uẩn. Năm uẩn tức là thân và tâm, nếu kể ra là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Trường hợp nói gọn hơn, năm uẩn cũng là tâm.

Sanh y lấy gì làm gốc?

Các khổ lấy năm uẩn làm gốc. Năm uẩn lấy Ái làm gốc. Do có Dục ái mới sanh ra trong cõi Dục giới, có đủ năm uẩn. Do có Ái nên mới sanh ra trong cõi Sắc giới có năm uẩn hoặc một uẩn. Do có Vô sắc ái nên mới sanh ra trong cõi Vô sắc giới, chỉ có bốn uẩn. Rõ ràng là vì có Ái nên mới có năm uẩn.

Ái lấy sáu trần làm gốc. Tu Vipassanā mới thấy rõ điểm này. Nghĩa là toàn bộ đời sống của phàm phu chỉ là quá trình làm việc của sáu căn đối với sáu trần. Khi mình gặp cảnh vừa ý thì thích trực tiếp. Khi gặp cảnh trái ý thì nghĩ đến việc trốn chạy, tránh né, tìm đến cái vừa ý. Đó cũng là một hình thức tham ái.

Khi tu thiền, ngồi lâu quá, mình bị đau nhức, mình mới có ý muốn thay đổi oai nghi. Chuyện mình thích nhìn cái đẹp, nghe cái hay, lưỡi muốn nếm vị ngon, thân muốn xúc chạm cái gì ấm trơn mịn thì khỏi nói, còn đàng này hành giả đang tu thiền, ngồi lâu quá đau nhức muốn đổi tư thế, từ kiết già muốn đổi qua bán già, hoặc muốn duỗi chân, muốn được đứng dậy đi một chút; khi muốn như vậy cũng là Ái. Ái bám mình khít khao không có một kẽ hở mà mình không ngờ. Mình cứ tưởng Áilà cái gì thích cụ thể như trai gái thích nhau, thích tiền, mê nhậu, cái đó thì quá rõ. Có những cái thích nhỏ nhặt bám sát mình trong đời sống đó cũng là ái. Ngồi lâu quá muốn sửa tư thế cũng là Ái, ngứa muốn gãi cũng là Ái, ngứa cổ muốn tằng hắng một cái cũng là Ái. Từ lúc mở mắt cho đến khi đi ngủ, từ lúc lọt lòng đến lúc chui vô quan tài, Ái bám mình suốt, vì vậy Ái được xem là gốc của năm uẩn. Chỗ dựa của Ái chính là quá trình tiếp xúc 6 trần của 6 căn. Từ lúc mở mắt là con mắt đã tìm chỗ làm việc rồi. Chỉ có tu thiền Tứ Niệm Xứ mới thấy, bởi vì quí vị đang có vợ, có chồng, có con cái, nhà cửa xe cộ, quí vị không thấy đâu. Phải gác hết, đi vào thiền viện, dự vài khóa, đừng hòng nghĩ đến chuyện ở nhà mà tu hành rốt ráo. Tôi cũng biết chuyện ở chung và ở riêng phức tạp như thế nào, chỉ cần trong nhà có hai người, ba người là có tiếng động, có sự nảy sinh va chạm dù ngọt ngào hay cay đắng. Hễ có va chạm là có mất thời gian. Cứ sống thử một ngày sẽ thấy bài kinh này sâu cỡ nào. Ngài dạy toàn bộ đời sống này chỉ là quá trình làm việc của sáu căn. Trong kinh có ví dụ, con chim có dịp là bay về

trời, con cá có dịp thì nhảy xuống nước, chồn cáo thích về hang, con mắt luôn chờ dịp để nhìn, lỗ tai luôn luôn trong tình trạng sẵn sàng lắng nghe. Chỉ có sống chánh niệm mới thấy điều này.

Ở đây Đức Phật dạy, năm dục nói riêng và sáu trần nói chung giống như bình thuốc độc. Một người khát nước, thấy cái bình đó, họ muốn uống. Có người nhắc: đây là bình thuốc độc, uống vô là chết. Quí vị biết rồi, nếu người này vẫn lì lợm mà uống thì sẽ bị như thế nào. Trong chú giải có nói:

Người xuất gia và người cư sĩ nói chung ai cũng có chỗ dựa hết. Người xuất gia thì có nhiều thầy, một là 'upajjhāya' là vị hòa thượng cho mình đắp y thọ trì giới cho mình, hai là 'ācariya', người dạy giáo lý, kiến thức cho mình, thứ ba là 'nissāyacarya' là vị cho mình nương tựa. Ít nhất là ba thầy, còn người dạy học cho mình A-xà-lê thì có khi là 8 vị hay 15 vị chứ không phải là một. Chẳng hạn như ngài Jotika bên Miến Điện có tám vị thầy, ngài học Luật, học Tạng kinh, học A-tỳ-đàm, học thiền Quán, học thiền Chỉ… với từng thầy khác nhau.

'kalyāṇamitto': thiện hữu, bạn lành.

'ācariyupajjhāyādiko kalyāṇamitto': thầy và bạn

'ādīnavañca ārocento' nói cho biết sự nguy hiểm

Họ nói cho mình biết sự nguy hiểm nhưng nếu mình không nghe thì… thôi. Dễ duôi thì ai cũng dễ duôi nhưng người có nhớ chừng thì vẫn tốt hơn người quên bẵng. Nếu mình nhớ luôn khi thì quá tốt, tối thiểu cũng phải nhớ chừng. Trước khi bỏ được năm dục sắc, thinh, khí, vị, xúc thì làm ơn có những tâm niệm để chuyện từ bỏ dễ dàng hơn. Ví dụ trong chuyện ăn uống, khi mình no thì nên suy nghĩ nhiều về thực phẩm để thấy chuyện ăn uống là chuyện như thế nào; khi mình bệnh hoạn khó chịu, tranh thủ lúc đó nghĩ về năm dục, sẽ thấy năm dục đúng là trò hề, phù phiếm và rỗng tuếch. Cũng cơ thể mấy chục ký lô này mà lúc bình thường thì thích đi du lịch, giao du gặp gỡ, nhưng lúc bịnh rồi thì cả rổ hột xoàn cũng không thèm ngó. Không cần phải quằn quại trên giường chết, chỉ cần đi tiêu chảy khoảng chừng bốn năm lần, con mắt thụt vô, đầu gối lỏng ra thì mình thấy rằng thì ra chuyện mình sở hữu cái này cái kia, mang mặc trang sức cái này cái nọ vô cùng phù phiếm vô duyên. Không có gì khổ cho bằng trên đời này lúc nào mình cũng dựng ra những nhu cầu, mà nhu cầu đó do chính mình nghĩ ra. Đi làm khổ như điên, bóp đầm xách tay loại gì chẳng được, vậy mà phải ráng dành tiền mua cho được đồ thời trang đắt tiền. Giày dép thì cái gì tiện dụng vừa chân là

được rồi, vậy mà bỏ số tiền rất lớn ra mua đôi giày để hy vọng người ta sẽ trầm trồ ghen tị. Mắt kiếng, đồng hồ cũng vậy, phải mua loại nào cho người ta trầm trồ ghen tị. Tôi nói quí vị đừng có buồn, bữa nào quí vị lén lén mang kiếng đen đi, nhìn kỹ xem có ai nhìn mình không, chẳng ma nào ngó đâu. Vấn đề nằm ở chỗ đó. Mang kiếng đen để dễ quan sát. Tin tôi đi, trên đời này có hai trường hợp người ta nhìn mình thôi, một là mình quá quái dị, hai là mình là VIP, quá nổi tiếng đi. Mình không phải là VIP, vậy là mình lọt vào hạng quá sức quái dị thì người ta mới để mắt nhìn. Nếu mình không phải là một trong hai hạng này thì không ai nhìn đâu. Khổ nhứt là lúc nào mình cũng nghĩ đến người khác để ăn mặc. Đồng ý là bê bối quá thì không nên, nhưng không gì bậy cho bằng đua đòi. Không có gì bậy cho bằng ăn mặc để cho người ta ngắm. Mình là cái gì, mình cày như con trâu để ăn mặc cho người ta ngắm, mà người ta là ai, không có người ta nào hết. Bản chất của năm dục là rỗng tuếch, cái mình thấy đẹp là dựa vào nhiều điều kiện, điều kiện tri thức, điều kiện sức khỏe. Nghe hay cũng vậy, có lúc mình khoái tân nhạc, có lúc mình khoái cải lương, có lúc khoái jazz, có lúc thích nghe guitar classic, không phải lúc nào cũng vậy. Mùi cũng vậy, vị cũng vậy, cũng có khi có thì, không phải mình thích một thứ suốt đời. Một là chán nó, hai là không điều kiện hưởng thụ nó, ba là để kiếm được nó mình phải hy sinh cả cuộc đời. Không đáng! Năm dục bản thân nó không có giá trị hằng hữu, không phải bất biến, nó thay đổi theo nơi chốn và thời gian.

Đức Phật dạy, những ai trong đời quá khứ, hiện tại, tương lai, đối diện với sáu trần bằng niềm đam mê thì những người đó không thoát khỏi khổ đau, còn đắm đuối đam mê chìm sâu gắm chặt trong sáu trần thì không thể thoát khổ đau. Vì toàn bộ cuộc sinh tử của mình chỉ là quá trình làm việc của sáu căn đối với sáu trần. Cứ như vậy mà đi từ đời này sang kiếp khác.

Quán Duyên khởi giữa chừng là tự mình nhìn thẳng vô đời sống của mình để thấy tất cả những cái khổ ở đời có từ năm uẩn, năm uẩn từ đâu mà có, ái này từ đâu ra, từ đam mê trong 6 trần, từ đam mê này mới mở ra con đường sinh tử trước mặt. "Ngày nào đó có thời giờ, nên dành ra để tu thiền". Đây là một trong những câu nói ngu nhất trên thế giới mà con người có thể nghĩ ra, bởi chuyện tu thiền không thể nào nói "một ngày nào đó" được. Cũng như không thể nói, một ngày nào đó có thời gian thì uống thuốc chăm sóc sức khỏe cho mình đang bị ung thư. Chuyện tu học cũng y như vậy, phải nói "ngay bây giờ" chứ không nên nói "một ngày nào đó". Tôi bây giờ, bụng càng lúc càng to, chân càng lúc càng nhỏ lại, bắt đầu tôi đã thấy dấu hiệu, nhìn mình mà thấy lạnh xương sống. Hồi xưa ở VN tôi có nhìn thấy quyển 24 loại ngạ quỷ của ngài Bửu Chơn, theo mô tả trong

kinh, tôi nhìn thấy người gì mà xấu dữ dằn, giờ thì tôi cũng y vậy chỉ là chưa có lông lá như ngạ quỷ, làm biếng vận động nên thành ra như vậy. Nhìn mình là biết mình gần đi rồi.

BÓ LAU (Naḷakalāpīsutta)

Nếu quí vị có học A-tỳ-đàm và có tu Tứ Niệm Xứ hoặc là có một trong hai thì sẽ thấy ví dụ về bó lau này hay không tưởng tượng được.

Kinh này gồm những câu vấn đáp giữa hai vị cao đồ, một người là Đệ nhất trí tuệ, một người là Đệ nhất vô ngại giải. Vô ngại giải là khả năng phản xạ nhanh vô cùng, chạm là bật. Cả hai vị hoan hỉ trong pháp và trao đổi với nhau.

Hai vị biết rằng mẩu đối thoại này sẽ đến tai ba trăm tỷ người trong tương lai nên mới có mẩu đối thoại này. Ngài xác định: Toàn bộ khổ đau ở đời không phải do ai tạo ra mà đều do các duyên tác động, giống như bó lau này dựa vào bó lau kia mà đứng được. Tại sao Ngài dùng hình ảnh bó lau (sậy)?

Tôi nghĩ, nếu mình có một bức tranh chụp bờ lau bãi sậy treo trên tường, vậy là đủ rồi. "Bó" nghĩa là nhiều cọng gom lại. Các duyên tạo nên khổ đau ở đời cũng không phải chỉ có một thứ mà cùng lúc nhiều thứ duyên cộng hưởng với nhau để tạo nên các khổ. Ví dụ do Ba-la-mật của tôi bị kém, tín, tấn, niệm, định, tuệ của tôi kém, tàm úy kém, nên mắt tôi nhìn thấy cái gì đó, thay vì chánh niệm tỉnh giác biết thấy là thấy, nghe là nghe, tôi lại thích cái này ghét cái kia. Từ chỗ ghét này thích kia nó thành nhân phiền não cho đời sau kiếp khác. Phước nhiều thì tái sanh vào cõi vui cõi lành, phước ít thì đi xuống cõng làm con này con kia. Luân hồi thì lúc nào đi xuống cũng nhiều hơn. Mỗi người đều có hai bản năng, thiện và bất thiện, giống như có hai tay, tay phải và tay trái, vấn đề là mình thuận tay nào.

Ngài nói toàn bộ đời sống này là do các duyên. Các duyên ở đây là 12 Duyên khởi, nói gọn thì giống như từng duyên hỗ trợ nhau nhưng trong thực tế thì cùng lúc có vô số duyên tác động nhau. Chính vì bất thiện thì dư, Ba-la-mật thì thiếu nên vô minh mới duyên cho hành. Vì vậy ngài Xá Lợi Phất nói: Các khổ ở đời không do ai tạo, không do mình tạo, không do người khác tạo. Thực ra không có cái gì là ta hay người khác. Tất cả đều là các thành tố danh sắc mà thôi. Khi đủ duyên thì khổ, vui, thiện, ác, sanh tử, trầm luân. Đó là duyên luân hồi. Nếu đủ duyên giải thoát tức tròn đủ Ba-la-mật thì tự nhiên ngũ quyền sẽ đủ mạnh để lìa bỏ phiền não, chứng ngộ thánh trí. Như vậy dầu là nhân sanh tử hay nhân giải thoát cũng đều là những bó lau. Vô minh không phải đi một mình mà do thiếu

Ba-la-mật, bất thiện thì quá nhiều, nên mới cộng thành một bó vô minh. Ngài Xá Lợi Phất dùng hình ảnh bó lau rất là hay, ngài nói chuyện gì ở đời dù là tu hành giải thoát hay sinh tử trầm luân thì mỗi chuyện đều phải nhờ đến vô số nhân duyên và những nhân duyên này không hề đi một mình mà xoắn xít với nhau. Biết có vô số duyên làm nên cuộc đời này chúng ta mới thấy cuộc đời này phù phiếm. Chính vì thấy rằng vạn pháp do duyên, duyên thì có vô số, nên mình sẽ sống trách nhiệm hơn. Một lá me, một sợi tóc, một hạt bụi, cứ ngỡ là nhỏ nhưng chúng có thể là điểm bắt đầu cho trận ba đào bão tố nào đó. Một câu nói, một cái nhìn của mình cũng có thể làm phiền người khác. Tiếp theo là bài kinh Kosambi.

KOSAMBI (Kosambisutta)

Bài kinh này vô cùng hay, nó chạm vô được một sự thật gắn liền với mình. Nội dung kinh là cuộc nói chuyện nói chuyện giữa ba vị tỳ kheo bàn về lý Duyên khởi.

Vị tỳ kheo A hỏi vị B: Tôi hỏi thiệt, nếu không kể niềm tin, không kể kiến thức, tự đáy lòng của sư, sư có nghĩ rằng mình chấp nhận được lý Duyên khởi hay không. Có nhiều người chưa lấy làm chắc, nhưng vì sư phụ của họ nói như vậy, sách vở ghi chép như vậy nên đơn giản họ tin như vậy. Vị B trả lời: Thật ra lý Duyên khởi là do tôi tự thấm thía chứ không phải đơn giản là nghe ai khác.

Sớ giải ghi rằng, ngài Musīla là một vị La-Hán. Ngài Sāvittha hỏi: “Như vậy, Tôn giả Musīla là bậc A-la-hán đã đoạn tận các lậu hoặc?

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Musīla giữ im lặng.”.

Sa-môn có hai câu không trả lời: Sa-môn có hai câu không trả lời: 1. Ngài có đắc quả chưa?

2. Ngài có thích món đồ đó hay không?

Mình không thích mà nói cũng kỳ, mà thích nói cũng kỳ, đây là hai câu mà vị tu hành chơn chánh không trả lời. Chú giải giải thích về sự im lặng của ngài.

Tuṇhī ahosīti thero khīṇāsavo, im lặng là bởi vì ngài là bậc lậu tận. ahaṃ pana khīṇāsavoti vā na vāti vā avatvā tuṇhīyeva ahosi. Im lặng là vì ngài không tiện nói ‘tôi đã đắc hay chưa đắc”

Nội dung rốt ráo của Duyên khởi là nghiệp hữu không còn thì sanh hữu cũng mất. Sanh hữu mất thì không còn tái sinh. Đó chính là Niết bàn.

Nghiệp hữu là các nghiệp thiện ác nói chung. Đâm cha chém chú, nhậu nhẹt, câu cá… gọi là nghiệp hữu bất thiện. Bố thí trì giới, hành thiền… là nghiệp hữu thiện.

Sinh hữu là quả của các nghiệp thiện ác đó. Chính sinh hữu đưa ta đi đầu thai chỗ này chỗ kia.

“bhavanirodho nibbānaṃ nāmāti sekhehipi jānitabbo pañho esa, ayaṃ pana thero imaṃ theraṃ asekhabhūmiyā kāreti, imaṃ ṭhānaṃ jānāpessāmī’’ti etaṃ avoca.”

‘Bhavanirodho nibbānaṃ’: hữu diệt thì Niết bàn.

‘Jānāpeti’: làm cho người khác biết

‘imaṃ ṭhānaṃ’: sự tình này

Lúc đó ngài Sāvittha suy nghĩ rằng câu “hữu diệt thì Niết bàn” vị thánh Hữu học cũng trả lời được nhưng cách trả lời của ngài Musīla rõ ràng là một vị A-la-hán. Ta phải bằng mọi cách cho người khác biết vị này là vị A-la-hán. Đây là cách hành xử của các bậc thánh. Một lần đó có người hỏi ngài Mục Kiền Liên Thế Tôn đang ở đâu, dù có thể trả lời được, nhưng ngài Mục Kiền Liên suy nghĩ, hiện giờ bên cạnh ta có Anurudha là đệ nhất thiên nhãn, ta phải để cho người khác biết vị đó là ai, vì vậy ngài bảo hãy đến hỏi ngài Anurudha. Tìm ra được nơi chốn nào mà từng người nơi ấy không từng phút tranh thủ vật chất, danh tiếng, quyền lợi, quyền lực cho mình, lúc nào sống cũng nghĩ đến người khác, tôi gọi đó là thiên đàng. Thiên đàng trong định nghĩa của tôi là nơi chốn như vậy đó; đừng bao giờ nói với tôi là ngọc ngà châu báu, vàng son chói lọi rực rỡ nguy la tráng lệ khi mà thiếu đi tâm tình mà tôi vừa nói. Trụ xứ của thánh nhân là sự buông bỏ toàn diện, bản thân mình có thành tựu chứng đắc cái gì thì cũng không chìm sâu gắm chặt trong đó mà lòng luôn nghĩ về người khác. Một lần đó Đức Phật đến thăm đệ tử ở một trú xứ và hỏi: “Huynh đệ các ngươi sống có an lạc hay không?

” Các vị ấy trả lời: “chúng con sống rất an lạc, sống với nhau hòa ái tương kính”. Đức Thế Tôn hỏi thế nào là hòa ái. Các vị trả lời: “Chúng con bỏ tâm mình sống bằng tâm người”. Bỏ tâm mình không phải là phóng dật mà là làm cái gì cũng nghĩ chuyện có phiền người không. Một nơi chốn gồm toàn những người như vậy thì tôi cho rằng đó chính là thiên đàng.

Cái xuất sắc ở bài kinh này là gồm nhiều điểm, các ngài nói chuyện với nhau về lý Duyên khởi, xác định toàn bộ thế giới này được vận hành theo nguyên tắc Duyên khởi, cái này có cái kia có, cái này sanh cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt, cái này không có thì cái kia không có.

Ở đây gồm nhiều mẩu đối thoại. Kết thúc mẩu đối thoại thứ nhất khi được hỏi có phải là thánh hay không thì ngài Musīla im lặng. Mẩu thứ hai, khi được hỏi có phải là vị thánh hay không thì ngài không nói phải hay không phải mà trả lời: Tôi giống như một người khát nước giữa trưa, nhìn thấy có giếng có gàu nước nhưng tôi chưa có thòng gàu xuống lấy nước lên.

Ngày xưa khi đọc đoạn này mà chưa đọc chú giải, tôi cũng nghĩ, chắc mình cũng thuộc loại người này: khát nước, thấy giếng nước nhưng chưa múc nước; nhưng Sớ giải kinh này nói, hạng người thấy được giếng nước nhưng chưa uống được tối thiểu cũng là ám chỉ cho A-na-hàm. Lẽ ra vị Sơ quả cũng đáng được gọi là người nhìn thấy giếng nước nhưng chưa hết khát. Ở đây sở dĩ chỉ chọn A-na-hàm vì đây là nhân tuyển cao nhất. Nhân tuyển là gì?

Ví dụ tôi đang cần người nấu giùm một bữa đãi khách, cạnh tôi có 10 người, nhưng có một người là bếp trưởng trong nhà hàng năm sao, thì ông đó được gọi là nhân tuyển tốt nhất. Ở đây thì Sơ quả, Nhị quả, Tam quả đều là nhân tuyển hết nhưng ở đây người ta nói vị cao nhất là vị A-na-hàm, vị này biết rõ điều mình chưa đạt được là sự chứng ngộ của vị A-la-hán, nay mai mình sẽ đắc thôi, nhưng bây giờ thì chưa.

Bài kinh này gợi ý cho mình: đời sống là quá trình nhận thức. Cũng con người đó nhưng khả năng an lạc và giải thoát hoàn toàn tùy thuộc vào cái nhìn của mình. Nhìn kiểu nào để tiếp tục sinh tử, nhìn kiểu nào để thành một bậc thánh Hữu học, nhìn kiểu nào để trở thành vị A-la-hán, nhìn kiểu nào để tiếp tục khát nước và nhìn thế nào để không còn khát nữa. Luân hồi hay giải thoát cũng là hành trình nhận thức. Có một câu chuyện nhỏ mà tôi rất thích, cách đây mấy bữa trong khi giải trí, tôi có mở một phim lẻ trên youtube coi. Nội dung phim là một người bị kẻ thù truy sát, lẽ ra ổng chết, nhưng người chết đó không phải là ổng mà là thằng con trai duy nhất của ổng. Vô cùng đau lòng. Tuy nhiên, bác sĩ nói đứa con có thể được cứu nếu được truyền máu. Người nhiều khả năng cho máu nhất chính là ổng. Khi thử máu trước khi truyền thì phát hiện ra đứa con không phải là con ổng, và một người báo cho ông biết đứa con đó là do bà vợ ngoại tình sinh ra. Cũng đứa con đó, trước đó ba mươi giây thì ông đau khổ không thể tưởng tượng

được. Nhưng ngay khi xác định đó không phải là con mình, thì lòng đau khổ của ông chuyển sang hướng khác. Ông ghen vì bà vợ. Tôi coi mà thấy thấm, đắc quả là ở chỗ này. Từ xưa đến giờ mình nghĩ là con của mình, dồn bao nhiêu mọi thứ thương yêu, rồi một ngày nào đó biết không phải là con mình thì coi như tình hình đổi khác. Chứng thánh cũng y như vậy, từ danh sắc của mình, năm uẩn của mình, máu thịt xương da này là của mình, tiền bạc danh phận này là của mình nhưng khi chứng quả rồi thì con người, trời đất mọi thứ chung quanh cũng y như vậy; chỉ có một điều là trong sâu thẳm nhận thức của mình, mình nhận ra rằng mọi thứ không phải là mình. Không có chi là mình thì làm gì có cái của mình. Ngay lúc đó là đắc quả, vô cùng an lạc. Vì vậy trong kinh nói, bất cứ một vị Chánh Đẳng Giác nào sau khi thành Phật cũng có thể nhịn ăn suốt bảy tuần, sự an lạc không tưởng tượng được. Ngài nhìn thấy không có gì ngài không biết, và đặt xuống một gánh nặng không thể tưởng tượng được. Giống như thấy xác chết đó không phải người thân của mình, thì nhẹ biết chừng nào. Đi chung với nhau, nghe nói mất hành lý, mà mình liếc thấy hành lý của mình vẫn còn là nhẹ lòng liền. Chỉ là vấn đề nhận thức mà thôi. Mới ngày hôm qua tan lớp, tôi ghé chợ một chút, ghé xong tôi đi ra trạm xe bus, coi cái receipt thấy hình như tính lộn mất mười mấy đồng bạc, lòng nhói một cái. Nhưng khi tính lại thấy không có lộn, thì lại thấy quá sá an lạc. Tôi ngồi nghĩ, chẳng lẽ niềm vui của mình rẻ như vậy sao, chỉ mười mấy đồng bạc chớ đâu phải trúng vé số độc đắc. Lúc đó tôi mới nghĩ ra một chuyện thú vị, muốn có hạnh phúc thì mình phải từng lọt trong đau khổ. Từng nghĩ mình bị mất tiền, khi thấy không mất tiền thì mới hạnh phúc. Nếu không có chuyện coi lại receipt thì đau có khổ, nếu không khổ thì đâu có được vui.

NƯỚC THỦY TRIỀU DÂNG

Bài kinh Thủy Triều cũng nói về Duyên khởi. Ngài nói rằng, giống như khi nước thủy triều dâng, sông lớn đầy thì nước sông nhỏ cũng đầy, ao nhỏ cũng đầy. Tôi ở trong chùa Siêu Lý Vĩnh Long cũng cách xa sông, nhưng khi nhìn ao nước đầy lên là tôi biết nước sông cái đang đầy.

Nội dung kinh Thủy Triều là khi các duyên sinh tử hội đủ thì cái này kéo theo cái kia, khi nào duyên giải thoát hội đủ thì duyên này kéo theo duyên kia. Khi Ba-la-mật đầy đủ thì năm quyền tín, tấn, niệm, định, tuệ đầy đủ, gặp Phật ra đời, Ngài thuyết cho mình nghe rồi mình đắc, hoặc xuất gia theo Ngài, ôm bát theo Ngài rồi đắc. Giống như nước thủy triều lên cao ngoài sông thì ao hồ cũng nước lên cao. Mỗi lần thấy mình giận, thấy mình tham thì biết thủy triều của luân hồi đang lên,

vì cái này kéo theo cái kia, và trong đời sống này không có cái gì là nhỏ, cái gì cũng có thể là điểm bắt đầu cho vô vàn sự cố khác. Tạm biệt bà con, hẹn gặp lại ngày thứ Bảy.

Bài giảng ngày 10-01-2015 SUSĪMA

Hôm trước học kinh Thủy Triều, ôn lại một chút. Quí vị cứ nhớ vạn pháp ở đời do duyên mà có và bất cứ cái gì ở đời cũng có thể là duyên cho một chuỗi sự kiện sự cố nào đó. Không có gì nhỏ cũng không có chuyện gì là lớn, mà tùy hoàn cảnh, tùy nơi tùy lúc tùy việc. Nội dung kinh Thủy Triều nói đời sống là quá trình làm việc của 6 căn, cảnh của 6 căn là 6 trần, 6 trần chính là những gì chúng ta thấy nghe ngửi nếm đụng suy tư từng phút từng giờ. Một hạt cát, sợi tóc, chiếc lá đều có thể là duyên khởi. Ngay lúc ngặt nghèo nào đó, mắt mình bị bụi. Một sợi tóc dài nằm trên gối trong khi bà vợ tóc ngắn cũng lớn chuyện. Không có gì ở đời này là vô nghĩa hết. Cái quan trọng nhất là cách chúng ta xử lý trần cảnh ra sao. Nếu sống thiếu suy tư 'ayonisomanasikara' thì kiểu sống của mình, kiểu làm việc của 6 căn rất có thể là tiền đề mở ra một tỉ vấn đề. Sống theo chiều hướng bất thiện thì bất thiện này sẽ nuôi bất thiện kia. Nếu sống thiện thì thiện này sẽ nuôi thiện kia. Trong kinh Thủy Triều nói khi nào vô minh nhiều thì kéo theo biết bao nhiêu vấn đề, khi nào trí tuệ, đức tin, thiền định nhiều thì cũng kéo theo nhiều vấn đề. Đừng nghĩ rằng mình có thể dễ duôi một giờ một ngày, hoặc nói thôi kệ tháng này buông xuôi, tháng sau tu tiếp. Không lúc nào mình có quyền dễ duôi hết. Giống như thủy triều, khi nước sông dâng thì trong ao hồ dâng, khi bất thiện đầu này thì đầu kia cũng bất thiện. Tôi có kinh nghiệm nho nhỏ, khi nào mình sống bất thiện, sống nhiều bằng tâm tham, tâm sân, tâm si thì chuyện đầu tiên là mình không an lạc. Từ chỗ không an lạc sẽ dẫn đến những hành động, những chi tiết, rất bất thiện khác trong đời sống mà trước đó mình không ngờ. Ví dụ mình sống trong tâm trạng tiêu cực bịnh hoạn, bi quan thì tất cả mọi quyết định trong thời điểm đó đều phải xét lại hết, còn lúc nào mình sống năng động, tích cực, tinh tấn, hướng thượng lợi tha thì những quyết định của mình trong thời điểm đó cũng tốt hơn. Bài kinh Thủy Triều này Đức Phật dạy hãy sống cẩn trọng, hễ có bất thiện chen vô thì sẽ là tiền đề cho những bi kịch tiếp nối theo sau. Tôi nhớ câu chuyện bà kia có một ông chồng đi lính ngoài biên cương, một ngày kia người bạn chồng về báo tin chồng chết. Bà cơm đùm cháo nắm đi đem hài cốt xác chồng về. Bà có chút nhan sắc, mặn mà, trên đường đi gặp bao nhiêu cám dỗ nhưng đều vượt qua. Lúc nào cũng canh cánh nghĩ nắm xương tàn của chồng nơi đất khách giờ đem về quê nhà an táng để cho người đã khuất ngậm cười nơi chín suối. Suốt hành trình vạn lý đó, trở ngại nào bà cũng vượt qua, ra tới ngoài biên ải, hỏi xác chồng nằm ở đâu, bà túm xương về, trở lui hành trình vạn lý, vượt qua bao nhiêu thử thách, nhưng khi về đến con suối gần nhà, bà nhìn thấy một đóa lan rừng mọc cheo leo bên gờ đá đẹp quá. Phụ nữ mà, ai không thích hoa đẹp, nhất là lan rừng

nữa. Một tay ôm bọc xương của chồng, một tay bơi qua suối, chồm hái đóa lan. Trượt chân, sút tay, gói xương của chồng trôi theo dòng suối đang chảy xiết. Câu chuyện đó đối với tôi là một bài học kinh nghiệm rất quan trọng. Trải qua được bao nhiêu cám dỗ thử thách nhưng nhiều khi chết vì một chuyện không đáng. Đốn củi ba năm đốt một giờ. Vì vậy, hễ có một chút vấn đề trong đời sống thì vấn đề này kéo theo vấn đề khác, nhà dột một chỗ thì sẽ kéo theo nhiều chỗ dột khác. Cái hang cua ở bờ đê không đáng nhưng nếu không bít thì nước xoi lở bờ. Khi phiền não có mặt thì sẽ kéo theo đó một tỉ vấn đề. Qua bài kinh Susīma

Susīma là một vị du sĩ (paribbajaka, wanderer). Bây giờ mà quí vị qua Ấn Độ thì thấy vô số tôn chỉ tu hành, tu không mặc gì hết, hoặc quấn một miếng vải đại khái trên người cũng có. Tu có chùa có miểu hoặc lang thang đầu đường xó chợ cũng có. Tu lang thang đó là paribbajaka. Những người này theo đuổi lý tưởng cũng đáng nể lắm, họ buông bỏ, không ôm ấp nắm giữ, tay trắng nên phải rày đây mai đó. Chỉ cần một ngày có gì đó bỏ vô miệng cho khỏi đói, sống trầm tư, học hỏi chỗ này chỗ kia.

Trong chú giải nói Susīma là: "vedangesu kusalo": tinh thông Tam Phệ Đà, giáo lý Bà-la-môn.

Ba tập Vệ Đà nguyên thủy có nội dung rất đáng nể: hướng dẫn tu tập thiền định, và 18 chuyên khoa gồm ngôn ngữ, thiên văn, toán học, văn chương, bùa chú, bói toán, binh pháp, võ thuật, kiếm pháp v.v... Thời xưa chỉ có các giai cấp trung lưu trở lên mới có quyền học Vệ Đà. Một nô lệ nếu bằng cách nào đó tinh thông Vệ Đà cũng có khả năng đổi đời ngoạn mục.

Ngày xưa bên Tàu không cho đàn bà học chữ nhiều, có người sáng chế ra một loại chữ gọi là "Nữ thư" là loại văn tự dùng trong đám phụ nữ với nhau. Bằng cách nào đó, biết được như đàn ông thì tốt, nhưng số đó hiếm. Lý Thanh Chiếu là một nữ sĩ Trung Quốc nổi tiếng như bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương của ta.

Vệ Đà này như thể sản phẩm độc quyền của giới cao cấp. Susīma rất giỏi Vệ Đà. Vệ Đà là ngoài phần hướng dẫn tu tập thiền định còn có 18 chuyên khoa nữa gồm linguistic, thiên văn, toán học, bùa chú… Tôi giới thiệu rất dài vậy để quí vị thấy âm mưu rất lớn của ngoại đạo. Trong chú giải có nói:

''samaṇo gotamo na jātigottādīni āgamma lābhaggappatto jāto":họ bàn với nhau là Sa-môn Cồ Đàm (Đức Phật) được mọi người tôn vinh, cung kính, cúng dường

không phải vì vấn đề xuất thân cũng không phải vì tăng tướng của ngài mà chính là vì ngài có hệ thống giáo lý. Chính vì ngài có hệ thống giáo lý xuất sắc như vậy nên đệ tử của ngài có khả năng nắm được đại chúng. Vì vậy họ lựa người có khả năng để cài cắm nằm vùng, giống như Trung Quốc bây giờ rải sinh viên đi khắp thế giới, qua Đức, Do Thái, Nhật, Anh, Pháp, Mỹ để ăn cắp công nghệ. Đám du sĩ này lựa ra một người đó là du sĩ Susīma, người có khả năng nhất (patibalo: có khả năng nhất) đi xuất gia theo Đức Phật để học giáo lý, học cách trình bày về đời sống tâm linh vốn dĩ rất trừu tượng siêu hình. Giáo lý này hơi khó trình bày, bày người ta cúng tế thì dễ, còn trình bày một hệ thống giáo lý hơi trừu tượng siêu hình thì bắt buộc phải bài bản, chớ còn ăn nói lơ mơ mà đi lập giáo thì khó. Bên Ấn Độ có Krishnamurti, Osho; VN có Huỳnh giáo chủ, Minh Đăng Quang, Ngô Văn Chiêu sau này người thừa kế là Phạm Công Tắc, Thanh Hải Vô thượng sư; thành công nhất là Huỳnh Phú Sổ, 19 tuổi mà có trong tay hai triệu tín đồ bởi vì được thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Lúc đó mình bị Pháp đô hộ mà hoạt động của PGVN rất mơ hồ nên không nắm được người dân. Ngay thời điểm đó, Hòa Hảo ra đời như cộng sản ở miền Bắc, mọi người như đang chết đuối gặp phao. Giáo lý Hòa Hảo đơn giản: thờ Phật ăn chay, không cần xuất gia, đặc biệt không cần phải hầu hạ quì lạy tăng ni. Phật là Phật chung, ai thích thì theo, không có chuyện tôi phải nuôi anh, quì lạy anh, giống như Tin Lành không phải nghe lời Vatican vậy đó. Mục sư chỉ là người đại diện Chúa rao giảng tin mừng cho tín hữu, có quyền có vợ. Nhờ vậy Hòa Hảo thành công, giáo lý là thơ lục bát dễ thuộc, Minh Đăng Quang cũng có thành công nhất định. Sau này có bà Thanh Hải nhưng không thành công. Tôi nói lạc đề để cho ai trong room có ý lập giáo thì thấy không dễ gặm đâu.

Lúc bấy giờ Susīma suy nghĩ mình nên tới gặp ai?

Tới người nào học giáo lý tốt nhất: “kassa nu kho santikaṃ gantvā ahaṃ imaṃ dhammaṃ khippaṃ laddhuṃ sakkhissāmī’’ti?

”

Susīma nghĩ tới ngài Ānanda. Lúc đó Đức Thế Tôn nhìn thấy Susīma, Ngài suy nghĩ biết ông này đến đây với mục đích ăn cắp giáo lý nhưng sau này sẽ là người tỉnh ngộ và chứng đắc quả vị A-la-hán, nên Ngài nói với ngài Ānanda cho Susīma xuất gia. Ngài Ānanda trao truyền y bát và truyền giới cho Susīma. Do tinh thông Tam Vệ Đà nên Susīma học giáo lý rất nhanh. Ở đây quí vị nên nhớ, bằng cấp không là tất cả nhưng kiến thức sâu rộng luôn là nền tảng quan trọng

cho chuyện học hỏi. Một người có bằng đại học, trừ khi họ quá tệ, họ học tủ vừa đủ lấy điểm, thì khả năng nghiên cứu biên khảo giỏi hơn người khác. Vì vậy các ngài Moggalliputtatissa, Buddhaghosa, Nagasena... đều tinh thông Vệ Đà trước khi học Phật pháp. Đây là những nhân vật lừng lẫy của Nam Tông.

Susīma xuất gia xong thì học rất là nhanh. Trong kinh Tương Ưng kể một chuyện mà đọc chú giải mới thấy, có những vị tỳ kheo trước mùa nhập hạ đến gặp Đức Thế Tôn, xin phép Thế Tôn cho đến những nơi nào đó để nhập hạ ba tháng. Trước khi đi xin Thế Tôn dạy cho đề mục để tu tập trong thời gian ba tháng không có Thế Tôn bên cạnh. Khi có yêu cầu như vậy thì Đức Phật quán xét xem những vị này hợp với ai thì Ngài gợi ý. Chẳng hạn Ngài sẽ hỏi: Các ngươi đã gặp Xá Lợi Phất chưa, gặp Ānanda, Ca Diếp chưa. Rồi Ngài bảo họ đến gặp các vị ấy để học hỏi.

A-la-hán có nhiều loại:

- Sukkhavipassaka: tu Tứ Niệm Xứ để làm khô cạn (sukkha) phiền não rồi chứng La-Hán, không có thiền định hay thần thông

- Samathayanika: trước khi chứng La-Hán đã có thiền định, thần thông

Phân biệt hai chữ này: Sukha: happiness. Sukkha: dry

Những vị tỳ kheo sau khi xin được đề mục từ Đức Thế Tôn thì vô rừng sâu núi thẳm thiền định, rồi đắc quả A-la-hán, về trình pháp với Đức Phật. A-la-hán thì không khoe với ai hết nhưng trong trường hợp đặc biệt có thể trình pháp cho thầy tổ. Cách trình pháp thì bà con có thể vào Trưởng Lão Tăng Kệ để xem câu kệ mấy vị thánh: "Ba minh ta đạt được, lời Phật dạy làm xong". "Lời Phật dạy làm xong" nghĩa là không còn gì để làm nữa, chứng thánh rồi.

Susīma đã xuất gia làm tỳ kheo, bữa đó tình cờ có mặt trong buổi các vị tỳ kheo về trình pháp, ông hiểu ngầm các vị này tự xác nhận trước mặt Thế Tôn là mình đã chứng La-Hán, bèn tò mò muốn tìm hiểu thêm nên gặp riêng những vị này để hỏi: Nếu tôi không lầm thì các vị xác nhận với Thế Tôn là các vị đã chứng thánh, vậy các vị có khả năng thần thông hay không?

Những vị này trả lời không. Susīma nói, Thật lạ lùng, chứng thánh mà lại không có khả năng đó. Các vị tỳ kheo chỉ trả lời một câu: Hiền giả có tin hay không thì tùy, nhưng mọi chuyện đúng là như vậy.

Susīma nghe lấy làm lạ nên vô hỏi Đức Phật. Đức Phật dạy cho Susīma nghe về giáo lý Duyên khởi. Đầu tiên, Đức Phật hỏi Susīma về Tam tướng của năm uẩn, tiếp theo là giáo lý Duyên khởi. Ngài hỏi rằng một người hiểu thấu được những vấn đề đó có thể là một bậc thánh hay không. Susīma đồng ý. Ngài hỏi thêm, nếu chứng thánh với những nhận thức đó có thể nào có thêm các thần thông thiền định, nếu đương sự không trau dồi riêng những thứ đó?

Lúc này Susīma mới hiểu ra.

Những câu hỏi của Đức Phật là nội dung của kinh: Các uẩn là thường hay vô thường?

Cái gì vô thường thì cái đó là khổ hay vui?

Cái gì vừa vô thường, vừa khổ, có đáng gọi là của mình hay không?

Khi một người thấy cái gì cũng vô thường, cũng khổ thì không còn nghĩ đến chuyện cái này là tôi, cái này là của tôi nữa. Tiếp theo Đức Thế Tôn hỏi: Ngươi có thấy toàn bộ thế giới này là biển khổ, mà biển khổ này đi ra từ hệ thống Duyên khởi?

Nếu một người có nhận thức như nãy giờ ngươi nghe, với những nhận thức đó họ đã có được bằng toàn bộ khả năng thấm thía từ bản thân, không vay mượn từ ai khác, liệu người đó có phải là thánh nhân hay không. Susīma thưa có. Nếu họ thành thánh nhân chỉ với những nhận thức đó, liệu họ có khả năng thăng thiên độn thổ đi mây về gió hay không?

Susīma thưa không. Đến đây Susīma đã hiểu và thấy tiếc công phu đi làm ăn trộm. Những điều này Susīma đã biết từ lâu nhưng hôm nay nghe Thế Tôn nói thì mới thấm. Susīma tỉnh ngộ quỳ sụp trước mặt Thế Tôn, thừa nhận đã đi xuất gia với mục đích bất thiện và xin sám hối. Đức Phật dạy, trong truyền thống của chư Phật ba đời mười phương, hễ biết mình có lỗi thì người đó đã hết lỗi. Trong kinh chỉ vắn tắt như vậy, còn trong chú giải thì nói về sau vị này đã chứng A-la-hán. Hôm nay bất kể vì lý do nào mình đến với đạo, có thể vì có người thân mất mà đi chùa, có thể vì đi theo bạn bè hoặc sống ở ngoài không nổi rồi đi xuất gia, nhưng biết đâu, một ngày nào đó bằng vào câu nói, lời kinh nào đó thấm thía mà mình thình lình ngộ ra, đó cũng là cái phúc. Trong dòng sinh tử luân hồi, khi nào may mắn mình được bốn pháp như bánh xe đưa ta về cõi thiện (cakkadhamma) gồm: 1.Hiền cận. 2.Trú xứ thích hợp 3.Biết lắng nghe. 4.Biết thực hành.Có bốn điều

này mới có cơ hội đi lên, nếu không, gặp toàn những bạn bè nói cho mình những chuyện làm cho mình tham, sân, si. Cứ sau hai phút nói chuyện phiếm luận là tâm mình phiền rồi, có khi là một phút hoặc ba mươi giây. Những nơi chốn mình có mặt ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống tâm linh. Ví dụ ở Mỹ, để làm những chuyện nghiên cứu thì rất dễ dàng, vì thư viện, sách báo, người dạy rất là nhiều. Còn ở những quốc gia bị chặn internet thì vô cùng hạn chế. Có những tác phẩm, công trình rất lớn nhưng tác giả có vấn đề chính trị hoặc tác phẩm động tới nhà cầm quyền thì công trình, tác phẩm đó bị cấm tiếp xúc, cấm lưu hành. Không gian bối cảnh như vậy thì làm sao cái đầu mình phát triển được. Khi không biết lắng nghe thì cũng không thể tiếp nhận được kiến thức. Ao tù là chỗ nước không ra vô được. Một con kinh, con sông, con suối muốn sạch muốn trong thì nước phải đối lưu, con người phải biết học hỏi từ người khác, biết gạn đục khơi trong. Và cần phải thực tập hành trì những điều mình học hỏi được nếu không mình trở thành một con người hết xài và chỗ về của mình sẽ quá buồn.

SA MÔN, BÀ LA MÔN

Ở kinh Sa-môn, Bà-la-môn này Đức Phật xác định rằng tất cả thánh nhân ba đời mười phương đều phải là người hiểu rõ lý Duyên khởi, biết rõ sanh tử từ đâu đến để từ đó chấm dứt ngọn nguồn sinh tử.

Biết rõ là do vô minh trong Tứ Đế mới có ba hành, từ ba hành mới có 32 Tâm quả thiện ác, từ 32 Tâm quả thiện ác mới có 19 Tâm đầu thai, từ chuyện đầu thai vào các cõi mới có 6 căn, rồi từ đó là 6 xúc, 6 thọ, 6 ái, 4 thủ, 2 hữu, rồi thì tiếp tục sanh già đau chết, sầu bi khổ ưu não. Do vô minh trong Bốn Đế nên khi khổ quá lại tiếp tục giải quyết vấn đề bằng cách đầu tư 3 hành. Cứ thế, cuộc trầm luân là một vòng tròn khép kín. Chứng thánh là phá nát vòng tròn đó. Điều quan trọng nên nhớ thêm là lý Duyên khởi không chỉ là vấn đề của đời này với kiếp khác mà phải được hiểu là ngay bây giờ. Khi mắt ta thấy, tai ta nghe, mũi ta biết mùi, đầu ta suy nghĩ … thì là lúc 6 căn (lục nhập) làm việc, trong đó có 6 xúc, 6 thọ, 6 ái.

‘Vatta’: luân hồi (cycle, circle).

‘Saṃsāra’: ngựa quen đường cũ (turn again), quay tới quay lui, lên rồi xuống.

Ba đời mười phương: ba đời là tất cả mọi thời điểm quá khứ, hiện tại, vị lai; mười phương là tất cả mọi phương hướng không gian (Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Bắc, Tây Bắc, Đông Nam, Tây Nam, trên và dưới). Ba đời mười phương nghĩa là không gian thời gian nào đi nữa.

Nội dung bài kinh này là tất cả hiền thánh ba đời mười phương đã là thánh nhân thì phải biết giáo lý Duyên khởi.

ĐẠO SƯ

Trong kinh này Đức Phật dạy rằng muốn hết khổ phải hiểu ngọn nguồn của khổ là hệ thống Duyên khởi, không hiểu được lý Duyên khởi đừng hòng thoát khổ. Nếu tự mình không thể hiểu được lý Duyên khởi thì phải biết tìm thầy để học. Lúc đầu biết qua thầy, sau đó biết bằng chính sự chứng ngộ của mình.

'satthati buddho va savako va': thầy ở đây là Đức Phật hoặc đệ tử của Ngài.

Đây là bài kinh cuối cùng của phẩm này. Những bài kinh sau này Đức Phật nhấn mạnh một chuyện quan trọng đó là toàn bộ đau khổ đi ra từ hệ thống Duyên khởi, nếu không biết hệ thống Duyên khởi là cái gì thì làm sao hết khổ. Toàn bộ hiền thánh ba đời mười phương đều phải biết rõ những cái khổ ở đâu ra, ngọn nguồn từ đâu. Cứ lo tình cảm, lo gia đình mà muốn thoát khổ thì hơi khó. Trong số những người quen của tôi có một cô Phật tử thông minh lắm, cổ là một trong số ít ỏi người thông minh, có thể hiểu những vấn đề sâu kín trong Phật pháp, nhưng từ khi có chồng rồi thì cổ chỉ có biết có con, cổ coi con như Tam Bảo, vì con mà kêu cổ làm gì cổ cũng làm. Chúng sinh ở đời, mỗi người có chỗ lụy, kẹt vào đó đừng hòng thoát ra.

Các kinh sau có nội dung đại khái giống nhau: Trau dồi thiện pháp theo lý tưởng buông bỏ (lìa xa lý tưởng của ba hành), tránh xa các ác pháp (vốn là tinh thần của ba hành) để từng bước tháo gỡ, phá bỏ vòng tròn khép kín của hệ thống Duyên khởi. Xưa nay thấy hay nghe cái gì chỉ biết thích hay ghét, bây giờ khi sáu căn làm việc thì để chánh niệm biết sáu căn đang làm gì và cái gì cũng do duyên mà có, đã có rồi thì phải vô thường. Chánh niệm ghi nhận, trí tuệ thì biết rõ. Chánh niệm thì biết how is, trí tuệ thì biết what is. Ví dụ, ngồi lâu thấy quá sức mỏi, trí tuệ biết cái khó chịu là khổ thọ, chánh niệm biết là đang khổ, đang muốn đổi oai nghi; không phải tôi đang khổ mà chỉ là khổ thọ đang có mặt. Trước đây nghĩ rằng đó là chiếc xe của tôi, bây giờ hiểu rằng đó là một đống đồ (part) được lắp ráp hợp lý để vận hành trên đường. Nhờ hiểu như vậy mà bớt khổ, trước đây mình nghĩ là ông A, bà B, là tôi, là họ, là nó, là chàng v.v... giờ mình hiểu toàn là đồ ráp mà thôi. Chỉ cần một cơn bệnh xảy đến thì coi như những chuyện kề vai tựa má gì cũng bỏ hết. Có một bà Phật tử ở Houston, rất sợ ma, chỉ sợ ông chồng chết, nếu đêm hôm chưa kịp đem đi, phải ở nhà một mình trong lúc chờ xe nhà thương đem đi thì không biết làm sao. Rồi lại sợ chết rồi mà bắt phải nằm một

mình trong nhà quàn (Funeral home: Tang nghi quán). Sống bằng một ý niệm như vậy thì ớn lắm. Thương nhau như vậy, chỉ cần tắt thở thì nhiều người không dám rờ tới mình, lúc này mới thấm thía sự bẽ bàng, phũ phàng của gương mặt đời sống. Đây là một cảm xúc thường tình, không nói đến chuyện nhân tâm hay đạo đức. Chết một hai ngày đã có mùi rồi thì con cháu nào có thương yêu đến mấy cũng ngại. Lúc đó mới thấy ông A, bà B là như vậy, là các protein đang phân hủy. Có một lần tôi đi công việc xuống Tampa vài tuần lễ, khi về nghe một cái mùi nhức cả đầu, củ khoai tây để dưới đất có thể nảy mầm, nhưng vì lý do nào nó bị hư thì thúi không thể tưởng tượng được. Hôm nay người nào mình tương tư hay thương nhớ chỉ cần không thở ba ngày thì tiền muôn bạc vạn mình cũng không dám ôm người đó vào lòng.

Thiện pháp trong lý tưởng giải thoát chỉ là vàng để vượt biên hay tiền lo giấy tờ xuất cảnh, hay tờ giấy cây bút được dùng để làm giấy ly dị, không phải là những thứ mình muốn giữ lại làm của. Không giống như người bình thường làm lành để sanh về cõi này cõi kia, người có lý tưởng tu hành coi làm thiện làm phước là Ba-la-mật, là động lực để đi đến giải thoát.

ĐẦU NGÓN TAY (Nakhasikhāsutta)

‘Sikha’: đỉnh (top); ‘Nakha’: móng (nail); ‘Anguli’: ngón (finger).

Kiến cụ túc là trí tuệ trong Bốn Đế, tối thiểu là Sơ quả.

Có lần Ngài dạy rằng những vấn đề mà vị Sơ quả đã giải quyết nhiều như dãy núi Himalaya, vấn đề còn sót lại chỉ là 7 viên sỏi tượng trưng cho 7 kiếp luân hồi (nếu có).

* Đất trên đầu ngón tay

Trong kinh này Ngài nói những nỗi khổ niềm đau mà vị thánh bỏ lại nhiều như trái đất, cái khổ còn sót lại ở vị này như một chút xíu đất trên đầu ngón tay. Cho nên, một vị thánh Tu-đà-hoàn, dù nghèo khổ, rách nát tả tơi, kỳ hình dị tướng, không tiếng tăm học thức, bị cuộc đời chà đạp nguyền rủa, theo trong kinh thì vị này vẫn sung sướng hơn vua Chuyển Luân Thánh Vương hay vua Trời Đế Thích hàng triệu hàng tỷ lần. Bởi vì chuyện đầu tiên là vị Tu-đà-hoàn biết chắc chắn mình không rơi trở lại con đường sa đọa. Một người biết rõ như vậy thì có đi trên máy bay mà có chao thì cũng không sợ. Vị đó cũng biết cái cục thịt mấy chục ký này không phải là tôi, không phải là của tôi, vị ấy có khả năng nhìn về mình như

nhìn con người khác. Giống như cảm giác nhẹ nhõm của cái ông bị cắm sừng tôi kể trong bài kinh hôm trước, đang đau khổ vì con sắp chết thì phát hiện ra không phải là con của mình.

Có hai cách nói về thế giới và chúng sanh, cách thứ nhất là dùng khái niệm và ngôn ngữ thế gian để nói, như kêu gọi không làm ác để khỏi phải bị sa đọa khổ cảnh, làm thiện để được giàu sang, hạnh phúc, sinh thiên đó là thế giới nói theo cách thông thường của tạng Kinh, tạng Luật. Còn A-tỳ-đàm là cách Đức Phật nói về thế giới này theo lối rốt ráo nhất, như bản chất của cái gọi là chúng sanh chỉ là năm uẩn, chỉ là những thành tố tâm lý (mental compositions). Hiểu nôm na, A-tỳ-đàm giống như Physic, Chemical; học tới già tới chết cũng không hết và có thể dùng Vật lý, Hóa học để nói về cái bàn, cái ghế, chén cơm, chè, cháo v.v..., lúc này mình nhìn ngắm thế giới, nói về vật chất bằng cái nhìn khác. A-tỳ-đàm không phải là cái gì tách rời hai Tạng kia mà A-tỳ-đàm là một cách nói khác của Đức Phật về bản chất rốt ráo. Trong kinh nói thế giới này gồm hai sự thật: Tục đế (conventional truth) và Chân đế (ultimate truth) tức sự thật rốt ráo. A-tỳ-đàm là nói về thế giới theo cách Chân đế. Hai Tạng kia cũng nói về thế giới này nhưng theo cách Tục đế.

Xin hẹn ngày thứ Ba, nếu tôi còn sống.

Bài giảng ngày 13-01-2015 ĐẦU NGÓN TAY (tt)

Có một chuyện lẽ ra phải nói sau buổi giảng nhưng tôi sợ quên. Ngày xưa thông tin của người này người kia mình không biết tới, bây giờ là thế giới phẳng, một ngày chúng ta biết rất nhiều chuyện của thế giới, chuyện của những người quen biết và thân thiết, cũng vì vậy trách nhiệm sống của chúng ta cũng nhiều hơn. Chúng ta được biết bà cụ Hồ thị Liên là thân mẫu của cô Annette Huỳnh (nickname Anitya room Diệu Pháp trước đây), vừa mất ngày 12-1-2015. Thọ 95 tuổi. Đức chúng như hải, chúng ta cũng lấy năng lượng tập thể của đại chúng gởi đến bà cụ một lời cầu nguyện, mong bà ở cảnh giới nào cũng được an lành. Chúng tôi dành một tí thời gian như vậy vì hai lý do, thứ nhất là chỗ quen biết, thứ hai là hôm nay mình đối xử với người ta như thế nào thì mai này sẽ nhận lại giống vậy. Tây có câu: Anh hãy đối xử với người khác theo cách anh muốn người ta đối xử với anh. Hôm nay có người đi mình nhớ đến người ta, mai này mình đi thì cũng có người nhớ tới mình. Trong room này người trên 50, 60 không ít. Nhiều người hiểu lầm là chỉ có con cháu trong nhà mới hồi hướng, không phải vậy, chúng ta cứ nghĩ nếu mình đang ở trong bịnh viện hay trong tù, thì ai thăm nuôi cũng quí hết. Hoặc mình trong cơn ngặt nghèo lo âu, có người đem lại cho mình một viên thuốc, một hộp trà, một gói bánh thì quí vô cùng, lúc đó không còn là vấn đề thân sơ nữa. Cũng vậy, một người đã ra đi không biết ở cảnh giới nào, có khi con cháu làm đình làm đám hồi hướng um sùm mà không nhận được, nhưng trong khi một chút lòng của người dưng nước lã, nhằm lúc mình có tâm tùy hỷ, phơi mở lòng hoan hỉ với lời chia phước, thì mới nhận được. Y hệt như ở trong tù, trong bệnh viện, con cháu đem đủ thứ hết nhưng nhằm lúc nuốt không vô, nhưng người dưng đem vô một hộp bánh Tây mà nhằm lúc mình ăn được. Cho nên, hôm nay, chúng ta nhất tâm (nói theo kiểu Làng Mai) gởi đến kẻ còn người mất một nguồn năng lượng chia sẻ để cho họ cần cái gì có được cái đó, muốn áo có áo, muốn cơm có cơm, quan trọng nhất là đi đâu về đâu lúc nào cũng một lòng tin Phật, nhớ lời Phật để sống để hành trì, tự lợi và lợi tha. Trong các công đức, công đức nghe pháp và thuyết pháp lớn lắm, vì mang ý nghĩa soi sáng cõi đời và cõi lòng u minh nên công đức rất lớn, mình chia sẻ công đức này cho người ta.

Trở lại Kinh Tương Ưng, có một tin vui, nhờ kinh trùng quá nhiều, không cần phải giảng nữa, mình chỉ việc liếc cái tựa là xong. Ở đây Đức Phật dạy rằng so với địa cầu, so với núi non biển cả, một chút xíu đất trên tay của mình hoàn toàn không nghĩa lý gì hết, cũng vậy, tất cả những khổ ải trầm luân mà vị Tu-đà-hoàn

đã đặt xuống, đã giải quyết xong, nhiều như nước trong bốn biển, như đất trong đại địa này, trong khi đó những vấn đề còn dư sót vị đó chưa giải quyết xong chỉ là chút gì đó nhỏ xíu không đáng kể. Hoặc cũng có thể nói theo ngôn ngữ hình ảnh hôm nay, cuộc luân hồi giống như cỗ xe chạy mấy trăm ngàn tỷ cây số rồi, bây giờ vẫn còn tiếp tục chạy bao nhiêu ngàn tỷ cây số nữa không biết, riêng vị Tu-đà-hoàn thì bánh xe của vị ấy chỉ còn là cái trớn lăn thêm bảy mét nữa mà thôi. Bài kinh này đọc thoáng qua không thấy gì hết, Đức Phật chỉ mô tả so sánh nhè nhẹ, gần như không quan hệ gì đến chuyện tu hành, nhưng ngẫm kỹ thì quan trọng lắm. Để ý xem vị Tu-đà-hoàn đã làm được gì thì mới thấy nội dung bài kinh này rất quan trọng. Vị Tu-đà-hoàn về căn bản đã diệt trừ được hai thứ phiền não là hoài nghi và tà kiến. Bình thường mình hay kể là ba: thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ nhưng thật ra giới cấm thủ cũng nằm trong hai phiền não trên. Vị ấy không xem thân này tâm này là một khối như xưa giờ vẫn nghĩ nữa mà vị ấy luôn luôn nhớ rõ, tâm niệm và nhận thức một cách đầy đủ rằng cái gọi là thân hay tâm, cái gọi là chúng sinh, trời người, phàm thánh, trùn dế, Phạm thiên Đế thích, chư Phật hay Thánh tăng, tất cả chỉ là sự ghép nối, cộng hưởng của vô số nhân duyên tương tác. Có do duyên và mất cũng do duyên. Vị ấy hiểu rõ như vậy, cái hiểu này là do tự thân chứng nghiệm chớ không do nghe, do tin, hay do vay mượn từ sách vở, âm thanh, ngôn ngữ mà người khác đem lại.

Một kẻ phàm phu dù có tinh thông Tam tạng, đắc chứng thần thông thiền định, có thông minh, có chiều sâu cỡ nào đi nữa, tu tập tuệ quán sâu sắc đúng mức cỡ nào đi nữa, hễ còn là phàm phu thì cái biết về khổ, vô thường, vô ngã, cái biết về duyên sanh duyên diệt của năm uẩn của danh sắc luôn luôn ở mức độ hạn chế, không có khả năng cắt đứt phiền não, tà kiến, hoài nghi như vị Tu-đà-hoàn. Một khi vị ấy xác định vạn hữu do duyên mà có, và có thì có lúc mất tiêu, với cái biết này vị ấy đặt xuống gánh nặng ba trăm năm chục ngàn tấn, nhẹ hơn Tề Thiên ra khỏi núi Ngũ Hành. Một khi đặt xuống gánh nặng hiểu lầm thì lòng nhẹ lắm. Trong chú giải nhấn mạnh rằng, chỉ riêng Sơ quả cũng đã an lạc khó ngờ vì chấm dứt được hai chuyện:

1. Chấm dứt sự sa đọa bốn cảnh khổ.

2. Chấm dứt khả năng tái sinh của kiếp thứ 8 chỉ còn tái sinh tối đa hai lần cõi Dục giới và 5 lần cõi Tịnh Cư.

Chỉ chấm dứt một trong hai thì đã an lạc lắm rồi, biết rõ bây giờ máy bay có rớt, xe có cháy, tàu có nổ thì mình chắc chắc ngàn phần trăm là không cách chi bị sa

đọa được, chỉ có đường đi lên, về trời. Với tâm tư đó khó bề quay trở lại thế giới xô bồ của nhân loại, trừ phi có tiền nghiệp đặc biệt, hạnh nguyện đặc biệt và trở lại trong bối cảnh nhân gian hết sức đặc biệt. Vị đó khó có thể sống chung lẫn trà trộn với sự xô bồ phức tạp ngũ trược ác thế, đồng thời sẽ là đại họa cho chúng sinh, thánh nhân dù Sơ quả mà sống với người thường, có thể họ xúc phạm báng bổ, gây nghiệp. Trong kinh nói vị A-la-hán (trong cõi Người) chỉ có hai lựa chọn: sống đời sống xuất gia cách ly thiên hạ, hoặc Niết bàn trong thời gian sớm nhất có thể, mục đích là tránh cái họa cho người ta. Đời Đức Phật Ca Diếp, có một tỷ kheo ni chứng quả A-la-hán, đến thăm người bạn cũ thân thiết. Kế bên vị tỳ kheo ni thánh nhân đó có một hộp trang điểm, cô bạn nhờ vị tỷ kheo ni này chuyền tay cái hộp. Vị A-la-hán biết ngay cô bạn mình đang gieo họa. Vị tỳ kheo ni đó suy nghĩ rất là nhanh, không lấy thì cô bạn Phật tử này giận thì thêm tội, nên cứ lấy giùm, tối đa thì cô này chỉ gieo nghiệp đầy tớ thôi. Chỉ vì chuyện nhờ cậy một vị A-la-hán mà suốt năm trăm kiếp liên tục sinh ra là đầy tớ cho người ta mãi.

Nội dung bài kinh này, tất cả những vấn đề vị Tu-đà-hoàn đặt xuống thì lớn và nhiều vô kể, vấn đề còn sót lại chỉ là một ít thôi. Tôi nói bài kinh này quan trọng vì muốn quí vị cùng thấy với tôi một điểm đó là: thì ra chuyện mình chấp thủ cái tôi và của tôi nó quan trọng, nặng nề, khốc liệt đến như vậy. Anh phải buông, chính cái buông làm cho anh được giải thoát, còn nắm níu thì chỉ có tan nát mà thôi. Tuy Đức Phật chỉ nói nhẹ nhàng, chuyện vị Tu-đà-hoàn giải quyết được nhiều như vậy và chuyện chưa giải quyết còn ít như vậy. Tại sao chuyện diệt trừ tà kiến hoài nghi lại quan trọng đến như vậy?

Là bởi vì không còn khả năng kiếp thứ 8 và vĩnh viễn không còn bị đọa lạc trong bốn cõi khổ nữa.

Ôn lại nguyên chương trước: Những hình ảnh nước sông, trái đất, núi, trong phẩm Minh Kiến tượng trưng cho những gì vị Sơ quả đã đặt xuống so với chút đất hay nước trên tay tượng trưng cho những gì còn lại phải giải quyết. Phiền não mà vị Sơ quả đoạn trừ chỉ có tà kiến và hoài nghi, nhưng vị này đã chấm dứt được dòng chảy của cuộc luân hồi, với vài kiếp còn lại chỉ là cái trớn của chiếc xe đã chạy vô số kiếp.

VÍ DỤ NÚI

Kinh cuối cùng của phẩm này có nội dung là sự chứng ngộ của phàm phu không đáng kể so với cái thấy của vị Sơ quả.

Ở các kinh trước, chuyện phàm phu phải gánh thì nhiều như núi, biển, trái đất. Chuyện Sơ quả phải gánh nhỏ và ít như chút gì đó trên ngón tay. Ở kinh cuối thì cái biết của vị Sơ quả nhiều như núi so với cái biết của phàm phu vốn ít ỏi không đáng kể như hạt đậu hay viên sỏi. Tất cả cái biết, cái thấy của phàm phu chỉ gồm những gì quẩn quanh trong Tam giới, chưa kể những hiểu biết sai lầm, và không một cái biết nào của phàm phu được xem là lần đầu, nên cái biết nào cũng chỉ là đồ cũ dùng lại.

Không một cái biết nào của phàm phu được xem là lần đầu nghĩa là không cái biết nào của mình mà chưa từng được biết tới trong dòng sinh tử. Một người thất học hôm nay không biết đọc không biết viết nhưng trong vô số kiếp quá khứ họ đã từng là nhà bác học chuyên nghiệp trong lĩnh vực nào đó: Vật lý, Toán học, Khảo cổ v.v... Họ cũng từng là nhà ngôn ngữ học biết mấy chục thứ tiếng, từng là những người được thiên hạ tôn vinh là đỉnh cao của trí tuệ, tinh anh của tư duy. Trong vô số kiếp sinh tử, chúng ta từng là những người uyên bác như vậy và trong vô số kiếp sinh tử chúng ta từng là những người thất học mù chữ, là con ong cái kiến. Không có cái biết nào của phàm phu được xem là lần đầu mà chỉ là lặp đi lặp lại, riêng cái biết của thánh nhân luôn là cái biết đầu tiên, vì chứng quả xong là đi luôn đâu có quay lại đâu.

Cái biết của thánh nhân là cái biết bao quát cả hai cảnh giới phàm thánh, cái biết có thể dẫn đến giải thoát và là cái biết tinh khôi chưa từng có.

Bài giảng ngày 16-01-2015 GIỚI SAI BIỆT (Nanadhatusutta)

Kỳ trước trục trặc, không biết bà con nghe tới đâu, có người đề nghị tôi nói lại, nhưng nói thiệt, ớn quá đi, qua được mình mừng muốn chết rồi, bây giờ quay trở lại ngán lắm. Có một chuyện lạ tôi không nghĩ là ngẫu nhiên, có những chỗ tôi thấy là quan trọng thì chỗ đó hư, như mình bị ai phá vậy. Nếu họ có lòng họ phá thì mình không thể nào đỡ nổi đâu, thôi tùy duyên vậy. Sáng nay mình học bài kinh Giới Sai Biệt.

'Nana': various, cái này cái nọ, đủ thứ, sai biệt.

Bài kinh này ngắn, liếc qua thấy không có gì hết, Ngài kể ra 18 giới. Nhưng thật ra một người có học A-tỳ-đàm, có tu tập thiền Quán, có một chút trí văn, và một chút trí tư sẽ thấy bài kinh này rất là sâu, rộng và quan trọng. Ở kinh này Đức Phật vẽ ra toàn bộ diện mạo của thế giới, gồm chúng sinh và các cảnh giới. Bao gồm tất cả đất đá, sông núi, cây cỏ, muông thú (những loại bò, bay, máy, cựa).

Tất cả những gì trên thế giới này, bỏ đi tất cả những thứ mình có thể nhìn thấy bằng mắt, bỏ đi tất cả những thứ mình có thể biết được bằng lỗ tai, bỏ đi tất cả những thứ mình có thể biết được bằng khứu giác, vị giác, xúc giác, bỏ hết những thứ mình có thể suy tư bằng tâm ý thì thế giới này còn lại gì?

Ví dụ biển, từ Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Hắc Hải, hồng Hải… bỏ hết vì có thể thấy, sờ chạm, biết bằng mũi, bằng ý thức; tất cả những ngọn núi, từ Himalaya, Alpes, Thái Sơn, Hoàng Liên Sơn, Kilimanjaro, bỏ hết vì chúng nằm trong sáu trần; tất cả các lục địa dù lục địa mới hay lục địa cũ, bỏ hết; chim muông, con người… thì còn lại gì?

Tất cả những gì mình thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, suy tư trên đời này đều gom gọn trong 18 giới. Do vô minh, tham ái, tà kiến, hoài nghi, mình cứ ngồi vẽ vời dệt mộng, đây là nền văn hóa văn minh châu Phi, châu Mỹ; đây là Tàu, Mỹ, Nhật, Đức, Đại Hàn, gom chung lại trong cái nhìn thấu suốt của một bậc đại giác thì toàn bộ những dị biệt đó chỉ nằm gọn trong 18 giới, trong tất cả những gì ta thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, suy tư.

Do có thần kinh thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác, ý vật tức chỗ dựa của tâm (tùy loài mà nói) mà có thế giới này. Có những loài bị cắt làm mấy khúc vẫn không chết, chỗ dựa của tâm nó nằm ở một chỗ nào đó mình không biết, trong kinh nói là "yam rupam nissaya"tức tâm thức của chúng sinh dựa vào

chỗ nào thì chỗ đó là sắc ý vật. Còn có một số truyền thuyết là sắc ở tim, giả thuyết này đã bị nghi ngờ (hoặc đã bị đánh bật). Có một số học giả xưa dựa vào y học cổ truyền cho tâm (tim) là gốc của ý thức, nhưng khoa học hôm nay cho thấy tim có thể tháo và để ra ngoài cho chạy bằng máy. Vì vậy phải nói rằng tùy loài, tùy trường hợp mà tâm nương tựa vào chỗ khác nhau, không nên khư khư thấy kinh ghi vậy thì mình tin, bởi vì chính Đức Phật không có nói chuyện đó. Có một điều đặc biệt bà con làm ơn nhớ giùm, Đức Thế Tôn không bao giờ nói cái gì gây hoang mang cho mình. Trong chú giải nói rất sâu và kỹ về mặt trăng mặt trời, những thông tin đó, nếu bà con có đọc sách của Ấn, sẽ thấy những gì được nói trong Thanh Tịnh Đạo về Vũ trụ quan rõ ràng dựa vào nền tảng khoa học đương thời của ngài Buddhaghosa. Ngài Buddhaghosa không dựa vào lời Phật mà ngài căn cứ vào nền tảng khoa học Ấn Độ lúc đó để ghi. Nếu ngài Buddhaghosa sinh ra hôm nay thì ở chỗ đó ngài sẽ viết khác đi. Riêng Đức Thế Tôn không bao giờ đi sâu vào những chi tiết đó, Ngài chỉ nói những gì mang tính phổ cập.

Thế giới này chỉ là sân chơi của 18 thứ. Thế giới này chỉ là sân chơi của 18 thứ. Thần kinh thị giác cộng với cộng với cảnh sắc, cộng với , cộng với tâm nhãn thức để chúng ta có thể biết được cái này cái kia hình dáng màu sắc ra làm sao. Bộ ba này có mặt là do sắc ái đời trước, tức sự đam mê trong cảnh sắc. Cũng vậy, nay ta có thần kinh vị giác, và tâm thiệt thức để biết cái gì là mặn ngọt chua cay là do dục ái đời trước đã từng thích thú chuyện ăn uống. Nói gọn lại, do năm dục ái đời trước mà nay ta có các giác quan vật chất, còn chuyện chúng được hay bị cái gì đó đời này là do phước nghiệp khác nữa. Tức là do mình còn thích cái này cái kia nên đời sau mình mới có mắt tai mũi lưỡi, còn chuyện mình được ăn ngon hay ăn những thứ mình không thích là do nghiệp khác. Ví dụ, tôi và thằng Tèo đều đam mê trong cảnh Dục, nhưng tôi thích bố thí cơm nước, y phục nhà cửa, thuốc men, xe cộ, hỗ trợ điều kiện làm việc cho người khác, thì đời sau sinh ra tôi được mặc quần là áo lụa, ăn sơn hào hải vị, đi đâu có kẻ đón người đưa. Thằng Tèo cũng đam mê năm dục nhưng không làm phước nên đời sau sanh ra con mắt của nó từ bé đến già thấy toàn những thứ không muốn thấy, lỗ tai nghe toàn những thứ không muốn nghe, lỗ mũi cũng vậy. Có những người sanh ra cho đến lúc đi vào quan tài chỉ quẩn quanh có mấy sào đất và họ không thể ngờ rằng trên thế giới này có những món ngon như vậy, có những phong cảnh, hình ảnh, âm thanh, màu sắc, mùi vị như vậy. Họ không biết rằng đám trung lưu, thượng lưu, tỉ phú họ sống thực sự ra làm sao, họ chỉ nghĩ tay làm hàm nhai, giật gấu vá vai, cả đời chỉ biết có vậy, đó là do năm dục thì y như người ta nhưng công đức thì không đủ.

Sai biệt (nana) ở đây có nhiều nghĩa, có lúc ta nhận biết thế giới qua con mắt, có lúc nhận biết qua lỗ tai, có lúc qua suy nghĩ. Do ba thứ: tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống hiện tại khiến trước một cảnh mỗi người có một phản ứng tâm lý khác nhau, vui hay buồn, thích hay ghét, thiện hay ác. Chẳng hạn sáng hôm nay tôi đọc báo biết được bên Mỹ mới bắt được một nghi phạm người VN, trong một thời gian dài cổ cứ phá mấy tượng Phật trong chùa mà người ta không biết là ai, mấy tượng cứ hư hoài. Người ta bắt được cổ nhờ nhân viên bảo vệ nhận diện qua camera. Có biết bao nhiêu người nhìn hình Phật thì thích, không biết cổ giận hờn ai mà nhìn hình Phật thì ghét rồi cổ phá. Mấy ông Hồi Giáo cũng vậy, tượng Phật ở Bamiyan đẹp biết bao nhiêu, 1500 năm lịch sử hoành tráng. Bức tượng ngày xưa ngài Huyền Trang đã nhìn thấy và ghi lại trong quyển Đại Đường Tây Vức Ký, pho tượng được xem là chứng nhân của lịch sử PG, của Con đường Tơ Lụa, của một thời hoàng kim văn minh của Afghanistan, ấy vậy mà các cậu Hồi Giáo Taliban đành đoạn lấy súng lấy đạn mà phá nát. Tôi có coi clip lúc họ bắn trái pháo vô bức tượng. Đơn giản lắm, bức tượng cao 55 mét (154ft) chỉ cần bắn một phát một là gương mặt biến mất trong không gian, họ làm thêm mấy phát nữa thì để lại một khoảng không vời vợi. Họ nhìn họ nghĩ cái gì mình không biết, hình ảnh Đức Phật làm cho họ khó chịu nên họ phải phá nát như vậy mới hài lòng. Thế giới này sai biệt là vậy, tùm lum tà la, có lúc ta sống chìm sâu trong những gì mình thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng. Có lúc mình dẹp hết bảy tỉ rưỡi người trên hành tinh, cha mẹ, bạn bè, mình không thèm nhớ, chỉ vùi đầu vào game thôi. Có lúc ta quên đi hành tinh này gồm trăng sao hoa lá, con người, chúng ta vùi đầu vào những bản nhạc, có lúc chúng ta bỏ hết mọi thứ vùi đầu vào trong chích choác say sưa nghiện ngập, có những lúc ta vùi đầu trong giấc ngủ, có lúc ta dẹp hết tất cả để vùi sâu tâm khảm của mình vào trong một cuộc tình thành công hay thất bại, một cuộc tình mới hay một cuộc tình vừa đội nón ra đi. Có lúc chúng ta vùi sâu tâm ý của mình trong chuyện chơi lan kiểng, tiền xưa, bạc cắc, cổ vật. Có lúc chúng ta chìm sâu trong những giây phút sống chánh niệm, có lúc chúng ta chìm sâu trong những trang kinh, hay sách võ hiệp của Kim Dung, hay trong thế giới computer, chat chit, bạn bè v.v... Mỗi một lúc chúng ta có một cách chìm sâu, có con đường chìm sâu, có ngõ riêng để chìm sâu trong thế giới này. Cũng trong hình ảnh âm thanh đó mà chúng ta sống bằng những tâm trạng vui buồn, thiện ác, thương ghét khác nhau, tất cả những thứ này làm nên diện mạo của thế giới. Hôm nay chúng ta biết được Phật pháp, sống chánh niệm, làm gì biết nấy, có nghĩa là chúng ta không còn để cho 18 thứ này xoay vần mình mà giờ mình ngồi yên lại nhìn chúng. Tu Tứ Niệm Xứ là tu chỗ đó. Hành giả tu Tứ Niệm Xứ đề mục hơi thở, biết hơi thở ra vô đó là sắc pháp,

chỗ chạm của hơi thở ra vô là sắc pháp. Cái biết hơi thở ra vô dài ngắn đang chạm ở đâu đó là danh pháp. Bây giờ mình bỏ hết toàn bộ thế giới, vũ trụ hoa lá trăng sao chỉ còn tập trung vào một điểm biết rõ danh sắc đang làm việc với nhau. Lúc bấy giờ mình không chạy theo 6 trần nữa mà ngồi yên quan sát 6 căn. Vì sao mình phải làm chuyện đó?

Bởi vì nếu mình tiếp tục thích trong các căn trần thì đời sau sanh ra sẽ tiếp tục, hễ có 6 ái đời trước thì có 6 căn đời sau. Sáu căn đời sau lại là điều kiện để 6 ái xuất hiện. Tu Ba-la-mật là mài mòn phiền não, vun bồi niệm và tuệ, để đời sau nếu mình là bậc tự ngộ Độc Giác hay Chánh Đẳng Giác thì khỏi nói rồi, còn nếu mình chỉ là Thanh văn thì mình mài mòn phiền não như vậy để niệm và tuệ mạnh, khi gặp Phật nghe pháp là mình nhìn thấy danh sắc, nhìn thấy 18 giới này rõ ràng và dễ dàng, nhờ vậy mới lìa bỏ được phiền não và chứng đắc thánh trí. Thế giới này chỉ có 18 thứ này, chính vì thích trong 6 trần nên mới có 18 giới này. Mười tám này là toàn bộ thế giới. Do có lục nhập mới có xúc, từ xúc mới ra thọ, từ thọ mới ra ái, do ái, thủ đời này mới có sự tái sinh đời sau kiếp khác.

Ý giới là gồm có Tâm khai Ngũ môn và hai tâm Tiếp thâu. Theo A-tỳ-đàm, quá trình tâm lý của chúng ta lúc nhận biết cảnh sắc, thinh, khí, vị, xúc diễn ra rất phức tạp. Quí vị nào có dùng máy ảnh cơ mới biết. Khi bấm nút chụp, màn trập mở ra đem hình ảnh vào trong và lưu trữ trên phim, ở đây cũng vậy, khi đối diện cảnh trần với âm thanh, hình ảnh, mùi vị, màu sắc… thì tâm khai Ngũ môn làm tiền trạm để đón nhận cảnh đó. Tâm Ngũ song thức đi sau. Khi đón nhận cảnh đó mình mới đánh giá cảnh như thế nào, những sát-na tâm tiếp nối nhau, tiếp thâu, quan sát, đoán định. Tiếp theo là bảy sát-na Tâm Đồng lực, thích hay ghét, thiện hay ác là lúc này, còn trước đó nó làm việc rất máy móc, chỉ có nhận. Có liên tục nhiều lộ tâm tiếp nối, sau khi chụp xong thì chuyển qua các tâm lộ khác mới biết rõ cái này mình từng biết qua chưa, gom lại tất cả chi tiết vừa nghe. (Tổng hợp các chi tiết của đối tượng: Samūhaggahanacittavithi). Phải gom hết tất cả chi tiết mới biết cái này là nhạc Tây hay nhạc Ta, cải lương hay hát bội… Tôi biết một cô Phật tử biết ba bốn thứ tiếng, cổ kể cho tôi nghe một chuyện, nhiều khi đi ra đường nghe người ta nói cái gì lúc khẩn cấp nhưng không biết người ta nói thứ tiếng nào. Điều đó cho thấy tâm lý mình rất phức tạp, để nhận biết điều gì đó phải trải qua nhiều tiến trình tâm lý khác nhau. (Namaggahanavithi: định danh, gọi tên cái đó là cái gì). Cái này thì bà con coi tiếp trong cuốn Triết Học A-tỳ-đàm. Trung bình một trường hợp mình biết cái đó là cái gì, hình ảnh gì, vật gì, màu sắc gì, âm thanh gì, vị gì, mùi gì, tưởng đơn giản nhưng thật ra tâm thức đòi hỏi nhiều ‘process’ khác nhau, tiếng Pāḷi gọi là ‘vithi’. Xé nhỏ ra thì thấy thế giới này rối

như vậy nhưng nó có trật tự hệ thống của nó. Mình thấy cái này hay ho, cái này là du thuyền, đây là chuyên cơ, đây là vòng vàng v.v... nhưng toàn bộ chỉ nằm trong 18 giới. Do tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống hiện tại khiến cho mình có những phản ứng ra sao trước các cảnh. Nếu mình có thiện pháp thì khi mình thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng, toàn bằng tâm thiện, toàn chánh niệm, trí tuệ, tín, tấn, niệm, định, tuệ, còn không có tu thì khi gặp cái gì thích thì tham, gặp cái gì ghét sợ thì sân. Như vậy toàn bộ đời sống của mình chỉ là những giây phút thích và ghét, toàn là chủng tử bất thiện. Mình phải tu Tứ Niệm Xứ là hạn chế cái thích và ghét, không tiếp tục gieo trồng chủng tử phiền não luân hồi nữa. Đó là lý do tại sao phải tu Tứ Niệm Xứ, còn nếu không thì sẽ bị 18 thứ xoay vần, ghét thích, thích ghét. Ghét hay thích đều là phiền não. Sống chánh niệm là để nó không xoay mình như ngày xưa nữa, nếu đủ duyên Ba-la-mật thì chứng thánh, còn không thì chuyện tu hành hôm nay sẽ trợ duyên cho đời sau kiếp khác.

Bài Kinh Xúc cũng y hệt như vậy. Do duyên giới sai biệt thì sinh ra xúc sai biệt. Tôi giảng bài kinh Giới sai biệt cũng có nghĩa là tôi giảng luôn bài kinh Xúc sai biệt. Khi mắt thấy cái gì đó, ngay giây phút mắt thấy, sự gặp nhau của căn, cảnh, thức được gọi là xúc. Mình nói mình tu theo Bát Chánh Đạo cũng đúng, tu Tam học cũng đúng, tu Xúc cũng đúng mà tu Thọ cũng không sai. Nghĩa là ngày xưa mình đi tìm cái này cái kia mình thích để hưởng thụ, bây giờ không đi tìm nữa là tu Xúc, không để cho mắt đi tìm cảnh sắc, tai không đi tìm âm thanh, mũi không tìm mùi, lưỡi không tìm vị, không màng nữa. Tu Thọ là ngày xưa phải như vậy mình mới vui, mới thích, giờ đây thì không, đắng cay mặn ngọt cái gì xảy ra, mình chỉ ngồi yên nhìn nó bằng chánh niệm, vậy là mình đang tu Thọ. Khi 6 căn biết 6 trần, mình có chánh niệm thì không bị xoay như ngày xưa. Xúc duyên Thọ, thay vì Thọ duyên Ái thì bây giờ Thọ không duyên Ái nữa mà duyên cho tín, tấn, niệm, định, tuệ; nhiều lần như vậy nếu đủ duyên thì chứng thánh, còn không thì gieo duyên giác ngộ cho đời sau kiếp khác.

Cứ nhớ là, do tiền nghiệp, cộng khuynh hướng tâm lý, cộng môi trường sống hiện tại mà ta có bị chìm sâu cắm chặt ở trong sáu trần hay không. Có nhiều vị cứ tưởng mình là thánh, vì thấy mình không thích gì hết, tôi xin nói rõ, chẳng qua là anh chưa gặp cái anh thích mà thôi. Chứ còn nếu biết rằng trong thế giới này có vô số cảnh sắc, vô số cảnh thinh, vô số cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp lúc đó mình mới biết rằng thì ra vì mình chưa gặp thứ mình thích đó thôi, chứ gặp đúng thì mình vẫn y hệt như người ta. Toàn bộ thế giới này chỉ nằm trong mấy bài kinh này, chuyện tu Tứ Niệm Xứ là để mình biết chuyện gì đang xảy ra và

bản chất thật sự của nó là gì. Một điều nhắn gởi sau cùng là hãy luôn luôn cảnh giác với bản tâm của mình.

Trong chú giải có nói rõ chỗ này, do sự xúc chạm của mắt, 'cakkhusamphassādayo', do sự xúc chạm của các thần kinh từ đó mới phát sinh ra các tâm và các pháp tương ưng đó là tâm và tâm sở. Do có ý xúc trong ý môn, từ đó mới nảy ra các pháp tương ưng với tâm 'paṭhamajavana'- tâm đổng lực đầu tiên trong mỗi lộ tâm. Do có mắt, cảnh sắc, nhãn thức mới làm nên cái biết của mình. Trong tâm thức cũng vậy, mỗi lần mình suy tư là cộng hưởng của ý giới, ý thức giới và pháp giới. Pháp giới là cảnh pháp gồm tâm, tâm sở, sắc tế và Niết bàn chế định. Những cái gì mình thấy ghê gớm như đây là bậc chân tu, đây là người có thiền định, đây là người đắc thần thông, đây là bậc thánh… toàn bộ chỉ là 18 giới.

Do mình ở cõi Dục nên mình mới đủ 18 giới, tức là đủ 6 căn. Chính vì đủ 6 căn nên mới ra 6 xúc, từ 6 xúc mới có 6 thọ. Theo cách liệt kê như vậy thì tưởng mối quan hệ này theo hệ thống hàng dọc nhưng thật ra nó xảy ra cùng lúc, giống như có ông đó thích đánh bài, vì thích đánh bài nên ổng đi mượn nợ, vì đi mượn nợ nên dính tụi cho vay nặng lãi, không trả nợ được nên xã hội đen tới siết nhà, bắt cóc con ổng, vợ ổng tự tử, ổng đi trả thù rồi vô tù, nghe như có hệ thống chiều dọc nhưng những chuyện đó xảy ra cùng một lúc chính vì ổng nghiện bài bạc.

Do chìm sâu trong năm dục nên mới có đủ 6 giới, do đủ nhãn giới, nhĩ giới nên có nhãn xúc, nhĩ xúc. Phạm thiên cõi Sắc Giới chỉ có ba: nhãn, nhĩ và ý thức. Phạm thiên cõi Vô sắc chỉ có một ý thức. Bài kinh này có mấy hàng nhưng rất sâu. Phiền não càng nhiều thì sự hiện hữu của mình càng rối rắm. Rối rắm là vì mình có đủ 6 căn, trong khi Phạm thiên ít hơn. Nếu thiếu phước thì 6 căn này sẽ là nguồn khổ. Sáu căn đối với phàm phu chính là 6 cửa để rước phiền não, là 6 cửa để rước quả khổ, vì vậy việc có 6 căn chỉ là cái họa. Nhưng khổ nỗi không có không được, bởi muốn tu hành là phải nhờ có nó. Phạm thiên không cần đủ 6, họ chỉ có 3 vẫn tu được.

Chính vì mình có năm dục, còn thích trong năm dục sắc thinh khí vị xúc nên mình có đủ mắt tai mũi lưỡi. Chính vì có đủ nên mình mới có nhiều nguồn khổ, nếu biết Phật pháp thì mình mới có cơ hội nhìn thấy nó là nguồn khổ. Nhìn thấy như vậy thì mới gọi là tu. Nếu không biết Phật pháp, không tu tập thiền Quán, Niệm Xứ thì sự có mặt của 6 căn chỉ là họa, vì đó là 6 nguồn để phiền não phát khởi và là cửa để đón khổ vào đời, bởi vì có mắt nên mình nhìn thấy cái mình

muốn mà mình không chiếm hữu được, tai cũng vậy, khi nghe những thứ mình không muốn, hoặc nghe thứ mình muốn mà không chiếm hữu được, kiểu nào cũng khổ.

Ở đây Đức Phật nói, giới sai biệt nên sanh ra xúc sai biệt, nghe qua thấy không có gì nhưng lại quan trọng. Tại vì đâu mà có giới sai biệt?

Vì có ái sai biệt. Ái sai biệt là do thích tùm lum nên mới có 6 căn, do có 6 căn nên mới có 6 xúc, 6 thọ, 6 ái, và cứ thế tiếp tục vòng quay.

Do phiền não mới có 6 căn, nhưng 6 căn đó biết được cảnh tốt hay xấu, vừa ý hay không là do phước nghiệp. Còn chuyện người tàn tật là chuyện khác, sanh ra bị mù, bị điếc không phải do họ không tham ái mà do họ thiếu phước. Nếu không có mà do ly dục thì họ phải sinh ở cõi Phạm thiên, còn sanh ở cõi này mà thiếu là do nghiệp xấu. Phạm thiên không có vì họ không cần, hơn nữa mặt mũi họ đẹp tuyệt vời, vẻ đẹp chuẩn của Tam giới. Chư Phật được mô tả đẹp như Phạm thiên, âm thanh của Đức Phật được mô tả là Phạm âm (bhramasara).

Không đủ ngũ căn mà do ly dục là chuyện tốt. Không đủ ngũ căn mà do nghiệp ác là chuyện xấu. Bài kinh tiếp theo là Không Phải Như Vậy, cũng cứ vậy mà hiểu.

KHÔNG PHẢI NHƯ VẬY

Ngài xác định, do giới sai biệt mới sanh ra xúc sai biệt. Do mắt mình thấy mới sanh ra nhãn xúc, do tai mình nghe mới sanh ra nhĩ xúc. Không phải do xúc mới có các căn mà phải nói là do các căn mà mới có xúc thì đúng hơn. Ngài xác nhận, do có mắt mới có nhãn xúc, do có tai mới có nhĩ xúc, do có mũi mới có tỷ xúc…Bài kinh này bà con có thể hiểu y như những gì đã giảng ở hai bài kinh trước. Ngài xác định do có sáu căn nên mới sanh ra 6 xúc, do có 6 xúc nên mới sanh ra 6 thọ.

Loạt kinh này là ôn về Duyên khởi. Có lúc chúng ta nhận biết thế giới này qua mắt, có lúc qua tai. Cũng cảnh sắc đó mà có lúc chúng ta nhận biết nó bằng tâm thiện, có lúc nhìn thấy cảnh sắc xong thì chúng ta lại có cái bất thiện. Với một người có tu, đàng sau cái thấy này không giống như của một người không có tu. Cái thấy máy móc thì ai cũng giống nhau hết; dù Đức Phật hay chúng ta đều giống nhau hết ở giai đoạn nhìn thấy. Đức Phật nhìn chiếc lá rơi y như mình thấy. Nhưng mình nhìn chiếc lá rơi thì nhớ mùa thu năm ấy, nhớ chuyện xưa tích cũ,

Đức Phật thì không. Có lúc chúng ta nghe một mùi hương mà đủ ngậm ngùi. Có lúc chúng ta thưởng thức một món ăn mà nhớ lại chuyện xưa cũ. Một đêm đông nào đó nằm trùm mền ấm áp, cái ấm áp lúc đó cũng có thể gợi nhớ cho mình một chuyện cũ ngày xưa, hoặc tình cờ mình ngồi nhớ ra chuyện cũ rồi buồn vui với riêng mình. Mình sống trong sự chi phối của mắt, của tai, của mũi, của lưỡi khác nhau. Cũng hình ảnh âm thanh đó, nhưng tâm trạng thì lúc vầy lúc khác. Những sai biệt này dẫn đến buồn vui, thiện ác, thích ghét khác nhau. Tu Tứ Niệm Xứ nghĩa là quan sát rõ cái gì đang xảy ra để không chạy theo cái thích và không chạy theo cái ghét. Một loạt kinh y chang như nhau, không muốn giảng nữa, nghe nhiêu đó đủ bà con nhức đầu rồi. Bà con nghe tới nghe lui, nhớ lại mấy điều sau nay: 1. Do có 6 ái nên mới có đủ 6 căn. Sáu căn không đủ do ly dục không giống 6 căn không đủ do ác nghiệp. 2. Có lúc chúng ta sống bằng con mắt, có lúc chúng ta nhận biết thế giới này qua lỗ tai. Chẳng hạn như người đang nghe nhạc thì bao nhiêu nhân loại, đất đai sông núi đều mất sạch, lúc đó chỉ còn những gì đang nghe. Đối với người đang đói bụng thì chỉ có thức ăn trước mặt, còn cái gì cũng không quan trọng. Nguyễn Hiến Lê nói rằng cái răng của mình đang nhức còn quan trọng hơn mấy triệu người đang bị thiên tai hay chết đói nữa. Chẳng hạn như mình đọc báo thấy có sóng thần làm chết hai trăm bốn chục ngàn, thấy số đó cũng nhiều, nhưng sau khi đọc con số đó xong thì mình hoàn toàn có thể đi vô giường ngủ tỉnh bơ vì buồn ngủ quá rồi, dù mới vừa đọc cái tin hai trăm bốn chục ngàn người chết chưa kể hàng triệu người đêm nay phải sống cảnh màn trời chiếu đất và ngày mai thì mù mịt không biết sẽ về đâu. Ấy vậy mà chúng ta sẵn sàng đi ngủ thẳng cẳng. Trong khi đó chỉ cần chiều nay mình tính lộn tiền, không biết chạy đi đâu một trăm đồng là khó ngủ, phải ráng thức để tìm cho bằng được. Chỉ cần chiều nay có tí chuyện nhỏ trong nhà mình là mình không ngủ được, chỉ cần chiều nay có một email, một cú phone, một message là không ngủ được, chỉ cần cái răng mình nhức là mình không ngủ được. Rõ ràng rằng thì là thế giới này có bao la cách mấy, con người có trùng điệp cách mấy thì mỗi lúc chúng ta chỉ sống chìm sâu trong một thứ nào đó mà thôi, chứ đừng nói tôi có mấy cái bằng đại học, tôi có mấy triệu trong nhà băng… Thật ra mình chẳng là gì hết, mỗi phút như vậy mình chỉ sống có một cách - một cảnh, một kiểu nào đó trong 6 giác quan. Cũng cảnh đó thôi mà tùy lúc chúng ta buồn vui, thiện ác, hướng thượng hay thối đọa.

Tu Tứ Niệm Xứ có nghĩa là mình có dịp quan sát toàn bộ con người thật của mình qua sự hoạt động vận hành của 18 giới, không tiếp tục để chạy theo thích và ghét nữa. Nếu đời này đủ duyên chứng thánh thì quá tốt, còn không thì mình

được hai điều lợi ích đó là ít nhất cũng được an lạc trong hiện tại và gieo được chủng tử lành cho đời sau. Hạnh phúc hay sự an lạc không cách chi có được ở con người thất niệm. Thất niệm là đừng hòng có an lạc. Quí vị có thể nói ông A bà B đâu có tu hành, thiền định gì đâu vẫn thấy họ nhăn răng cười mà sao nói không an lạc. Cái nhăn răng đó kéo dài được bao lâu, đó chỉ là niềm vui hỷ ái, không phải là sự an lạc của bậc thánh. Sự an lạc đến từ chánh niệm là sự an toàn ở mọi nơi mọi lúc, sự vững tâm mọi nơi mọi lúc. Toàn bộ đời sống chỉ là sự hiện hữu, sự hoạt động, sự vận hành của 18 giới. Tu Tứ Niệm Xứ là quan sát sự vận hành, sự hoạt động đó. Chỉ có sự quan sát này mới đem lại cho mình sự vững tâm để mà sống ở đời. Hãy nhớ rằng, tất cả những mất mát đổ vỡ hoàn toàn có thể xảy ra bất cứ lúc nào, và để đối phó với tình huống đó thì trên đời chỉ có một người duy nhất đó là người chánh niệm. Người không chánh niệm là hoàn toàn đánh mất khả năng đối phó, khả năng an lạc của họ hoàn toàn bị bỏ ngỏ. Đó là lý do tại sao sáng nay khi bắt đầu bài kinh này tôi nói với bà con là bài kinh này rất buồn ngủ, rất nhức đầu, rất tẻ nhạt nhưng nội dung lại bao gồm tất cả mọi sự ở đời, khi Ngài vạch trần ra cho chúng ta thấy thế giới này là 18 giới chứ chẳng là gì hết. Đó là cách nói của người lớn. Khi nói cho con nít mình nói con ăn kẹo nên răng con bị hư, con không tắm nên con bị ngứa, ngủ không được. Còn với người lớn, chỉ cần nói nhẹ nhàng thôi: "ủa sao thau đồ còn nằm ở cầu thang" là người nghe kia đã nghĩ ra một tỉ chuyện, thau đồ còn ở cầu thang nghĩa là chưa giặt, lỡ chiều nay cần đồ sạch mặc thì không có, phải mặc lại đồ cũ thì không dám đi đâu, tối nay có sinh nhật, đám cưới, cái áo vừa ý nhất đang nằm trong thau đồ dơ v.v... Trong trường hợp này Đức Phật chỉ nói gọn 18 giới, với một người có đạo tâm đạo căn là hiểu ý của Ngài muốn nói thế giới này vô duyên, tào lao như vậy đó, chỉ có 18 cái này chứ không có gì khác, và tu là quan sát nó, mình luân hồi vì sống chìm đắm trong nó, mình tu Tứ Niệm Xứ là tỉnh táo trong nó và để cuối cùng mình lìa bỏ nó. Đừng ham nghe nhiều, nghe bao nhiêu đó mà nhớ kỹ là nhiều lắm rồi. Tôi từng tham dự bữa ăn tám món mà khi về vẫn đói vì không có món nào nuốt được. Nhưng có lần một bà Miến Điện ở bên Thụy Sĩ mời tôi về nhà cho ăn cà ri, mới vô tôi thất vọng thiệt, thấy bả dọn chỉ có một món một, nhưng phải nói là đó là tô cà ri ngon nhất trong cuộc đời tôi được ăn. Một tô một mà no tới chiều vì có nước cốt dừa, cà ri ăn với spaghetti. Kể cho bà con nghe mà tôi đói bụng. Mì Ý có nhiều loại, bả lấy loại cọng tương đối vừa, luộc cho mềm rồi chan cà ri lên, ngon không tưởng tượng được. Tôi không nói buổi giảng sáng nay là hay, nhưng buổi giảng sáng nay là cần thiết, và đó chính là tô cà ri ngon mà tôi muốn gởi cho bà con. Ok. Hẹn gặp lại nhau ngày mai.

Bài giảng ngày 17-01-2015 Ôn lại các kinh ngày hôm qua một chút.

Do có giới sai biệt nên mới có xúc sai biệt, do có xúc sai biệt nên mới có thọ sai biệt. Mình từng học giáo lý Duyên khởi rồi, nên đọc cái này là hiểu ngay Ngài đang nhắc lại giáo lý Duyên khởi. Giới sai biệt là do mình có dục ái, cho nên mới có đủ sáu căn. Từ đó mới có xúc. Xúc là sự gặp nhau giữa căn, cảnh và thức.

Chiều sâu của bài kinh này là tùy thuộc vào phiền não của mình, căn cơ của mình mà mình có mặt nào trong cảnh giới nào trong ba cảnh Dục, Sắc và Vô sắc giới. Có hai lý do mình có mặt ở cõi Dục giới nói chung và luân hồi nói riêng: phiền não và tâm nguyện. Chư Phật luôn luôn ra đời ở cõi Dục. Trước khi thành Phật một phút, Ngài vẫn còn là phàm. Sở dĩ Ngài phải sanh ở cõi Dục, nhất là cõi Người vì ở đây Ngài có đủ điều kiện để hoằng pháp. Trong thân xác nhân loại Ngài có những trải nghiệm không thể có nếu mang thân chư thiên. Không thể so mình với Ngài được, vì hạnh nguyện thành Phật Ngài mới có mặt ở đây. Về mặt kỹ thuật, khi muốn sanh ở cõi này thì vị đó cũng phải có cái thích trong Dục, bởi khi bắt đầu một kiếp sống (trừ cõi Vô tưởng) thì Tâm đồng lực đầu tiên của kiếp sống phải là Tâm tham. Trong kinh mô tả giống như con khỉ từ nhánh này đi nhánh kia thì khi tay này rời nhánh A thì tay kia chụp nhánh B. Mình cũng vậy, khi tái sanh từ cõi này qua cõi khác thì loạt tâm xuất hiện đầu tiên – tâm nhân, đó là tâm tham. Bồ tát từ cõi trời Đâu Suất xuống cõi Người thì bảy Tâm đồng lực đầu tiên trong đời phải là tâm tham trước, chụp cảnh giới này trước cái đã. Ngài ở trong cõi Dục là do hạnh nguyện, chớ khả năng của Ngài là có thể đắc chứng thiền định Vô sắc, những chuyện thần thông đối với Ngài là chuyện nhỏ. Giống như mấy ông kỹ sư nông nghiệp khi cần thì cũng xắn quần nhảy xuống ruộng, nhưng không thể vì vậy mà tưởng mấy ổng cũng như nông dân không biết chữ. Chuyện nhảy xuống ruộng có hai trường hợp: hoặc là vì công việc, hoặc vì hoàn cảnh sống. Có mặt ở cõi Dục cũng vậy, hoặc do hạnh nguyện, hoặc do phiền não. Đây là lý do vì sao có khái niệm thị hiện, hiểu đúng thì cũng hay lắm chớ không phải dở, nhưng có người lại hiểu quá xa. Họ cho tất cả những chuyện tào lao trong lúc còn phàm trước khi thành Phật là do thị hiện. Có hai cách hiểu, một đúng một sai. Hiểu đúng là nếu Bồ tát Thích Ca Mâu Ni cách đây 4 a-tăng-kỳ nếu không có lòng nguyện thành Phật thì Ngài dư sức trở thành vị A-la-hán, lục thông tam minh, tứ tuệ phân tích, vô ngại giải. Nhưng vì đại nguyện cưu mang chúng sinh nên Ngài không có chứng quả được mà tiếp tục luân hồi thêm 4 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Đại kiếp là tuổi thọ của một trái đất, vô số tỷ năm. a-tăng-kỳ là 10140 đại kiếp. A-tăng-kỳ có hai nghĩa, một là con số, hai là đơn vị

thời gian. Giả định một thùng vuông mỗi cạnh là 11 cây số, đựng đầy hột mè, một trăm năm lấy ra một hột, lấy khi nào hết số mè đó thì gọi là a-tăng-kỳ năm, a-tăng-kỳ lúc này mang nghĩa là đơn vị thời gian. Còn nói Bồ tát tu hành 4 a-tăng-kỳ 100 ngàn đại kiếp thì a-tăng-kỳ đây là con số. Giống như chữ "năm" (số 5/ hoặc là 'year'). Vì đại nguyện Phật quả cho mình, tế độ chúng sinh, tế độ quyến thuộc mà Ngài phải đi thêm chặng đường dài thăm thẳm. Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên muốn trở thành hai vị Chí thượng Thanh văn, phải trải qua thời gian 1 A-tăng-kỳ, 100 ngàn đại kiếp. Để trở thành Phật Độc Giác thì phải trải qua 2 A-tăng-kỳ, 100 ngàn đại kiếp. Muốn trở thành Phật Chánh Đẳng Chánh Giác hạnh trí tuệ thì phải trải qua 4 A-tăng-kỳ, 100 ngàn đại kiếp, hạnh đức tin thì phải gấp đôi: 8 A-tăng-kỳ, 100 ngàn đại kiếp, hạnh tinh tấn thì phải 16 a-tăng-kỳ và 100 ngàn đại kiếp. Tại sao trên đời này có những người chịu siêng chịu khổ như vậy, ít nhất vì hai lý do: 1. Lòng tha thiết với chúng sinh chẳng hạn như Bồ tát Chánh Đẳng Giác. 2. Có những chúng sinh có khuynh hướng tâm lý không cho phép họ chọn cái gì nhỏ ít, đơn giản. Trong đời thường, có người có khả năng mua tám cái nhà nhưng họ lại thích ở cái nhà rất nhỏ, đơn giản, thậm chí ở nhà thuê và để tiền trong bank. Có người thì thích ở nhà rộng. Có ông tỷ phú Mittal của Ấn Độ, bỏ ra một tỷ hai để cất cái nhà ở Mumbai. Có người thích đổ tiền ra để sưu tập cổ vật hoặc tác phẩm nghệ thuật, có người thích quăng bạc tỷ để làm từ thiện nhưng có người thích quăng tiền ra để đi Macau, Monaco hay Las Vegas để đánh bài. Có người thì tha thiết cầu đạo giải thoát vô sanh bằng cách nào nhanh nhất ngắn nhất thì họ chọn con đường đó. Nhưng có người không như vậy, họ cũng cầu đạo giải thoát, họ không hợp với việc đi nhanh, đi, đi một mình; trước khi Niết bàn họ phải là một đại nhân vật trong vũ trụ này. Chuyện mình có mặt trong cõi Dục cũng là hai lý do: phiền não và tâm nguyện. Tôi có một câu thần chú để dành sống đời, hành đạo, đó là "Thấy vậy mà không phải vậy", thấy người ta như vậy nhưng chưa chắc người ta giống mình, đó là trong đối nhân xử thế. Trong bất cứ tình huống nào đó cũng nhắc mình cẩn thận "Thấy vậy mà không phải vậy". Trong phiền não, vật dục, sắc thanh khí vị xúc cũng luôn nhớ câu này, coi chừng nghen, thấy vậy mà không phải vậy. Tới lúc tu tập thiền quán, thấy danh sắc, hơi thở ra vô, thấy bất tịnh, cũng nhớ niệm "Thấy vậy mà không phải vậy". Hành giả chứng đắc A-la-hán cũng nhờ cái câu "Thấy vậy mà không phải vậy". Tình huống nguy cấp cũng nên nhớ câu này.

Toàn bộ đời sống con người chỉ là sự hiện hữu của 6 căn, chỉ là quá trình làm việc của 6 căn. Buồn vui, khổ lạc, thiện ác cũng ở 6 căn.

Vô minh trong Tứ Đế là do không thấy mọi hiện hữu là khổ. Không thấy gốc của khổ là 6 ái. Không thấy được rằng chỉ có chấm dứt sanh tử mới là chấm dứt khổ rốt ráo. Khi khổ thì đi tìm kiếm những cứu cánh mơ hồ, viễn mộng, muốn sanh về cõi này cõi kia hoặc đi tìm trò hề nào đó để giải trí, tìm đến cứu cánh thoát khổ nằm ngoài Niết bàn do không hiểu Diệt đế là gì. Không biết Đạo đế, khổ quá mà không biết cách nào hành trì để sống cho hết khổ cứ vùi đầu trong bất thiện trong ác pháp, thế là cứ khổ triền miên dai dẳng. Đức Phật xác nhận rõ là do 6 dục mới có 6 căn, từ 6 căn mới có 6 xúc, từ 6 xúc mới ra 6 thọ, kinh này là toàn bộ nội dung của Tam Tạng, là toàn bộ nội dung chứng đắc của chư Phật ba đời mười phương.

Những giác quan luôn sẵn sàng để làm việc, tu Tứ Niệm Xứ là không để 6 căn đi kiếm 6 trần mà phải quan sát trong trường hợp không tránh được. Những bài kinh này nói về bản chất của thế giới và nói về đời sống của chúng ta, và cũng là mấy bài kinh trình bày về Tứ Niệm Xứ một cách không thể hay hơn dù những bài kinh này không hề nhắc về Tứ Niệm Xứ. Nếu có học Tứ Niệm Xứ thì mình sẽ nhớ, thì ra khi ta có chánh niệm thì ta hạn chế 6 xúc; khi ta hạn chế 6 xúc thì có nghĩa ta đang hạn chế 6 thọ; khi ta đang kiểm soát được 6 thọ thì ta kiểm soát được 6 ái; kiểm soát được 6 ái thì cũng kiểm soát được 4 thủ; kiểm soát được 4 thủ có nghĩa là kiểm soát được 2 hữu, cứ như vậy.

Tùy theo căn cơ, khuynh hướng tâm lý mà mỗi người có cái đam mê, có cái ghét riêng và nếu tu hành thì cũng có kiểu tu khác nhau. Có người tu hành nhờ lỗ tai rất là nhiều, có người dùng con mắt rất là nhiều. Có người khoái tụng niệm, có người khoái ngồi thiền, có người khoái nghiên cứu kinh điển, có người ở đâu cũng tu được nhưng có người phải rừng sâu núi thẳm hoang vắng cheo leo mới tu được. Có người trí tuệ siêu quần, đức tin Phật pháp ngàn trùng, giới hạnh thanh tịnh, cái gì cũng điểm mười nhưng lại khó khăn trong vấn đề ăn uống. Tôi có tiếp xúc với một vị như vậy, có người chạy làng Miến Điện chỉ vì nóng quá chịu không nổi, có người vì nuốt đồ ăn không vô, có người vì họ không chịu được dơ. Bà con ở đây ai mà đi Miến Điện chắc biết Hòn Đá Vàng, cảnh ở đó đẹp lộng lẫy, mùa nóng mà ở đó mát lạnh như Sapa, Đà Lạt. Chỗ đẹp như vậy, tâm mình là tâm phàm, chỉ cần đến đó là tâm nghe tịnh liền, cảm nhận như chư thiên lảng vảng rất đông. Nhưng phía sau núi là một đống rác mấy trăm ngàn tấn. Người Miến Điện ở dơ không chịu nổi, họ bắt mình phải đi chân không. Tôi đi chân không đạp vũng nước là tôi rùng mình. Mỗi người có cái kỵ. Mang tiếng là có 6 căn giống nhau nhưng mỗi người có cái thích khác nhau, cái ghét khác nhau và vì vậy tu hành cũng khác nhau. Hôm nay trong từng ngày chúng ta suy nghĩ cái gì,

hành động ra sao, những cái đó ảnh hưởng rất lớn trong việc quyết định mai này chúng ta sẽ luân hồi kiểu gì, đi về cảnh giới nào, thích cái gì, ghét cái gì. Ví dụ gieo nghiệp làm giàu thì mai này thích phân người. Ngay bây giờ quí vị không tin, nhưng do hành động của mình ngay bây giờ đã tạo ra cái nghiệp làm con dòi, mai này làm con dòi rồi thì sẽ thích ăn phân, ăn xác chết phân hủy. Mình thích ghét cái gì là do ba nhân: tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, hoàn cảnh hiện tại. Mang tiếng đến Miến Điện chớ có người đến để hành hương, có người đến để mua tượng Phật, lụa là, có người đến để hành thiền, có người đến để nghiên cứu Phật pháp. Có người đến thì thích truyền thống Mahasi, có người thích U Pandita…, mỗi truyền thống thì lại khác nữa, có người thích thiền sư A chứ không thích thiền sư B, có người ăn dở chịu không được, có người trời nóng chịu không được, những sai biệt đó là do 6 căn của họ. Điều quan trọng nhất của người tu Phật là chỉ nên kỵ một thứ, đó là cái gì bất thiện, thêm nữa là cái gì ảnh hưởng đến mạng sống thì nên kiêng. Kỵ nhiều quá thì khó tu, ghét cái này thích cái kia quá thì chỉ sống với phiền não thôi. Cái mình tưởng là ghê gớm, là thị hiếu, là dị ứng, thì Đức Phật nói: Vì dục sai biệt nên các dẫn đến căn sai biệt, các căn sai biệt nên dẫn đến xúc sai biệt, xúc sai biệt dẫn đến thọ sai biệt, thọ sai biệt dẫn đến ái sai biệt, dẫn đến khuynh hướng tâm lý sai biệt, hạnh nghiệp sai biệt. Hạnh nghiệp sai biệt dẫn đến cảnh giới tái sanh sai biệt, dẫn đến sở thích sai biệt, thế là cứ tiếp tục vòng vòng (saṃsāra), ngựa quen đường cũ. Tu hành là giang sơn thu về một mối bằng chánh niệm, tức là ngồi yên quan sát. Không để mình bị những thứ sai biệt điều khiển nữa.

Tôi nhớ câu chuyện có ông thiền sư nghe nói là đã đắc đạo, nhiều người kính phục lắm và cũng nhiều người ghen ghét muốn thử. Tám ngọn gió đời không nghĩa lý gì với vị này. Một ngày kia đang ngồi nói chuyện với khách, đệ tử có chuyện gấp chạy vào. Chỗ thiền sư tiếp khách là tấm thảm đắt tiền, đệ tử thì chân dính toàn sình, miệng thiền sư thì nói chuyện mà mắt thì nhìn chân đệ tử. Khách là một pháp sư, hỏi một câu vừa thử, vừa thách: Bát phong bất động, chỉ có bàn chân dính sình mà lòng không yên. Vậy có phải là thánh hay không.

Từ câu chuyện trên, tôi nhớ câu chuyện thứ hai, tôi ở Đức một mình, thỉnh thoảng cuối tuần tôi chạy về Thụy Sĩ, cô Phật tử khoe mua được bắp cải ngon, tới giờ cổ hành thiền nên tôi nói cổ đi vô để tôi nấu, cổ đi rồi quay lại nói muốn hành thiền nhưng sợ tôi nấu hư mấy cái bắp cải của cổ. Tôi nói cái tâm của cổ quan trọng hơn mấy bắp cải, nấu hư thì tôi ăn chớ đâu phải cổ ăn, miệng nói hành thiền nhưng sợ hư bắp cải. Khi hành thiền thì quan sát danh sắc, để thấy rằng nó là vô thường, khổ, vô ngã, nhưng tôi đoán chắc cổ vô ngồi thiền mà niệm toàn bắp cải.

Thì ra mỗi người đều có cái nhược. Tôi còn nhớ một chuyện nữa là cái thời trước năm 89 lúc khối Đông Âu chưa rã, bên Bulgaria (Bulgaria là xứ kẹo nổi tiếng, dân Gabrovo đó) có ông cán bộ đang đi có chuyện gấp, cần người ta khiêng đồ cho ông. Ông thấy có một anh nông dân gánh rơm trên đường, ông nói với anh nông dân: Gánh rơm này trị giá bao nhiêu. Anh nông dân nói 5 kopeck. Ông cán bộ nói, tôi trả ông 7 đồng, ông khiêng đồ giùm cho tôi. Anh nông dân mừng quá, nhưng khi đi rồi thì con mắt anh cứ nhìn gánh rơm hoài. Đi mà cái lòng không yên. Ông cán bộ hỏi, nhìn gì vậy. Anh nông dân nói tiếc gánh rơm. Ông cán bộ nói tôi trả 7 đồng mà sao còn tiếc. Anh nông dân nói anh phải gom góp rất lâu, giành giựt mới được mớ rơm đó, giờ bỏ như vậy tiếc quá. Câu chuyện nghe qua không quan hệ gì với bài học, thật ra rất quan hệ. Cái tâm của mình luôn luôn kiếm cái gì để nó thích, luôn luôn kiếm cái gì đó để nó ghét, luôn luôn kiếm cái gì đó để nó bị ràng buộc, bị giam bị nhốt. Sáng nay tôi gom một lúc ba bốn bài kinh để giảng chung một đề tài đó là chúng ta do dục sai biệt nên mới có các căn sai biệt, có đủ 6 căn. Từ chỗ có đủ 6 căn nên mới có 6 xúc, 6 thọ, 6 ái, 4 thủ. Và cũng từ chỗ có những sai biệt này nên mới dẫn đến cảnh giới tái sanh sai biệt. Khi lọt vô cảnh giới sai biệt thì lại bắt đầu một vòng tròn mới. Do nghiệp sai biệt nên mới dẫn đến sở thích sai biệt, điều ghét bỏ sai biệt, điều kiêng kỵ sai biệt. Do cái ghét cái thương sai biệt nên mới dẫn đến những hành động không giống nhau. Có người do thích cái gì đó, ghét cái gì đó mà hướng tới hành động nào đó. Có một chuyện tôi ngán ngẩm vô cùng, đó là thí dụ bản thân mình không lo chuyện ăn, mặc, ở. Mình ở một mình mình bao nhiêu tuế toái trong lòng đã giải quyết không nổi rồi, mà sao tới tuổi nào đó người ta nghĩ đến hôn nhân. Đi ra đường thấy người ta đẩy xe con nít tôi thấy ngán muốn chết. Tôi chỉ biết dịch kinh, dạy học thôi, dịch kinh khó hơn thay tã con nít chớ, nhưng mà giờ kêu tôi thay tã tôi không biết làm sao. Tôi nghĩ, đẩy xe như vậy mà nó khóc đòi thay tã thì làm sao. Vậy mà cứ đến tuổi thì kiếm thêm người về cho rắc rối, tại sao lại như vậy, đó là vì sở thích sai biệt. Một người tu mà quá nhiều bận rộn, phải lo cho đệ tử, lo cho chùa, lo cho đạo tràng, tổ chức lễ lạt, tôi nói thiệt, tôi xin cúi đầu kính phục sự hy sinh vô bờ bến của các vị, nhưng phải nhìn nhận là mình ngán giùm. Một người xuất gia phải bận rộn lăng xăng vậy thì ngán quá, sợ người này buồn, sợ người kia giận, phải alo dàn xếp, năn nỉ, giải thích, trấn an phủ dụ đủ điều. Sung sướng thay một người sống chánh niệm, không có gì bận rộn. Cuộc sống khổ một điểm, khi người ta sướng người ta không biết. Khi tôi về Miến Điện, thấy những ông Tây bà Đầm đi nhẹ nhàng thanh thản, chạm mặt chào lịch sự dễ thương, tôi nhìn mà không biết họ có biết họ đang may mắn hạnh phúc không, trong khi ở những nhà ga metro buổi sáng ở London, New York, Tokyo người ta phải bôn ba tất tả

một nắng hai sương. Vậy mà bằng cách nào đó mấy ông Tây bà Đầm lại có mặt ở đây, không chồng, không vợ, không con cái nhà cửa gì hết, họ chỉ nhìn những gì diễn ra trên tay, trên chân của họ. Tay đang làm gì, chân đang bước hay đang đứng, biết rõ mình đang thở ra thở vô. Khổ nỗi người thích điều này không nhiều, họ thích lăng xăng, họ thích khổ rồi đưa ra cả ngàn lý do, lý do nào cũng làm mình ngã mũ kính phục. Họ nói sống phải có trách nhiệm, ai cũng khép cửa tu hành thì ai xây thiền viện này, ai làm thiền sư, ai nấu cơm nấu nước cho thiền sinh ăn. Họ nói hay lắm, cuối cùng thì họ đứng bên ngoài thiền viện, ngồi bên ngoài thiền thất.

Do có sở thích sai biệt dẫn đến hành động sai biệt, cảnh giới sai biệt và nếu mai này đủ duyên chứng thánh thì kiểu tu hành của mình cũng là tu hành sai biệt. Có người tu hành đắc thánh nhờ cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị, cảnh xúc, cảnh pháp và trong cảnh sắc cũng khác nhau, có người thành thánh nhờ thấy cảnh tốt, thấy Phật, thấy hoa nở, thấy trời xanh nắng vàng. Có người thành thánh nhưng thấy cái gì xấu như lá vàng, người bệnh, xác chết. Trong Tăng Chi Bộ kinh, Đức Phật dạy, có những người tu tập dễ mà đắc nhanh, có người tu dễ mà đắc chậm, có người tu khó đắc nhanh, có người tu khó đắc chậm. Tu khó đắc nhanh là như thế nào?

Khó ở đây là những đề mục khó gặm, khó nuốt khó nhìn như đề mục tử thi, thể trược, quán tưởng vật thực.

‘asubhasanna’: bất tịnh quán; ‘ahare patikulasanni’: quán vật thực đáng gớm; ‘kayagatasati’: 32 thể trược.

Những người đắc đạo từ những đề mục trên gọi là tu khó. Đắc nhanh hay chậm thì tùy người, bởi có người đức tin mạnh, có người tín, tấn, niệm, định, tuệ mạnh. Lúc đắc quả thì năm quyền cân bằng, nhưng ngoài phút đó ra thì mỗi người mạnh yếu khác nhau, có người đức tin mạnh trội hơn những cái khác, có người định mạnh trội hơn, có người niệm mạnh trội hơn, có người trí tuệ trội hơn những cái khác, là vì kiểu tu hành trong tiền kiếp khác nhau. Có kiểu tu hành khác nhau là do tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý và môi trường sống. Ví dụ do tiền nghiệp mà bây giờ tôi về Miến Điện, quí vị cũng về Miến Điện, đó là giống nhau, nhưng do tiền nghiệp đẩy tôi ở trên Kayah còn quí vị ở Yangon. Ông thầy của tôi chủ trương tu thiền Chỉ trước, tu Quán sau, còn ông thầy của quí vị tập trung thiền Quán thôi. Ông thầy của thằng Tèo coi nặng vấn đề sinh hoạt đại chúng, cái gì cũng chung, chỗ ở của thiền sinh gần như tập trung, ông thầy của thằng Tý thì coi

nặng sinh hoạt cá nhân, mỗi ngày một tiếng cho trình pháp, còn lại thì thả hổ về rừng. Có ông thầy thì bắt phải giỏi A-tỳ-đàm trước rồi mới tu thiền Quán sau, còn có ông thầy thì bảo phải vô đây với cái đầu như tờ giấy trắng, chén trống thì mới rót nước được, chén đầy thì không rót được, nói cũng hay, cuối cùng ổng nhận toàn mấy thằng dốt không. Lý do là vì ông thầy cũng là một khối sai biệt mà hành giả cũng ôm một khối sai biệt. Những sai biệt này gặp nhau trên đường đời hoặc đường đạo. Sáng nay nói nhiêu đó cũng quá sức mệt rồi, quí vị đừng ham nghe nhiều, bao nhiêu đó quí vị nghe kỹ là cũng đủ lợi lạc cho một tuần lễ chứ đừng nói một ngày. Quí vị cứ nhớ hoài những điều sáng nay tôi nói: Do vô minh trong Bốn Đế nên dẫn đến ba Hành, đó là nguyên tắc chung, nhưng kiểu vô minh mỗi người khác nhau một chút nên đầu tư trên ba Hành cũng khác nhau một chút, đó là sự sai biệt. Chính vì ba Hành khác biệt một chút nên dẫn đến Thức khác biệt một chút. Ba Hành dẫn đến 32 Tâm quả hiệp thế, từ đó dẫn đến 19 Tâm Tái tục. 19 Tâm tái tục này, cái thì dẫn đi cõi này, cái thì dẫn đến cõi kia khiến xui cho mình đủ hoặc không đủ 6 căn. Chính sự sai biệt trong Tâm tái tục dẫn đến sai biệt trong 6 căn. Chính sự sai biệt trong 6 căn mới dẫn đến sai biệt trong 6 xúc, 6 thọ, 6 ái, dẫn đến sai biệt trong 4 thủ, 2 hữu…. trong chuyện tái sinh và vòng tròn lặp lại lần nữa. Cứ như vậy đó, sở thích sai biệt, khuynh hướng tâm lý sai biệt dẫn đến hạnh nghiệp sai biệt, hạnh nghiệp sai biệt tiếp tục tạo ra những điều kiện môi trường hoàn cảnh sống sai biệt để cho mình gặp hôn sư ác hữu hay minh sư thiện hữu. Tại sao mình lại sanh ra trong thời kỳ có chánh pháp mà mình lại là người tà kiến, tại sao mình sanh ra trong thời kỳ có chánh pháp mà mình lại có chánh kiến, tại sao mình là người có chánh kiến gặp Phật pháp mà mình lại không có điều kiện để tu tập thiền quán, tại sao những người có điều kiện tu tập thiền Quán nhưng lại có người trục trặc về gia đình, trục trặc về tâm lý, trục trặc về sức khỏe?

Đó là do sai biệt, sai biệt này do từ tiền nghiệp, tiền nghiệp này do vô minh trong Bốn Đế dẫn đến 3 Hành…

Giả dụ tôi và quí vị cái gì cũng giống nhau được làm người Miến Điện, có đức tin Phật pháp, được hành thiền học đạo giống nhau nhưng làm sao giống nhau khi hai vị pháp sư Tam tạng khác nhau, hai vị đó chỉ thuộc lòng Tam tạng giống nhau chứ còn trong đầu hai vị đó cứu cánh lý tưởng khác nhau. Có một chuyện cảm động, có một vị hiện giờ còn sống bên Miến Điện, ngài là một người kém trí nhớ nổi tiếng luôn, bạn bè đồng song đều biết ngài nhớ rất dở, học chậm, nhưng ngài có sự tinh tấn vô bờ bến và không ngại ngần xác nhận ngài có đại nguyện trở thành vị Chánh Đẳng Giác. Ngài nói thời gian trở thành Phật lâu như vậy không ngại sao ngại thời gian học Tam tạng, thế là ngài dùi mài, ngài nói ngài học gấp

đôi gấp ba gấp năm gấp tám người ta thì ngài cũng thuộc. Vị ấy giờ đang ở Miến Điện, thuộc lòng Tam tạng mà bằng sự tinh tấn là chủ yếu, dù bạn bè đều biết ngài nhớ rất dở, ai cũng ngao ngán, nhưng ai cũng cúi đầu ngả nón trước khả năng tinh tấn của ngài. Đó là do khuynh hướng sai biệt. Khuynh hướng sai biệt, dục sai biệt, ái sai biệt, kiến sai biệt, trí sai biệt, thiện pháp ác pháp nói chung đều sai biệt nên dẫn tới hạnh nghiệp sai biệt, cảnh giới tái sanh sai biệt; kiểu tu hành của từng người cũng khác nhau, tới lúc chứng ngộ rồi mới giống nhau chứ lúc đứng bên thềm giác ngộ cũng khác nhau. Trừ chư Phật Chánh Đẳng Giác ra thì ngay cả Độc Giác và Thanh văn giác, trong trí chứng ngộ thì giống nhưng đời sống sau khi chứng ngộ thì khác. Có vị thích ẩn cư, có vị thích dấn thân hoằng dương độ chúng. Vì vậy, mỗi ngày từng phút từng giờ bà con hãy nhớ từng hành động lớn nhỏ, câu nói, suy nghĩ của mình sẽ góp phần quan trọng cho đời sống và cuộc tu của mình trước mắt và mai này. Cùng là nhân loại, cùng biết Phật pháp, cùng được gặp Phật, cùng được xuất gia nhưng có những khác nhau, do tiền nghiệp; cái khác đó dễ chịu hay khó chịu tùy phước mỗi người. Như ngài Angulimala, sức khỏe của ngài khác người ta, trong kinh nói sức chạy của ngài tương đương bốn con ngựa, trong khi có vị như tỳ kheo Tissa thì bệnh trầm kha, cũng chứng quả A-la-hán nhưng phải ra đi trong sự đau đớn. Ta hành động ra sao chính ta là kẻ kế thừa những thứ ấy, dĩ nhiên là nói theo khía cạnh tục đế thôi, chớ chân đế thì không có gì của ta hết. Những gì mình nói, làm, suy nghĩ bây giờ sẽ tạo ra đời sống trong tương lai của mình, đời sống đó thế nào tùy thuộc vào những khía cạnh trong đời sống hiện tại. Hẹn lại bà con ngày thứ Ba.

Bài giảng ngày 22-01-2015 KHÔNG PHẢI NHƯ VẬY

Có một loạt kinh chỉ cần nghe giảng một bài là hiểu được những bài kinh còn lại. Ở đây có bài Đức Phật giảng 18 giới, có bài chỉ 6 giới. Kinh tiếp theo sáng nay mình học là Kinh Không Phải Như Vậy, Ngài xác định giới sai biệt dẫn đến tưởng sai biệt, tư duy sai biệt, dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt. Giới ở đây là 6 hoặc 18. Khi nãy bắt đầu vô buổi giảng có nghe bà con mở lại băng giảng hôm qua nói đến chỗ này, tức là tôi đã nhắc qua chỗ này rồi. Nói 18 ở đây có nghĩa là 6 căn, 6 cảnh, cộng với 6 thức, còn nói 6 thì chỉ nói 6 căn. Nói rộng là nói 18, nói gọn là nói 6, ý nghĩa tương đương nhau. Toàn bộ đời sống của chúng sinh chỉ quẩn quanh trong 6 căn. Có người nặng về cái nhìn, có người nặng về cái nghe, có người nặng về ngửi, nếm, đụng, suy nghĩ… có người nặng hai thứ, ba thứ, có người nặng cả sáu thứ. Cái thích cảnh sắc của tôi cũng không giống như cái thích cảnh sắc của quí vị. Quí vị thích mặc đẹp, tôi thì thích nhà đẹp, có người thích xe đẹp, có người thích nhan sắc đẹp, có bao nhiêu tiền thì bỏ ra đi thẩm mỹ, họ muốn môi đẹp, cằm đẹp, trán đẹp, da đẹp… Có người thì nặng cái bên ngoài một chút, họ muốn quần áo giày dép nữ trang đẹp. Có người coi nặng cái nhà đẹp, có người coi nặng thân thể đẹp. Chỉ riêng con mắt thôi đã khác nhau. Tai cũng vậy, có người thích nghe nhạc xưa, có người thích nghe nhạc nay. Trong nhạc xưa, nhạc nay thì cũng vô cùng đa dạng, mỗi người thích một kiểu. Mùi vị cũng vậy và xúc cũng vậy, mỗi người thì thích kiểu êm ấm khác nhau, người thích êm ấm trong phòng ngủ, người thích êm ấm trong phòng làm việc, người thì thích êm ấm trong áo quần, trang phục. Hễ mình còn phàm đặc biệt là sống trong cõi dục thì mình luôn luôn sống vùi đầu, ghim sâu cắm chặt trong sáu trần, mỗi người một sở thích khác nhau. Từ sở thích khác nhau dẫn đến có chỗ ghét, kỵ khác nhau. Kỵ này đi ra từ đâu?

Tôi cho quí vị một địa chỉ tuyệt vời, đó là Kinh Sanidassanasutta, Có Nhân Duyên, phẩm Giới Sai Biệt, Tương Ưng Bộ kinh. Chú giải của kinh này nói rõ chuyện tôi đang nói, lý do của việc ta ghét thứ này, kỵ thứ kia là do ta thích cái này cái nọ. Ba nhân duyên khiến ta thích ghét này nọ là tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống hiện tại. Đây là nói rộng, còn nói vô cốt lõi rốt ráo, là do tiền nghiệp, ví dụ tiền nghiệp đẩy mình vô cảnh giới nào đó làm con dòi, con dế, con trùn, con cá. Trong kinh nói những người bố thí xong rồi tiếc, đời sau sanh ra có không dám hưởng. Mỗi lần phải xài cái gì đó hơi đắt tiền, sang trọng quí hiếm một chút họ rất lấy làm khó chịu. Tôi đã gặp qua những trường hợp như thế này, họ giàu có vô cùng nhưng vì hoàn cảnh nào đó phải tiêu xài họ

khó chịu lắm, cái làm cho họ an tâm hạnh phúc sung sướng nhất là họ xài cái gì đó ít tốn kém, đồ hư đồ dỏm mà lòng họ yên, còn xài cái gì tốt hơn thì họ không yên. Phần nữa là do khuynh hướng tâm lý. Quí vị đã học rồi, một lần vua Pasenadi đi hầu Phật và thưa hôm đó vừa đi tịch biên gia tài một ông triệu phú, vô cùng giàu có nhưng lại sống như ăn mày. Đức Phật dạy, ông ta giàu vì do đời trước có bố thí cho một vị Phật Độc Giác, nhưng cơ cực vì cho xong rồi tiếc. Thứ hai là do khuynh hướng tâm lý ông ta bỏn xẻn. Ông này không bị môi trường, nhưng người khác thì do môi trường. Nhiều khi tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý mình không đến nỗi tệ nhưng môi trường sống và người thân cận khiến cho mình thích cái này ghét cái kia. Đức Phật nói chiều sâu rốt ráo lý do mình có cái ghét là bởi có cái thích. Mình ghét cái này cái kia là do mình thích cái này cái kia, và thích là do ba lý do đã nêu trên. Do có thích mới sanh ra ghét. Khi ta thích cái êm ấm thì tự nhiên phải ghét cái gì không êm ấm. Thích ăn ngon thì tự nhiên không thích cái gì không ngon. Bậc thánh không thích cái gì nên không ghét cái gì. Quí vị thích cái người vui tính thì tự nhiên gặp cái người cộc cằn mình không chịu nổi. Có cái thích thì tự nhiên sanh ra cái ghét, còn không quan tâm cái gì thích thì cái ghét tự động giảm đi hoặc không có nữa. Nếu quí vị bực mình nhiều quá tức là đang có nhu cầu gì đó. Ví dụ nói tu hành là tránh chỗ ồn; tránh khác với ghét. Xét về mặt kỹ thuật, thiền định mà ở chỗ ồn không thích hợp thì mình kiếm chỗ vắng chớ không phải mình ghét. Trong kỹ thuật thiền Quán, ta không nên có thái độ kình chống cái khổ, cái khó chịu mà chỉ lặng lẽ quan sát chúng. Thông thường, người không có tu học, lắng nghe trong thân trong tâm của mình có cái gì bực thì nhiều khi làm cho lớn chuyện. Chỉ là tê, mỏi, nhức một chút, mình lặng lẽ quan sát, hoặc nhắm chịu không nổi thì mình thay đổi oai nghi cho nhẹ nhàng; nhưng không, mình sợ nó, mình ghét nó, mình chạy trốn nó, đây là một thái độ tâm lý không nên có ở một hành giả. Đối với một cái khổ mà mình có tâm lý kình chống hay trốn chạy nó thì cái khổ được nhân đôi, nhân ba, nhân năm nhân mười, bành trướng theo cấp số nhân. Trong khi đó, chỉ cần nhìn thấy nó là nó thôi. Tôi đang nói về mặt lý thuyết thôi, chứ còn để làm được điều này cần phải có thân chứng và thể nghiệm. Mình càng chống nó nghĩa là mình càng tô đậm nó. Tôi lại nhớ câu thơ của Phạm Công Thiện, "Pari chiều nay nhân loại ngủ, em đi đi và nhớ quên anh". Câu này nghe kỳ nhưng rất sâu, kêu người ta nhớ mua giùm chai nước, bao gạo thì có lý, chớ còn dặn người ta nhớ quên mình thì sẽ lại càng nhớ thêm. Có câu chuyện này tôi đã kể nhiều lần, một hành giả hỏi thiền sư thế nào là vọng tâm, thiền sư đưa cho hành giả tờ giấy trắng và bảo cứ tối nay cứ nhìn vô tờ giấy trắng này, được quyền suy nghĩ mọi chuyện nhưng nhớ một điều là không được quyền nghĩ tới con khỉ, đó là điều đại kỵ. Sáng sớm hôm

sau hành giả kiếm vị thiền sư và nói rằng nếu hình ảnh con khỉ không nên nhớ thì ngài đừng nhắc tới, suốt đêm hôm qua cứ nhìn tờ giấy là con thấy con khỉ nhảy lăn tăn trên đó. Khi cố quên là lòng càng nhớ thêm là vậy đó. Nếu thấy không hay không đẹp thì thầy đừng nhắc, kể từ khi thầy dặn con thì con không cách chi quên được con khỉ. Vọng tâm là chỗ đó. Hễ muốn quên thì phải bôi xóa chớ mắc gì tô đậm thêm cái khổ. Khổ thọ xảy đến cho hành giả cũng vậy, không coi nặng thì tự động nó đi mất, đam mê chạy theo nó là một cách tô đậm đã đành rồi, nhưng ghét nó cũng là một cách để mà tô đậm nó. Có người, cha mẹ chết rồi họ không dám giữ kỷ vật, cho được thì cho, bỏ được thì bỏ, bán được thì bán, bán tống bán tháo không dám giữ, có người do quá thương nhớ nên giữ lại không dám bỏ cái gì hết. Cả hai người đều có lý hết nhưng quí vị biết là cái nào tốt rồi.

Loạt kinh này nói tất cả những gì mình ghét là do mình thích cái gì đó, càng ham vui thì càng chịu khổ, càng thích vui chừng nào thì khả năng chịu khổ càng ít chừng đó. Khi ai hỏi làm sao để sống an lòng giữa thị phi, chúng ta chỉ nên trả lời một câu: Bớt thích khen thì vững lòng trước cái chê. Không thể nào trên đời có chuyện một người khoái khen lại có thể vững lòng khi bị chê. Không có chuyện một người mê ngọt mà vững lòng khi gặp đắng cay. Con nít gặp đắng cay thì khóc bởi vì nó dành cho cái ngọt bằng tất cả tình cảm tuyệt đối mù quáng và cuồng tín, còn người lớn thì đã chuẩn bị tâm lý rồi. Con nít mà bị sốc thì chịu không nổi, thích khen, thích được rờ đầu, khen giỏi, nếu mình nạt nó là nó mếu liền. Tôi biết một cậu bé năm nay 15 tuổi, má nó cứ khen nó hoài là thông minh. Tôi biết nó có cái nhược là nếu cuộc đời mà chê nó là nó chết điếng chịu không nổi. Ba má nó phải chịu trách nhiệm trong sự tình này của nó.

Do cái dục sai biệt, lúc thích cái này, thích cái kia trong sắc trong thinh, trong khí, vị, xúc mới dẫn đến lúc thì ghét cái này cái kia. Khi thì sống nhiều qua mắt qua tai, khi thì thích nhìn cái này, lúc thích nhìn cái kia, từ đó mới có chuyện ghét nhìn cái này, ghét nghe cái kia. Từ chỗ giới sai biệt (various sense) mới dẫn đến tưởng sai biệt (various perception). Tưởng ở đây tức là ý niệm (conception, perception). Do các căn sai biệt dẫn đến ý niệm sai biệt. Trong số những người thích nghe nhạc xưa, có người thích nghe hát chầu văn, quan họ, hát xẩm của miền Bắc, mái nhì, mái đẩy của miền Trung, cải lương của miền Nam. Ngay trong nhạc là đã muôn màu rồi, có người nghe nhạc thì liên tưởng đến ánh sáng chớp giựt, có người nghe nhạc thì mơ đến lũy tre ao làng, có người nghe nhạc nhớ thời sinh viên hẹn hò công viên ghế đá, có người nghe nhạc nhớ thời chinh chiến miền biên ải xa xôi có ta có thù, có hỏa châu đêm đêm rọi sáng một vùng biên giới, có người nghe nhạc nhớ một thời ở trại tị nạn xa xứ không biết bao giờ

trở lại, có người nghe nhạc để thèm có lại một buổi chiều mưa cùng với ai đó nơi hiên nhà hay gác trọ đâu đó. Chỉ riêng nhạc thôi, đã có tân nhạc cổ nhạc. Và thế giới người ta muốn trôi về đó cũng không giống nhau, chỉ riêng âm thanh mình thích, chưa kể âm thanh mình ghét. Có người sợ tiếng muỗng cạo đáy nồi, hoặc tiếng móng tay cào trên bảng. Mỗi loài động vật có tần số âm thanh khác nhau, con người mình cao nhất là 120 dB, nếu cao hơn nữa thì chịu không nổi nên về mặt kỹ thuật, mình đã bị những giới hạn, còn về khuynh hướng tâm lý thì giới hạn càng nhiều nữa. Có những cái mình nghe qua chỉ thấy buồn khổ, lo sợ, tạo ra nhưng liên tưởng hình dung mình không thích hoặc làm mình đắm đuối đê mê.

Tóm lại, do giới sai biệt dẫn đến tưởng sai biệt, từ tưởng sai biệt dẫn đến tư duy sai biệt. Tưởng ở đây là những khái niệm chính trị, văn hóa, xã hội, tôn giáo; kể cả khoa học, văn chương cũng đều là tưởng, khái niệm. Trong interior decor cũng vậy, quí vị vào trong Google gõ chữ "zen style" sẽ thấy trang trí nội thất có những cái mình không tưởng tượng được, có người thì thích cái phòng như tiệm bán đồ trang trí nội thất, có người muốn màu sắc diêm dúa, có người muốn gam màu chìm, rất thiền, rất dịu. Khái niệm về thẩm mỹ cũng là tưởng.

Do duyên sai biệt dẫn đến tư duy sai biệt, dục sai biệt, nhiệt tình sai biệt, tầm cầu sai biệt sanh khởi. Do ta sống nặng sống nhiều trong cái gì ở 6 căn 6 trần thì từ đó mới dẫn đến cách nghĩ thích hay ghét, dẫn đến những đường hướng suy tư khác nhau. Đôi khi thể trạng quyết định não trạng và tâm trạng. Ví dụ mình là người Phật tử, xưa mình thích mùi nước hoa này nước hoa kia, nhưng khi biết đạo rồi mình mới có nhu cầu đốt nhang, rồi lại nảy ra nhu cầu đốt trầm. Như hồi xưa tôi ở VN, tôi còn thích thêm mùi hoa lài, người ta xỏ xâu thành từng tràng. Bất cứ đi đâu nghe mùi hoa lài là tôi nhớ chùa miểu, nghe mùi trầm miếng cũng liên tưởng những buổi lễ ở chùa.

Cứ như vậy mà hiểu các kinh còn lại.

BẢY PHÁP NÀY (Sattadhatusutta)

Kinh này mà bà con không được nghe là đọc không hiểu. Kinh này Đức Phật nói đến những đề mục thiền Chỉ dành cho người tu nhanh. Ôn lại kinh Bốn Cách Hành Trì trong Tăng Chi Bộ kinh. Ngày hôm qua tôi thức khuya, tính là coi chú giải hết tất cả các kinh sáng dạy bù cho bà con nhưng lại quên vặn chuông đồng hồ. Coi nhiều rồi ngủ quên luôn.

"2) -- Này các Tỷ-kheo, có bảy giới này.

Thế nào là bảy?

Quang giới, Tịnh giới, Không vô biên xứ giới, Thức vô biên xứ giới, Vô sở hữu xứ giới, Phi tưởng phi phi tưởng xứ giới, Diệt thọ tưởng giới."

Chữ 'Tịnh' ở đây được dịch từ chữ 'subha', Sớ giải giải thích là Đẹp, không phải Sạch. Sớ giải ghi rõ 'subha' ở đây là 'suvanna' (đẹp) là cái gì đối lập với 'dubbanna' (xấu). Hồi đó đến giờ mình quen nói "đề mục bất tịnh" thật ra chữ 'subha' không có nghĩa là 'tịnh', mà là 'sạch' và 'đẹp', không hiểu sao trong Hán Tạng ngài Huyền Trang, Pháp Hiển, An Thế Cao, Cưu Ma La Thập không biết vị nào đầu tiên dịch chữ 'subha' là Tịnh. Người đầu tiên chọn nghĩa nào thì người đời sau cứ vậy mà dùng. Từ đó về sau có chữ 'bất tịnh'. Chữ 'asubha' dịch là 'bất tịnh' thì hơi kẹt, phải dịch là 'bất mỹ'. (Phải vào Tika của kinh này mới thấy điều tôi vừa nói).

Trong các đề mục tu thiền, có hai loại chính là đẹp và không đẹp (subha và asubha). Đối với người sơ cơ (trí chậm, biết ít) các đề mục được chia ra rất chi li, các đề mục bất mỹ như tử thi, tử thi mới chết, tử thi trương phình, tử thi bị đứt khúc từng phần. Thể trược gồm tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương... hoặc đề mục màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hoặc đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng, đề mục tứ đại v.v... Nhưng khi phải nói gọn thì thiền Chỉ (Samatha) chỉ là sự tập trung tư tưởng vào một hình ảnh nào đó, đẹp hoặc xấu. Ví dụ, hơi thở không phải là xấu, màu xanh màu vàng, màu đỏ, không có xấu.

Đức Phật dạy trong trường hợp nói về xấu thì gồm có những đề mục nào nhìn vô thấy khó chịu. Trong Tăng Chi Bộ giải thích, hành dễ là tu bằng những đề mục đẹp mắt, sạch sẽ, không gây khó chịu; hành khó là tu bằng những đề mục khó nhìn, khó ngửi. Có bốn hạng hành giả: hành dễ đắc chậm, hành dễ đắc nhanh, hành khó đắc chậm, hành khó đắc nhanh.

Kinh Bảy Giới nói đến loại đề mục của người hành dễ. Tức là tu bằng đề mục ánh sáng, đề mục sạch đẹp. Có 6 căn tánh tâm lý gồm: tham, sân, si, tầm, tín, giác. Đề mục ánh sáng được dùng để trấn áp hôn trầm cho hành giả, đặc biệt thích hợp với người có căn tánh trí tuệ. Theo Thanh Tịnh Đạo, hành giả đặt một nguồn sáng (có thể là ngọn lửa, hay đèn ngủ) phía sau một tấm màn che (bằng gỗ, bằng giấy, bằng da hoặc bằng vải) có khoét lỗ tròn đường kính dài một gang cộng bốn ngón tay khép lại (ước chừng 24cm) để tạo một quầng sáng. Hành giả nhìn vào quầng sáng đó và niệm "aloka, aloka" (ánh sáng, ánh sáng). Niệm đến một lúc nào đó nếu đủ duyên thì đắc định, đắc thần thông bằng đề mục đó. Với

người đắc định đắc thần thông bằng đề mục ánh sáng họ có thể làm được điều này:

1. Biến ban đêm thành ban ngày cho riêng họ, cho cả một vùng đất hoặc cho cả một hành tinh.

2. Làm cho đương sự không buồn ngủ.

Trong kinh dạy, khi nào buồn ngủ, nên ngồi trong phòng riêng ban đêm hoặc khuya, niệm đề mục ánh sáng sẽ có cảm giác đang ngồi giữa trời trống thanh thiên bạch nhật. Ngài Mục Kiền Liên khi đi tu lúc chưa đắc A-la-hán, Đức Phật có dạy kinh nghiệm này, Ngài nói khi buồn ngủ dùng hai tay tự xoa bóp vào hai lỗ tai và bóp hai cánh tay, co duỗi rồi đi rửa mặt bằng nước lạnh. Theo tôi biết, mùa đông rửa mặt bằng nước lạnh vẫn tốt hơn rửa mặt bằng nước nóng, nếu kẹt quá thì dùng nước ấm. Rửa mặt nước lạnh làm cho mình tỉnh. Trong cuốn sách của một bà ở Texas, Chánh án người Việt ở Canada, có bày kinh nghiệm tôi đã làm qua tôi thấy hay là khi nào mình bị stress, quá căng thẳng sắp chết tới nơi mà sợ đứt gân máu, cách nhanh nhất lúc đó là đến lavabo xả nước lạnh vào hai cổ tay (wrist) để giảm stress. Hoặc khi suy nhược mệt mỏi cũng làm như vậy, hoặc đi ngoài đường có chai nước suối cũng làm như vậy sẽ nghe khỏe liền, vì thân nhiệt tập trung nơi đó, nơi bắt mạch.

Có người tu bằng đề mục ánh sáng, có người tu bằng đề mục sạch sẽ (tức là không phải đề mục khó nhìn, khó ngửi).

Sau 2 đề mục ánh sáng và các đề mục đẹp là các đề mục Vô sắc và thiền diệt, thọ, tưởng.

Nói cho rốt ráo, toàn bộ Phật pháp chỉ có giới, định, tuệ. Giới nghĩa là sự thu thúc thân nghiệp và khẩu nghiệp. Nghĩa là mình không tiếp tục nói, làm những chuyện như là mình thích mà phải làm theo lời dạy của Đức Phật.

Định là sự tập trung tư tưởng. Cách thức duy nhất để tập trung tư tưởng là không để nó đi lang thang nữa mà phải gom, cột nó vào một chỗ (đề mục). Tâm không lang thang nữa thì sẽ có một sức mạnh không thể nào tưởng tượng được. Khi muốn tu hành giải thoát thì trước hết mình phải có thân nghiệp khẩu nghiệp sạch sẽ. Một người có đời sống bê bối thì tâm không yên làm sao có định. Định ở đây là sự cột tâm vào cảnh đẹp hay xấu. Người phước nhiều chỉ tu bằng đề mục đẹp, nhẹ. Họ không cần phải vào rừng sâu núi thẳm sống cơ cực quán tưởng thể trược

mới đắc. Chư Phật khổ hạnh lâu nhất chỉ 10 tháng và chỉ trải qua một ít thời gian khổ hạnh cho biết chứ không phải tự đày đọa ghê gớm như Bồ tát Tất Đạt. Có vị ba tháng, có vị một tháng, như Bồ Tát Di Lạc thì chỉ một tuần lễ. Chỉ dùng đề mục hơi thở là xong, từ đó có tất cả. Bồ tát Tất Đạt thì trải qua sáu năm ròng khổ hạnh trong rừng, ăn dơ ở dơ, đói rách lạnh lẽo nóng bức, muỗi mòng côn trùng chích đốt. Nói gọn lại trường hợp Ngài là đặc biệt do nghiệp riêng ám chứ còn người trí nhiều phước nhiều thì tu không khó như vậy. Trong kinh nói ngài Cūḷapanthaka đời xưa là người cực kỳ thông tuệ học đâu hiểu đó, nhưng trong một lúc dễ duôi đã có câu nói bất kính đối với một vị tỳ kheo già trí nhớ chậm với ý giễu cợt. Do lòng tự cao tự đại, khinh bỉ người khác như vậy, nhiều kiếp sống sau đó trong vòng luân hồi, trí nhớ của ngài tệ không tưởng tượng được. Đến đời Đức Phật Thích Ca, trí nhớ của ngài quá tệ đến nỗi mười hai câu học hoài không thuộc. Đức Phật đưa cho ngài cái khăn, ngài nhìn và quán niệm vô thường, đắc A-la-hán, lập tức chứng lục thông tam minh, tứ tuệ phân tích và trí nhớ như biển.

Tuệ: sau khi có khả năng định tâm thì người đó có đủ điều kiện để quan sát, ghi nhận cái gì đang xảy ra và bản chất thật sự của nó ("what is" and "how is"). Ví dụ hành giả biết rõ mình đang bị đau nhức, biết rõ đây là khổ thọ (đó là trí), biết mình đang muốn dời đổi oai nghi (đó là niệm), biết rõ cái muốn này là tham ái. Khi dời đổi oai nghi biết rõ mình đang dời đổi oai nghi, khi dời đổi oai nghi thì cảm thấy dễ chịu lập tức biết rõ đây là lạc thọ. Thấy mình thích thì biết cái thích này chính là tâm tham.

Nếu mình có đủ trí đủ phước thì đâu có cần thiết phải tu bằng những đề mục khó khăn, khó nhìn, khó ngửi. Nếu đủ phước đủ trí chỉ tu đề mục hơi thở là đủ. Nhiều người cứ hiểu lầm tu là phải chịu khổ, chịu cực, hiểu vậy không đúng. Tu không có nghĩa là đi kiếm cái khổ cái cực, lý do người tu khổ cực là vì họ không đi kiếm cái sướng, chớ không phải khổ cực là tu. Giống như một thời gian rất dài, người cộng sản cứ nghĩ là cộng sản phải xấu, nghèo, còn gì đẹp ngon là tàn dư của đế quốc. Người lên tiếng nói về điều hiểu lầm đó là nhà báo Trần Bạch Đằng. Tu không hẳn là đi tìm cái khổ mà quan trọng là cái thái độ của mình trước cái khổ và cái vui chớ không phải là trốn vui tìm cái khổ.

So với các đề mục nặng nề thì ánh sáng có vẻ nhẹ nhàng hơn. So với các đề mục dơ xấu thì đề mục sạch đẹp vẫn dễ chịu hơn. So với các đề mục thuộc vật chất thì đề mục phi vật chất vẫn tốt hơn, nhẹ nhàng hơn. Ngay trong lúc mình còn là phàm chưa là thánh thì cách tu của mình quyết định sau này mình sẽ chứng thánh kiểu nào, có người gặp Đức Phật chỉ nghe một câu là thành thánh, không cần phải

trải qua những năm tháng cạo đầu đắp y, mang bát đi chân không nắng gió mưa sương, bữa đói bữa no bữa đói, bữa lạnh, thiếu thuốc, bởi giác ngộ hay chứng thánh chỉ là sự thay đổi cách nhìn.

Kẹt mới phải tu với các đề mục dơ xấu chớ nếu lựa thì ai cũng chọn đề mục sạch đẹp. Khổ nỗi, không phải lựa là được bởi do căn tánh tu hành. Có người đời trước có bố thí trì giới học đạo cung kính nên đời này có sức khỏe, có tài sản, nhan sắc có tiếng tăm quyền lực, trí tuệ, họ đi tu mới sướng biết bao, còn học hành dang dở thiếu kiến thức đi tu hơi khó, sức khỏe yếu, tài chính eo hẹp cũng khó tu. Một người tu có tài sản vẫn dễ tu hơn. Tài sản ở đây tức là khả năng tài chính, ví dụ như đau răng, đau bụng có tiền đi bác sĩ; không có khả năng tài chánh thì nhức răng chỉ biết ngậm muối. Đó là lý do tại sao mình phải có Ba-la-mật, phải có bố thí, phải có trì giới. Bố thí là để mài mòn bỏn xẻn, là để đời sau kiếp khác sanh ra lúc nào cũng thoải mái. Nghèo quá mới đi ăn cướp, lừa đảo, trộm cắp, nghèo quá mới tham cái này thích cái kia, còn Bồ tát sanh ra nhìn gia tài như bãi nước bọt. Khi thiếu phước thì tu khó vô cùng. Một người không tu tạo công đức mà cứ buông trôi thả nổi sáu căn, thích tùm lum mà không đủ phước để hưởng thì giống y như kẻ đa tình thiếu điều kiện hào hoa. Tu tập Tứ Niệm Xứ có lợi là nếu mình nhiều phước thì mình bớt được tâm tham, còn ít phước thì bớt được tâm sân. Hơn nữa, tu Tứ Niệm Xứ sẽ không gieo nhân tham trước cảnh mình thích và không gieo nhân sân trước cảnh mình ghét.

Nội dung kinh này là ta chuẩn bị thế nào để có thể tu bằng đề mục sạch đẹp, và muốn trau dồi Định học bằng đề mục Vô Sắc thì trước tiên ta phải đắc thiền Sắc giới. Định học ở mỗi người có nhiều cấp độ (level) khác nhau: Sát-na định, Cận định, Sắc giới định, Vô sắc định. Giới học của mỗi người cũng khác nhau: 5 giới, 8 giới, 10 giới, sadi giới, tỳ kheo giới. Không phải muốn giữ bao nhiêu giới là muốn, có người cứ tưởng chỉ cần tinh tấn là được, không phải vậy, cần phải có phước duyên đời trước nữa. Có người nhịn ăn chiều là bị đau bao tử, chưa kể có người hoàn cảnh sống không cho phép họ giữ bát quan, họ là người nấu ăn phải nêm nếm, phải làm lụng cực khổ không nhịn bữa chiều được, hoặc đi làm bảy ngày trong tuần không thể bát quan. Hoặc những người không thể không giữ tiền, phải tự mình lo cho mình mà không giữ tiền thì không thể. Sự hỗ trợ từ người khác cũng rất quan trọng nếu người èo uột bịnh quanh năm phải xài tiền, phải uống thuốc. Vì vậy, phải chuẩn bị Ba-la-mật thế nào đó để mai sau chứng thánh theo cách mình muốn. Ví dụ như ngài Xá Lợi Phất, đang sung sướng làm công tử, đi xuất gia gặp ngài Assaji nói một câu là đắc Tu-đà-hoàn, quá sướng luôn, trong khi đó có những vị tu mấy chục năm rừng sâu núi thẳm rắn rít muỗi mòng

chích đốt, rồi bị chúng đánh chửi, đi bát xong quay về thấy cốc bị đốt thành đống tro tàn. Thầy tu mà muốn cất cái cốc không dễ, một thân một mình làm sao gây dựng lại cái chòi lá. Ở Mỹ tôi có làm cái chòi kiểu Mỹ, tôi ra ngoài Home Depot mua ván về ghép thành ba miếng lớn hình chữ nhật, ba miếng này nối kết bằng những bản lề lớn, tạo thành một hình tam giác. Thế là có cái cốc rất gọn, rất đơn giản, ngày xưa tu sĩ làm gì có ván có bản lề để làm như vậy.

CÓ NHÂN (Sanidānasutta)

Kinh Có Nhân, nội dung y hệt như phần đầu của buổi giảng sáng nay: Do có giới sai biệt nên mới có Dục sai biệt, có tư duy sai biệt, có tầm sai biệt, não hại sai biệt v.v... Cứ như vậy mà hiểu.

Chữ 'giới' trong kinh này ám chỉ cho tà tư duy và chánh tư duy. Đức Phật xác nhận do có Dục tư duy mới có Sân tư duy và Hại tư duy. Do có Ly dục tư duy mới có Vô sân tư duy và Bất hại tư duy.

Ở trong mấy chục bài trước tôi đã nhắc đi nhắc lại nhấn mạnh không biết bao nhiêu lần đó là ở đâu có thích thì ở đâu có ghét. Ở đâu có đam mê thì ở đó có bất mãn. Hai cái này là một cặp. Khi ta còn đam mê năm dục thì ta còn phải đối diện với nỗi khổ từ năm dục. Khi ta vui với cái ta thích thì ta sẽ khổ với cái gì đối lập với nó. Dục tư duy là những suy nghĩ chìm đắm trong đam mê năm dục. Từ chỗ do có đam mê này mới có Sân tư duy. Sân tư duy là sự bất mãn, khó chịu với người hay vật nào đó. Hại tư duy là suy nghĩ muốn đạp đổ, tàn phá, xóa dấu người hay vật nào đó. Thánh Nhị quả giảm nhẹ Dục ái và Sân. Tam quả dứt hẳn Dục ái và Sân. Cõi Phạm Thiên không có Dục ái và Sân.

Trong thiền Chỉ, ở tầng thiền thứ tư, hành giả không còn cảm giác khổ và lạc. Khổ là nhân sanh của Sân, Lạc là nhân của Tham. Khổ và Lạc là một cặp. Dục ái và Sân là một cặp. Thích khen sợ chê là một cặp. Yêu và ghét là một cặp. Phải bỏ hết mới giải thoát, không thể giữ lại một trong hai. Đây là nội dung của bài kinh này.

Thích khen sợ chê:

Khi nghe người ta khen mà còn khoái là phải hiểu ngầm, mai này nghe ai mà chửi chê thì mình chỉ có nước nhảy lầu thôi. Tôi không phải là thiền sư, không phải hành giả, càng không phải là thánh nhân nhưng tôi sợ khổ tâm, tôi tự nhủ lòng: nhớ nghen, càng mê ngọt thì tới hồi đắng là chịu không nổi. Cũng có người

khen tôi nhưng tôi luôn luôn nhủ lòng cái này là đồ giả và hại mình. Người ta khen xong người ta quên mất tiêu, người ta có chê mình xong người ta cũng trùm mền ngủ quên mất tiêu. Vấn đề là mình ôm cái lời khen chê đó vào giường, ôm đi ngoài đường, chớ khi người ta nói xong là người không còn nhớ gì nữa, chỉ có mình cõng về để buồn vui với cái khen chê đó. Kẻ nào càng mê hưởng thụ thì khi gặp khổ chỉ có chết thôi. Kẻ còn mê cái gì đó thì có lúc sẽ khổ vì bất mãn cái gì đó. Không mê lời khen thì sẽ không khổ vì lời chê. Không có quá vui khi gặp được cái mình thích thì sẽ không quá khổ khi gặp cái mình ghét. Đây là lý do tại sao Đức Phật dạy mình phải tu hành để giải thoát, để buông hết, không giữ lại gì hết, giữ một cái thì sẽ kéo theo một ngàn vấn đề. Người Tàu có câu "sinh sự thì sự sinh", nghĩa là mình thêm một chuyện thì nó lại thêm một chuyện, bớt được một chuyện thì sẽ bớt được một chuyện. Ví dụ, khoái tiệc tùng thì phải mời mọc bạn bè về nấu nướng, lúc ăn uống thế nào cũng lời qua tiếng lại, nói những câu bị sốc, bị phiền. Ông Voltaire nói: Khi không còn gì để nói thì người ta sẽ nói bậy. Không có gì để làm thì sẽ làm bậy. Không có gì để nghĩ thì sẽ nghĩ bậy. Ráp lại với nhau là sẽ nói chuyện, khi cạn đề tài thì lại nói bậy, khen đãi bôi cũng làm người ta phiền.

Ở đây Đức Phật dùng một ví dụ miêu tả hình ảnh người tu giống như một người nhanh tay dập lửa khi lỡ tay quăng lửa vào đám cỏ khô.Nghĩa là ngay khi biết được đây là suy nghĩ bất thiện thì lập tức nó biến mất. Nếu chưa mất luôn, nó còn quay trở lại thì tiếp tục nhận diện nó lần nữa. Buổi đầu chưa được, lâu ngày sẽ được. Ví dụ quí vị nhận cái email của ai đó giận quá, quí vị muốn viết email chửi người ta, khi muốn viết, lập tức chánh niệm báo cho biết là cái này không nên, bày ra được coi chừng dẹp không được, thôi chuyện lớn hóa nhỏ, nhỏ hóa không. Nhưng lát sau muốn nữa, mình lại tiếp tục ghi nhận: cái này không nên. Vì vậy Đức Phật dùng hình ảnh người tu giống như kẻ nhanh tay dập lửa sau khi lỡ tay quăng lửa; vừa có một suy nghĩ hay sắp có một hành động, một câu nói hại mình hại người thì tìm cách kiềm chế.

CĂN NHÀ GẠCH (Giñjakāvasathasutta)

'Ginjaka': gạch (brick). Chỉ giảng một kinh này bà con sẽ hiểu hết chục bài tiếp theo. Có người nói với tôi tại sao kinh trùng mà các vị kết tập lại không bỏ. Việc để lại kinh trùng có các điều quan trọng:

- Cho chúng ta thấy tính trung thực. Chúng tôi thấy trùng nhưng ngài Ānanda thuật lại thế nào chúng tôi giữ nguyên như vậy, nhiều khi chỉ khác chỗ giảng, khi

thì Thế Tôn ở nơi này, khi ở nơi khác, đối tượng là các vị tỳ kheo, và nội dung cũng y chang.

- Cho mình tâm cảnh. Vấn đề được nhắc đi nhắc lại sẽ làm cho mình nhớ, và biết vấn đề được Đức Phật quan tâm nhiều đến như vậy; tạo cho mình không khí suy nghĩ.

Bài kinh này cũng vậy, là bắt đầu cho mấy chục bài kinh sau với nội dung giống y hệt. Nội dung là 'Bài kinh này cũng vậy, là bắt đầu cho mấy chục bài kinh sau với nội dung giống y hệt. Nội dung là 'you are what you think of', cuộc đời anh chính là những gì anh suy nghĩ. Những suy nghĩ, toan tính, ước mơ, trù hoạch của ta hôm nay sẽ tạo ra một con người như thế nào đó trong tương lai.

Chánh văn:

"3) Thế Tôn nói như sau: - Này các Tỷ-kheo, do duyên giới, tưởng sanh khởi, kiến sanh khởi, tầm sanh khởi."

4) Khi nghe nói vậy, Tôn giả Saddha Kaccāyana bạch Thế Tôn: Bạch Thế Tôn, kiến này giữa những vị không Chánh Đẳng Chánh Giác, có vị Chánh Đẳng Chánh Giác. Bạch Thế Tôn, kiến này do duyên gì được hiển lộ?

"

Đức Phật giải thích, Giới (dhatu) ở đây có nghĩa là bản chất. Câu dịch của ngài Minh Châu chỗ này hơi tối, nhìn chú giải rõ hơn. Theo chú giải, những vị chưa phải Chánh Đẳng Giác ở đây ám chỉ 6 vị giáo chủ ngoại đạo đương thời với Đức Phật. Khi nghe Đức Phật nói gọn như vậy, ngài Kaccāyana hỏi: Trong thời điểm này, giữa lúc có nhiều tôn giáo (nhiều giáo chủ) như vậy, câu này rất là hay nhưng có thể bị hiểu lầm theo cách nghĩ của những vị giáo chủ kia xin Ngài nói rõ hơn một chút.

Đức Phật xác nhận: Nếu như vậy thì ta phải nói rõ, chữ giới đang nói ở đây là do vô minh. Do vô minh giới (bản chất vô minh) khiến phàm phu tạo ra ba hành: Hành hạ đẳng, ám chỉ phi phúc hành; Hành trung đẳng, ám chỉ cho phúc hành và Bất động hành (tức tất cả Thiện hiệp thế), người tu phải hướng đến Thắng hành tức tu tập Tứ Niệm Xứ để chứng ngộ 9 pháp Siêu thế (gồm 4 Đạo, 4 Quả, Niết bàn).

Tức là do vô minh nên chúng sinh mới chia làm hai hạng. Một là sống trong bất thiện, nói bất thiện, làm bất thiện, suy nghĩ bất thiện; nói bằng tâm tham, làm bằng tâm tham, suy nghĩ bằng tâm tham; nói bằng tâm sân, làm bằng tâm sân, suy nghĩ bằng tâm sân, đó là hành hạ đẳng. Còn hành trung đẳng là có những chúng sinh cũng do vô minh trong Bốn Đế, không biết mọi hiện hữu là khổ, không biết mọi đam mê là nguồn khổ, không biết Niết bàn là cứu cánh dứt khổ; do vô minh trong Diệt đế, người ta cứ tưởng muốn hết khổ là phải sanh về cái cõi nào đó, thấy khổ thì sợ nhưng không cam tâm đành lòng nghĩ tới một cứu cánh mất sạch sẽ, họ muốn tiếp tục tồn tại trong hình thức nào đó, ở một không gian một nơi chốn nào đó, họ chỉ sợ những cái khổ sanh ly tử biệt, muốn mà không được thôi, mà không hề biết ra rằng còn có cái khổ khác nữa đó là mọi có mặt đều là khổ. Mọi có mặt đều là khổ vì mọi vật biến đổi không ngừng, ngay bản thân sự biến đổi đó trong cái nhìn rốt ráo nhất nó cũng là sự đáng chán. Người ta thấy cái này là vui cái kia là hạnh phúc bởi vì mang thân người, từ tấm thân đến đời sống tâm lý, cái gì đáp ứng nhu cầu thì mình gọi là hạnh phúc. Giả định như sống mà không cần ăn thì chuyện ăn ngon đâu còn quan trọng. Nếu tấm thân này là sương khói không cần áo quần thì đâu còn cái niềm hạnh phúc của người thích phục sức đẹp. Chính vì mình có những nhu cầu này nọ, khi những nhu cầu được đáp ứng như ý thì ta đặt tên cho khoảnh khắc đó là hạnh phúc. Nếu mình không có nhu cầu thì làm gì có thỏa mãn nhu cầu, nếu không có thỏa mãn nhu cầu thì chữ hạnh phúc gắn vào đâu?

'Hết nhu cầu' là hết theo kiểu thánh nhân chớ không phải là do bệnh lý mà không có nhu cầu ví như đang mắc bịnh gì đó đang sốt, đắng miệng, mệt mỏi trong người không thèm ăn, không muốn vui chơi nhậu nhẹt, bài bạc. Không nhu cầu nghĩa là không tìm ra một lý do nào để chìm đắm trong đó nữa thì mới gọi là giải thoát. Không thích chưa chắc là thánh, không thích của thánh khác với không thích của mình. Không thích của mình là do có phiền não khác chen vô, ví dụ tôi không thích A vì tôi đang có tâm sân, hoặc đang thích B nên không thích A. Thánh nhân không thích vì thấy rõ bản chất của nó không có gì để thích. Do vô minh nên phàm phu mới chọn những hướng đi sai lầm, đi đâu thì cũng là quẩn quanh trong tam giới, ngôi nhà đang cháy.

Kinh Liệt Ý Chí, Kinh Nghiệp, Kinh Các Bài Kệ, Kinh Bất Tín có cùng nội dung là chúng sinh ở đời luôn gom thành nhóm theo khuynh hướng tâm lý, tức là ngưu tầm ngưu, mã tầm mã. Câu "ngưu tầm ngưu, mã tầm mã" ngoài đời ý nghĩa khác trong Phật pháp. Trong Phật pháp, tu thiền Tứ Niệm Xứ chính là ngưu tầm ngưu, mã tầm mã, nghĩa là dùng tâm để trị tâm, dùng tâm quan sát tâm, ngựa và bò là

hai con thú được dùng làm hình ảnh tượng trưng cho cái tâm mỗi người. Theo chú giải Trường Bộ, tâm của hành giả giống như con bò, đề mục là chỗ cột, chánh niệm là sợi dây. Trong Thập Mục Ngưu Đồ của thiền tông, 'ngưu' là dùng chung cho bò và trâu, những con thuộc bộ có móng guốc, ăn cỏ, một hàm răng, có hai sừng đều gọi là ngưu. Giống như chữ Trúc trong tiếng Hán ám chỉ cho tất cả những gì thuộc họ cây tre: lồ ô, trúc, tre, nứa, tầm vông…

Chúng sinh trong đời luôn đi từng nhóm theo căn cơ sở tánh, thích hợp. Giống nhau nên mới có password của nhau để tìm vào cảnh giới của đối phương. Ví dụ, mở kinh điển ra, có người đọc hai dòng thì ngáp rồi, có người thì muốn nghe. Cùng bài kinh thì tùy người thích hiểu theo kiểu nào. Trong kinh Đức Phật dạy thân tâm chỉ là sự ghép nối, không có tôi, của tôi, không có ông A bà B, ngày nào còn chấp thủ tôi và của tôi thì ngày đó còn khổ. Vậy mà có loại Phật tử luôn tự đắc tôi là người hiểu đạo, trong khi hiểu đạo là khả năng buông bỏ. Người hiểu đạo là người không thích khoe, không thấy có gì để tự hào tự đắc. Vị A-la-hán thì đáng kính với người khác, còn bản thân ngài thì không coi sự chứng đắc đó là gì hay ho để tự kiêu tự mãn, ngài luôn tự hiểu mình là người bịnh vừa hết bịnh. Một người vừa được tòa tha bổng, trắng án thì có gì mà tự hào. Tôi biết có những người VN lớn tuổi, từng gặp ngài Hộ Tông, ngài Hộ giác, ngài Bửu Chơn, và gặp cả những cao tăng ở Miến Điện, gặp xong thay vì về tu, nhưng không, về khoe dữ dội. Phật pháp càng học thì phải thấy mình càng ngu, vấn đề của mình càng lớn, càng học mình càng phải khiêm tốn, có đâu mà càng học càng nổ. Khuynh hướng như vậy đó sẽ khiến xui mình sau này sẽ dính chùm với những người giống như mình. Có những người có cháu ngoại mà mà không hiểu điều này: hiếm bao giờ ta vui khi nghe người khác khoe, sao ta lại khoái khoe và bắt người khác nghe. Bản chất con người là ganh tị, vì sao lại cứ gặp người khác là khoe. Người ta kêu già đầu còn dại, có cháu ngoại còn ngu là ở chỗ đó, nhiều bà khoe vô duyên không tưởng tượng được, khi gặp mình khoe cháu khoe con mà đứa cháu rõ ràng khi gặp mình nó không biết chào, gặp người lớn vẫn ôm cái máy chơi game, rõ ràng nó không được dạy dỗ đúng mức, vậy mà bả vẫn khoe là nó đứng đầu lớp, nó khôn lắm v.v... Muốn gặp thánh nhân thì trước hết phải bắt được tần số của họ, phải giống họ phần nào mới mong gặp được họ.

Hai người thờ Phật luôn có quả báo khác nhau vì cách hiểu về Ngài ở mỗi người khác nhau. Theo A-tỳ-đàm thì tâm thiện hợp trí của người này không giống của người kia, thọ hỷ của người này cũng khác người kia; sự vô trợ hay hữu trợ cũng vậy. Trong A-tỳ-đàm nói tâm thiện của mình có tám trường hợp. Tâm thiện đó là thọ hỷ, hào hứng hay là sự lãnh đạm. Có lúc người ta kêu quét chùa mình cũng

quét nhưng lòng mình nguội lạnh lắm gọi là thọ xả, làm hào hứng thì gọi là thọ hỷ. Hợp trí là khi làm mình biết rõ mình đang làm gì và việc này dẫn đến quả lành trong tương lai, cái biết này được gọi là hợp trí. Biết về Tam tướng, biết về nhân quả, biết đây là tâm thiện đó là trí, biết tâm thiện này rồi cũng vô thường, đó là trí. Biết đây là tâm thiện sẽ cho quả vui, đó là trí. Biết quả vui đó rồi cũng vô thường, đó là trí. Khổ một chỗ là không phải ai cũng có trí tuệ giống nhau, có người chỉ biết phân nửa, chẳng hạn họ biết làm lành sẽ được công đức, họ không biết thêm nữa. Hợp trí của thằng Tèo không giống thằng Tý. Thọ hỷ cũng vậy, sự hào hứng thích thú của thằng Tèo không giống hào hứng thích thú của thằng Tý, vì cái hào hứng đó có liên quan đến trí tuệ, khả năng, kiến thức của hai đứa. Vô trợ, hữu trợ cũng vậy, hành động tự phát hay do sự thúc đẩy bởi người khác, hay bằng sự do dự của bản thân. Nếu một việc thiện được thực hiện bằng sự do dự của bản thân hay cần sự tác động thúc đẩy của người khác thì việc thiện đó được gọi là hữu trợ. Còn việc bộc phát do chính mình, không do dự, muốn là làm liền và không cần ai tác động, gọi là tâm thiện vô trợ. Vô trợ của người này không giống người kia, thọ hỷ thọ xả của người này cũng không giống người kia và từ đó hợp trí của người này cũng không giống của người kia. Cho nên, cùng là thờ Phật nhưng công đức khác nhau, vì cách hiểu của mỗi người không giống nhau. Không giống nhau vì kiến thức giáo lý của mỗi người không giống nhau. Cho dù hai người đều thuộc lòng Tam tạng hết, cách nhận thức của hai người về Đức Phật cũng tuyệt đối không cách nào giống nhau. Ví dụ, có người hỏi HT Nhất Hạnh có tin là Đức Phật rất đẹp hay không, Đức Phật có 32 tướng tốt hay không. HT Nhất Hạnh trả lời thế này: Đẹp xấu ở mỗi nền văn hóa, ở mỗi thời đại, có những chuẩn mực khác nhau, vì vậy chưa chắc bây giờ người VN của thế kỷ 21 lại chấp nhận cái đẹp của người Ấn Độ mấy chục thế kỷ trước. Hòa thượng nói, trong hình dung của HT thì Đức Phật giống như Thánh Gandhi nhưng đẹp trai hơn chút. Tôi không dám bất kính, vì đó là tự do tư tưởng, nhưng tôi nghe tôi giựt mình, à thì ra có một người cũng là VN như mình nhưng nghĩ về Đức Phật khác mình dễ sợ như vậy. Tượng Phật của người Tàu khác người Việt mình. Họ giỏi tướng số nên họ lựa tướng nào có tiền, đại phú đại quí, con đông, có danh phận chức tước, họ đặt lên gương mặt của pho tượng. Người Thái, Tích Lan thì mê cơ bắp, tượng phải hình chữ V, ngực nở, eo thon. VN mình thì mê đẹp trai nên cân đối. Nói ra kỳ nhưng đó là sự thật, để bà con có đặt tượng thì bà con tránh. VN mình đặt tượng là phải đẹp trai cái đã còn cân đối thì có nhiều chuyện rất khó nói. Có những tượng nhìn mặt rất đẹp nhưng nếu tượng mà đứng lên được thì nửa thân trên dài gấp rưỡi nửa thân dưới, và khoảng cách giữa hai vai so với khoảng cách giữa hai đầu gối không hợp lý. Phải có tỉ lệ nhất định. Tôi rất ngạc nhiên là

các vị tôn túc trong nước, do lớn lên trong xã hội cũ, không có khái niệm về giải phẫu học, nên khi nhà nước Hà Nội cho phép lựa mẫu tượng để tạc kim thân từ khối ngọc quý mấy chục tấn, họ hỏi ý chư tôn đức xin gợi ý cho một mẫu tượng. Chư tôn đức của nhà ta thuộc thế hệ quá xưa nên các vị không màng gì tới vấn đề thẩm mỹ và lịch sử văn hóa đương thời, cứ thích tượng nào y áo lùm xùm theo kiểu Tàu, trước ngực phải có chữ Vạn, dây lưng thì buộc ngang ngực, ngực để hở ra một phần dành chỗ cho chữ Vạn. Trên thì vai trần khoác tấm vải mỏng. Không biết quí vị có bao giờ suy nghĩ là có con người nào ăn mặc như vậy hay không, cái củng kéo lên tới ngực rồi cột giây, ở trên thì vai trần khoác tấm vải mỏng, trông rất phản thời trang, đi đứng khó khăn. Các tượng A Di Đà thì đeo vòng vàng, y lết phết trên đất, đội mũ mang hia đi đứng trên tòa sen, Tôi không biết những điều này đi ra từ đâu, cuối cùng tôi chợt nhớ bài kinh này, nhớ loạt kinh mình đang làm việc với nhau, khuynh hướng tâm lý chúng sinh hợp nhau thì kéo về với nhau. Một vị linh mục trong nước đã phán một câu hơi độc nhưng buồn thay là không sai: Vị đó nói rằng chống Tàu là trên khẩu hiệu nói cho vui chớ chống làm sao nổi trong khi kinh kệ của quí sư thầy trong PG toàn là tiếng Tàu, kiến trúc của các chùa là kiến trúc của Tàu, tổ chức sinh hoạt của chùa cũng là tổ chức theo Tàu. Hầu hết kinh kệ trong các buổi công phu của quí thầy VN đều dựa theo Ngọc Lâm Quốc Sư của nhà Thanh (không phải Ngọc Lâm trong Thoát Vòng Tục Lụy). Ngọc Lâm Quốc Sư là có thiệt, giống như Thất Tử Toàn Chân cũng có một phần là thật như Khưu Xử Cơ là có thật.

Các kinh sau y hệt như vậy. Nội dung của loạt kinh này là chúng sinh loại nào sẽ đi theo loại đó. Hôm nay ta phải chuẩn bị mình như thế nào đó để gặp thánh nhân sau này. Có giống các ngài mới gặp gỡ và hòa tan với các ngài. Hòa tan nghĩa là mình có thể cộng trú, cộng hưởng, cộng sinh, cộng tác với các ngài. Trong kinh nói ngài Xá Lợi Phất có 500 đệ tử, ngài Mục Kiền Liên có 500 đệ tử, ngài Ānanda cũng có 500 đệ tử… đều là những vị A-la-hán, khi những vị này ngồi lại với nhau đều tạo ra hiện tượng hòa tan, không có gì riêng hết, các vị luôn sống như thế nào đó để người bên cạnh được an lạc. Khi mình chú ý đến sự an lạc của người khác thì lúc đó mình cũng không có thì giờ để bất thiện. Khi mình sống mà chú ý đến người khác thì mình bớt khổ, mình khổ vì mình coi trọng mình quá. Một cọng rơm, một sợi tóc một tờ giấy rơi từ tầng thượng mấy chục mét không hề hấn gì, trọng lượng quá nhẹ không đủ để tạo nên sự gãy vỡ nào hết, còn một con người, một cái chén, một cái tô, là những yếu tố khiến cho xảy ra hiện tượng bể vỡ nếu rơi từ độ cao nào đó xuống đất. Tu hành là biến mình nhỏ đi, nhẹ đi để sẵn sàng hòa tan dễ dàng với thiên hạ, với trời đất. Tu như thế nào để sống trong

trời đất này như nước về sông, như sông về biển. Sống như thế nào khi gặp thánh nhân mình dễ dàng hòa tan. Trang Tử nói: Phần diện tích lớn nhất trên mặt đất chính là đại dương. Vì nó là chỗ lớn nhất nhưng cũng là chỗ thấp nhất nên nước muôn sông cứ đổ về biển. Hãy sống khiêm tốn, hạ mình xuống một chút thì bao nhiêu cái hay của thiên hạ sẽ đổ hết về cho mình. "Bất sĩ hạ vấn", người muốn trở thành uyên bác thì phải có gan không mắc cỡ, khom mình xuống hỏi người dưới mình. Không biết thẹn là vô tàm, không biết sợ là vô úy. Không biết thẹn là không biết tự xấu hổ khi làm bậy, không biết sợ là không biết e ngại khi làm bậy. Sợ là khi mình bắt đầu làm chuyện bất thiện thì nghĩ lương tâm mình có yên hay không, tiếng đời dị nghi, pháp luật có để yên cho mình hay không và đời sau kiếp khác có được yên thân hay không. Ví dụ khi mình pha trà, tráng ấm bằng nước sôi rồi tạt ra ngoài cửa sổ, đời sau kiếp khác mình sẽ có tai nạn bị chết trong nước sôi, trong lửa, cũng do vô tình. Không ai cố ý hại mình nhưng mình cứ bị nạn ngẫu nhiên chết trong dầu sôi lửa bỏng, do mình tạo nghiệp vô tình. Vì vậy khi mình sắp làm gì hãy nhớ, cái quả của nó mình chịu không nổi đâu. Hôm nay mình đập đầu con cá, giết con mối, con ruồi hay con trùn, nhưng mai này trong dòng sinh tử luân hồi, mình không biết sẽ bị người ta giết trong lúc nào. Bây giờ mình giết nó, nó là con ruồi, nhưng mai này tới phiên mình trổ quả, không biết chắc lúc đó mình là gì, có khi là hoàng đế vừa lên ngôi, một hoa hậu mới vừa đăng quang, một tổng thống mới vừa nhậm chức, thế là chết. Trong kinh nói có những người gặp Đức Phật mừng lắm, nhưng chưa kịp đi xuất gia thì bị chết vì tai nạn. Đức Phật biết nhưng cứu không được. Vì vậy dù không sợ trời không sợ đất nhưng cũng phải sợ nghiệp. Bây giờ đã chín giờ kém, coi như tôi đã giảng bù cho quí vị, xin hẹn thứ Bảy. Chúc bà con một ngày vui, tôi không ngờ bữa nay tôi giảng quá lâu.

Bài giảng ngày 24-1-2015 CĂN NHÀ GẠCH (tt)

Vào thời điểm này chúng ta sẽ học sướng lắm. Học một bài cho nhiều bài. Bây giờ ôn lại một số chuyện của kỳ trước. Bài kinh Căn Nhà Gạch, Đức Phật dạy chúng sanh cỡ nào thì cộng hưởng, cộng trú, cộng sinh, cộng nghiệp với những người tương đương với mình. Gom chung lại thì gồm trong ba cấp chúng sinh: thượng, trung, hạ. Dựa trên hai tiêu chí: thấp và cao. Ở giữa thì gọi là Trung. Thấp ở đây là sống theo bất thiện và chỗ tái sinh sau này cũng thấp, trong cảnh giới sa đọa hoặc được làm người cũng trong tầng lớp thấp về mọi mặt. Bậc trung ở đây là sống trong thiện pháp hiệp thế, và chỗ sinh về cũng quẩn quanh trong các cõi lành. Bậc thượng là hướng đến giải thoát Niết bàn. Bậc hạ là sống trong bất thiện, tham, sân, si, tà kiến, ngã mạn, tham ái, sân, tật, lận, hối v.v... Sống trong bất thiện nhiều quá mai này chỗ mình đi về cũng có điểm tương tự, hoặc là mình bị đọa vào bốn cảnh khổ (A-tu-la, ngạ quỷ, bàng sanh, địa ngục), nếu làm người thì cũng sanh vào tầng lớp thấp về mọi mặt. Thấp là lớp những người ít học, ít trí, ít tài sản, ít sức khỏe, cái gì cũng thua người ta. Nếu mình may mắn sanh ra trong một gia đình có tiếng tăm, tiền bạc, học thức nhưng nếu hình tướng mình kỳ cục thì cũng bị người trong giới đó coi thường. Nói chung nghiệp bất thiện lúc nào cũng dẫn đến mình thấp hơn người ta. Bậc trung là hạnh nghiệp, đời sống, hành động lý tưởng mục đích của mình quẩn quanh trong thiện pháp hiệp thế, làm thiện vì cầu danh cầu lợi hoặc sanh về cõi này cõi kia, không hướng đến giải thoát. Bậc thượng là hướng đến giải thoát, chứng ngộ Niết bàn. Mình không lựa, cứ sống như là mình muốn, cứ thế là dòng luân hồi đẩy đưa, cuối cùng có chỗ mình đứng. Mình thích đánh bài thì tự nhiên mình đi đến casino, thích ăn nhậu thì tự nhiên mình đến quán bar, trà đình tửu điếm, thích học hành nghiên cứu thì tự nhiên mình vô trường đại học… Những người như vậy sẽ tìm đến với nhau. Bài kinh này, đối với tôi mà nói, là kim chỉ nam trong đời sống, tôi luôn tâm niệm, mình sống như thế nào đó để mai này người mình cộng sinh, cộng trú, cộng nghiệp phải là người cỡ nào. Kiểu sống của mình bây giờ, hợp với loại người nào. Nếu mình không nhớ, rất có thể mình đang sống theo chiều hướng thấp kém, không hướng thượng.

LIỆT Ý CHÍ

Những bài kinh tiếp theo y như vậy. Tôi chỉ chú thích từ khó.

‘Assaddhā’:bất tín, không có niềm tin nơi Tam bảo, không tin nghiệp lý, luân hồi, người khuất mặt, sự chứng đắc của ai đó. Đây là bốn điều căn bản của niềm bất tín.

- Không tin nghiệp lý nghĩa là không tin chuyện làm lành làm thiện làm ác sẽ để lại hậu quả.

- Không tin luân hồi là không tin giáo lý Duyên khởi, cứ nghĩ chết rồi là hết.

- Không tin người khuất mặt thì không tin vào loài hóa sanh, cái gì khả năng của mình chứng minh không nổi thì mình bèn cho rằng không có. Nhiều người tưởng đó là văn minh là khoa học. Từ lâu tuổi trẻ VN được giáo dục mình không tin tức là người có học thức, có lý luận, còn tin dễ dàng thì gọi là dốt nát, mê tín. Thái độ khoa học không phải như vậy. Tin tầm bậy tầm bạ ông Tà ông Táo thì không nên, nhưng cái gì cũng bác vì không chứng minh được thì đó là thái độ phản khoa học. Ví dụ tôi đang ở trong tòa cao ốc của thành phố New York, 80 tầng, quí vị nói có con rắn dài tám mét, thì tôi lấy làm lạ, tôi muốn bác thì phải dựa vào nền tảng lý luận nào đó, chớ không phải là không chứng minh được chuyện đó có thì cho rằng không có. Sức của mình tới đâu mà nói là chứng minh không được?

Một người bình thường thì chứng minh về con vi trùng như thế nào?

Chuyện mình biết, so với chuyện mình không biết nhỏ hơn tỉ lệ một phần một tỷ. Vì con số 1 là hữu hạn, và một tỷ cũng là con số hữu hạn. Trong khi đó cái mình biết là hữu hạn, còn chuyện mình không biết là vô hạn. Phải nhớ rằng, Đức Phật dạy: Cho dù không có kiếp trước kiếp sau, không có luân hồi quả báo, thiện ác báo ứng thì ta nói người làm lành vẫn được an lạc hơn người sống bất thiện.

Biếng nhác nghĩa là không tinh tấn: không cầu tiến, không hướng thượng. Người sống không nỗ lực trong thiện pháp cũng có thể kể là một loại bất thiện khác.

Ít nghe: không lắng nghe những điều được tuyên thuyết bởi hiền nhân.

Thất niệm: sống không chánh niệm. Chánh niệm là đời sống tỉnh thức, toàn bộ Phật pháp gom gọn trong bài kinh Tứ Niệm Xứ. Kinh Tứ Niệm Xứ kêu gọi mình sống theo hai tiêu chí: Chánh niệm và Tỉnh giác. Chánh niệm là biết rõ cái gì đang xảy ra trong thân tâm của mình (how is), trí tuệ thì biết rõ what is, biết rõ bản chất của thân tâm là cái gì.Toàn bộ rắc rối của thế giới này được khởi đi từ sự thất niệm của phàm phu, chúng ta không kiểm soát được, không quan sát kịp thời những gì mình nói, sắp nói, những gì mình đang làm, sắp làm, những gì mình

đang suy nghĩ, đã suy nghĩ, sắp sửa suy nghĩ thì mình không kiểm soát được. Thất niệm sẽ dẫn đến cái rối rắm của thế giới. Cái rối rắm của thế giới sẽ không xảy đến cho những con người sống tỉnh thức, sống chánh niệm. Trí tuệ cũng vậy, không phải là học giỏi, có học vị mà là sống biết rõ điều gì có lợi ích cho mình cho người đời này kiếp khác, cái gì hại mình hại người, đời này đời khác.

Không biết sợ, không biết thẹn: không có tàm úy.

Đức Phật có vô số ân đức nhưng gom lại có ba đức lớn: bi đức, tịnh đức, trí đức. Trí đức là cái gì Ngài cũng biết, bi đức là ai Ngài cũng thương. Tịnh đức là đức lành nào Ngài cũng có, dầu cho Thế Tôn sống giữa rừng người hay sống một mình giữa rừng sâu thì Thế Tôn trước sau là một. Phàm phu thì khác, khi mình sống giữa rừng người thì khác, sống bên cạnh người thân thì khác, khi lùi vào một góc khuất nào đó thì mình lại có thể là con người khác. Bốn ý nghĩa của chữ Như Lai: Từ đêm thành đạo, đến đêm Niết bàn, Thế Tôn nói sao thì làm vậy, làm sao thì nói vậy. Từ đêm thành đạo, đến đêm Niết bàn, những gì Thế Tôn nói thì không thể sửa khác được. Những ý nghĩa đó làm nên cái gọi là hồng danh Như Lai.

Úy: sắp làm sắp nói điều gì bất thiện thì luôn luôn bị ám ảnh bởi một trong những nỗi sợ: sự cắn rứt của bản thân, sợ dư luận, sợ pháp luật trừng phạt, sợ ác báo quả khổ sau này.

Thất niệm là sống không tỉnh thức, sống như kẻ chết rồi mà chưa chôn. Chôn rồi mà chưa chết là những người khi sống có thực hiện những điều lành, có đóng góp cho chúng sinh, dù họ có đi mất thì dư hương, ảnh hưởng tích cực của họ vẫn còn lại ở đời, không mất. Ví dụ như Đức Phật, các bậc hiền thánh, Khổng Tử, Huyền Trang, ngài Ajahn Chah… họ không còn nữa nhưng đóng góp của họ vẫn sừng sững giữa đời như một ngọn núi. Đó là những người có chánh niệm.

Ác tuệ: người không trí, hành động mà không dựa trên hiểu biết sáu tiêu chí: lợi, hại, mình, người, đời này, kiếp khác. Sống không quan tâm đến 6 khía cạnh này gọi là ác tuệ. Đủ sáu khía cạnh này thì gọi là hiền trí.

Trong quá khứ, trong hiện tại, trong thời vị lai, bất cứ không gian thời gian nào thì những điều này vẫn như vậy: chúng sanh cỡ nào thì cộng hưởng, cộng trú, cộng sinh, cộng nghiệp với những người tương đương với mình. Có người có đức tin trong sạch nhưng tại sao họ sống chung với những người vô thần, dị kiến?

Lòng của người này luôn nghĩ về người kia, cũng là một cách cộng hưởng. Ví dụ tôi có đức tin Tam Bảo, có kiến thức Phật pháp, nhưng lại là người thiếu pháp bố thí, không nghiêm trì giới luật, mai này có thể tôi sanh ra trong bối cảnh không tốt đẹp lắm. Nhưng với những gì tôi có, tôi cũng là một điểm hẹn của các bậc hiền trí, do tôi thiếu phước nên cơ hội gặp những vị đó hơi ít so với các bạn lành của tôi. Trong kinh Đức Phật có dạy, khi tỳ kheo đến một địa phương nào đó thì ưu tiên cho người có giới hơn là người không có giới, ưu tiên cho người có hạnh bố thí hơn là người không biết bố thí, ưu tiên cho người đa văn hơn người không lắng nghe, ưu tiên cho người có tàm úy chớ không phải người không có tàm úy, ưu tiên cho người có đức tin chớ không phải không có đức tin. Ví dụ có người nào đó mời tôi đến Bắc Âu hoặc tôi tự lấy vé máy bay đi qua Đan Mạch, thì chỗ tôi tìm đến phải là một ông thầy, một sư cô hay cư sĩ nào đó có niềm tin Phật pháp. Nếu phải ghé chỗ nào đó thì tôi vẫn thích ghé chỗ người có lòng tu hơn, dù họ nghèo nàn cách mấy đi nữa nhưng tôi vẫn ưu tiên bởi họ có niềm tin. Dù họ có sống cô đơn quạnh hiu ở Bắc Âu nhưng nội dung tâm hồn của họ là điểm hẹn của những người giống họ. Người thích nhiếp ảnh, thì tìm đến người thích nhiếp ảnh, người thích chơi tem tìm đến người chơi tem, người thích chơi đồ cổ tìm đến người thích chơi đồ cổ. Trên thế giới này người ta lập ra những câu lạc bộ để những người đồng sở thích tìm đến nhau, câu lạc bộ của những người đua ngựa, người chơi du thuyền, chơi xe, đánh bài, uống rượu, người độc thân, người li dị, thích làm chính trị, hoặc câu lạc bộ cho những người ủng hộ những phong trào nào đó. Các câu lạc bộ đó là điểm hẹn cho những người ở cùng cảnh giới với nhau trong lĩnh vực nào đó.

Tôi đã giảng một lèo cả chục bài kinh. Tiếp theo là bài Năm Học Pháp.

NĂM HỌC GIỚI (Pancasikkhapadasutta)

*Ngũ giới

Bài kinh này HT Minh Châu ghi là Năm Học Pháp nhưng phải hiểu là Năm Học Giới, là Kinh Ngũ Giới. Tại sao tôi dừng lại ở kinh này?

Có một số chuyện phải nói rõ với bà con ở đây. Trong chú giải có ghi rõ.

Nghiệp sát sinh:

“pāṇātipāto dosamohavasena dvimūlako”: nghiệp sát sinh có từ hai căn bất thiện là sân và si.

Nhiều người không biết cứ nghĩ đi săn bắn, câu cá là do thích. Hoặc người đang làm cá, hoặc làm thịt con này con kia là do thích. Cảm giác ngồi rình con mồi để câu, để bắn, thì lúc đó là tâm tham, nhưng động cơ rốt ráo của động tác chấm dứt mạng sống của đối tượng thì bắt buộc phải được thực hiện từ tâm sân. Tâm sân là sự tàn phá hủy diệt đối tượng. Ngay khoảnh khắc quyết định xuống tay cướp mạng sống của đối tượng, lúc đó phải là tâm sân nhưng quá nhanh nên mình không ngờ. Thấy người ngồi câu cá chỉ ngồi thong thả cười vậy thôi nhưng lúc quyết định giật sợi dây câu dính miệng con cá thì lúc đó phải có cái ác trong đó. Săn bắn cũng vậy, lúc bóp cò hoặc cầm con dao cứa cổ con thú lúc đó phải có tâm sân, phải có chút yếu tố tâm lý là sự tàn phá hủy diệt, sự chà đạp giày xéo lên đối tượng. Đó là giới sát sanh. Nghiệp sát sanh do hai căn bất thiện là sân và si

Nghiệp trộm cướp có từ ba căn bất thiện là sân và si hoặc tham và si. Nhiều khi mình cố ý lấy món gì đó cho bõ ghét, hoặc tàn phá món đồ người nào đó ưa thích, gọi là lấy do giận hoặc do tham

Nghiệp tà dâm do hai căn tham và si. Tà dâm là chung chạ với người khác cũng là do tham hoặc do tham cộng với si.

Nghiệp nói dối (vọng ngữ) do ba căn sân và si, hoặc tham và si.

Nghiệp lưỡng thiệt (pisuṇavācā) và nghiệp phiếm luận cũng do ba căn như nghiệp vọng ngữ.

Nghiệp ác ngữ (pharusavācā) do hai căn bất thiện là sân và si.

Trong mọi trường hợp, hễ bất thiện là có phải si đi cùng. Bởi si là vô minh trong Bốn Đế (nói một cách chuyên môn) hoặc nói khác đi là không thấy được nghiệp lý không thấy được luân hồi. Ngay khoảnh khắc đó mình coi nhẹ những điều đó hoặc không quan tâm, không nhớ, không thấy. Một vị Tu-đà-hoàn thì không cách chi sát sanh được vì vị ấy luôn luôn có nhận thức thường trực về nghiệp lý. Mình học đạo chẳng có gì để mình kiêu ngạo, vì cái hiểu của mình không đủ để chấm dứt phiền não, và không đủ để thay đổi con người của mình trở nên tốt hơn; cái hiểu của mình về Phật pháp chỉ có tác dụng đời này chứ đời sau (mà có thể là một lát nữa đây) sanh ra trong gia đình cộng sản vô thần, gia đình Hồi giáo, Cơ Đốc giáo hay tào lao giáo nào nữa thì bao nhiêu cái học của mình lúc đó thành zero. Bây giờ mình học A-tỳ-đàm, làm hành giả Tứ Niệm Xứ ở Miến Điện, chứ lát nữa chui vào bụng ông cán bộ cao cấp, ổng gởi qua TQ, Cuba, Bắc Hàn tập huấn rồi cho ngồi ngôi cao chức cả, tối ngày cứ lo củng cố cái quyền lợi, còn nhớ gì Phật

pháp nữa không. Tu học là gieo chủng tử Phật pháp, nhưng tôi cũng báo cho quí vị biết một tin buồn, chủng tử là khi nào mà mình gặp được hiền thánh, khi nào mình sanh ra trong điều kiện thích hợp với cái mình đã học, đã tu, đã suy nghĩ thì chủng tử đó mới có điều kiện để lộ diện, chứ còn nếu mình chỉ học thôi mà còn là phàm phu, lại do tiền nghiệp quá khứ nhiều biết bao nhiêu, chỉ cần tái sanh vào chỗ trời ơi đất hỡi thì những cái mình học tạm thời xếp xó. Tạm thời này trong thời gian bao lâu?

Tạm thời này có thể là một năm, mười năm, hai mươi năm hoặc một kiếp, hai kiếp, một trăm kiếp, tám chục ngàn kiếp. Trong chú giải Bổn Sự kể rằng, có một vị A-la-hán thời Đức Phật mới có năm tuổi. Lúc đầu tôi nghĩ kinh ghi nhầm số, trong bản Thái ghi số 5, dò trong bản Pāḷi ghi là Pañca. Năm tuổi hiểu được cái gì mà lại đắc A-la-hán?

Vị này lần đầu tiên sơ phát bồ đề tâm cầu giải thoát thời gian đó lâu đến nỗi quí vị nghe mà hết hồn. Trong ngày Bồ tát Sumedha trải mình lên đống sình cho Đức Phật và chư thánh tăng dẫm mà đi, ngài sơ phát bồ đề tâm, phát đại nguyện trở thành Chánh Đẳng Chánh Giác. Vị sadi năm tuổi này lúc đó là có mặt trong đám đông mục kích toàn bộ quang cảnh đó, khi mọi người nghe Phật Nhiên Đăng xác nhận: "Đây là vị Phật tương lai" (bodhisatta, buddhankura). 'Ankura': lộc, chồi non, đọt măng. 'Buddhankura' là vị Phật tương lai. Lúc đó trong đám đông (gồm chư thiên và loài người) có một cô gái, thấy Bồ tát được thọ ký mừng lắm, có mấy cái bông bèn chia hai đưa cho Bồ tát và nói rằng: Ngài cúng cho Phật đi. Đức Phật Nhiên Đăng mới nói rằng cô gái này sẽ cùng với Bồ tát (đang nằm dưới đất) chung vui cộng khổ và sau cùng người nữ này sẽ là người đi theo Bồ tát suốt hành trình Phật đạo, lý tưởng Ba-la-mật, đó chính là bà Yasodhara (Da- Du-Đà-La). Cũng trong hội chúng đó, nhiều người hoan hỉ và phát nguyện trở thành Phật, nhưng một tỉ người phát nguyện cũng chỉ một người thành. Trong số đó có một người vô danh cũng hoan hỉ nhưng tàn cuộc thì người này sau này chơi với bạn xấu, phạm tội giết cha giết mẹ, cứ vậy trầm luân sa đọa, thỉnh thoảng cũng trồi lên làm người, tu hành lai rai chút ít rồi đọa tiếp, cứ như vậy suốt bốn a-tăng-kỳ và một trăm ngàn đại kiếp tương đương Bồ tát Thích Ca Mâu Ni tu hành Ba-la-mật, tương đương bà Yasodhara, đến đời Đức Phật Thích Ca thì đắc quả A-la-hán lúc bảy tuổi. Tôi kể chuyện này ý muốn nói rằng mình làm phước làm thiện thì không có mất, nếu có lòng hướng đến quả vị giải thoát. Nhưng nếu tu hành giải đãi thì rất lâu. Những gì mình học mình tu bây giờ mà tự hào tự đắc, thấy cao siêu vĩ đại nhưng thật ra chỉ cần 15 phút nữa không thở nữa thì chuyện mình đi về đâu có trời biết, lát nữa đây mình sanh ra làm rắn chuột, cào cào, châu chấu gì đó

cũng không biết, và nếu làm người mà lọt vào xứ Trung Đông hoặc Châu Âu ngoan đạo TCG hoặc cộng sản vô thần thì mọi sự sẽ khác đi nhiều lắm.

Trong này tôi thấy cái gì cần thì giải thích thêm, phần còn lại bà con tự biên tự diễn nghen. Trong đây nói mỗi một nghiệp có bao nhiêu khía cạnh phải phân tích, tôi nghĩ chẳng cần thiết, bà con là dân không chuyên mà tôi đi chuyên quá thì mất thời gian của mình mà cũng uổng thời gian của quí vị. Trong đây nói nghiệp ác như vậy xét trên khía cạnh cảnh, khía cạnh thọ, khía cạnh căn. Khía cạnh cảnh: nghiệp sát sanh lấy mạng sống của chúng sinh làm cảnh, thuộc về cảnh hữu vi. Nghiệp trộm cắp cũng lấy chúng sinh làm cảnh. Nghiệp nói dối cũng lấy chúng sinh làm cảnh, nhưng nghiệp phiếm luận lấy chúng sinh làm cảnh đã đành, mà còn lấy những điều thuộc về cảnh pháp, những điều liên hệ trực tiếp và gián tiếp. Có cái liên hệ trực tiếp cảnh sắc, cảnh thinh, cảnh khí, cảnh vị. Có cái liên hệ cảnh pháp. Khía cạnh thọ:nghiệp sát sinh thuộc về khổ thọ, tâm sân. Nghiệp trộm cắp đủ 3 thọ (khổ, lạc, xả), có lúc lấy vì vui, có lúc lấy vì bực mình, có lúc hờ hững lãnh đạm. Tà dâm thì có hai thọ (xả hoặc lạc). Nói dối có đủ ba thọ, nói đâm thọc, nói ác ngữ có khổ thọ. Phiếm luận có đủ ba thọ.

MƯỜI TÀ ĐẠO

Người sống theo chánh đạo sẽ đến với nhau. Kẻ tà đạo cũng đến với người tà đạo.

Chúng ta đang kết thúc phẩm thứ ba với kinh Mười Chi. Phẩm thứ tư sẽ bắt đầu với kinh Bốn.

MƯỜI CHI

*Bát Chánh Đạo.

Chánh kiến là trí tuệ thấy rõ Tam tướng và nghiệp lý. Tam tướng là biết rõ vạn hữu do duyên mà có, đã có rồi phải có lúc biến mất. Trí thấy nghiệp lý là biết rõ tâm thiện, việc thiện, lời thiện dẫn đến quả lành; tâm ác, việc ác, lời ác dẫn đến quả khổ. Nói rộng thì chánh kiến là trí tuệ trong Bốn Đế. Khổ đế là mọi hiện hữu ở đời. Tập đế tạo ra (make, create) Khổ đế. Đạo đế dẫn đến (lead) Diệt đế.

Do hiểu mọi hiện hữu là khổ nên không tha thiết với bất cứ hình thức hiện hữu nào ở đời. Do hiểu tham thích là nguồn khổ nên e sợ trước mọi đam mê. Do hiểu cứu cánh giải thoát thật sự phải là sự vắng mặt của danh sắc, phiền não nên không màng đến những cứu cánh nửa vời nào đó như mong sanh về cõi này hay

cảnh nọ. Do hiểu con đường giải thoát chỉ có một là Bát Chánh Đạo nên không đi theo những pháp môn hành trì nằm ngoài Bát Chánh Đạo.

Chánh tư duy là ngược lại với tà tư duy. Chánh tư duy là ly dục tư duy, vô sân tư duy, và bất hại tư duy.

Ly dục tư duy là không suy nghĩ đam mê trong năm trần cảnh, là những suy nghĩ đi ngược lại ham thích ở đời. Chỉ có những suy nghĩ chỉ gồm tín, tấn, niệm, định, tuệ, vô thường, nhân quả, Tam tướng…

Vô sân tư duy là không bất mãn những gì ở đời theo nghĩa tiêu cực (ghét, không ưa, giận, phiền cái này cái nọ người này người kia).

Hại tư duy là những suy nghĩ mang nội dung chống phá, đập đổ, hủy diệt, chà đạp đối tượng, mong cho ai đó bị cái này cái kia, hoặc vật gì đó tan nát, hư hao. Không như vậy thì gọi là bất hại tư duy.

Có một cảnh giới tạm thời không có ly dục tư duy, vô sân tư duy, và bất hại tư duy đó là cõi Phạm Thiên. Trên cõi Phạm Thiên Sắc giới trở lên không có dục tư duy, sân tư duy và hại tư duy. (Tôi đang giảng dựa theo chú giải của Đế Phân Biệt Kinh, Kinh Trung Bộ.)

Chánh ngữ: cách nói năng đi ngược lại với tà ngữ. Tà ngữ là nói dối, nói đâm thọc, nói lời độc ác, nói lời vô ích. Chánh ngữ là những đề tài nói chuyện dẫn đến sự thành tựu, sự hỗ trợ Bát Chánh Đạo, hỗ trợ tu tập, khiến thiện pháp sanh trưởng. Gồm có 10, cách nói năng nào hỗ trợ Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định, Chánh giải thoát, Chánh trí thì gọi là Chánh ngữ. Còn mở miệng ra mà không giúp được 10 điều trên thì gọi là tà ngữ. Gặp nhau mà nói toàn tham hay sân là thua rồi. Chánh ngữ là đề tài nói chuyện nào khiến thiện pháp tăng trưởng. Năm nay tôi già rồi, gần 50, mới ngộ ra một điều tại sao tôi thường xuyên sống bực mình suốt "mùa thu cách mạng", tôi ngộ ra, ngày nào trên tay mình còn có cục a lô, ngày nào còn check email là còn bực mình, ngày nào còn gặp ông Tám bà Tư là ngày đó còn khổ. Tôi phát hiện một điều đó là bà con muốn tu thiền Chỉ, thiền Quán, đặc biệt là tu tâm từ, thì chuyện đầu tiên là cắt đứt mọi quan hệ với thiên hạ kể cả người thân thiết nhất (cha, mẹ, vợ chồng, con cái, thầy tổ…) chỉ nên gặp người nào mà họ giúp cho mình công phu tu tập trước mắt, còn sự có mặt nào không giúp được gì thì làm ơn né. Còn cầm cục alô, còn trả lời email, còn có facebook, paltalk, skype thì tôi xin hứa một ngàn hai trăm phần trăm đừng hòng

nói chuyện tu tâm. Chánh ngữ vô cùng quan trọng, hễ thấy đề tài tào lao là làm ơn cắt ngay.

Chánh nghiệp: trong kinh có định nghĩa rất mềm cho bà con sơ cơ: không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Nói cho rốt ráo, tất cả thân nghiệp của mình đều phải là thiện, là lành mới là chánh nghiệp. Không phải chỉ né sát sanh, trộm cắp, tà dâm; cách nói này cũng là mẹo: khi một người không sát sanh, trộm cắp, tà dâm thì họ có một mức độ tối thiểu như thế nào rồi. Không sát sanh là lòng luôn luôn tôn trọng tánh mạng, cảm giác, cảm xúc của người khác. Không trộm cắp là lòng luôn luôn tôn trọng quyền lợi của người khác. Không tà dâm nghĩa là coi nhẹ tình cảm nam nữ. Đơn vị gốc của tam giới này chính là cõi Dục. Có đi về cõi nào đi nữa, hễ sống hết tuổi thọ là trở về cõi Dục. Nếu về cõi Dục mà ngồi yên không cố gắng gì hết thì đi về 4 đọa xứ. Vì sao vậy, vì phiền não trong người lúc nào cũng mạnh hơn tất cả, nặng hơn thiện pháp. Các thành tố tâm lý gồm có thiện ác, nhưng ác là gốc của mình, chỉ sơ ý lơ đễnh một chút thì sẽ trở về với cái bất thiện. Trong nghiệp bất thiện, tham ái vô minh là gốc. Trong Tăng Chi Bộ Kinh bài đầu tiên Đức Phật nói: Ta không thấy một sắc, thinh, khí, vị, xúc nào xâm chiếm và ngự trị tâm người nam như sắc, thinh, khí, vị, xúc từ người nữ. Và không thấy những gì làm cho người nữ đam mê hơn là những gì xuất phát từ người nam. Đơn vị gốc của phàm phu là tình cảm nam nữ. Cốt lõi của chánh nghiệp là tôn trọng quyền lợi của người khác, quyền sống và quyền sở hữu. Ý nghĩa thứ hai của chánh nghiệp là đối phó "tội tổ tông" trong PG.

Chánh mạng: Tôi từng hỏi nhiều người chánh mạng là gì, và họ trả lời là không tà mạng. Như vậy thì một người nằm thiêm thiếp trên giường cũng là chánh mạng sao. Nếu nói chánh ngữ là không nói dối, không đâm thọc, không nói lời ác ngữ… thì một người nằm liệt giường hay đứa bé còn bú chưa biết nói là đang chánh ngữ sao. Chánh mạng là sống bằng tinh thần đối lập với tà mạng. Tà mạng là kiểu sống bằng phương cách bất thiện. Theo tinh thần rốt ráo của Phật pháp, mọi hiện hữu ở đời là khổ cho nên chuyện tha thiết sống ở đời đã là chuyện không đúng. Bây giờ muốn duy trì sự có mặt đó bằng cách đàng hoàng đã bậy, nói chi là duy trì sự có mặt đó bằng cách tầm bậy thì còn bậy cỡ nào nữa. Hành giả luôn luôn nhớ rằng duy trì sự có mặt này đã là bậy rồi, mà duy trì bằng cách giựt dọc, đe dọa, nịnh bợ, lừa dối, buôn gian bán lận, bán những thứ hại mình hại đời, kiếm tiền trên sự đau khổ của người khác v.v... gọi là tà mạng Người xuất gia sống theo cách phi Sa-môn thì gọi là tà mạng. Cách sống của Sa-môn, tăng ni là trang nghiêm bản thân và sống bằng niềm tin của cư sĩ. Đó là chánh mạng của hàng xuất gia. Tất cả những phương thức làm thầy bà, phong thủy, bói toán, cầu

đảo; hoặc dọa người ta là sao La Hầu, sao Kế Đô chiếu mạng, cần phải cúng sao giải hạn v.v... đều là tà mạng.

Bát Chánh Đạo không phải là hình thức nhìn bằng mắt, Bát Chánh Đạo ở đây là tinh thần nhiều hơn thể hiện. Ví dụ trong kinh nói giây phút chứng đạo mình phải có đủ bát chi đạo, nếu mình định nghĩa chánh mạng là nuôi mạng chân chánh thì trong một khoảnh khắc ngắn như vậy mình nuôi mạng kiểu gì. Vì vậy chỉ nói về mặt tinh thần, tinh thần nào đối lập với tà mạng thì gọi là chánh mạng, tinh thần nào đối lập với tà ngữ thì gọi là chánh ngữ, tinh thần nào đối lập với tà nghiệp thì gọi là chánh nghiệp. Ai nghi ngờ điều tôi nói thì xin vào đọc trong Vô Ngại Giải Đạo, tiếng Việt đã có; Tam Tạng cuốn 31, phần Maggakathā.

Chánh niệm: niệm ở đây phải là chánh niệm của hành giả tu Tứ Niệm Xứ. Niệm của một anh chàng ăn trộm trèo tường hay một kẻ ngoại tình trốn dưới giường thì không gọi là chánh niệm. Niệm là ghi nhận cái gì đang xảy ra, để cho trí tuệ làm việc. Đụng chạm, nóng, lạnh, đi, đứng, nằm, ngồi, buồn, vui biết rõ. Biết rõ cái này là tham, cái này là sân, cái này là thọ hỷ, thọ khổ, thọ lạc… cái này là hỷ giác chi, cần giác chi, cái này là dục triền cái, sân triền cái v.v... đó chính là trí tuệ.

Một người Hồi Giáo, Ấn Giáo, Do Thái giáo, họ vẫn có chánh niệm, nhưng niệm đó không được gọi là chánh niệm trong Bát Chánh Đạo

Chánh định: là một trong ba thứ định: sát-na định, cận định, kiên cố định (khanikasamadhi, upacarasamadhi, appanasamadhi).

Sát-na định: khả năng tập trung trong từng khoảnh khắc.

Cận định: khả năng tập trung của của người sắp đắc thiền.

Kiên cố định: là định của tầng Sơ thiền trở lên.

Định là sự tập trung tư tưởng của người đang hành đạo giải thoát, không phải của người thích trầm luân. Đang lái xe, đang ngồi sửa đồng hồ hay chơi tem cũng là định nhưng không phải là chánh định.

Chánh tinh tấn gồm thận cần, trừ cần, tu cần, bảo cần. Thận cần là ngừa điều xấu chưa xảy đến. Trừ cần là sự nỗ lực ngăn chặn điều xấu đang có, là nỗ lực phát triển điều tốt đẹp chưa có, làm cho nó phát sinh. Tu cần là nỗ lực tìm thêm việc tốt trước đây chưa có. Bảo cần là gìn giữ sự tốt đẹp không để mất.

Nếu mình là hành giả, có người rủ chiều nay đi shopping, mình biết niệm mình đang mạnh, đang tốt, nếu mình đi thì chánh niệm sẽ bị mất. Ngay trong suy nghĩ đó là có đủ tứ chánh cần. Vì đó là chuyện chưa xảy ra, mình còn đang trong thiền viện, mình đã lường trước sẽ thất niệm, không muốn ác pháp sẽ có, sẽ bị phiền não, đó gọi là thận cần, và khi có chánh niệm như vậy cũng đang có trừ cần, đang đối phó với cái tham. Bốn cái thận, trừ, tu, bảo này luôn có mặt.

Đi ngược Bát Chánh Đạo tức là bát tà đạo. Mười Đạo là có chánh trí và chánh giải thoát. Chánh trí là 19 trí phản khán. Tà giải thoát (micchavimutti = kusalavimutti) là sự giải thoát bằng cách quẩn quanh trong Tam giới bằng các thiện nghiệp hữu lậu.

Tà trí là phản khán sai lầm. Người ta có đắc thiệt thì mới có chánh trí để nhìn lại.

Bài giảng ngày 31-1-2015 NĂM HỌC GIỚI (tt)

Ôn lại bài cũ, Đức Phật dạy, chúng sinh loại nào đi theo loại đó. Loại người nào tìm loại người đó để chơi, thông thường là vậy. Có vui thì người ta mới đi kiếm chỗ chơi. Người thích đàn ca hát xướng, ăn uống, câu cá săn bắn, ngồi lê đôi mách có khuynh hướng tìm đến nhau. Đặc biệt là những người nhiều chuyện, bản thân họ biết những điều đó là do mình bịa ra, và đối phương cũng là dân nhiều chuyện như mình, chuyện bé xé ra to, nhưng chính người nhiều chuyện là người thường bị cuốn hút bởi chuyện tào lao của thiên hạ. Mình thường hay nói dối, lẽ ra mình phải cảnh giác đề phòng chứ, vậy mà khi người khác gạt mình vẫn tin như thường. Chính mình biết đó là người xấu người ác, chỉ cần mình sa cơ là họ xuống tay không thương tiếc, nhưng làm gì làm chưa gặp chuyện là cứ xáp vô chơi. "Cứ tìm những chốn đoạn trường mà đi". Có trường hợp, người ta chỉ cần giống người mình thích là mình đã khoái. Vì vậy, hãy cẩn thận lựa bạn mà chơi.

Trở lại một chút bài Năm Học Giới, ngài Minh Châu dịch là 'Năm Học Pháp' nghe rất lạ. Dịch là Ngũ giới cũng không sai.

Để gọi là sát sanh thì phải đòi hỏi 5 yếu tố: Trước hết, đó phải là chúng sinh, biết đó là chúng sinh, có tâm sát hại, sự nỗ lực, động vật đó bị chết do sự nỗ lực của mình.

Sự nỗ lực có thể bằng nhiều cách, ví dụ di ngón tay, chế nước sôi, bật quẹt cho mấy con kiến chết. Nếu nhìn hột mè mà tưởng là con kiến thì không phải là sát sanh, sát sanh là biết rõ đây là con kiến. Năm điều này có thể xem trong cuốn Kinh Nhật Hành của HT Hộ Tông. Ở đây tôi chỉ kể những chuyện mà trong đó không nói.

Theo Chú giải, sát sanh là chuyện phải tránh vì chính mỗi người đều sợ người khác tấn công, sao lại tấn công người khác. Không ai muốn đau đớn chết chóc, sao lại làm cho người khác phải đau đớn chết chóc. Có người làm khó hỏi tôi, nếu như nhà nhiều chuột nhiều gián, nếu không giết thì phải làm sao. Trong số người hỏi này có người thật lòng, có người thì làm khó. Để trả lời câu hỏi đó, hoặc như câu hỏi, đạo Phật là đạo từ bi, nhưng có ai muốn làm hại mình thì sao, tôi chỉ có một câu trả lời chung, đó là có tới trăm ngàn trường hợp làm sao có thể tìm ra một hướng giải quyết cho tất cả tình huống được. Câu trả lời duy nhất là: Anh hãy tự hỏi lòng anh đi, anh có muốn sát sanh hay không, anh có tham của người hay không, anh có lòng hại người hay không?

Nếu anh trả lời thật lòng không muốn, thì ở mỗi hoàn cảnh sẽ có lối thoát. Ví dụ nếu biết đó là những con kiến, con chuột, con gián, giết nó mình sẽ bị cái gì đó, không nói đến nghiệp báo xa xôi, chỉ cần biết giết con kiến xong mình mất ngủ hai đêm, giết con chuột xong mình nổi dị ứng một tuần, giết con gián xong thì mụn đầy mặt v.v..., nếu giết xong quả báo nhãn tiền như vậy thì tự nhiên mình sẽ tìm ra lối thoát ngay. Còn đây là lòng mình thật ra không tha thiết lắm trong chuyện từ bi, thương chúng sanh. Khi mình thương con mình, con mình đưa mình vào biết bao nhiêu hoàn cảnh khó xử mình đã giải quyết ra sao?

Rất là ngoạn mục! Bởi vì mình thương con. Vì vậy trong những hoàn cảnh thế này mình cũng có cách lách rất linh động, hãy hỏi lòng mình, mình có thật sự muốn giữ giới hay không, nếu muốn thì ở mỗi hoàn cảnh mình sẽ tìm ra cách giải quyết tốt nhất.

Năm yếu tố cấu thành tội sát sanh:

Pañca sambhārā honti – pāṇo, pāṇasaññitā, vadhakacittaṃ, upakkamo, tena maraṇant (1.Đối tượng là chúng sinh. 2.Mình biết đó là chúng sinh. 3.Có tâm cố sát. 4.Ra sức giết. 5.Đối tượng bị chết dưới tay mình)

Quí vị chịu khó đi, quí vị nào ghét Pāḷi cũng chịu khó, đây là cơ hội để mình học bản gốc. Dùng điện thoại nói dóc thì được, mà học cái khó thì nói mình không có thời gian. Vừa rồi tôi đi Anh, giữa thành phố Luân Đôn hoa lệ vậy mà mỗi ngày vẫn có những Phật tử Miến Điện đến chùa cúng dường thức ăn. Giàu có, nghèo có, bữa ăn sơ sài nhưng cách của họ đẹp lắm. Họ tác bạch bằng tiếng Miến Điện. Tất cả những người trong nhóm đều đứng chạm tay vào bàn để dâng chư tăng, dầu các sư nói tiếng gì với họ trong đó toàn là thuật ngữ Pāḷi. Tôi rất hoan hỉ và nhớ đến bà con VN mà chạnh lòng. Tuy trong ngôn ngữ của họ có tiếng Pāḷi sẵn, nhưng không phải vay mượn Pāḷi nhiều như vậy. Ông sư nói chuyện với Phật tử xài từ Pāḷi nhiều như là thầy Bắc tông giảng cho Phật tử VN xài từ Hán Việt. Các sư Thái Lan, Tích Lan hay Miến Điện nói chuyện với Phật tử, tiếng gì không cần biết nhưng xài từ Pāḷi rất nhiều vì đệ tử của họ được học. Nếu quí vị cứ sợ những chữ này, mai này đi qua các thiền viện Thái Lan, Miến Điện sẽ bỏ lỡ nhiều cơ hội, thí dụ mình đi trình pháp chẳng hạn, ông thầy phần lớn vẫn xài chữ sati, sampajāna, uddhaccakukkucca, thay vì niệm, tỉnh giác, trạo hối.

Tiếng Đức có chữ rất kỳ: ‘anhaften’; có chỗ người ta dùng để dịch chữ ‘taṇhā’ (khát ái), có chỗ dùng để dịch chữ ‘upadana’ (thủ) trong Duyên khởi. Đây là lý do tại sao chúng ta phải học Pāḷi.

Năm yếu tố cấu thành tội trộm cướp:

Pañca sambhārā honti – paraparigghahitaṃ, paraparigghahitasaññitā, theyyacittaṃ, upakkamo, tena haraṇant (1.Đó là vật của người khác. 2.Mình biết rõ điều đó. 3.Có tâm sang đoạt. 4.Ra sức chiếm hữu. 5.Đã lấy được.)

Bốn yếu tố cấu thành tội tà dâm:

Cattāro sambhārā – agamanīyavatthu, tasmiṃ sevanacittaṃ, sevanappayogo, maggenamaggapaṭipattiadhivāsananti. (1.Đối tượng cấm kỵ. 2.Mình có lòng ham muốn gần gũi. 3.Ra sức. 4.Đã thực hiện xong)

Đối tượng cấm kỵ ở đây là người được gia đình, thân nhân, kẻ giám hộ, luật pháp bảo vệ. Ví dụ ở gần cô nhi viện, trong đó có một cô bé dễ thương, nếu tìm cách chiếm hữu cô bé vẫn gọi là tội tà dâm, vì cô là người được giám hộ. Chỉ có một đối tượng ok là trên 18 tuổi, có ý thức tự vệ rõ ràng và xã hội không lên án. Có những nơi người trên 18 tuổi có quyền tự quyết. Nếu đối tượng đó bị mất trí, hôn mê, say rượu cũng không được. Bên Vân Nam, Trung Quốc, có những dân tộc có tập tục lạ, phụ nữ ra đường gặp đàn ông mình thích thì đến bắt chuyện rồi lấy ngón tay cào vào lòng bàn tay đàn ông, để lại địa chỉ. Tối đó người đàn ông tìm đến nhà cô ta theo lối cửa sổ. Và hôm sau khi rời nhà cô ta thì ân đoạn nghĩa tuyệt như chưa từng quen biết. Giới tà dâm ở chỗ này không giống chỗ kia, ở chỗ A cho là phạm nhưng ở chỗ B thì không. Nhưng nói chung, theo lời Đức Phật, thì chúng ta hạn chế tối đa giao du với người khác phái ngoại trừ người hôn phối hợp pháp với mình.

Bốn yếu tố cấu thành tội nói dối:

Cattāro sambhārā honti – atathaṃ vatthu, visaṃvādanacittaṃ, tajjo vāyāmo, parassa tadatthavijānanant (1.Chuyện không thật. 2.Có lòng khuynh đảo thị phi. 3.Tìm cách thuyết phục đối tượng. 4.Người ta chấp nhận lời mình)

Trong trường hợp nào giới SÁT SANH được gọi là tội nặng, trường hợp nào được gọi là tội nhẹ?

So guṇavirahitesu tiracchānagatādīsu pāṇesu khuddake pāṇe appasāvajjo, mahāsarīre mahāsāvajjo. Kasmā?

Payogamahantatāya, payogasamattepi vatthumahantatāya. Guṇavantesu manussādīsu appaguṇe appasāvajjo, mahāguṇe mahāsāvajjo. Sarīraguṇānaṃ

pana samabhāve sati kilesānaṃ upakkamānañca mudutāya appasāvajjo, tibbatāya mahāsāvajjot

Đối tượng bị giết không có đức độ, thân xác nhỏ bé thì tội ít, ngược lại thì tội nhiều.

Khi giết một con người, con voi thì phải ra sức nhiều, phải có cố ý dàn dựng sắp xếp, tổ chức có hệ thống, còn giết con kiến, con ruồi thì đơn giản, không phải ra sức. Đối tượng bị giết càng đức độ thì tội càng lớn, đối tượng to xác, thì tội nhiều hơn. Tâm lúc ra tay mà ý sát mạnh hơn thì tội cũng nhiều hơn. Ví dụ thấy người ta bị đau tim lên cơn té xuống mà chai thuốc lăn ra, thay vì mình lượm chai thuốc cho người ta mình đứng ngó xem người ta làm gì, hoặc lấy chân đá chai thuốc cho lăn ra xa mất tiêu. Một đằng mình ngó không ra tay, một đằng mình ra sức đá chai thuốc sang một bên, phải bằng một phiền não mãnh liệt (tibbakilesa) mới làm được chuyện đó. Chuyện mình đá hộp thuốc là mình đã cướp đi hy vọng sau cùng của người ta rồi, đây là ác dữ!

Trong trường hợp nào giới TRỘM CƯỚP được gọi là tội nặng, trường hợp nào được gọi là tội nhẹ?

Taṃ hīne parasantake appasāvajjaṃ, paṇīte mahāsāvajjaṃ. Kasmā?

Vatthupaṇītatāya. Vatthusamatte sati guṇādhikānaṃ santake vatthusmiṃ mahāsāvajjaṃ, taṃ taṃ guṇādhikaṃ upādāya tato tato hīnaguṇassa santake vatthusmiṃ appasāvajjaṃ.

Vật có giá trị sẽ tội nhiều hơn, lấy của người đức độ tội nhiều hơn. Từ đó suy ra, lấy của tập thể tội nhiều hơn của cá nhân. Như cúng dường tập thể Tăng thì công đức cúng dường lớn hơn cá nhân, vì trong đó hạng nào cũng có. Lấy vật giá trị tội nhiều hơn cũng là do phiền não mãnh liệt (tibbakilesa). Lấy trộm viên kim cương thì cái lòng muốn lấy phải mãnh liệt hơn lấy củ khoai củ sắn. Cúng dường trai tăng cho đông đảo chư tăng vô phân biệt thí thì công đức lớn hơn vì trong đó đủ hạng người, có vị sẽ thành Phật Chánh Đẳng Giác, có vị sẽ thành Độc Giác, thành Chí thượng Thanh văn, có vị đã là Tu-đà-hoàn, có vị sửa soạn thành A-na-hàm, có vị đang là A-la-hán, có vị có đại nguyện, có vị có tiểu nguyện. Vì vậy, nói tới đám đông thì phước cũng nhiều hơn và tội cũng nhiều hơn nếu mình có hành động nào nhắm tới tập thể đó.

Trong kinh Cúng Dường Phân Biệt, Trung Bộ Kinh có câu: Trong kinh Cúng Dường Phân Biệt, Trung Bộ Kinh có câu: "sangghe dinne amhepi dinnam": Khi tăng chúng được cúng dường cũng là lúc Ta được cúng dường. Vì sao vậy?

Vì trong tập thể Tăng ấy hạng nào cũng có, và khi nhìn vào tập thể Tăng không ai có thể không nghĩ đến Phật. Nhìn một tập thể Tăng trùng trùng điệp điệp mà không nghĩ đến Đức Phật thì không thể nào làm được, giống như nhìn vô rừng mà không thấy lá nhìn mặt biển mà không thấy nước.

Phước tội nào mà nhắm đến tập thể thì quả báo cũng lớn hơn nhắm vào cá nhân.

Nếu bà con ở chỗ không có tăng ni thì thỉnh thoảng mời bà con bạn đạo đến nhà ăn bữa cơm thì đó cũng là sự cúng dường cho tập thể. Nếu tụ tập uống bia hát karaoke thì không phải, còn nếu tập trung lại hành thiền, lễ Phật, tụng kinh v.v... thì cũng gọi là cúng dường.

Trong trường hợp nào giới TÀ DÂM được gọi là tội nặng, trường hợp nào được gọi là tội nhẹ?

Giới tà dâm cũng giống vậy, cá nhân đó là người có đức độ mà mình ra sức quyến rũ, rù quến để người ta có phút xao lòng, đốn củi ba năm đốt một giờ với mình thì gọi là tội nặng. Còn đối tượng đó vốn lẳng lơ trắc nết lăng loàn thì tội nhẹ một chút.

So panesa micchācāro sīlādiguṇarahite agamanīyaṭṭhāne appasāvajjo, sīlādiguṇasampanne mahāsāvajjo.

Đối tượng mình xâm phạm không có đức độ thì tội nhẹ, ngược lại thì tội nặng. Có người nói rằng, hạng người mà đã gật đầu với người lạ thì đâu có gọi là đức độ. Nói vậy thì chung chung. Ví dụ trước khi xảy ra chuyện đáng tiếc, người A là người tu hành tinh tấn, nết na đoan trang thùy mị, hoặc là một người chung thủy vợ con, cẩn thận giới luật, nhằm ngay lúc nhất thời nào đó mà nhẹ dạ mềm lòng xuôi tay, còn người B kia thì một năm 365 ngày quanh năm đi kiếm tình mới, sẵn sàng ngã vào vòng tay kẻ lạ thì có lỡ xâm phạm với người B này tội sẽ nhẹ hơn với người A. Luật nhân quả không giống như pháp luật xã hội, không phải dựa vào có quá trình tốt hay mới phạm lần đầu mà châm chế. Muối luôn mặn, đường luôn ngọt dù nằm ở đâu. Một bất thiện mình tạo ra dù mình thiện cỡ nào đi nữa thì bất thiện vẫn là bất thiện. Có điều, dụ khị rù quến một người xưa nay trong sạch thì tội nặng hơn kẻ quen thói ong bướm suốt mùa thu cách mạng. Nếu lỡ rồi,

muốn bớt ăn năn, đi điều tra lý lịch người ta thấy "vành ngoài bảy chữ vành trong tám nghề" thì mình yên tâm ngủ ngon.

Tốt nhất đừng có làm bậy. Giới sát sanh không chỉ gây ra nghiệp yểu thọ bệnh tật cho đời sau mà còn gây ra vô số quả xấu nữa. Ngoài chuyện yểu thọ, chết oan, chết thê thảm, còn bị những cái khác như bệnh tật triền miên từ nhỏ đến già, và sống trong cảnh sanh ly tử biệt suốt đời. Có những đứa bé vừa lọt lòng mẹ mà cha mẹ phải chia tay rồi, có đứa bị cha mẹ đem gởi ở nhà cô dì, chú bác hoặc bạn bè của cha mẹ, bị đối xử ghẻ lạnh, tàn tệ, lớn lên phải sống trong cảnh chén cơm chan nước mắt, trong niềm nhung nhớ người thân mà không được ở gần. Khi giết một con rắn, con cua, con chuột chúng ta đã để lại bao nhiêu giọt lệ biệt ly. Khi bắn chết con chim mẹ mình đâu biết đêm nay chim con ở tổ tụi nó lạnh biết chừng nào khi không có mẹ ủ ấm, ngày mai ai tìm thức ăn cho tụi nó. Đàng sau nhà tôi bên Mỹ có cây kiểng, bữa đó tôi dọn cây thấy có tổ chim tôi phải ngưng lại vì sợ có mùi tay người chim mẹ không dám về thì chim con sẽ bị đói lạnh.

Do quả sát sinh khiến ta tìm vào những chỗ yểu thọ mà góp mặt. Người cha người mẹ cũng có nghiệp yểu thọ nên người con mang nghiệp sát sanh mới tìm sanh vào đó để bị mồ côi. Chỉ kiếm nơi nào hưởng dương mà chui vô chớ không phải là hưởng thọ. Không phải người mang nghiệp sát sanh đi vào gia đình nào là người ta chết yểu tới đó mà do nghiệp chuyển họ tìm đến đó, tìm vào nhà có gene chết yểu. Theo Phật pháp, gene có hai: tâm lý và sinh lý. Khoái tự tử, khoái trác táng là gene tâm lý; bệnh di truyền là gene sinh lý. VN có câu hơi kỳ: "mua heo lựa nái, cưới gái lựa dòng". Nhìn con heo mẹ ok thì con heo con mới tốt. Bên Anh có con ngựa mỗi lần nó cho giống là 50 ngàn bảng, bởi nó là con ngựa lớn nhất thế giới. Thường người mẹ có vấn đề về hôn nhân và tình cảm thì đứa con gái ít nhiều có gene đó. Tôi không có gia đình nhưng chuyện này tôi tin, hoàn cảnh bối cảnh hôn nhân của cha mẹ thường có ảnh hưởng rất lớn đối với con cái, tuy không tuyệt đối. Có người không đồng ý điều này, nhưng thường là như vậy, bố mẹ nghiện ngập bài bạc thì đứa con cũng rất có thể như vậy, bố mẹ có vấn đề về hôn nhân thì đứa con cũng rất có thể gặp rắc rối trong tình cảm.

Chúng sanh loại nào đi tìm loại đó mà chơi. Có hai cách đến với nhau: Chơi với nhau và sanh vào làm thân nhân.

Chơi với nhau cũng có hai cách: gần và xa. Như ta có thể yêu thích cuốn sách hay bộ phim của một tác giả ngoại quốc đã chết từ rất lâu. Tác giả ngoại quốc thì cách

xa chúng ta về không gian, và chết từ rất lâu nghĩa là cách xa chúng ta về thời gian.

Nếu ta yêu kính Đức Phật được cũng có nghĩa là ta có điểm nào đó giống Ngài. Dĩ nhiên là có điểm nào đó thôi chớ không phải là được giống trọn vẹn đâu. Chúng ta cách Ngài về không gian Ấn Độ -VN, và thời gian thì cách nhau hai mươi lăm thế kỷ, biết gì đâu mà thương. Chúng ta biết Ngài qua những trang kinh, qua lời dạy của tăng ni, của bè bạn, rồi ta thỉnh bức tranh tượng của Ngài về treo, rõ ràng ta cũng có giống Ngài ở điểm nào đó ta mới thương chứ. Người có khuynh hướng như thế nào thì sẽ tìm đến đối tượng tương ứng như thế đó.

Kẻ phạm giới trộm cắp thì đời sau sanh ra thường xuyên bị nghèo, bị mất mát, thường xuyên bị người khác ghét bỏ, thân tướng không đẹp. Vì làm cho người ta bị khổ, bị mất mát, bị thiếu thốn nên đời sau thân tướng cũng sẽ bị khiếm khuyết.

Phạm giới tà dâm thì đời sau không có được hôn nhân như ý, thường xuyên bị ghét bỏ, bị ghẻ lạnh. Có vị tỷ kheo ni thời Đức Phật, xuất thân là tiểu thư con nhà trâm anh khuê các, đẹp lộng lẫy giàu có muôn hộ. Nhưng bao nhiêu công tử tới nhìn mặt là ra đi không hẹn ngày trở lại. Cha cô quyết định gả không cần sính lễ cũng không ai lấy. Có một cậu công tử cũng đến, nhưng vài bữa thì bỏ của chạy lấy người. Cha cô cuối cùng tuyên bố, sáng mai ai tới trước ông gả không đứa con gái xinh đẹp cho người đó. Sáng hôm đó gã ăn mày tới sớm nhất, và cha cô gả luôn. Gã ăn mày được tắm rửa sạch sẽ phục sức sang trọng bảnh bao mày râu nhẵn nhụi. Vậy mà vài bữa sau thằng rể ăn mày lui cui tìm trong nhà kho cái nồi đất và cây gậy cũ để tiếp tục đi ăn mày. Bố vợ hỏi lý do, có phải con gái của ông không đủ đức hạnh, nhan sắc. Rể ăn mày trả lời: Dạ không, vợ con hoàn hảo, nhan sắc đức hạnh trên cả tuyệt vời, thắp đuốc trên đời này cũng không tìm được người như vậy, nhưng không hiểu sao nhìn mặt vợ là thấy lạnh người. Tổng cộng trong đời cô tiểu thư ấy đến mấy đời chồng, buồn quá cô không muốn sống nữa, lúc ấy lại gặp những người đi chùa, cô tháp tùng theo và xuất gia, chứng quả A-la-hán. Sau khi chứng quả, nhớ lại thì ra cách đây 14 kiếp trước, cô là một công tử hào hoa phong nhã, được quí bà quí cô mến mộ, một gã phong tình sớm đào tối mận suốt mùa thu. Chết rồi bị đọa địa ngục, khi trở lên bị nghiệp không làm nữ thì bị thiến, không bị thiến thì cũng không được làm đàn ông đích thực, thân tướng luôn có vấn đề. Dính tới hôn nhân là tan nát gãy đổ vì quả của tà dâm, không phải chỉ riêng người khác phái ghét mà đồng phái cũng không ưa.

Phạm giới nói dối thì đời sau sanh ra không ai tin. Theo chú giải, do nghiệp vọng ngữ sẽ bị tình trạng dư hay thiếu ở thân tướng ngoại hình.

Trong room có câu hỏi "nhờ vào nhân nào mà đắc được A-la-hán?

" Tất cả thánh nhân đều có hành trình giống nhau là sợ khổ sinh tử, làm thiện rồi phát nguyện giải thoát. Phải có sợ khổ sanh tử. Có nhiều người Phật tử không được hướng dẫn kỹ, thấy chồng, vợ mình tệ quá, con mình tệ quá, ba má đối xử với mình kỳ quá, công ăn việc làm bất như ý, buồn chán rồi đi vô chùa làm phước. Những điều đó không tính là Ba-la-mật mà phải là sợ sanh tử. Sợ sanh tử là sợ cái gì?

Chính câu trả lời của câu hỏi này là một trong những nguyên nhân mà tôi đã lập nên room Vietheravada này. Rất nhiều người miệng nói là cầu giải thoát nhưng thật sự họ không sợ sanh tử, vì nếu họ biết rằng có những cảnh giới sống hàng tỷ năm, muốn gì có nấy, đi đứng chỉ muốn là đi, không chầu chực xe cộ, không nắng gió mưa sương, liệu họ có muốn Niết bàn, muốn chấm dứt sinh tử hay không. Tôi nghĩ rằng rất là hiếm. Người sợ sinh tử là người thật sự ngán ngẩm, thấy rằng có sung sướng đến mấy rồi cũng đến lúc phủi tay. Chuyện sa đọa đau khổ thì khỏi nói, nghe đã lạnh người rồi. Giờ này người ta đang ngủ ngon, những con thú như heo, bò, gà bị lùa vào lò sát sinh chờ làm thịt để người ta mang ra chợ cho tươi. Cơ hội làm người giống như con rùa mù dưới biển, một trăm năm mới trồi đầu lên một lần, bằng cơ may hãn hữu tình cờ chui vào lỗ của một tấm ván đang trôi bềnh bồng trên mặt biển từ bờ Đông sang bờ Tây, từ bờ Nam sang bờ Bắc. Cơ hội khả thể cho con rùa chui đầu vào lỗ ván đó hiếm vô cùng. Được làm người đã khó mà sống trong điều kiện như thế nào cũng là vấn đề khác. Theo tiêu chuẩn thế giới, làm người phải có điều kiện giáo dục, y tế, đi lại, truyền thông. Có điều kiện giáo dục nghĩa là có khả năng học đại học hay không. Xứ sở nào, xã hội nào mà người dân không có khả năng đi vào đại học dù dở dang thì xứ sở đó có vấn đề. Về y tế, đau răng mà mổ xẻ có khả năng hay không?

Về chuyện đi lại, tôi nhớ ngày xưa VN có thời kỳ rất dài, từ Sài Gòn về Vĩnh Long tôi phải sắp hàng lúc 3 giờ sáng để lấy vé, quãng đường 136km mà đi tới ba giờ chiều mới tới. Về truyền thông, ở một xứ sở mà người dân không có điều kiện tiếp xúc với báo chí sách vở truyền hình truyền thanh thì họ làm sao có kỹ năng sống. Chiều hôm qua tôi đọc bài báo mà thương thì ít giận thì nhiều, dân mình cứ bị Tàu gạt hoài. Tụi Tàu hứa mua cái móng trâu, dân mình chặt bán, chặt xong nó nói đổi ý không mua nữa; rồi tụi nó nói mua măng cụt non, dân mình hái

hết trái còn non rồi nó không mua nữa. Do không có phương tiện truyền thông nên không có phương tiện tiếp cận truyền thông trong nước, trong khu vực và cả thế giới. Được mang thân người không phải dễ, mà có những điều kiện tiêu chuẩn trên càng không dễ nữa. Có những người cũng là người VN mà họ coi chuyện đi vacation dễ ẹt, họ than không có thời gian, còn có người thì chuyện lên máy bay ngồi cho ấm chỗ rồi đi xuống cũng không dễ. Vì thấy chỗ này nên người ta mới sợ sanh tử, sợ sanh tử vì hạnh phúc nào cũng là mong manh. Phân tích rốt ráo, hạnh phúc chỉ là giải pháp đối phó đau khổ. There is no any happiness, but solutions (không có hạnh phúc chỉ có giải pháp). Đói quá ăn thấy ngon, thấy hạnh phúc, lạnh quá được mặc ấm, thấy hạnh phúc. Thật sự không có hạnh phúc, chỉ có giải pháp thôi. Nhớ nhau đến chảy nước mắt thì gặp nhau mới mừng ra nước mắt. Gặp nhau mà không ấn tượng gì thì xa nhau không nhớ, xa nhau không nhớ thì gặp nhau đâu có mừng, cái gì càng ao ước càng tha thiết, càng da diết thì khi có được mới sung sướng. Hạnh phúc chỉ là giải pháp. Tuy nhiên, trong A-tỳ-đàm nói có khổ thọ có lạc thọ chớ không phải không có. Có là có theo kiểu giải pháp, đối phó. Nếu biết có vui thì có khổ, thà rằng đừng khổ cũng đừng vui, người biết như vậy thì mới sợ sinh tử theo đúng tinh thần nhà Phật còn hầu hết 99.9% Phật tử miệng nói đời là khổ thật ra họ khổ vì hoàn cảnh, vì gia đạo, vì sức khỏe, vì túi tiền, con cái vợ chồng họ chứ còn nếu mọi thứ ok thì họ đi chùa để cầu tài lộc chớ không phải cầu giải thoát đâu. Nếu quí vị biết chắc quí vị sống 100 tuổi, nhà băng có 100 triệu, trọng lượng dưới 100 ký, thì nghĩ xem quí vị có đi chùa hay không?

Một tháng như vậy quí vị sẽ đi shopping, đi du lịch, làm gì có thì giờ đi chùa, lúc đó quí vị nhìn về Phật với con mắt xa lạ. Người cầu giải thoát trước hết phải là người sợ sinh tử, người sợ sinh tử là người thấy rằng hạnh phúc chỉ là giải pháp đối phó với đau khổ, thấy như vậy mới gọi là sợ sinh tử.

Các kinh tiếp theo Bảy Nghiệp Đạo, Mười Nghiệp Đạo cũng cứ vậy mà hiểu.

KINH TÁM CHI, MƯỜI CHI

Kinh Tám Chi, Mười Chi có nội dung giống nhau.

Người tà kiến đi kiếm người tà kiến để chơi. Nếu như quí vị khoái đạo ông Tư bà Tám, Bà Liễu Hạnh, bà Chúa Xứ, Mẫu Thượng Ngàn v.v... mà đi gặp người chánh kiến thì họ không trao đổi với mình. Họ giải thích cho mình nghe rằng như vậy là mê tín; liệu mình có chịu nổi không?

Mình phải kiếm người tin tầm bậy tầm bạ như mình thì chơi mới vui.

Tà kiến là do không hiểu lý nhân quả và Tam tướng nên nhìn đâu cũng thấy sai lầm, mắc vào thường hay đoạn kiến. Đoạn kiến gồm có ba: vô nhân kiến (ahetuka) cho rằng cái gì cũng do ngẫu nhiên mà có; vô hành kiến (akiriya) cho rằng không có gì là thiện hay ác, giống nhau thôi; vô hữu kiến (natthika) cho rằng cái gì không chứng minh được thì đều không có, như chuyện báo ứng, chuyện tái sinh, người khuất mặt, sự chứng ngộ của thánh nhân. Thường kiến cũng có ba: Tin vào một đấng chí tôn nào đó, tin vào một cái tôi nào đó, tin vào một cõi thiên đường vĩnh cửu nào đó. Trong kinh nói tà kiến có 62 nhưng gom gọn lại chỉ còn 6 tà kiến trên.

Đức Phật là người mà ai Ngài cũng thương, chuyện gì Ngài cũng biết, đức lành nào Ngài cũng có, nhưng không phải chuyện gì cũng làm được. Ngài không phải người tạo ra vạn vật, có quyền ban phước tha tội cho ai. Ngài chỉ có thể tế độ cho những người hữu duyên. Có duyên lành với Ngài thì Ngài thuyết pháp cho nghe, hướng dẫn cho tu học, xuất gia. Nhưng đương sự phải đắc chứng bằng phước duyên, công đức tu hành của chính mình, Ngài không thể nào vì lòng đại bi mà dùng cách nào đó để cho người khác đắc. Trong kinh nói, giống như người lọt xuống hầm phân, ló lên được nửa người, tới vai, hoặc tới cổ, hoặc búi tóc, thì nắm kéo lên được. Còn nếu lọt xuống mà không còn ló lên chút gì thì biết đường đâu mà cứu. Cũng vậy, những người gặp hiền thánh ở đời, cần phải có chút gì đó để hiền thánh cứu, nếu tệ quá, đầu đặc sệt thì chỗ đâu nhét vô. Tôi không phải hiền thánh, nhưng khi tôi thuyết pháp tôi có tiếp xúc với một số Phật tử bất trị, họ cứ chờ dịp để họ hiểu lầm mà thôi. Phải nói là bó tay. Chỉ còn có một cách là khổ quá thì nguyện giải thoát, và luôn nguyện một điều: thầy bà nào, kinh sách nào, truyền thống nào dẫn đến giải thoát, con xin được gặp thầy bà đó, được hành trì theo truyền thống đó; chớ cái kiểu hành đạo do tin thầy thì rất là nguy. Phải luôn luôn biết nghi ngờ con đường dưới chân mình, bước đi mà mắt phải dòm ngó một chút, "có đúng vậy không ta?

" "thấy vậy mà không phải vậy!" Bậy nhất trên đời này đó là cơ hội làm người rất khó mà mình lại quá dễ dàng giao phó cuộc đời, niềm tin, sức khỏe của mình một cách bất cẩn cho người khác. Dù đó là sự giao phó về chính trị, văn hóa, tôn giáo, hôn nhân, xã hội, nếu giao phó bất cẩn thì đó là sự hoang phí một đời. Lấy chồng lấy vợ mà không coi cũng khổ, bây giờ có li dị còn đỡ, ngày xưa thế nào cũng ráng gồng. Nhưng cái lầm về tôn giáo, chính trị khổ hơn lầm về hôn nhân. Hôn nhân còn li dị được, lầm về tôn giáo, chính trị, sẽ mất nguyên một đời. Tôi nhớ tôi có viết bài Vàng Mã, thấy người ta bỏ tiền ra mua giấy vàng bạc đốt, mình cho là mê tín, là phí tiền, sao không nghĩ bản thân mình cũng là từng ngày đốt

giấy vàng bạc mà không biết, từng ngày hoang phí thời gian sức khỏe cho những mục đích sống chẳng ra gì hết. Mình đã nướng cả cuộc đời của mình vào sòng bạc của nhân sinh, vào những lý tưởng quan hoài về chính trị về xã hội mà không một lần nào nhìn lại có phải là ảo vọng hay không. Hết giờ rồi, hẹn bà con vào ngày thứ Ba. Chúc quí vị một ngày vui.

Bài giảng ngày 3-2-2015 Ôn sơ về phẩm trước

Ôn sơ về phẩm trước, chúng sinh có khuynh hướng tâm lý thế nào đó thì tìm đến với nhau. Tìm đến với nhau có hai cách: gần và xa. Gần là tìm đến cộng trú với nhau qua những mối quan hệ gia đình bè bạn, làm ăn giao dịch. Xa thì tìm hiểu đem lòng yêu thích một tác giả, một cá nhân, một học thuyết nào đó đã ra đời cách mình xa về không gian và thời gian. Thích cái gì thì sẽ đi tìm về cái đó. Muốn gặp gỡ chư Phật hiền thánh ở đời thì trước hết mình phải có điểm gì đó tương đồng với các ngài chứ không thể nào sống như một kẻ phàm phu trong lòng không trau dồi thì cũng hơi khó. Muốn gặp Phật thì mình phải có sự hàm dưỡng nhất định trong đời sống tâm linh của mình chớ không phải tìm đến Phật thánh là vì muốn hưởng phước, giàu có tài lộc, may mắn tình duyên rồi về chùa khấn khứa tùm lum rồi nghĩa là trở về với Phật. Kiểu này rất phổ biến ở cộng đồng người Việt trong và ngoài nước, đây là đến với Phật theo kiểu hữu lậu, đầu tư sinh tử thì khó khăn lắm. Mình huân tập cái gì nhiều thì sẽ đi về sống với người tương tự mình, đó là điều đáng để mình lưu tâm.

BỐN ĐẠI

*Ba cõi

Sáng nay mình học phẩm thứ tư, nói về Bốn Đại, tôi sẽ gom chung các kinh này lại giảng thành một bài.

Bài kinh này Đức Thế Tôn giảng ở cõi Dục giới, tức là cõi Người của mình. Tam giới gồm có ba kiểu hiện hữu:

Cõi Dục giới, chúng sinh sinh ra, chết đi, buồn vui bằng cách dựa vào năm dục. Họ buồn vui theo những gì họ thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng. Cái chết, cái sống của họ cũng gắn liền với thấy, nghe, ngửi, nếm, đụng. Nếu con mắt của mình không tiếp tục làm việc nữa, không tìm cái để nhìn nữa, lỗ tai không tìm cái để nghe nữa, mũi không tìm cái để ngửi, lưỡi không tìm cách làm việc nữa, xúc giác cũng không làm việc nữa, những gì dính với năm trần mình bỏ hết, thì đời sống của mình sạch sẽ không còn gì hết. Vì sao vậy, vì chúng ta là người ở cõi Dục. Sanh ra, chết đi, buồn vui hoàn toàn dựa vào năm dục.

Cõi Sắc giới. Chúng sinh cõi này không dính vào năm dục nữa, sống hoàn toàn y cứ vào thiền định Sắc giới. Thiền định Sắc giới là những thiền định có được do tập chú tập trung tinh thần vào những đề mục vật chất. Ví dụ muốn đắc Sơ, Nhị,

Tam, Tứ thiền họ dựa vào những đề mục: đất, nước, lửa, gió, xanh, vàng, đỏ, trắng, hư không, ánh sáng v.v... Do dựa vào những đề mục vật chất này họ mới đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền và sau khi chết họ sanh về cõi Phạm thiên. Ở đó họ không hưởng dục mà chỉ sống bằng sự an lạc của thiền định. Tuy nhiên do đề mục ngày trước họ dùng để tu thiền thuộc về đề mục vật chất cho nên bây giờ ở cảnh giới Phạm thiên Sắc giới, thân họ vẫn là vật chất và chỗ ở của họ vẫn là vật chất. Mặc dù vi tế hơn vật chất ở cõi Dục giới, nhưng vẫn là vật chất. Rồi có những vị Phạm thiên Sắc giới này, hoặc những người đắc thiền Sắc giới họ thấy Sắc giới vẫn còn thấp, vẫn còn dính líu tới vật chất, còn nặng nề, còn thô thiển thấp kém nên họ hướng đến một cảnh giới khác cao hơn đó là thiền Vô sắc giới. Đề mục để đắc thiền Vô sắc không dính líu gì tới vật chất. Chẳng hạn như ngày trước để chứng thiền Sắc giới, người ta dùng đề mục hư không. Hư không trong đề mục Sắc giới là khoảng cách, là khe hở, lỗ trống giữa hai cái gì đó như hai miếng gỗ nằm cạnh nhau có cái khe chính giữa, hoặc là một cái vòng tròn khoét trên vách trên tường hay tấm vải, tấm giấy. Vị đó chỉ tác ý hư không là vô biên, hư không này không còn là lỗ trống, khe hở như trước đây nữa mà đó là sự vô biên, vô cùng, vô tận, không biên giới của vũ trụ bao la; họ lấy đó làm đề mục. Cái gọi là hư không lúc này không dính líu gì tới vật chất nữa. Với đề mục này họ đủ duyên thì chứng đắc Hư không vô biên. Nếu người phước báu nhiều thì họ thấy hư không tuy vô biên nhưng vẫn bị cái tâm biết, như vậy thì cái tâm mới thật sự là vô biên. Cứ như vậy, đề mục Vô sắc giới là đề mục không dính líu gì vật chất. Khi đắc thiền họ sanh về cõi Vô sắc, ở đó họ không có thân xác vật chất. Cái gọi là cõi Vô sắc là nói để hình dung vậy thôi chớ thật ra ở đó không có gì là cõi, chúng sinh ở đó không có hình danh sắc tướng làm gì cần đến chỗ ở như ở các cõi Phạm thiên Sắc giới.

Tam giới gồm ba chỗ lui tới của chúng sinh, lúc thì Dục, lúc thì Sắc, lúc thì Vô sắc. Tuy nhiên đơn vị gốc của Tam giới vẫn là cõi Dục. Đơn vị gốc có nghĩa là một chúng sinh sanh về cõi Phạm thiên Vô sắc thì phải nỗ lực ghê gớm lắm, nhưng mai này hết tuổi thọ thì họ phải quay xuống cõi Dục giới. Phạm thiên Sắc giới cũng vậy, chỉ cần hết tuổi thọ là quay lại cõi Dục giới, không cần phải nỗ lực gì cả.

Khi trở lại cõi Dục giới, chỉ cần thiếu bốn điều kiện: 1/Thầy bạn tốt. 2/Trú xứ tốt. 3/ Sự lắng nghe. 4/ Sự hành trì, thì lập tức sẽ rớt xuống bốn cõi Đọa (Gọi là 4 cảnh giới thì đúng hơn). Sở dĩ tôi không nói bốn cõi mà nói là bốn cảnh giới vì xưa giờ Phật tử VN cứ nghe tới nghe lui mà không tìm hiểu, cứ gọi là bốn cõi. Chỉ có Địa ngục thì có cõi chứ nhưng bàng sanh (súc vật), ngạ quỷ, A-tu-la thì

làm gì có cõi riêng. Họ ở rải rác, ở ké trên cõi Tứ thiên Vương, cõi Người và cõi Địa ngục chứ không có cõi riêng. Đi đâu thì đi, tự động rớt thì vẫn trở về cõi Dục giới. Về cõi Dục giới mà sơ sẩy một chút thì rớt xuống bốn cõi Đọa, là gốc của tam giới. Gốc ở đây cũng như cái cây, muốn lên đọt hoặc cành nhánh lưng chừng phải có sự cố gắng nhưng muốn có mặt ở gốc cây thì không cần cố gắng. Cứ ngồi cả đời ở gốc cây thì không cần cố gắng.

Tại sao nguyên phẩm này Ngài nói là bốn đại?

Bởi vì bốn đại chỉ có ở cõi Dục, ở cõi Sắc. Niềm đam mê trong Dục chỉ có ở cõi Dục. Cõi Sắc giới vẫn có bốn đại nhưng người ta không đam mê trong dục, còn ở cõi Dục người ta có bốn đại và đam mê trong dục. Bài kinh này nhắm đến chúng sinh ở cõi Dục. Nếu ta nhàm chán bốn đại trong cõi Dục thì chắc chắn sẽ viên tịch Niết bàn.Vị Tu-đà-hoàn giảm 95% phiền não sinh tử. Riêng vị Nhị quả trừ thêm 1% nữa, vị đó giảm nhẹ dục ái và sân. Lên tới A-na-hàm vị đó chấm dứt hẳn Dục ái và Sân giảm 99% phiền não sinh tử, chỉ còn lại 1%.

Ở đây Thế Tôn nói về bản chất của thế giới bằng thuật ngữ chuyên môn và khái niệm chuyên môn. Ở đây Ngài không nói đến cảnh sắc, cảnh thanh, cảnh khí, Ngài không nói đến cõi Trời cõi Người, Ngài nói đến bốn khía cạnh rốt ráo nhất của cái gọi là thế giới này.

Tôi đã đánh một vòng khá xa để xác định trong Tam giới thì cõi Dục là đơn vị gốc, và bốn đại là nền tảng của cõi Dục. Niềm đam mê trong bốn đại là nền tảng của cõi Dục. Tại sao ở đây Ngài không nói sắc, thanh, khí, vị, xúc mà nói bốn đại?

Có trường hợp Ngài nói bằng ngôn ngữ và khái niệm thông thường nhưng cũng có trường hợp Ngài nói bằng khái niệm và từ ngữ rốt ráo. Với người hữu duyên đại căn, đại trí, Ngài không nói bằng khái niệm bình thường mà nói khái niệm rốt ráo, nghĩa là thay vì Ngài nói cái gì mình nghe, mình thấy, mình ngửi, thì Ngài nói chỉ còn có bốn thứ đó là bốn đại. Một người nhàm chán bốn đại (đất, nước, lửa, gió) thì họ không còn chỗ nào để mà bám víu.

* Tứ đại

Đất là gì?

Trong Phật pháp nói chung và A-tỳ-đàm nói riêng định nghĩa về Đất không giống như đất mình hiểu trong đời sống bình thường. 'Đất' ở đây gọi chung cho tất cả những gì có thuộc tính là gì?

Trong Phật pháp nói chung và A-tỳ-đàm nói riêng định nghĩa về Đất không giống như đất mình hiểu trong đời sống bình thường. 'Đất' ở đây gọi chung cho tất cả những gì có thuộc tính là gì?

Trong Phật pháp nói chung và A-tỳ-đàm nói riêng định nghĩa về Đất không giống như đất mình hiểu trong đời sống bình thường. 'Đất' ở đây gọi chung cho tất cả những gì có thuộc tính cứng, mềm, mịn, nhám…

Nói tới xúc giác thì mình nghĩ đến bàn tay sờ chạm. Khái niệm đất trong A-tỳ-đàm nói đến khía cạnh xúc giác nhưng rất sâu rộng. Ví dụ một muỗng tàu hủ chưa đông bỏ vào miệng sẽ cho cảm giác khác miếng tàu hủ đặc. Tàu hũ chiên khác với chưa chiên, và của bà A chiên sẽ cho cảm giác khác với miếng bà B chiên, giòn hơn chẳng hạn. Ngay miếng ăn trong miệng đã có chuyện cứng, mềm, thô, nhám. Áo quần, các loại vải linen, coton, polyester… sẽ cho mình cảm xúc khác nhau. Chăn đệm mùng mền, ghế sofa, divan, khăn choàng cổ, đồng hồ, nón, son môi, giày dép… tất cả đều cho mình cảm giác khác nhau về cứng, mềm, mịn, nhám. Tất cả những thứ đó đều gọi là Đất

Nước là gì?

Nước đây không phải là water, liquid. Nước ở đây ám chỉ cho cái gì có 2 thực tính là gì?

Nước đây không phải là water, liquid. Nước ở đây ám chỉ cho cái gì có 2 thực tính là gì?

Nước đây không phải là water, liquid. Nước ở đây ám chỉ cho cái gì có 2 thực tính tan chảy (melt) và nối kết.

Ví dụ, khi gọi: 'bức tường bê tông', dù là tiếng Anh hay tiếng Đức thì 'bức tường' (wall, mur, wand) đều là số ít. Cát, nước, xi măng là số nhiều, nghĩa là gồm nhiều thứ hóa chất trong đó. Khi trộn cát, sỏi, xi măng, nước với nhau và các cốt thép làm nên cây cột, hoặc bức tường; cây cột và bức tường là số ít, nhưng lại là sản phẩm được nối kết bởi nhiều thứ khác. Không có gì ở đời này là pure, massive, solid. Tất cả đều nối kết. Ngón tay hay sợi tóc, được làm nên bởi rất nhiều thứ. Một cái khăn cũng được đan dệt bằng nhiều cọng chỉ nhỏ, mà mỗi cọng chỉ cũng được cấu thành bởi nhiều thành tố. Đó là sự nối kết. Cái gì nối kết ở đây đều được gọi là nước.

Lửa là gì?

Lửa ở đây là là gì?

Lửa ở đây là tất cả những gì thuộc về nhiệt độ dầu nóng hay lạnh, dù bên ngoài hay bên trong cơ thể con người.

Gió là gì?

Gió là tất cả những gì gồm 2 thuộc tính là gì?

Gió là tất cả những gì gồm 2 thuộc tính di động và áp lực (movement, pressure).(movement, pressure). Áp lực gồm sự trương phồng và xô đẩy. Hơi trong bong bóng cũng là áp lực; ợ hơi hoặc ngáp cũng là áp lực.

Trên thế giới không có vật chất nào không có những điều này: choán chỗ, khói lửa, nhiệt độ. Mọi nguyên tử phân tử luôn vận động trong quỹ đạo của nó, không có vật chất nào tồn tại bằng cách đứng yên, kể cả viên kim cương, nhìn tưởng là đứng yên nhưng những thành tố bên trong vẫn luôn luôn vận động. A-tỳ-đàm gọi là gió.

Đức Phật dạy, toàn bộ cái gọi là thế giới này đều nằm trong thế giới của bốn đại. Nghĩa là thế giới của cứng mềm mịn nhám, tan chảy và nối kết, sức nóng lạnh, di động và áp lực.

Đức Phật dạy: Này các tỳ kheo, thuở xưa khi còn là Bồ tát ta từng đi kiếm vị ngọt của bốn đại. Bên cạnh vị ngọt đó ta còn thấy sự nguy hiểm, mặt trái của nó nữa. Lúc đó Ngài chưa biết bốn đại là gì, Ngài nhìn ngắm những cánh hoa, những quần là áo lụa, trướng gấm màn thêu, cung vàng điện ngục, phố xá kinh thành, cung tần mỹ nữ, nhìn đâu cũng thấy đồ giả, vì vậy Ngài bỏ đi tu. Khi thành Phật Ngài kể lại chuyện xưa, có khi Ngài kể bằng ngôn ngữ bình thường, có khi Ngài dùng ngôn ngữ như trong bài kinh này.

Vô sắc giới. Là chỗ của những người chán cõi Sắc giới. Lên Vô sắc ở mà hết tuổi thọ thì rớt thẳng xuống cõi Dục. Khi về tới cõi Dục rồi, 99.9% chỉ có đi cõi đọa. Bởi vì cơ hội sinh về cõi Dục gặp được bốn điều kiện hướng thượng (thầy bạn tốt, trú xứ tốt, sự lắng nghe, sự hành trì) cũng rất khó.

Quí vị tìm giùm tôi, có ai trong số người quen của quí vị, có chắc họ có được bốn điều trên hay không?

Về thiền viện ở Miến Điện cũng chưa chắc có. Thiền sinh bạn bè tốt thiệt, nhưng họ có nói chuyện với mình được không?

Toàn là nhờ người dịch, họ siêng thì dịch hết, làm biếng thì dịch ba mớ, chưa kể dịch sai ý mình. Thiền sư bữa nào siêng thì nói đầy đủ, bữa nào mệt thì nói qua loa. Bạn tu thì mạnh ai nấy tu chớ không ai dòm ngó gì mình. Lắng nghe thì biết gì mà nghe. Hành trì thì hành được bao nhiêu?

Tất cả hành giả tôi được biết, họ đều kể giống nhau: vô thiền viện giống như ở tù, thèm tùm lum hết, thèm ăn (buổi chiều thì bát quan, thức ăn hạn chế, đồ ăn thì khó nuốt), thèm ngủ (luôn có cảm giác thiếu ngủ).

Nếu lìa được lòng tham chấp nơi bốn đại mới có thể là con đường giải thoát. Toàn bộ những gì từ đầu tới chân mình đều là bốn đại. Từ mũ nón cho tới giày dép, những gì mình ăn, mình xức vào mũi để ngửi, nghe nơi tai, cũng gọi là bốn đại. Âm thanh là sắc y đại sinh; y đại nghĩa là dựa vào bốn đại mà có. Những gì mình thấy, mình nghe, ngửi, nếm, đụng đều là tứ đại hoặc y đại. Theo trong A-tỳ-đàm, ánh sáng cũng là vật chất, âm thanh cũng là vật chất.

Đam mê trong năm dục cũng là đam mê trong bốn đại. Nói đến bốn đại cũng là nói đến năm dục. Không thể nào một người nhàm chán năm dục mà lại tiếp tục đam mê bốn đại, và không thể nào có người đam mê trong bốn đại mà không thích năm dục. Một số rất đông những người tự cho mình là không thích gì hết, họ khẳng định như vậy. Họ nói ăn gì cũng được, xài gì cũng được, vợ đưa gì xài cái đó, không tha thiết chuyện đi du lịch, mua sắm v.v... Nhưng thật ra, một là họ nói dóc, hai là chẳng qua họ chưa gặp đúng thứ họ muốn, ba là bị vợ kiềm tỏa. Những thứ đó sẽ nén lại chờ dịp bộc phát, trong kiếp này hoặc kiếp khác.

Tôi nhớ câu chuyện một giáo sư tâm lý học mở lớp dạy cho người lớn. Bữa đó giáo sư đang giảng đề tài sợ vợ, giáo sư nói: Ở đây ai sợ vợ thì giơ tay lên. Một số người giơ tay. Giáo sư nói tiếp: Ai thấy mình không sợ vợ thì giơ tay. Một số người giơ tay. Đặc biệt có một ông ngồi cạnh vợ không giơ tay cả hai trường hợp. Giáo sư hỏi: Ông thuộc về phe nào?

Ông ta trả lời: Tôi đang bàn với vợ xem tôi thuộc về phe nào! Nghĩa là ngay chuyện phát biểu cũng phải hỏi ý vợ. Có những chuyện mình tưởng mình không có thích nhưng thật ra chỉ là vì hoàn cảnh mình không nhận ra. Vì thiếu chánh niệm tỉnh giác nên mình không biết thực sự mình thích cái gì, và do hoàn cảnh nên mình cũng không có điều kiện để biểu lộ mình thích cái gì, ngay lúc này không thấy nhưng một lúc nào đó có thể thấy, hoặc kiếp sau trong điều kiện nào đó tự động nó khởi lên.

Cái quan trọng của Phật pháp là thấy được bản chất thật sự của danh và sắc là cái gì rồi tu Ba-la-mật nguyện giải thoát. Khi nào Ba-la-mật chín muồi thì cái thấy bằng trí tuệ phàm phu hôm nay sẽ trở thành cái thấy của thánh nhân, thấy bằng trí tu, bằng sự thân chứng, thể nghiệm, một cái biết không vay mượn.

Nếu không có sự nhàm chán trong năm dục, bốn đại, thì ta có là ai cũng suốt kiếp quẩn quanh trong bốn đại, năm dục. Một vị giáo sư đại học dù nhiều tiền trong bank, nhiều bất động sản, uyên bác nói được 18 thứ tiếng, vẫn quẩn quanh trong chuyện nhà đẹp, quần áo đẹp, khăn choàng, đồng hồ, jaket, manteau v.v... mọi thứ đều đẹp. Một nhà nghiên cứu nghệ thuật, họa sĩ, nhạc sĩ … cũng quẩn quanh trong thanh, khí, vị, xúc. Rạp hát, viện bảo tàng, disneyland, discotheque, sauna… toàn bộ đều phục vụ cho năm dục.

Bản chất rốt ráo của năm dục chính là bốn đại. Vạn pháp ở đời luôn tồn tại bằng sự biến đổi, lúc vầy lúc khác. Mặt A chính là vị ngọt so với mặt B; sinh đối với tử; già với trẻ; đen với trắng; mập với ốm v.v...

Ở đây Ngài nói rằng nếu không có vị ngọt của bốn đại thì chúng sinh không đam mê. Vị ngọt ở đây là gì?

Vị ngọt là mặt thứ hai. Ví dụ, một cây lúc mới mọc, gọi là cây non, về sau khi gần chết thì gọi là cây già. Non so với già, có người thích cây non, có người thích cây già mà không thích cây non (những người chơi bonsai), có người thích cây không có bông hơn là có bông. Đàng sau chỗ tôi ở có những gốc cây hồng, gốc rất đẹp, nhưng có một điều bông ra nhiều quá tôi không thích, nhìn thấy cải lương. Tôi thích chỉ chừng vài cái hoa nhỏ xíu điểm xuyết trên gốc cây già cằn cỗi mà thôi. Đối với tôi, gốc cây như vậy mới là vị ngọt. Có người thì thích hoa đầy cây như mâm xôi. Người thích A thì thấy A ngọt, người thích B thì thấy B ngọt. Không có cái ngọt nào cố định hằng hữu vì vạn vật không tồn tại bằng cách đứng yên. Xin đọc lại bài kinh Ba Cô Con Gái (Maradhitasutta) trong Tăng Chi và Tương Ưng kinh)[1]. Nghe tựa kinh tự nhiên nổi da gà, giống Miểu Ba cô. Khi Ngài thành Phật rồi, ba cô gái này nói với Ác Ma Thiên Tử: Cha mạnh tay quá, xài tới quân sự, cứng quá, tụi con dùng biện pháp mềm, không dùng bạo lực, tụi con sẽ dùng đường lối văn hóa, kinh tế, chính trị mềm dẻo để tấn công Sa-môn Gotama. Chú giải nói ba cô này cao tay ấn lắm. Thay vì dùng mỹ nhân kế thì dùng cái gì đẹp nhất, ba cô này bàn bạc với nhau rằng sở thích đàn ông thiên hình vạn trạng. Họ biến hình ra đủ hình thức. Người có suy tư đọc đoạn kinh này sẽ thấy thú vị. Mình tưởng mình không thích nữ sắc chớ thật ra mình không gặp

đúng người mình muốn. Mập ú, đẫy đà phốp pháp hoặc có khi ốm như cò ma xanh lè lại lọt vào mắt xanh của mình, có người thích nước da đen như da trâu, có người thích trắng như bông bưởi. Tây có những câu rất hay: "Đẹp nghĩa là con cóc đực trong mắt con cóc cái", "Khi ta yêu một người chột thì sẽ thấy thiên hạ bị dư một con mắt". Như vậy mới thấy, vị ngọt của bốn đại không có cái gì hết, chẳng qua là mình lấy cái A mà đem so với cái B. Khi ta yêu một người mập thì ta thấy cả thiên hạ đều là suy dinh dưỡng, khi ta yêu một người ốm thì thấy cả thiên hạ đều là bị thịt. Khi ta yêu một người cao thì ta thấy cả thiên hạ đều là người lùn, khi ta yêu một người lùn thì ta thấy thiên hạ chỉ là rừng tre miễu. Chính do tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường sống hiện tại nên đẩy mình thích hay ghét cái gì đó.

Bên cạnh những người chỉ thấy cái ngọt của bốn đại, của năm dục thì có người thấy ra bề trái của chúng. Bề trái ở đây là sự biến đổi vô thường.

Em ruột của ngài Xá Lợi Phất, tên là Revata. (Thời Đức Phật có nhiều vị tên Revata. Vị này về sau đi xuất gia ở trong khu rừng keo và ở suốt đời trong đó nên ngài được gọi là Revata: Rừng keo). Lúc ở ngoài đời, gia đình sắp xếp cho ngài lấy vợ, ngày hôn lễ người ta mời người lớn tuổi nhất của dòng họ cầm bình nước rót vào tay của cô dâu chú rể để chúc phúc. Bà ngoại của chú rể đã 120 tuổi, rót nước vào tay của đôi tân lang tân nương, ngài Revata nhìn cô vợ đẹp rực rỡ rồi nhìn bà ngoại, nghĩ bụng đến lúc nào đó cô vợ của mình cũng như bà ngoại. Ngài viện cớ không khỏe, rồi lẻn ra, bỏ đám cưới luôn rồi đi xuất gia. Không phải tôi kể chuyện này ở đây để xúi dại bà con bỏ vợ bỏ chồng bỏ đám cưới rồi đi tu, mà chỉ muốn kể chuyện xưa để cho quí vị thấy có những người trên đời này họ có những tỉnh táo lạ thường. Mình sống theo đường quen nẻo thuộc, thiên hạ sao mình vậy. Dòng luân hồi này dựng lên bởi những con người đi theo lối mòn. Xã hội quy định như vậy, gia đình, dòng tộc, thế giới này, hành tinh này, toàn thể nhân loại này, chung quanh mình ai cũng như vậy, bây giờ mình sống ngược lại không giống ai thì thấy hình như suy nghĩ của mình có vấn đề. Nghĩ như vậy là họ lạnh xương sống, thế là họ lập tức quay trở lại với tâm lý bầy đàn. Tâm lý bầy đàn này chính là tâm thức sinh tử. Nếu thế giới này không có gì để thích thì làm sao có chuyện trầm luân, mà nếu thế giới này không có bề trái làm sao có người chán nó mà lìa bỏ. Nếu không có giây phút tỉnh táo nhìn lại làm gì có sự lìa bỏ, nếu không có sự lìa bỏ làm gì có giải thoát.

Trên triền núi Himalaya có một bộ tộc sống bằng nghề săn bắt khỉ. Họ làm cái bẫy như cái hộp để thức ăn trong đó, và khoét cái lỗ bằng bàn tay của khỉ. Họ bỏ

vào đó những thức ăn mà con khỉ thích. Họ thò tay lấy thức ăn ra, giả vờ ăn cho khỉ thấy để bắt chước. Rồi họ lánh đi. Khi những con khỉ thò tay vào đó, họ xuất hiện. Con người mình khi thò tay vào cần rút tay ra chỉ việc xuôi tay, nhưng con khỉ không đủ khôn ngoan để biết điều đó. Khi nó hốt một nắm to thức ăn thì nó không thể rút tay ra vì nó không chịu thả thức ăn ra. Đức Phật nói kẻ phàm phu không biết thoát thân trong dòng sinh tử khi bàn tay họ cứ nắm chặt như đám khỉ ngu khờ trong Himalaya. Ngày xưa tôi có đọc câu chuyện ngắn "Chuột thành phố" của Tô Hoài. Một ngày kia con chuột nhà đi chơi gặp con chuột phố ốm nhách suy dinh dưỡng, chuột nhà rủ chuột phố về nhà để có thức ăn, khỏi đi lang thang bị mèo giết, cũng không phải giành thức ăn với lũ chuột hoang. Nhà có hũ mứt, chuột nhà dặn chuột phố ăn chỉ vừa đủ thôi vì cái lỗ này nhỏ, nếu ăn no thì chui ra không được. Con chuột kia đói quá, càng ăn càng lớn, cuối cùng ra không được. Câu chuyện này gợi ý cho mình là nên vừa chừng thôi. Muốn thoát thân tu hành thì phải buông bớt, bàn tay nắm hoài sao thoát, bụng chứa nhiều quá sao thoát. Trong giờ cận tử, giây phút quyết liệt nhất trong đời của mình, nếu lúc đó mình tỉnh táo thì còn đỡ đỡ một chút, chớ nếu tâm thức đang chập chờn thì lúc đó mình trở về với đơn vị gốc của mình. Bình thường mình nóng tánh, tham lam, cố chấp thì lúc đó là lúc tất cả những tánh xấu đó đổ về trước mặt mình. Ví dụ như lúc đó mình nghe ngứa quá mà không biết làm sao nhờ gãi, tay bắt cánh chuồn rồi mà, đâu có nói được nữa; nếu bình thường mình có khả năng chịu đựng thì không sao, còn bình thường sống sướng quen, hò hét như vua, có tiền bạc, có kẻ hầu người hạ, nhờ là người ta làm, bây giờ trong lúc đó nhờ không được, đâm bực. Hoặc trong cơn ảo giác cận tử mình sẽ thấy nhiều cái mà bình thường mình rất là thích như chơi tem, chơi xe, vòng vàng nữ trang, thích ăn ngon, thích món này món nọ, lúc đó có thể nó sẽ xuất hiện ảo giác. Những lúc đó nếu mình không biết buông, cứ ôm lấy thì tâm mình sẽ dính chặt vào đó, nếu ghét thì sẽ ra đi với tâm sân hận. Hoặc giống như có lần mình nằm mơ thấy mình mua hay ai đó mới cho mình cái gì đó thiệt là thích, chưa enjoy hết mình thì đã giựt mình vì tiếng động thấy ghét nào đó. Phải nghĩ là bây giờ bong bóng sắp vỡ rồi, bọt xà phòng sắp tan rồi, hoặc nắm cát sắp được tung ra rồi, phải nghĩ như vậy thì bớt sợ; hơn là nghĩ mình sắp gặp tai nạn, sắp xa người thân yêu, nghĩ vậy dễ sợ lắm. Đừng nói tôi nói chuyện trên mây, bây giờ không nhớ tôi đâu, lúc đó mới thấy nhớ tới tôi, nhớ ông sư từng nói, khi ngặt nghèo này là phải buông, phải nghĩ rằng mình chỉ là một nắm cát, mình chỉ là một cái bọt xà phòng. Bất cứ là ai đi nữa mà trên sáu mươi tuổi rồi mà vẫn còn dính chặt vào tiền, thích đếm tiền, nặng về tình thân, nặng về quan hệ bè bạn kiểu ái luyến gia tộc quyến thuộc, hoặc tệ hơn nữa là còn thích làm đẹp, còn mê quyền lực không nghĩ đến chuyện buông bỏ là tôi

ngại giùm rồi. Cỡ tuổi đó đã muộn lắm lắm lắm rồi. Tôi biết nói như vậy có nhiều người rất là phiền, họ sẽ nói rằng nói như vậy như có vẻ chống lại lịch sử văn minh nhân loại, tuổi già thì phải được an ủi là nhờ con cháu quây quần. Nghĩ như vậy là nghĩ theo kiểu lối mòn, chứ theo tinh thần nhà Phật thì càng buông bỏ là càng nhẹ. Trách nhiệm không phải là gánh nặng. Duty khác với burden. Ngoài phi trường quí vị thấy người ta ghi chữ duty-free thì 'duty' này rất nhẹ. Nếu không duty-free thì khi mua mình phải đóng thuế. Tôi nhìn chữ đó tôi khó chịu. Tôi nghĩ như trường hợp mẹ phải lo cho con, con phải lo cho ba mẹ, nghĩ vậy là hơi ngán rồi đó, không làm thì không được; còn cái kia mình không đóng thuế thì đừng có mua. Theo tôi thì mình đừng đồng hóa trách nhiệm với gánh nặng. Có người cũng lo cho gia đình nhưng luôn luôn trong tình trạng tâm lý sẵn sàng ra đi.

Tóm lại, thế giới này là của bốn đại và năm dục, bốn chính là năm. Cái gọi là vị ngọt của chúng chỉ là khía cạnh nào đó mà ta thích. Không nhàm chán thì sẽ không lìa bỏ, không lìa bỏ thì không thể giải thoát. Đây là toàn bộ nội dung của phẩm này. Hễ còn thích thì mình còn là con khỉ dính bẫy. Ngay đời này có thể không buông hết thì chỉ cần có tâm nguyện thôi: "Con biết, ngay bây giờ con chưa buông được nhưng con biết dính như vậy là bậy lắm, dính như vậy sẽ trầm luân." Trầm luân là bất trắc. Bất trắc nghĩa là mình không liệu được, không lường được. Cứ tưởng tượng khuya nay hai giờ sáng bị người ta bịt mắt đẩy mình lên chiếc xe, theo những gì mình nghe được thì đây là đám Hồi Giáo cực đoan, nghĩ bao nhiêu đó là lạnh xương sống rồi. Trong khi đó, chuyện tối nay mình tắt thở mình đi đâu còn ghê hơn chuyện Hồi Giáo cực đoan bịt mắt mình nữa, vì chuyện đó 50/50, hoặc nó giết mình, hoặc nó gây áp lực quốc tế thôi. Còn chuyện mình tắt thở rồi đi đâu thì chỉ trời biết có bao nhiêu con đường đang chờ mình, một là đi về địa ngục bị đâm chém, hai là sanh làm con trùn, con dế, con dòi ở hầm cầu ống cống, hoặc làm thủ tướng, giáo hoàng, hoa hậu nào đó… Trong kinh kể nhiều điều đáng sợ trong luân hồi lắm như sự bất trắc trong cảnh giới (không biết mình sanh về đâu), sự bất trắc trong người gặp gỡ (gặp minh sư thiện hữu thì hiếm, còn loại trời ơi thì nhiều), sự bất trắc trong tri kiến (không biết mình sinh ra trong xứ tôn giáo nào, tà kiến kiểu xứ nào, như dân Thái Lan là cực kỳ mê tín) và sự bất trắc trong điều kiện sống(trong vùng sâu vùng xa, hoặc điều kiện sống đáng buồn, đơn điệu chỉ biết ăn uống, sanh con đẻ cái, hoặc xứ châu Phi ăn cả cào cào châu chấu…).

Nội dung Phẩm Bốn Đại này là Đức Phật dạy ai không hiểu bốn đại là gì thì sẽ không nhàm chán bốn đại, và sẽ không nhàm chán trong năm dục; không nhàm

chán trong năm dục thì sẽ ở đơn vị gốc của Tam giới; ở đơn vị gốc của Tam giới thì sẽ tiếp tục sinh tử. Ok, mình sẽ gặp nhau vào ngày thứ Năm.

Bài giảng ngày 5-2-2015 CHƯƠNG IV. TƯƠNG ƯNG VÔ THỈ

PHẨM VÔ THỈ

Sáng nay mình học cả một phẩm - Phẩm Vô Thỉ (Anamatagga). Vô thỉ, vô thủy là không có điểm bắt đầu.

Có tất cả các bài kinh: Cỏ và Củi, Quả Đất, Nước Mắt, Sữa Mẹ, Núi Non, Hột Cải, Các Đệ Tử, Sông Hằng, Cây Gậy, Người, gom chung lại trong một buổi giảng hôm nay.

CỎ VÀ CỦI

Ở đây, Đức Phật dạy rằng những kiếp sống mà chúng ta đã trải qua nhiều không kể xiết. Điểm độc đáo trong Phật pháp là Đức Phật không bao giờ nói đến cái gì gọi là điểm bắt đầu của dòng luân hồi theo cách nghĩ thông thường, cũng không nói đến cái gọi là hữu biên hay vô biên của vũ trụ. Cho nên, theo Theravada thì không thể chấp nhận được lời nguyện: "Khi nào còn người sinh tử thì ta không thành Phật." Nam Tông không nhìn nhận câu này. Khi nói câu này có nghĩa là nói đến sự giới hạn. Trong Phật pháp thì không có tự đưa mình vào thế kẹt như vậy, vì vậy trong kinh điển Nguyên thủy không có lời nguyện lạ lùng như vậy. Ở đây tôi xin nghiêm túc và một cách đầy trách nhiệm không hề có ý bôi bác dè bỉu châm biếm, tôi chỉ hy vọng bà con khách quan. Ngay bây giờ quí vị vào Google gõ "48 đại nguyện của Phật Di Đà" sẽ thấy những lời nguyện lạ lùng mà bên Nam Tông không chấp nhận. Ví dụ "…không đủ 32 tướng tốt thì ta không thành Phật" thì cũng lạ, "mọi người còn phiền não không hiểu lý giải thoát thì ta không thành Phật"… những câu như vậy bên PGNT không chấp nhận được.

Khi nói đến dòng luân hồi vô thủy, Đức Phật xác nhận rằng chúng ta đã trải qua rất là nhiều, Ngài nói "thật là đã quá đủ để chúng ta nhàm chán, xả ly". Dù chúng ta có là Phạm thiên, Đế Thích, có là Hoàng hậu, Đế Vương, giàu sang trí thức tiếng tăm quyền lực cỡ nào đi nữa thì cứ hết tuổi đời là phải nằm xuống về đất. Cứ như vậy đó, giả định trong vài ngàn tỷ kiếp liên tục cứ được hưởng vinh hoa phú quí như vậy rồi thì sao?

Cứ lặp đi lặp lại. Cái gọi là vinh hoa phú quí chỉ là một sự giả định. Quí vị nhìn xuống mặt đất thấy một bầy kiến mấy triệu con đang di chuyển. Giả định như vậy. Trong mấy triệu đó có con làm thủ tướng, tổng thống, có nam nữ, đẹp xấu, giàu nghèo, bình dân, trí thức, cũng có thương hận tình thù, yêu ghét, tôn vinh

v.v.... Tất cả những cái gì diễn ra trong "xã hội" loài kiến buồn cười cỡ nào thì xã hội loài người y hệt như vậy. Lấy chiều cao của người cao mét bảy mét tám sống trong xã hội này, trên mặt đất này, hành tinh này thì thấy ghê gớm thiệt, chứ ngồi trên máy bay nhìn xuống thì thấy nản rồi. Nhà cửa lúc nhúc bên dưới, chung cư cao cấp thì giống như đống hộp quẹt chồng lên nhau, vậy mà cái hộp quẹt đó cả đời mình cày chưa chắc mua nổi. Tất cả những gì mình thấy ghê gớm (tài sản, chủ quyền, danh phận, quyền lực v.v...) chỉ là trò hề trong mắt người ngoại cuộc nhìn vào mà thôi. Vậy mà vòng luẩn quẩn trẻ con này đã diễn ra hằng vô số kiếp rồi. Cứ sanh ra trong môi trường nào thì mình thấy tất cả những gì xảy ra trong môi trường đó là quan trọng. Ví dụ mình làm con trùn chỉ mà con nít bắt về cho cá ăn, hoặc làm dòi, làm sâu, suốt vô số kiếp mình trải qua đời sống vô vị như vậy, tất cả chỉ là sự lặp đi lặp lại do vô minh che phủ và do tham ái trói buộc. Hết đời này tới đời khác, sanh ra ở đâu được chút đỉnh gì thì thấy quan trọng, ôm ấp giữ chặt trong tay không chịu buông ra. Thái độ giữ chặt này cứ đẩy mình đi tới, mình không có cơ hội để biết rõ mình là ai. Lâu lâu trong chúng sinh xuất hiện nhân vật Sattasara (tinh hoa trong đám phàm phu), tức vị Bồ tát. Bồ tát (bodhisatta) là chúng sinh có sự nhận thức. Quí vị đọc thêm kinh Thánh Cầu (Ariyapariyesanasutta) trong Trung Bộ Kinh để thấy được rằng trong vô số chúng sinh ở đời, tuyệt đại đa số sanh ra trong bối cảnh sanh già đau chết, cứ tiếp tục đầu tư kiếm tìm thêm cơ hội sanh già đau chết. Lâu lâu mới có một người sanh ra trong cảnh sanh già đau chết mà biết chán biết sợ, biết nghĩ đến con đường thoát. Người đi tìm kiếm hành trình giải thoát đó là hành trình của thánh nhân. 'Ariya': thánh nhân; 'pariyesana': sự tầm cầu, kiếm tìm con đường giải thoát. Đa phần thì sanh ra trong bối cảnh nào thì chìm sâu gắm chặt trong cảnh giới đó. Nếu mình có niềm tin thật sự thì thấy cơ hội làm người rất khó, cơ hội gặp được chánh pháp (tức cơ hội biết được mình là ai, từ đâu tới, sẽ làm gì) thì trăm ngàn muôn triệu tỷ ức kiếp mới có một lần.

Đức Phật nói: Giả định như lấy hết tất cả những cây cối trên mặt đất này chẻ nhỏ ra như những que diêm. Lấy những que diêm đó nói rằng đây là cha, mẹ trong đời quá khứ. Cho dù đốn sạch cây cối trên hành tinh này chẻ nhỏ ra từng que diêm như vậy thì số kiếp mình đã từng luân hồi cũng không hết. Ngài dùng hình ảnh này bởi đây là buổi nói chuyện diễn ra cách đây hơn 2500 năm trước tại Ấn Độ, tùy vào bối cảnh xã hội, văn hóa, trình độ người nghe ngồi trước mặt mà Đức Thế Tôn dùng vô lượng ví dụ cho phù hợp gần gũi với người nghe. Nói xong rồi Ngài nói: Thật là vừa đủ để nhàm chán, để xả ly.

"6) Cũng vậy, đã lâu ngày, này các Tỷ-kheo, các Ông chịu đựng khổ, chịu đựng thống khổ, chịu đựng tai họa, và các mộ phần ngày một lớn lên".

'Kaṭasī vaddhita': "các mộ phần ngày một lớn lên."

'Kaṭasī': nghĩa địa.

'vaḍḍhitā': (pp của vaḍḍheti: enlarge) phát triển, bành trướng

Kaṭasī vaddhita: nghĩa trang phát triển. Luân hồi chỉ là hành trình nới rộng nghĩa trang.

QUẢ ĐẤT

Chu vi trái đất là bốn mươi ngàn cây số. Ngài giả định toàn bộ trái đất chỉ bằng đất sét, không có sỏi đá kim loại. Cứ vò từng viên nhỏ nhỏ và nói, đây là cha tôi, đây là mẹ tôi, số đất đó có thể hết nhưng không thể nào kể cho hết được số kiếp mình đã tái sanh và mệnh chung.

NƯỚC MẮT

Ngài dạy rằng, nước mắt mình đổ ra trong dòng sinh tử nhiều hơn nước trong bốn biển.

Thời xưa, người Ấn Độ đã biết được thế giới gồm bốn biển lớn: Ấn Độ Dương, Bắc Băng Dương, Thái Bình Dương, Đại Tây Dương, tên các đại dương hồi đó là tên khác. Ba phần tư của trái đất này là nước biển, vậy mà trong khi đó nước mắt mình khóc trong dòng luân hồi vì cảnh sanh ly tử biệt, nạn tai v.v... nhiều hơn nước trong bốn biển.

Thời Đức Phật còn tại thế có một cô nàng tên Patācārā, xuất thân là một tiểu thư, đem lòng yêu một người giúp việc. Cha mẹ không chấp nhận, cô lén cùng anh ta trốn đi, sống với nhau và có được ba bốn đứa con. Lần chuyển dạ sau cùng, thấy phải ở cữ trong cảnh túng thiếu khổ sở quá, cô xin phép chồng trở về nhà cha mẹ rồi sau đó trở lại. Anh chồng không đồng ý vì sợ vợ đi luôn. Cô trốn chồng về nhà. Chồng đuổi theo kịp thì cô đã vô giữa rừng, cô mới vừa sanh con giữa rừng. Anh chồng thấy cảnh hai bên hai đứa con nhỏ, còn cô vợ thì khom lưng che cho đứa con mới sanh dưới cơn mưa tầm tã giữa rừng, liền vội đi kiếm củi để đốt lửa cho vợ con được ấm, nhưng anh ta lại bị rắn cắn chết. Cô đi tìm chồng thấy đã chết, lòng tan nát, đành bồng con dắt hai đứa nhỏ đi. Lội qua sông, nước cuốn trôi

hết chỉ còn một thân một mình. Cô về đến nhà thì nghe nói đêm trước mưa to nhà sập đè cha mẹ chết hết. Cô hóa điên, cởi hết áo quần lang thang vô chùa, gặp Đức Phật đang thuyết pháp. Đức Phật nhìn thấy, biết cô đã tu một trăm ngàn đại kiếp, thời gian tu Ba-la-mật tương đương ngài Ānanda, Ca Diếp, nhưng bây giờ khổ tâm như vậy. Ngài nói: "Con đã khóc từ vô số kiếp, nước mắt của con nhiều hơn bốn biển giờ chưa đủ hay sao còn khóc nữa." Cô nghe như vậy tỉnh liền, quì sụp xuống. Những người xung quanh liệng khăn choàng cho cô che thân. Cô xuất gia chứng A-la-hán, trở thành Đệ nhất trì luật. Bên tăng có ngài Upāli, bên ni có bà Patācārā là Đệ nhất trì luật. Hai vị này rất giỏi về những gì liên hệ đến Luật của tăng ni.

'Vinayadharā': trì luật

SỮA MẸ

Ngài dạy, sữa mẹ mà mình đã bú trong suốt dòng luân hồi nhiều hơn bốn biển.

NÚI

Ngài giả định một hòn đá hay ngọn núi đặc ruột mỗi một cạnh là một do tuần (khoảng 11km), cứ một trăm năm có người đến lấy tấm kāsi (vải mịn nhất) quét ngang một lần, cho đến bao giờ núi mòn đi (1 gram, 2 gram) do chuyện quét vải là một kiếp.

HỘT CẢI

Ngài giả định có một cái thùng hột cải, mỗi cạnh là một do tuần. Cứ một trăm năm lấy ra một hạt cải, lấy chừng nào hết thùng, thì đó là một kiếp. Một dịp khác Ngài dùng ví dụ khác, giả định như có bốn vị đệ tử chứng Túc mạng minh, mỗi một ngày họ nhớ lại một trăm ngàn đại kiếp, suốt một trăm năm như vậy (100 ngàn x 100 năm), số kiếp sống mà họ nhớ được thì cũng không nghĩa lý gì so với số lượng kiếp sống mà chúng ta đã trải qua.

SÔNG HẰNG

Số cát sông Hằng có nhiều cỡ nào cũng chỉ là hữu hạn, nhưng số kiếp luân hồi là vô hạn, vô lượng.

CÂY GẬY

Giống như một khúc cây liệng lên phải rớt xuống ở đầu này hay đầu kia, một chúng sinh còn phàm phu, chết rồi là phải có chỗ đi. Ngày xưa ngài Narada cũng có ví dụ, nếu cầm miếng đất hay cục đá nhắm mắt lại tung lên, thì chắc chắn là từ vị trí mình đứng, sức tung, và trọng lượnghòn đá sẽ quyết định hòn đá rớt ở đâu, lệch về phía nào. Một người còn là phàm phu dù không biết Phật pháp, không biết tu hành hay tu hành giỏi giang thì khi tắt thở là tự nhiên cũng có chỗ để tái sinh. Một người còn vô minh tham ái thì chết rồi là có chỗ để đi. Khổ nỗi, suốt dòng luân hồi thăm thẳm, cơ hội làm người và nghe được giáo pháp của Phật thì rất là hiếm. Bao nhiêu người Hồi Giáo cũng sanh ra làm người, trong thời điểm Phật pháp tồn tại ở đời đó chứ, nhưng họ đâu được gặp Phật pháp. Phật tử Campuchia, Lào, cơ hội để nghe Phật pháp so với Phật tử Thái Lan Tích Lan đã không giống. Số lượng Phật tử Thái Lan tìm đến với A-tỳ-đàm, nghiên cứu kinh điển thì rất hiếm, họ chỉ khoái làm phước cúng dường, cầu phúc, bùa phép, đeo tượng này tượng kia, đeo dây ngũ sắc tùm lum. Có chuyện rất là đáng buồn, khi tôi về Bangkok tôi tìm sách A-tỳ-đàm rất hiếm thấy. Đã hiếm mà còn có những cuốn in giấy xấu, đen thui. Tôi hỏi sư bạn, sao mà cũng kinh sách mà cuốn này in đẹp quá còn cuốn kia in xấu. Sư trả lời, mấy cuốn này bán ai mua. Nghe mà ngậm ngùi. Có tiếp xúc với chùa miễu tăng ni thấy mới thấy điều này, đã có dấu hiệu mạt pháp rồi. Đi vào chùa học mấy cái này họ chán dữ lắm, nhưng nếu bày cúng sao cúng vong giải hạn thì đông dữ lắm. Phần đông người ta đến chùa thì cầu gia đạo bình yên tình duyên như ý. Thời này làm gì có chuyện vô chùa tìm hiểu Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Duyên khởi, Bát Chánh Đạo… Vì vậy, mang thân người là khó, được gặp chánh pháp là khó, mà còn phải tùy thuộc sanh ra trong bối cảnh nào, tiền nghiệp, khuynh hướng tâm lý, môi trường hiện tại như thế nào.

Trong chú giải có câu này hay: “kira dvinnaṃ buddhānaṃ antare yojanaṃ pathavī ussannā” nghĩa là, trong trái đất này có năm vị Phật, khoảng thời gian giữa hai vị vừa đủ để trái đất này dày thêm một do tuần.

NGƯỜI

Trong bài kinh này Ngài xác nhận, số xương mình luân hồi, chất lại có thể bằng ngọn núi. Vì sao như vậy?

Vì trong suốt thời gian đó mình không có cơ hội để hành trì Bát Chánh Đạo. Cơ hội hành trì Bát Chánh Đạo gồm rất nhiều điều kiện. Phải được mang thân người, bối cảnh sống môi trường ra sao, chớ đi chùa mà cứ gặp ông thầy cứ bảo cúng dường, rồi cầu an cầu siêu, lễ lạy sì sụp, chớ hề động tới giáo lý thì không có cơ

hội hành trì Bát Chánh Đạo. Phật tử thì tăng ni nói gì cứ nghe theo như sấm. Có nhiều Phật tử có suy nghĩ rất lạ là chỉ có tăng ni học Phật pháp còn cư sĩ thì có quyền dốt Phật pháp. Nếu còn là phàm phu thì tăng ni hay cư sĩ giống y như nhau một hành trình thăm thẳm phía trước, giống hệt nhau trên giường chết, tại sao mình nghĩ người ta cần giỏi Phật pháp còn mình thì không cần giỏi. Phước báu của quí vị nhiều hay ít tùy thuộc vào tâm. Ví dụ lúc làm thiện hào hứng hay hờ hững, tâm đại thiện thọ hỷ hay thọ xả. Hữu trợ hay vô trợ, việc lành đó do mình sốt sắng tự nguyện hay do sự do dự tính toán, ai đó xúi giục tác động. Hợp trí hay ly trí, lúc làm thiện có nhận thức hiểu biết hay do người ta xúi. Đừng tưởng ai giỏi ai siêng thì học giáo lý còn tôi thì lo làm phước. Trạng thái tâm thiện quyết định quả báo nhiều hay ít. Chính khả năng hiểu biết của mình góp phần vào cái gọi là trạng thái tâm thiện đó. Vì vậy, mang thân người, gặp được Phật pháp, tùy căn cơ sở tánh, khả năng tiếp thu của mình tới đâu thì mới quyết định việc công đức của mình được bao nhiêu. Nếu không đủ trí khi gặp Phật pháp mình chỉ biết làm phước rồi nhìn Đức Phật như ông thần ông bụt, chỉ biết quì lạy van xin khấn khứa mà không biết gì khác. Krishnamurti nói Đức Phật như lu nước, để mình dùng, mình uống chớ không phải là để mình quỳ lạy. Không ai mua cái lu về quì lạy. Ông dùng hình ảnh thiếu tôn kính nhưng thực tế. Đức Phật không phải là một hình ảnh thần thánh để mình quì lạy mà để mình tìm hiểu Ngài giác ngộ cái gì, hành trì cái gì, giảng dạy cái gì, đó mới là điều quan trọng. Khổ nỗi trong dòng luân hồi này khi có chư Phật ra đời thì mình không có cơ hội học hỏi, khi mình có khả năng học hỏi thì không gặp chư Phật. Tôi đọc sách và tôi tiếp xúc ở ngoài, lâu lâu tôi cũng gặp vài người, tôi nghĩ nếu gặp được Đức Phật thì tôi không biết họ đắc hay không nhưng tôi có cảm giác là họ có khả năng đắc rất là nhiều. Theo nhận xét của tôi, họ là người thiểu dục, có từ tâm, rất là thông minh, có nhiều đức tánh tốt. Xui một chỗ là người thời nay đáng làm thầy của họ thì khó kiếm quá. Mình nghĩ với tâm hồn đó mà gặp được ngài Ānanda, Xá Lợi Phất thì tốt biết bao nhiêu. Giờ họ sanh ra trong thời này, tìm hiểu Phật pháp qua sách qua tăng ni thì cũng chung chung mức độ nào đó thôi.

Phẩm thứ hai: KHỐN CÙNG –AN LẠC

Khi mình thấy khổ quá hãy suy tư rằng ta đã phải chịu cảnh này từ vô số kiếp. Khi thấy mình đang an lạc thì cũng nhớ rằng mình đã trải qua cảnh này trong vô số kiếp. Tại sao phải nhớ như vậy?

Nhớ để lạnh xương sống! Dù có sung sướng hạnh phúc bao nhiêu kiếp thì cũng cứ trồi lên trụt xuống. Quí vị có sung sướng cỡ nào đi nữa thì làm ơn nhớ giùm

tôi một chuyện thôi, nếu nhớ liên tục thì cuộc đời quí vị chắc chắn có thay đổi, đó là Đức Phật dạy rằng: Chỉ riêng sự sợ chết, nỗi sợ lúc sắp ra đi cũng đủ làm cho ta kinh hãi dòng luân hồi. Tôi, người đang nói chuyện với các vị đây, tết này là 47, tôi đã từng trải qua cảm giác cận tử ở phòng cấp cứu, tôi biết. Sợ lắm. Lúc tỉnh táo khỏe mạnh, mình nhìn người khác chết, mình nghĩ về cái chết "có gì đâu, sớm nở tối tàn, phù du mà!" Nhưng cảm giác của người sắp ra đi, dễ sợ lắm. Tùy người, mỗi người có một cái sợ riêng. Tôi là người nam, là ông sư, không hiểu sao cứ nói đến dòng luân hồi là tôi nghĩ đến cảnh làm dâu. Đức Phật có dạy trong kinh Tăng Chi: Bất hạnh thay là thân nữ nhân. Từ bé đến già phải chịu nhiều bất hạnh. Mỗi tháng phải chịu bất tịnh. Lấy chồng phải về với người lạ. Phải đau đớn mang thai, sinh sản, chăm sóc con nhỏ. Đây là Ngài kể những nét chính thôi, chớ còn cảnh làm dâu, cảnh nhìn người thương của mình bị khổ mà cứu không được, bị chèn ép áp bức mà không dám lên tiếng, liệt giường ngứa lưng mà không biết làm sao mà gãi. Hãy nhớ từ nhỏ đến giờ giây phút mình có thể cười được chiếm bao nhiêu phần trăm thời gian trong đời?

Tôi không phải là khổ cực gì nhưng nhớ lại khoảng đời đã qua tôi nghĩ tốt hơn hết là đừng có. Vì vậy Đức Phật dạy, khi buồn khổ hay hạnh phúc thì phải nhớ rằng cảnh này đã diễn ra bao nhiêu lần rồi.

KHOẢNG BA MƯƠI

"Ba mươi vị Tỷ-kheo xứ Pāvā, tất cả sống ở rừng, tất cả đi khất thực, tất cả mang y phấn tảo, tất cả mang ba y, tất cả đang còn kiết sử"

Chú giải nói rằng ba mươi vị tỳ kheo này đều là thánh Hữu học, không ai trong số này là phàm phu hay La-Hán. Tất cả đều là những vị trì hạnh Đầu đà (dhutaṅga).

Bên cạnh giới luật bắt buộc phải giữ, vị tỳ kheo nếu muốn có thể phát nguyện giữ thêm một hay vài hoặc cả mười ba hạnh Đầu đà như: suốt đời không nằm, chỉ ăn mỗi ngày một bữa (một muỗng cơm cũng kể là một bữa ăn), chỉ giữ ba y (rách nát mới tìm cái mới, không dự trữ y dư), chỉ sống chỗ không mái che, chỉ mặc y may từ vải lượm…

Sabbe āraññikātiādīsu dhutaṅgasamādānavasena tesaṃ āraññikādibhāvo veditabbo. Sabbe sasaṃyojanāti sabbe sabandhanā, keci sotāpannā, keci sakadāgāmino, keci anāgāmino. Tesu hi puthujjano vā khīṇāsavo vā natthi.Tất cả các vị trì hạnh đầu đà như hạnh ẩn lâm chẳng hạn, còn kiết sử, tâm còn trói buộc

bởi vì có một số vị trong đó đã đắc quả Tu-đà-hoàn, Dự lưu rồi, một số vị đã đắc Tư-đà-hàm rồi, một số vị đắc A-na-hàm rồi. Trong số đó không hề có phàm phu hay là La-Hán.

Khi Đức Phật nhìn thấy các vị này, Ngài suy nghĩ nên nói điều gì để họ đi hết đoạn đường còn lại. Sau khi xét căn cơ các vị này, Ngài chọn đề tài là sự vô thỉ luân hồi. Ngoại trừ Đức Phật ra, người nói pháp thông thường thường nói điều mình muốn nói. Riêng Đức Phật thì Ngài nói điều người ta cần được nghe. Tôi cho rằng bí quyết hôn nhân, bí quyết gìn giữ tình bạn cũng vậy, xưa giờ mình chỉ quen nói những điều mình muốn nói, mình bắt người thân mình nghe điều mình muốn nói, trong khi đó họ muốn nghe điều họ cần được nghe. Đó là bí quyết sống ở đời. Tại sao gia đình là địa ngục?

Bởi những thành viên trong đó phát biểu toàn điều mình muốn nói. Muốn gia đạo thành công, phải làm ngược lại, nói những điều người kia cần nghe, muốn nghe.

Ngài dạy: Các vị hãy nhớ máu của mình đổ ra trong dòng luân hồi lúc mình làm người làm thú, nhiều hơn nước trong bốn biển. Kinh này Đức Phật chỉ nói về máu.

Tại sao mình phải gặp một người như Đức Phật?

Tại vì ngoài chuyện Ngài hiểu mình muốn nghe cái gì, mình cần nghe cái gì, còn có một điều nữa là gương mặt, âm thanh của Đức Phật và từ trường từ Ngài tỏa ra. Có những người khi mình nhìn họ, mình thấy danh lợi quan trọng, mình phải phấn đấu, cạnh tranh, hơn thua; nhưng có những người khi nhìn họ, mình thấy toan tính của mình chỉ là trò hề, cuộc chơi của trẻ con. Tôi không được gặp thánh nhưng tôi có may mắn trong đời gặp được những người như tôi vừa kể. Có người tôi gặp họ tôi thấy tôi giống như người đời, nhưng có những người tôi gặp họ, nhiều khi trong số đó có cư sĩ, nhìn họ tôi thấy mình lâu nay rất dễ duôi, có những người, nhìn họ tôi thấy mình quá sức ngon lành. Ở đây cũng vậy, bối cảnh có thánh chúng vây quanh, âm thanh, gương mặt và từ trường của Ngài lan tỏa rất quan trọng. Đức Phật có hai cách giáo hóa chúng sinh: ngôn giáo và thân giáo. Phải tu hành nhiều kiếp mới gặp người có thân giáo. Họ không nói gì hết, mình chỉ nhìn họ đi đứng nằm ngồi, chỉ nhìn ánh mắt, nụ cười, ngồi bên họ thôi là mình đã thấy thay đổi rồi. Tôi từng tiếp xúc với vài vị từng gặp ngài Narada, các vị đó kể rằng, dù họ có hiểu hay không hiểu tiếng Anh, khi ngồi gần ngài Narada họ nghe cảm giác mát mẻ an lạc không tưởng được. Họ thấy mọi sự trên đời này

rất đơn giản, cho dù họ có lăn đùng ra chết họ cũng không thấy gì sợ hãi miễn là có ngài ngồi đó. Tôi được tận mắt nhìn người kể chuyện đó, tận tai tôi nghe họ, và tôi có thể lấy tay chạm vào nhân chứng sống. Có người họ kể là ngài Hộ Tông. Lạ lắm, trước mặt vị này họ có lăn ra chết cũng không sợ. Tôi nghe tôi thấy rất là vui, vì trên đời này thánh là có thật. Hai vị ấy dù là còn phàm mà còn có từ trường như vậy huống hồ gì là ngài Ānanda, là Đức Phật. Chuyện mình tu học, ngoài chuyện an lạc cho mình, còn là sự an lạc cho người khác nữa, làm sao mà người ta nghe mình nói, ngồi gần mình, nhìn mặt mình, người ta thấy ra sự thay đổi lớn trong tâm hồn thì đó là sự lợi tha rất lớn. Ở đây Ngài chỉ nói chuyện máu mà người ta đã giải thoát rồi.

MẸ - CHA - ANH - CHỊ - CON TRAI - CON GÁI

Một loạt kinh tiếp theo là nói về các quan hệ gia đình. Ngài dạy rằng không dễ gì tìm thấy được ai đó chưa từng là thân thuộc của mình trong quá khứ.

'cakkavāḷā': vũ trụ (universe) gồm có mặt trăng, mặt trời, Saturn (Thổ tinh), Mars (Hỏa tinh), Venus (Kim Tinh) tức là thái dương hệ gồm các ngôi sao trong đó. Cứ một galaxy system như vậy làm thành một cakkavāḷā. Có vô số galaxy như vậy.

"Imamhā cakkavāḷā sattā paracakkavāḷaṃ, paracakkavāḷā ca imaṃ cakkavāḷaṃ saṃsaranti": Từ vũ trụ này đầu thai qua vũ trụ khác, từ vũ trụ khác trở qua vũ trụ a, b, c, d, đi tới đi lui như vậy, lớn vô cùng. Trong vô số galaxy như vậy đó mà tìm được người chưa từng là cha mẹ anh em của mình không phải là dễ. Mênh mông như vậy mà mình đã đi không biết là bao nhiêu kiếp. Trong thời gian đó vui ít khổ nhiều. Vì sao vậy?

Vì Dục giới là đơn vị gốc của Tam giới. Mỗi galaxy như vậy có đủ 31 cõi. Trong 31 cõi chia thành ba phần: Dục, Sắc, Vô sắc thì cõi Dục là gốc. Cõi khổ là gốc của Dục giới. Trong cõi Dục, 4 cõi khổ là gốc. 12 bất thiện là gốc của cõi khổ. Ở mỗi người chúng ta lúc nào đi nữa phần thiện cũng yếu hơn bất thiện. Lâu lắm mới có một người thiện ngang với ác. Thiện nhiều hơn ác càng hiếm hoi hơn nữa. Trên đời có ba hạng người: thiện ít hơn ác, ác ít hơn thiện, thiện ác bằng nhau. Không thiện không ác là vị La-Hán, hiếm nhất.

Tăng Chi Bộ kinh ghi rằng, trong các loài chúng sinh nói chung, loài thấp sinh nhiều nhất. Trong các loài chúng sinh, bàng sinh là nhiều nhất.

Người không giới, không thí nhiều hơn người có giới, có thí. Người phàm có tu tập đông hơn Sơ quả. Sơ quả đông hơn Nhị quả. Nhị quả đông hơn Tam quả. Tam quả đông hơn Tứ quả. Tứ quả không gì đặc biệt đông hơn Tứ quả có khả năng khác thường (trí tuệ, thần thông, biện tài, thuyết pháp, trí nhớ…). Đại thinh văn có 47 nhưng Chí thượng Thinh văn chỉ có 2. Hiếm nhất vẫn là chư Phật Toàn Giác.

Tóm lại, khó tìm người nào chưa từng là con trai của mình, con gái của mình, cha mình, mẹ mình, anh mình, chị mình, không phải chỉ trong hành tinh này mà còn bao gồm vô số thế giới khác. Trong suốt thời gian đó luôn luôn là vui ít khổ nhiều vì một lý do cực kỳ đơn giản đó là bản chất bất thiện của mình luôn nhiều hơn thiện. Kẻ nào không tin thì làm ơn ngồi yên lại nhìn xem mình từ sáng thức dậy cho tới lúc vào giường ngủ thì cái suy nghĩ tốt đẹp với suy nghĩ tào lao cái nào nhiều hơn.

VEPULLA

Chiều cao của núi non trên mặt đất này không phải là cố định như nhiều người nghĩ. Có những ngọn núi theo năm tháng vì lý do địa chất nào đó mà càng lúc càng thấp dần, nhưng cũng có những ngọn núi lớn dần theo thời gian. Người ta nói Everest đang cao thêm. Tên gọi của các ngọn núi cũng theo năm tháng mà thay đổi. Đỉnh Everest là tên của người đầu tiên leo lên đó, trước đây không phải tên đó. Các dân tộc trong Ấn Độ gọi Everest bằng những cái tên khác nhau, kể từ khi có người Tây phương leo lên đầu tiên, ngọn núi này mang tên Everest.

Đức Phật dạy rằng núi Vepulla ở thành Vương Xá này theo năm tháng đổi tên nhiều lần và chiều cao cũng thay đổi. Núi này ngày xưa rất lớn, người ta phải mất bốn ngày mới lên tới đỉnh. Bài kinh trước nói rằng, khoảng cách giữa hai vị Phật lâu đến mức đủ cho trái đất này dày thêm một do tuần, nhưng bài kinh này thì ngược lại, có một số chỗ mòn đi, giảm bớt.

“cattālīsavassasahassāyukakāle nibbatto āyuppamāṇaṃ pañca koṭṭhāse katvā cattāro ṭhatvā pañcame vijjamāneyeva parinibbuto. Taṃ āyu parihāyamānaṃ dasavassakālaṃ patvā puna vaḍḍhamānaṃ asaṅkheyyaṃ hutvā tato parihāyamānaṃ tiṃsavassasahassāyukakāle ṭhitaṃ, tadā koṇāgamano nibbatto. Tasmimpi tatheva parinibbute taṃ āyu dasavassakālaṃ patvā puna vaḍḍhamānaṃ asaṅkheyyaṃ hutvā parihāyitvā vīsavassasahassakāle ṭhitaṃ, tadā kassapo bhagavā nibbatto. Tasmimpi tatheva parinibbute taṃ āyu dasavassakālaṃ patvā puna vaḍḍhamānaṃ asaṅkheyyaṃ hutvā parihāyitvā

vassasatakālaṃ pattaṃ, atha amhākaṃ sammāsambuddho nibbatto.” Tuổi thọ của chúng sinh trong trái đất này lúc nhiều lúc ít. Thời đầu tiên chúng sinh sống được bốn chục ngàn tuổi. Chư Phật luôn sống ít hơn chúng sinh đương thời một ít, như Phật Kakusandha (Cù Lưu Tôn) chỉ sống bốn phần năm mức tuổi thọ đương thời (40.000 năm). Các vị Phật khác cũng vậy. Sở dĩ như vậy là để làm chúng sinh kinh cảm. Sau khi Phật Kakusandha viên tịch thì tuổi thọ chúng sinh giảm dần. Mỗi trăm năm giảm một tuổi. Cứ như vậy đến lúc nhân loại chỉ còn mười tuổi, cao dưới 1 feet, năm tuổi đã có gia đình, sinh hoạt như loài thú. Có một số người nhận ra nếp sống thấp kém của loài người lúc đó nên bắt đầu giữ giới sát sinh, không giết, không trộm, không quan hệ bừa bãi, không nói dối, không say sưa. Nhờ vậy tuổi thọ tăng dần đến a-tăng-kỳ tuổi (asankheyya: 10140).

Từ mức tuổi này lại giảm dần xuống còn ba mươi ngàn tuổi thì lúc đó Phật Konagamana (Câu Na Hàm Mâu Ni) ra đời. Sau khi Đức Phật viên tịch thì tuổi thọ của chúng sinh lại giảm rồi tăng theo cách cũ.

Từ mức cao nhất giảm xuống còn hai mươi ngàn tuổi thì Phật Ca Diếp (Kassapa) ra đời. Sau khi Phật Ca Diếp viên tịch, tuổi thọ chúng sinh lại giảm rồi tăng theo cách cũ, sau đó giảm xuống đến mức 100 tuổi thì Phật Thích Ca ra đời. Từ đó đến nay mọi sự diễn ra như ta thấy.

Bảy giờ bốn mươi hai rồi, xin hẹn bà con ngày thứ Bảy. Vạn nhất trục trặc gì đó không giảng thì bà con nghe lại bài này cho kỹ. Bữa nào vô room thấy bà con mở lại, tôi nghĩ bà con cũng có ý nghe. Tôi giảng sáu tháng, tám tháng, một năm bà con chỉ cần nghe lại bài cũ thôi. Cái room này, cái chính vẫn là tôi giảng theo commentary của kinh chớ không phải là những gì tôi suy nghĩ. Còn cái gì lâu lâu tôi điểm xuyết thêm thì tôi nói cái này tôi nói chớ không phải là kinh nói. Nếu hôm nay có một vị tăng ni cư sĩ nào đó mở một cái room giảng Kinh Tạng dựa theo chú giải như vậy thì tôi hết sức tôn kính lắng nghe. Có lợi quá, có người coi kinh giùm mình sướng quá mắc gì không nghe. Kể từ dự lớp này xong, bà con cẩn thận, Kinh Tạng nghe ai giải thích thì hỏi “Thưa thầy, thưa sư, thưa (…) cái này dựa vào đâu?

” Xin chúc các vị một ngày vui.

Bài giảng ngày 7-2-2015 TƯƠNG ƯNG KASSAPA (Ca-diếp)

I. TRI TÚC

Sáng nay mình bắt đầu chương Kassapa. Tương Ưng Ca Diếp. Thời Đức Phật có rất nhiều vị trùng tên nhau. Sau khi thành đạo, Ngài có độ được ba anh em đều có tên là Kassapa. (Gayā Kassapa, Nadī Kassapa, Uravelā Kassapa). Về sau này Ngài có một vị đệ tử nhỏ xíu bảy tuổi cũng tên Kassapa. Để phân biệt, Ngài gọi vị này là Kumāra Kassapa. Kumāra nghĩa là boy, cậu bé. Một vị nữa mà chúng ta đang học sáng nay là vị Đệ nhất biệt hạnh Đầu đà là Maha Kassapa. Trước mắt là có năm vị có tên tuổi, ngoài ra có hàng chục vị khác vì tên gọi Kassapa là tên gọi rất là phổ biến. Theo các nhà ngôn ngữ học, chữ 'Kassapa' này bên tiếng Sanskrit là 'Kasyapa', tiếng Pāḷi là 'Kassapa'. Có người ngờ rằng tên này cùng nguồn gốc với chữ 'kacchapa', có nghĩa là 'con rùa'. Bởi vì xưa người ta có khuynh hướng thờ bái vật, mỗi dòng họ người ta chọn một con vật.

Mahakassapa (Đại Ca Diếp)

Trong kinh nói rằng trước khi ngài gặp được Đức Phật kiếp cuối cùng để chứng thành quả vị La-Hán ngài là vị Phạm thiên từ cõi Phạm thiên sanh xuống. Ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, Ānanda thì từ cõi Đâu Suất xuống chung với Bồ tát. Theo trong kinh nói những vị từ cõi Phạm thiên sinh xuống thì có một số điểm đặc biệt. Họ đối với năm dục hờ hững lắm vì một thời gian rất dài lòng nguội lạnh. Trong kinh nói ngài có một số tướng tốt giống như Đức Phật:

- Mã âm tàng - bộ phận sinh dục rất đặc biệt, tướng này ở ngoài đời thì sẽ có nhiều quí tử toàn anh hùng, giỏi giang, bác học.

- Lưỡi dài rộng, người này đời sống vật chất hoàn toàn không có gì lo lắng, nói ra là thiên hạ tin

- Khi đứng thẳng, bàn tay sờ được đầu gối.

Đức Phật có 32 tướng, đệ tử của Ngài thì rải rác, có vị có năm tướng, bảy tướng. Ngài Maha Kassapa sinh ra trong một gia tộc rất giàu có, trang trại rộng lớn đến mức phải đi ngựa, không đi bộ được. Giống như mấy cái farm của Mỹ hoặc Úc vậy, rất mênh mông, phải đi bằng xe hơi. Buổi trưa ngài cưỡi ngựa để đi thăm nom trang trại, thăm kho thóc kho đậu, chuồng trại…, ngài nhìn thấy giữa trưa nắng chang chang, những con trùn bò ra đất thì bị chim ăn, chim nhỏ bị chim lớn

giành giựt cấu xé. Ngài nản quá, ngài nghĩ đời sống sao chán như vậy, may là chưa ai đụng tới mình nhưng chắc chắn cũng có kẻ dòm ngó mình như những con chim dòm con trùn, con mạnh dòm con yếu. Lúc trở về, gia đình hối ngài phải lập gia đình. Ngài quá nản nên từ chối mấy lần, nhưng thấy cha mẹ buồn nên ngài nói kiếm cô nào giống như cái tượng này thì ngài lấy, ngài tính đưa ra cái cớ để thoát thân. Không ngờ gia đình ngài giàu quá, "cái gì không mua được bằng tiền thì mua được bằng rất nhiều tiền" (Năm Cam), họ vung tiền ra đi tìm và cuối cùng tìm được cô gái rất đẹp, tên là Bhaddā Kāpilānī. Đây là nhân vật rất quan trọng và có rất nhiều chuyện mà các vị nên biết, cần biết, phải biết vì không mấy khi các vị biết câu chuyện này, câu chuyện này không có trong bản kinh tiếng Việt. Cô này cũng ở trên Phạm thiên sanh xuống, lẽ ra cổ phải mang thân nam, nhưng cổ có lời nguyền tiền kiếp là thương ngài dữ lắm, cổ thương đến mức mà "đi đâu cho thiếp theo cùng, đói no thiếp chịu lạnh lùng thiếp cam". Ngài đi tu thiền cổ cũng đi tu thiền, ngài đắc cổ cũng đắc, khi ngài trở về cõi Dục thì cổ cũng đóng vai trò tri âm, tri kỷ. Một số đông người mình chỉ biết thương chớ không biết chia sẻ lý tưởng, trong đạo lẫn ngoài đời. Nhiều khi mình thương chồng, thương anh em, bạn bè, sư phụ, nhưng chỉ biết nấu cơm giặt giũ, chăm sóc chớ không biết chia sẻ lý tưởng tâm tư của người ta. Xin mở ngoặc nói chuyện này, những người hộ trì tôi, nhiều lúc tôi lén lén dòm họ, tôi nghĩ không có họ thì mình cũng mệt, nhưng mà không có mợ thì chợ cũng đông. Có điều tôi tưởng tượng những người này mà ở gần mình suốt một tháng chắc một đêm nào đó tôi cũng tay bị tay gậy khăn áo lên đường chớ chịu không thấu. Bởi vì kiểu họ lo cho mình trớt quớt, họ lo cho mình ăn mập cái thây, chớ chuyện mình làm họ không chia sẻ được và nhiều lúc phát biểu nhiều câu không hay.

Ngoài đời ngài không có tên Maha Kassapa mà là tên Pippali. Khi tìm được nàng, hai gia đình gặp gỡ nhau và bắt đầu nói chuyện trầu cau chạm ngõ, đính hôn, kết hôn. Trong ngày cưới, ngài viết lá thư cho nàng Bhaddā Kāpilānī nói là vì chiều ý cha mẹ nên mới chịu làm đám cưới vậy thôi chớ ngài không muốn lấy vợ, ngài mong rằng nếu được thì nàng làm bạn với ngài và đừng trông đợi ở ngài vai trò trách nhiệm của một người chồng. Không ngờ lá thơ gởi đi cũng cùng lúc nàng viết cho ngài lá thơ nội dung cũng y hệt như vậy. Hôn lễ vẫn tổ chức. Cả hai đều đẹp lộng lẫy như tiên đồng ngọc nữ. Đêm hợp cẩn, họ lấy vòng hoa tươi để giữa hai người và nói với nhau một câu nửa đùa nửa thật: Sáng mai thức dậy, hoa héo bên cạnh nào thì người đó là kẻ hư, nói được làm không được. Sống với nhau được mấy ngày, sáng thức dậy thấy hoa vẫn còn tươi, họ nể nhau hơn. Bắt đầu sáng hôm sau cũng diễn cho người ta thấy, hai người trong vai vợ chồng đưa

nhau đi tu. Đi một đoạn nào đó họ thấy không thể đi cùng nhau, khi rời nhà họ đã mặc đồ tu. Họ chia tay nơi ngã ba đường. Ngài dặn ai tìm được đạo giải thoát trước thì nhớ quay về tìm người kia. Đọc ngay chỗ này, tôi nhớ đến tình cảm của ngài Mục Kiền Liên và ngài Xá Lợi Phất. Cũng ngay chỗ này, trong lòng tôi, tôi biết nội lực của mình đến đâu. Riêng tôi, một người hồng nhan tri kỷ như vậy dù không có lòng tà với họ nhưng thật không có cái gan để nàng đi một mình giữa trời đất bao la, giang hồ hiểm ác, Thạch Sanh thì ít Lý Thông thì nhiều. Lòng người này phải nguội lạnh dễ sợ lắm chớ như tôi chắc chịu không thấu. Trong kinh nói khi hai vị nói lời chia tay nhau ở ngã ba đường, địa cầu rung động. Nàng đi về một phương, chàng đi về một hướng. Ngài Maha Kassapa đi một đỗi vào cánh rừng thì gặp một vị Sa-môn ngồi đó, ba mươi hai tướng tốt, hào quang rực rỡ. Trong kinh nói rằng ngài chưa bao giờ gặp vị đó, vậy mà ngài đi thẳng tới và quỳ sụp xuống. Tiếng Pāḷi là Bhagāvā, theo Tàu gọi là Thế Tôn, chữ này ở Ấn Độ là chữ kính ngữ dùng để xưng hô cho những bậc khả kính:

-Bạch Thế Tôn, con là đệ tử của Thế Tôn và Thế Tôn là đạo sư của con.

Khi ngài ngồi xuống, Đức Phật hỏi thăm một vài câu rồi Ngài khen lá y ngài Maha Kassapa đang mặc. Vì sao ngài Maha Kassapa chưa đi tu mà tấm vải khoác lên người gọi là lá y?

Bởi vì buổi đầu của PG, lá y chưa may thành từng miếng, từng điều lớn điều nhỏ như bây giờ mà chỉ là tấm vải nhuộm màu. Trong kinh gọi là màu kāsāva. Về sau lấy tên gọi cái màu này kāsāva gọi tên cho giáo phục của tăng ni. Buổi đầu kāsāva gọi chung cho màu cỏ úa, màu xám tro, màu đất.

Đức Phật nói: Cái y của Kassapa đẹp. Một ông vua đi tu là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác mà lại khen cái y của ngài Kassapa đẹp! Ngài Kassapa nói: Bạch Thế Tôn, con mong ngài vì lòng đại bi mà đổi y cho con, cho con xin lá y của ngài rồi con cúng cho ngài lá y con đang mặc.

Thế là nảy ra chuyện đổi y giữa thầy trò. Lá y Đức Phật đổi cho ngài Kassapa không phải là lá y bình thường. Trong kinh nói trong đời mỗi vị Phật có ít nhất một lần tự tay mình lượm vải làm y mặc. Tấm y mà Đức Phật đổi cho ngài Kassapa là tấm vải bó xác của Punna, một nô tỳ chết và bị ném xác trong rừng. Xác cô được quấn bằng một tấm vải rẻ tiền. Lúc đó Đức Phật vào trong rừng một mình, đến chỗ người ta liệng xác, thấy tấm vải đó còn dùng được, Ngài mới lấy tấm vải đó về giặt làm lá y. Câu chuyện diễn ra lúc Ngài giặt y và phơi ly kỳ lắm, nhưng tôi suy nghĩ ba ngày ba đêm quyết định không kể, lý do là không cần thiết.

Ngài đem vải đó về cho ngài Ānanda nhuộm và may thành lá y. Ngài mặc trên người trước khi gặp ngài Kassapa, và sau khi đổi y Ngài cho ngài Kassapa biết thêm lá y này từ đâu mà có. Cũng chính từ chuyện đổi y này mới có hai tình tiết nổi tiếng sau này.

Tình tiết thứ nhất, khi nhận lá y đó ngài Kassapa thấy rằng trên đời này không có gì hay cho bằng hạnh Đầu đà. Tưởng tượng cảnh ông thầy tu ngày một bữa ôm bát đi ngoài làng, có khoai ăn khoai, có cháo ăn cháo, không nhận lời đến nhà ai ăn mâm cao cỗ đầy. Y áo thì lượm đem về tự mình nhuộm may, rách thì vá, rồi đi kiếm miếng khác. Cuộc sống nhẹ nhàng, không lệ thuộc học trò làm eo làm phách. Ngài Kassapa phát nguyện trì 13 hạnh Đầu đà suốt một đời kể từ đó.

Tình tiết thứ hai, sau khi đức Phật Niết Bàn không lâu, anh em huynh đệ một số bất đồng nhau vài vấn đề về giáo lý, lối hành trì, bất đồng trong cách hiểu, trong cách tu tập, chưa kể lý do danh lợi, hoàn cảnh văn hóa địa phương khiến cho các vị có những thay đổi trong thuyết giảng. Một số anh em đã tách nhau ra, không đi theo các vị tôn túc nữa. Ví dụ mình thấy một số tăng trẻ VN khoái truyền thống của ngài Hộ Tông. Một số vị đi Thái Lan học theo kiểu của Thái Lan thấy hay, cả đời hành trì theo kiểu Thái Lan. Có một số vị ở bên Mỹ, bên Pháp, nhưng cách tu, cách mặc y, nói năng, hành trì y chang như Thái Lan. Có những vị xuất thân từ Miến Điện thì từ màu y, cách quấn y cũng của Miến Điện, kinh sách trong phòng trong tủ cũng của Miến Điện, và đối với Miến Điện hình như có giao tình rất mặn mà thấm thía tương chao hơn chư tăng xứ khác. Từ chỗ anh em tách nhau ra, mới nảy ra dị biệt về giáo lý. Câu chuyện đổi y của ngài Kassapa được sửa thành chuyện Tổ Ca Diếp được Đức Phật trao truyền chánh pháp nhãn tạng và y bát để xác lập trở thành đệ nhất tổ của Thiền tông, người đứng đầu trong 33 vị tổ Ấn Hoa. Nghĩa là bắt đầu là tổ Ca Diếp, truyền y bát cho tổ Ānanda, truyền riết đến Bồ Đề Đạt Ma, là tổ 28 của Ấn Độ, nhưng là tổ số 1 ở Tàu khi qua TQ truyền đạo. Sau đó mới truyền cho tổ Huệ Khả, Đạo Tính, Tăng Xáng, Hoằng Nhẫn... đến đời tổ thứ 6 là tổ Huệ Năng thì hết. Nghe thì hay, nhưng ngẫm lại, Phật ăn mặc như thế nào, truyền riết cả ngàn năm sau qua tới TQ lá y đó vẫn còn là chuyện lạ. Lạ thứ hai nữa Đức Phật đắp y kiểu gì mà truyền riết theo đến Lục tổ Huệ Năng thì Lục tổ ăn mặc theo kiểu người Tàu. Hôm nay về Quảng Đông, quí vị ghé chùa Hoa Dung, chiêm bái báu thân bất hoại của Lục Tổ. Ở Quảng Đông người ta tin đây là di hài của Lục Tổ.

Không biết cá nhân hay tập thể nào đã làm một chuyện rất lạ, họ thay đổi một số nội dung trong kinh điển Pāḷi. Trong kinh điển Pāḷi thì ngài Mục Kiền Liên gắn

liền với sự tích bất hiếu trong quá khứ và hình ảnh đại hiếu thật ra là của ngài Xá Lợi Phất. Không hiểu vì sao nhánh PG Bắc Truyền ghét ngài Xá Lợi Phất kinh hoàng, họ chửi ngài không còn nước non nào. Ví dụ, trong kinh Duy Ma, một vị A-la-hán, lục thông tam minh, tứ tuệ phân tích, Đệ nhất Thinh văn, Đệ nhất trí tuệ mà trở thành một vị không ra gì hết, đi đứng thăm bệnh người ta mà nghe ông Duy Ma nói: Ở đây một lát nữa sẽ có vô số chư Phật, Bồ tát, long thần hộ pháp, thiên long bát bộ tới viếng, ngài thắc mắc nhà chật như vậy sao chứa hết chừng đó. Một lát sau gần tới giờ cơm thì lo lắng bồn chồn không biết trưa nay ăn uống ra sao. Họ mạt sát phỉ báng, dè bỉu ngài không còn gì nữa. Sẵn đây tôi cũng nói luôn, bà con vào internet sẽ thấy một bài "Tăng Triệu với Tánh Không của tỷ kheo ni Tuệ Hạnh". Nhân vật Tuệ Hạnh này còn có một pháp danh nữa là Quảng Nhơn. Tôi xin thưa thiệt với quí vị, năm 93, 94 tôi có trực tiếp gặp mặt Ni Sư Trí Hải, tôi chỉ chào chứ chưa được hầu chuyện. Nhưng đặc biệt Ni sư Quảng Nhơn này là một vị tiến sĩ ở Úc, Ni sư du học trước 1975. Tôi có gặp Ni sư ở Houston, ít nhất là trên một lần. Ni sư là người cực kỳ uyên bác và quí vị có thể bằng cách nào đó có dịp tìm cách liên lạc. Đây là một vị tiến sĩ thứ thiệt của Úc. Ngoài chuyện uyên bác do trường lớp ra, vị này còn là một giáo sư đại học, một thời được hầu trà cho các vị tôn túc lừng danh như HT Mãn Giác bên Mỹ, HT Tuệ Sỹ. HT Tuệ Sỹ biết rất rõ về cô Tuệ Hạnh. Từ cô Tuệ Hạnh tôi biết một câu chuyện, đó là HT Thích Mãn Giác trước khi mất có viết một bài không hiểu là HT đổi ý hay có ai đó cố ý dìm mất bài đó, bài đó có nội dung là "Kinh Duy Ma là một âm mưu của Bà-la-môn giáo". Bài đó ngay lập tức bị dìm mất, và sư cô là người đã đọc bài đó. Quí vị muốn biết HT Mãn Giác là ai thì tôi có thể cung cấp chút thông tin có trên internet, HT Mãn Giác là tiến sĩ từ Nhật, viện chủ chùa VN ở Los Angeles Hoa Kỳ. Ni sư Tuệ Hạnh là người VN ở Úc, tôi chỉ biết một chuyện là có một dạo Ni sư ở Mỹ vì tôi gặp Ni sư ở Mỹ, sau đó nghe nói là Ni sư trở về Úc để chăm sóc cho cha mẹ già. Đó là lần cuối cùng được nghe thấy tin tức về nhau. Ni sư bây giờ ít nhất cũng phải 65 cho đến 67 tuổi (vì du học trước 75, từ 75 đến giờ cũng đã 40 năm). Ni sư là người nhỏ con, sức khỏe không tốt nhưng mà cực kỳ uyên bác. Tôi rất tiết kiệm không mấy khi dùng bốn chữ này cho Tăng nói chi là Ni. Ở VN hiện giờ, những người tôi có thể hiến tặng bốn chữ này đếm được là HT Thiện Nhơn, một nhân vật bây giờ ghế cao lắm trong PGVN ở trong nước, HT như máy photocopy, đọc sách liếc qua là nhớ, thủ khoa của PHV Huệ Nghiêm. Chúng tôi có được học HT năm 93, 94. Thứ hai là HT Tuệ Sỹ, GS Mạnh Thát, rồi Ni sư Tuệ Hạnh. Tại sao tôi gọi là uyên bác?

Các vị ấy khi muốn tìm hiểu một dòng thiền, một truyền thống PH, một vấn đề triết học, một vấn đề lịch sử, hay một môn ngoại ngữ nào đó, chỉ mất có vài tháng. Khi tiếp xúc với họ thì mình thấy kiến thức của mình chỉ là mớ giấy lộn. Tôi đếm mãi chỉ có bốn vị mà trong đó có Ni sư Tuệ Hạnh là tôi phải đắn đo nhiều lắm. Ni sư giỏi cực kỳ, có chút bất hạnh theo tôi nghĩ đó là thân tướng không đẹp. Vì thân tướng không đẹp, không có uy nghi nên đệ tử không nhiều. Phật tử VN mình cái gì chớ cứ khoái đẹp. Nhiều khi nửa đêm tôi ngồi soi kiếng tôi cũng hận, tôi nghĩ mình cũng có lòng hoằng pháp sao mà xấu hoắc, cũng khó ăn nói. Mới ngày hôm qua có cô Phật tử tới thăm tôi, cổ ngồi cổ dòm rồi nói: Trời đất ơi, sao giờ sư già quá trời quá đất.

Từ sự phân phe rẽ phái, thế là có một số chuyện gốc bị sửa. Ví dụ bên PG Nam Tông, ngài Xá Lợi Phất hôm kia ngồi trong phòng riêng, nghe được mấy câu nói bên ngoài ranh đất là "bà không được phép vào quấy rầy tôn giả". Ngài biết câu nói đó của ai và đang nói với ai. Một con ngạ quỷ năm kiếp về trước là mẹ ruột của ngài do ác hạnh nên bị đọa làm ngạ quỷ. Hôm nay khổ quá, biết được ngài là người con kiếp xưa của mình có thần thông nên muốn đến gặp ngài để xin ngài giúp, nhưng các vị long thần hộ pháp bảo hộ ngài Xá Lợi Phất không cho phép bà đến gần. Trong mắt họ đây là rác rưởi, không cho phép quấy rầy ngài. Ngài lên tiếng: "Cứ để cho bà vào, bà là mẹ kiếp xưa của ta." Khi tôn giả lên tiếng thì chư thiên không cản nữa. Bà vào, ngài hứa sẽ giúp. Chỗ này quí vị phải nghe cho kỹ, một vị A-la-hán mà vẫn phải làm theo cách này, ngài có được một lời thỉnh cầu của vua là khi cần gì cho vua biết. Vì có lời yêu cầu của vua nên ngài dùng đến, dùng trong trường hợp rất đặc biệt. Ngài đi thẳng vào cung vua kể hết chuyện, vua cho người chuẩn bị một số thực phẩm để ngài tác bạch trình lên Đức Phật và chư tăng kể rõ mọi sự. Ngài hồi hướng phước đó cho mẹ mình, lập tức bà sanh thiên. Làm sao không sanh thiên nổi, người hồi hướng là ai, người nhận cúng dường là ai! Bởi vậy trong kinh nói thân cận với người trí (làm con, làm vợ, làm chồng, làm mẹ, làm cha... của họ) vẫn tốt là tốt như vậy. Chơi với người xấu chỉ có hại. Quí vị tưởng tượng, khổ quá mình về báo mộng cho con, con mình đi giết gà giết vịt cúng, rồi đốt mấy chục tấn giấy vàng bạc thì mình có được cái gì. Khổ chỗ đó đó. Ở đây có cô Phật tử, cổ thương con như vàng như ngọc như trời như đất. Tôi nói cổ đưa con mình vào chánh kiến chớ thương nó quá rồi chuyện tầm bậy tầm bạ gì cũng khen, như bắt thang cho nó leo. Lúc tôi chịu không nổi, tôi nói cổ sẽ chết dưới tay thằng này, nó là phá gia chi tử mà cổ thương nó kiểu như vậy thì chỉ có ôm hận mà chết. Ngài Xá Lợi Phất chỉ là một đứa con kiếp xưa, sau này vẫn là người dưng nước lã, chỉ một chút quan hệ quá khứ mà đối với bà mẹ

cũ tuyệt vời như vậy. Rồi thì bên Bắc Tông thì lại có chuyện ngài Mục Kiền Liên lục thông xuống địa ngục đưa cơm cho mẹ, mẹ không ăn được, "bối rối không biết làm sao cứu mẹ lòng đau như cắt." Thật là lạ khi một vị A-la-hán mà không biết điều đó. Theo kinh Nam Tông, ngài Mục Kiền Liên cuối đời bị chết thảm vì kiếp xưa ngài từng là một người nghe lời vợ, cô vợ không muốn chăm sóc cha mẹ chồng, xúi chồng đem bỏ cha mẹ vào rừng, đánh đập tàn bạo đến chết; một câu chuyện khác là cha mẹ mù nghe tiếng ngài giả giọng người khác tưởng là cướp nên nói: Con ơi con chạy đi, cha mẹ già rồi chết không sao. Ngài nghe và nghĩ lại rồi đem về nuôi tiếp. Vì vậy kiếp chót dù ngài là đại thánh vẫn bị ngoại đạo thuê người băm vằm ngài nát như tương. Trong kinh nói ngài Mục Kiền Liên độ được những người em họ của ngài chớ không nhắc gì đến cha mẹ của ngài. Trong khi đó ngài Xá Lợi Phất mới đúng là đại hiếu. Khi ngài 84 tuổi, ngài vào đảnh lễ từ biệt Đức Phật rồi về làng Nalanda để từ biệt mẫu thân. Trong căn phòng ngày xưa mẹ ngài đã sanh ra ngài, từ căn phòng này ngài lớn lên đi tu, thành đạo, đi theo Đức Phật hoằng pháp 44 năm. Đêm cuối cùng đó ngài giảng đạo cho mẹ nghe, bà đắc Tu-đà-hoàn xong, ngài mới tịch. Ngài mới chính là bậc đại hiếu, ngài lo cho bà mẹ kiếp xưa, lo cho bà mẹ kiếp nay. Ngài còn có một người cậu là Dighanakha đi tu theo ngoại giáo. Khi nghe cháu mình là Đệ nhất trí tuệ đi tu theo Đức Phật, người này có lòng tò mò và kính ngưỡng Đức Thế Tôn. Khi Đức Phật thuyết giảng cho Dighanakha nghe thì ngài Xá Lợi Phất đứng kế bên quạt hầu, nghe Đức Phật giảng cho cậu của mình. Khi Đức Phật giảng dứt bài kinh thì ngài Xá Lợi Phất đắc quả A-la-hán. (Xem thêm kinh Dighanakha - Kinh Trường Trảo trong Kinh Trung Bộ).

Trở lại chuyện ngài Maha Kassapa, sau khi xuất gia rồi ngài Maha Kassapa trở thành Đệ nhất Đầu đà:

- Kể từ khi phát nguyện thì suốt đời không nằm, buồn ngủ thì chỉ ngồi. Ngồi có ba kiểu: bậc hạ là khi mệt có dựa; bậc trung thì cột sợi dây đâu đó rồi hai tay cứ nắm vào dây đó để khỏi gục; bậc thượng thì hơi khó, không dựa cũng không dây, y như cột điện. Tư thế ngồi suốt đời không nằm thì không dễ dàng đâu, trừ khi người có bệnh nằm không thở được. Giống như tôi có một thời bị trào ngược dạ dày mỗi lần nằm bị trào chua, lúc đó tôi cũng giống như… đầu đà vậy.

- Suốt đời không ăn cơm mời ở nhà cư sĩ, đi bát gặp gì ăn đó, gặp nóng ăn nóng, gặp nguội ăn nguội, gặp đồ thiu thì ăn đồ thiu. Lần đó ngài đi bát đi ngang xóm cùi, một lóng tay của người cùi rớt vào bát, khi về ngài bỏ lóng tay đó ra rồi vẫn ăn thức ăn còn lại. Mình nghe đã lạnh người rồi mà ngài thì tỉnh bơ. Ngài có hạnh

rất độc đáo là chuyên gia ủng hộ người nghèo. Ngài kiếm chỗ nghèo mà đi bát, ngài biết người ta cúng ngài chỉ nửa trái chuối thôi thì phước đã vô lượng. Tướng của ngài đẹp lắm, trong kinh nói ngài đẹp như Phạm thiên vậy. Do ngài có ba hảo tướng: mã âm tàng, quãng trường thiệt (lưỡi dài rộng), mạc tất thủ (tay sờ đầu gối) nên ngài có oai thần quán chúng, nghĩa là đại chúng khi nhìn ngài thì nể được thì nể, sợ được thì sợ, dù đẹp trai như Phan An tái thế nhưng nhìn vô người ta không dám bất kính. Có những nhan sắc nhìn vô mình thấy đây là bà lớn, có những nhan sắc nhìn vô thấy rẻ tiền, chỉ nghĩ chuyện tào lao, có những nhan sắc nhìn vô người ta thấy hơi rờn rợn. Ví dụ cái đẹp của bà Nam Phương, của bà vợ Nguyễn Văn Thiệu, cái đẹp không giống của bà Đặng Tuyết Mai. Ngài Maha Kassapa có khả năng hiệu triệu thiên hạ, hiệu triệu quần hùng, ngài có oai thần của minh chủ võ lâm nên đây cũng là lý do bên PG Bắc Truyền tôn ngài là sơ tổ của Thiền tông. Sau khi Thế Tôn nằm xuống, chính ngài đã hiệu triệu tăng chúng mười phương thực hiện kỳ kiết tập Tam tạng, trùng tuyên Phật ngôn lần đầu và từ đó đặt nền móng cho PG năm ngàn năm lịch sử. Phải ghi nhận điểm này, người có thể võ lâm minh chủ không phải là đơn giản, phải có chơn mạng.

- Suốt đời không mặc y may sẵn, chỉ mặc y vải lượm

- Suốt đời không ở trong nhà có mái che mà chỉ ở trong hang động, gốc cây

- Suốt đời không có chuyện điểm tâm, chỉ ăn một bữa- nhất tọa thực.

- Suốt đời không giữ y dư. Rách rồi thì phải vá, vá không được nữa thì mới đi kiếm cái mới. Có nhiều người cho rằng tu phải tả tơi mới tốt, đây là suy nghĩ sai. Tăng tướng chư Phật ba đời để lại cho đệ tử đẹp lắm chứ không phải như người ta tưởng tượng. Trong kinh quy định rách là rách đến mức nào đó thôi chứ không phải rách tả tơi, không được quyền vá như cái mền trăm màu, khái niệm 'bá nạp' là không có bên Nam Tông. Bên Nam Tông chủ trương: nghèo, rách, vá được, rẻ tiền được, nhưng ở mức độ nào đó chứ không biến hình ảnh tăng ni trở thành ra hình ảnh của một kẻ hành khất kêu gọi tình thương hoặc làm cho người ta thấy phản cảm nhìn ra thành cặn bã, ký sinh của xã hội. Hình ảnh chư Phật để lại cho đệ tử là đơn giản, thanh bần, sạch sẽ như thể "chúng tôi là một bộ phận của xã hội, chúng tôi là đại diện cho đời sống tâm linh và tinh thần của thiên hạ, chớ không phải là chỗ để bà con ban phát tình thương." Bằng chứng là "No money, food only." Đi bát chỉ nhận thức ăn, không nhận tiền. Nghèo mà sạch, nghèo mà sang.

Theo chú giải, lúc này ngài Maha Kassapa đã là A-la-hán, đã là Đệ nhất Đầu đà rồi. Lúc này Đức Phật tán thán ngài Maha Kassapa.

Trong kinh có nói ba trường hợp tri túc (Santosa, santutthi)

Santosa, santutthi từ ngữ căn Pāḷi 'tus' có nghĩa là 'vui'. Từ đây mới có chữ 'tusita', âm Tàu là 'Đâu-Suất', cõi này chư thiên luôn vui vẻ, không có lúc sầu muộn hay hờn giận như các cõi Dục thiên khác. Chư thiên các cõi Tứ Thiên Vương, Đao Lợi, Dạ Ma, cũng có lúc họ phiền, giận. Hóa Lạc, Tha Hóa thì sống nhiều về hưởng thụ, chữ 'hưởng' này phải hiểu ngầm là rất là vi tế chứ không có kiểu ăn uống, say sưa, chè chén. Theo mô tả trong kinh, vô các cõi Dục thiên, cõi cao sẽ có cảm giác như vô chùa vậy, ở đó họ không dễ duôi như cõi dưới, sự hưởng thụ ở đó rất nhẹ nhàng như gió mát, trăng thanh, niềm vui cây cỏ.

Cõi Đâu Suất có niềm vui tinh thần nhiều nhất. Đây là chỗ lui tới dưỡng sức của các vị đại nhân, cao nhân. Nghĩa là lâu lâu hành Ba-la-mật thì các vị sanh về đó, hoặc sắp xuống thành Phật cũng sanh về đó.

Từ ngữ căn 'tus' mới có chữ 'santosa', 'santutthi'.

'Sa': của mình, có

Sa + tus: nghĩa là vui với cái gì mình có, vui với cái gì có trong tay, lúc này và tại đây.

Vui với cái gì mình đang có gọi là tri túc (santosa, santutthi). Vui ở đây là an tâm, bằng lòng chớ không phải đam mê. Có ba trường hợp 'tri túc':

1. Yathalabhasantosa (santutthi): vui với cái mình có ('Labha': được, gain)

Có được cái gì thì thấy đủ với cái đó. Ví dụ sáng nay tôi chỉ có một dĩa tàu hủ kho với cơm trắng, không canh, không đồ xào. Có một món nhắc tới là tôi đói bụng đó là tàu hủ kho với khổ qua. Thấy miếng đậu hũ thì tôi ước gì có miếng khổ qua nhét vô kho cho nó ngon. Vậy là không tri túc. Người thì thấy miếng đậu hủ thì lại ước có thịt dồn vô chiên cho ngon, rồi lại ước có thêm cà chua để sốt cà, đó không gọi là tri túc.

Hồi xưa Bồ tát là vua một nước lớn mà bỏ ngôi vị đi tu, một ông vua nước nhỏ thấy vậy cũng bỏ ngôi đi tu theo. Hai người tu trong rừng sâu núi thẳm, không có muối, thèm đủ thứ. Như tôi bây giờ, tôi ở bên Đức mà lâu lâu tôi thèm lạ lắm,

nửa đêm đọc báo thấy nhắc trái ổi thế là thèm ổi, rồi thèm chè trôi nước, thèm rau lang luộc. Hai ông vua tu trong rừng này lâu quá không có muối, bữa đó xuống làng đi bát, có người cho muối. Ông sư đệ gói muối để dành. Bữa đó Bồ tát buột miệng nói, cái này có thêm chút muối thì dễ ăn hơn, ông sư đệ nói có muối, Bồ tát hỏi muối ở đâu mà có, khi biết ông sư đệ để dành, Bồ tát nói một câu: Ngai vàng bỏ được mà chút muối không bỏ được, lỡ tối nay tắt thở nhớ miếng muối trong kẹt đá này đi có yên không, tối nay đang hành thiền nghe mưa lộp bộp có sợ mưa ướt muối không, miếng muối mà làm cho mình nặng lòng như vậy có nên hay không. Ông sư đệ vội sám hối rằng đây là lần cuối trong đời. Vụ này thì tôi không dám bắt chước, mình thời nay mà thiếu chất này chất kia thì sinh ra bệnh, đi bác sĩ không bảo hiểm, không vợ không con, xứ lạnh quê người, chắc phải vừa tu vừa lấy tay che để giấu bớt một mớ.

2. Yathabalasantosa: bằng lòng sở hữu và sử dụng theo nhu cầu, không gì hơn nữa (‘Bala’: sức khỏe, nhu cầu.)

Có người cho tôi áo ấm thiệt tốt, cái màu áo tôi không thích, cái nút to, nhưng bằng len quá tốt. Không lấy thì tiếc cái len dày ấm. Đây không phải là tri túc. Nhu cầu thực sự của mình thì chỉ nhận đúng nhu cầu, nếu nó làm cho mình không vui, không khỏe thì không được tham, không tiếc. Không nên đội nón lớn hơn đầu, mang giày nhỏ hơn chân. Đôi giày mang không đúng thì ảnh hưởng đến cột sống của mình. Bên Tây có đôi giày MBT, mang ở chân mà hỗ trợ cho cột sống. Mang dưới chân mà cột sống sướng. Mang thì kỳ nhưng đã cái lưng lắm, tối về khỏi massage, khỏi dán Salonpas. Yathabalasantosa nghĩa là không vì tiếc vì tham mà nhận lãnh hay cất giữ hoặc sử dụng quá nhu cầu của mình.

3.Yathasaruppasantosa: sở hữu và sử dụng vật chất theo cách nào coi cho được (‘Saruppa’: appropriately)

Vai trò vị trí, vị thế của mình ở mức nào thì chỉ nên xài mức đó. Khi đi chung với sư phụ là hòa thượng, đệ tử không nên xài sang rực rỡ hơn sư phụ. Đi ra ngoài đường mà ông sư ông thầy dùng cặp da sáng bóng, mang mắt kiếng Rayban chói lòa, đeo đồng hồ Rolex đắt tiền, chạy xe mui trần, người ta ngó thì rất kỳ, như vậy thì không có yathasaruppasantosa. Tùy hoàn cảnh nào mà mình xài làm sao để coi cho được một chút, nên ngó trước trông sau xài có nên hay không.

Có nhiều người hiểu lầm pháp lục hòa, pháp tri túc chỉ dành cho tăng ni. Tăng ni phải biết và hành trì là đương nhiên, nhưng cư sĩ biết và hành trì thì tốt chớ không xấu. Tiết kiệm, tri túc không đồng nghĩa với hà tiện. Hào sảng, rộng rãi không

đồng nghĩa với hoang phí. Thương người không đồng nghĩa với đa tình. Điềm đạm không phải là vô tâm.

Nguyên chương này là nói về ngài Maha Kassapa. Trong đời sống này, ăn mặc ở thật ra chỉ là nhu cầu bắt buộc. Bản thân sự có mặt trong đời sống này đã là cái khổ, đời sống chỉ có giải pháp, đối phó, chứ không có hưởng thụ, đó là lý do vì sao chư Phật ba đời kêu gọi mình hãy sống ở mức cần và đủ, bởi vì "các con hưởng mấy trăm ngàn tỷ a-tăng-kỳ chưa đủ hay sao?

". Một bữa cơm ăn trong sự say đắm, một lần mặc áo bằng sự say đắm, một lần sử dụng nữ trang bằng sự say đắm là một lần đầu tư thêm sinh tử. Đó là lý do vì sao Phật dạy tri túc, và hơn thế nữa, Phật dạy, nếu hàng xuất gia Đầu đà được thì tốt. Cứ một lần sử dụng vật chất bằng lòng tham đắm là một lần đầu tư sinh tử. Xin hẹn bà con ngày thứ Ba, chúc quí vị một ngày cuối tuần thật là vui.

Bài giảng ngày 10-2-2015 phẩm Ca-Diếp

Sáng nay bằng mọi giá chúng ta phải đi hết phẩm Ca-Diếp. Phẩm này mình có thể thu gọn trong buổi giảng một tiếng rưỡi, nhưng nếu bà con nào có ghi chép lại cũng tốt hơn còn không thì chỉ nhớ sơ sơ thôi. Tôi giảng nhiều kinh gom lại thành một.

Kinh số 1, nói về ba khía cạnh tri túc.

Kinh số 2, nói về hai pháp tu căn bản.

Kinh số 3, nói về tư cách vô sở trụ của tỷ kheo thứ thiệt.

Kinh số 4, cũng tương tự kinh số 3.

Kinh số 5, ngài Ca-Diếp nói về lý tưởng đầu đà.

Các kinh số 6, 7, 8, 9 đức Phật tán thán ngài Ca-Diếp và đề nghị sống dấn thân.

Kinh số 10, thiền và thắng trí.

Kinh số 1 (đã học), Đức Phật nói đến hạnh thiểu dục, tri túc và xả ly của một vị trì hạnh Đầu đà. Chú giải có đưa ra ba khía cạnh tri túc: hài lòng với cái mình có; nhận và dùng cái gì vừa với nhu cầu; cuối cùng, chỉ giữ lại cái gì thật sự là nhu cầu và coi được.

II. KHÔNG BIẾT SỢ

Anottappīsuttavaṇṇanā

Ngài Xá Lợi Phất đến thăm ngài Ca-Diếp. Giữa hai vị A-la-hán tứ tuệ phân tích, lục thông như nhau, đều không còn phiền não, người này biết trước người kia sẽ nói cái gì cho người khác, cho đời sau. Họ nói với nhau những điều cả hai đều biết, giống như hai người chơi lan, hoặc hai người chơi đồ cổ gặp nhau. Ví dụ ông A thăm ông B nhìn thấy ấm trà đời Tống thì nói câu này: Tiền mất kiếm được chớ chuyện gì thuộc về quá khứ kiếm không được, tôi mê ấm trà của ông, cái núm giữ nhiệt tuyệt vời. Mình nghe như vậy thì dễ dàng hiểu rằng ông này nói những gì ông kia không biết, thật ra cả hai ông đều hiểu chuyện đó hết. Không riêng bài kinh này, quí vị sẽ bắt gặp rất nhiều bài kinh như vậy trong kinh

tạng. Hai vị A-la-hán gặp nhau và người này nói với người kia những điều cả hai đều biết.

Trong bài kinh này, ngài Xá Lợi Phất gom toàn bộ hạnh tu của một tỳ kheo thứ thiệt vào hai pháp: Vị có hai pháp cần tránh và hai pháp cần có:

Hai pháp cần tránh:

1. Anatapi: sống thiếu nhiệt tâm nhiệt huyết

2. Anottappi: không biết ưu tư (không biết sợ) trong đạo nghiệp.

Hai pháp cần có:

1. Atapi: nhiệt tâm

2. Ottapi: biết ưu tư trong đạo nghiệp

Nếu mình không lưu ý cứ để cho thị phi làm phiền mình hoài thì sống còn không nổi chớ đừng nói tu. Đây là chưa nói danh lợi, tình cảm. Một người biết thương mình thì hãy nhớ, Phật pháp biết rồi, Phật nói cái gì cũng là đồ giả, biết chuyện đó rồi mà sao cứ để khen chê làm khổ mình hoài. Người biết nghĩ như vậy là người biết sống có ưu tư. Người như vậy là người được gọi là người sống có nhiệt huyết, không buông trôi thả nổi.

Phật nói cái gì cũng là phù du, sao mình vẫn sợ chết. Chết chỉ là một hiện tượng tự nhiên, sao mình lại sợ. Cái quan trọng là mình tu như thế nào để bớt được sợ chết, để nay mai nằm trên giường bệnh đỡ hoảng hốt. Trong đạo Phật có hai cách sợ chết:

- Sợ theo kiểu trẻ con, hốt hoảng của người không biết đạo.

- Sợ của người cầu đạo giải thoát, nghĩ chuyện tu hành để không còn sinh tử nữa hoặc còn phàm thì phải có cái chết thanh thản.

Người có ưu tư, nhiệt tâm thì luôn luôn nhìn lại mình để biết nên thêm cái gì, bớt cái gì, cái gì nên có, cái gì nên không.

III. VÍ DỤ VỀ TRĂNG (Candūpamasutta)

* Hình ảnh mặt trăng trong Phật pháp

Đức Phật dạy, trăng đúng hẹn lại lên. Đúng ngày giờ đó thì xuất hiện không cần mời mọc gì hết. Trăng đến dù có ngắm hay không thì trăng vẫn đến, mây có che hay không thì trăng vẫn đến, ánh sáng vẫn chan hòa khắp nơi không phân biệt. Trăng đến đi không vì người ta thích hay không thích. Trăng ở xứ nhiệt đới hay xứ lạnh thì cũng cứ đúng mùa thì xuất hiện. Theo khía cạnh khoa học thì trăng được mô tả kiểu khác, còn ở đây là Đức Phật nói theo cách nghĩ của người thời đó cho họ nghe.

Một vị tỳ kheo cũng giống như vậy, chuyện cần thì phải có mặt. Đi bát là phải đi ngang làng đó, giờ khất thực thì phải trên con đường đó, đoạn đường đó. Khi người ta có mời thỉnh thì có mặt ở ngôi nhà đó. Có đủ duyên sự thì có mặt trên con đường đó, khu phố đó, căn nhà đó, cuộc gặp gỡ với người nào đó, xong chuyện rồi đi như trăng lặn vậy.

Có ai trong cuộc đời này mà có lòng nắm giữ mặt trăng bao giờ, nghĩa là thấy trăng đến thì biết trăng đến. Bản thân mặt trăng và người ngắm trăng có điểm giống nhau: trăng đến hẹn thì lên, người không nắm giữ trăng. Tỳ kheo cũng vậy, đến và đi như mặt trăng và thái độ đối với đời cũng như người ngắm trăng.

Trong bài kinh Từ Bi có câu thế này: "kulesu ananugiddho"nghĩa là không dính mắc trong quan hệ với cư sĩ. Cũng trong Kinh Từ bi cũng có một chữ nữa: 'Appagabbho': không xông xáo đường đột. Nghĩa là không tự mình hành xử giống như thể là người thân của người ta, hỏi thăm lui tới, chia sẻ buồn vui rồi nhiều khi can thiệp chuyện gia đình của người ta. 'Pagabbha': xông xáo, đường đột.

Tôi có một bài viết (hình như là 'Lệ Giang' thì phải) trong đó có ý này, Phật pháp là một pháp môn khách sáo. Chữ 'khách sáo' có nhiều nghĩa. Vị tỳ kheo nói riêng và người tu hành nói chung phải luôn luôn nhớ rằng mình là người khách trong trần gian này, không có gắn bó thiết tha với một người, một vật, một cảnh nào hết. Từ chỗ luôn tâm niệm mình là người khách thì chuyện gì khách cần làm thì làm nhưng khách không thể nào sống bằng tâm trạng của chủ được, không cưu mang quá nhiều, không tích lũy đầu tư quá nhiều vì mình chỉ là người khách. Đó là ý nghĩa thứ nhất của chữ 'khách sáo'

Thứ hai, trong đạo Phật thì dù là một vị tỳ kheo về thăm cha mẹ đi nữa thì cũng không xin xỏ, gợi ý này kia. Đối với người thân của mình thì còn vậy nữa nói gì là người ngoài. Ơn cha mẹ thì nhớ, tấm lòng từ bi đối với anh chị em thì có, nhưng sự chia sẻ buồn vui như hồi thời tục gia cư sĩ thì không có nữa. Phải bớt

hay giảm cái gì đó, chỉ còn cái gì coi được so với hình thức xuất gia. Đó gọi là khách sáo. Ở đây trong kinh dùng hình ảnh mặt trăng. Mặt trăng đến và đi đúng ngày đúng giờ và không có sự lưu luyến hay tranh thủ, đầu tư, mong đợi gì ở người ta. Người ngắm trăng cũng vậy, cũng không hề có ý gì đối với mặt trăng. Xưa nay làm gì có một vị bạo chúa nào có thể nghĩ đến chiếm hữu mặt trăng làm của riêng.

IV. ĐẾN CÁC GIA ĐÌNH

Cũng y hệt như trên, Đức Phật dạy rằng vị tỳ kheo hay tăng ni nói chung, khi đến với cư sĩ thì có duyên sự mới đến. Họ mời đến ăn cơm, thuyết pháp, tụng kinh, xong thì hết chuyện. Sẵn đây tôi cũng nói luôn một điều có thể đụng chạm nhưng không thể không nói, đó là trong kinh điển ghi rất rõ, Đức Thế Tôn và các bậc thánh tăng đời xưa không bao giờ có chuyện đi đến bên một xác chết rồi tụng kinh, cầu nguyện, chú nguyện cho vong này được sanh về cảnh này cảnh kia. Theo chỗ tôi được biết thì không có chuyện đó. Ví dụ Đức Phật về thăm vua Tịnh Phạn, lúc vua còn sống, ngài hướng dẫn tinh thần cho vua cha chứng quả La-Hán. Đó là trường hợp trong đời duy nhất ngài có chứng minh lễ Trà Tỳ di hài của thân phụ, nhưng lúc đó vua Tịnh Phạn đã là vị A-la-hán rồi, và di cốt để lại đúng là xá lợi. Tôi đang nói về chuyện tụng niệm. Thời đó chuyện cầu an thăm bịnh nghĩa là người ta ngỏ lời mời mình chớ không phải mình tự động tạt vào thăm và không hề bắt người bịnh phải nghe cái mình tụng mà họ không hiểu gì hết. Không hề có chuyện đó trong buổi PG sơ thời. Chỉ cho họ nghe cái gì có ý nghĩa rõ ràng. Ví dụ Đức Phật hoặc ngài Xá Lợi Phất đến thăm ngài Cấp Cô Độc là có hỏi han kiểu nói pháp. Ví dụ Đức Phật hỏi: Có đau đớn lắm không?

Khi ngài Cấp Cô Độc trả lời: Bạch Thế Tôn, con thấy rất đau đớn; thì lúc đó Đức Phật dạy: Hãy tâm niệm như sau, sắc uẩn không phải là ta, thọ uẩn không phải của ta, cái gì không phải của ta thì lìa bỏ nó, đừng tham chấp cho bớt khổ.

Hoặc có lúc khác Ngài dạy thế này: Hãy tâm niệm như sau, cho dù thân của tôi có bịnh nhưng tâm của tôi không bịnh, tôi không vì đau bịnh này mà nổi sân, nổi lòng sợ hãi tiếc nuối v.v... Trong kinh điển Nguyên Thủy không hề có chuyện cầu an, cầu siêu theo định nghĩa hay theo cách hiểu của chúng ta hôm nay, nghĩa là đến tụng nơi cái xác chết và mong cho họ lên cõi này cõi kia. Cầu an thời xưa cũng không bắt người bịnh nghe những gì họ không hiểu, mà chỉ cho họ nghe những gì thực sự hỗ trợ tinh thần của họ. Khi họ đã tay bắt cánh chuồn, thở yếu, mất tri thức rồi thì buông, không can thiệp nữa. Không hề có vụ huy động năng

lượng từ xa, tha lực bên ngoài để mong mỏi cầu nguyện người bịnh được tai qua nạn khỏi, tật bệnh tiêu trừ. Chỉ có hướng dẫn tu tập thiện pháp thôi.

Giờ đây mình thì càng đi càng xa, đến cuối cùng bây giờ thuyết pháp không quan trọng bằng tụng kinh. Ở các chùa hiện nay, ngó kỹ lại, các tiết mục quan trọng nhất không hề đụng chạm gì tới Phật pháp. Hết tiết mục này tới tiết mục khác mà có rất nhiều nơi không có nổi một thời pháp, chỉ có tụng kinh, dâng hương, múa lân… Còn những cái người ta cần như hướng dẫn tâm linh thì đôi khi lại rất khó có.

Khi Đức Phật nói những điều này xong thì Ngài có nói: Ca-Diếp khi đến nhà cư sĩ thì Ca-Diếp không có như vậy.

V. TRỞ VỀ GIÀ.

Ngài Ca-Diếp trong một lần đến đảnh lễ Thế Tôn thì cũng đã lớn tuổi rồi. Quí vị tưởng tượng một vị lão tăng đã lớn tuổi, y áo cũ sờn, mỗi ngày phải ôm bát mà đi. Tôi cũng có chút duyên gặp được những vị trì hạnh Đầu đà, ngày xưa tôi cũng gặp một vị chín mươi tuổi, khi chết rồi tôi mới biết pháp danh của vị ấy là hòa thượng Thích Pháp Tịnh. Chứ còn cách đây ba mươi mấy năm về trước tôi cứ theo mọi người kêu cái tên đời là Sư Ba Liền. Lúc đó sư mới tu, mấy chục năm sau sư thành hòa thượng. Sư trì hạnh đầu đà, đi suốt nắng gió mưa sương. Ngài Hộ Nhẫn cũng vậy, trời rét vậy mà đi chân không, con đường đá lổn nhổn đau chết luôn vậy mà bàn chân già cỗi đó lê trên đoạn đường đó suốt nửa thế kỷ đi bát. Y áo nắng gió mưa sương làm sao mà mới, chỉ có bình bát bóng lưỡng thôi. Khi Đức Phật nhìn thấy Ca-Diếp, một vị lão tăng đã lớn tuổi, y áo cũ sờn, mỗi ngày ôm bát mà đi, Đức Phật nói Ca Diếp về sống với Như Lai cho đỡ cực chớ ở trong rừng phải lượm y áo may nhuộm, thực phẩm bữa có bữa không. Ca-Diếp thưa với Đức Phật suy tư của mình: Những chuyện cần làm cho con đã xong rồi, con làm như vậy là nghĩ đến người đời sau. Những người muốn tinh tấn mà nghĩ đến con sẽ thêm tinh tấn, người không được tinh tấn nghĩ đến con thì họ sẽ được tinh tấn. Đó là tấm lòng của ngài đối với người đời sau. Trong lòng tôi thật sự có cảm mến nhiều với ngài Xá Lợi Phất và ngài Ānanda vì tôi nghĩ đây là vị dễ gần, còn ngài Ca-Diếp thì tôi thấy khó, thấy sợ. Trong kinh nói ngài nghiêm túc đến nỗi một người đệ tử chịu không nổi đốt cốc ngài rồi bỏ đi hoàn tục luôn. Nhưng đọc kỹ lại thì ngài là một người đại từ, đại bi, đại trí, đại dũng. Cả đời ngài chỉ nghĩ đến người khác. Xuất gia bảy ngày, đến ngày thứ tám là ngài chứng quả A-la-hán, lục thông tam minh, tứ tuệ phân tích, chẳng còn gì để làm, vậy mà đi bát,

kiếm xóm nghèo mà đi. Quí vị vào Trưởng Lão Tăng Kệ có ghi lại những câu nói của ngài: Có người hỏi ta vì sao đã lớn tuổi mà vẫn trì hạnh Đầu đà, sao không về sống ở chùa miểu tự viện để có kẻ hầu người hạ. Ca-Diếp đã từ chối không làm vậy vì cho đến bây giờ ống chân ta vẫn còn mạnh, ta vẫn còn có thể leo núi… Học kinh cho biết để hoan hỉ vậy thôi chớ những hạnh này bây giờ trở thành "cổ vật" rồi. Hạnh này giờ phải về mấy xứ quốc giáo chớ ở Âu Mỹ là không có rồi đó. Còn về VN thì cũng hơi khó

VI - VIII. GIÁO GIỚI

Loạt kinh này được thuyết giảng lúc Đức Phật đã trọng tuổi, sắp Niết bàn. Nếu mình dùng bụng tiểu nhân đo lòng quân tử thì những bài kinh này rất dễ hiểu lầm là trước giờ mấy chục năm, Đức Phật có ngó gì tới ngài Ca-Diếp đâu, đến khi Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên tịch rồi, Đức Phật mới nhìn ngài Ca-Diếp có chút ưu ái vì bây giờ người sẽ gồng gánh trọng nhiệm duy trì Phật pháp sẽ là ngài Ca-Diếp. Nếu nghĩ như vậy sẽ rất bất kính và bất lợi cho mình. Chư Phật chỉ làm cái gì nên làm vào thời điểm đó mà thôi chớ không có tính toán như mình. Loạt kinh này Đức Phật tán thán ngài Ca-Diếp.

Ngài nói: Hoặc là ta hoặc là Ca-Diếp hãy dạy dỗ chúng tỳ kheo. Bài kinh tiếp theo Ngài nói: Ta chứng Sơ thiền Ca-Diếp cũng chứng Sơ thiền, ta chứng Tứ thiền Ca-Diếp cũng chứng Tứ thiền, ta có Tam minh Ca-Diếp cũng có Tam minh. Ta chứng La-Hán diệt tận phiền não không còn tái sinh thì Ca-Diếp cũng là vị La-Hán chấm dứt phiền não không còn tái sinh. Ta có khả năng nhớ lại nhiều đời quá khứ thì Ca-Diếp cũng nhớ lại nhiều đời quá khứ. Đây là Ngài chỉ nói chung chung chứ một người đệ tử không bao giờ bằng một phần tỷ của vị Chánh Đẳng Giác. Một vị trí tuệ như ngài Xá Lợi Phất, thần thông như ngài Mục Kiền Liên, đức hạnh như ngài Ca-Diếp không bằng một phần tỷ của Đức Phật. Trong Chú giải nói, sức nhớ tiền kiếp của một vị Độc Giác nhớ gấp đôi ngài Xá Lợi Phất, tức là hai A-tăng-kỳ, một trăm ngàn đại kiếp.

Lúc đó ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, bà Yasodhara và ngài Bakkula nhớ được một a-tăng-kỳ đại kiếp, các vị còn lại nhớ tối đa một trăm ngàn đại kiếp mà thôi. Trong khi đó, vị Chánh Đẳng Giác thì "Yam yam tathāgato ākankhati tam tam tathāgato pajanati": chư Phật muốn biết đến đâu thì lập tức biết ngay đến đó và không có giới hạn. Không cần phải dò như Thinh Văn, giống như cầm đèn dầu mà rọi vậy. Khả năng thần thông của Đức Phật hơn hẳn vị đệ tử, dù nói trên chi pháp cũng tâm này tâm kia giống nhau. Nhưng chư Phật sống chết vì tất cả thiện

pháp không e sợ bất cứ khó khăn nào khi tu Ba-la-mật, nên khi thành Phật cái gì tốt nhất Ngài cũng có. Ví dụ mình chỉ thích bố thí hoặc trì giới, hoặc có những vị tánh trong sạch nhưng kẹo, có vị thì mê pháp học nhưng mắc bịnh học giả, lòng lại hẹp, có vị khoái hành thiền tinh tấn nhưng trong đời sống anh em thì tệ, và đối với chuyện hoằng pháp không có trách nhiệm; không phải là Bồ tát Chánh Đẳng Giác thì thiện pháp luôn có vấn đề. Có người giữ giới rất trong sạch nhưng giữ xong rồi thì coi người khác không ra gì vì không bằng mình. Vị Bồ tát thì không, giữ giới không coi giữ giới là duy nhất, không coi bố thí là duy nhất, làm tất cả các hạnh lành không giới hạn, chết cũng làm, mất ngai vàng cũng làm, mất sạch mọi thứ tình cảm cũng làm. Chính vì vậy khi thành Phật cái gì Ngài cũng biết, và không sợ hãi bất cứ trở lực nào nên khi thành Phật thì trở thành bậc bất khả chiến bại, không bao giờ chết trong tay người khác. Không ai có thể hơn được bậc Chánh Đẳng Giác bất cứ một chút gì về từ bi, trí tuệ, hành xả v.v...

Đức Phật kêu gọi ngài Ca-Diếp trở về chùa sống, ngài Ca-Diếp từ chối. Kêu gọi ngài dạy dỗ chư tăng, ngài thưa với Phật những vấn đề khó khăn (họ không kham nhẫn, họ không kính trọng những lời giáo giới, so với mấy chục năm trước thì thiện pháp không bằng, họ không có niềm tin, tàm, quý, tinh tấn, trí tuệ… Ngài không nói đến tín, tấn, niệm, định, tuệ mà chỉ đề cập đến tín, tàm, quí, tấn, tuệ vì đang nói đến đời sống thường nhật của những vị dễ duôi.

Bài kinh Giáo Giới tiếp theo cũng y hệt như vậy, Đức Phật tán thán ngài Ca-Diếp và ngài cũng xác định thực tế đáng ngại của Phật pháp lúc đó, ngài nói thuở xưa (mấy chục năm trước đó) chuyện tỳ kheo sống trong rừng rất phổ biến nhưng càng về sau thì chùa miễu nhiều hơn, Phật tử đông đảo hơn, điều kiện sinh hoạt của chư tăng thoải mái hơn thì sự tinh tấn của chư tăng có dấu hiệu sút giảm. Chuyện này đã xảy ra từ thời Đức Phật chớ không phải bây giờ. Mình trách cũng không được, vì các pháp hữu vi đều không bền vững, có cao trào thì phải có thoái trào, có đỉnh thì phải có đáy. Mình thấy Phật tử đông, chùa miễu nhiều, cúng dường nhiều, nếu ngồi trong rừng ngó ra ngoài thấy phòng ốc, máy lạnh, xe cộ bóng loáng thì cũng động tâm, thôi về chùa sống cho khỏe. Như tôi bây giờ đâu phải trụ trì giàu có gì nhưng khi đi Miến Điện thấy các thiền viện tôi ham quá, mát lạnh đẹp như Đà Lạt; nhưng tới giờ cơm để miếng cơm vào miệng lạnh ngắt đến rùng mình. Nằm chiêm bao tôi cũng không hiểu sao cứ mười một giờ ăn cơm thì chín giờ họ đã dọn lên cho ruồi bu kiến đậu, nhang tàn khói lạnh, nguội ngắt. Vậy sống sao nổi. Nhiều món lạ lùng, mùi vị chịu không nổi. Nếu đi xuất gia mình chỉ biết Miến Điện thì ăn được, đằng này mình đã sống qua quá nhiều hoàn

cảnh nên mới nảy ra so sánh. Vì vậy đừng trách tăng ni, hễ có so sánh thì có lựa chọn. Có điều, làm sao thì làm, đừng bỏ lý tưởng cao nhất của mình.

Đức Phật dạy: Này Ca-Diếp, đời sống phạm hạnh là đời sống cực kỳ khó khăn. Ngài gọi là hiểm nạn. Riêng ba cái tri túc là không phải dễ. Vui với cái mình nhận được là hơi khó rồi; trong mười món nhận được phải bỏ đi những món không thật sự nhu cầu; và trong những món thật sự nhu cầu chỉ được dùng những gì coi được. Mới quá, bóng quá, đắt tiền quá, anh em sư phụ mình không có mà mình xài thì hơi khó. Sống đúng tinh thần phạm hạnh là một hiểm nạn. Sinh tử là một cánh rừng, một đại dương, muốn ra khỏi rừng, muốn lên khỏi biển làm gì không có chuyện trả giá.

IX. THIỀN VÀ THẮNG TRÍ

Ngài tán thán ngài Ca-Diếp. Ngài có gì thì ngài Ca-Diếp có cái đó. Dĩ nhiên là nói chung chung, nhưng về chi tiết thì lục thông, tam minh của một vị đệ tử không thể nào bì được với vị Chánh Đẳng Giác. Giữa các vị Thanh văn với nhau đã không bằng nhau, nói gì giữa đệ tử và đạo sư.

X. TRÚ XỨ

(Con đảnh lễ Sư Trưởng vào room. Con không biết bữa nay sức khỏe Sư đã ra sao, mới ngày hôm qua có mấy người bên Thụy Sĩ qua thăm, con có gặp đứa cháu, nó nói Sư Trưởng vẫn còn ở Gò Vấp. Con ngạc nhiên, không lý nào nhiều tháng rồi Sư vẫn chưa ổn. Nếu nhớ thì nói nhiều lần, còn nếu mà con quên thì một lần thay cho nhiều lần, con xin chân thành dành trọn tất cả công đức con giảng trong room này cho Sư Trưởng, ngay khi Sư Trưởng còn khỏe hay là bịnh và còn sống hay đã mất. Cho đến bao giờ room này còn được giảng thì trong nhà băng công đức luôn rót vào tài khoản công đức của Sư cậu, suốt từ đây cho đến Sư cậu mất. Mất rồi mà hễ room còn giảng thì Sư cậu ở cảnh giới nào mà nhớ rằng có một đứa cháu ngày lẻ trong tuần thuyết giảng sáu giờ châu Âu là phần của mình, tài khoản của Sư cậu được vào liên tục.)

Cũng xin nói rõ với bà con một chuyện, thuyết pháp nghe pháp là phước trí, nhưng đêm qua tôi đọc trong chú giải có một chuyện ly kỳ: cũng một công đức đó mà mình tác ý đến cái gì thì có thêm một cái phước không liên quan. Ví dụ mình làm một chuyện gì đó để duy trì chánh pháp, để chánh pháp kéo dài ở đời thì cái đó ngoài phước trí ra còn cái phước trường thọ. Không phải mình thuyết pháp, thính pháp, học pháp, in kinh chỉ là phước trí. Nghĩ vậy hơi hẹp. Khi cố ý

cúng dường thức ăn cho người ta khỏe thì quả báo không chỉ mình giàu mà mình còn được khỏe, hoặc mình bố thí người ta ăn cho mặt mũi coi được thì đời sau không chỉ giàu mà còn đẹp, còn bố thí thức ăn cho người ta tu thiền thì ngoài có tài sản còn được trí tuệ. Trong chú giải có nói chuyện về ngài Lakuntaka Bhaddiya Đệ nhất diệu âm, trong đệ tử của Thế Tôn ngài hơn cả ngài Xá Lợi Phất là giọng nói và âm thanh của ngài giống Phạm thiên, giống chim Ca Lăng Tần Già, chỉ thua Đức Phật thôi. Do ngày xưa ngài đi vào hầu Phật Padumuttara nghe Đức Phật Padumuttara tán thán một vị đệ tử đệ nhất diệu âm ngài phát tâm đời sau ngài cũng được vậy rồi làm phước. Còn ngài Anurudha, Đệ nhất thiên nhãn, suốt thời gian tu Ba-la-mật thì ngài bố thí đèn đuốc ánh sáng nên hỗ trợ thiên nhãn sau này. Ngài Lakuntaka Bhaddiya khi nguyện trở thành vị đệ nhất diệu âm, thì chuyện thứ nhất ngài thường xuyên chỉ nói cam ngôn mỹ từ, không nạt nộ, giận quá thì im và chuyện thứ hai là ngài rất thích cúng dường đồ ngọt. Do công đức này mà đời sau ngài sinh ra có âm thanh rất hay, Đệ nhất diệu âm; nhưng có một điều, ngài rất là xấu tướng. Xuất thân là công tử nhà giàu, được đặt tên là Bhaddiya (nghĩa là hiền nhân, hiền thiện), nhưng có ngoại hiệu Lakuntaka nghĩa là người lùn, lùn một cách dị dạng, bị các vị phàm tăng đùa giỡn, xem thường ra mặt. Vì sao ngài bị như vậy?

Vì do hai nghiệp ác từ quá khứ. Trong một kiếp làm vua, ngài có tật rất kỳ là thích đùa giỡn với người già, một sở thích bịnh hoạn, ngài thích trêu chọc người già lụm cụm đi đứng khó khăn, bắt làm trò cho ngài coi, họ đau đớn xấu hổ mà phải ráng. Trong thời của Đức Phật Ca Diếp thì ngài là một trong số những kiến trúc sư chịu trách nhiệm xây dựng ngôi bảo tháp của Đức Phật Ca Diếp. Tiền bạc đã có sẵn, vật liệu đã có sẵn, bản vẽ công trình đã có sẵn, chỉ bắt tay thực hiện thôi, mà ngài bèn góp ý: "cao quá không nên". Trong chú giải ghi: "buddhassa appamanassa pamanam akasi" nghĩa là đem áp đặt một cái hạn chế lên trên cái vô hạn của chư Phật. Đức độ của Đức Phật, mình làm được bao nhiêu thì làm, trong lòng mình không nên có mắc mứu, nhiều người có tính như vậy. Ví dụ, có hai vợ chồng, người vợ đem thức ăn cho Sư trưởng đang bị bịnh là cháo, trái cây v.v... Ông chồng thấy hơi nhiều nên nói với vợ: Sư ăn bao nhiêu, xách cũng nặng nữa, ăn không hết thì cũng đem liệng. Ông chồng nói đúng, nhưng có nghĩa là trong đáy sâu trong tâm thức của ông có cái không cam tâm với hành động của bà vợ. Có nhiều người ở đời cũng giàu có, học giỏi, có quyền lực, nhưng có điều mọi thứ trước khi đến với họ thì bị vướng vài cửa, trong số đó hình như có tôi. Trong đời tôi cũng được nhiều thứ đặc biệt, nhưng trước khi được thì vướng hai ba cửa, chắc trong hồi xưa mình cũng có trục trặc mắc mứu gì đó.

Một lần đó ngài Ānanda cùng ngài Ca-Diếp đến thăm các vị tỷ kheo ni. Tỳ kheo đến nhà cư sĩ phải có lời mời, nhưng tỳ kheo tăng đến trú xứ của tỷ kheo ni thì không cần lời mời; nhưng không được đi một mình, phải có huynh đệ thầy tổ cùng đi. Đến đây thì ngài Ca-Diếp có thuyết pháp. Đây là truyền thống rất đẹp của PGNT. Thầy trò tăng ni gặp nhau thì một là thuyết pháp, nếu không thì cùng thiền định. Nếu thấy hai việc này không tiện để làm thì lập tức nhất nút biến mất chứ không có chuyện A đến với B mà có việc thứ ba. Khi ngài thuyết pháp xong rồi đi thì trong nhóm có tỷ kheo ni Thullatissā không hoan hỷ, nói lên những lời không hoan hỷ. Chuyện này mình thấy thời nay có. Mẹ tôi là một người nữ, chị tôi cũng là người nữ, những người cư sĩ hộ trì tôi tuyệt đại đa số là người nữ, nên đối với người nữ tôi mang ơn không hết chớ không dám coi thường. Tuy nhiên, lòng phụ nữ hẹp lắm. Trong chuyện học đạo hoặc tu hành hay để tình cảm đi trước. Người nam thì thích hay không thích miễn người ta nói đúng thì dễ dàng chấp nhận, còn người nữ thì không. Khi đã chọn ông thầy thì ông thầy mình dở hơn người ta cũng được, hễ mến ông thầy đó thì thích tu theo ông thầy mình dạy hơn. Đây là lý do tại sao nữ tánh không có hợp với quả vị Chánh Đẳng Giác, không hợp với quả vị Phạm thiên. Người nữ đắc thiền cũng về cõi Phạm thiên nhưng lên đó thì cũng không có nam nữ nữa. Trên Phạm thiên thì không có vấn đề giới tính vì không nữ trên đó. Tuy nhiên tất cả Phạm thiên đều rất nam tính. Tính tình của họ hoàn toàn đàn ông, ngoại hình là đàn ông. Tất cả Phạm thiên đều là đàn ông đích thực, sở dĩ gọi không có giới tính là vì trên đó không có các bà. Tính tình người nữ chật hẹp lắm, nam mà không thích với nhau vẫn có thể ở với nhau được, còn nữ thì không, họ ghét nhau thì không cửa nào sống với nhau được. Tỷ kheo ni Thullatissā rất quí kính ngài Ānanda nên khi thấy ngài Ca-Diếp thuyết pháp tỷ kheo ni Thullatissā không vui và nói một câu rất là phạm thượng, vô lễ: "Trước mặt tôn giả Ānanda là vị thủ khố chánh pháp mà tôn giả Ca-Diếp lại đi thuyết pháp, múa rìu qua mắt thợ, Ban môn mà lộng phủ; ngài Xá Lợi Phất giống người bán kim mà ngài Ānanda là người làm kim."

Khi ngài Ca-Diếp nghe được câu nói này, ngài có hỏi ngài Ānanda một câu: Giữa tôi và hiền giả ai là người bán kim ai là người làm kim?

Ngài Ānanda là vị Đệ nhất đa văn nhưng ngài Ca-Diếp là vị A-la-hán. Ngài Ānanda còn chuyện phải làm nhưng ngài Ca-Diếp thì không. Ngài Ānanda tuy là Đệ nhất đa văn nhưng ngài chỉ nghe lại chứ không có tứ tuệ phân tích của vị A-la-hán, và chắc chắn rằng có vô số điều thuộc về cảnh giới tâm linh của vị Nhị quả trở lên ngài Ānanda không biết. Sơ quả giỏi bằng trời thì cũng chỉ biết có cảnh giới Sơ quả của mình và những gì mình biết qua kinh điển từ người khác,

còn cảnh giới tâm linh, thế nào là sự chứng ngộ của một vị Nhị quả, Tam quả, Tứ quả thì quá tầm của mình. Bằng kiến thức của mình hình dung thì ok, nhưng biết như là Nhị quả biết về nhau, Tam quả biết về nhau, Tứ quả biết về nhau thì không. Cho nên ngài Ca Diếp mới hỏi ngài Ānanda một câu như vậy.

À, xin nói với bà con một chuyện nữa là trong bộ The Pali Proper Names Dictionary (Tự điển Tên riêng Kinh điển Pāḷi) của ông G P Malalasekera, bộ này rất nổi tiếng, các học giả tra cứu tên riêng trong kinh điển Pāḷi đều dùng quyển này. Tuy nhiên quyển này có chuyện tôi rất không vừa ý đó là ông Malalasekera nói về ngài Ca-Diếp bằng một cách nói rất không nên. Ông nói ngài Ca-Diếp ghen tị (ông dùng chữ 'jealous') với ngài Ānanda, và có ác cảm với ngài Ānanda. Ông kể câu chuyện cuộc viếng thăm này và ngài Ca-Diếp đã nói vậy với ngài Ānanda. Ông còn nói có lúc ngài Ca-Diếp nói ngài Ānanda là đứa con nít biết cái gì. Rồi ông kể lúc Đức Phật viên tịch, ngài Ca-Diếp bất đắc dĩ phải mời ngài Ānanda người có tư cách nhất vào kiết tập, nhưng trước khi ngài Ānanda bắt tay vào kiết tập thì ngài Ca-Diếp đề nghị ngài Ānanda hãy sám hối những lầm lỗi. Ngài Ānanda nói: Chư tăng nêu lỗi gì của Ānanda thì Ānanda sẽ sám hối hết. Ngài Ca-Diếp bắt lỗi ngài Ānanda mấy điều:

- Không thỉnh Thế Tôn tiếp tục trụ thế thêm. Ngài Ānanda nói tâm trí ngài bị ma ám nên ngài không hiểu Thế Tôn nói gì.

- Ngài Ānanda xin Thế Tôn cho phụ nữ xuất gia làm gì để họ đi tu rồi làm rối tùm lum. Ngài Ānanda nói: Tôi không nghĩ gì nhiều, chỉ thấy di mẫu cùng năm trăm thể nữ đầu cạo, chân đất, sưng phù nứt nẻ đứng trước cửa chùa nắng chang chang mà không dám vô, xin tôi vào trình với Thế Tôn cho phép đi xuất gia, hình ảnh đó tôi chịu không nổi. Tôi không nghĩ đến chuyện gì xa xôi.

- Tại sao khi Thế Tôn nói ta mất rồi, có thể bỏ những học giới nhỏ, tại sao không hỏi giới đó là giới gì. Ngài Ānanda nói ngài đau khổ chỉ biết một chuyện "Thế Tôn gần mất, gần đi rồi."

- Tại sao có lần may y cho Thế Tôn mà lấy chân chận lên. Thế Tôn là thầy của ba cõi mà lấy sao chân chận lá y. Ngài Ānanda trả lời chư tăng đều biết Thế Tôn là trời biển trong lòng Ānanda, chỉ có điều vì chỉ có một mình mà gió tốc lên, phản xạ tự nhiên mà chận lại thôi.

- Tại sao để cho các bà các cô tới quá gần báo thân của Thế Tôn lúc Thế Tôn đã viên tịch, khóc rơi lệ trên lá y của ngài. Ngài Ānanda nói lúc đó trời tối, phải

tranh thủ cho kịp để bà con đi về sớm, chư tăng ùn ùn kéo về, phải cho hoàng tộc đi sớm để trả lại cho tôn nghiêm của báo thân Thế Tôn, không có cách nào chu toàn mọi sự được, nhưng nếu chư tăng muốn thì Ānanda vẫn xin sám hối.

Mỗi lần trả lời ngài Ānanda nói: bạch chư tăng, Ānanda xin sám hối.

Ông Malalasekera kể lại và nói rằng ngài Ca-Diếp vì ghen tị mà làm khó ngài Ānanda. Tôi có đọc những điều này trong chú giải và hoàn toàn không lấy gì làm lạ vì là thánh với nhau họ biết nhau hết. Trước khi ngài Ca-Diếp nói gì thì ngài Ānanda biết rõ hết, vì cần làm gương cho đời sau, cho người ta thấy rằng giữa các vị La-Hán với nhau mà cái gì cần được sám hối dù chỉ là chuyện không đáng cũng phải làm cho xong, cho sạch. Cũng bài kinh này mà ai muốn hiểu sao hiểu, ông Malalasekera thì hiểu như vậy.

Ngài Ānanda khi nghe ngài Ca-Diếp hỏi vậy thì nói: Đàn bà là vậy đó. Bà con đọc dễ hiểu lầm với câu: Hãy kham nhẫn thưa tôn giả Kassapa. Phải hiểu đây là một cách nói thôi, nói theo ngôn ngữ của mình là "họ như vậy đó, thôi cho qua đi". Tiếng Pāḷi chỗ này là kammaṭṭha "cho qua đi", còn dịch sát thành 'hãy kham nhẫn đi', 'hãy chịu đựng đi' thì dễ hiểu lầm.

Ngài Ca-Diếp biết rất rõ cuộc đối thoại này sẽ được người đời sau biết tới, vì vậy buổi đối thoại này là ngài nhắn luôn cho hậu tấn đời sau. Ngài nói rõ luôn: Với một người như ta mà một sự xem nhẹ như vậy là một điều không nên, một điều bất lợi, một điều bất hạnh cho đương sự. Rồi Ngài giải thích, ta như thế nào, Thế Tôn đã từng tán thán ta... (đoạn 31 – 32). Chỗ này mà suy nghĩ theo kiểu phàm tâm thì rất là nguy hiểm, quá dễ hiểu lầm. Đoạn này trong chú giải cũng sơ lược chứ không nói gì khó khăn mà bà con không suy diện được.

Sau đó không lâu thì tỷ kheo ni Thullatissā từ bỏ đời sống phạm hạnh và hoàn tục.

XI. Y ÁO

Bài kinh Y Áo này cũng y hệt như vậy, ngài Ānanda có một số đệ tử cũng xuất gia lúc trẻ tuổi, cũng có những bất cẩn, dễ duôi, đến tai ngài Ca-Diếp. Ngài Ca-Diếp trách ngài Ānanda sao giống như không có trách nhiệm, ngài gọi ngài Ānanda là một đứa trẻ.

Ngài Ānanda nói: Dầu tóc tôi đã bạc, tuy vậy Tôn giả Mahà Kassapa nói vậy tôi cũng không phật lòng vì tôn giả nghĩ về sự trường tồn của chánh pháp, lời dạy

của Đức Phật, chớ không nghĩ đến chuyện riêng. Hơn nữa trong tâm tư của một vị thánh Sơ quả, dù cho kẻ ngoại đạo có bất kính chửi mình còn chịu nổi huống chi đây là lời nói của một đại sư huynh thánh nhân. Ngài hoàn toàn không có một chút lý do nào để phiền lòng. Tây có câu hay lắm: "Cùng lo một việc sẽ thương nhau, cùng thích một món sẽ ghét nhau." Đây là kinh nghiệm sống bằng vàng. Nếu sống với nhau trong đạo, ngoài đời, nhớ được câu này thì cũng là một cẩm nang sống đời rất quan trọng.

Tiếp theo là ngài Ca-Diếp kể chuyện trước khi đi xuất gia như thế nào, ngài bỏ gia đình đi tu và gặp Thế Tôn và trao đổi y như thế nào. Thế Tôn biết rõ vị này sẽ trì hạnh Đầu đà, biết bổn nguyện của vị này nhiều đời, và biết rõ vị nàyt sẽ là vị tỳ kheo gương mẫu, nắm giữ giềng mối Phật pháp khi Ngài không còn nữa, nên trong đời Đức Phật có những chuyện mình phải nhìn nhận là ngoại lệ như ngài Xá Lợi Phất là vị duy nhất mà Đức Phật đứng dậy tiễn. Đây là con người duy nhất được điều đó từ Đức Phật. Không có ai trong vô lượng vũ trụ được vinh hạnh này, chỉ một mình ngài Xá Lợi Phất. Đức Phật nói rằng: "Để ta đưa Xá Lợi Phất ra cửa, và ta sẽ không bao giờ nhìn thấy lại một người đệ tử nào giống như ngươi nữa." Ngài Xá Lợi Phất cũng thưa Đức Phật một câu chí tình: Bạch Thế Tôn, một a-tăng-kỳ đại kiếp về trước con đã quỳ dưới chân Đức Phật Anomadassi để mong gặp Thế Tôn. Và trong suốt một a-tăng-kỳ một trăm ngàn đại kiếp đó con đã làm mọi sự cũng chỉ vì được gặp Thế Tôn hôm nay, con đã gặp Thế Tôn đúng 44 năm và bây giờ con đi, con không còn cơ hội gặp lại Thế Tôn nữa.

Ngoại lệ thứ hai là lá y Ngài đổi với ngài Ca-Diếp không phải là lá y bình thường, mà là tấm vải thô rẻ tiền mạt hạng bó xác của cô nữ tỳ liệng trong rừng, Thế Tôn đích thân tự tay lượm, đem đi giặt, phơi, rồi đưa cho ngài Ānanda may. Quí vị tưởng tượng bà Gotami dì ruột của Thế Tôn, tự tay trồng cây bông vải, dệt, nhuộm, may rồi đem đi cúng cho Đức Phật. Vậy mà ở đây có lá y thứ hai là lá y do chính tay Đức Phật lượm vải, giặt. Một vị hoàng đế mà đi lượm miếng vải dơ bó xác tự tay đem xuống suối ngồi giặt. Giặt xong rồi đưa cho đệ tử nhuộm, may y để mình mặc lên người. Nói theo thời bây giờ, một tách nước mà Britney Spears chạm môi vô thì đáng tiền biết bao nhiêu, một miếng kẹo chewing gum mà Paris Hilton nhả ra, rước lấy về còn đem bán đấu giá trên Ebay nói chi là lá y do vị Chánh Đẳng Chánh Giác mặc muôn triệu tỷ ức kiếp mới ra đời một lần. Người như vậy mà đi lượm miếng vải về giặt, đang mặc y đó trên người, trên báo thân ba mươi hai đại nhân tướng vậy mà đi đưa cho một người khác. Ngài Ca-Diếp nhận lá y đó và biết rằng trên đời này không còn lá y nào tuyệt vời hơn thế.

Lá y Đầu đà mà. Thế là tôn giả lập tức phát thệ, một đời lên non ẩn tu, một đời không nhận y may sẵn, một đời không nhận cơm nhà cư sĩ, chỉ sống bằng đồ ăn khất thực, một đời không sống dưới mái che, một đời không nằm chỉ ngồi, chỉ vì lá y đó. Đẹp như vậy đó. Ngài Ca-Diếp kể lại vì đâu ta có cuộc đời như vậy, như các hiền giả nhìn thấy.

XII. SAU KHI CHẾT

Có những khi các bậc đại thánh gặp nhau, nói với nhau những điều các vị tâm đắc chớ không phải là điều đó người kia không hề biết. Các vị cũng biết rõ rằng cuộc đối thoại này sẽ đến tai những người khác chứ không phải chỉ huynh đệ với nhau.

Ngài Xá Lợi Phất hỏi ngài Ca-Diếp rằng Thế Tôn có nói Thế Tôn sẽ còn hay mất sau khi chết hay không. Ngài Ca-Diếp trả lời rất là kinh điển: Thế Tôn không nói rằng Ngài mất hay còn mà suốt đời Thế Tôn chỉ nói đến một vấn đề: Cái khổ và con đường chấm dứt khổ. Nói rộng ra là Tứ Đế. Tứ Đế cũng với lý tưởng đó: khổ và con đường chấm dứt khổ.

Ngày xưa, tôi đọc thấy khó chịu, thấy sao kinh điển mênh mông mà chỉ có hai điều đó. Già rồi tóc bạc, ngồi ngẫm lại, không thể tuyệt vời hơn. Ngài có dùng ví dụ này ví dụ kia, kể chuyện tiền thân, cả tạng Kinh và tạng Luật, chỉ là một vấn đề Khổ đế mà thôi, và cả tạng Kinh cả tạng Luật và tạng A-tỳ-đàm chỉ nhắm đến một chuyện làm sao để chấm dứt vô minh tham ái – con đường dẫn đến đau khổ. Ngày nào còn danh còn sắc thì bản thân sự hiện hữu đó là khổ. Vì vậy ngài Ca-Diếp nói, Thế Tôn không nói chuyện Ngài mất rồi thì sẽ còn hay mất, mà chỉ nói một chuyện là Khổ và con đường thoát Khổ. Bà con làm ơn dò lại bài giảng về phẩm Duyên Khởi, cả vòng tròn duyên khởi không có mối nối này chỉ có Khổ và Khổ tập mà thôi. Khi Thế Tôn thuyết giảng giáo lý Duyên khởi Ngài cũng chỉ nói hai vấn đề, Khổ và con đường diệt Khổ. Luân hồi là chỉ hai Đế đầu tiên (Khổ và Khổ Tập), giải thoát là mượn hai đế đầu để có được hai Đế sau.

XIII. TƯỢNG PHÁP

Bây giờ là tôi đã giảng tới phút bốn mươi bảy rồi, quá xá dài. Còn bài kinh cuối cùng làm luôn. Quí vị biết, giảng pháp cũng có tấm lòng lắm chớ phải không nhưng dài quá ngán. Tôi ngán cho tôi mà cũng ngán cho quí vị, vì sợ nghe nhiều quá. Có những người ở cái vùng mà bây giờ khuya lắm rồi. Có những cái xứ mà bây giờ chiều lắm rồi. Rồi có những cái chỗ mà bà con bây giờ đang cần ăn nữa.

Còn tôi là ok. Nhưng sau tháng Ba năm nay có lẽ, 95% là phải đổi giờ. Tôi có tật thức khuya. Bữa nào tôi thức khuya rồi sáng mai giảng thì đêm đó hơi bất tiện, đang coi cái gì đó cao trào sực nhớ cũng ráng dỗ giấc ngủ mà nhiều khi ngủ không được, do có tuổi hay sao đó. Như đêm nay mười hai rưỡi mới ngủ mà tự nhiên đồng hồ sinh học mới có năm giờ thì rùng mình dậy, ngủ không đủ. Nhưng mà ngộ, nhờ phước trời thương, nhào vô giảng thì tỉnh. Chứ bây giờ mà quăng máy ra thì chỉ còn có một "nửa hồn thương đau" thôi.

Ngài Ca-Diếp đến đảnh lễ hỏi Thế Tôn một điều mà thật ra ngài đã đoán ra được câu trả lời. Dĩ nhiên là ngài đoán ra nhưng vẫn mong được nghe nhiều hơn cái ngài có thể đoán. Ngài hỏi: "Bạch Thế Tôn vì sao thuở ban đầu Thế Tôn mới thành đạo, chúng tỳ kheo quá sức là lý tưởng, quá sức dễ thương, quá sức là tuyệt vời, quá sức là trong sạch. Khi đó Thế Tôn chưa kịp ban hành giới luật."

Chúng ta nên nhớ một chuyện đó là giới luật cho chư Tăng chỉ có sau khi hạ thứ 12 của đức Phật. Hạ đầu tiên của Ngài là năm ngài 35 tuổi. Luật của Đức Phật đặc biệt ở chỗ không phải là Ngài chế toàn bộ một lần (105 cho sadi, 227 cho tỳ kheo, 311 cho tỷ kheo ni) mà lần lượt từng điều theo từng sự việc xảy ra. Mười hai năm đầu tiên đặc biệt là vị chứng La-Hán tự nhiên không ăn chiều, vị La-Hán tự nhiên không nhận, giữ và dùng những gì không thật sự là nhu cầu bức thiết trong đời sống. Chỉ riêng vụ này mà bớt không biết bao nhiêu là giới. Ví dụ giới cấm không được cất cốc quá lớn, trong khi vị La-Hán chỉ cần một chỗ nằm yên tĩnh là xong thì giới cất cốc lớn không cần nữa rồi. Vị La-Hán tự nhiên không ăn chiều nữa bởi vì vị ấy thấy rằng một buổi là đủ rồi, tự nhiên thấy bữa thứ hai là thừa, là hưởng thụ.

'Patirupa': 1.sự thọ nhận. 2. sự xứng đáng. 3.sự đối lập

'Saddhammapatirupaka': những gì đối lập với chánh pháp. (VN gọi là 'thế lực thù địch')

Khi ngài Ca-Diếp hỏi như vậy, Đức Phật dạy: Bao giờ những thứ đối lập với chánh pháp có mặt thì chánh pháp sẽ biến mất. Ngài xác định thêm, không giống như một chiếc thuyền chở khẳm sẽ bị chìm, số lượng tứ chúng không làm cho tuổi thọ chánh pháp bị ảnh hưởng, mà chính do cách hành xử của tứ chúng mới khiến chánh pháp tồn tại hay biến mất ở đời. Không do thiên tai nhân họa (đất, nước, lửa, gió) mà mất. Nghĩa là không có cái gì thuộc về vật chất gây ảnh hưởng mà chính là do cách hành xử của tứ chúng.

“15) Ở đây, này Kassapa, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sống không tôn kính, không tùy thuận bậc Đạo Sư, sống không tôn kính, không tùy thuận Chánh pháp, sống không tôn kính, không tùy thuận chúng Tăng, sống không tôn kính, không tùy thuận học giới, sống không tôn kính, không tùy thuận đối với Thiền định.”

‘Không tùy thuận’ nghĩa là không sống giống như Ngài dạy

‘Không tôn kính’ ở đây là không màng, không nghĩ đến Ngài, kể cả việc giương dù, mang giày dép, láo liên, nhặng xị. Quí vị có thể nghĩ tôi dịch không sát, thật ra tôi dịch rất sát:

“aññato oloketvā kathaṃ kathento gacchati, ” mắt láo liên, nói năng lung tung vừa đi vừa nói (tức là ‘nhặng xị’), ngay cả chuyện vô chỗ đền tháp, chỗ thờ phụng

‘cetiyaṅgaṇa’: đền tháp, chỗ thờ phụng.

Ở đây tôi cũng nói thêm chuyện vì sao gọi là bất kính. Tại sao người ta thờ Phật?

Có người nói thờ Phật thì không sợ ma, nhưng một khi người ta đã sợ rồi thì nhìn hình Phật họ vẫn sợ ma. Có một kinh nghiệm bằng vàng, nhìn tượng rồi mà mình vẫn sợ là vì sao?

Khi nào mình hiểu Phật pháp, khi nào trước tượng Phật mình không dám có suy nghĩ tầm bậy thì khi sợ ma mình nhìn lên tượng mình mới hết sợ. Còn khi nào trước tượng Phật mà mình dám làm bậy, nghĩ bậy thì mai mốt đụng chuyện mình nhìn lên bức tượng không có tác dụng. Anh phải thờ bằng sự hiểu biết, phải thờ như thế nào mà trước tượng Phật anh không dám tham sân thì khi sợ hãi, khi cận tử nhìn hình tượng Phật mới hiệu nghiệm. Còn thờ cho có, cho bằng chị bằng em thì kiểu thờ này không được. Thờ Phật thì hãy chịu khó tìm giùm tranh hay tượng cho hoan hỉ một chút. Chuyện không đáng xài thì có tiền, còn xài chuyện đáng thì không. Theo tôi thì nên tìm một bức tượng bức tranh cho tới nơi tới chốn. Chưa nói tới làm lễ, chỉ cần mỗi lần đi ngang liếc một chút nhìn thấy gương mặt Ngài là thấy có phước rồi. Phải chịu tốn một chút. Tôi thờ mấy bức tượng rất lộng lẫy mà nhẹ nhàng về tiền bạc. Tôi thỉnh bên Miến Điện, bức tượng chưa tới $50, nhưng phải chịu cực đi kiếm, thấy không được là đi kiếm tiếp. Không được là phải đi kiếm. Cuối cùng là tôi tìm thấy được bức tượng nằm bằng gỗ, sắc sảo phải nói là từng centimet vuông, nét mặt từ bi không thể từ bi hơn.

Trở lại bài kinh, tôn kính ở đây nghĩa là học pháp một cách tôn kính, sống tôn kính, hành trì tôn kính. Xem thêm trong Tăng Chi Bộ, phần 5 Chi. Trong đó Ngài có nói rõ có năm lý do khiến cho giáo pháp không tồn tại ở đời: Các tỳ kheo, các cư sĩ không học pháp một cách cung kính cẩn thận, không có ghi nhớ một cách cung kính cẩn thận, không chịu tìm hiểu một cách cung kính cẩn thận, không có hành trì một cách cung kính cẩn thận.

Nếu Sư trưởng còn trong room, con xin kính lễ từ biệt Sư trưởng. Xin chào đại chúng.

Bài giảng ngày 12-2-2015 TƯƠNG ƯNG LỢI ĐẮC

Phẩm thứ nhất

Hôm nay chúng tôi do dự không biết có nên giảng cùng một lúc ba phẩm trong một tiếng rưỡi hay không. Tuy ba phẩm đều dài và nói về những đề tài quan trọng nhưng chúng tôi xét hai lẽ và nghĩ rằng có thể gom chung ba phẩm trong một buổi giảng. Lẽ thứ nhất là bà con có thể tự hiểu không có gì khó, thứ hai là trong chú giải không nói gì đặc biệt, mà giảng thì giảng theo chú giải chứ không phải theo chúng tôi, vậy mắc gì mình đi kiếm thêm.

Phẩm thứ nhất nói về Lợi Đắc Cung Kính.

'Labhasakkarasiloka': Lợi đắc cung kính, dịch gọn nhất là 'lợi danh'.

'milhaka': trùng phẩn (con dòi trong phân).

Bà con ghi lại vì con này cũng phổ biến trong đời sống của mình, bà con học được thêm một chữ Pāḷi. Trong Hán Việt có nhiều từ tình cờ đọc sách thấy hay mình cũng nên ghi lại để biết thêm cho vốn từ mình thêm phong phú. Trên bàn đọc sách hoặc trên đầu giường của tôi trong phòng ngủ luôn luôn có cuốn sổ tay nhỏ và cây bút chì. Khi đọc thấy gì cần ghi lại là tôi ghi. Nhiều lần tôi nói đùa mà thật, nếu tôi chết những người đến dọn xác, muốn giữ cái gì của tôi chỉ nên giữ mấy cuốn sổ tay đó thôi. Khi đọc sách có gì đặc biệt tôi hay ghi lại hoặc ghi lại những suy nghĩ có được từ những cái tôi đọc. Có cái hay là thỉnh thoảng mở ra đọc lại mình giựt mình là ngày đó, tháng đó, năm đó mình đã biết được vấn đề đó và đã từng suy nghĩ qua chuyện đó. Những người có nhu cầu viết lách thì cũng cần như vậy. Ở đây cần chú ý vài điểm:

-Nếu thật sự biết ưu tư về cái bịnh, già chết và trầm luân thì chuyện gì ngoài ra cũng là nhỏ.

-Khi hiểu được bản chất của cái gọi là danh lợi thì tự nhiên ta sẽ có thái độ buông bỏ.

-Khi chịu khó quan sát, ta sẽ thấy ôm vào là khổ, buông ra luôn nhẹ nhàng an lạc hơn

Toàn bộ nguyên phẩm này chỉ nói về ba điều trên. Tôi nhắc lại, mỗi lần nhắc tôi cũng xấu hổ nhưng không thể không nhắc. Có bắn tôi chết tôi cũng không bao

giờ và chưa bao giờ dám nhận tôi là một người tinh tấn hết. Mấy chữ 'tinh tấn', 'thanh tịnh' là tôi không dám nhận. Nhưng có một chuyện tôi nói tôi không có thẹn: gần như mấy năm nay tôi luôn luôn bị ám ảnh bởi cái chết một cách đặc biệt, không biết do huệ căn chín muồi hay do mình sắp đi. Tôi không có thích cái thiện và cũng không phải là người ghét cái ác mà chỉ có một điều là tôi sợ khổ. Tất cả cái khổ trên đời không có cái nào qua được cái già, bịnh, chết. Mình có là ông vua ông tướng gì cũng phải dính, mình không chết yểu thì bắt buộc mình phải già, phải bịnh. Không chết vì bịnh thì cũng chết vì tai nạn. Với người biết ưu tư về già, bịnh, chết và trầm luân, dù có tin có chuyện đầu thai hay không thì mình ít ra cũng phải suy nghĩ chứ. Lỡ có thì sao! Và mình biết cái gì mà mình nói rằng không?

Hãy tự hỏi lòng đi, mình muốn tin thì phải chứng minh tại sao mình tin, và muốn bác cái gì thì cũng phải tìm cách chứng minh tại sao mình bác?

Người cẩn thận thì tự hỏi lòng mình, mình đã thấy được cái gì trong vũ trụ này mà mình dám bác và nói rằng chết rồi là hết. Mình chỉ dựa có một cái: vì tôi chưa chứng minh được. Cứ nhìn mấy người già tám chín chục, nhìn mấy người liệt giường liệt chiếu tiêu tiểu tại chỗ, mình sẽ nghĩ sao về cái lúc sống kéo dài chuỗi ngày khổ mình khổ người, cái cảnh ngáp ngáp mà chưa chịu chết?

Nếu biết ưu tư mấy chuyện đó thì sẽ thấy danh lợi chỉ là trò hề mỉa mai. Nguyên phẩm này Đức Phật chỉ dạy mấy điều đó. Nếu người biết ưu tư thì tất cả những chuyện người ta quỳ lạy mình, tất cả những cái gọi là quyền lợi, chức vụ, quyền lực… chỉ là trò hề châm biếm. Ngài nói rằng không có gì tệ cho bằng vị tu sĩ mà so sánh mình với bạn tu bằng cách dựa trên danh lợi mình có mà người ta không có. Ngài nói sự so sánh này giống như con dòi này so sánh với con dòi kia, mình đang nằm trên đóng phân hoành tráng vĩ đại, trong khi con dòi kia sáng giờ không có miếng phân nào hết. Đó là trong bài kinh Trùng Phẩn. Ngài cũng xác định, không có gì khổ cho bằng người đam mê danh lợi hết, vì ba lẽ:

- Chưa có phải tìm cho có

- Có rồi phải giữ

- Khi giữ không được thì đau khổ

Đây là ba cái đáng ngại của danh lợi. Ở đời không có hạt cơm miễn phí, phải đổ mồ hôi xót con mắt mới có được, có rồi phải giữ. Chỉ riêng chuyện giữ những cái

mình có cũng đổ mồ hôi sôi nước mắt, nhiều tâm tư, công sức thời gian sức khỏe, và ngộ nhỡ như giữ không được, nó lìa bỏ mình hoặc mình bỏ nó thì khổ kinh khủng. Một người như tôi, không phải trụ trì, không có quyền lực chức vụ, uy tín với ai hết, mà chỉ vì thị phi, chỉ vì lời khen như gió thoảng qua, lời chê như gió thoảng qua mà lòng còn bận thì nói chi chuyện tôi có cái này cái kia rồi bỗng chốc nó mất, ắt khổ kinh khủng.

Tôi từng ví dụ, cứ nhìn xuống đất thấy bầy kiến mấy ngàn con đang di chuyển trong đó có kiến cha, kiến ông, kiến lớn, kiến bé, chúng cũng có vai vế tôn ti, quyền lợi trách nhiệm trong đó, mình nhìn chúng mình có cảm nhận gì thì một bậc thánh nhìn mình cũng giống như vậy. Đức Phật dạy không có cái gì nhanh hơn sự sanh diệt của danh sắc hết, trong cái đám kiến lúc nhúc đó có tôn ti trật tự, nhưng mình coi cái trật tự lớn bé đó là quan trọng để được thì vui, mất thì buồn thì có nghĩa là mình đã đi sai rồi.

Gần Tết rồi, đọc báo thấy có nhiều người bị tan nát thiệt. Gần Tết rồi mà nhà có tang, gần Tết rồi mà cháy hết sản nghiệp. Họ sẽ không có Tết, mà vài năm nữa cũng không có Tết. Cơ nghiệp một đời mà bị hủy hoại thì năm năm nữa chắc gì họ quên nổi. Các vị giả định, ở nước ngoài sắp Tết mà mất đi hai trăm ngàn đô la, thì từ đây trở đi năm năm trời cứ mỗi lần sắp Tết là các vị sẽ nhớ hai trăm ngàn đô la thôi. Danh lợi là như vậy đó, những cái được mất về tinh thần hay vật chất thì gọi là danh lợi.

Đức Phật nói con tuấn mã có mang thì sự nghiệp bay nhảy của nó kết thúc. Con người, đặc biệt là tu sĩ, khi dính vào con đường danh lợi thì cũng giống như con tuấn mã có mang, khả năng đi xa trong pháp học, pháp hành, trong sự chứng đắc coi như kết thúc. Tôi cũng ham làm trụ trì lắm, được có người lui tới cúng dường, đi đâu người ta cũng biết mặt, thầy chùa mà không có chùa miễu cũng dở; tôi nhớ có một vị trưởng lão nói câu này: Tu phải có chùa, dù cho mình là con chó có chùa người ta cũng coi mình như con cọp, còn con cọp mà không có chùa thì người ta cũng coi mình như con chó. Một lần khác cũng vị trưởng lão đó nói, nói hồn nhiên thôi, mình không có cái chùa mình đi đến đâu người ta cứ sợ mình nhờ cậy, sợ mình xin ở đậu, sợ mình nhờ cậy giúp đỡ; nếu mình có chùa thì mình không bị mặc cảm, không bị cảm giác đó. Tôi nghe mà không biết làm sao, khi mình dồn tâm tư vào cái chùa thì mình sẽ bị mất biết bao nhiêu thứ. Cái Được nào cũng kéo theo đó nhiều cái Mất và cái Mất nào cũng kéo theo đó nhiều cái Được. Cứ ngồi cho người ta ra vô chào hỏi là thời gian mình không có rồi; muốn đi đâu vài tháng để thanh thản, để nghiên cứu, để hành thiền có đi nổi hay không.

Cái chùa như Bà Đanh thì mới đi được, cất chùa thì có mong như Bà Đanh không?

Nếu chùa có 'thu nhập', 'sở hụi cao' thì không cam tâm giao cho người khác, chân đi mà lòng ở lại. Còn nếu ở lại để "chăm sóc đạo tràng" thì coi như đời mình xong.

Phẩm thứ hai

Trong này có từ "mỹ nhân địa phương", tiếng Pāḷi là 'janapadakalyani': người đẹp quốc gia = hoa hậu. 'janapada': quốc gia; 'kalyani': người đẹp.

TƯƠNG ƯNG RAHULA

Chương Rāhula là toàn bộ nội dung Phật pháp trong mấy câu hỏi và câu trả lời: 6 căn, 6 trần, thức, tưởng, tư, xúc, thọ… nói chung là danh sắc, 5 uẩn.

Đức Phật hỏi ngài Rāhula. Với người hữu duyên, có trí tuệ thì chỉ mấy câu vấn đáp này đã quá đủ. Ngài không giải thích mà chỉ hỏi thôi. Đức Phật hỏi:

- Ngươi nghĩ thế nào, những cái ngươi thấy, ngươi nghe có đời đời nằm đó chờ ngươi thưởng thức hay không?

Rāhula đáp: Dạ không.

- Cái biết cái biết về 6 cảnh (6 thức) có nằm hoài đời đời không?

- Dạ không, luôn luôn sanh diệt.

- Sắc uẩn (vật chất) trong ngươi và ngoài ngươi có đời đời nằm đó không?

- Dạ không, luôn luôn vô thường.

- Tất cả những kinh nghiệm, cảm giác (tưởng uẩn) trong đời sống có nằm chờ mình thưởng thức, hưởng thụ hay không?

Đến đây thì ngài Rāhula đã hiểu.

Đức Phật kết luận: Tất cả những gì thuộc về vật chất hay tinh thần, tất cả những gì thuộc về 6 căn, 6 trần, 6 thức, tất cả những gì gọi là xúc, thọ, tưởng, tư đều do duyên mà có và đã có rồi thì nó phải lìa bỏ mình.

Với người hữu duyên, có trí thì chỉ bao nhiêu đó là đủ. Toàn bộ Phật pháp nằm trong pháp môn Tứ Niệm Xứ, toàn bộ Tứ Niệm Xứ đề nghị lối sống chánh niệm, quan sát những gì đang xảy ra qua thân tâm mình. Tùy người mà chú ý nhiều ở thân hay tâm. Có người chậm, chỉ quan sát được sắc pháp, biết rõ mình đang đi, không cần phải suy tư nhiều, biết rõ mình đang ngồi, biết rõ mình đang nhai, nuốt, tắm, rửa, cầm lên, đặt xuống, đang thở ra, đang thở vô v.v... Khi biết rõ như vậy sẽ duyên cho mình phát hiện ra nhiều thứ mà một người không phải hành giả thì khó hình dung được, thậm chí không thể hình dung vì sao pháp môn đơn giản vậy mà được xem là cốt lõi của Phật pháp. Bởi vì, toàn bộ vấn đề của thế giới này đi ra từ mỗi cá nhân. Chu vi của thế giới này là bốn mươi ngàn kilomet, dân số trên bảy tỷ, nhưng toàn bộ vấn đề của thế giới đi ra từ mỗi con người. Ví dụ, những đại nhân vật như giáo hoàng, tổng thống Mỹ, tổng thư ký LHQ, các vị nguyên thủ quốc gia v.v... gom lại khoảng chừng vài trăm; nếu đi sâu đi xa thì từng người ăn rồi xả rác thì cũng góp phần vào thế giới này. Mỗi lần mình quăng cái bao ny-lon lên mặt đấy hay miếng rác trên đường thì mình đã góp phần vào thế giới này theo hướng xấu. Nếu mỗi người đốn một cái cây trong miếng đất của mình thì bảy tỷ người đốn bảy tỷ cái cây, nếu vậy thì trái đất này trong mười năm nữa sẽ ra sao?

Toàn bộ vấn đề của thế giới đều đi ra từ mỗi cá nhân. Vấn đề của mỗi cá nhân đi ra từ kiểu sống không chánh niệm, không biết mình đang làm gì - một kiểu sống thiếu quan sát, thiếu tỉnh táo.

Toàn bộ chương Rāhula này Đức Phật xác định hai điều:

1. Bản chất Tam tướng của thế giới.

2. Đề nghị kiểu sống chánh niệm.

Bản chất Tam tướng của thế giới là mọi sự ở đời do duyên mà có, có rồi thì phải mất. Đó gọi là vô thường. Cái gì vô thường thì dứt khoát là vô ngã. Mình ráng đi tìm cái tôi, thích thì cứ nói: của tôi, của ông A, bà B nhưng hãy nhớ vạn hữu do duyên mà có, có rồi thì mất. Sự sanh diệt của thân và tâm trong và ngoài mỗi người, nhanh không tưởng tượng được. Bà con nhìn một tấm ảnh chân dung thấy đẹp quá, nếu nhớ lại một chuyện thì sẽ nản đó là nguyên bức ảnh chỉ là sự kết hợp của vô số dấu chấm. Phóng lớn ra nhiều lần thì nó chỉ là những cái hạt. Khi quí vị coi phim thấy đấm đá, đua xe, hôn nhau, đâm chém… chỉ là sự kết hợp của ánh sáng, chưa kể xảo thuật điện ảnh. Nếu cắt rời ra từng thứ thì ở đời không có cái gì để mình thưởng thức cả. Cái toàn bộ là ngon, chỉ có trên một đoạn lưỡi,

biết cảm nhận vị đắng, ngọt, chua, cay. Những món ngon chỉ tới cuống lưỡi thôi, từ đó về sau mình nuốt ực xuống, phần tiếp theo là bao tử chịu trách nhiệm; món đó có hại bao tử, có hại gan, hại thận, hay không, có cholesterol hay không, sẽ hại tim hay không, ảnh hưởng huyết áp hay không v.v... Chỉ ngon có một khúc lưỡi ở miệng thôi, chỉ vì một khúc này thôi mà đâm cha chém chú, giết người, đốt nhà, bán nước cầu vinh, chuyện gì cũng làm. Nhà cao cửa rộng mà đời sống tinh thần nghèo (không đức tin, không trí tuệ, không liêm sỉ…) thì dù có ở nhà một trăm tỷ cũng giống như con chuột sống trong hang vàng, chỉ là con chó nhà giàu.

TƯƠNG ƯNG LAKKHANA

Cả chương chỉ nói một chuyện ngài Mục Kiền Liên nhìn thấy các loài ngạ quỷ và Đức Phật cho biết ác nghiệp nào đã dẫn đến thảm cảnh đó. Làm chánh án, thẩm phán không công tâm cũng bị đọa, làm đồ tể giết thịt cũng bị đọa, những người sống ông ăn chả bà ăn nem cũng bị đọa, làm thám tử điệp viên rình rập người khác đem hại cho người ta cũng bị đọa, những người xuất gia không trong sạch cũng bị đọa. Nguyên chương này chỉ nói bấy nhiêu đó. Mỗi lần tôi xông khi bị cảm, khi trùm lên tôi cứ nhớ may là mình bị bịnh chỉ xông chút xíu, mặt mình đâu có nhúng vào nồi đâu mà chịu không thấu, tới hồi bị đọa bị nhúng trực tiếp như cái dầu cháo quẩy, như cái bánh tiêu thì thảm cỡ nào. Chúng ta có quyền không tin cái chương này vì hơi siêu hình, khó chứng minh, nhưng nếu các vị hỏi tôi dựa vào quan điểm khoa học hiện đại nghĩ gì về sự sa đọa địa ngục này, tôi sẽ trả lời: Ở đời có nhiều chuyện tạm thời chưa chứng minh được, nhưng xét về nhiều mặt, nếu có thì cũng không gì lạ. Như hôm nay tôi đứng bên bờ hồ của xứ nhiệt đới có cỏ, có nước, có mấy con nhái nhảy lung tung, quí vị hỏi tôi tin ở đây có rắn không thì đúng là ba ngày nay tôi không thấy con rắn nào, nhưng căn cứ hiện tượng thiên nhiên quanh hồ, cộng với cái biết của tôi về sinh học thì xứ nhiệt đới, có nước, có cỏ, có ếch nhái thì chuyện có con rắn không có lạ. Bên bờ hồ Thụy Sĩ, có nước có cỏ, nhưng không phải xứ nhiệt đới, xung quanh không có con ếch nhái nào hết, quí vị hỏi tôi tin có rắn hay không thì tôi nói không có thấy, khả năng hơi thấp, mùa đông tuyết lạnh cả trời trắng xóa, nước đóng thành băng thì chắc không rắn nào sống nổi. Nhưng ở VN, Thái Lan, người đang đổ mồ hôi, có nhái, thì nếu có rắn cũng không có gì lạ. Trở lại vấn đề siêu hình, mình thấy rõ ràng ở môi trường sinh học nào thì các loài sinh vật ở đó cũng có mặt một cách tương ứng. Môi trường sinh học là điều kiện cho các loài sinh vật. Có những thứ có ở Phi Châu mà không có ở xứ lạnh và ngược lại. Giả định khi mình sống bằng tâm trạng như vậy thì khi chết mình tái sinh thành thứ gì đó tương ứng với kiểu nghĩ của mình trước đây thì chuyện này không có gì lạ, không có gì phản khoa

học. Ví dụ cây chuối không có lõi mà toàn là bẹ, khi chết rồi thì nó mục nát còn lại nước và xơ và trở thành đất rất nhanh, một cây cổ thụ như cẩm lai, bằng lăng, sim, trắc, sao v.v... khi đốn rồi thì tồn tại rất nhiều năm. Tùy vào bản chất của nó mà khi chết rồi có để lại dấu vết gì hay không. Đó là nói về cây, còn đời sống của chúng sinh mà nói chết rồi thì hết, tôi xin hỏi mình dựa vào đâu?

Khi mình sống bằng tâm trạng như thế nào, khi mình chết tái sinh về cảnh giới tương ứng thì cũng không gì lạ. Đó là lý giải của tôi về các cảnh giới siêu hình. Sống bằng tâm tham tâm sân thì chết đi về địa ngục là chuyện bình thường. Nước có ba dạng thể lỏng, thể khí và đặc. Thể lỏng có khuynh hướng tìm về chỗ thấp mà chảy xuống, thể khí có khuynh hướng bốc hơi lên trên. Sống bằng tâm bất thiện thì cũng như nước ở dạng lỏng, tìm chỗ thấp chui xuống, còn sống bằng tâm thiện thì nhẹ nhàng như nước thể khí, bốc hơi lên trên.

TƯƠNG ƯNG THÍ DỤ

Nội dung các kinh:

Kinh 1: vai trò của vô minh.

Kinh 2: sự khó làm người.

Kinh 3: giá trị của từ tâm.

Kinh 4, 5: cũng về từ tâm.

Kinh 6: nói về sự ngắn ngủi của đời sống.

Kinh 7: nói về tương lai của Phật pháp.

1. CHÓP MÁI

Kinh này nói về Vô Minh. Do vô minh trong Tứ Đế mà bắt đầu dòng sinh tử của mình. Vòng Duyên khởi là vòng tròn khép kín không có điểm bắt đầu, nhưng điểm đặc biệt để dễ hình dung đó là vô minh. Từ vô minh trong Bốn Đế dẫn đến ba hành… nhưng cuối cùng cũng quẩn quanh trong Tam giới, vì vậy Đức Phật dạy vô minh là gốc của sinh tử là gốc của mọi sự.

2. ĐẦU NGÓN TAY

Kinh này nói về sự khó làm người. Bên cạnh ví dụ con rùa mù, Đức Phật dạy rằng có sự chênh lệch rất lớn giữa chút xíu đất trong đầu ngón tay mình và trọng lượng đất của hành tinh này. Vậy mà số chúng sanh được sanh trở lại làm nhân loại ít như đất trong móng tay, còn số chúng sanh không được trở lại làm người thì nhiều như đất của cả hành tinh. Có chút hiểu biết về đời về đạo thì thấy điều này cũng không quá. Diện tích, chu vi, trọng lượng của trái đất là bao nhiêu, số người có thể đếm được. Bảy tỷ không phải là con số lớn. Cho dù là bảy ngàn tỷ cũng là con số có thể đếm được. Trong khi đó, loài động vật mình nhìn thấy được trên hành tinh này thì đếm làm sao cho xuể. Chỉ nghĩ bao nhiêu đó là thấy Đức Phật nói đúng hay là không. Quí vị có bao giờ từng thấy một khối cầu là bầy cá biển di chuyển trong lòng đại dương?

Đó chỉ là cá. Chưa kể những loài côn trùng, bà con nào ở miền Tây Nam Bộ sáng ra đồng thấy con bù mắt, rồi các loài kiến, mối, chưa kể những loài li ti và khuất mặt siêu hình. Để mang được thân người không phải là chuyện dễ, bởi anh sống với tâm hồn của loài nào thì anh sẽ đi về với loài đó.

Một ngày hăm bốn giờ, tâm từ bi, trí tuệ, kham nhẫn, hành xả tinh tấn, thiền định, chánh niệm được bao nhiêu phút?

Trong ngày mình có bao nhiêu phút sống bằng tâm tham, sân, si. Chỉ nghĩ như vậy là biết mai mốt mình đi về đâu. Mai mốt mình học kinh Tăng Chi, Đức Phật dạy chỗ nào mình sống bằng tâm tham, sân, si thì đó là chỗ ở của cọp beo, rắn rít (sân), chuồng heo, chuồng dê (tham), chỗ nào sống bằng từ bi hỷ xả thì chỗ đó là cõi Phạm thiên. Chỗ nào sống bằng trí tuệ thì đó là thánh xứ. Nếu mình giàu có sung sướng tiện nghi mà đời sống tinh thần nghèo quá thì chỉ là con chó nhà giàu. Nói vậy nghe thì sốc kinh hoàng lắm nhưng nghe kinh thì đừng sợ sốc.

3. GIA ĐÌNH

Đức Phật dạy gia đình nào nữ nhiều nam ít thì lỡ có gì khó bề đối phó. Một tâm hồn không có sự tu tập, lỡ bị tám ngọn gió đời thì khó bề đối phó. Tu tập trong bài kinh này đặc biệt là tu tập Từ tâm. Kinh này dạy rằng Từ tâm là cách tự vệ tốt nhất. Vì nhiều lẽ:

1. Do nghĩ nhiều về người khác nên bớt khổ về mình.

Các bà mẹ VN, cao có một thước rưỡi, trọng lượng chưa tới năm chục ký mà một nắng hai sương, không biết cực khổ, làm nhiều chuyện đàn ông thanh niên còn

sợ. Đàn bà con gái gì mà đêm hôm tay yếu chân mềm, qua quãng đường nghĩa trang, cổ miếu sương rơi gió lạnh vắng tanh, ngó trước trông sau chỉ có một mình mà gánh đòn gánh hột vịt lộn, cháo lòng để đi bán. Tại sao làm được điều đó?

Chỉ vì thương con mà chuyện gì cũng làm. Không thấy lạnh, không thấy đói, không sợ ma quỷ cướp bóc vì không nghĩ tới mình. Các bà mẹ thời chiến, đang ngủ nghe tiếng súng đạn thì lùa con xuống hầm trước, rồi mình xuống sau. Trong ký ức của tôi, năm 1975 tôi đã 6 tuổi, mẹ tôi lùa đám con xuống hầm trước, còn mình thì là hư không vô biên, là rác là khói, vì nghĩ đến con. Có thể do ái, có thể do từ tâm. Chỉ vì nghĩ đến người khác, khi nghĩ đến người khác thì cỡ nào cũng dấn thân. Vì vậy, Từ tâm là cách tự vệ tốt nhất. Khi nghĩ đến người khác là mình bớt khổ

2. Công đức của Từ tâm là vô lượng

Để tạo phước vật chất không gì bằng sự cúng dường Tứ Phương Tăng. Để tạo phước đức không gì bằng Tứ Vô Lượng Tâm (từ, bi, hỷ, xả). Để tạo trí tuệ không gì bằng Tứ Niệm Xứ. Cứ nhớ ba con số 4 này thì sống khỏi cầu an, chết khỏi cầu siêu.

4. CÁI NỒI

* Từ bi hỷ xả

Bài kinh này cũng nói về từ tâm. Ngài xác định chỉ một nháy mắt tu Từ tâm thì công đức không sao kể hết. Chú giải nói thời gian rải tâm từ chỉ một chút xíu thôi nhưng công đức lớn kinh khủng bởi lòng nghĩ đến lợi ích chúng sinh.

Trong kinh nói có nhiều kiếp Bồ tát, tiền thân Đức Phật, chỉ tu bảy năm từ tâm mà suốt nhiều kiếp trái đất sống trên Phạm thiên, khi trở lại cõi Người Ngài có được tất cả những gì hay ho nhất.

Từ (metta): là mong người khác an lạc, có được những điều tốt đẹp

Bi (karuna): bất nhẫn trước cái khổ của người khác, mong người ta đừng bị chuyện gì xấu.

Hỷ (mudita): là vui khi thấy người ta được chuyện tốt đẹp.

Xả (upekkha): là sự thanh thản khi nghĩ đến nghiệp riêng của mỗi người.

Mình thương con quá sức mà dạy hoài không được, lòng xót xa đó là tâm Bi, bất nhẫn thấy con dạy không được. Nếu đúng là người có tu tập, có trí tuệ thì không tiếp tục khổ tâm vì con mà phải đạt đến Xả, biết rằng kiếp này nó là con của mình, tuy nó mười mấy tuổi nhưng trong dòng luân hồi nó và mình giống hệt nhau, có vô số nghiệp thiện ác đi theo để hỗ trợ hoặc hành hạ. Mình với nó y hệt nhau, chỉ có điều nó là đứa con mình đẻ ra nên mình không đành lòng. Đường cùng hết nước mình phải nhớ rằng nó có tiền gởi trong nhà băng sinh tử không thua gì mình; có những nghiệp thiện ác đi theo nó. Phũ phàng nữa là mình đã có thời gian nào nghĩ đến mẹ mình chưa?

Chúng sinh thường nghĩ nhiều về tác phẩm của mình hơn là nguồn cội của mình. Thương con nhiều hơn cha mẹ. Vì sao?

Vì tác phẩm gợi nhớ đến cái tôi của mình nhiều hơn cội nguồn của mình. Lâu lâu mình có nhắc đến cha mẹ một chút để hãnh diện, nhưng nhớ triền miên vẫn là con, bởi nó chính là tác phẩm của mình, cái tôi của mình. Lẽ ra mình phải nhớ rằng mình đối với cha mẹ ra sao thì mai sau con đối xử với mình y chang như vậy. Mình sẽ được hưu trí trong lòng con. Cha mẹ thương con thì đúng, nhưng phải thương theo kiểu tứ vô lượng tâm mới thanh thản, chỉ có trách nhiệm chớ không phải là gánh nặng (not burden, but duty). Muốn con được điều tốt đẹp, không muốn con bị bất hạnh thì đúng nhưng đường cùng phải nhớ nó có chiều dày quá khứ sinh tử không kém cạnh gì mình. Đời này chớ kiếp khác chắc gì gặp lại, chuyện gặp lại hiếm hoi như trong bài kinh Con Rùa Mù, Đầu Móng Tay. Hạnh nghiệp tương đồng mới mong gặp lại.

5. CÂY LAO

Một người tu tập Từ tâm thì ‘kim cang bất hoại”, nghĩa là an toàn. An toàn ở đây có hai nghĩa:

1- Hiện tại có thể nhờ phước của tâm từ mà tránh được họa hay tối thiểu khi gặp họa lòng cũng thanh thản vì đã lâu không nghĩ nhiều về bản thân.

2- Nhờ phước tu từ tâm, đời sau sinh ra ở những nơi an toàn.

Ngay cả ngoài chiến địa, trời xui đất khiến cũng đẩy mình vào chỗ an toàn, chỗ hầm sâu nhất, tránh được hỏa lực.

Không phải tu tâm từ là tránh được mà còn phụ thuộc vào việc tu tâm từ cỡ nào, có bị xen kẽ ác nghiệp quá khứ hay không. Đức Phật cũng bị vu oan giá họa, chỉ

là người ta không giết được thôi, số lần người ta ám sát đếm không xuể, ngoại đạo thì ghét còn Ma Vương thì cứ muốn Ngài niết bàn. Đệ nhất thần thông bên tăng và bên ni đều gặp đại nạn. Vì vậy hôm nay mấy chuyện cầu an, cầu siêu khi gia đình gặp nạn...; thưa thiệt với bà con là mời thì thôi cũng tụng, tụng để kiếm bạc cắc đổ xăng, muốn thì chiều chớ bụng không có tin. VN có câu: "Nam mô hai chữ từ bi, Phật còn gặp nạn huống chi thầy chùa", nghe có vẻ hài hước nhưng là sự thật. Đừng tin kiểu cuồng tín rồi mai mốt thất vọng, hãy tin sao cho khoa học một chút.

6. BẮN CUNG

Đức Phật dạy rằng mũi tên nhanh như vậy nhưng tốc độ nào đi nữa vẫn không bằng sự biến diệt, vô thường của 'thọ hành' (theo bản dịch của ngài Minh Châu). Trong bản Pāḷi Đức Phật dùng chữ 'Āyusaṅkhārā', trong chú giải là 'rūpajīvitindriya'. Nghĩa là 'mạng quyền', là sinh lực, tuổi thọ, sức sống của mình. Ý nói cái chết rất dễ đến và từng phút thân xác sinh học của ta đang thay đổi chớp nhoáng.

Bảy mươi phần trăm cái gọi là bụi trong chỗ ở của một người là da khô của đương sự. Da khô, móng tay, ghèn, mũi, ráy tai là sự phát triển, thay đổi, bài tiết của cơ thể. Da khô được thay thế liên tục và liên tục mỗi ngày. Sống đó rồi chết đó. Phũ phàng là khi sống mình cứ để ý cái vết nám trên mặt trong khi chỉ là mười lăm phút sau mình có thể chết, và số người dám chạm vào người mình thì không nhiều lắm. Tôi là tu sĩ PG, có điều kiện dự đám cũng hơi nhiều nhiều. Ở Mỹ có kiểu quan tài nắp đậy có một nửa, phần trên mở ra để cho mình nhìn lần cuối, có người thương thò tay vào rờ. Người dám rờ chỉ là người nhà, nhưng ở mức vợ chồng con cái hay anh em thôi, xa hơn nữa thì chú thím, cậu mợ dượng chắc không dám rờ.

Pha bình trà mà nãy giờ lo nói quên uống, bây giờ sắp hết giờ rồi. Xong bài kinh này là mình nghỉ, à không, còn bài kinh nữa tiếc quá, không giảng là uổng, bài kinh tiếp theo là bài kinh tôi rất là thích. Cái chốt trống. Đây là bài kinh không thể nào bỏ qua được.

7. CÁI CHỐT TRỐNG

* Cái trống Ānaka

Đây là một trong những bài kinh đáng được đọc tụng mỗi ngày và treo trên vách nhà.

Đức Phật dạy rằng ngày xửa ngày xưa, có một dân tộc Dasārahā giống như dân Chàm, dân Đại Việt, dân Văn Lang của người Việt xưa. Người Việt mình có trống đồng Ngọc Lũ, Đông Sơn v.v...thì dân tộc Dasārahā có một cái trống tên là Ānaka dùng để hiệu triệu. Người dân nghe tiếng trống thì tập trung lại họp mặt. Đức Phật nói cái trống này lâu quá thì hư, chỗ nào bằng gỗ thì sửa bằng gỗ, chỗ bằng da thì vá bằng da. Cái trống Ānaka nguyên thủy không còn nữa nhưng người ta vẫn kêu cái trống bằng tên cũ là Ānaka.

Đức Phật báo cho mình biết sẽ có một ngày tứ chúng đệ tử phàm phu của Ngài không còn tha thiết với lời dạy nguyên thủy của Ngài nữa mà họ sẽ thêm mắm dặm muối bằng những văn chương, thơ ca, tạp nhạp vào trong đó. Người ta vẫn gọi là Phật pháp nhưng buồn thay nó chỉ là cái tên thôi, như cái trống Ānaka sửa hoài, chằm vá miết, tên trống thì vẫn còn, nhưng bản thân cái trống không còn nữa. Sẽ có một ngày đi đâu cũng nghe nói là Phật pháp, nhưng nội dung thì không còn là Phật pháp nữa. Trong Bắc Tông có câu: "Y kinh giải nghĩa tam thế Phật oan, ly kinh nhất tự tức đồng ma thuyết". Khổ thay người đời sau sẽ có một lúc không còn phân biệt nữa, cứ thấy áo vàng không tóc thì gọi là thầy. Khi tin họ theo kiểu nhắm mắt nhắm mũi là có cái họa: họ bày tào lao thì mình mất cả đời, và khi phát hiện ra họ là đồ dỏm thì mình hận. Khi bất mãn là vơ đũa cả nắm. Nhiều người bỏ đạo vì một tăng một ni nào đó. Phật pháp là của chung, vì giận cá nhân nào đó mà bỏ đạo thì giống như giận ông bác sĩ nào đó rồi bịnh không uống thuốc. Bài kinh này rất là hay. Khi tôi ngưng rồi bà con tự đọc thầm bài kinh này một lần nữa. Chính Ngài nói, sẽ có một ngày, lời dạy của Ngài không còn được người ta nghe nữa, mà người ta sẽ kiếm những thơ ca, văn chương khác mà nghe, lời Phật thì bỏ qua một bên. Xin hẹn bà con ngày thứ Bảy, chúc quí vị một ngày vui.

Bài giảng ngày 14-2-2015 TƯƠNG ƯNG THÍ DỤ

7. CÁI CHỐT TRỐNG (tt)

Thưa quí vị, vừa rồi là tôi tranh thủ giảng nhanh bài kinh Cái Chốt Trống. Đã nói nhanh thì có nghĩa là vội. Đôi khi nhanh là lẹ nhưng đôi khi nhanh có nghĩa là vội. Vừa rồi có một hai chuyện nho nhỏ tôi không nhắc. Trong chú giải có nói nguồn gốc của cái trống này mà tôi xét thấy nó hơi có tính huyền thoại. Dĩ nhiên là các ngài chú giải chỉ chép lại thông tin mang tính cổ truyền, đôi khi là vậy, giống như sự kiện Đức Phật nhặt tấm vải bó xác trong rừng và tôi có nói sự kiện đó được kể trong kinh đầy đủ nhưng có những chi tiết chúng tôi không tiện nói. Ở đây cũng vậy, không nói thì bà con ấm ức, nên cũng nói ra một chút. Theo chú giải, ngày xửa ngày xưa, có cái hồ nước rất lớn. Trong hồ có một con cua (kulira) to đến mức có thể kẹp con voi để ăn thịt được. Trong một trận ác chiến với bầy voi, con cua bị gãy hai càng. Đế Thích lấy một cái, còn một cái càng dân Dasārahā đem về làm trống. Đây là một giai thoại tôi thấy không tiện kể.

‘kulira’: con cua; ‘ala’: càng cua

‘ānetik’: hiệu triệu, kêu gọi, triệu tập.

‘ānaka’: lời kêu gọi, kẻ tuyên truyền

“Những bài kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, liên hệ đến không, họ sẽ không nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng; họ sẽ không lóng tai; họ sẽ không an trú chánh tri tâm, và họ sẽ không nghĩ rằng các pháp ấy cần phải học thuộc lòng, cần phải thấu đáo”.

Liên hệ đến không là gì?

‘Sunnatappatisamyutta’: liên hệ hay nói về bản chất thế gian.

‘Sattasunnatadhammamattam’: nói gọn là lý vô ngã tức không có chúng sinh nào hết mà chỉ là sự vận hành hiện hữu của các pháp.

Đoạn kinh này dịch lại thì phải dịch như thế này:

“Những bài kinh nào do Như Lai thuyết, thâm sâu, nghĩa lý thâm diệu, xuất thế gian, nói về bản chất vô ngã của thế gian, thì họ sẽ không nghe khi các kinh ấy được thuyết giảng…”

Chữ này có một từ rất là gọn, nhưng tôi không muốn bà con hiểu lầm… Bên Bắc Tông nói rằng người không biết đạo cái gì cũng chấp 'tôi, của tôi', nhưng Tiểu thừa thì khá hơn chút, tiểu thừa thì chấp khá hơn chút, "Ngã không pháp hữu" là dịch sát của chữ này, nhưng chữ này bên Bắc Tông họ dùng để mạt sát PGNT. Người ta dùng để 'chửi cha' mình mà mình dùng thì coi như mình 'chửi cha' mình lần nữa.

Dịch gọn lại là: Những pháp thoại nào do Như Lai thuyết giảng, nghĩa lý thâm sâu, thâm diệu, xuất thế gian (tức giải thoát) đề cập đến lý vô ngã thì người ta không thèm nghe, vì nghe không có 'đã'. Cái này chúng tôi nói chân thành không có ý dè bỉu, châm biếm, chỉ đơn cử thôi; ví dụ như giáo lý làng Mai, vì sao người Tây mê giáo lý làng Mai?

Vì giáo lý Làng Mai không đặt nặng vấn đề tu học rốt ráo khắt khe như PGNT, cũng không phiêu bồng lãng đãng như PG Bắc Tông của Tàu hay Việt. Không kêu gọi nặng nề niệm Quán Âm hay niệm Di Đà cầu vãng sanh. Làng Mai kêu gọi tinh thần sống chánh niệm theo PGNT nhưng có cách nói theo cách cận nguyên thủy, thơ mộng hơn. HT Nhất Hạnh thay vì nói trước sau gì mình cũng chết, thân xác này cuối cùng cũng tan rã, tiêu hao băng hoại, thì HT nói thế này: Rồi sẽ có một ngày mà cành hoa nào cũng héo úa rồi trở về đất để nuôi dưỡng thành những cành hoa khác. Sẽ có một ngày nào đó chúng ta sẽ hóa thân thành những đám mây trắng bàng bạc phiêu lãng trên trời; sẽ có một ngày chúng ta hiện hữu trong từng giọt mưa, từng giọt nước, từng đám mù sương trong hành tinh này, trong bầu khí quyển này, sẽ có một ngày tôi và anh chị em sẽ gặp lại nhau trong bầu không khí thơ mộng của một đêm trăng nào đó, trong sự hiện hữu trong sự tồn tại của hơi nước, của một cành hoa, của một chiếc lá, một dòng chảy ở suối, ở sông ở biển. Sẽ có một ngày chúng ta sẽ hòa nhập vào biển pháp giới mênh mông không còn phân biệt nữa. Sẽ có một ngày thế giới này không còn có sự phân ly nữa khi từng người lìa bỏ sự hiện hữu cá nhân nhỏ bé trở về với sự hiện hữu mênh mông của pháp giới bao la.

Nói như vậy Tây nghe sướng thiệt, thấy mình không bị mất, còn kiểu nói của PGNT thì: danh sắc sanh diệt trong từng phút, cái sau kế thừa cái trước nhưng không phải là cái trước. Tất cả buồn vui xuất hiện một lần rồi thôi, giây phút nào cũng là giây phút cuối cùng, các pháp do duyên mà có, có rồi phải bị mất. Nói như vậy nghe khô mà lạnh quá!

8. CỎ RƠM

Chúng tôi không rõ trong room này có tăng ni hay không, tôi hỏi vì có lý do, bởi tên kinh là Kaliṅgarasutta mà tăng ni thường đọc kinh cầu siêu, tức là có bài kinh chuyên môn tụng trong khi đi trong đám tang, bài kinh kết thúc thế này:

"Aciram vat'ayam kàyo,

pathavim adhisessati,

chuddo apetavinnàno,

nirattham va kalingaram"

(Thân này sẽ không tồn tại bao lâu đâu khi hơi nóng trong tâm thức không còn nữa thì cái xác này giống như một khúc gỗ vô hồn vô tri).

Kaliṅgara có nghĩa là ‘cọng rơm’ mà cũng có nghĩa là một ‘que gỗ’ (piece of wood). Vì vậy quí vị đừng lấy làm lạ khi có lúc nào đó HT Minh Châu dịch chữ này là khúc gỗ. Ở đây ngài dịch theo nghĩa cọng rơm.

‘Kaliṅgarūpadhānā’: gối rơm, gối gỗ

‘Ūpadhānā’: gối, mộc chẩm (gối gỗ), cảo chẩm (gối rơm)

‘Kaliṅgara’: khúc gỗ, cọng rơm

Người Ấn Độ xưa có nhiều kiểu gối, nhà giàu dùng vải lụa bọc sợi tơ hoặc lông thú. Nhà nghèo dùng khúc gỗ gọt lõm xuống để nằm hoặc lấy rơm, cỏ khô để kê đầu.

“Sống trên các gối rơm, này các Tỷ-kheo, là lối sống hiện nay của dân chúng Licchavi, không phóng dật, nhiệt tâm trong nhiệm vụ. Ajàtasattu, con bà Vedehi, vua nước Magadha không có được cơ hội, không có được đối tượng để xâm lăng”

Ai có đọc lịch sử thế giới sẽ thấy rằng sau Thế chiến II, người dân Nhật Bổn đúng là những người dân sống trên gối rơm. Sau Thế chiến II họ bị người Mỹ áp đặt lệnh giải giới, không cho có quân đội riêng, chỉ có lực lượng phòng vệ quốc gia chớ không có Bộ Quốc Phòng, không cho sản xuất buôn bán vũ khí. Trong suốt thời gian đó người Nhật lặng lẽ kiệm ước cần cù nỗ lực, chỉ sau ba mươi năm họ trở thành một trong những cường quốc. Đời sống chịu khổ chịu cực đó vẫn hằn sâu trong nếp sống của người Nhật.

Lối sống gối rơm nghĩa là "nằm gai nếm mật".

Theo chú giải, con em thanh niên của xứ Licchavi thời gian ăn ngủ rất ít. Ai còn học nghề học chữ được thì dành hết thời gian để học nghề học chữ. Ai có khả năng làm việc thì dồn sức làm việc, ai làm thầy được thì tận lực làm thầy, ai làm trò được thì tận lực làm trò, ai làm thợ được thì tận lực làm thợ. Xem thêm kinh Đại Bát Niết Bàn, Trường Bộ Kinh để biết dân Licchavi này, họ chịu cực chịu khổ để đất nước họ vươn lên như dân Nhật, dân Do thái.

Ở đây Đức Phật mượn hình ảnh người dân Licchavi để nói về lối sống tiết kiệm cần cù, chịu thương chịu khó. Cũng vậy, Ngài nói rằng, các vị tỳ kheo ngày nay muốn phát triển hưng thịnh thì cũng phải chịu khó, tinh tấn, bỏ bớt nhu cầu hưởng thụ cá nhân, đừng ham sướng sợ khổ thì mới phát triển được, mỗi cá nhân sẽ được thành tựu nhiều công đức và hội chúng tăng già cũng nhờ vậy mà được phát triển hưng thịnh.

Lúc Ngài nói bài kinh này thì Ngài đã trọng tuổi rồi. Hội chúng hưng thịnh lắm, chư tăng được cúng dường rất nhiều, tỳ kheo ngại những cái gì nhám và thích những gì êm mịn, bóng láng, ấm áp. Đây là dấu hiệu giáo hội đang trên đà đi xuống vì vậy Đức Phật mượn chuyện người dân Licchavi để nói.

Trong đời Đức Phật 45 năm chia thành 3 thời kỳ: Sơ giác thời, Trung giác thời và Hậu giác thời

Sơ giác thời (Pathamabodhikāla): giai đoạn 15 năm đầu. Trong 15 năm đầu chư tăng ngủ rất ít.

Paṭhamabodhiyaṃ kira bhikkhū bhattakiccaṃ katvāva kammaṭṭhānaṃ manasi karonti. Tesaṃ manasikarontānaṃyeva sūriyo atthaṃ gacchati. Te nhāyitvā puna caṅkamaṃ otaritvā paṭhamayāmaṃ caṅkamanti. Tato ‘‘mā ciraṃ niddāyimhā’’ti sarīradarathavinodanatthaṃ nipajjantā kaṭṭhakhaṇḍaṃ upadahitvā nipajjanti, te puna pacchimayāme vuṭṭhāya caṅkamaṃ otaranti. Te sandhāya idaṃ vuttaṃ.

Tương truyền rằng trong buổi đầu Thế Tôn vừa thành đạo, chư tăng dùng cơm xong thì chỉ tập trung vào chuyện thiền định. Tu suốt ngày cho đến lúc mặt trời lặn thì thôi. Vị đó cứ chiều tắm rửa xong là đi kinh hành suốt canh đầu hôm. Các vị có mỏi mệt lắm thì chỉ nằm xuống một chút thôi, khi nằm luôn có tâm niệm "một chút thôi nha", nằm để cho bớt mệt thôi, nằm là kiếm một miếng gỗ cứng nằm để không êm ái. Cứ như vậy đến canh cuối của đêm thì thức dậy đi kinh

hành. Kinh này được nói dựa vào thời điểm chư tăng tinh tấn như vậy đó. Thời đó một phàm phu trở thành vị thánh đơn giản lắm.

‘‘Ayaṃ bhikkhu puthujjano, ayaṃ puthujjano’’ti aṅgulimṃ pasāretvā dassetabbo ahosi. Ekadivasaṃ sabbe arahantova ahesuṃ.

Nhiều đến mức phàm thánh chỉ cần điểm danh bằng ngón tay, ví dụ như thời nay mình nói sư này là tỳ kheo, sư này là sa di; thời đó khi nào cần thì các vị ám chỉ với nhau vị đó còn phàm rồi thì chỉ trong một ngày hôm sau thì có thể thành A-la-hán hết.

Bởi vì, chúng tỳ kheo thời kỳ đầu rất tinh tấn và chư tăng cố ý đi tìm chỗ cực để cho mình đừng chìm sâu trong sự hưởng thụ. Khi Phật pháp trải qua Trung giác thời và Hậu giác thời, chư tăng được cúng dường nhiều quá, chăn đệm toàn thứ tốt nên các vị không thể nằm trên chỗ cứng nhám, lạnh lẽo được. Ngủ nhiều hơn, xưa thì ăn cho no, mặc cho ấm giờ đổi thành ăn cho ngon, mặc cho đẹp. Lý tưởng tu học không còn nữa, lá y trở thành chỗ dựa cho những người kiếm sống, giá áo túi cơm, và Phật pháp đã giảm nhiều tinh hoa. Ngay cả trong hàng cư sĩ cũng vậy, khi mình thấy con em của mình vùi đầu học thì thấy đời nó khác, mà mình thấy nó cứ hưởng thụ thích đi mua sắm hàng hiệu thì biết là dấu hiệu đi xuống. Tuổi trẻ chia làm hai phe, một phe thì vùi đầu trong thư viện, giảng đường đại học; một phe thì đi mua sắm hàng hiệu, đây là dấu hiệu đi xuống của xã hội.

Đức Phật nói, khi tỳ kheo sống đời xuống dốc như vậy thì Ác Ma có cơ hội. Phiền não có cơ hội và thành phần phá đạo có cơ hội.

9. CON VOI

‘Nāga’: 1. Con voi. 2. Con rồng. (Tùy theo chỗ mà hiểu).

Khi Đức Phật ra đời Ngài gọi vị La-Hán là Nāga với định nghĩa như sau:

‘Na āgum gacchatiti nago’: người không phạm lầm lỗi thì gọi là Nāga

Cả bài kinh này có nội dung là “yếu người đừng đi nắng”.

Những vị tỳ kheo có nội lực thật sự về pháp học và pháp hành, tức là giỏi giáo lý, tu chứng ngon lành thì dấn thân hoằng pháp một cách an toàn vô sự, còn những vị không có nội lực đủ để tự vệ thì khi đi vào trong đời sống hoằng pháp dấn thân thì cơ hội bị sa ngã, đổ đốn rất lớn. Vì vậy Ngài dạy, giống như những con voi

lớn, có thể xuống hồ sen nhổ củ sen, tắm, uống nước… nhưng voi con thì không thể, cần phải chăm sóc và dòm ngó. Một vị tỳ kheo muốn dấn thân vào chuyện hoằng pháp thì phải tự lượng nội lực của mình có đủ sức hay không.

Trong bộ Nhân Chế Định, bộ thứ tư của bảy bộ A-tỳ-đàm, nói rõ các hàng tỳ kheo giống như các hàng chiến sĩ. Có những người lính ra trận thấy cờ xí của đối phương là tái mét đứng không vững, chưa xáp chiến đã bại trận từ xa. Có những người lính phải có chạm mặt chút đỉnh rồi mới bỏ chạy, có người lính bị thương rồi mới chạy, có người lính chết ngoài sa trường và có những người chiến thắng trở về ca khúc khải hoàn. Cũng vậy, trong hàng tỳ kheo có những vị đã thua trận từ xa, có những vị chính thức bị tấn công và sa ngã, có người bị bầm dập và cuối cùng mới rớt y, có người giữ mình trong sạch cho đến phút cuối. Ở đây Đức Phật dạy những người thấy mình chỉ là voi con thì đừng bắt chước voi cha voi mẹ đi xuống hồ tắm giỡn, nhổ củ sen thì chỉ có chết.

Bài kinh này không chỉ dành riêng cho tu sĩ mà còn bao gồm cư sĩ nữa. Mình coi kinh cứ thấy "Này các tỳ kheo" thì cứ nghĩ không có phần mình. Sai. Bởi vì Ngài đang nói cho những vị ngồi trước mặt Ngài. Thí dụ Nguyễn Trãi có để lại tập Gia Huấn Ca, để dạy dỗ con cái trong nhà rồi mình nghĩ mình không phải là con cháu của Nguyễn Trãi nên không thèm đọc là sai bét. Đức Phật dạy "này các tỳ kheo" tức lúc đó Ngài nhắm người ngồi trước mặt mình, còn nội dung đó vẫn nhắm cho mình. Bởi nếu không nhắm cho mình thì ngài Ānanda đâu có trùng thuật kiết tập làm chi. Và nếu nói chỉ nói cho người xưa thì người ta lưu truyền kinh điển làm gì.

Ở đây, người cư sĩ cũng vậy, tự xét thấy rằng kiểu sống nào của mình mà đe dọa tín tâm, đe dọa sự tu học của mình thì phải tránh. Đừng nhảy xuống bùn rồi than vì sao mình hôi bùn, hôi sình, bị dơ. Trong đời sống người cư sĩ, nếu xét thấy vì hoàn cảnh không thể lìa bỏ công việc, trú xứ đó được, thì phải cắn răng… Chuyện đó tôi không nói vì quí vị còn phải nuôi cha nuôi mẹ nuôi chồng nuôi con, còn nếu điều kiện có thể lìa bỏ được thì tôi nghĩ rằng nên lìa bỏ chỗ đó, công việc đó để đổi qua chỗ khác, công việc khác, vì chúng ta là những con voi con, chúng ta không đủ sức. Chúng ta không phải là Cấp Cô Độc, không phải là Visākhā, không phải là Bình Sa vương, không phải là Ba Tư Nặc, đừng nói là cư trần bất nhiễm. Tự xét thấy mình là con voi con không phải là con voi trưởng thành thì hạn chế, né được bao nhiêu thì né. Những sách báo, phim ảnh, tác phẩm văn nghệ thi ca, những websites nào mình xét thấy có hại cho đời sống tinh thần của mình thì dứt khoát phải tránh.

10. CON MÈO

'Bilāra': con mèo.

Ở đây Ngài chỉ ví dụ thôi. "Có con chuột nhắt vì kiếm ăn chạy ra. Và con mèo ấy bắt lấy nó, mau chóng hành động (sankharirva) và nuốt nó. Và con chuột nhắt ấy cắn ruột, cắn phủ tạng con mèo. Do nhân duyên ấy, con mèo đi đến chết hay đi đến đau khổ gần như chết". Giống như cách đây không lâu tôi đọc trên báo, một bệnh viện ở VN, bác sĩ tiến hành một ca mổ để lấy cái tăm xỉa răng mà một bệnh nhân vô tình nuốt phải. Khi ăn nhanh nuốt vội vã ta dễ bị gặp vấn đề với thứ mình nuốt vào. Một tỳ kheo thiếu chánh niệm dễ bị có vấn đề với những cảnh trần mà mình tiếp xúc. Ở đây thì nói tỳ kheo nhưng cư sĩ cũng y chang như vậy; phải hiểu là tất cả mọi người đều giống nhau. Phải nhớ những điều này:

- Nghĩ kỹ lại xem mỗi ngày tâm ta thiện ác cái nào nhiều hơn.

- Có lúc nào tâm ta không biết một trong các cảnh trần.

- Và mỗi ngày vui và khổ cái nào nhiều hơn.

Nhớ ba câu trên thì tự nhiên thấy bài kinh này quan trọng. Năm trần đóng vai trò tuyệt đối quan trọng trong đời sống của mình. Năm trần không có tội mà vấn đề là thái độ tâm lý của chúng ta khi tiếp xúc năm trần. Trong thời gian này chúng tôi đang thực hiện quyển Kỹ thuật Thiền Quán của Các Truyền Thống Nam Phương trong đó có một đoạn quan trọng, nói tới đây không thể không nhắc: 1/ Từng cảnh tốt xấu ta tiếp xúc bây giờ là do tiền nghiệp thiện ác đời trước. 2/ Cảnh nào do nghiệp ác mà có thì là cảnh gây khó chịu, khi tiếp xúc ta dễ có tâm sân. 3/ Cảnh nào là quả của thiện nghiệp thì luôn dễ chịu, khi tiếp xúc ta dễ có tâm tham. Đây là câu giải thích vì sao luân hồi là đáng sợ. Tâm ác là nhân trực tiếp khiến ta khổ. Tâm lành là nhân gián tiếp khiến ta khổ. Tại sao?

Đâu phải kiếp nào sinh ra cũng học Phật pháp, cứ làm chút thiện thì đời sau mình hưởng quả lành! Hưởng quả lành là 99% bằng tâm tham. Ví dụ mình đẹp, đi đâu cũng được người ta dòm ngó xì xầm, khoái lắm. Mình sanh ra mình giàu, mình giỏi, mình hưởng thụ thoải mái luôn. Giỏi cũng là phước cũ đời trước. Có nhan sắc, có tiền bạc, có sức khỏe, có danh vọng, uy tín… toàn là phước. Khi mình có quá nhiều cái được như vậy, tâm mình chỉ toàn tâm tham. Còn những cái do ác nghiệp: bịnh, nghèo, xấu, dốt v.v... khi sống trong những quả xấu này mình thường xuyên bất mãn. Quả thiện cho mình thấy, nghe, ngửi, nếm … được cái

mình thích. Có nhiều người cả ngày bực mình suốt mùa thu, nhìn đâu cũng bực mình là do tiền nghiệp đời trước, có người tối ngày cứ lai rai vui man mác giống như gió nhẹ nhẹ thổi. Trong đời sống của mình, toàn bộ những gì mình thấy nghe đời này làm cho mình vui buồn đều là nghiệp của quá khứ. Hãy cẩn thận bởi hành trình luân hồi là một quá trình vay nợ nặng lãi. Cứ một tâm bất thiện xuất hiện thì sẽ tạo ra vô số quả bất thiện. Cứ mỗi lần gặt hái một quả bất thiện thì mình sân suốt và đôi khi vì quả bất thiện mà mình tạo ra biết bao nhiêu nghiệp bất thiện. Ví dụ mình có nghiệp chửi một bậc thánh, đời này sinh ra người ta thấy mặt mình là người ta chửi, và thế là mình phản ứng. Xui một chỗ, người mình phản ứng là người đức độ thì càng mệt. Như học trò của ngài Ca-Diếp, ngài nhắc nhở khuyên răn miết nên chịu không nổi, đợi ngài đi bát người học trò này đốt cốc rồi hoàn tục. Vì đốt cốc của ngài Ca-Diếp nên chết sanh làm ngạ quỷ khổ triền miên.

Chánh niệm là không tiếp tục vay nợ mới nữa, gặp cảnh xấu không sân, gặp cảnh tốt không tham, thấy gì biết nấy, nghe biết là đang nghe, ngửi biết là đang ngửi, khó chịu là biết thân đang khó chịu hay tâm đang khó chịu. Không suy diễn, liên tưởng, kết nối vô ích để phiền não thêm nhiều. Ví dụ một người dốt không biết nhạc, họ nghe bản nhạc giao hưởng mà chẳng hiểu gì, còn người có học nhạc Tây Phương thì nghe Chopin, Beethoven, Mozart chừng hai giây là họ thấy đê mê rồi vì họ hiểu. Mình thích bởi mình có liên tưởng, có hình dung. Ví dụ hồi đó mình ở VN nhà quê không biết đồ ăn Tây, giờ mình có điều kiện ăn đồ Tây thì mình mới thích mùi nấm, mùi phô mai nặng mùi của Pháp… Thêm một chút văn hóa, một chút kinh nghiệm sống thì bắt đầu mình có khả năng suy diễn "ăn vậy mới sang, mới bổ, mới đúng điệu." Hồi xưa mình đi xe đò, giờ mình có xe riêng, xe hiệu… Chánh niệm là có sao biết vậy không suy diễn, sống đúng mức không thừa không thiếu. Người có phiền não luôn sống trong tình trạng thừa hoặc thiếu. Thiếu nghĩa là lẽ ra phải hiểu rõ là cái gì thì mình lại quên hiểu, quên ghi nhớ. Thừa là lẽ ra thấy chỉ là thấy, nghe chỉ là nghe mà mình suy diễn thêm để bực mình. Ví dụ thấy người ta quên chào, mình suy nghĩ suy diễn rồi bực mình. Phiền não của chúng sinh đi ra từ hai cái: có và không. Khi người ta gặp mình mà người ta có làm gì đó, có nói gì đó cũng làm cho mình phiền, và có khi người ta không làm gì đó, không nói gì đó cũng làm cho mình phiền. Hạnh phúc cũng vậy, cũng lệ thuộc vào có và không. Chánh niệm là không để ý nhiều lắm vào những cái có và không đó.

Quí vị thử thực tập sống chậm một lần. Sống chậm ở đây không phải là nói trên tốc độ hay thời gian mà là sự dứt khoát trong từng việc. Thường thường mình

không dứt khoát, việc này dính líu việc kia không dứt khoát. Chánh niệm là biết rõ ràng trong từng việc. Khi đó quí vị sẽ thấy thì ra Đức Phật cho mình một thế giới sống rất kỳ thú mà mình chưa bao giờ hình dung. Thế giới đó không cần phải trăng sao hoa lá ong bướm gì đặc biệt, chỉ là thế giới bình thường mà mình sống chậm lại để xem cái gì đang xảy ra. Lúc bấy giờ mình đang nhìn thế giới này từ góc độ khác, chiều kích khác, không cần phải sang thế giới khác. Mỹ có câu: Du lịch không phải chỉ để tìm đến vùng đất mới mà để có cái nhìn mới.Vì sao?

Vì có rất nhiều kẻ bỏ nhiều tiền để thực hiện chuyến vacation để ra nước ngoài mà cái lòng vẫn nằm ở nhà. Đó chỉ là bỏ tiền ra để âu lo từ xa (tele-worrying).

Thật sự mà nói, tết Nguyên Đán này đang tới, xuân đang về trên thềm nhà mỗi người Việt trên toàn cầu, thật ra nó là một cái tang trong mỗi năm, cho mình biết mình sắp chết, lấy gì mà vui. Hãy nhớ năm nay mình còn khá, khá về tinh thần, về sức khỏe, nếu ngay bây giờ không thực tập chánh niệm thì sang năm vào ngày này tháng này không chắc mình có thể tu tập chánh niệm, và nếu có thì chắc chắn tệ hơn bây giờ. Thời điểm tốt nhất để tu tập chánh niệm chính là ngay bây giờ.

11. CON CHÓ RỪNG

Singālasutta

Bài kinh này có một chuyện đáng để mình bàn với nhau, bản dịch tiếng Việt có vấn đề rất lớn:

“Các Ông có nghe chăng, này các Tỷ-kheo, trong ban đêm khi trời gần sáng, con giả-can đang tru lớn tiếng?

Đó là con giả-can, này các Tỷ-kheo, bị mắc bệnh ghẻ lở. Chỗ nào nó muốn đi, chỗ nào nó muốn đứng, chỗ nào nó muốn ngồi, chỗ nào nó muốn nằm, gió lạnh buốt thổi lên trên nó”

Ngài hỏi chư tăng có nghe tiếng con chó tru trong rừng hay không. Chư tăng trả lời là con chó bị ghẻ lở, đi đâu cũng bị gió lạnh. Đoạn này nói chuyện buồn, cám cảnh cho con chó, vậy mà đoạn tiếp theo thì: “4) Lành thay, này các Tỷ-kheo, nếu ở đây có người nào, tự cho là Thích tử, lại có thể cảm thọ được một trạng huống tự ngã như vậy”. Chữ “lành thay” ở đây cho thấy câu trả lời mang nghĩa vui trong khi câu hỏi phía trên lại mang nghĩa buồn.

‘attabhāvapaṭilābhaṃ’: đời sống, lối sống

‘attabhāva’: là những gì thuộc về của mình như là thân thể của mình, buồn vui của mình

‘cittassāda’: sự ngọt ngào trong tâm tư

Nội dung bài kinh: Con chó rừng ghẻ lở kia dù gì cũng được tự tại không ràng buộc trong sinh hoạt. Một tỳ kheo dù đói lạnh nhưng cũng được tự tại như vậy là điều đáng có.

Có thể dịch lại câu hỏi phía trên:

…Đó là con giả-can, này các Tỷ-kheo, tuy bị mắc bệnh ghẻ lở. Nó muốn đi đâu nó đi, nó muốn ở chỗ nào nó ở, nó sống thanh thản tự tại vui với trăng sao hoa lá gió rừng…”

Chữ ‘sūtabhūta’ vừa có nghĩa ‘mát’ vừa có nghĩa là ‘lạnh’. Tùy chỗ mà hiểu, giống như tiếng Anh, chữ ‘cool’ có chỗ nghĩa xấu, có chỗ nghĩa tốt. Trong kinh có chỗ chữ sūtabhūta ám chỉ sự viên tịch.

“Lành thay, này các Tỷ-kheo, nếu ở đây có người nào, tự cho là Thích tử, lại có thể cảm thọ được một trạng huống tự ngã như vậy.”

Tại sao ở đây Đức Phật xài chữ “Thích tử”?

Câu “có người nào, tự cho là Thích tử” là ngài nhắm đến Devadatta.

“Sakyaputtiyapaṭiññeti idampi devadattassa ācārameva sandhāya vuttanti”: ở đây nếu có người nào tự cho là Thích Tử, kể cả một vị tỳ kheo xấu như Devadatta nếu có được sự thanh thản cũng là điều hay.

‘Ācārameva’: sở hành

‘Sandhāya’: liên hệ

Con chó rừng dù bị ghẻ lở đau đớn ngứa ngáy nhưng ít ra không bị ai nhốt cũi xiềng xích nó được. Không có gì khổ cho bằng muốn đi mà không thể đi, hoặc không có chỗ đi, hoặc không có cách nào để đi hoặc đi bây giờ thì không tiện vì sự ràng buộc của cái gì đó. Đừng nghĩ có bạc triệu là hạnh phúc. Hạnh phúc không phải là có được tất cả những gì mình muốn mà hạnh phúc chính là mình

có thể thích được cái mình có. Giống như câu: Cưới được người mình yêu là may mắn nhưng yêu được người mình lỡ cưới là bản lãnh. Kẻ giàu có nhất không phải người có mọi thứ, mà là người có thể thích nghi với mọi thứ.

Bài giảng ngày 17-2-2015 TƯƠNG ƯNG THÍ DỤ

12. CON GIẢ CAN

Đêm nay đang ở Thụy Sĩ, máy mượn. Máy này Phật tử để trong kho lâu lâu mới lấy ra xài một lần. Hôm nay Tết âm lịch là ngày mấy rồi ạ?

Hăm chín Tết rồi?

Sáng nay mình học kinh cuối cùng của Chương Thí Dụ, đó là kinh Giả Can. Giả Can cũng là tên loại chó rừng. Bài kinh này Đức Phật dạy về đức tính tri ơn. Trong chú giải không nói rõ vì lý do nào Thế Tôn lại nhắc đến đề tài này, nhưng dù không nói, chúng ta cũng phải nhìn nhận rằng tri ân là đức tính rất đáng quí và độc đáo. Bởi vì, Đức Phật từng dạy trong Tăng Chi Bộ, phần 3 Chi: Ba hạng người khó kiếm trên đời: Đức Phật, người giảng pháp và người biết ơn. Ngày trước tôi đọc thấy lạ nhưng khi có tuổi rồi thì thấy hết lạ. Đức Phật thì khó kiếm, người giảng pháp cũng khó kiếm, chỉ có trong thời của Đức Phật. Chú giải nói rõ: Không có sự hướng dẫn của chư Phật thì người ta chỉ biết nói đến vô thường, khổ, không thể giải thích được về lý vô ngã. Chỉ có người được nghe lại từ Đức Phật thì mới có thể trình bày lại được lý Tam tướng (vô thường, khổ, vô ngã) một cách đầy đủ. Mọi thứ đều do duyên mà có, không có ông A, bà B, không có tôi, ta gì hết.

Chỉ có chư Phật mới thuyết giảng về Bốn Đế và lý Duyên khởi

'Sattasunnatadhammamatta': không có chúng sinh, chỉ có các pháp hiện hữu.

Tại sao hạng người có tính tri ân thì khó kiếm?

Bà con nào từng sống va chạm mới biết. Lòng người kỳ lắm, mình giúp họ mỗi ngày trong ba mươi năm chưa chắc đến năm thứ ba mươi mốt họ còn cảm kích mình, nói chi đến năm thứ ba mươi mốt mình không giúp nữa họ sẽ oán mình mà không kể gì ba mươi năm qua.

Ta thường nhớ nhiều về hai chuyện: mình đã cho ai cái gì và người ta đã làm gì cho mình buồn và thường khi quên mất chuyện người ta làm mình vui. Người ta nói rằng tình yêu là trí nhớ của trái tim nhưng lòng tri ân là trí nhớ của óc. Phải có đầu óc mới có lòng tri ân, còn không, được một lần là quên. Bài kinh này mới

nghe qua không có gì đặc biệt nhưng thế giới sẽ khá hơn rất nhiều nếu nhân loại có thêm lòng tri ân.

Lòng tri ân không phải là bài học đạo đức cá nhân mà nó chính là vận mệnh của thế giới. Ví dụ, nhờ ai mà đường sá này sạch như vậy?

Vì đâu mà xã hội không có tệ nạn?

Vì đâu mà những gì thuộc về công cộng tốt đẹp như vậy?

Trước hết chúng ta phải cảm kích người nào đưa ra những chính sách xã hội để hỗ trợ những điều đó. Thứ hai là phải cảm kích từng người trong đất nước đó. Nếu họ xả rác, nếu họ trộm cắp thì đất nước này không được như vậy. Chúng ta đền đáp bằng cách làm như họ, không xả rác, không đập phá cạy gỡ của công cộng. Người ta sống có ý thức vệ sinh môi trường thì mình cũng phải sống có ý thức vệ sinh môi trường. Đó là lòng tri ân.

Có rất nhiều người thân trong một gia đình cứ nghĩ chuyện tốt đẹp người kia làm cho mình là chuyện đương nhiên, thế là không cần cảm kích. Đó là rất bậy. Buổi sáng trời lạnh thế này trong khi mình còn đang trùm mền ngủ, vậy mà mẹ mình, chị mình, vợ mình, phải tung mền thức dậy nấu cho mình ăn, dọn dẹp nhà cửa, làm nhẹ tay sợ mình giựt mình. Khi nắng lên họ mới nhẹ nhàng kêu mình dậy ăn sáng. Nếu nghĩ đây là trách nhiệm họ phải làm, mình không cần cảm kích, vậy là quá tệ. Tây khi chia tay nhau rồi, họ vẫn còn là bạn, vì bên cạnh tình yêu, bên cạnh sự thiết thân, họ vẫn dành cho nhau một góc rất là khách sáo, đó là họ biết cảm kích nhau từng chuyện rất nhỏ. Họ cảm ơn nhau liên tục và liền miệng, chúng ta cứ nghĩ họ xạo nhưng đó là họ cảm kích thiệt. Còn người châu Á mình thì sao?

Cứ nghĩ là chuyện vợ lo cho chồng là đương nhiên, chồng lo cho vợ là đương nhiên. Người ta mấy chục năm nấu ăn cho mình mà chớ hề khen lấy một lời, "dù chỉ một lời chẳng đáng chi". Khen bữa ăn có đáng gì đâu mà không khen. Đó là điểm khiếm khuyết trong văn hóa sống. Phải biết cảm kích tại sao lẽ ra người ta không làm chuyện đó mà người ta lại làm cho mình. Một bình hoa bên cửa sổ, vài phút lau sàn nhà cho sạch, kéo rèm cho nắng vào nhà, một bữa ăn sáng nhẹ nhàng, tất cả đều là nghĩa cử đáng được cảm ơn. Chính vì thế mai này bạn bè xa nhau vẫn còn thương nhau, vợ chồng li dị vẫn còn quí nhau, vì ngoài chuyện tan vỡ hôn phối ta vẫn còn giá trị văn hóa đọng lại trong lòng đôi bên.

TƯƠNG ƯNG TỶ KHEO

1.KOLITA

Kolita là thế danh (tên đời) của ngài Mục Kiền Liên, thỉnh thoảng vẫn được dùng bên cạnh ngoại hiệu Moggalāna. Upatissā là thế danh của ngài Sāriputta.

Bài này người có biết một chút về A-tỳ-đàm thì nghe rất là ok. Người chưa học thì nghe hơi mệt, nhưng tôi nghĩ tôi sẽ cố gắng nói nhẹ nhẹ cho bà con nghe. Trong kinh có nói một điều đặc biệt, Đức Phật dạy rằng, đệ tử của ngài khi gặp nhau chỉ có hai việc cần làm đó là trao đổi giáo lý hoặc cùng giữ im lặng theo cách của bậc thánh. Có nghĩa là tu tập Samatha hay Vipassanā bên cạnh nhau. Tôi biết những người VN của mình nghe vậy thấy rất là khó chịu, họ thấy như vậy thì còn gì tình cảm nữa. Nếu quí vị chưa từng sống qua những nơi chốn như vậy thì quí vị không tin hoặc không hiểu nổi đâu.

Thực ra ta sẽ càng thương quí nhau hơn nữa khi ta cùng tinh tấn tu học như nhau, không phải tào lao nhiều rồi thương nhau. Cứ tưởng gặp nhau đem ba tình hình trong nước, quốc tế, trong nhà ngoài ngõ, chuyện nấu ăn, chuyện chồng con nói cho đã miệng thì sẽ thương nhau. Nghĩ vậy là sai. Cho dù nói suốt một ngày thì chúng ta chỉ khinh nhau thôi, sẽ nghĩ về nhau không ra gì hết. Cái đầu của anh rỗng thì ngôn ngữ của anh mới rỗng, làm sao nể được một người đầu rỗng dù chính mình cũng rỗng. Phiếm luận là dấu hiệu chính xác nhất về một cái đầu rỗng tuếch. Chỉ có rỗng mình mới nói nhau quá nhiều chuyện tào lao.

Chuyện quan trọng nữa đó là tôi bảo đảm bà con một điều, cứ nói tào lao một lát không giận nhau mới lạ. Cứ nói một lát là thất niệm, và khi thất niệm thì sẽ nói nhiều câu làm người ta không vui, 99% là như vậy. Tôi tận tai tận mắt chứng kiến những cuộc trò chuyện của Phật tử trong chùa, bà A khen bà B: Con bà, thằng Tý giờ đẹp trai, ngoan, giỏi ghê. Mình biết là lời khen không thật, người ta nghe khen là biết khen dóc chớ, chỉ chuyện khen dóc cũng đủ làm người ta phiền rồi, nói chi đến châm chích. Vì vậy Đức Phật dạy đệ tử của Ngài khi gặp nhau thì trao đổi giáo lý hoặc im lặng như bậc thánh.

Trong kinh này ngài Mục Kiền Liên nói đến thiền Chỉ Samatha và nói rõ là tầng Nhị thiền. Thời Đức Phật chuyện đắc thiền rất dễ. Vì sao ngài nói tầng này?

Nhị thiền chấm dứt Tầm và Tứ, hai điều kiện để ta nói năng.

Nói gọn thì tâm chỉ có một, nhưng nói phân tích thì có 121 tâm (mind) cộng với 52 tâm sở (mental factors). Tâm chỉ là cái biết, còn tâm sở là những thành tố tâm lý. Ví dụ khi nhìn mà biết những cái đó hình tròn hay vuông, là nhờ tâm sở tưởng - kinh nghiệp tích lũy do mình học và nghe từ lâu. Trong cái biết có vui có buồn, có hững hờ bình thản, gọi là thọ, tâm sở thọ. Trong cái biết đó có tham thích ghét sợ, được gọi là tâm sân. Trong một cái tâm có vô số sở hữu trong đó, nhưng thật ra có hai tâm sở chịu trách nhiệm nói năng cho mình đó là tầm và tứ. Theo chú giải, chính nhờ có tầm và tứ mình mới nói chuyện được, không có hai tâm sở này mình không tiếp xúc với nhau được. Bà con nào thấy lạ thì xem thêm trong kinh Đại Phương Quảng, Trung Bộ Kinh và và Kinh Phúng Tụng, Thập Thượng trong Trường Bộ sẽ thấy rằng thân hành là hơi thở; khẩu hành là tầm, tứ; ý hành là thọ, tưởng. Không bàn tới yếu tố thân hành và ý hành, ở đây chỉ bàn đến khẩu hành là tầm, tứ. Một cái tâm có rất nhiều tâm sở đi chung nhưng để nói năng phát biểu thì cần đến hai tâm sở tầm và tứ này. Tầm, tứ nghĩa là trước hết mình phải lựa chữ, coi chữ nào thích hợp (dù có lựa sai cũng là có lựa); bởi vì ở loài bàng sanh cũng có tầm, tứ nhưng không giống mình, không đủ để nói năng; chỉ có chư thiên và loài người mới có tầm, tứ đúng mức để tiếp xúc nói năng. Đây là đang nói ở cõi Dục. Ngài Mục Kiền Liên nói rằng, khi an trú trong tâm thiền thì không còn nói chuyện nữa, nếu không có thiền thì dù im lặng đôi khi cũng còn có ý lắng nghe hay muốn nói. Khi ta còn có nhiều nhu cầu ăn uống thì ta sẽ mất rất nhiều thời gian cho chuyện ăn uống, rồi nảy ra nhu cầu ăn cho ngon, mặc cho đẹp, cho sang, cho người ta nể. Như vậy sẽ mất rất nhiều thời gian. Quí vị sẽ thấy bài kinh này không nói gì chuyện ăn uống, nhưng tôi cố ý đề cập đến. Ngài Mục Kiền Liên nói khi càng nhiều nhu cầu thì càng mất nhiều thời gian cho những nhu cầu đó, kể cả nhu cầu nói năng. Bỏ hết các nhu cầu đó, chỉ còn nói chuyện thôi nếu bỏ luôn thì sẽ tiết kiệm rất nhiều thời giờ.

Khi ta còn có nhiều nhu cầu thì ta sẽ phải tiêu tốn thời gian, năng lượng cho chúng. Càng ít nhu cầu sinh hoạt thì ta càng có nhiều thời gian, công sức cho những việc thật sự quan trọng.

Khi kể lại chuyện lúc mới tu, ngài Mục Kiền Liên nói lúc đó chính Đức Thế Tôn hướng dẫn từng bước cho ngài đi từ chỗ không có thiền đến chỗ đắc Sơ, Nhị, Tam, Tứ thiền Sắc giới, rồi bốn tầng Vô sắc. Chính Đức Thế Tôn dạy cho ngài luyện thông. Vì sao vậy, đâu có người đệ tử nào được như vậy mà sao ngài lại được như vậy?

Vì hai lý do: ngài đã nguyện từ một A-tăng-kỳ trước là trở thành vị Đệ nhất thần thông của một vị Phật tương lai. Hôm nay muốn giúp cho ngài thành tựu đó nên Đức Phật giúp cho ngài Mục Kiền Liên làm trọn tâm nguyện. Với sự giúp sức của Đức Phật thì ngài Mục Kiền Liên sẽ phát triển đến tận cùng khả năng của một vị Thanh văn. Hơn nữa, mang tiếng là giúp nhưng Đức Thế Tôn không mất nhiều thời gian, vì đây là sở trường của ngài Mục Kiền Liên. Đức Thế Tôn chỉ bỏ ra một ít thời gian. Đức Thế Tôn đã hướng dẫn ngài Mục Kiền Liên bằng cách dạy cho ngài từng bước tu tập thiền định

Có hai cách tu thiền:

- 'Visesabhagiya': Hướng đến các tầng cao hơn, để an lạc hơn gọi là

- '- 'Hanabhagiya': Bỏ dần các chi thiền để bớt phiền, để tâm ngày càng ít thô thiển

'Hana': bỏ dần (reducing)

Tu là để bỏ bớt những cái xấu, phiền không nên có, trau dồi để có thêm những điều tốt như tri ân, kham nhẫn, hành xả, trí tuệ. Có người tu bằng cách nghĩ đến chuyện giảm bớt, có người nghĩ đến chuyện phát triển; cả hai đều là tu hết. Ở đây ngài Mục Kiền Liên được hướng dẫn là tu giảm, giảm bớt cho nhẹ, tu để giảm bớt những chi thiền như tầm, tứ, hỷ, lạc, bỏ hết; cuối cùng còn định với xả, lúc đó ngài đắc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng. Có người tu bằng cách tăng. Tuy nhiên hai cách không khác nhau. Nguyên tắc của bài kinh này: Khi tủ của mình chứa quá nhiều đồ tốt thì không còn chỗ cho đồ tào lao nữa. Cách một: dọn hết đồ tào lao trong tủ để dành chỗ chứa đồ tốt; cách hai: từng bước từng bước chất dần đồ tốt thì đồ tào lao sẽ bị đẩy ra. (Ví dụ, tháng này quí vị gởi tôi đôi giày da hươu, tháng sau quí vị gởi tôi hộp đồng hồ Rolex, một cái jacket hiệu Angelo Litrico của Ý, tháng tiếp gởi tôi áo len của Mông Cổ, khăn choàng của Thụy Điển, quí vị gởi đi, tôi chỉ cách dọn tủ hay lắm, tôi đẩy món đồ của China ra, tôi hứa sẽ quay phim gởi clip cho quí vị coi.)

Tu có hai cách, một là tập trung bỏ dần đồ xấu, cách hai là tập trung tăng trưởng đồ xịn đồ tốt.

Bài kinh này sâu ở chỗ: càng bớt đi nhu cầu tào lao thì không còn mất thời gian cho những thứ đó nữa. Không phải bỗng nhiên ngài kêu mình im lặng, khi im lặng thì mình sẽ có nhiều thời gian cho chuyện khác. Bởi vì, nói năng là một phần

rất lớn trong nhu cầu sinh hoạt của chúng ta. Quí vị cứ ngỡ rằng tôi vui lắm, tôi giống quí vị lắm, an lạc lắm, nhưng quí vị cứ thử qua đây sống một ngày, quí vị chết ngay chết thẳng cẳng không kịp nhắm mắt là vì bốn bề quanh tôi trừ những ngày tôi về Thụy Sĩ, bình thường thì chỉ có rừng thông thôi, buồn lộng lẫy luôn. Nhưng phải nói nhờ vậy mà có thời gian nhiều. Chớ còn có thời gian nói năng, ăn rồi cứ a lô, chát, thì không còn thời gian, Tết tới nơi rồi. Còn một chuyện rất là vô minh mà nói ra người ta chém mình chết. Tết là ngày buồn chớ mắc gì phải vui. Tết báo cho biết mình thêm tuổi, không có Tết mình đâu có nhớ mình thêm tuổi, chính vì nhớ mình thêm tuổi mình buồn. Mắc gì Tết mặc đồ mới đi chúc tân xuân này tân xuân kia, Tết là một dấu mốc cho mình biết mình già hơn. Quí vị tự hỏi mình còn khả năng ăn được bao nhiêu cái Tết nữa. Nguyễn Bá Thanh, nhân vật chói sáng của chính trường VN, gần Tết mà qua không nổi. Đọc báo thấy có những người cận Tết mà bị tai nạn giao thông ở VN, nghe mà đứt ruột. Cận Tết rồi mà cũng ăn tết không nổi. Nhà thơ Nguyễn Bính còn một ngày nữa là Tết mà qua không nổi, nhiều lắm. Nhưng nhớ kỹ lại, mà qua để làm gì, ngày nào cũng như ngày nấy thôi. Tết chỉ là dấu mốc của thời gian.

UPATISSA

Kinh này lại sâu theo kiểu khác. Ngài Xá Lợi Phất dạy rằng, đối với người như ngài thì chuyện đời bây giờ có ra sao nữa, có bao nhiêu mất mát hoang tàn ngài cũng không vì vậy mà buồn. Hãy tự hỏi khả năng hạnh phúc của mình so với khả năng đau khổ lớn bé bao nhiêu phần trăm. Khả năng đau khổ của mình lớn lắm, bởi vì, những chuyện mình gặp trong ngày, trong tháng, trong năm toàn là chuyện buồn, chuyện bất toại. Những cái mình thích, những người mình thương mà họ bị trục trặc gì mình lại cũng khổ nữa. Mình bị khổ theo nhiều cách. Trong khi đó, những chuyện như ý vốn không nhiều mà lại rất dễ dàng mất đi.

Khả năng đau khổ luôn lớn hơn khả năng hạnh phúc vì hai lẽ: bản chất của thế giới là vô thường là khổ, và phàm tâm của chúng sinh là phiền não, luôn có khuynh hướng ôm cái này, tống khứ cái kia. Thánh nhân không vậy, thánh nhân đánh giá mọi thứ giống như nhau. Họ tùy duyên, cái gì đến thì nhận, họ luôn sống trong tỉnh thức, không đặt điều, không hình dung, không liên tưởng. Không đặt điều nghĩa là không thêu dệt nên chuyện. Hôm qua là ngày Valentine, có một người con gái ghé ngang chỗ tôi, đưa cho tôi hũ chao, sau đó cô ấy sẽ ghé nhà người bạn trai. Ngồi nói chuyện với tôi một chút, có cú phone, thế rồi cô vội vã ra đi bỏ quên cái bông hồng. Khi cô đi rồi tôi nghĩ cô cố ý để lại cái bông hồng cho tôi, có điều tôi lấy làm lạ tại sao tặng hũ chao mà kèm cái bông hồng, tại sao tặng

bông hồng mà lại kèm hũ chao. Nhưng dù sao đêm đó tôi không ngủ vì mùi Versace còn dính đâu đó trên bông hồng. Tôi đem cành hoa vào phòng, để trên gối không ngủ, pha bình trà thật đậm, làm thật nhiều thơ. Cuối cùng lúc hai giờ sáng người ta gọi phone cho tôi nói là đã để quên đóa hồng, phải đi mua hoa khác. Thêm một lần đau khổ. Chỉ là ví dụ thôi chứ ai mà cho chao. Đó là liên tưởng! Phàm phu là vậy đó. Hũ chao thì mình không nghĩ ngợi nhiều, nhưng vì đó là ngày Valentine, lại là bông hồng, lại là phụ nữ, lại là trẻ tuổi, lại là có nhan sắc, thế là ta bèn cộng hết mấy thứ này lại để mà mất ngủ.

Khi ngài Xá Lợi Phất kể lại rằng đời này không có sự kiện, biến cố nào khiến cho ngài phải phiền lòng hết, là vì mọi sự phải là như vậy. Ngài Ānanda nghe vậy mới hỏi: Giả định như bậc đạo sư, Đức Thế Tôn có mệnh hệ chi, tôn giả có vì vậy mà buồn không?

Ngài Xá Lợi Phất trả lời: Tôi rất thương kính Thế Tôn tôi mong Thế Tôn trụ thế lâu hơn nữa để độ sinh, nhưng tôi chắc Thế Tôn sẽ có ngày ra đi, và trong bất cứ giây phút nào Thế Tôn có chuyện gì thì tôi cũng không vì vậy mà đau khổ hay phiền lòng.

Đây là một bài kinh rất sâu, sâu cả suy nghĩ của ngài Xá Lợi Phất và sâu cả câu hỏi của ngài Ānanda vì ngài Ānanda biết trong lòng ngài Xá Lợi Phất thì Đức Phật là tất cả. Còn chúng ta thì nói tứ đại giai không chớ có một vài món đồ, một vài con người có chuyện gì thì mình lo sốt vó.

Ngài Xá Lợi Phất có bảy anh em đều xuất gia và đều là A-la-hán, trong đó có ngài Upasena Vangantaputta. Upasena là tên của ngài do cha mẹ đặt, Vanganta là tên của cha; putta nghĩa là ‘con’. Vì vậy Upasena Vangantaputta là Upasena con của ông Vanganta. Ngài Xá Lợi Phất tên là Upatissa Sariputta nghĩa là Upatissa con của bà Sari.

Upasena Vangantaputta là một vị pháp sư, một vị A-la-hán rất nổi tiếng. Bữa trưa đó, ngài ở chung với chư tăng trên núi, đang khâu lá y, ngài bị một loại rắn cực độc cắn. Vì là vị La-Hán lục thông, ngài biết không thể nào qua được bữa nay, ngài nhìn qua ngài Xá Lợi Phất và nói: Thưa tôn giả, tôi đã bị rắn cắn, tôi không thể qua khỏi, xin tôn giả nhờ huynh đệ khiêng tôi ra ngoài sân giùm, tôi không muốn qua đời trong hang này.

Theo tôi nghĩ là ngài Upasena Vangantaputta không muốn hang bị bất tịnh, gây khó chịu cho mọi người sống trong hang. Quí vị tưởng tượng em ruột của mình

sắp chết trước mặt mình thì tâm trạng đáng sợ biết chừng nào, nhưng ngài Xá Lợi Phất là vị A-la-hán, lúc đó ngài nói: Thật vi diệu thay, thật hi hữu, thật đặc biệt thay. Hiền giả Upasena gần viên tịch rồi mà sắc diện vẫn tươi sáng hồng hào không lo âu sợ hãi.

Trong giây phút cận tử như vậy mà hai anh em vẫn nói chuyện và anh thì khen em. Ngài Upasena trả lời: Thưa tôn giả, chính từ lâu tôi đã không coi cái thân này là của mình, nên hôm nay ở bối cảnh này tôi vẫn an lạc như vậy.

Đây là bài kinh đáng được bà con nghiên cứu. Hai anh em đi tu không cha không mẹ giữa rừng sâu núi thẳm, thình lình người em bỏ anh đi, đau chứ. Thật ra mấy thầy anh em trong nhà tôi mỗi người sống mỗi nơi nhưng nếu ai chết tôi cũng đau, làm sao mà khen, gần chết rồi vẫn còn đẹp trai làm sao khen nổi. Vậy mà vẫn khen được, thái độ của ngài dạy dỗ cho hàng hậu tấn rất là nhiều.

Điểm sâu sắc ở bài kinh này: hãy tự hỏi khả năng đau khổ của mình so với khả năng hạnh phúc cái nào lớn hơn, dĩ nhiên là đau khổ lớn hơn. Tại sao vậy?

Bởi vì, mình ôm giữ cái gì được là mình ôm, mai này nó vuột khỏi tay thì đau khổ vô cùng. Phải thường xuyên tâm niệm như Đức Phật dạy: Mỗi ngày phải nhớ rằng mình hoàn toàn chịu trách nhiệm những gì mình nói, làm và suy nghĩ. Phải tâm niệm chắc chắn sẽ có một lúc mình lìa bỏ những gì mình thương thích dù người hay vật. Phải thường xuyên tâm niệm nếu mình không đi sớm thì chắc chắn mình sẽ có tuổi già, và chắc chắn mình sẽ trải qua những cơn bạo bịnh kinh hoàng. Nếu sống hơn trăm tuổi thì sẽ có lúc bị lẫn. Hôm nay những lời thề non hẹn biển, những buổi gặp gỡ lãng mạn, bao nhiêu danh vọng, tiền bạc trong bank, tất cả sẽ đi vào bóng tối của biển dâu khi ta đi vào một trăm và một trăm hơn, sẽ quên sạch không còn nhớ gì cả. Cựu tổng thống Reagan, một con người đầu óc bén nhạy như vậy mà khi mãn nhiệm, sống cuộc đời của một người dân bình thường, về già mắc chứng Alzheimer, ông quên sạch sẽ, quên cả người vợ của mình, bà Nancy. Trong ngày sinh nhật của ông, khi bà hôn ông như mọi khi, ông hỏi: Bà là ai?

Một câu hỏi tàn nhẫn vô cùng, ông quên mất, ông an trú vào "vô tâm bạc tình tam muội" nên quên sạch. Nếu bây giờ mình không chết sớm thì chắc chắn sẽ có lúc mình bịnh, chắc chắn sẽ có lúc mình già, lìa bỏ những gì mình thương thích, và chắc chắn mình phải chịu trách nhiệm những gì mình nói, làm và suy tư; mình không đem theo tài sản xuống mồ mà chỉ đem theo công đức và ác nghiệp.

CÁI GHÈ

Một ngày kia ngài Xá Lợi Phất gặp ngài Mục Kiền Liên da dẻ sắc nhuận hồng hào. Ngài Xá Lợi Phất hỏi: Bữa nay hiền giả an trú trong pháp nào mà lại được như vậy?

Trong thời Đức Phật, câu hỏi này là một trong những câu rất phổ biến bởi thời đó thánh tăng nhiều như sao trên trời. Một bậc thánh đắc thiền hay phàm đều có nhiều khả năng an dưỡng tốt lắm, mỗi ngày họ chỉ ăn một chén cơm trắng nhưng họ vẫn có thể an lạc gấp triệu lần người bình thường, họ không có đẹp trai nhưng có sự thu hút khó cưỡng, bởi họ có sự an dưỡng tinh thần rất tốt. Tôi làm thầy chùa từ nhỏ, tôi để ý các vị mới xả thiền, không biết họ có đắc gì không nhưng mặt họ lạ lắm, hành giả tu tinh tấn sau khi xả thiền mặt họ sáng đẹp lắm, giống như người thuộc về cảnh giới khác.

Có những lần Đức Phật hỏi ngài Mục Kiền Liên hôm nay an trú pháp gì, thường là câu trả lời: Con bỏ ra nhiều giờ để an trú trong Vô tướng tâm định, hoặc trong Từ tâm giải thoát. An trú trong Từ tâm giải thoát thì mong cho chúng sinh ai cũng được an lạc. Với tâm như vậy kéo dài nhiều giờ đồng hồ, gương mặt sẽ đẹp như Phạm thiên vậy. Khi an trú trong Vô tướng tâm định giải thoát thì không thấy chúng sinh là chúng sinh nữa mà chỉ thấy toàn là danh sắc, chớp nhoáng, nhìn thiên hạ chỉ là những đốm sáng chớp lóe thì lòng nhẹ lắm. Dĩ nhiên là tôi đâu có đắc cái gì đâu nhưng thỉnh thoảng tôi nhìn bầy kiến, tôi liên tưởng những vị trời, vị thánh nhìn mình ghen tuông, buồn vui, danh lợi cũng như nhìn bầy kiến lúc nhúc, trong khi mình ở trong đó mình quan trọng buồn vui, tiếng tăm, tiếng tai, khen chê. Nếu mình nhìn vạn người trong thiên hạ như bầy kiến thì mình an lạc cỡ nào. Những lúc an trú các ngài nhìn thấy tất cả chỉ là giọt nước trong dòng nước, chỉ là đốm sáng chớp lóe trong đêm liên tục tiếp nối nhau sanh diệt, đó là Vô tướng tâm định giải thoát.

Khi ngài Xá Lợi Phất nhìn thấy ngài Mục Kiền Liên và hỏi an trú trong pháp nào mà lại sáng như vậy, ngài Mục Kiền Liên đáp chỉ là bình thường thôi.

Theo chú giải, ngài Mục Kiền Liên kể cho ngài Xá Lợi Phất nghe:

Hôm nay Thế Tôn đang ở chùa Kỳ Viên, lúc đó tôi không có ở chùa Kỳ Viên, tôi đang ở chỗ khác, tôi suy nghĩ Thế Tôn bây giờ đang ra sao.

Tadā kira thero ‘‘kathaṃ nu kho etarahi satthā viharatī’’ti ālokaṃ vaḍḍhetvā dibbena cakkhunā satthāraṃ jetavane vihāre gandhakuṭiyaṃ nisinnaṃ disvā tassa dibbāya sotadhātuyā saddaṃ suṇi. Lúc bấy giờ tôn giả dùng thiên nhãn bằng cách sử dụng đề mục ánh sáng xem Thế Tôn đang như thế nào và nhìn thấy Thế Tôn ở chùa Kỳ Viên và ngài lắng nghe Thế Tôn.

Ngay lúc đó Thế Tôn đang ở chùa Kỳ Viên đang nghĩ về ngài Mục Kiền Liên và cũng lắng nghe xem ngài Mục Kiền Liên nói gì. Ngài Mục Kiền Liên nói với ngài Xá Lợi Phất: Hôm nay tôi chỉ biết có cảnh sắc và cảnh thinh. Cảnh sắc là hình ảnh Thế Tôn, cảnh thinh là tiếng nói Thế Tôn. Khi nhìn thấy Thế Tôn, ngài Mục Kiền Liên hỏi: Bạch Thế Tôn, thế nào là tinh tấn.

Quí vị có thể lấy làm lạ vì sao một vị A-la-hán mà lại hỏi như vậy. Chuyện đơn giản thôi, giống như hai người chơi đồ cổ có cả kho đồ, khi cần thì tiện tay lấy ra một món bàn thảo mà thôi. Khi đó, Đức Phật dạy: Tinh tấn đúng mức thì coi cái thân này không là gì hết.

Có ba hạng hành giả, bậc hạ thì tọa thiền thiền hành có giờ, hết giờ thì tự do trong mọi chuyện vui chơi, bậc trung thì ngoài giờ hành thiền thì chỉ làm những chuyện tốt như nghe pháp, tụng kinh, tuy nhiên vẫn có thất niệm. Bậc thượng không có ranh giới phân biệt lúc nào tu và không tu. Việc nào cũng bằng chánh niệm như nhau. Việc gì cũng là cơ hội để chánh niệm, chỉ tinh tấn như vậy mới có thể là hành giả bậc thượng.

Hôm qua tôi dịch bài của một thiền sư, ngài có nói một chuyện rất là thú vị, đó là tất cả mọi chuyện trên đời này muốn làm cho xong thì phải có sự cố gắng, cố gắng nào cũng gắn liền sự mệt mỏi, riêng sự cố gắng của người tu tập thiền Quán thì không. Càng cố gắng thì càng an lạc, còn chuyện đau lưng hay buồn ngủ thì đó là nhu cầu đòi hỏi của thân xác sinh học. Tất cả mọi chuyện dù chúng ta là chính khách, thương gia, nông dân… thì bất cứ nỗ lực nào cũng là mệt mỏi, kết quả đem lại thì bất toàn. Riêng đối với hành giả Tứ Niệm Xứ thì càng tu tập càng tinh tấn thì khả năng an lạc càng lớn. Giả định như tôi có hai người bạn rất thân, một người đời sống tinh thần rất tốt, là một hành giả Tứ Niệm Xứ rất tinh tấn, người này rất là nghèo, còn người thứ hai là không biết gì về Tứ Niệm Xứ, nhưng rất giàu và gia đình rất là như ý hoàn hảo. Nói thiệt, trong tận đáy lòng của tôi, tôi nhìn cái anh nhà nghèo tu Tứ Niệm Xứ tinh tấn tôi yên tâm về sự an lạc của anh ta. Nếu nhìn người thân của tôi giàu có mà không biết Tứ Niệm Xứ là gì, tôi rất e ngại hạnh phúc của họ. Khi anh không phải là người học đạo, hành đạo thì khả

năng đau khổ của anh rất lớn. Anh có thể dựa vào đâu để tin rằng có thể giữ được vợ, con, tài sản, mạng sống và sức khỏe của mình?

Ai ở VN thì biết, chỉ tai nạn giao thông thì đã luôn luôn rình rập hạnh phúc của mỗi người. Bầu khí quyển của mình độc hại cỡ nào, khả năng ung thư của nhân loại nhất là xứ nghèo, rất lớn.

Ngài Xá Lợi Phất nghe ngài Mục Kiền Liên kể như vậy, ngài tán dương: Người như tôn giả thật đặc biệt, ở xa Thế Tôn mà có thể tiếp xúc với Thế Tôn dễ dàng như vậy. Khả năng thần thông của tôi so với tôn giả, giống như đem hạt sỏi so với núi Himalaya.

Ngài Mục Kiền Liên khen lại: Trí tuệ chúng tôi đem so với tôn giả thì giống như một hột muối để cạnh lu muối.

Trong chú giải có nói vì sao hai ví dụ chênh lệch như vậy. Đây là hình ảnh rất đẹp, bởi vì thiền định hay thần thông là tục đế, là cái gì đó hoành tráng, hùng vĩ mà mình có thể thấy biết được bằng mắt thường nên là ngọn núi là đúng. Còn cái thâm sâu vi diệu là cái gì rất trừu tượng, hình ảnh hạt muối bên cạnh lu muối có ý nghĩa rất hay, vì trong cái nhìn tới nơi tới chốn như ngài Xá Lợi Phất thì hình ảnh ví dụ có lớn bao nhiêu cũng vậy thôi và nhỏ bao nhiêu cũng vậy thôi, chỉ cần đưa ra hình ảnh để phân biệt lớn và nhỏ là được rồi, xuất sắc là ở chỗ đó. Ngay trong bản chất trí tuệ, vốn dĩ nhìn thấy mọi sự đã là hư không, là rỗng.

Bây giờ đã là bảy giờ hai mươi. Giảng luôn bài Tân Tỷ Kheo nữa rồi nghỉ nghen.

TÂN TỶ KHEO

Kinh này muốn nói dài thì dài, muốn nói ít thì ít. Vị tỳ kheo được nhắc đến trong kinh này là một vị A-la-hán lục thông. Vị này ngoài việc chứng đắc thiền định thần thông, vị này còn chứng đắc quả vị La-Hán. Khuynh hướng tâm lý chung của các vị La-Hán là sống ẩn cư thiền định, thấy cái gì không thực sự cần thiết thì không tham gia, góp mặt. Cái gì gây nên phiền toái cho mình cho người thì các vị tránh. Theo trong chú giải khác, các vị A-la-hán thương chúng sinh vô bờ bến, tuy nhiên chính vì cái thương này, những khi nào có mặt giúp được người ta thì các ngài lập tức có mặt. Nhưng xét thấy sự có mặt của mình có thể đem lại sự bất lợi cho người khác thì vì lòng đại bi các ngài lánh mặt. Xét thấy những vị tỳ kheo này còn phàm, mới thọ tỳ kheo mà có lòng bất kính với mình họ sẽ tổn đức rất

nặng, nên không đến đó, cứ để cho họ trách mình thì nhẹ hơn; còn hơn để họ tiếp xúc với mình sẽ thêm những điều tổn đức khác.

Thời Đức Phật có vị La-Hán 7 tuổi, các vị tỳ kheo phàm tăng không biết mới bồng lên thảy qua chuyền lại cho các vị kia chụp. Lúc đó Thế Tôn luôn luôn tìm cách trực tiếp hoặc gián tiếp giải thích cho chư tăng biết để đừng tiếp tục giỡn như vậy với vị A-la-hán. Có lần nọ, một vị sa di tên Sumana, học trò của ngài Anuruddha, 7 tuổi mà đắc A-la-hán, các tỳ kheo phàm không biết cũng giỡn như vậy. Thế là Đức Phật gọi chư tăng lại và kêu ngài Sumana làm một công việc mà chỉ có thần thông mới làm được. Từ đó các vị tỳ kheo khác mới nể không dám nữa. Đó là lý do vì sao có một số vị A-la-hán lánh mặt, sống tự cô lập để tránh sự tổn đức cho người khác, đó là lòng đại bi của các ngài. Đó cũng là lý do tại sao một cư sĩ chứng La-Hán không thể tiếp tục sống đời cư sĩ bởi nhiều lý do: chiếc áo cư sĩ không đủ chứa đức độ của một vị tu sĩ. Khi đắc A-la-hán thì hoàn toàn không còn tham không còn sân, mặc đồ như vậy thì ở đâu, cũng không lý do gì để mặc đồ cư sĩ. Rồi khi cứ mặc đồ cư sĩ thì người đời không biết, họ đối xử với mình như người đời với nhau, và như vậy là chỉ hại người ta mà thôi. Điều quan trọng nhất là tâm tư của vị A-la-hán chỉ thích hợp với đời sống xuất gia và hình thức xuất gia, vì vậy vị A-la-hán khi chứng rồi, mà xét thấy mình không đủ duyên xuất gia thì phải niết bàn càng sớm càng tốt, có thể trong ngày hoặc trong tuần, đó là lý do vì sao có bài kinh này. Bài kinh này cho mình một gợi ý, tùy người, chú ý khía cạnh nào, hãy sống cẩn trọng với những người mình gặp gỡ, dĩ nhiên thời này A-la-hán không nhiều nhưng coi chừng tổn đức. VN có câu: "nhất phá sơn lâm nhì đâm hà bá" là hai nghề tổn đức, vì xúc phạm chỗ ở của nhiều hàng chúng sinh. Trong dòng sinh tử luân hồi phải hạn chế việc làm tổn hại cho người khác, vì mình không biết người mình sẽ gặp là ai, có thể là những bậc thánh, hoặc là những cư sĩ tu hành chân chính, hoặc là những vị Bồ tát mà mình không biết. Cẩn trọng chỉ có tốt chớ không xấu. Không gì bậy cho bằng cả đời tu tập, chỉ vì việc tổn đức mà mình phải đi xuống. Xin hẹn bà con vào ngày thứ Năm, bây giờ chuông đồng hồ đã báo chính xác bảy giờ rưỡi, chúc quí vị một ngày vui. Xuân mới vui vẻ!

Bài giảng ngày 19-2-2015 KINH THIỆN SANH

Sáng hôm nay chúng ta học kinh Thiện Sanh, Sujāta. Ở một mình lâu quá không biết Tết, nay thấy bà con chúc tết nên ngạc nhiên. Nói các vị đừng có buồn, người VN ở xa xứ, tự nhiên chung quanh mình toàn Tây không, mình bày biện thức ăn trong nhà trông nó khác, nhiều người ở gần tôi nói vậy. Trong nhà không ai tự nhiên khơi khơi bày biện ra thấy ngộ. Dù sao thì xuân mới chúc bà con một xuân mới thật là an lành, xe cộ cẩn thận.

Ở đây chúng ta thấy nguyên một loạt các bài kinh được bắt đầu, Đức Thế Tôn thấy vị nào đó ở xa đi đến,

"Thế Tôn thấy Tôn giả Sujàta từ đằng xa đi đến; thấy vậy, liền gọi các Tỷ-kheo: -- Cả hai phương diện, này các Tỷ-kheo, thiện nam tử này thật sự chói sáng. Vị ấy đẹp trai, ưa nhìn, khả ái, đầy đủ với nhan sắc tối thượng. Vị ấy còn ngay trong hiện tại tự mình chứng tri, chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô thượng cứu cánh Phạm hạnh mà vì mục đích này, con các lương gia chơn chánh xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình."

Tỷ-kheo này sáng chói, Với tâm tư chánh trực, Ly kiết sử, ly ách, Không chấp, không sanh lại, Chiến thắng ma quân xong, Thọ trì thân tối hậu."

Không phải khơi khơi mà Ngài mượn hình ảnh vị này để sách tấn các vị khác tu tập. Trong cả đời một vị Chánh đẳng giác luôn luôn là như vậy, không có câu nói nào cử chỉ nào là thừa hết, tất cả điều có ý nghĩa hết. Ngay cả việc Ngài gặp vị tỳ kheo nào đó mà Ngài tán thán, chỉ riêng việc tán thán đó cũng là để sách tấn vị khác. Chư Phật ngoài ngôn giáo còn có thân giáo, ngoài những lời dạy, các ngài nói gì làm gì kể cả khi im lặng cũng là hình ảnh, câu nói để người ta suy nghĩ. Đó gọi là nhất thiết trí, luôn luôn sống trong trí tuệ.

Có một vị tôn giả tên Sujàta ở xa đi tới, Đức Phật mới dạy rằng vị này có sắc diện đẹp, không chỉ đẹp bên ngoài mà đẹp cả bên trong nữa, vị này là một vị A-la-hán. Chỉ riêng câu tôi vừa nói, các vị phải để ý, Đức Phật dạy rằng giá trị con người không chỉ bên ngoài mà là cả bên trong nữa, mình giả định như vị này chỉ có đẹp trai thôi, thì chắc chắn 1000% Thế Tôn không khen, nhưng vị này có nội hàm như thế nào đó nên Thế Tôn mới khen. Điều Thế Tôn nhắm tới ở đây không phải vẻ ngoài của một con người mà Ngài nhắm tới khía cạnh bên trong. Trong cuộc sống, những người dầu bên ngoài có thế nào đi nữa nhưng biết tính tình họ trời ơi thì nhìn mình cũng không muốn nhìn chứ đừng nói ở gần. Còn một người tật

nguyền xấu xí nhưng họ hữu ích và tốt bụng thì tự nhiên mình mến. Ngay cả hôn nhân hay tình bạn cũng vậy, buổi đầu ai cũng nhắm đến vẻ ngoài, nhưng về lâu về dài để sống gần nhau năm dài tháng rộng thì phải để ý đến vấn đề tinh thần của người đó. Nếu chỉ vẻ đẹp không thì đàn bà con gái hay đàn ông con trai gì xuất thân, học hành, ngoại hình thế nào đi nữa mà đi sớm về khuya, đi ngang về tắt, ăn nói vô duyên, sống ích kỷ nhỏ mọn, nóng nảy, tham lam, ham hố, dễ hiểu lầm, không thông cảm, thì e rằng về lâu về dài sống gần họ không nổi. Làm gì thì làm chúng ta phải nhìn nhận rằng tất cả những người đàn ông bên cạnh mình, dù họ có là ai đi nữa, thì mình cũng tìm thấy một chút gì đó của người cha, người anh, người bạn, còn nếu người nữ thì thấy ở đó phảng phất bóng dáng người mẹ, người chị, người em gái, thì sống mới được, còn con người sống không có nội dung, không có nội hàm thì không có gì giữ chân mình hết. Ở trong đạo thì giá trị của một tu sĩ nằm ở "bên trong giới định, bên ngoài bát y", bên trong phải có gì đó lợi ích cho vị đó và lợi ích cho chúng sinh. Một đời sống không có lợi người thì đó là đời sống không đáng tán thán, nếu không muốn nói là đáng chê. Đó là nội dung của kinh Thiện Sanh.

KINH BHADDI

Kinh này bữa trước đã nói qua rồi, kinh này nói về ngài Lakuṇḍakabhaddiya tên đời của ngài là Bhaddiya. Ngài xuất thân từ một gia đình có gia thế và đi tu. Nghiệp cũ của ngài là có ngoại diện hơi khó nhìn, không đẹp, rất thấp người, mập, mặt mũi không có gì đặc biệt chói sáng nên bị các vị tỳ kheo coi thường. Thời Đức Phật có hai nhóm tỳ kheo nổi tiếng. Nhóm thứ nhất là Sattarasabhikkhuthập thất sư (17 vị tỳ kheo). Nhóm thứ hai là Chabbaggiya (nhóm lục sư). Nhóm thứ ba là Pancavaggiya (nhóm anh em Kiều Trần Như gồm năm vị). Cư sĩ ít có dịp biết, nếu quí vị là tăng ni nghiên cứu về Luật tạng thì trong Luật tạng nhắc hai nhóm (1 và 2) này như cơm bữa, đi đâu cũng rắc rối hết. Có một lần, nhóm lục sư đi đến chỗ nhóm thập thất sư thấy trong rừng người ta lấy lá, cây đẹp quá để nhập hạ bèn chen lấn. Nhóm kia đông nhưng hiền, ít quậy hơn, nhóm lục sư 6 vị nhưng lại bạo lực. Trong chú giải kể rằng nhóm 6 vị thấy ngài Lakuṇḍakabhaddiya thấp người nhỏ bé nên mới bồng ngài lên và chuyền tay nhau như đánh volley. Đức Phật mới nói là không nên đối xử với bạn tu của mình như vậy và kể chuyện xưa vị này là do ác nghiệp đời trước, trong một kiếp làm vua có thói quen bịnh hoạn là thích đem những người già trong xứ ra bắt làm trò để tiêu khiển. Chính vì không tôn kính người lớn tuổi nên chịu nhiều quả, thiểu thọ, hoặc bị hà hiếp coi thường, đời đời sinh ra bị khuyết điểm nào đó để người ta coi thường. Nghiệp tốt của vị này là cách đây 100 ngàn đại kiếp đã từng phát

nguyện dưới chân của Đức Phật Padumuttara để nguyện trở thành một tỳ kheo Đệ nhất diệu âm, âm thanh hay giống như giọng nói của Phạm Thiên, đó là lý do vị đó tu tập Ba-la-mật suốt kiếp và khi gặp Phật Thích Ca thì trở thành một vị đại thanh văn trong số 47 vị đại đệ tử. Ngài cũng có đủ lục thông, tam minh, tứ trí vô ngại. Tất cả các vị đại đệ tử đều có đủ lục thông, tam minh, tứ trí vô ngại. Những vị đệ nhất thì mỗi người có một thứ đệ nhất, đệ nhất đầu đà, đệ nhất đa văn, đệ nhất trì luật, đệ nhất phấn tảo vv… Bốn trí vô ngại[1]là nghĩa vô ngại giải, pháp vô ngại giải, từ vô ngại giải, biện vô ngại giải (ứng khẩu vô ngại). Trong bộ Vô ngại giải đạo có nói bốn trí này ở mỗi vị thánh không giống nhau. Vị nào tu Ba-la-mật lâu đời thì bốn vô ngại giải sẽ tốt hơn vị tu ít hơn, ở vị La hán mạnh hơn vị Hữu học. Giữa hai vị La hán mà vị nào thường xuyên đàm luận thì bốn trí vô ngại sắc bén hơn vị ít đàm luận, dầu hết phiền não rồi nhưng cần có sự trau dồi. Bốn trí vô ngại này ở vị thanh văn thường không bằng vị đại thanh văn, ở vị đại thanh văn không bằng vị chí thượng thanh văn. Xem thêm ở bộ Vô Ngại giải đạophẩm Nanakatha. Quí vị Phật tử sẽ thắc mắc là tu hết phiền não rồi sao cần phải có cái này, xin trả lời, đồng ý rằng các vị A-la-hán đều phải thấy rõ Bốn Đế, diệt trừ phiền não, chấm dứt sanh tử giống hệt nhau. Sự thấm thía của mỗi vị để chứng đắc thì giống nhau nhưng thấm thía nghiền ngẫm đủ để trở thành bén nhạy và có thể truyền đạt cho người khác lại là chuyện khác. Xem thêm Tám nhân thành tựu trí vô ngại. Ngoài lời nguyện thì nên ráng học giáo lý Phật học càng nhiều càng tốt.

Ngài Lakuṇḍakabhaddiya (người lùn) là vị Đệ nhất diệu âm. Qua câu chuyện về ngài chúng ta rút được kinh nghiệm: dầu mình có tu hành cỡ nào đi nữa, ác pháp tránh được bao nhiêu thì tránh. Nếu mình không phải là một hành giả thì không được chánh niệm 100% nhưng đời sống sinh hoạt hãy nhớ mức tối thiểu: làm gì cũng coi chừng mắc phải ác nghiệp. Thời Phật Ca Diếp có một vị tỳ kheo ni đắc A-la-hán, một hôm đến thăm người bạn cũ của mình, hai người ngồi cách nhau hơi xa một chút, cô Phật tử muốn lấy hộp nữ trang hơi xa tầm tay nhưng gần kế bên người bạn nên mới nhờ cô ấy lấy giùm cái hộp. Khi mình có lòng nhờ như vậy, đôi khi trong đáy lòng mình có chút gì đó coi thường người mình nhờ. Vị tỳ kheo ni đó suy nghĩ rất là nhanh, không lấy thì cô bạn Phật tử này giận thì thêm tội, nên cứ lấy giùm cổ, tối đa thì cô này chỉ gieo nghiệp đầy tớ thôi. Chỉ vì chuyện nhờ cậy một vị A-la-hán mà suốt mấy trăm kiếp sống sinh ra là đầy tớ cho người ta mãi. Đó là nàng Khujjuttara thời Đức Phật, sanh ra rất thông minh, tinh thông Tam Tạng, cô này đã góp một phần vào trong Tam Tạng, đó là bộ Itivuttaka. Phần nào ngài Ānanda nhắc lại bằng câu "evam me sutam"(tôi đã

nghe như vầy) ở mỗi kinh thì cô này nhắc lại câu "vuttam hetam bhagavata" (điều này đã được Thế Tôn giảng). Xem Tiểu Bộ kinh, tập Phật Thuyết Như Vậy là của nàng Khujjuttara. Tên cha mẹ đặt là Uttara, vì lưng gù nên bị ghép thêm chữ Khujja nghĩa là gù lưng. Cô này làm đầy tớ (a hoàn) cho một vị hoàng hậu, vì giỏi Phật pháp nên hoàng hậu coi như em gái và trả tự do cho cổ. Nghiệp gù lưng là ngày xưa cổ từng đùa giỡn tả lại hình dáng của một vị Phật độc giác, sư phụ của cổ, (sư phụ của tôi là vị có lưng gù gù, vừa nói vừa cười vừa khum lưng minh họa). Tâm của mình quyết định tất cả, cũng bố thí một bữa ăn mà do cách nghĩ của mình sẽ cho nghiệp gì, nếu mình mong rằng người ta nhờ bữa ăn này mà có sức học đạo thì kết quả sẽ khác, hoặc mong người ta đẹp, thì quả báo khác. Các quả báo đều là tốt hết nhưng ý nghĩa hơi cá biệt. Nếu trong đời sống, mình không phải là một hành giả chánh niệm 100% thì ít ra trong sinh hoạt phải nhớ chừng những câu chuyện thế này. Một vị tỳ kheo thời Đức Phật Ca Diếp mình mẩy dơ hầy, mồ hôi mồ kê, thấy chỗ ngồi của chư tăng mà kệ leo lên nằm đại, chỉ vì chữ 'kệ' mà sanh làm con ngạ quỷ mình mẩy lông như cây kim. Trong chú giải kể có một ông vua đời xưa, đi vô trong đền tháp Xá lợi của chư Phật, mọi người đều tháo giày nhưng ông vua này không chịu tháo giày, và có hơi bất kính. Đời sau sanh ra, ông này là vua Bình Sa Vương Bimbisara bị con trai (Ajātasattu - A Xà Thế) sai người lấy dao gọt gót chân, rồi xát muối lên xong hơ lửa. Bà Videhi tắm rửa sạch sẽ rồi bôi bơ, mật ong, sữa lên người rồi mặc áo quần, vô trong ngục cạo ra cho vua Bimbisara ăn để mà sống. Lúc đó Vua Bimbisara đã là Tu-đà-hoàn rồi. Sau Ajātasattu không cho bà Videhi vào thăm nữa mà vua cũng không chết nên kêu người gọt gót chân xát muối hơ lửa, và lần này thì vua Bimbisara chết. Trước khi chết, vua chứng thêm tầng thánh nhị quả, sanh vào cảnh giới Tứ thiên Vương, làm một chúa dạ xoa tên là Janavasabha (Xem thêm trong Trường Bộ Kinh sẽ thấy). Trong Tam Tạng cuốn 32, Bộ Apadana, Bổn Sự kể lại vì sao mà Đức Phật bị nàng Cinca vu oan. Ngày xưa Ngài từng có một kiếp là vị thầy dạy các đệ tử thanh niên trong rừng, bữa đó các đệ tử đi ngang rừng gặp một đạo sĩ đắc tứ thiền ngũ thông, các đệ tử 500 học trò của Bồ tát đều tỏ lòng tôn kính, Bồ tát ghen tức mới nói: ông này mà tu hành cái gì, biết người ta đi ngang mới lim dim chớ trong đời sống cũng vợ con, giấu diếm hưởng thụ. Xúc phạm nhằm người đức hạnh trong sạch nên đời đời sinh ra bị tai tiếng vu oan. Đầu năm tôi kể toàn mấy chuyện đó để bà con suốt năm giữ mình. Thời Đức Phật có một ông cận sự nam nhà ở xa đến chùa Kỳ Viên ngủ lại chùa luôn, sáng ông rửa mặt trước chùa, có thằng ăn trộm bị người ta rượt, cầm túi đồ chạy ngang liệng ngay chỗ ông. Dân làng rượt đến đó thấy ông này đang ngồi rửa mặt, thiên hạ hùa nhau nện ông. Chỉ trong vòng 3 nốt nhạc ông này đã nát bấy như tương

tàu. Chư tăng biết chuyện vào thưa Đức Phật, tội nghiệp một người đi nghe pháp mà chết thương tâm. Đức Phật trả lời, ông này chết không đáng nhưng so với tiền nghiệp ổng đã tạo thì chỉ là chuyện nhỏ. Ngày xưa ông ta là một vị quan trấn thủ biên cương xa xôi, vào một buổi chiều, có cặp vợ chồng trẻ đi xe ngựa ngang vùng biên ải, cô vợ quá đẹp nên quan trấn ải thích, bèn tìm cách cướp vợ. Quan cho người lấy viên ngọc quí bỏ vào thùng xe của hai vợ chồng rồi tri hô mất đồ. Thế rồi quan bắt ông chồng giết. Ngọc thì lấy lại, rồi cướp thêm người ngọc. Ông quan đó sau xuống địa ngục, hết chết oan rồi chết tức tưởi, bởi vì đã gây nghiệp động trời. Khoảng hai mươi năm về trước tôi biết một cô Phật tử rất hiền làm y tá bệnh viện, nghiệp cổ lãnh là chồng cổ đánh miết để khảo tiền uống rượu rồi cuối cùng bỏ cổ đi theo người khác để lại mấy đứa con. Con của cổ đi nhậu về xin tiền mẹ không được lại đánh bà mẹ. Sau này cô bị lao mà chết. Có lẽ tiền nghiệp của cổ trời ơi đất hỡi lắm mới ra như vậy. Tại sao Đức Phật lúc gần viên tịch cứ khát nước mà ngài Ānanda không tìm nước cho?

Theo kinh mô tả ngài Ānanda là người rất thông minh nhưng rất nặng tình cảm. Khi Ngài Rāhula, bà Da Du, bà Gotami, ngài Xá lợi Phất viên tịch thì ngài Ānanda khóc rất nhiều. Biết rằng ngũ uẩn giai không mà vẫn khóc. Đến khi Đức Phật sắp Niết bàn, nói với ngài Ānanda là "Như Lai khát nước" đến ba lần, nhưng ngài Ānanda xách bình nước ra dòng suối thấy đục ngầu, có đoàn xe bò mấy trăm con đi ngang. Khi Đức Phật nói đến lần thứ ba, thì ngài Ānanda đưa bình bát xuống lập tức nước trong ngay, lúc đó ngài phát tâm đại hoan hỉ: Thật vi diệu thay thần lực của Như Lai. Vì sao Thế Tôn khát nước mà mấy chục phút sau mới được uống?

Thuở xưa Ngài là cậu bé chăn bò thấy bò vục mõm vào uống nước sình, Ngài không cho uống, bèn nắm sợi dây kéo. Ngài nghĩ rằng sẽ kéo đến vũng nước trong cho nó uống. Nhưng trong sâu thẳm lòng của cậu bé chăn bò này có chút ác, lúc kéo không phải bằng tâm từ mà có pha chút ác ý trong đó. Chuyện cấm bò uống nước đục không phải là ác nghiệp, ác nghiệp nằm ở tâm trạng cậu bé lúc đó. Một chút xíu muối ở đâu cũng là muối, một chút xíu đường ở đâu cũng là đường, thí dụ nếu tôi là thằng cai ngục ác ôn, trong lúc tôi cho thằng tù ăn chè thiu cho nó đau bụng, nhưng nó ăn chè mà nó thích thì tôi vẫn có phước. Kiếp chót của Ngài sinh ra bị vậy. Nhiều người bị nghiệp chết khát; giàu có nhưng lại bị chết đói chết khát, khi đau bịnh thèm ăn thèm uống nhưng bị con cháu bỏ quên. Đức Phật bị Devadatta lăn đá chảy máu chân đâu phải ngẫu nhiên. Kiếp xưa trong khi tranh giành tài sản với người em, Ngài đã xô người em lọt xuống vực núi chết. Do nghiệp đó mà Ngài sa đọa nhiều kiếp, sanh lên là bị thương tích, kiếp cuối

cùng thành Phật rồi mà cũng bị lăn đá, vết thương rất nặng ở chân. Khi Ngài bị lăn đá thì mảnh đá vụn lăn trúng chân sưng lên, máu chảy rất nhiều. Lương y Jivaka chăm sóc vết thương cho Đức Phật. Ông này băng cho Đức Phật một loại băng đúng thời hạn phải lấy ra, không thể để lâu hơn được. Khi ông vô thăm bệnh trong thành thì bị đóng cửa không trở ra được, ông lo lắng cho chân của Thế Tôn, Đức Thế Tôn biết được nói với ngài Ānanda tháo băng ra kịp lúc. Lương y Jivaka nói: "Đúng lúc đó lòng con như lửa đốt, như muối rang, Đức Thế Tôn đã lấy băng ra giùm con". Bà con còn nhớ chuyện vua Thiện Giác cản đường đi bát của Đức Phật?

Thấy ngài đi bát từ xa đã khiêng bàn ghế chặn đường. Ngài quay lui và mỉm cười. Ngài Ānanda hỏi vì sao ngài mỉm cười. Đức Phật nói hôm nay vua Thiện Giác chỉ làm việc nhỏ xíu như vậy nhưng nghiệp rất là lớn. Đức Phật mỉm cười không phải vì Ngài ác, trong cái nhìn xuyên suốt và rốt ráo không có chuyện gì làm cho các ngài thích thú để cười. Các ngài nhìn mọi sự như đống bọt nước. Sẽ có một lúc mình nhìn mọi thứ như đống bọt nước, nhìn mọi người (có cả mình) giống như đám kiến. Mình chưa tu tập đến mức thấy được điều đó nên mình không tin. Mạt pháp là những vấn đề hơi trừu tượng như vậy dần dần số người chấp nhận ít đi. Cư sĩ đời nay không thể bì được một phần tỷ đời xưa. Cư sĩ thời xưa sẵn sàng mỗi ngày làm sáng ăn trưa làm trưa ăn chiều để dành thời gian tu. Cư sĩ thời nay là do dòng chảy của xã hội và thế giới nên cứ nghĩ đến chuyện làm nhiều tiền để hưởng thụ… Khi Đức Phật thấy như vậy, ngài quay về chùa, ít hôm sau Vua Thiện Giác bị đất rút (hố tử thần – sinkhole). Tại sao Đức Phật bị vua Thiện Giác cản đường?

Kiếp xưa Đức Phật từng là một đứa bé thấy vị Phật Độc Giác đi chân không bèn lấy than bếp mà rải xem thử Phật Độc Giác đi làm sao. Chỉ như vậy mà về sau gặp trục trặc khi đi đường (cây ngã, đá đè, chó rượt…). Chư Phật tối đa chỉ khổ hạnh 10 tháng trước khi thành đạo, và hình thức khổ hạnh cũng chỉ ở mức tượng trưng. Riêng bồ tát Tất Đạt thì phải trải qua 6 năm với những kiểu khổ hạnh kinh hoàng nhất. Ví dụ hạnh ăn dơ (hạnh uế thực) ăn phân bò rồi bài tiết, bài tiết xong ăn ngược lại. Trong kinh ghi rõ, ngay lần đầu tiên Ngài đi khất thực cơm bánh đàng hoàng mà khi ngậm vô một miếng là muốn nhả ra liền, suốt 29 năm ăn sơn hào hải vị trong cung vậy bây giờ làm sao ăn cơm bánh của nhân gian. Thưa với bà con, tôi xuất thân bần hàn, nghèo từ nhỏ, 30 tuổi xa xứ, vậy mà qua bên ngoài tôi vẫn sống tiếp tục rất là quạnh hiu, tôi ăn muối ớt với cơm nóng tôi ăn được nhưng cái muỗng nó nhớt là tôi ăn không được dù tôi hoàn toàn có thể sống bằng rau luộc với nước tương một cách khí thế không trục trặc gì hết. Mùa xuân tôi có

thể hái lá bồ công anh dandelion (răng sư tử) làm rau sống ăn được nhưng chén có mùi tanh không ăn được, vậy mà Bồ tát từ đỉnh cửu ngũ chí tôn mà ăn phân của mình đi ra. Nín thở lấy đất sét nhét vô lỗ tai. Lõa thể không mặc gì hết suốt nhiều năm trong rừng. Buồn ngủ gối đầu lên những bộ xương khô mà ngủ. Thấy người là bỏ chạy đến bao giờ không thấy người nữa. Vì sao khổ hạnh lâu như thế, chấp nhận kiểu tu hành đoạn trường như vậy?

Vì nghiệp ám nên tâm u mê nên đưa lối như vậy. Bảy tuổi đắc sơ thiền, gặp sư phụ dạy trong vòng 3 nốt nhạc là đắc Phi Tưởng Phi Phi Tưởng, vậy mà nghĩ làm sao chấp nhận một pháp môn khổ hạnh như vậy. Xem thêm Trung Bộ Kinh bài Ghatikarasutta. Đời Phật Ca Diếp có người bạn thân rủ Ngài đi nghe pháp, Ngài nói, mấy ông đầu trọc có gì để mà nghe, cứ nói mấy lần như vậy, cuối cùng người bạn Ngài kéo Ngài vô chùa nghe pháp. Có chút lòng bất kính Ngài suy nghĩ thế này: Ngài đúng Phật nhưng người chậm tu cũng chậm. Chỉ vì vậy mà mất tới 6 năm khổ hạnh. Vào hạ thứ 12 tại Veranja, có một người triệu phú thỉnh Đức Phật và chư tăng về xứ ổng nhập hạ, nhưng lại quên. Đức Phật là bậc chí tôn Chánh đẳng giác thầy của nhân loại vậy mà ổng quên, nhằm mùa đói kém nên Đức Phật và chư tăng không có gì ăn phải dùng thực phẩm của ngựa. Tới lúc ra hạ ông triệu phú mới nhớ, ổng vội vã ra ngoài chợ mua sắm nên suốt mùa an cư Thế Tôn và chư tăng chỉ được một bữa ăn đàng hoàng. Trong số chư tăng nhập hạ với Thế Tôn năm đó có cả ngài Mục Kiền Liên. Nhân vật chánh tạo ra sự tình này là Ngài, trong kiếp xưa Ngài gặp ông đạo sĩ được người ta cúng dường, Ngài nói, người này tu hành gì, cho ăn cám heo hay cơm ngựa chứ ăn cơm thì uổng…

Ngài Kaccāyana Đệ nhất luận nghĩa (giải thích rộng những gì chỉ được nói vắn tắt), rất là đẹp trai đến nỗi đàn ông nhìn cũng mê. Có ông Soracca một vợ hai con, nhìn thấy thích quá liền nói nếu là người nữ sẽ lấy cho bằng được… tức thì ông ta hóa thành thân nữ.[2]Trong đám đệ tử của ngài Kaccāyana có một người bạn, trong lòng gây gỗ với người nhà có thề: Tôi mà có làm chuyện đó, thì cho tôi uống máu dơ. Sau đó bà ta sanh làm ngạ quỷ là uống toàn máu dơ đó không, vì đó là vật thực mà ngạ quỷ có thể ăn được, còn những món khác đụng vô là thành lửa hết. Năm nào đó có một chiếc máy bay rớt trên núi, những người còn sống vét lại những đồ ăn còn sót nhưng không đủ, đành lấy dao róc thịt những người đã chết đóng băng để ăn, mửa lên mửa xuống nhưng đói quá phải ăn. Những người vượt biên cũng từng ăn xác người như vậy. Đói ít ít thì được, đói suốt ba năm, đói lâu quá thì không còn biết gớm nữa. Thề mắc thắt rối. Một cậu bé hay thề quá, mẹ cậu bảo có cách nào không thề nữa thì hứa cho má yên lòng, cậu bé nói, con từ nay con không thề nữa, nếu thề nữa thì ra đường xe cán con. Đó là lời

thề cuối cùng của cậu bé. Đây cũng là câu chuyện cuối cùng gởi đến Phật tử trong đầu năm, hãy nhớ rằng nếu ta không phải là hành giả chánh niệm 100% thì ít ra trong mỗi hành động cử chỉ sinh hoạt hãy nhớ chừng chừng bài giảng sáng hôm nay, coi chừng cái gì cũng có thể là ác nghiệp hết. Thiện nghiệp cũng vậy, một chút hảo ý, một chút thiện tâm, một chút lòng lành, ví dụ như thấy kẹo cao su dính trên ghế mình lấy ra để người sau khỏi bị dính, đó là công đức, ra công viên thấy rác lượm lên cũng là công đức… Tùy tâm của mình suy nghĩ như thế nào mà ra công đức hay ác nghiệp. Mong rằng năm mới bà con có được một số tư liệu hành trang để mà mang theo, sống trọn năm Dê vui vẻ. Chúc các vị một năm vô lượng an lạc. Xin tạm biệt.

[1] Xem phần tứ tuệ phân tích trong bài kinh Bậc Hoàn Toàn, tập 1

[2] Xem lại bài kinh Kaccàna tập 4

Bài giảng ngày 21-2-2015 VISĀKHA

Pháp thoại hoàn hảo, người thuyết pháp hoàn hảo.

Sáng nay mình học kinh Visākha.

“Lúc bấy giờ Tôn giả Visàkha, thuộc dòng họ Pancàla, trong giảng đường đang thuyết pháp thoại cho các Tỷ-kheo, khích lệ làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, với những lời lễ độ, thân hữu, không phun nước miếng, giải thích nghĩa lý, thích hợp, không chấp trước”.

Nếu không đọc kỹ thì không hiểu đoạn kinh trên nói gì. Theo chú giải, chữ ‘lễ độ’ trong chú giải là ‘poriyā vācāyā’ có nghĩa là ‘nagaramanussānaṃ’ ngôn ngữ của người dân thành phố chứ không phải là ngôn ngữ bình dân quá mức của vùng nông thôn. ‘aparihīnakkharapadāya’, chữ nghĩa câu cú đàng hoàng rõ ràng, ‘madhuravācāya’ngọt ngào văn chương.

‘Anelagalāyāti’, trong bản dịch của ngài Minh Châu dịch là ‘không phun nước miếng’, theo chú giải đây là diễn tả cách nói không lầm lỗi. Thông thường những người khác vừa nói chuyện vừa có nước bọt tùm lum, nói vội vã, nói không ý tứ, còn ở đây là nói gọn ghẽ không nước bọt.

“Anelagalāyāti yathā dandhamanussā mukhena kheḷaṃ gaḷantena vācaṃ bhāsanti, na evarūpāya, atha kho niddosāya visadavācāya”.

‘niddosāya’: cách nói không lầm lỗi,

‘Visadavācāya’: nói một cách rõ ràng.

‘Pariyāpannāyāti’ HT Minh Châu dịch là ‘thích hợp’, nhưng chú giải nói rõ ràng hơn:

Pariyāpannāyāti catusaccapariyāpannāya cattāri saccāni amuñcitvā pavattāya: có nội dung tương ứng với lý Tứ Đế. Nghĩa là dầu nói chuyện gì đi nữa, nội dung đúc kết vẫn gom gọn trong Bốn Đế. Tức là, vẫn xác nhận một điều mọi hiện hữu là khổ, có kể chuyện gì đi nữa thì cách kể phải làm cho người ta nghe mà thấy nản. Xác định cho người nghe một điều là hễ còn thích là còn khổ. Xác định cho mọi người thấy rằng sự vắng mặt hoàn toàn của Khổ đế và Tập đế chính là giải thoát. Xác định cho người ta thấy rõ rằng Bát Chánh Đạo là con đường dẫn đến

cứu cánh đó. Nói dài nói ngắn thế nào thì nội dung vẫn đọng lại trong đầu người ta là nội dung Bốn Đế.

"không chấp trước" ở đây theo chú giải là "Anissitāyāti vaṭṭanissitaṃ katvā akathitāya", có nội dung hướng đến giải thoát.

'vaṭṭa': luân hồi

'nissitaṃ': y cứ, tựa vào

'akathitāya': không nói

'vaṭṭanissitaṃ katvā akathitāya': không nói nội dung dựa vào sinh tử (nghĩa là nói dựa vào nội dung giải thoát sinh tử).

'Không chấp trước 'nghĩa là cách nói pháp làm cho người ta muốn buông, muốn đi ra, chớ không phải đi lên cõi nhân thiên hoặc đi xuống cõi đọa.

Một bài pháp hoàn chỉnh là bài pháp được trình bày bằng ngôn ngữ rõ ràng trong sáng. Nội dung phải tương ứng lý Tứ Đế và hướng tới giải thoát. Chớ còn hứa hẹn cho người ta đủ điều, xúi làm phước để sanh về trời, làm người giàu sang xinh đẹp thì cũng hay nhưng người nghe không tìm thấy qua đó lý tưởng giải thoát. Dù cho ông sư nói cho cư sĩ hay là cư sĩ nói cho nhau nghe thì nội dung của một pháp thoại phải là như vậy mới được xem là pháp thoại hoàn hảo.

Trong bài kệ, một vị như vậy sẽ giương cao ngọn cờ chánh pháp. Ngọn cờ ở đây tượng trưng bốn Đạo, bốn Quả và Niết bàn (navavidhalokuttaradhamma), người thuyết pháp lúc nào cũng hướng người ta nghĩ đến giải thoát, giải thoát ở đây ám chỉ bốn Đạo, bốn Quả và Niết bàn.

Bài kinh này kể lại chuyện một tỳ kheo Visākha thuyết pháp và được Đức Phật tán thán đó là một thời pháp hoàn hảo, được trình bày bằng ngôn ngữ trong sáng không lầm lỗi, và pháp thoại tương ứng với lý Tứ Đế, hướng đến rốt ráo là giải thoát, người thuyết pháp như vậy là người giương cao ngọn cờ thánh nhân. Ngọn cờ thánh nhân ám chỉ cho Niết bàn, đạo quả. Bài kinh này nghe khô nhưng là chuyện mình phải nhớ

KINH NANDA

Nếu ở đây bà con học có ghi thì sau mỗi buổi giảng bà con có một lô bài để bỏ túi, mai này có thể cầm lấy cuốn sổ tay đó mà hướng dẫn kinh tạng cho người khác được. Tôi mong mỏi mai này chư tăng dạy Phật tử hoặc Phật tử hướng dẫn lẫn nhau, thay vì đề tài tự nghĩ ra thì làm việc với nhau trên kinh tạng là tốt nhất.

Ngài Nanda (Hoan Hỷ) là con trai của bà Gotami, em cùng cha khác mẹ với thái tử Tất Đạt. Bà Gotami là em gái ruột của bà Maya. Ngài Nanda gọi bà Maya là dì ruột. Ngài Nanda cũng trang lứa với thái tử Tất Đạt. Vua Tịnh Phạn cưới cùng lúc hai chị em ruột là bà Maya và bà Gotami. Khi bà Maya sinh thái tử Tất Đạt thì bà Gotami cũng sanh hoàng tử Nanda. Khi sanh thái tử Tất Đạt bảy ngày thì bà Maya mất, bà Gotami rất là thương con, nhưng thái tử Tất Đạt là người kế thừa ngai vua nên bà Gotami giao con mình cho các cung phi chăm sóc còn bà thì trực tiếp chăm sóc thái tử Tất Đạt. Về sau khi thái tử Tất Đạt xuất gia thành Phật trở về thì hoàng tử Nanda cũng lớn tuổi lắm rồi, lấy vợ trễ. Thái tử Tất Đạt lấy vợ năm 16 tuổi, còn hoàng tử Nanda ngoài ba mươi mới lấy vợ, vợ của hoàng tử Nanda là hoa hậu (janapadakalyāṇi).

Khi đó Đức Phật về hoàng cung Kapilavattu để độ quyến thuộc. Có một lần nhằm ngay ngày hôn lễ của hoàng tử Nanda. Ngày cưới thì trong lòng chú rể chỉ nghĩ đến cô dâu, nhưng hoàng tử Nanda dành cho Đức Phật một sự tôn kính đặc biệt. Khi lễ trai tăng cúng dường xong, Đức Phật thuyết pháp xong, Ngài đi về khu vườn ở gần hoàng cung để ngự ở đó. Khi Đức Phật đi ra, Ngài thấy hoàng tử đứng kế bên, liền đưa bình bát cho hoàng tử Nanda ôm. Hoàng tử Nanda nghĩ ra đến sân thì Thế Tôn sẽ lấy bát lại. Không ngờ ra tới sân, Ngài đi thẳng luôn, Nanda nghĩ chắc đi một đoạn Ngài sẽ lấy bát lại, nhưng Ngài cũng không lấy. Cuối cùng vì một lòng thương kính Phật, Nanda không dám trả bát. Một nhân cách vĩ đại như Đức Phật, ánh mắt của Ngài, oai lực của Ngài, tạo ra một không gian, từ trường độc đáo khiến người đối diện phải thay đổi kế hoạch.

Trước khi ra khỏi hoàng cung hoàng tử Nanda quay đầu lại nhìn lại cô dâu, một công nương tuyệt sắc, nàng ra dấu "có đi theo Đức Phật thì đi nhưng chàng nhớ về sớm". Lòng như lửa đốt, Nanda ôm bát theo chân Đức Phật. Về đến chùa, Thế Tôn không nói gì ngoài một câu hỏi: Nanda có muốn xuất gia hay không. Vì lòng tôn kính tuyệt đối bậc đạo sư, Nanda như cái xác không hồn, trả lời: Dạ. Thế là nghi thức xuất gia được cử hành ngay lập tức. Cạo đầu liền, đắp y liền, xuất gia mà lòng chẳng yên.

Trong kinh có kể Đức Phật đưa Nanda lên cõi Đao Lợi, trên đường đi Đức Thế Tôn cố ý cho tôn giả Nanda nhìn thấy một đám cháy rừng và một con khỉ cái chạy không kịp nên bị phỏng lở đầy mình. Khỉ vốn đã không đẹp rồi còn bị phỏng thì còn xấu xí thảm hại cỡ nào. Lát sau nhìn thấy năm cô tiên nữ hầu Đế Thích rất đẹp, Đức Thế Tôn hỏi ngài Nanda: Năm trăm cô này có đẹp không?

Ngài Nanda trả lời: Bạch Thế Tôn, vợ con mà so với năm trăm cô này thì cỡ như con khỉ khi nãy. Nghe phũ phàng hén. Đức Phật hỏi: Ngươi có muốn được năm trăm cô này không. Ngài Nanda thưa muốn. Đức Phật nói: Về tinh tấn tu hành thì Như Lai hứa là sẽ có.

“idaṃ suttaṃ devaloke accharāyo dassetvā āgatena aparabhāge kathitaṃ”.

‘Devaloke’: cõi trời.

‘Accharāyo’: tiên nữ.

‘Dassetvā’: được cho thấy.

‘āgatena aparabhāge’: ngay sau khi trở về.

‘kathitaṃ’: được thuyết giảng.

Kinh này được thuyết giảng ngay sau khi tôn giả Nanda đã được thấy tiên nữ và trở về từ cõi trời.

“2) Rồi Tôn giả Nanda, con di mẫu của Phật, đắp những y khéo ủi, khéo là, bôi vẽ mắt, cầm bát sáng chói, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.”

Sau chuyến đi, ngài Nanda trở về trong trang phục y áo ủi phẳng phiu, bình bát bóng lưỡng. Lúc đó chưa có luật cấm ông sư trang điểm; đàn ông Ấn Độ cũng có dặm phấn tô son chút đỉnh. Theo chú giải, ngài Nanda suy nghĩ, Thế Tôn là bậc đạo sư của biết bao nhiêu người, Ngài đẹp và chói sáng như vậy thì mình cũng phải như thế nào coi cho tương xứng, thế nên Nanda mới mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao như vậy. Chư tăng thấy vậy có lời dị nghị. Lời dị nghị đó đến tai Đức Phật và Ngài gọi Nanda vào trách rằng chuyện đó không đáng. Sau khi Đức Phật trách, ngài Nanda quyết định từ nay về sau không như vậy nữa.

“Imassa kathitadivasato paṭṭhāya thero ghaṭento vāyamanto katipāheneva arahatte patiṭṭhāya sadevake loke aggadakkhiṇeyyo jāto”:Kể từ sau buổi Đức Phật trách, tôn giả Nanda trở về tinh tấn tu hành và không bao lâu sau thì chứng quả La-Hán và trở thành bậc Ứng cúng cho chư thiên và loài người.

Lá y Nam Tông

Trong bản kinh tiếng Việt thì nói “Tôn giả Nanda, sau một thời gian, trở thành một vị sống trong rừng, ăn đồ ăn khất thực, mang y phấn tảo”

‘paṃsukūlika’: y phấn tảo, y được may từ vải lượm

‘paṃsu’: bụi bặm

Hôm nay PG Miên còn cái lệ rất hay, khi nhà Phật tử có người thân qua đời, họ mua tấm vải phủ lên xác hoặc quan tài, chư tăng tới tụng kinh, vừa tụng vừa rút miếng vải đó sao cho hết câu kinh thì rút xong miếng vải đó. Sau đó chư tăng đem miếng vải đó về chùa, giặt, nhuộm xong rồi may y để mặc. Tục lệ đó giờ vẫn còn, tấm vải đó là vải mới và sạch, chỉ phủ tượng trưng thôi. Thời Đức Phật thì phấn tảo y là tấm vải bó xác, miễn là màu trắng và có thể nhuộm màu đúng luật, và miếng vải không quá nhỏ. Theo luật của Nam Tông thì một lá y có 10 hoặc 14 điều (ô). Lá y của một vị sư Nam Tông nhìn sơ qua là một hình chữ nhật lớn, trong hình chữ nhật lớn này là gồm những hình chữ nhật nhỏ và hình vuông nhỏ tiếp nối xen kẽ nhau. Một lá y gồm 10 ô như vậy: 5 ô chữ nhật và 5 ô hình vuông. Kích thước của lá y: chiều dài 6 hắc tay và chiều rộng 4 hắc tay của người mặc. Hattha (hắc tay) là đơn vị đo chiều dài từ cùi chỏ đến đầu ngón giữa. Tấm vải lượm phải tính toán như thế nào để không được quá nhỏ. PG Khất Sĩ (local buddhism) mặc y bá nạp, ráp tùm lum vô. Cách đây khoảng mười mấy hai chục năm thì chỉ có một màu, còn thời nguyên thủy thì tùm lum màu giống như mấy cái mền chắp ghép từ vải vụn của VN sau 1975. Dù cho một màu hay nhiều màu cũng không đúng luật bởi vì lá y của ông sư phải nghiêm túc là hình chữ nhật gồm 10 ô. Dù y của Phật tử may cho mình hay mình lượm vải về may cũng theo luật này. Khi trải lá y ra thì mỗi chỗ có tên riêng. Chỗ chạm cổ vị sư gọi là giveyyaka. (givey: cổ). Chỗ chạm ống quyển gọi là jangheyyaka. Theo quy định trong Luật thì một ông sư phải biết những điều này, khi nói chuyện với nhau mới hiểu, ví dụ khi nói y bị rách, nhuộm bị hư thì có thể xác định được vị trí chỗ nào trên lá y. Đây là những thuật ngữ chỉ các sư mới biết. Thời vua Asoka có quá nhiều sư giả, một trong những cách phổ biến để biết sư giả hay thật là hỏi Luật, ví dụ: Ông có biết bao nhiêu thuật ngữ (term) được dùng trong lá y hay không?

Vua Asoka có lòng ủng hộ Phật pháp rất thiết tha và dành cho Phật pháp nhiều đặc quyền đặc lợi, từ đó có nhiều người giả sư, có những hành động bất xứng gây tai tiếng cho đạo. Vì vậy vua Asoka mới ra lệnh sư giả là bị lột y và giết. Lần đó bị trục xuất và bị giết trong phong trào thanh lọc của vua Asoka là sáu mươi ngàn vị.

Ngài Nanda sau khi nghe xong trở về tinh tấn tu hành và không còn nhận cơm của cư sĩ tại nhà, ngài sống bằng hạnh khất thực có gì ăn đó, ngài sống ẩn lâm dưới gốc cây hoặc hang động, và chỉ mặc y phấn tảo.

Bốn điều nên và bốn điều tuyệt đối tránh của tỳ kheo.

Trong lễ thọ giới tỳ kheo, vị tân tỳ kheo (new monk) luôn luôn được sư phụ dạy bốn điều nên và bốn điều tuyệt đối phải tránh. Trong lễ thọ giới tỳ kheo, vị tân tỳ kheo (new monk) luôn luôn được sư phụ dạy bốn điều nên và bốn điều tuyệt đối phải tránh. Bốn điều tuyệt đối phải tránh: Suốt đời không được: 1/ Giết người. 2. Giao hoan. 3. Trộm cướp. 4. Khoe pháp cao nhân mà mình chưa chứng. : Suốt đời không được: 1/ Giết người. 2. Giao hoan. 3. Trộm cướp. 4. Khoe pháp cao nhân mà mình chưa chứng. Bốn điều phải chuẩn bị tinh thần nếu không ai cúng dường: 1. Phải biết xài y may từ vải lượm. 2. Phải biết sống bằng thức ăn khất thực. 3. Phải có khả năng sống ngoài rừng núi, hang động, gốc cây. 4. Khi bệnh hoạn kể cả nước tiểu trâu bò (gomutta: urine of cows) cũng phải dùng, không khen chê. Ngay lễ thọ giới tỳ kheo là vị hòa thượng phải nhắc học trò 8 điều trên, bất cứ vị tỳ kheo Nam Tông nào cũng phải biết trong lễ thọ giới.

Người không học Phật pháp, không sống trong Phật pháp thì mới bận tâm vấn đề chay mặn, nếu thật lòng chuyên tâm tu hành thì phải hiểu ngầm thức ăn của ông sư nguyên thủy hoàn toàn phụ thuộc vào người khác. Ngài Mahākassapa một lần đi bát gặp lóng tay người cùi rớt vào bát, ngài về bỏ lóng tay ra ngoài và ăn phần còn lại. Một vị nữa là ngài Ratthapala (Bảo Quốc), một công tử nhà giàu đi xuất gia, đắc A-la-hán, trở về làng xưa, gặp cô tớ gái bưng thau cháo thiu đem đi đổ. Đầy tớ ở Ấn Độ là thuộc loại giai cấp thấp nhất, ra đường không dám nhìn ai, ngay cả cái bóng của mình cũng không được chạm vào người khác. Ấn Độ ngày nay còn có tầng lớp Dalidda (tiện dân) có thể bị đánh bất cứ lúc nào như con chó con heo mà cảnh sát không hề can thiệp. Thấy cô đầy tớ lầm lũi bưng thau cháo, ngài Ratthapala nói: Nếu cháo đó đổ thì đổ vào bát của tôi đi. Khi cổ đổ xong thì nhớ ra đây là giọng nói của công tử nhà mình. Ngài Ratthapala trở về kiếm gốc cây ngồi ăn cho hết bát cháo thiu. Cô tớ gái về kể lại với bà chủ - mẹ ngài. Ngày

xưa ngài nói là không cho đi tu ngài sẽ chết nên bà đành lòng cho ngài đi, buồn thương nhớ con bao nhiêu, giờ nghe ngài về nên mừng quá, cho người đi tìm ngài về, mời ngài dùng cơm. Chuyện dài lắm, xem tiếp kinh Ratthapala, Trung Bộ Kinh.

TÊN TRƯỞNG LÃO (Theranāmakasutta)

Đời sống độc cư.

Một vị tỳ kheo tên là Theranāmaka sống một mình, làm gì cũng một mình, vị này cứ tưởng như vậy là hay. Đức Phật nhân chuyện này giải thích thêm. Sống một mình thì hay nhưng chưa đúng với ý của chư Phật. Người độc cư không chỉ đơn giản sống một mình, sinh hoạt một mình.

Đức Phật giải thích: (chánh kinh) "Này Thera, thế nào là độc trú được làm viên mãn với các chi tiết?

Ở đây, này Thera, cái gì đã qua được đoạn tận; cái gì sắp đến được từ bỏ; đối với những tự ngã, lợi đắc hiện tại, dục tham được khéo nhiếp phục. Như vậy, này Thera, là độc trú được làm viên mãn với các chi tiết". Lời dịch như vậy quá sức dài. Chỉ cần dịch lại thế này:

- Thế nào là sống một mình với đầy đủ ý nghĩa nhất (vitthārena paripuṇṇo)?

Ở đây Ngài giải thích: yaṃ atītaṃ taṃ pahīnaṃ, yaṃ anāgataṃ taṃ paṭinissaṭṭhaṃ, paccuppannesu ca attabhāvapaṭilābhesu chandarāgo suppaṭivinīto. Vào Trung Bộ Kinh xem kinh Nhất Dạ Hiền Giả (Ānandabhaddekaratta) sẽ hiểu ngay, trong đó có câu thế này: "Quá khứ không truy tìm. Tương lai không ước vọng. Quá khứ đã đoạn tận, Tương lai lại chưa đến, Chỉ có pháp hiện tại. Tuệ quán chính ở đây. Không động, không rung chuyển. Biết vậy, nên tu tập, Hôm nay nhiệt tâm làm, Ai biết chết ngày mai?

Không ai điều đình được, Với đại quân thần chết, Trú như vậy nhiệt tâm, Đêm ngày không mệt mỏi, Xứng gọi Nhứt dạ Hiền, Bậc an tịnh, trầm lặng". Bài kinh này được PG Thái Lan bỏ vô quyển kinh tụng. Nghĩa là vị tỳ kheo sống theo tinh thần Tứ Niệm Xứ chỉ biết tại đây và bây giờ. Chuyện gì cũ không đáng nhớ thì bỏ qua. Những chuyện dĩ vãng có khả năng làm mình phát khởi phiền não thì phải bỏ. Theo chú giải: "atīte khandhapañcake chandarāgappahānena taṃ pahīnaṃ" nghĩa là dứt bỏ lòng lưu luyến đối với năm uẩn quá khứ.

Thế nào là Thế nào là năm uẩn quá khứ?

Tất cả những vui buồn, kỷ niệm đẹp, "đón xuân này ta nhớ xuân xưa, hẹn gặp nhau khi pháo giao thừa", tiếc nuối một món ăn ngon, một ân tình cũ, để rồi lòng không yên, đó là sự tưởng tiếc quá khứ, tưởng tiếc năm uẩn đã qua. Sự hoài vọng về tương lai, những trù hoạch dự tưởng, đối với một hành giả Tứ Niệm Xứ nếu không thật sự cần thiết thì cũng phải tránh; chỉ nên sống trong hiện tại, mà hiện tại chìm đắm trong năm dục cũng không nên. Sống trong hiện tại là biết cái gì đang xảy ra cho thân tâm của mình; sống với tiêu chí now and here; người như vậy mới gọi là người sống một mình. 'Một mình' ở đây nghĩa là không bị kẹt trong quá khứ, không bị kẹt trong tương lai. 'Một mình' ở đây là chỉ tập trung trong cảnh danh sắc hiện tại. Còn kiểu ở một mình, ăn một mình đi đứng một mình, người ở rừng mà lòng ở phố thì không kể là 'một mình', một mình mà cứ alô, facebook, email, hồi tưởng quá khứ để tưởng tiếc, nghĩ về tương lai để hoài vọng thì không phải sống một mình, mà gọi là chung chạ với người khác, tiếng Pāḷi gọi là 'tanhadutiyaka': làm bạn với tham ái.

TISSA

'Matuccha': dì ruột, (em hoặc chị gái của mẹ). 'Matucchaputta': con của dì. 'Pituccha': cô ruột (em hay chị gái của cha). Pitucchaputta: con của cô. Ngài Nanda gọi bà Maya là dì ruột.

Bản kinh Pāḷi: "Atha kho āyasmā tisso bhagavato pitucchāputto" lúc bấy giờ tôn giả Tissa là bhagavato pitucchāputto, nghĩa là con của cô. Ngài Nanda là matucchaputta, nghĩa là con của dì. Mẹ ngài Nanda là bà Gotami, bà Gotami là em ruột của bà Maya. Mẹ ngài Tissa là em gái của vua Tịnh Phạn.

'Mātu': mẹ; 'pitu': cha 'Mātuccha': dì ruột;

Ngài Nanda là con của dì ruột thái tử Tất Đạt, ngài Tissa là con của cô ruột thái tử Tất Đạt. Ngài Tissa đi xuất gia và ỷ gốc lớn có ô dù. Thấy Đức Thế Tôn là bậc đạo sư, vua chúa quì lạy nên Tissa dựa hơi ngông nghênh ngang tàng. Xưa nay, chỉ có người có suy nghĩ tầm thường mới dựa thế. Giá trị của mỗi người nằm ở bản thân, người thân có là gì cũng là chuyện của họ. Ỷ vào người thân mà chảnh thì tệ lắm. Người phàm còn có bịnh đầy tớ nhà giàu. Dù chủ mình giàu cỡ nào thì mình cũng là đầy tớ thôi. Khinh thường người khác là chủng tử nô lệ trong kiếp sau. Kiêu ngạo là gieo chủng tử thấp kém trong kiếp sau. Biết tôn kính, khiêm tốn thì kiếp sau sanh ra mình ngoi được lên đầu thiên hạ. Đức Phật thấy ngài Tissa

kiêu ngạo nên Ngài nhắc nhở. Quí vị xem thêm chú giải kinh Pháp Cú về tích ngài Tissa. Quí vị làm sao mà nhìn kinh này nhớ kinh khác. Tôi chưa bao giờ dám nhận mình giỏi nhưng được cái phước nhìn kinh này nhớ kinh kia sướng vô cùng. Mong quí vị cũng được như vậy. Có nhiều chuyện trong chú giải có mà tôi không kể, bởi chuyện cũng hơi kỳ kỳ, hơi huyền thoại.

Đức Phật nói, chẳng những nay Tissa kiêu ngạo như vậy mà kiếp xưa đã có tánh như vậy rồi. Ngài kể ngày xưa có hai vị đạo sĩ, vào buổi chiều tối tá túc qua đêm ở nhà một cư sĩ ngủ nhờ. Một vị là Bồ tát đắc thiền có thần thông, còn vị đạo sĩ kia thì cũng tu hành nhưng không đắc gì hết, tính tình lại nhỏ mọn sân si. Hai vị ngủ chung một phòng. Buổi tối, Bồ tát sơ ý đi ra dẫm trúng phần thân trên vị kia. Vị đạo sĩ kia bị đạp nên bực mình, nghĩ bụng chắc lát nữa ông này trở vào thế nào cũng đạp trúng mình, nên trở đầu lại. Không ngờ Bồ tát lúc đi ra đạp nhầm nên khi trở vô thì cố ý đi tránh xuống phía ngược lại, không ngờ thì đạo sĩ kia đã thay đổi tư thế rồi. Thế là đạp trúng đầu lần hai. Đạo sĩ kia giận quá nghĩ là Bồ tát cố ý: Tôi đã tránh rồi mà sao cứ kiếm đầu tôi đạp.Đạo sĩ thề độc: Sáng mai mặt trời mọc là ông cũng bể đầu luôn. Bồ tát nghĩ đức độ ông này kém quá mà rủa mình như vậy thì ngày mai mặt trời mọc người bể đầu không phải là mình mà là ổng, vì vậy Bồ tát dùng thần thông làm cho trời tối hoài. Người dân thấy mặt trời không mọc, họ vô hỏi vua. Vua nghi ngờ là có người tu hành đang ở trong xứ. Vua cho người tìm và thấy hai đạo sĩ, vua hỏi rõ nguồn cơn và hỏi có cách nào hóa giải lời nguyền. Bồ tát nói chỉ cần xin lỗi là được. Vị đạo sĩ kia không chịu: Đạp đầu tôi mấy lần mà còn kêu tôi xin lỗi. Vua nói nếu không xin lỗi thì trời tối hoài sao. Thế là mọi người dùng vũ lực ép vị đạo sĩ này cúi đầu xin lỗi Bồ tát. Đúng ra là tôi làm lơ luôn không kể tích này, thấy quí vị post lên mà không kể thì kỳ chớ tôi không khoái mấy chuyện huyền thoại này.

MĀHAKAPPINA

Xuất gia theo cách Ehibhikkhu.

Bài kinh này cũng có chi tiết huyền thoại. Kinh Kappina kể về ngài Māhakappina, đệ nhất huấn tăng (dạy dỗ chư tăng). Chánh kinh có chút xíu, nhưng ai đang học bằng bút mực thì nên chuẩn bị bút mực ghi một số chuyện mà tôi cho là quan trọng.

Ngài Māhakappina là một ông vua ở xứ Kukkuṭavatī (Xứ Goloise – gà trống Gaulois). ‘Kukku’: gà trống.

Bữa nọ có đoàn thương buôn đến xin gặp, vua Māhakappina hỏi họ ở đâu đến, họ nói từ thành Sāvatthi (Xá Vệ). Vua hỏi họ về đời sống ở Sāvatthi đặc biệt là đời sống tinh thần. "Atthi pana tumhākaṃ dese kiñci sāsana''nti?

'': đời sống tâm linh, tín ngưỡng ở đó ra làm sao?

Họ trả lời là ở đó có Phật ra đời. Vua Māhakappina vừa nghe tới chữ "Phật" đã rúng động tâm thần, nổi da gà, hỏi lại lần nữa: Các ông vừa nói gì?

Họ trả lời lần nữa là có Phật ra đời. Vua Māhakappina cho họ một số tiền lớn, rồi quyết định đi xuất gia. Một ngàn quan triều thần xin đi theo. Lúc đó hoàng hậu Anoja nghe nói vua đi tu mà không rủ mình, cũng đi theo. Hoàng hậu nói: "Ahaṃ pabbajissāmi, na tehi vantavamanaṃ jivhagge ṭhapeyya''nti.: Nếu ngài bỏ ngai vàng giao triều đình lại cho tôi thì tôi cũng đi xuất gia vì tôi không ăn món đồ mà người ta đã mửa ra.

'vantavamanaṃ': mửa; 'vamati': ói mửa (vomit);

'vamana': sự ói mửa, đồ nôn mửa

Vua đi trước với một ngàn quan, hoàng hậu đi sau với ngàn tùy tùng và trong số đó có vợ của các quan đi trước.

Ở đây có tình tiết hơi lạ. Mỗi sáng Đức Thế Tôn dùng Phật nhãn nhìn khắp thế giới xem hôm nay Ngài sẽ độ ai, bữa đó Ngài thấy vua Māhakappina đang trên đường đi kiếm Như Lai để xuất gia nên sau giờ khất thực Ngài cho chư tăng về chùa. Còn lại một mình Ngài đến bên bờ sông mà biết sẽ gặp vua Māhakappina, Ngài phóng quang sáu màu sáng lòa cả một bến sông. Vua Māhakappina cùng một ngàn quan đi tới thấy dòng sông chảy xiết lại không có cầu đò. Vua Māhakappina nhìn thấy ánh sáng đó và nghĩ rằng, những thương nhân nói có Phật ra đời, hôm nay mình đi đến đây gặp Phật và xuất gia thì đúng là người này là người mà những thương nhân ấy nói, và cũng đúng người này mình sẽ đi tu dưới chân Ngài. Ngài phát nguyện: Nếu quả thật trước mặt con là Thế Tôn, là La-Hán, là Chánh Đẳng Giác, là tứ sanh từ phụ, thiên nhân chi đạo sư thì xin cho một đoàn người này qua sông. Ngài vừa chú nguyện xong là người ngựa qua sông không dính nước. Tôi kể hào hứng vậy mà trong bụng không vui. Những người không tin thần thoại sẽ nói đạo Phật nghe sao giống trong Thánh Kinh chuyện di cư qua Hắc Hải. Khi một ngàn người ngựa qua bên kia bờ sông thì vua quỳ xuống, lấy hai bàn tay xoa mắt cá của Thế Tôn.

‘Gopphaka’: mắt cá (ankle). ‘Gopphaka’ và ‘mắt cá’ đọc lên nghe âm thanh na ná như nhau, giống như chữ ‘ahiphena’ là ‘á phiện’ cũng nghe âm thanh giống nhau. ‘Ahi’: con rắn, ‘phena’: bọt trong miệng con rắn.

Vua Māhakappina nói: Bạch Thế Tôn, Thế Tôn là đạo sư của con. Thế Tôn thuyết một thời pháp ngắn xong thì vua và một ngàn vị chứng La-Hán tại chỗ. Thế Tôn xét thấy ngàn vị A-la-hán này không thể nào tiếp tục làm cư sĩ được nữa vì họ sẽ chết nếu không xuất gia, họ có duyên xuất gia nhưng xuất gia kiểu nào đây. Ngay lúc đó Ngài thấy rằng các vị này đều có tạo phước dâng y Kathina kiếp xưa nên nay đủ duyên xuất gia theo cách Ehibhikkhu. (Một vị thì gọi là Ehibhikkhu, hai vị trở lên là Ethabhikkhu).

Thế nào là xuất gia theo cách Ehibhikkhu?

Nghĩa là “hattham pasareti”, Ngài chỉ duỗi cánh tay ra và nói: Ehibhikkhu! (hoặc Ethabhikkhu!). Hãy đến đây này các tỳ kheo! Nếu nói đủ là nói thế này: Ethabhikkhave! Hãy đến đây này các tỳ kheo, chánh pháp, phạm hạnh đã được Như Lai khéo thuyết giảng, hãy tu tập để chấm dứt sinh tử. Mặc dù vị đó đã đắc rồi, nhưng câu này thì như câu mẫu. Khi Ngài dứt lời thì các tỳ kheo trước mặt lập tức râu tóc biến mất, lập tức thế phục biến mất, và trên mình có đầy đủ y bát như là đã xuất gia mấy chục năm rồi. Chỉnh tề chớ không xập xệ lình xình như mấy vị tân thọ tỳ kheo. Nhìn da đầu còn xanh với cách đắp y là biết mấy vị mới thọ liền, sút xổ tuột lên tuột xuống thấy thương lắm. Tôi nhớ hồi xưa tôi xuất gia năm mười một tuổi, cũng quấn cũng cột tùm lum. Nói ra xấu hổ, mình mặc quần áo quen rồi, tối ngủ cột y sáng ngày thức dậy không còn gì trên người hết. Mấy vị sư lớn chọc một thời gian dài. Sáng ngủ dậy mấy ổng hỏi, “Cái này kêu là cái gì đây...?

” Ngày mới xuất gia vui lắm, ăn cơm không được, cứ ngồi vuốt vuốt lá y miết. Tu lâu thì lờn, giờ thì dễ duôi, lem luốc. Tôi nhớ bảy năm đầu sạch sẽ lắm. Nhắc chi chuyện cũ thêm đau lòng lắm người ơi.

Xuất gia xong rồi có nhiều vị tỳ kheo gặp ngài Māhakappina, họ thấy mến lắm. Thay vì đi theo Đức Phật, ngài Mục Kiền Liên hay ngài Ca Diếp thì họ xin đi theo ngài Māhakappina. Ngài có phước làm vua nên có thần khí của người vốn là chân mạng đế vương. Một ngàn vị cũng đi theo, gọi là ‘antevasika’: đệ tử cộng trú – sống trong cùng một trú xứ. (‘ante’: trong; ‘vasika’: sống)

Ở chung như vậy, hễ có ai thuyết pháp thì ngài Māhakappina bảo đi nghe thuyết pháp, đi bát thì ngài gọi đi bát chung. Ai nghe thuyết pháp được cái gì thì cứ tu, thích đi theo thì ngài cho đi theo chớ không nói một tiếng nào hết. Một ngày kia, Đức Phật gặp nhóm này, Ngài hỏi: Thầy của các ông có dạy giáo lý không?

Họ trả lời: Thấy sư phụ đáng kính, uyên bác lắm, ai hỏi cũng trả lời lưu loát nhưng chớ hề nói tiếng nào. Đức Phật gọi ngài Māhakappina hỏi có đúng như vậy không, vì sao người ta đi theo mà không giảng gì cho họ. Ngài Māhakappina trả lời vì đông quá mà lại có Thế Tôn nên không thuyết pháp cho họ. Đức Phật bảo: Người ta có lòng đi theo, kính tin nơi mình thì hãy thuyết pháp cho họ. Nghe Đức Phật nói vậy, ngài Māhakappina thuyết thời pháp rất ngắn, chỉ trong vòng ba nốt nhạc thì một ngàn vị tỳ kheo này đều lập tức chứng quả La-Hán.

Nói về hoàng hậu của vua Māhakappina, vẫn lặp lại cảnh y hệt như vậy, cũng tới dòng sông, gặp Đức Thế Tôn và một ngàn vị tân thọ tỳ kheo đang ngồi ở đó, bà cũng phát nguyện: Nếu quả thật trước mặt con là Thế Tôn, là La-Hán, là Chánh Đẳng Giác, là tứ sanh từ phụ, thiên nhân chi đạo sư thì xin cho một đoàn người này qua sông. Sau lời nguyện này thì một ngàn người ngựa đều qua sông. Thế Tôn cũng thuyết pháp cho họ và một ngàn vị nữ nhân này chứng quả Dự Lưu, Tu-đà-hoàn. Đức Phật xét thấy một ngàn vị này phải xuất gia vì không còn đường rút lui, họ đủ duyên để chứng La-Hán và xuất gia. Ngài dùng thần giao cách cảm và suy nghĩ thế này: "Uppalavaṇṇā (tỳ kheo Liên Hoa Sắc) Hãy đến đây!"

Uppalavaṇṇā là đệ nhị Thượng thủ Thinh Văn bên ni, tương đương ngài Mục Kiền Liên bên tăng. Đệ nhất trí tuệ bên tăng là ngài Xá Lợi Phất, bên ni là bà Khema. Đệ nhất thần thông bên tăng là ngài Mục Kiền Liên, và bên ni là bà Uppalavaṇṇā. Bà rất đẹp, màu da của bà đẹp như hoa sen. Có điều, do nghiệp cũ, dù có thần thông mà bà cũng bị cưỡng hiếp, lúc đó thần thông không phát huy được. Ngài Mục Kiền Liên giỏi như vậy mà cũng bị cướp giết, lúc đó ngài không có ý tránh, và cũng là lúc trả nghiệp. Dù có muốn cũng không phát huy thần thông lúc đó được. Chỉ có Phật Toàn Giác mới không bị tấn công bạo liệt, Phật Độc Giác và Thinh văn hoàn toàn có thể bị giết. Tôi là tu sĩ mà nói tới cầu an cầu siêu tôi cũng ít tin. Nếu có làm lành, nhờ phước, nhờ chư thiên hộ trì, nhờ oai lực Tam Bảo, và nghiệp nhẹ thì mình tránh được một chút. Còn nếu là trọng nghiệp thì Phật Độc Giác, ngài Mục Kiền Liên còn tránh không nổi, sá gì mình. Chuyện cầu siêu, người ta tụng kinh mà mình được chút ít gì đó thì khả năng chỉ có một phần triệu, bởi theo kinh Nam tông, vừa tắt thở họ đã đi đầu thai tái sanh về cảnh

giới nào đó rồi. Chỉ có một phần triệu họ là loại phi nhơn nào đó nhận được phước báu họ hoan hỉ đổi kiếp. Mình thương thì mình làm vậy chớ hy vọng thì không có hy vọng lắm. Một điều quan trọng nữa là mỗi người hãy tự cầu an cầu siêu cho mình bằng cách tự vun bồi công đức. Tụng kinh lúc cận tử nghiệp có tác dụng không?

Có chứ. Nhưng đương sự lúc sinh thời cũng phải là người có tu tập ít nhiều. Kinh Mi Tiên nói rằng tụng kinh cầu an chỉ có tác dụng với ba điều kiện: 1.Người tụng chuyên tâm. 2.Người nghe hoan hỷ đón nhận với sự hiểu biết, 3.Không có trọng nghiệp can thiệp.

Có chữ này hay lắm: 'sāsana' nghĩa là 'giáo pháp', 'lời dạy' (teaching), mà chữ 'nāsana' nghĩa là 'phá hoại'. Cộng hai chữ lại thành 'sāsananāsana'nghĩa là 'phá đạo'. Nhiều khi lòng mình muốn là hỗ trợ mà thành ra là phá đạo. Động từ 'naseti' nghĩa là 'phá hoại' 'làm cho hư' (destroy, collapse).

Khi nghe Đức Phật chú nguyện, bà Uppalavaṇṇā lập tức biết liền và đến. Bà truyền giới tỳ kheo và đem họ về ni viện, còn Đức Thế Tôn thì đem ngàn vị tỳ kheo về tăng viện. Một ngàn vị này không phải 1.000 vị đi cùng vua ngày đầu.

Khi ngài Māhakappina mới nói chỉ có ba giây là ngàn vị đắc La-Hán hết, Đức Phật lúc đó nói rằng: Trong đệ tử của Như Lai chưa bao giờ và sẽ không bao giờ có một vị thuyết pháp độ cho người ta đắc thánh nhanh và nhiều với số lượng lớn như vậy. Vì vậy xác nhận ngài Māhakappina đệ nhất huấn tăng.

Đệ nhất biệt hạnh

Thế nào là đệ nhất?

'Etadagga': đệ nhất biệt hạnh. Nghĩa là hạnh đó không ai bằng. Vị nào hội đủ bốn điều kiện sau đây mới được Đức Phật tuyên dương đệ nhất biệt hạnh (như đệ nhất thần thông, đệ nhất trí tuệ, đệ nhất đầu đà…)

1. Atthuppattito: phải có bằng chứng điển hình, cụ thể.

2. Agamanato: túc duyên sâu dày, nhiều kiếp vun bồi biệt hạnh đó.

3. Cinnavasito: bình sinh sống chuyên sâu về biệt hạnh đó. 'Cinna': huân tập (accumulated)

4. Gunātirekato: trong thực tế không ai sánh bằng đương sự về biệt hạnh này.

Hồi nãy tôi kêu bà con học bài này với cây viết là vì mấy cái này rất quan trọng. Mai này nghe nói vị đó đệ nhất cái gì đó thì nhớ đã nghe giảng và có chữ Pāḷi nữa. Sợ nhất là kinh điển Nam Tông mà không có Pāḷi. Bốn cái này mà đọc bản tiếng Anh, tiếng Nhật là chết, gốc vẫn là tiếng Pāḷi rồi muốn dịch gì đó thì dịch. Bây giờ đã là tám giờ kém mười lăm. Xin hẹn lại bà con ngày thứ Ba, chúc quí vị một ngày Tết thật là vui.

HẾT TẬP 3

Nguồn:
1. Bài giảng ngày 25-10-2014
2. Bài giảng ngày 28-10-2014
3.Bài giảng ngày 30-10-2014
4. Bài giảng ngày 01-11-2014
5. Bài giảng ngày 04-11-2014
6. Bài giảng ngày 06-11-2014
7. Bài giảng ngày 08-11-2014
8. Bài giảng ngày 11-11-2014
9. Bài giảng ngày 13-11-2014
10. Bài giảng ngày 15-11-2014
11. Bài giảng ngày 18-11-2014
12. Bài giảng ngày 22-11-2014
13. Bài giảng ngày 27-11-2014
14. Bài giảng ngày 29-11-2014
15. Bài giảng ngày 02-12-2014
16. Bài giảng ngày 04-12-2014
17. Bài giảng ngày 09-12-2014
18. Bài giảng ngày 11-12-2014
19. Bài giảng ngày 13-12-2014
20. Bài giảng ngày 16-12-2014
21. Bài giảng ngày 01-01-2015
22. Bài giảng ngày 03-01-2015
23. Bài giảng ngày 08-01-2015
24. Bài giảng ngày 10-01-2015
25. Bài giảng ngày 13-01-2015
26. Bài giảng ngày 16-01-2015

27. Bài giảng ngày 17-01-2015
28. Bài giảng ngày 22-01-2015
29. Bài giảng ngày 24-01-2015
30. Bài giảng ngày 31-01-2015
31. Bài giảng ngày 03-02-2015
31. Bài giảng ngày 05-02-2015
33. Bài giảng ngày 07-02-2015
34. Bài giảng ngày 10-02-2015
35. Bài giảng ngày 12-02-2015
36. Bài giảng ngày 14-02-2015
37. Bài giảng ngày 17-02-2015
38. Bài giảng ngày 19-02-2015
39. Bài giảng ngày 21-02-2015